

**THÀNH ỦY HÀ NỘI
CHƯƠNG TRÌNH 01X-13**



BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRỌNG ĐIỂM CẤP THÀNH PHỐ

**ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở THỦ ĐÔ,
NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM;
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010**

Mã số: 01X-13/08-2003-3

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: GS.TS. Phùng Hữu Phú

5786
05/5/2006

Hà Nội – 2005

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐỀ TÀI	3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN MỞ ĐẦU	7
Chương 1	
THỦ ĐÔ HÀ NỘI QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI	9
I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỦ ĐÔ HÀ NỘI	9
II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI	16
III. VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG ĐỔI MỚI Ở THỦ ĐÔ HÀ NỘI	28
IV. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI 1986 - 2005	58
V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI	118
Chương 2	
TẦM NHÌN 2020, MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010	131
I. DỰ BÁO BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ 21	131
II. TẦM NHÌN THỦ ĐÔ NĂM 2020 VÀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010	147
Chương 3	
NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2010	153
I. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HÀ NỘI	153
II. XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HÀ NỘI	183
III. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, XÂY DỰNG NGƯỜI HÀ NỘI THANH LỊCH, VĂN MINH	188
IV. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	196

V. GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ	203
VI. MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, HỢP TÁC PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO VỊ THẾ THỦ ĐÔ	216
VII. TĂNG CƯỜNG AN NINH - QUỐC PHÒNG, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	221
VIII. NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH QUYỀN GẮN VỚI PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN	235
IX. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ	240
KẾT LUẬN	247
TÀI LIỆU THAM KHẢO	248
PHỤ LỤC	251

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐỀ TÀI

Ban chủ nhiệm đề tài:

1. GS.TS. Phùng Hữu Phú, Ủy viên TW Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố Hà Nội - Chủ nhiệm đề tài
2. PGS.TS. Nguyễn Chí Mỹ, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội
3. Đ/c Nguyễn Mạnh Kiên, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Thành ủy Hà Nội
4. Đ/c Vũ Công Quảng, Thành ủy viên, Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội
5. TS. Vũ Trọng Lâm, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội
6. TS. Nghiêm Xuân Đạt, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, chuyên viên cao cấp Văn phòng Thành ủy Hà Nội

Thư ký đề tài:

1. TS. Vũ Trọng Lâm, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội - Thư ký tổng hợp
2. TS. Nguyễn Hồng Sơn, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng HĐND Thành phố
3. TS. Hồ Vân Nga, phòng Tổng hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
4. TS. Lê Thị Huyền Minh, phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội
5. Đ/c Cao Khoa Bằng, Chánh Văn phòng Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội
6. Đ/c Hoàng Cao Thắng, Phó Văn phòng Công an Thành phố Hà Nội
7. Đ/c Lê Đình Cung, phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội
8. Đ/c Trần Thị Lê Hằng, phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội
9. Đ/c Nguyễn Văn Quảng, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội

Cùng với sự giúp đỡ của Sở Khoa học - Công nghệ, Cục Thống kê, Viện Chiến lược phát triển (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) và các sở, ban, ngành, viện nghiên cứu khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

XHCN	Xã hội chủ nghĩa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
TW	Trung ương
BCH TW	Ban Chấp hành Trung ương
HĐBT	Hội đồng Bộ trưởng
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
AFTA	Khu vực tự do thương mại ASEAN
CEPT	Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
FDI	Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
ODA	Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức
FII	Đầu tư gián tiếp nước ngoài
NGO	Các tổ chức phi chính phủ
GTSX	Giá trị sản xuất
GTTT	Giá trị tăng thêm
CNH	Công nghiệp hóa
HĐH	Hiện đại hóa
TCT	Tổng công ty
HTX	Hợp tác xã
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KT - XH	Kinh tế - xã hội
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm

KTTĐBB	Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
SXKD	Sản xuất kinh doanh
QLĐT	Quản lý đô thị
GPMB	Giải phóng mặt bằng
PTNT	Phát triển nông thôn
TDTT	Thể dục thể thao
KHHGĐ	Kế hoạch hoá gia đình
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
VHTT	Văn hoá Thông tin
CSBVSKND	Chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân
CSSK	Chăm sóc sức khoẻ
TTBYT	Trang thiết bị y tế
YTDP	Y tế dự phòng
CSYT	Cơ sở y tế
BVSKBMTE	Bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
HNVDTN	Hội nghề y dược tư nhân
INTERPOL	Tổ chức cảnh sát quốc tế
ASEANAPOL	Hiệp hội cảnh sát các nước Đông Nam Á
AN	An ninh
QP	Quốc phòng
CAND	Công an nhân dân
KVPT	Khu vực phòng thủ
LLVTĐP	Lực lượng vũ trang địa phương
QSĐP	Quân sự địa phương
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
ANQG	An ninh quốc gia

ANCT	An ninh chính trị
ANTT	An ninh trật tự
LLVT	Lực lượng vũ trang
KVPT	Khu vực phòng thủ
DBHB	Diễn biến hoà bình
BVANTQ	Bảo vệ an ninh Tổ quốc
TTCC	Trật tự công cộng
TTATGT	Trật tự an toàn giao thông
TTĐT	Trật tự đô thị
TTCC	Trật tự công cộng
TTATXH	Trật tự an toàn xã hội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu, ứng dụng đề tài:

Để thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho Thành uỷ Hà Nội về việc tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 20 năm đổi mới; đồng thời góp phần thiết thực cung cấp những luận cứ khoa học để đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố nói riêng và tổng kết quá trình đổi mới ở Thủ đô nói chung, xác định các định hướng và giải pháp phát triển Thủ đô giai đoạn 2006-2010, phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố; Thành phố Hà Nội đã xây dựng Chương trình khoa học trọng điểm đặc thù cấp Thành phố: “*Những luận cứ khoa học cho việc đánh giá quá trình đổi mới ở Thủ đô và định hướng phát triển đến năm 2010*” (Mã số 01X-13) gồm 13 đề tài khoa học liên quan đến các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị Chương trình do GS.TS Nguyễn Phú Trọng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành uỷ Hà Nội làm chủ nhiệm và được thực hiện trong 2 năm (2003-2005). Đề tài “*Đánh giá tổng quát quá trình đổi mới ở Thủ đô, những bài học kinh nghiệm; định hướng phát triển đến năm 2010*” (Mã số 01X-13/08-2003-3) là một đề tài tổng hợp kết quả nghiên cứu của 12 đề tài trong chương trình, cũng là báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của Chương trình. Đồng thời, đây cũng là một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập; trong quá trình thực hiện, đề tài không chờ đợi kết quả nghiên cứu của 12 đề tài trên, đã triển khai thực hiện 4 đề tài nhánh:

- Đánh giá quá trình đổi mới nhận thức tư tưởng của Đảng bộ Hà Nội từ năm 1986 đến nay; rút ra bài học kinh nghiệm (đ/c *Vũ Công Quảng*, Chánh Văn phòng Thành uỷ Hà Nội chủ trì).

- Điều tra, khảo sát dư luận xã hội để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết XIII Đảng bộ Thành phố; những thành tích và hạn chế trong phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị của Thủ đô Hà Nội qua 20 năm đổi mới (1986 - 2005) (TS. *Phạm Chiến Khu*, Giám đốc Trung tâm Điều tra dư luận xã hội thuộc Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và CN. *Nguyễn Thanh Sơn*, Trưởng phòng Dư luận xã hội thuộc Ban Tuyên giáo Thành uỷ Hà Nội chủ trì)

- Đánh giá tổng quan tình hình kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị của Thủ đô từ năm 1986 đến nay; định hướng thời gian tới (TS. *Đỗ Thúc*, nguyên Cục trưởng Cục Thống kê Hà Nội, nay là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chủ trì);

- Dự báo tình hình những năm đầu của thế kỷ XXI để làm cơ sở xây dựng kế hoạch định hướng phát triển Thủ đô đến năm 2010 và 2020 (TS. *Vũ Trọng Lâm*, nguyên Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội, nay là Phó Chánh Văn phòng Thành uỷ Hà Nội chủ trì).

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Tổng kết, đánh giá những thành tích, ưu điểm; những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đó trong 20 năm đổi mới ở Thủ đô Hà Nội (1986 - 2005), đi sâu vào đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố. Rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, quản lý điều hành trên các mặt kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị.

- Dự báo sự tác động của bối cảnh quốc tế và trong nước tới sự phát triển Thủ đô đến năm 2010. Đề xuất định hướng và những giải pháp, kiến nghị phát triển Thủ đô giai đoạn 2006-2010.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài phân tích tình hình phát triển Thủ đô trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị trong 20 năm đổi mới (1986-2005), đi sâu phân tích giai đoạn 2001-2005. Từ đó rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô. Trên cơ sở đó, đề xuất định hướng và những giải pháp chủ yếu phát triển Thủ đô giai đoạn 2006-2010, tầm nhìn đến 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài dựa trên các quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng ta, nhất là quan điểm đổi mới của Đảng, sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic, phân tích và tổng hợp, đi từ cụ thể đến trừu tượng và các phương pháp cụ thể khác như: phương pháp thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, v.v... để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề đặt ra.

5. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục; đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Thủ đô Hà Nội qua 20 năm đổi mới

Chương 2: Tầm nhìn 2020; mục tiêu và quan điểm phát triển Thủ đô đến năm 2010

Chương 3: Những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tốc độ phát triển Thủ đô Hà Nội đến 2010

CHƯƠNG 1: THỦ ĐÔ HÀ NỘI QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỦ ĐÔ HÀ NỘI

A. Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

Hà Nội là Thủ phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, với vị trí 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và từ 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông. Hà Nội tiếp giáp 5 tỉnh: phía Bắc giáp Thái Nguyên; phía đông giáp Bắc Ninh, Hưng Yên; phía Tây giáp Vĩnh Phúc; phía Nam, Tây - Nam giáp Hà Tây. Thành phố gồm chín quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Tây Hồ, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Long Biên, Hoàng Mai) và năm huyện ngoại thành (Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Từ Liêm, Thanh Trì) với tổng diện tích 920,97 km², bằng 0,28% diện tích tự nhiên của cả nước với dân số 3.055.300 người (tính đến hết năm 2003), chiếm 3,6% dân số cả nước.

Phía Bắc Hà Nội là vùng đồi núi thấp và trung bình, dãy Sóc Sơn với đỉnh cao nhất là Chân Chim có độ cao 462m. Phía Tây của Hà Nội và vùng phụ cận là dãy núi Ba Vì với đỉnh cao nhất là đỉnh Vua có độ cao 1270m; khoảng cách dài nhất từ phía Bắc xuống phía Nam thành phố trên 50 km, chỗ rộng nhất từ Tây sang Đông 30 km. Nhìn chung địa hình của Hà Nội so với các khu vực khác ở miền Bắc và miền Trung là tương đối đơn giản, nhưng cũng khá đa dạng, làm phong phú cảnh quan tự nhiên, tạo những nét độc đáo, thuận lợi cho việc phát triển các loại hình kinh tế, đặc biệt là phát triển du lịch.

Khí hậu Hà Nội mang đặc trưng của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa ẩm, với 2 mùa chủ yếu trong năm: mùa nóng và mùa lạnh. Nhiệt độ không khí trung bình năm của Hà Nội khá cao: 24⁰C. Chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng trong năm lên tới 12,5⁰C. Nhiệt độ tối đa có thể lên đến trên 40⁰C (ít khi xảy ra). Nhiệt độ không khí tối thiểu có thể xuống 5 - 7⁰C, kéo dài 7 -12 ngày. Có trường hợp nhiệt độ xuống đến 2,7⁰C (ngày 12/1/1995 tại Gia Lâm). Độ ẩm trung bình các tháng trong năm dao động từ 80% đến 88%. Độ ẩm không khí trung bình nhỏ nhất có thể xuống đến 16% vào tháng 12 và tháng 1.

Lượng mưa trung bình năm vào khoảng 1.250 - 1.870mm. Số ngày mưa trong năm là 140 ngày, phân bố không đều và hình thành 2 mùa. Mùa mưa thường tập trung tới 85% lượng mưa cả năm và chiếm đến 1400 - 1500mm. Mưa lớn vào tháng 8, đây cũng là tháng thường có nhiều cơn bão nhất, với 16 - 18 ngày mưa, lượng mưa trung bình khoảng 300 - 350mm.

Chế độ thủy văn của Hà Nội tương ứng với đặc điểm của địa hình và khí hậu, chia ra làm 2 mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Mùa lũ trùng với mùa mưa, kéo dài từ tháng 6 đến tháng 10. Lũ cao nhất vào tháng 8, lượng nước chiếm tới 70-75% tổng lượng nước cả năm. Mùa cạn thường kéo dài hơn mùa mưa, tới 7

tháng, từ tháng 11 đến tháng 5. Lượng nước mưa và mực nước sông thấp nhất vào tháng 3.

Mạng lưới sông ngòi trên địa bàn Hà Nội khá dày, khoảng 0,5 km/km², thuộc hai hệ thống sông chính là sông Hồng và sông Thái Bình. Độ dốc của sông nhỏ, uốn khúc quanh co. Hệ thống sông Hồng ở địa phận Hà Nội dài khoảng 54km, có lưu lượng dòng chảy bình quân là 90km³, bao gồm một số sông nhánh: sông Nhuệ, sông Đáy, sông Tích ở phía hữu ngạn, sông Đuống ở phía tả ngạn. Hệ thống sông Thái Bình nằm ở phía Đông Bắc của thành phố gồm các sông nhánh: sông Công, sông Cà Lồ, sông Cà Lài, sông Cầu. Ngoài ra còn có các hệ thống sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Lừ, sông Sét.

Về hồ đầm: Hà Nội có nhiều hồ đầm tự nhiên vừa tạo môi trường cảnh quan sinh thái đẹp cho thành phố, rất có giá trị trong việc kết hợp xây dựng các công viên giải trí, nơi dạo mát vui chơi, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng cho nhân dân Thủ đô, vừa để làm nơi tiêu nước khi có mưa, làm nơi dự trữ nước tưới cho cây xanh thành phố. Do yêu cầu đô thị hoá và cũng do thiếu qui hoạch, quản lý nên nhiều ao hồ đã bị san lấp để lấy đất xây dựng. Một số đầm và vùng trũng ở Thanh Trì, Đông Anh được cải tạo để nuôi cá hoặc kết hợp nuôi cá với trồng lúa. Diện tích ao, hồ, đầm của Hà Nội hiện còn lại vào khoảng 3600 ha. Khu vực nội thành tập trung khá nhiều hồ, có tới 27 hồ, đầm. Trong đó có những hồ lớn như Hồ Tây, Bảy Mẫu, Trúc Bạch, Hoàn Kiếm, Thiên Quang, Thủ Lệ, Văn Chương, Giảng Võ, Ngọc Khánh, Thành Công... Ngoài ra, còn nhiều hồ, đầm lớn nhỏ khác phân bố khắp các quận huyện của thành phố. Có thể nói hiếm có một thủ đô nào trên thế giới có nhiều hồ, đầm như ở Hà Nội.

Nguồn nước ngầm: Hà Nội có nguồn nước ngầm với trữ lượng lớn. Đó là nguồn tài nguyên quý. Nguồn nước này luôn được bổ sung, chất lượng nói chung tốt và có tầng phủ bảo vệ, chống ô nhiễm. Tổng trữ lượng dự trữ khoảng 1 - 1,2 triệu m³/ngày.

Như vậy, *nguồn nước của Hà Nội tương đối dồi dào, có thể đáp ứng cho nhu cầu phát triển với qui mô lớn*. Ngoài ra Hà Nội còn có thể đưa nước về từ các nơi như hồ Hoà Bình, sông Hồng.

Đất đai của Hà Nội có tổng diện tích đất tự nhiên là 92.097 ha, diện tích sông hồ chiếm 5,96%, núi đá chiếm 0,13%.

Nội thành Hà Nội, phần lớn diện tích đất đai không thuận lợi cho xây dựng do có hiện tượng tích nước ngầm, nước mặt, sụt lún, nứt đất, sạt lở, trôi trượt dọc sông, cấu tạo nền đất yếu,... Một số diện tích nội thành là vùng đất trũng lầy thụt do quá trình đầm lầy hoá.

Tài nguyên khoáng sản của Hà Nội rất phong phú và đa dạng. Hà Nội và vùng phụ cận có 500 mỏ và điểm quặng của gần 40 loại khoáng sản đã được phát hiện và đánh giá ở các mức độ khác nhau. Trên địa bàn Hà Nội và các khu vực lân cận có khá nhiều loại khoáng sản thuộc 6 nhóm: khoáng sản cháy cứng, kim loại quý, nguyên liệu hoá học, nguyên liệu gốm sứ, vật liệu xây dựng, nước khoáng. Trong các loại kể trên có nhiều loại có quy mô dự trữ hoặc có chất

lượng có thể đáp ứng một phần đáng kể cho các loại yêu cầu và phát triển Hà Nội. Một vài loại khoáng sản như vàng, chì kẽm, đồng, antimoan đã được khai thác sử dụng từ lâu, còn phần lớn các loại khoáng sản khác chỉ mới được phát hiện, đánh giá trong vài ba chục năm gần đây và hầu như chưa được khai thác sử dụng.

Về tài nguyên sinh vật, sinh thái và du lịch: Hà Nội có hàng trăm nghìn cây xanh thuộc 50 loài thực vật bậc cao được trồng trên các công viên, vườn hoa, đường phố.

Thành phố có tất cả 48 công viên, vườn hoa, vườn dạo ở 9 quận nội thành với tổng diện tích là 138 ha (kể cả hồ nước) và 377 ha thảm cỏ. Những công viên, vườn hoa của Hà Nội đã được hình thành qua nhiều thời kỳ phát triển. Vườn Bách thảo Hà Nội được xây dựng cách đây hơn 100 năm (từ 1890), đến nay còn nhiều loại cây quý, kích thước lớn. Tất cả các công viên, vườn hoa ngày càng được củng cố và phát triển, hiện đang là nơi vui chơi, nghỉ ngơi, giải trí của nhân dân Thủ đô.

Hà Nội có nhiều địa danh nổi tiếng về cảnh quan thiên nhiên như: Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, Đền Sóc... Du lịch trên sông Hồng, du lịch qua các phố cổ với 36 phố phường... là những tour khá hấp dẫn.

Trong gần 1000 năm phát triển, Hà Nội luôn là trung tâm văn hoá của cả nước. Hệ thống di sản văn hoá tập trung với mật độ cao, trên địa bàn Hà Nội có khoảng 1.744 di tích lịch sử văn hoá (2 di sản/km²), trong đó có 499 đơn vị được xếp hạng cấp quốc gia, 308 đơn vị đang được đề nghị xếp hạng.

Hà Nội nổi tiếng từ xưa là nơi tập trung nhiều nghề thủ công tinh xảo với những nghệ nhân và thợ tài hoa. Ngày nay, đến Hà Nội, du khách có thể tham quan các nghề đặc sắc như: làm tranh dân gian (tranh Hàng Trống, tranh Đông Hồ); gốm sứ Bát Tràng; nghề làm giấy dó lụa, dệt tơ lụa ở Bưởi; nghề thêu ở Yên Thái; nghề đúc đồng Ngũ Xã; nghề chạm khảm trang trí đồ gỗ Vân Hà; nghề sản xuất đồ da Kiêu Kỵ; nghề chạm bạc, khảm trai, làm sơn mài, mây tre...

Sau gần 1000 năm, Hà Nội ngày nay và Thăng Long xưa khác nhau nhiều về địa lý, tự nhiên. Chỉ nói về phạm vi, thành Thăng Long xưa nằm giữa sông Nhị Hà và Tô Lịch; Hà Nội bây giờ bao gồm cả phần đất rộng lớn ở bên ngoài hai con sông. Trung tâm Thăng Long và trung tâm Hà Nội không trùng nhau. Nhưng những điểm ưu việt của điều kiện địa lý và tự nhiên của Thăng Long vẫn tạo ra những thế mạnh cho Hà Nội mà hiếm đâu sánh được. Thứ nhất, thế đất bằng phẳng, cao ráo, nằm trên đồng bằng màu mỡ, khí hậu lại ẩm áp. Hà Nội là vùng sinh thái tuyệt vời cho con người định cư, phát triển. Thứ hai, vị thế trung tâm của Hà Nội, lại nằm bên con sông lớn khiến cho giao thông với các địa phương khác dễ dàng, thuận tiện. Từ xưa, Hà Nội đã nổi tiếng là một trung tâm thương mại lớn: "Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến". Thêm nữa, với cảnh sắc tươi đẹp và con người thanh lịch, Hà Nội là nguồn cảm hứng sáng tạo thơ ca, nhạc, hoạ, tạo nên sức thu hút du khách bốn phương...

Nhìn tổng thể, với vai trò và vị trí là thủ đô của Việt Nam, là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, Hà Nội ngày càng phát triển, *tiêu biểu cho văn hoá và truyền thống dân tộc Việt Nam*. Ngoài ra Hà Nội là một thành phố có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nhiều di tích, lịch sử, văn hoá nổi tiếng, nhiều di tích cách mạng tiêu biểu của lịch sử Việt Nam cận đại và đương đại, *Hà Nội ngày càng có sức cuốn hút khách du lịch trong và ngoài nước*.

B. Tài nguyên xã hội - nhân văn

Lịch sử Hà Nội được bắt nguồn từ những ngày đầu dựng nước của tổ tiên ta. Ngay từ thời các vua Hùng dựng nước Văn Lang, ông cha ta đã đến làm ăn sinh sống ở vùng Hà Nội. Đó là những thôn xóm định cư của cư dân nông nghiệp. Đến đầu thế kỷ 11, khi vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long thì công cuộc xây dựng mới mở rộng và phát triển. Thăng Long chuyển dần từ một làng quê thành đất kinh kỳ, nơi hội tụ nhân tài, vật lực của bốn phương.

Văn Miếu-Quốc Tử Giám là nơi hội tụ "nguyên khí" của dân tộc, là niềm tự hào chung của đất nước. Điểm cốt lõi của bản sắc văn hoá Thăng Long-Hà Nội không chỉ biểu hiện ở các giá trị văn hoá rất phong phú và đa dạng, mà còn ở chỗ hội tụ các tinh hoa để tạo dựng nên nhân cách con người Thủ đô với "Hào khí Thăng Long" "Sỹ khí Hà Thành", "Người Tràng An", "Hà Nội thanh lịch".

Cư dân tứ xứ hội tụ về Hà Nội đem theo những phong tục lễ thói địa phương, rồi được chắt lọc, nâng cao, chau chuốt trong khung cảnh văn hoá kinh kỳ, tạo thành nếp sống "thanh lịch Hà Nội".

Trong số những tính cách tạo nên nét thanh lịch của người Hà Nội phải kể đến các đặc trưng riêng như hài hoà, hiếu học, chuyên cần, hào hoa và sáng tạo. Chính từ đó mà tạo nên mặt bằng dân trí cao, có nhiều người thành tài.

Nhân dân Hà Nội nhanh nhạy với cái mới, có nhiều yếu tố thuận lợi để đi tới quá trình công nghiệp hoá, phát triển dịch vụ và hiện đại hoá thành phố. Hà Nội có nhiều ngành nghề truyền thống có giá trị kinh tế và văn hoá cao, và có thể tạo ra những sản phẩm văn hoá ở đỉnh cao của đất nước (nhất là trong một số lĩnh vực công nghiệp, sản xuất mỹ nghệ, lĩnh vực hội hoạ, nhạc, ca nhạc, sáng tác văn học,...). Tuy nhiên, hiện nay những giá trị truyền thống và các thành tựu văn hoá chưa phát huy đầy đủ hiệu quả, chưa được chuyển hoá trực tiếp thành các tác nhân kinh tế cho quá trình phát triển.

C. Vị thế Thủ đô Hà Nội

Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, có ưu thế đặc biệt so với các địa phương khác trong cả nước, *là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và*

*giao dịch quốc tế*¹, là vùng đất “địa linh nhân kiệt” với lịch sử nghìn năm văn hiến, nơi hội tụ, kết tinh, lan toả và phát sáng các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Người dân Hà Nội thanh lịch, tiếp thu nhanh nhạy cái mới, có khả năng sáng tạo những giá trị văn hoá, tinh thần có giá trị. Với vị thế là Thủ đô, Hà Nội vừa có những tiềm năng, lợi thế so sánh; vừa có những thách thức, không thuận lợi trong quá trình phát triển.

Một mặt, với tư cách là Thủ đô, Hà Nội có một số thuận lợi cơ bản trong phát triển kinh tế - xã hội:

Hà Nội được Đảng, Nhà nước chỉ đạo, tập trung đầu tư về mọi mặt trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô. Có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận những thành tựu khoa học công nghệ và tinh hoa văn hoá thế giới, giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề kinh tế-xã hội phát sinh có liên quan trong quá trình toàn cầu hoá, hội nhập khu vực và quốc tế.

Là nơi đặt trụ sở các cơ quan lãnh đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể xã hội, Thủ đô cũng là nơi diễn ra các đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các kỳ họp Quốc hội được trực tiếp tiếp thu các nghị quyết, đường lối, sách lược đối nội và đối ngoại cho từng giai đoạn xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hà Nội cũng là nơi đặt đại sứ quán của nhiều quốc gia trên thế giới và diễn ra mọi hoạt động ngoại giao quan trọng. Tất cả các cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản cấp quốc gia đều đóng tại Hà Nội. Tin tức của mọi vùng lãnh thổ trên đất nước cũng được phát ra từ đây trên sóng phát thanh và truyền hình. Hàng trăm tờ báo và tạp chí, hàng nghìn đầu sách mới của gần 40 nhà xuất bản trung ương phát hành khắp cả nước, ra cả nước ngoài, làm phong phú đời sống văn hóa của nhân dân và giới thiệu hình ảnh Việt Nam với bạn bè thế giới.

Ở Hà Nội hiện có 47 trường đại học và cao đẳng, 37 trường trung học chuyên nghiệp, 41 trường dạy nghề, 112 viện nghiên cứu (chiếm 86% tổng số các viện nghiên cứu trong cả nước), phần lớn các chuyên gia đầu ngành đang công tác, nghiên cứu khoa học và giảng dạy ở Thủ đô. Ngoài ra còn có nhiều tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghệ hiện đại, tiên tiến. Nếu thu hút nguồn lực chất xám của các nhà khoa học, các bộ, ngành Trung ương, các viện nghiên cứu, các trường đại học trên địa bàn thì sẽ có được lợi thế to lớn so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Hà Nội đã và sẽ giữ vai trò là trung tâm kinh tế lớn nhất ở Bắc bộ, có sức hút và khả năng lan toả rộng lớn, tác động trực tiếp tới quá trình phát triển của vùng Bắc bộ. Đồng thời vừa có khả năng khai thác thị trường rộng lớn của vùng và của cả nước để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm công, nông nghiệp và dịch vụ.

Hà Nội còn có ưu thế so với các địa phương khác ở khu vực phía Bắc trong công tác tuyên truyền quảng bá và thu hút đầu tư vào, sản xuất, tiêu thụ

¹ Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001-2010.

các sản phẩm hàng hóa, mở rộng các dịch vụ công nghệ cao, dịch vụ tài chính - ngân hàng, dịch vụ đối ngoại, du lịch,... Về lâu dài, chính khả năng kế thừa, lời cuốn, quy tụ và đồng kết được nhiều tiềm lực, điều kiện từ bên ngoài, cũng như năng lực tự tích lũy được về kinh nghiệm và bản lĩnh lãnh đạo, kinh doanh, trình độ phát triển về hạ tầng kỹ thuật, các nguồn vốn, nguồn nhân lực, tri thức - công nghệ ... sẽ tạo tiền đề và động lực mạnh mẽ nhất cho sự phát triển và cất cánh của Thủ đô trong tương lai.

Mặt khác, Thủ đô Hà Nội có những khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội:

Là nơi những chủ trương, chính sách của Nhà nước được ban hành; là trung tâm đầu não về chính trị, vì thế mỗi động thái chủ trương, chính sách và thực tiễn của Thành phố Hà Nội đều có tác động trực tiếp và gián tiếp nhất định đến đời sống kinh tế - xã hội của cả nước, điều đó không cho phép Thành phố dễ dàng, mạnh tay triển khai thử nghiệm các quyết sách quản lý, điều hành của các cấp chính quyền nhằm tạo ra sức bật mới cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội như một số thành phố khác.

Do sức hút của quá trình phát triển kinh tế, Hà Nội trở thành nơi hội tụ dòng di cư tự do. Đặc biệt, quá trình đô thị hoá đã tạo ra các dòng di dân, người ở tỉnh ngoài về Hà Nội kiếm việc làm (có lúc lên đến 13 vạn người), khiến áp lực dân số tăng nhanh hơn tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và trình độ quản lý đô thị. Điều này tạo ra một sức ép lớn về mọi mặt cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Là đầu mối giao thông của khu vực phía Bắc, Hà Nội phải đối mặt với nạn buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán ma túy... Điều này không chỉ tạo sức ép về việc triển khai thực hiện các chính sách xã hội, mà còn buộc Hà Nội phải đối diện với mức độ gia tăng các loại tội phạm và tệ nạn xã hội - mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Thủ đô cũng là địa bàn trọng yếu mà các thế lực thù địch tập trung chống phá. Tập trung phát triển kinh tế, nhưng Thành phố phải dành nhiều thời gian để không ngừng chăm lo ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Hà Nội đang ngày càng cảm nhận rõ rệt hơn thách thức giữa hai yêu cầu đều quan trọng và cấp thiết như nhau: **thứ nhất**, yêu cầu phải đẩy nhanh tốc độ và đồng bộ hoá sự phát triển, đuổi kịp thủ đô các nước, góp phần tạo động lực cho phát triển kinh tế vùng và kinh tế cả nước; **thứ hai**, yêu cầu phải phát triển bền vững, nhất là bảo đảm sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn về xã hội, sự lành mạnh về môi trường văn hoá và sinh thái, cũng như phải phấn đấu để "giữ nhịp" ổn định hóa cho toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

D. Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử

Thăng Long - Hà Nội qua dòng chảy thời gian, trải bao biến cố lịch sử, luôn là nơi hội tụ tinh hoa, sinh khí của dân tộc, là trái tim của Tổ quốc. Từ trước công nguyên, An Dương Vương, sau đó là Lý Nam Đế,

tiếp theo là Ngô Quyền đã đóng đô ở Cổ Loa. Mùa thu năm Canh Tuất (1010), vua Lý Thái Tổ ban chiếu dời đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên là Thăng Long, đánh dấu sự kiện trọng đại của cả quốc gia, dân tộc. Lý do chọn vùng đất Thăng Long đã được Lý Công Uân phân tích: bởi đất này "ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc tây đông, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi. Xem khắp nước ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".

Đúng như con mắt nhìn xa trông rộng của Lý Công Uân, trải tám thế kỷ, Thăng Long (có lúc được đổi tên là Đông Đô, Đông Quan, Đông Kinh) luôn là kinh đô, là niềm tự hào của quốc gia phong kiến Việt Nam độc lập có chủ quyền. Chỉ có một thời gian không dài dưới triều Nguyễn, kinh đô được chuyển về Huế. Từ đó, Thăng Long được đổi tên thành Hà Nội.

Từ giữa thế kỷ XIX, Hà Nội cùng cả nước đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Gần một thế kỷ dưới ách phong kiến và thực dân, Hà Nội vừa là cái nôi, vừa là chứng nhân của biết bao phong trào yêu nước và cách mạng sục sôi, anh dũng. Ngày 19/8/1945, Cách mạng tháng Tám đã giành thắng lợi trọn vẹn ở Hà Nội, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do và CNXH trên đất nước ta. Hà Nội lại được khẳng định là Thủ đô của nước Việt Nam mới.

Trước dã tâm muốn cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, cùng với cả nước, Hà Nội nhất tề đứng lên chống giặc, giành thế chủ động cho cuộc kháng chiến. Với cuộc chiến đấu 60 ngày đêm vô cùng oanh liệt, Hà Nội đã mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc 9 năm. Chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" đã buộc Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ, công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Tiếp đó, trong những năm tháng hào hùng vừa xây dựng CNXH ở hậu phương miền Bắc, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam, Hà Nội đã không tiếc sức người, sức của dốc lòng cho tiền tuyến lớn. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc và đánh phá Thủ đô, Hà Nội đã chấp nhận cuộc đối đầu lịch sử. Trong suốt 12 ngày đêm của trận "Điện Biên Phủ trên không", Hà Nội đã khiến bọn giặc hoảng loạn, buộc Mỹ phải ký hiệp định Pa-ri, tạo bước chuyển vô cùng quan trọng cho chiến thắng lịch sử mùa Xuân 1975, thu non sông về một mối, cả nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Có thể thấy, cho tới nay, trải gần mười thế kỷ, qua biết bao biến cố thăng trầm của lịch sử, mảnh đất Thăng Long - Hà Nội với vị trí "thắng địa", với

truyền thống văn hiến ngàn năm, luôn xứng đáng là trung tâm của đất nước, trái tim của Tổ quốc. Vị trí, vai trò Thủ đô của mảnh đất Hà Nội là sự lựa chọn khách quan của lịch sử, của dân tộc. Điều đó vừa là niềm tự hào sâu sắc, vừa là trách nhiệm lớn lao của nhân dân Hà Nội.

Nghị quyết 15 - NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VIII (ngày 15/12/2000) đã chỉ rõ: “*Cổ Loa - Thăng Long - Hà Nội là địa danh tiêu biểu cho lịch sử hàng ngàn năm văn hiến của dân tộc ta*”.

Sự tồn tại và không ngừng phát triển của Thăng Long - Hà Nội khẳng định bề dày lịch sử văn hiến vẻ vang của Thủ đô, khẳng định hùng hồn sự tồn tại, phát triển bền vững của một quốc gia độc lập, tự chủ.

Trải gần trọn một ngàn năm, Thăng Long - Hà Nội đã thu hút hiền tài bốn phương, hội tụ tinh hoa mọi miền, tiếp thu, chắt chiu kinh nghiệm trăm vùng, xây đắp nên tinh hoa văn hoá Thăng Long - Hà Nội. Bởi vậy, phẩm chất con người và nền văn minh, văn hiến Thăng Long - Hà Nội chứa trong mình đầy đủ bản sắc văn hoá dân tộc và toả ngời nét đặc sắc của vùng đất Thủ đô.

Gần một thiên niên kỷ qua, khi yên bình cũng như lúc chiến tranh, bất luận trong hoàn cảnh nào, Thăng Long - Hà Nội cũng dồi dào sinh khí của một dân tộc anh hùng và sáng tạo trong lao động xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương, và càng đậm đà cốt cách bản sắc của trung tâm văn hoá tiêu biểu. Rõ ràng, Thăng Long - Hà Nội là nơi lắng hồn núi sông; nơi hội tụ, kết tinh và toả sáng văn hoá của đất nước.

Từ ngày dân tộc ta có Đảng do Bác Hồ sáng lập, dẫn dắt, vùng đất Thăng Long - Hà Nội đã phát huy cao độ truyền thống văn hoá Việt Nam, truyền thống văn hoá Thăng Long - Hà Nội, đồng thời bồi đắp thêm phẩm chất văn hoá mới, biến nó thành sức mạnh vật chất vĩ đại đấu tranh góp phần xứng đáng cùng toàn dân làm Cách mạng tháng Tám thành công, giành chính quyền về tay nhân dân, thành lập nên Nhà nước dân chủ mới, đánh thắng hai đế quốc lớn, mang lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc.

Truyền thống văn hiến, anh hùng của Thăng Long - Hà Nội được xây dựng, vun đắp, bảo vệ bằng mồ hôi, xương máu, đứ càn cù dũng cảm, trí thông minh sáng tạo của biết bao thế hệ người Hà Nội, không chỉ là nguồn vốn văn hoá vô cùng quý báu, đặc sắc mà còn là nguồn lực vô giá để Hà Nội thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

A. Bối cảnh lịch sử và nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn 1975-1985

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đến thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi đó đã kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm đấu tranh giành độc lập tự do, hoàn

thành cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước. Non sông thu về một mối, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn cả nước cùng tiến vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp xây dựng Thủ đô Hà Nội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ lịch sử mới diễn ra trong bối cảnh vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa có những khó khăn to lớn và phức tạp. Với kinh nghiệm tích lũy được, Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo nhân dân Thủ đô vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, từng bước đưa Hà Nội vượt qua khó khăn, từng bước đi lên.

Đáp ứng nguyện vọng thiết tha của nhân dân, cuối năm 1975 Hội nghị hiệp thương chính trị giữa Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã nhất trí tổ chức Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội chung của cả nước.

Ngày 25/4/1976, trong ngày hội non sông, cử tri Hà Nội cùng cử tri cả nước nô nức thực hiện quyền công dân, tham gia bầu Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất. Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI thắng lợi “*biểu thị hùng hồn ý chí của toàn dân ta đối với việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa*”².

Ngày 2/7/1976, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VI đã quyết định lấy tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thủ đô là Hà Nội. Ngày 20/9/1976, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về quy hoạch, cải tạo và xây dựng Thủ đô Hà Nội. Nghị quyết nêu rõ: Hà Nội là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật; đồng thời là một trung tâm kinh tế quan trọng và một trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước. Hà Nội phải được xây dựng thành một thành phố tiêu biểu cho chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, vừa có tính hiện đại, vừa có tính dân tộc, làm chỗ dựa cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của cả nước. Nghị quyết Bộ Chính trị là nguồn cổ vũ to lớn, đồng thời cũng là nhiệm vụ nặng nề đối với Đảng bộ và nhân dân Hà Nội trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1985).

B. Những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô qua 3 kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố, từ Đại hội VII (1977) đến Đại hội IX (1985)

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội phát huy truyền thống cách mạng, tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế. Hầu hết các xí nghiệp Trung ương, địa phương bị máy bay địch đánh phá đều được xây dựng lại. Nhiều xí nghiệp được xây mới và mở rộng. Các cơ sở tiêu thụ công nghiệp bước đầu phát triển sản xuất, thu hút lao động. Nông nghiệp được phục hồi; thu mua lương thực đạt kết quả cao. Xây dựng cơ bản và quản lý đô thị có kết quả. Giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ. Hệ thống chính trị được kiện toàn vững mạnh.

² Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, NXB Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 41-42.

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976 tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Về dự Đại hội có 1008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và vạch ra đường lối kinh tế và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế văn hóa trong thời gian 1976-1980. Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Thắng lợi của Đại hội đã mang lại niềm tin tưởng sâu sắc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nội đối với sự lãnh đạo của Đảng, với tương lai của đất nước, tiền đồ của dân tộc.

Từ ngày 25/5 đến 2/6/1977, tại câu lạc bộ Lao động (nay là Cung văn hóa - thể thao thanh niên) đã diễn ra Đại hội đại biểu lần thứ VII Đảng bộ Thành phố Hà Nội (vòng 2). Về dự Đại hội có 639 đại biểu, thay mặt cho gần 70.000 đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội nhận định: bước sang giai đoạn cách mạng mới, cơ sở vật chất kỹ thuật của Thành phố còn nhỏ bé, tốc độ phát triển sản xuất chậm, đời sống nhân dân gặp khó khăn, quản lý kinh tế - xã hội còn nhiều khuyết điểm; hiện tượng tiêu cực có chiều hướng phát triển; phong trào cách mạng của quần chúng trong lao động sản xuất chưa được tổ chức mạnh mẽ, liên tục. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 và mục tiêu chủ yếu của 2 năm 1977 - 1978, nhằm từng bước xây dựng một cơ cấu kinh tế phù hợp với đường lối của Đảng, với tiềm năng và vị trí của Thủ đô.

Sau Đại hội, Hà Nội mở hướng phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp vật liệu xây dựng và tiểu thủ công nghiệp. Ngành công nghiệp Hà Nội tiếp tục tổ chức lại sản xuất, xóa bỏ sự phân tán, không đồng bộ, mất cân đối. Công tác quản lý được tăng cường một bước. Nhiều xí nghiệp đã ổn định nhiệm vụ sản xuất trước mắt và xác định phương hướng sản xuất lâu dài. Hai năm 1977-1978, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp toàn Thành phố đã thu được những kết quả bước đầu. Năm 1977, giá trị tổng sản lượng đạt trên 1.469 triệu đồng, tăng 4,8% so với năm 1976, trong đó công nghiệp Trung ương tăng 3%, công nghiệp quốc doanh địa phương tăng 7,4%, tiểu thủ công nghiệp tăng 9,7%. Năm 1978, công nghiệp Trung ương tăng 8% so với năm 1976, công nghiệp địa phương tăng 21%, riêng tiểu, thủ công nghiệp tăng 24%. Hoạt động tài chính, ngân hàng đều có những cố gắng phục vụ sản xuất, đời sống. Thi hành chủ trương của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước, từ ngày 3/5 đến ngày 6/5/1978, Hà Nội đã hoàn thành công tác thu đổi tiền. Từ đây trong cả nước cùng thống nhất một loại tiền của ngân hàng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kết quả đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi hàng hóa giữa Hà Nội và các tỉnh phía Nam. Về xây dựng đô thị, trong 2 năm (1977 - 1978), diện tích xây dựng nhà ở đạt mức cao nhất: 12,1 vạn m² năm 1977, gấp 2 lần so với năm 1976; và 10,8 vạn m² năm 1978.

Trưởng thành từ thực tiễn lãnh đạo thành phố trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách, Đảng bộ không ngừng lớn mạnh. Sau khi mở rộng ngoại thành, Đảng bộ Hà Nội đã tăng số lượng từ 1.200 tổ chức cơ sở với trên 6 vạn đảng viên lên tới 2.075 cơ sở và trên 140.600 đảng viên. Việc tăng cơ học làm cho Đảng bộ lớn nhanh về số lượng nhưng cũng không tránh khỏi sự lúng túng trong việc sắp xếp tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động chung, nhất là đối với các Đảng bộ mới nhập vào.

Ngoài việc tập hợp, tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng xây dựng Thủ đô, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Thành phố đã góp phần quan trọng giúp các cấp ủy thực hiện tốt công tác vận động người Hoa, nhất là những năm 1978 - 1979, khi các lực lượng thù địch kích động người Hoa ở Việt Nam gây rối chính trị.

Tương ứng với quá trình mở mang thành phố, sự nghiệp giáo dục có bước tiến mới: Năm học 1977 - 1978, số học sinh phổ thông toàn thành là 345.623 em (kể cả vỡ lòng), tăng 5,6% so với năm học 1976 - 1977; bổ túc văn hóa có gần 6 vạn người theo học; số học sinh phổ thông toàn thành năm 1979 là 593.000 em, tăng 3,3% so với năm 1978. Năm 1978, số cháu vào mẫu giáo và nhà trẻ là 78.000 cháu, đạt 35 đến 38% số cháu trong độ tuổi; đến năm 1979, con số này tăng lên 45%. Công tác y tế được đẩy mạnh. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, tăng thêm số lần khám bệnh, kịp thời dập tắt nhiều dịch bệnh. Nhân dân nằm viện không phải trả tiền viện phí. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Hà Nội giảm từ 2,1% năm 1976 xuống còn 1,7% năm 1978. Công tác văn hóa, thông tin đã tập trung tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ các cấp, vận động nhân dân thực hiện 3 phong trào cách mạng ở Thủ đô. Trên cơ sở nâng cao hiệu lực của chính quyền các cấp, công tác quốc phòng, an ninh được giữ vững. Hoạt động tích cực của quân, dân Thủ đô đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước chặn đứng hành động xâm lược của kẻ thù, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

Năm 1979, khi chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra, Đảng bộ đã kịp thời chuyển hướng công tác, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ: vừa xây dựng Thủ đô, vừa sẵn sàng chiến đấu, phát động phong trào “xây dựng quốc phòng, bảo vệ an ninh”. Quân, dân Hà Nội nêu cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi hành động chống phá của kẻ thù, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự trị an. Trong tình hình mới, Hà Nội vừa đẩy mạnh khôi phục phát triển kinh tế, vừa tiếp tục chi viện cán bộ cho các tỉnh phía Nam góp phần nhanh chóng ổn định tình hình; sau đó lại chi viện sức người, sức của cho các tỉnh biên giới phía Bắc góp phần bảo vệ lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, do tác động của chiến tranh, do công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn nhiều yếu kém cùng với những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng nên sản xuất của Thành phố ngày càng giảm sút. Số người không có việc làm tăng nhanh; biểu hiện tiêu cực xã hội phát triển, có mặt nghiêm trọng. Đời sống

nhân dân khó khăn hơn trước. Tình hình đó đang đặt ra cho Hà Nội những thách thức mới.

Từ ngày 5 đến ngày 10/2/1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ VIII được tiến hành tại câu lạc bộ Lao động (nay là Cung văn hoá thể thao thanh niên Hà Nội - phố Tăng Bạt Hổ). Có 691 đại biểu thay mặt cho hơn 13.961 đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Trên cơ sở quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng nước ta trước những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch, Đại hội xác định nhiệm vụ chính trị cơ bản của Thành phố là: “vừa xây dựng Thủ đô xã hội chủ nghĩa vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Thủ đô”. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô là: *“Đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; tăng cường công tác quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu, tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác cán bộ và tổ chức cơ sở”*.

Quán triệt tinh thần Đại hội, từ cuối những năm 1980, nhiều địa phương, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh bắt đầu thử nghiệm hình thức tổ chức quản lý chứa đựng sự tìm tòi, sáng tạo, vượt rào cơ chế quản lý cũ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất phát triển. Sáu tháng đầu năm 1982, bằng khai thác tại chỗ, công nghiệp Hà Nội có thêm 3000 tấn thép, 50 tấn kim loại màu, 80 tấn gang; qua hợp tác với 10 tỉnh bạn khai thác thêm được 813m³ gỗ, 100 tấn vỏ cây làm giấy, 10.000m³ cát, 400 tấn đồng, 100 tấn bột cá. Thành phố còn dành 1 triệu rúp và 1 triệu đôla để nhập 350 tấn sợi bông, 200 tấn sợi hoá học, 56 tấn hoá chất, kim dẹt, dược liệu... cho công nghiệp Thành phố. Việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được coi trọng. Sản xuất công nghiệp tiến bộ đã hạn chế được tình hình giảm sút những năm 1979 - 1980, đưa tốc độ phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp bình quân hàng năm tăng là 10,5%.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100). Chỉ thị 100-CT/TW đánh dấu sự chuyển đổi bước đầu cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của người lao động nên được nông dân đồng tình ủng hộ; kinh tế hộ gia đình được thừa nhận như một đơn vị kinh tế tự chủ. Đó là nguồn động lực mới cổ vũ các hộ gia đình nông dân phấn khởi, mạnh dạn đầu tư thâm canh tăng năng suất, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Việc thực hiện Chỉ thị 100 đã tạo ra kết quả mới trong sản xuất nông nghiệp. Vụ chiêm xuân 1980 - 1981, tổng diện tích gieo trồng tăng hơn 1.400 ha, riêng lúa tăng 584 ha. Năng suất lúa chiêm xuân đạt 26,4 tạ/ha, tăng gần 1 tạ/ha. Ngô, khoai, đậu tương, thuốc lá năng suất đều khá hơn năm 1980. Sản lượng lương thực tăng 2,5%, trong đó lúa tăng 6.000 tấn; có 8/12 huyện đạt năng suất lúa cao hơn vụ Xuân 1980. Hình thức khoán đã khắc phục được

nhiều hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và phân phối; tình trạng chênh lệch trong lao động, tệ “rong công phóng điểm” để tham ô ngày công tồn tại hàng chục năm ở các hợp tác xã không còn nữa.

Song song với việc tập trung tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, Thành phố luôn quan tâm đến công tác xây dựng đô thị, theo phương châm: xây dựng mới đi đôi với sửa chữa nâng cấp các cơ sở hiện có; vừa giải quyết yêu cầu trước mắt, vừa chuẩn bị cho lâu dài; ưu tiên đầu tư cho xây dựng, sửa chữa nhà ở. Bình quân hàng năm Thành phố xây dựng mới hơn 50.000 m² nhà ở; chú trọng sửa chữa, nâng cấp một số nhà xưởng, trường học, bệnh viện và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các ngành văn hoá, giáo dục, y tế; đồng thời xúc tiến xây dựng quy hoạch và thiết kế tổng thể mặt bằng Thành phố, các thị xã, thị trấn ngoại thành.

Nhận thức vị trí then chốt của khoa học - kỹ thuật, Thành phố chủ trương đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ phát triển sản xuất, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố và tăng cường sức mạnh quốc phòng. Cùng với khoa học - kỹ thuật, đầu những năm 80, hoạt động giáo dục có những chuyển biến mới. Năm học 1981 - 1982 theo chủ trương chung các trường phổ thông chuyển sang hệ thống giáo dục 12 năm (từ lớp 1 đến lớp 9 và bậc phổ thông cơ sở; lớp 10 đến 12 là phổ thông trung học). Cuối năm 1981, Hà Nội đã thu nhận được 56% các cháu trong độ tuổi vào lớp mẫu giáo, 56,4% các cháu vào nhà trẻ và đưa công tác mẫu giáo, nhà trẻ trở thành ngành “giáo dục mầm non”.

Trên lĩnh vực quốc phòng, lực lượng vũ trang Thủ đô tiếp tục tiến hành cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu”, tích cực huấn luyện, sẵn sàng triển khai các phương án tác chiến và kế hoạch phòng thủ. Trước những thử thách mới của đất nước, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được Đảng bộ đặc biệt chú trọng, nhằm khắc phục các hiện tượng hoài nghi, dao động; bồi dưỡng tinh thần dũng cảm vượt qua khó khăn gian khổ, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng. Song song với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ thường xuyên chủ động, tích cực chăm lo củng cố chính quyền và đoàn thể.

Ngày 21 tháng 1 năm 1983, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 08-NQ/TW về công tác của Thủ đô Hà Nội. Nghị quyết Bộ Chính trị đã xác định rõ vị trí của Thủ đô Hà Nội: trung tâm đầu não về chính trị, về văn hoá, khoa học - kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và trung tâm giáo dục quốc tế của cả nước; chỉ ra các quan điểm cơ bản và phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong những năm 80. Nghị quyết khẳng định: xây dựng Thủ đô Hà Nội vững mạnh là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đồng thời là trách nhiệm và nguyện vọng tha thiết của đồng bào, chiến sĩ cả nước.

Từ ngày 11/6 đến ngày 16/6/1983, Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ Thành phố Hà Nội (vòng 2) được tiến hành tại Hội trường Ba Đình. Đánh giá tình hình Thành phố, Đại hội nhận định: công cuộc xây dựng thành phố diễn ra trong điều kiện có những đảo lộn to lớn về kinh tế, đời sống và những khó khăn chồng chéo do hậu quả của chiến tranh lâu dài, cộng với những yếu kém của một nền kinh tế đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đại hội xác định, trong những năm tới, thành phố phải tập trung sức giải quyết những nhu cầu bức thiết nhất về đời sống; phát triển mạnh sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp và xuất khẩu; tiếp tục cải tạo, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự kinh tế - xã hội, nhất là trên mặt trận phân phối lưu thông...

Quán triệt tinh thần Đại hội, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô đã vượt qua một giai đoạn thử thách vô cùng gay go, ác liệt. Thành công nổi bật trong giai đoạn này là Thành phố đã kiên trì quan điểm phát triển sản xuất cho dù gặp nhiều khó khăn về năng lượng và vật tư. Nhờ quyết tâm và sự nỗ lực cao độ, giá trị sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp hàng năm đều tăng. Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đạt kết quả khá, nhiều công trình công cộng (thuỷ lợi, trạm, trại giống, văn hoá, giáo dục) được đưa vào sử dụng. Trong lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội, Đảng bộ đã nghiêm túc thực hiện và vận dụng sáng tạo các đường lối, chủ trương của Trung ương; tích cực phối hợp với các ngành, các bộ, các địa phương giải quyết các khó khăn của Thủ đô. Thành uỷ đã có nhiều chủ trương, giải pháp để khắc phục tình trạng bao cấp, bảo thủ, trì trệ; từng bước đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo; dựa chắc vào nhân dân, phát huy sức mạnh của đoàn thể quần chúng và vai trò của chính quyền để vượt qua những khó khăn, thách thức, giữ vững sản xuất và đảm bảo đời sống. Trong giai đoạn này, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Thành uỷ đã thử nghiệm đổi mới một số cơ chế, chính sách trên một số mặt hoạt động cụ thể, qua đó tích lũy được những kinh nghiệm ban đầu, chuẩn bị cho các bước phát triển tiếp theo của Thủ đô. Đặt trong bối cảnh khó khăn nhiều mặt, những kết quả đạt được là quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc. Kết quả đó bắt nguồn từ sự cố gắng của các cấp, các ngành và tinh thần lao động của công nhân, nông dân, trí thức Thủ đô dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp của Thành uỷ.

C. Những khó khăn, thách thức lớn về phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu bức xúc phải đổi mới

1. Những khó khăn, thách thức lớn về phát triển kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 1975-1985, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô đã nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tựu hết sức quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô. *Tuy vậy, nhìn tổng quát, tình hình kinh tế - xã hội Hà Nội vẫn chưa ổn định; nhiều vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản chưa được giải quyết.* Mục tiêu của Đại hội lần thứ VIII, lần thứ IX của Đảng bộ không thực hiện được. Lạm phát xảy ra ở mức hai chữ số phần trăm. Hậu quả chiến tranh chưa khắc phục triệt để; nhiều mặt của cơ chế cũ còn tồn tại dai dẳng; cơ chế mới

chưa hình thành đồng bộ; trong lãnh đạo, điều hành vẫn còn sai lầm, thiếu sót. Những chính sách và giải pháp áp dụng trong suốt thời kỳ 1981-1985 tuy đã tạo ra sự kích thích phát triển sản xuất nhất định, song sức ì của tư duy bao cấp và kế hoạch hoá quá nặng nề vẫn bao trùm lên toàn bộ đất nước ở tất cả các khâu của nền sản xuất và ở tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Có thể nói, đến năm 1986, cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, căn bệnh bao cấp và tệ hành chính quan liêu kéo dài, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế cùng với hậu quả nặng nề của hơn 20 năm chiến tranh và hai cuộc chiến tranh biên giới đã làm cho nước ta hoàn toàn rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng: “... *sức sản xuất bị kìm hãm, mất cân đối ngày càng doãng ra, năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng giảm sút; sản phẩm, hàng hoá nghèo nàn, lưu thông ách tắc... Đất đai, lao động, cơ sở vật chất - kỹ thuật, vốn liếng, năng lực, kinh nghiệm, chất xám, tay nghề của cả nước, của các ngành, của mỗi vùng và khả năng tiềm tàng của người lao động không được khai thác, tận dụng. Trong khi đó, tình trạng không có việc làm lại đang có xu hướng tăng lên, giá cả đột biến, đời sống bấp bênh... hoạt động kinh tế - xã hội lâm vào tình thế rối loạn kéo dài...*”³. Kinh tế - xã hội lún sâu vào khủng hoảng, đời sống nhân dân lao động khó khăn. Thủ đô Hà Nội, thời kỳ trước đổi mới, cũng như cả nước, đã phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng, cụ thể là:

Sản xuất công nghiệp tăng chậm so với mục tiêu kế hoạch, chất lượng sản phẩm hầu như không có cải thiện đáng kể, thậm chí có loại còn giảm sút. Chung loại sản phẩm nghèo nàn, năng suất lao động thấp, giá thành cao là đặc trưng của công nghiệp Hà Nội lúc bấy giờ. Những sản phẩm gọi là có tiếng của Hà Nội lúc này chỉ là xe đạp, quạt điện, vải phin, xà phòng đều đạt sản lượng rất thấp so với mức tiêu dùng tối thiểu của người dân: xe đạp hoàn chỉnh đạt 1,25 chiếc/100 người, bánh kẹo đạt 2,2kg/đầu người, xà phòng giặt đạt 1,5kg/người, vải các loại 8m/người, điện thương phẩm đạt 21kwh/người, nước máy ghi thu đạt 34,5m³/người. Công nghiệp điện tử hầu như không có, công nghiệp chế biến thực phẩm, cơ khí nông nghiệp, hoá chất, chế tạo máy... chỉ mới dừng ở trình độ công nghệ rất thô sơ, lạc hậu, hoạt động cầm chừng do không được cung cấp đầy đủ vật tư, năng lượng, phụ tùng thay thế. Ngành cơ khí, một thế mạnh của công nghiệp Thủ đô, chưa vươn lên phục vụ hiệu quả cho nông nghiệp và các ngành kinh tế của Thành phố. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong các hợp tác xã, tổ sản xuất ở nội thành và ngoại thành cũng như kinh tế gia đình và sản xuất cá thể chậm phát triển do chưa giải quyết đồng bộ về chính sách, tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện, cũng như điều kiện vật tư - kỹ thuật.

Trong sản xuất nông nghiệp, mặc dù sản lượng lương thực có tăng, song mới đạt 150,2kg lương thực quy thóc/người/năm, chưa đáp ứng được 1/2 nhu cầu tiêu dùng của người dân. Sản xuất và cung ứng rau có xu hướng giảm, năm 1980 sản lượng rau đạt 167 nghìn tấn, đến năm 1985 chỉ còn 165 nghìn tấn.

³ Bài phát biểu của cố Tổng bí thư Trường Chinh tại Đại hội lần thứ X Đảng bộ TP Hà Nội, 1986.

Chăn nuôi phân tán, tự cung, tự cấp quy mô nhỏ là chủ yếu. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng bình quân đầu người đạt 11,8kg/năm. Mặc dù mức bình quân ruộng đất tính theo đầu người thấp, song lại sử dụng lãng phí. Các vùng chuyên canh chậm hình thành và mức độ thâm canh sản xuất thấp nên tỷ suất hàng hoá nông sản chưa cao, nguyên liệu cung ứng cho nông nghiệp chưa nhiều. Chính sách giá mua nông sản thực phẩm chưa có tác dụng khuyến khích sản xuất; các hoạt động dịch vụ sản xuất, phục vụ đời sống nông dân chưa được tổ chức tốt. Diện tích đất hoang hoá vẫn còn trên 3000 ha. Hệ số sử dụng ruộng đất mới đạt 1,9 lần.. Tiến bộ đáng kể nhất trong nông nghiệp thời kỳ này là đã phát động phong trào sản xuất vụ Đông và đưa đàn lợn lai kinh tế vào chăn nuôi, nhưng kết quả còn rất hạn chế (diện tích vụ Đông mới đạt 14% diện tích đất canh tác; đàn lợn lai chiếm tỷ trọng 70%).

Trong giai đoạn đầu thực hiện cơ chế khoán, ở một số hợp tác xã ngoại thành cũng bộc lộ một số thiếu sót: giao khoán ruộng đất manh mún, hạ thấp sản lượng khoán, chưa lấy giao khoán diện tích cho lao động trồng trọt là chính, việc chỉ đạo các khâu do đội sản xuất hay hợp tác xã chịu trách nhiệm còn thiếu chặt chẽ, thậm chí có hiện tượng buông lỏng, khoán trắng. Việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW đã tạo ra động lực cho người nông dân trong lao động sản xuất vào đầu những năm 80, nhưng từ giữa những năm 80, do cơ chế khoán chậm được điều chỉnh, hoàn thiện nên sản xuất nông nghiệp có chiều hướng chững lại, người nhận ruộng không còn tích cực đầu tư sản xuất, nhiều hợp tác xã lâm vào tình trạng lúng túng, khó khăn; đất bỏ hoá trên 3000 ha, đất canh tác giảm dần.

Hoạt động kinh tế đối ngoại kém phát triển, hoạt động ngoại thương của Hà Nội và cả nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Với thị trường khu vực I, quan hệ thương mại của các nước dựa trên nguyên tắc bình đẳng, phân công hợp tác trong nội bộ khối SEV, theo tinh thần nhập khẩu tương ứng với khả năng xuất khẩu vừa có mặt thuận lợi, vừa có nhiều khó khăn cho ta. Với thị trường khu vực II, quan hệ thương mại bị thu hẹp do chính sách cấm vận của Mỹ. Trao đổi ngoại thương tập trung chủ yếu ở khu vực các nước XHCN, với kim ngạch xuất khẩu cả 5 năm mới đạt 190 triệu Rúp-USD⁴ và nhập khẩu đạt 57,8 triệu Rúp-USD. Hàng hoá xuất khẩu chủ yếu là thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu sơ chế và một số sản phẩm may mặc, giày dép theo đơn đặt hàng trước. Hoạt động ngoại thương của thành phố chỉ do một số rất ít đơn vị quốc doanh đảm nhận, hầu như không có mấy gắn kết với việc hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

Về danh nghĩa, lĩnh vực phân phối, nội thương do Nhà nước chi phối và trên thực tế các ngành, các cấp của Thành phố đã phải bỏ ra nhiều công sức để kiểm tra, kiểm soát, song kết quả rất hạn chế. Nạn đầu cơ, tích trữ, hiện tượng

⁴ Trong suốt các năm từ 1981-1986 tỷ giá quy ước giữa đồng USD và đồng Rúp chuyển đổi trong Hội đồng tương trợ kinh tế xoay quanh giữa 0,65 và 0,84 và đến giai đoạn 1986-1990 1USD bằng 1,24 đến 1,9 Rúp. Để tiện cho việc tính toán, so sánh, trong tài liệu này tạm quy ước là 1Rúp bằng 1 USD như các tài liệu khác đã sử dụng.

tiêu cực trong thương nghiệp Nhà nước lan tràn khó kiểm soát. Nhà nước không nắm được toàn bộ sản phẩm của các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể; xí nghiệp quốc doanh mới giao nộp 85-90% sản phẩm, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp giao 60-65%; sản xuất cá thể giao 20%. Quỹ hàng hoá của Thành phố chỉ đủ khả năng phục vụ 42% nhu cầu của cán bộ công nhân viên chức và cung cấp 69% tổng giá trị nông sản của nông dân bán cho Nhà nước.

Hoạt động dịch vụ sản xuất và dịch vụ đời sống hầu như không phát triển cả về chất lượng và số lượng. Chúng loại dịch vụ cung cấp nghèo nàn, các dịch vụ như du lịch, khách sạn, thông tin... không tới được người dân.

Hàng hoá trên thị trường chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng của xã hội, sáu mặt hàng cung cấp theo định lượng (lương thực, chất đốt, thịt, cá, muối, nước mắm) nhiều khi không đủ, cán bộ công nhân viên vẫn phải mua ở thị trường tự do với giá cao gấp nhiều lần. Các loại thực phẩm như: cá, trứng, gia cầm v.v... vẫn khan hiếm vì các cơ sở sản xuất quốc doanh chưa giải quyết được thức ăn gia súc, sản phẩm giao nộp ngày càng giảm, Thành phố chưa có chính sách khuyến khích chăn nuôi đến các hộ gia đình xã viên. Việc thu mua hàng công nghệ phẩm còn chòng chẹo giữa Trung ương với địa phương, làm cho giá cả biến động. Việc tiếp nhận hàng của Trung ương gặp không ít trở ngại: phổ biến là hàng giao không đủ, không kịp thời, ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức bán lẻ phục vụ người tiêu dùng. Việc nắm nguồn hàng nông sản, công nghệ phẩm tuy có một số tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa vươn lên mạnh trong kinh doanh; phương thức tổ chức thu mua cũng như phân phối vẫn còn nhiều sơ hở; tiêu cực nội bộ còn nặng; quản lý thị trường chưa có hiệu quả, thị trường tự do còn lấn át thị trường xã hội chủ nghĩa; giá cả tiếp tục tăng; đời sống cán bộ công nhân viên chức và lực lượng vũ trang còn rất nhiều khó khăn.

Cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền năm 1985 là sự thử nghiệm một giải pháp tích cực nhằm kiên quyết xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp. Song do thiếu chuẩn bị chu đáo, không tính hết các khó khăn, chủ trương này đã bộc lộ nhiều sai lầm, làm cho tình hình càng trở nên phức tạp. Cuối năm 1985 sang đầu năm 1986 những thiếu sót về chính sách giá - lương - tiền đã tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội Thủ đô. Ngân sách và tiền mặt là những vấn đề gay gắt nhất. Tiền mặt bội chi ngày càng nhiều, tháng 1/1986 bội chi 331,6 triệu tháng 2/1986 bội chi 99 triệu. Tiền mặt trong lưu thông tăng với tốc độ cao làm cho đồng tiền mất giá nhanh; giá cả thị trường tăng vọt. Trong tháng 1 và 2 năm 1986, mỗi tháng giá cả tăng từ 23 đến 25%. Nhà nước không kiểm soát được thị trường; tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng; thương nhân lợi dụng đầu cơ, buôn lậu gây rối loạn thị trường. Năm 1986 lạm phát tăng vọt tới 700%.

Tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội đã làm cho mức sống của người lao động hưởng lương bị giảm sút nghiêm trọng. *Đời sống nhân dân tiếp tục có khó khăn* tuy Thành phố đã có chủ trương bảo đảm cung ứng một số mặt hàng

công nghệ phẩm thiết yếu theo định lượng. Mặc dù đã có những biện pháp khuyến khích tăng thu nhập trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, thực hiện trợ cấp xã hội, song *mức sống của người lao động hưởng lương bị giảm sút, tiền lương thực tế không đủ bù đắp sức lao động hao phí*. Riêng trong năm 1985, giá hàng tiêu dùng trên địa bàn Thành phố tăng gấp hơn 2 lần, thậm chí, giá hàng lương thực tăng tới 2,6 lần, giá hàng thực phẩm tăng 2,3 lần so với năm 1984. Giá cả thị trường tháng 6/1986, so với tháng 10/1985 tăng 375%; lượng hàng hoá không đủ bán theo định lượng; lương thực mới nhận được 5% kế hoạch, thịt lợn còn thiếu 500 tấn, đường 370 tấn, xà phòng 500 tấn. Do giá cả tăng nhanh, tiền lương thực tế tháng 6/1986 so với tháng 10/1985 chỉ còn 47,9% không đủ bù đắp lao động hao phí. Đời sống cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang hết sức khó khăn, chật vật. Lo cho bữa ăn là mối quan tâm từng ngày của các hộ dân thành phố. Gần 80% chi tiêu của hộ nông dân và 83,6% chi tiêu của hộ CBCNVC dành cho ăn uống.

Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hạ tầng tuy có đạt kết quả bước đầu đặc biệt là trong lĩnh vực nhà ở, giao thông và chiếu sáng đô thị, song vẫn còn quá thấp so với yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống. Năm 1985 là năm diện tích nhà ở hoàn thành đạt mức cao nhất (15,5 vạn m²), song có đến hơn 1/2 số này là nhà cấp 4 bán kiên cố (8,58 vạn m²). Trong số 1660 km đường giao thông do huyện và thành phố quản lý thì chỉ có 728 km rải nhựa, còn lại là đường cấp phối và rải đá. Nguồn vốn đầu tư đã ít, vật tư cung ứng thiếu, lại được phân bổ cho quá nhiều công trình, làm kéo dài thời gian thi công, chất lượng xây dựng kém, hiệu quả sử dụng thấp. Nhiều xã ngoại thành chưa có điện lưới, qui mô nội thành không lớn mà nhiều cụm dân cư chưa được cung cấp nước sạch. Việc cải tạo lại mang lưới hạ thế và cấp nước trong nội thành mới chỉ đang ở giai đoạn lập kế hoạch. Quy hoạch phát triển đô thị chưa thống nhất; quá trình đô thị hoá mới chỉ dừng ở mức tự phát theo kiểu “vét dầu loang”, không quản lý được. Tình trạng triển khai cùng một thời gian quá nhiều công trình làm cho việc bố trí vốn cung ứng vật liệu phân tán, kéo dài thời gian; tệ nạn ăn cắp vật tư, làm dôi làm ẩu khá nghiêm trọng làm cho chất lượng công trình giảm sút. Công tác quản lý các quy tắc xây dựng cơ bản không chặt chẽ, tình trạng xây nhà trái phép ở nội thành, thị xã, thị trấn và lấy đất nông nghiệp ngoại thành làm nhà xảy ra khá phổ biến không được xử lý nghiêm và kịp thời. Kết cấu hạ tầng đô thị của Thành phố còn rất thấp so với yêu cầu quy hoạch Thủ đô cũng như những yêu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống của nhân dân.

Sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ vẫn được duy trì, song chất lượng và hiệu quả thấp. Thành phố thiếu các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ khoa học, công nhân lành nghề và thiếu điều kiện đồng bộ về vật chất kỹ thuật, kết quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cũng như việc nhân rộng và phát huy các điển hình tiên tiến còn rất hạn chế. Đầu tư cho xây dựng cơ bản sự nghiệp giáo dục chỉ chiếm 5,0%; chi cho sự nghiệp y tế, văn hoá thể thao chiếm 4,0% tổng chi xây dựng cơ bản của thành phố. Đây là thời kỳ nền giáo dục gặp nhiều khó khăn: chất lượng giáo dục giảm

sút, số học sinh lưu ban, bỏ học tăng; cơ sở vật chất, kỹ thuật thiếu; đời sống của giáo viên có nhiều khó khăn. Về y tế, trong tổng số 376 xã, phường, thị trấn chỉ có 280 đơn vị có trạm y tế và trong 15 quận, huyện, chỉ có 4 nhà hộ sinh ở nội thành.

Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô diễn ra rất phức tạp, gay go, quyết liệt. Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân, cuộc đấu tranh chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, chống tội phạm hình sự, chống tiêu cực còn ít hiệu quả. Trật tự an toàn xã hội lúc này vẫn là mối quan tâm thường xuyên và là một nhiệm vụ cấp bách và lâu dài của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đánh giá: “*Cơ chế quản lý tập trung quan liêu dựa trên bao cấp của Nhà nước được thực hiện từ nhiều năm nay, đã không tạo được động lực phát triển, lại còn làm suy yếu nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, giảm sút năng suất, đẩy chất lượng sản phẩm và lưu thông vào tình trạng rối loạn...*”⁵. Đối với Hà Nội, mặc dù “*công cuộc cải tạo và xây dựng Thủ đô đã có một bước tiến mới*”⁶, song, sản xuất phát triển với tốc độ chậm, chất lượng và hiệu quả thấp, sản phẩm sản xuất ra và cung ứng cho Hà Nội chưa đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của nhân dân; cơ sở vật chất - kỹ thuật của các ngành kinh tế, văn hoá vẫn còn cách xa yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hàng vạn người lao động chưa có việc làm; tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật trong lao động tập thể còn phổ biến; pháp luật Nhà nước, kỷ cương xã hội không được tôn trọng; tiêu cực xã hội phát triển mạnh, lòng tin của nhân dân bị giảm sút. Bộ máy Nhà nước từ Thành phố đến cơ sở nặng nề, quan liêu và mang nặng tư tưởng bảo thủ, trì trệ, trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước, tạo ra một sức ỳ lớn cản trở sự phát triển của xã hội.

2. Nhu cầu bức xúc phải đổi mới

Trước thực tiễn khắc nghiệt những năm đầu thập kỷ 80, với những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, nhất là khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng, với những trở trờ, tìm tòi, thành công và thất bại... đã tạo thành những tiền đề để Đảng bộ và nhân dân Hà Nội cùng toàn Đảng, toàn dân đi vào thời kỳ đổi mới; đặt ra một yêu cầu khách quan: *muốn thoát khỏi khó khăn, Thủ đô cùng cả nước tất yếu phải tiến hành công cuộc đổi mới một cách toàn diện*. Đó là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh dân tộc và cách mạng nước ta.

Những mầm mống của tư tưởng đổi mới đã được bắt đầu từ trước 1986. Tuy nhiên, những cố gắng bứt phá, “vượt rào” ở các doanh nghiệp, những thử

⁵ Văn kiện Đại hội lần thứ IV của ĐCSVN, 1986.

⁶ Văn kiện Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố, 1986: Tốc độ phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp bình quân 1981-1983 tăng 10,5%, từ 1983-1985 là 12,7%; sản xuất lương thực bình quân hàng năm tăng 8%, sản lượng thịt hơi tăng 33%, xuất nhập khẩu tăng bình quân 9,7%, sau 5 năm xây dựng 45 vạn m² nhà ở (trong đó riêng năm 1985 là 15,5 vạn m²)...

nghiệm, tìm tòi ở các địa phương không thể phát huy tác dụng mạnh mẽ nếu như không có bước ngoặt trong đổi mới về tư duy và nhận thức, thể hiện trước hết bằng việc xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Vì vậy, đến năm 1986, đổi mới tư duy và đổi mới cơ chế quản lý được xác định là yêu cầu cấp bách, là nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân.

Với tinh thần *tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã nghiên cứu, phân tích sâu sắc những khuyết điểm, sai lầm trong 10 năm xây dựng đất nước thống nhất; trên cơ sở đó, đề ra chủ trương, giải pháp đổi mới đất nước với nội dung cốt lõi là: đổi mới cách nghĩ, cách làm (đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới phong cách làm việc); đổi mới tổ chức và cán bộ; nhằm thực hiện quyết tâm chiến lược là: xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X được chuẩn bị theo tinh thần và định hướng trên, xác định *những vấn đề trọng đại*⁷, mở đầu cho thời kỳ đổi mới: *phải thật sự đổi mới nhận thức, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ*; mọi công việc phải lấy *hiệu quả kinh tế - xã hội là mục tiêu*; phải chuyển mạnh từ cách làm ăn theo lối cũ quan liêu, bao cấp sang hoạt động năng động, sáng tạo, hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN.

III. VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG ĐỔI MỚI Ở THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Những thành tựu nổi bật của 20 năm đổi mới ở Thủ đô trước hết bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Thành phố. Quán triệt nghiêm túc và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, Thành uỷ Hà Nội không ngừng đổi mới tư duy, quan điểm về lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng. Đây là một quá trình phát triển nhận thức từ thấp đến cao; có kế thừa, có đấu tranh, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thành phố, trong nước và quốc tế.

A. Đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế

Trong nhận thức và lãnh đạo phát triển kinh tế thời kỳ trước năm 1986, trên cơ sở quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ Thành phố đã thể hiện những cố gắng và sáng tạo riêng. Tuy nhiên, do tình hình chung của cả nước nên tư duy kinh tế thời kỳ trước năm 1986 của Đảng bộ Hà Nội là *tư duy bao cấp trong một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung*. Tư duy này biểu hiện ở cơ chế hành chính - mệnh lệnh và cơ chế "xin - cho". Khi thủ đô cùng đất nước chuyển sang xây dựng kinh tế thị trường, nhiều nhận thức về phát triển kinh tế không còn phù hợp với tình hình mới.

Quá trình đổi mới nhận thức, tư duy của Đảng bộ Hà Nội trong lãnh đạo phát triển kinh tế là sự quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện đặc thù của Thủ đô Hà Nội. 20 năm đổi mới vừa qua với

⁷ Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố, tháng 10/1986.

Đảng bộ thành phố Hà Nội là quá trình vừa chỉ đạo thực tiễn, vừa bổ sung, hoàn thiện tư duy, nhận thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thủ đô.

1. Về chủ trương phát triển kinh tế:

Đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới ở Thủ đô - Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố đã xác định quan điểm và nhiệm vụ cơ bản trong nhiệm kỳ 1986 - 1990 là ổn định tình hình kinh tế - xã hội của Thủ đô, ổn định đời sống nhân dân, lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý kinh tế. Mục tiêu Đại hội X chỉ rõ phải "*phát triển sức sản xuất*", "*đẩy nhanh tốc độ phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả của sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế*".

Tư tưởng đúng đắn về việc phải tập trung trước hết vào phát triển sản xuất là nền tảng, sợi chỉ đỏ trong chỉ đạo, góp phần tạo nên biến đổi sâu sắc bộ mặt kinh tế Thủ đô thời kỳ đổi mới. Mặc dù kết thúc nhiệm kỳ Đại hội X, tình hình kinh tế của Thành phố vẫn còn khó khăn, nhiều cơ sở kinh tế vẫn lúng túng trong đổi mới phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh; lĩnh vực lưu thông vẫn lộn xộn; giá cả và lạm phát vẫn chưa kiểm chế được, nhưng cũng chính những quan điểm đúng đắn được đề ra từ Đại hội này và những kết quả nhất định đạt được đã khởi nguồn cho những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế Thủ đô từ 1991 đến nay.

Bước vào giai đoạn đổi mới tiếp theo, Hà Nội lại có được thuận lợi cơ bản, đó là sự quan tâm đặc biệt của Trung ương với việc ban hành Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15-12-2000 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong thời kỳ 2001 - 2010 và Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở quán triệt chỉ đạo của Trung ương, đồng thời tiếp nối những tư tưởng đổi mới của các kỳ đại hội trước, Đại hội XIII Đảng bộ thành phố Hà Nội (12-2000) xác định phải phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, gắn kết kinh tế Thủ đô với kinh tế vùng trọng điểm Bắc Bộ, phân đầu đạt mục tiêu phát triển kinh tế cơ bản của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005: "*Tập trung phát triển mạnh lực lượng sản xuất kết hợp chặt chẽ với xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nhịp độ phát triển kinh tế nhanh, bền vững*". Không chỉ *phát triển kinh tế nhanh*, mà phải *phát triển kinh tế bền vững*, phải phát huy sức mạnh tổng hợp, với tầm nhìn kinh tế vùng là quan điểm mới, có những yếu tố đi trước trong chỉ đạo của Đại hội XIII.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI, Hà Nội tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đều và vững chắc trong nhiều ngành kinh tế. Hầu hết các mục tiêu quan trọng đều đạt và vượt so với kế hoạch.

2. Về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và CNH, HĐH Thủ đô

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nội dung quan trọng của CNH, HĐH. Nhận thức về chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có những đổi mới cơ bản và ngày càng được hoàn thiện trong thực tiễn các giai đoạn phát triển kinh tế Thủ đô. Xuất phát từ vai trò, vị thế, tiềm năng và điều kiện cụ thể của Hà Nội, trong những

năm đổi mới, Đảng bộ Hà Nội luôn quan tâm chỉ đạo xây dựng cơ cấu kinh tế Thủ đô phù hợp với định hướng của Trung ương, phù hợp điều kiện cụ thể của Hà Nội trong từng thời kỳ, đồng thời phát huy được tiềm năng, lợi thế của Thủ đô và có tác dụng thúc đẩy đối với sự phát triển chung của vùng và cả nước.

Ngay từ Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố, Hà Nội đã quan tâm phát triển kinh tế theo chiều sâu, chú trọng chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành và nội ngành. Đại hội X đã nhận định: "một nền kinh tế có cơ cấu hợp lý mới ổn định và phát triển được" và đề ra mục tiêu phải "từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý của Thủ đô". Chủ trương của Đại hội X là *"phải xây dựng cơ cấu kinh tế bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế đối ngoại"*. *"Công nghiệp phải tiến lên trình độ hiện đại, có những ngành mũi nhọn, những sản phẩm tiêu biểu cho Thủ đô và giữ vị trí quan trọng trong việc cung ứng tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng cho cả nước. Nông nghiệp phải được trang bị kỹ thuật mới, áp dụng nhanh chóng các thành tựu khoa học hiện đại về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, để trở thành vành đai thực phẩm lớn, bảo đảm cung ứng ngày càng tăng hàng hoá cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của nhân dân thành phố. Dịch vụ phải được xây dựng và từng bước hiện đại hoá để đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của một trung tâm công nghiệp lớn... Kinh tế đối ngoại bao gồm cả xuất, nhập khẩu và các quan hệ hợp tác kinh tế dưới mọi hình thức giữa Hà Nội với Thủ đô các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác, phải được mở rộng nhanh chóng để sử dụng có hiệu quả sự phân công hợp tác quốc tế"*.

Sau khi ổn định được sản xuất nông nghiệp, bước vào giai đoạn mới của công nghiệp hoá, đồng thời để phát huy vai trò đầu tàu của Thủ đô đối với phát triển kinh tế vùng, Đại hội XI Đảng bộ Thành phố (1990) đề ra *chủ trương mới về chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô, theo đó hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế là công nghiệp - thương mại, dịch vụ, du lịch - nông nghiệp*. Đại hội cũng nhấn mạnh *cơ cấu kinh tế đó phải được hình thành trên cơ sở liên kết kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương trên địa bàn Hà Nội, có tính đến nhu cầu mở rộng liên kết kinh tế với toàn vùng, với các tỉnh khác cũng như hợp tác với nước ngoài*.

Đại hội XII Đảng bộ Thành phố khởi đầu thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH theo tinh thần của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Tại Đại hội này, Thành phố vẫn lựa chọn công nghiệp là hướng ưu tiên số một, nhưng trong các ngành dịch vụ đã có sự thay đổi so với Đại hội XI với việc *ưu tiên cho ngành du lịch*. Cơ cấu kinh tế Thủ đô được xác định tại Đại hội XII là *công nghiệp - thương mại, du lịch, dịch vụ - nông nghiệp*. Đặc biệt, Đại hội XII đã cụ thể hoá và chú ý nhiều hơn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành, nhất là công nghiệp. Công nghiệp Hà Nội phải phát triển với tốc độ nhanh, hiệu quả kinh tế lớn, trên cơ sở cải tiến cơ cấu sản xuất với phương châm ưu tiên những ngành đòi hỏi công nghệ và hàm lượng chất xám cao, kết hợp với những ngành nghề truyền thống, từng bước sử dụng công nghệ tiên tiến và thu hút nhiều lao động, đáp

ứng nhu cầu của thị trường, thay thế dần hàng nhập khẩu mà trong nước sản xuất được, bảo đảm môi trường sinh thái. Trong khi coi trọng sản xuất sản phẩm cơ khí chế tạo mà Hà Nội có thế mạnh, cần tăng cường sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đầu tư công nghiệp phục vụ nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại... *Đổi mới cơ cấu công nghiệp và công nghệ, tăng nhanh tốc độ phát triển các ngành công nghiệp, trước hết là 5 ngành công nghiệp then chốt: Cơ khí - đồ điện; Công nghiệp điện tử; Dệt - may - da; Công nghiệp thực phẩm; Công nghiệp xây dựng.* Việc lựa chọn 5 ngành công nghiệp then chốt như vậy là sự cụ thể hoá tư duy đổi mới về cơ cấu nội ngành công nghiệp nhằm thúc đẩy CNH, HĐH Thủ đô.

Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, công nghiệp vẫn được chú trọng phát triển, nhưng đồng thời có sự quan tâm hơn đến phát triển dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH và gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Nghị quyết Đại hội XIII nêu rõ phải *xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng ưu tiên phát triển các lĩnh vực có sử dụng công nghệ cao, hiệu quả kinh tế lớn, ít gây ô nhiễm môi trường; giải quyết nhiều việc làm; nâng cao trình độ, chất lượng dịch vụ trở thành thế mạnh của kinh tế Thủ đô; phấn đấu đi đầu cả nước về CNH, HĐH nông thôn, về tiếp cận kinh tế tri thức; phục vụ hiệu quả yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, của các tỉnh lân cận, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước.* Đại hội XIII khẳng định cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 2001 - 2005: "*Hà Nội cần tiếp tục thực hiện tốt cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp*", đồng thời cũng đề ra chủ trương cho giai đoạn tiếp theo phải "*chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*".

Thực hiện các quan điểm chỉ đạo trên, trong những năm qua, cơ cấu kinh tế Thủ đô luôn chuyển dịch tích cực theo định hướng đã đề ra. Ngoài những thay đổi về mặt quy mô và tỷ lệ các ngành trong cấu thành nền kinh tế, mối quan hệ giữa các ngành cũng có thay đổi căn bản theo hướng ngày càng chặt chẽ hơn. Sản xuất công nghiệp không chỉ bám sát yêu cầu của sản xuất nông nghiệp và hoạt động dịch vụ mà còn cùng với các ngành này theo sát nhu cầu của thị trường. Hoạt động dịch vụ ngày càng gắn vào và phục vụ đắc lực cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp. Trong mối liên hệ hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển giữa các ngành, sự phát triển của công nghiệp Thủ đô đã đóng vai trò trung tâm thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển. Đặc biệt, cơ cấu trong nội bộ từng ngành đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh những phân ngành, nhóm ngành sử dụng công nghệ mới, hiện đại, hàm lượng chất xám cao. Nhiều ngành kinh tế mới đã hình thành và được đầu tư phát triển, như công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp vật liệu mới, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ tư vấn...

Bên cạnh đó, Hà Nội cũng đang có những bước chuyển trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo để *cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* phát triển mạnh ở giai đoạn 2006 - 2010, thể hiện qua chủ trương phát triển các

ngành dịch vụ trình độ, chất lượng cao như ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, du lịch, bưu chính - viễn thông, dịch vụ đối ngoại,...

Có thể nói, Đảng bộ thành phố Hà Nội đã quán triệt chủ trương, định hướng về chuyên dịch cơ cấu kinh tế, CNH, HĐH của Đảng một cách nghiêm túc và sáng tạo, phù hợp điều kiện cụ thể Thủ đô trong từng giai đoạn của quá trình gần 20 năm đổi mới vừa qua. Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ thành phố về chuyên dịch cơ cấu kinh tế cũng thường xuyên được đổi mới theo hướng tập trung, sâu sát, cụ thể. Trong 10 chương trình công tác lớn của Thành uỷ Hà Nội khoá XIII, có 4 chương trình liên quan trực tiếp đến chuyên dịch cơ cấu kinh tế là: *Chương trình tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực* (Chương trình số 13); *Chương trình nâng cao hiệu quả đầu tư, phát triển một số ngành dịch vụ, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế* (Chương trình số 11); *Chương trình phát triển kinh tế ngoại thành và từng bước hiện đại hoá nông thôn* (Chương trình số 12); *Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin* (Chương trình số 04). Nội dung các chương trình trên thể hiện sự tập trung cao độ, sự quán triệt và vận dụng sáng tạo của Thành phố về phát triển và chuyên dịch cơ cấu kinh tế: *Công nghiệp (có chọn lọc); Dịch vụ (trình độ cao, chất lượng cao); Nông nghiệp (đô thị, sinh thái) theo hướng mở cửa hội nhập và hiện đại hoá.*

3. Về các thành phần kinh tế và kinh tế thị trường định hướng XHCN

Nhận thức về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế là vấn đề cốt lõi trong việc xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN. Tuy nhiên, không phải ngày một ngày hai mà có được nhận thức đầy đủ về vấn đề này. Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố nhận định: cần "*tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương và những người làm nghề ăn uống dịch vụ*". Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó bên cạnh kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, Thành phố sớm nhận thức vai trò, tiềm năng và tạo điều kiện để khuyến khích phát triển mạnh kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân) đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ đời sống. Đây là sự nhạy bén trong tư duy lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố.

Quán triệt đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội XIII Đảng bộ thành phố Hà Nội khẳng định rõ chủ trương: "*Phát triển mạnh các thành phần kinh tế*". "*Tăng cường vai trò chủ đạo kinh tế nhà nước; củng cố nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh và liên kết chặt chẽ giữa các thành phần kinh tế trên địa bàn, giữa kinh tế Hà Nội với kinh tế cả nước*". Đặc biệt, Thành phố tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hộ gia đình... phát triển; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề gắn với giải quyết công ăn việc làm; cải thiện môi trường đầu tư, tạo cơ chế và mở rộng các kênh, hình thức hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp thuộc

các thành phần kinh tế khác nhau... Nhờ đó, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Đề xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thủ đô, Thành phố có chủ trương "*phát triển đồng bộ các loại hình thị trường*". Hiện tại, Thành phố đang tập trung vào việc phát triển thị trường tài chính (đặc biệt là thị trường vốn và thị trường chứng khoán), ổn định và quản lý hiệu quả thị trường bất động sản, phát triển thị trường sức lao động, tạo lập và phát triển thị trường khoa học - công nghệ để hình thành và phát triển các loại hình thị trường một cách đồng bộ, xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thủ đô.

Nhận thức và quan điểm chỉ đạo chung của Đảng bộ Thành phố là hết sức rõ ràng, đặc biệt nhấn mạnh việc tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế (gồm 6 thành phần như Đại hội IX đã xác định) phát triển bình đẳng bởi các thành phần kinh tế này đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế

Cơ chế, chính sách là sự cụ thể hoá chủ trương, đường lối chung, là sự thể hiện bao quát nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế trong chỉ đạo thực tiễn, có tính năng động và linh hoạt, do đó là động lực lớn cho sự phát triển. Trong công tác lãnh đạo, Đảng bộ Thành phố hết sức quan tâm đến việc đổi mới cơ chế, chính sách để luôn tạo động lực cho kinh tế phát triển.

Về cơ bản, chủ trương xoá bỏ triệt để cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã được kiên trì thực hiện từ khi tiến hành đổi mới đến nay. Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố đã thể hiện bước chuyển đầu tiên trong đổi mới nhận thức về cơ chế quản lý (lúc này nhận thức về cơ chế thị trường chưa hình thành rõ ràng): "*phải xoá bỏ lối quản lý quan liêu bao cấp, chuyển mạnh sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch nhà nước*".

Cùng với tiến trình đổi mới, phương thức vận hành nền kinh tế bằng cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hình thành trên thực tiễn và cũng được nhận thức ngày càng rõ hơn. Các công cụ luật pháp, chính sách, quy hoạch, kế hoạch được phối hợp sử dụng ngày càng hiệu quả. Bản thân mỗi công cụ quản lý này cũng liên tục được đổi mới. Kế hoạch hoá trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay khác bản chất với phương thức điều hành nền kinh tế bằng kế hoạch và chỉ tiêu mệnh lệnh trước đây. Chính việc sử dụng công cụ quy hoạch, kế hoạch một cách hiệu quả tạo nên đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở đổi mới nhận thức như vậy, Đại hội XIII Đảng bộ Thành phố đã làm rõ hơn, cụ thể hơn một số vấn đề về sử dụng cơ chế, chính sách trong phát triển kinh tế: "coi trọng sử dụng cơ chế kinh tế gắn với lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động, phát triển mạnh các thành phần, loại hình kinh tế, phát huy dân chủ từ cơ sở, tạo động lực trực tiếp cho sự phát triển"; "tiếp tục đổi mới quản lý doanh nghiệp, *tách chức năng quản lý sản xuất kinh doanh với chức năng quản lý nhà nước*"; "tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hộ gia đình phát triển...". Theo tinh thần đó, Thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp tổ chức, tài chính, khen thưởng để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Đảng bộ Thành phố cũng đã đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết của đảng bằng việc *cụ thể hoá nghị quyết thành các chương trình công tác lớn trong mỗi nhiệm kỳ*. Thành uỷ Hà Nội khoá XII đã lựa chọn và xây dựng 12 chương trình công tác để chỉ đạo triển khai trong toàn khoá. Thành uỷ khoá XIII tiếp tục lựa chọn và xây dựng 10 chương trình công tác lớn và 9 cụm công trình trọng điểm để tập trung chỉ đạo thực hiện. Phong cách lãnh đạo cũng thường xuyên được đổi mới theo hướng chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm và quyết liệt hơn, tạo nên sự tin tưởng ngày càng cao của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Trên cơ sở sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền thành phố Hà Nội hiện đang tiếp tục tháo gỡ, đổi mới nhiều cơ chế chính sách theo hướng đồng bộ, thông thoáng, nhất quán, phù hợp với những nguyên tắc của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư nước ngoài nhằm đẩy nhanh tăng trưởng, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, đi đầu cả nước trong sự nghiệp CNH, HĐH.

Tóm lại, quá trình đổi mới nhận thức về phát triển kinh tế của Đảng bộ Hà Nội kể từ năm 1986 đến nay là một quá trình sáng tạo thực sự, đổi mới thực sự trong tư duy và phong cách lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, được thể hiện ra trong các hành động thực tiễn, góp phần tích cực để kinh tế Thủ đô ngày càng đạt những thành tựu cơ bản và vững chắc, vững bước đưa nền kinh tế Thủ đô vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng một nước Việt Nam công nghiệp hoá vào năm 2020.

B. Đổi mới nhận thức, tư duy về xây dựng và quản lý đô thị

Giai đoạn trước năm 1986, do điều kiện khó khăn về kinh tế - xã hội, trong lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, UBND Thành phố chủ yếu tập trung vào ổn định kinh tế, phát triển sản xuất; nhận thức về xây dựng và phát triển đô thị trong giai đoạn này còn hạn chế, chưa thấy được nhu cầu cần thiết và khả năng phát triển Thủ đô thành một đô thị lớn, hiện đại. Từ năm 1986 đến nay, quá trình đổi mới nhận thức về xây dựng và quản lý đô thị thể hiện:

1. Về công tác quy hoạch phát triển đô thị

Giai đoạn 1986-1988, Thành uỷ chưa xác định đúng vai trò quan trọng công tác quy hoạch, chủ yếu đặt vấn đề ở góc độ kiến trúc đô thị; về quy hoạch cũng mới bước đầu định hướng về xây dựng các tuyến phố nhưng chưa rõ nét và chưa đúng hướng phát triển đô thị hiện đại.

Từ năm 1988-1990, Thành uỷ đã quan tâm hơn đến quy hoạch phát triển đô thị. Năm 1989, Thành uỷ trình Bộ Chính trị xin điều chỉnh lại địa giới hành chính: cắt một số huyện và thị xã về tỉnh Vĩnh Phú và tỉnh Hà Sơn Bình. Xét về mặt quản lý, việc điều chỉnh địa giới nói trên tại thời điểm đó phù hợp với khả năng, trình độ và định hướng quá trình công nghiệp hoá Thủ đô, nhưng chưa thật phù hợp về mặt quy hoạch phát triển đô thị sau này. Việc xác định hướng phát triển nội thành về phía Tây và Tây Bắc, đô thị hoá theo hai tuyến Hà Nội - Hà Đông và Hà Nội - Văn Điển, dọc đường lên Sơn Tây và lên cầu Thăng Long là chủ trương tích cực nhưng vẫn còn những hạn chế. Tháng 12/1989, lần đầu tiên Thành uỷ tổ chức hội nghị chuyên sâu về vấn đề quy hoạch và phát triển đô thị. Năm 1992, với việc thành lập Văn phòng kiến trúc sư trưởng, công tác quy hoạch đô thị được đặt thành một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và phát triển đô thị.

Trong 2 năm 1995 - 1996, Thành phố thành lập thêm 3 quận mới: Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy nhằm phát triển, mở rộng nội thành về phía Tây Bắc, Tây và Tây Nam và là chủ trương đúng, phù hợp với định hướng phát triển đô thị. Giai đoạn này, Thành phố quy hoạch nhiều dự án phát triển các khu đô thị, khu hành chính, khu vui chơi giải trí, công trình văn hoá, xã hội, một số khu công nghiệp tập trung và các khu công nghiệp vừa và nhỏ; thể hiện sự chuyển biến nhận thức phát triển đô thị theo quy hoạch, vừa đảm bảo phát triển kinh tế, vừa đảm bảo phát triển đô thị theo hướng hiện đại. Năm 1997, việc Thành phố chấp thuận cho phép hợp tác với nước ngoài lập quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội và các dự án xây dựng khu đô thị mới là một nét mới đột phá trong tư duy, nhận thức của Thành uỷ về công tác quy hoạch, phát triển đô thị.

Từ năm 1998, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quy hoạch đô thị, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh lại quy hoạch phát triển Hà Nội, Thành uỷ đã chỉ đạo các ngành chức năng tập trung triển khai quy hoạch chi tiết của 10 quận, huyện. Công tác quy hoạch được đặt là tiền đề, là định hướng và là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế và đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá. Thành phố đã quy hoạch các khu đô thị mới có quy mô lớn ở các huyện ngoại thành; cụ thể hoá định hướng phát triển đô thị về phía Bắc sông Hồng và phía Tây Thủ đô.

Sau khi có nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (tháng 12/2000) và Pháp lệnh Thủ đô (tháng 01/2001), những chủ trương, định hướng của Thành uỷ ngày càng được làm sáng tỏ. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ

Thành phố lần thứ XIII (tháng 12/2000) đã xác định chủ trương "*đẩy nhanh tốc độ xây dựng và tăng cường quản lý đô thị*" với các nhiệm vụ cụ thể: xây dựng và quản lý đô thị phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quản lý quy hoạch đô thị và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, phát triển các khu đô thị mới đi đôi với quản lý, bảo tồn, tôn tạo các khu phố cổ, khu phố cũ...

Thành phố đã xây dựng quy hoạch các khu đô thị mới, quy mô lớn thuộc các huyện Đông Anh, Từ Liêm, Gia Lâm; cụ thể hoá định hướng phát triển đô thị về phía Bắc sông Hồng và phía Tây Thủ đô. Đến nay, đã bước đầu triển khai một số dự án, trong tương lai không xa sẽ tạo ra một diện mạo mới cho Thủ đô; đó là một Hà Nội mới văn minh, hiện đại bên cạnh một Hà Nội cổ kính ngàn năm. Thực tiễn công tác quy hoạch đô thị Hà Nội trong những năm qua đã chứng minh sự thay đổi tư duy, nhận thức trong lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng và phát triển đô thị.

Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, Thành uỷ đã có ý kiến chỉ đạo về việc điều chỉnh quy hoạch và đầu tư các dự án khu đô thị mới của Hà Nội. Đến cuối năm 2003, trên cơ sở đề nghị của Thành phố, Chính phủ đã cho phép thành lập thêm 2 quận mới là Hoàng Mai, Long Biên, mở rộng quy mô đô thị và là cơ sở để phát triển Thủ đô, tiến hành CNH, HĐH, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô.

2. Về công tác đầu tư xây dựng, phát triển đô thị

Giai đoạn 1986-1989, công tác đầu tư xây dựng và phát triển đô thị chủ yếu nhằm giải quyết những vấn đề nhà ở, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng một phần nhu cầu đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Tháng 01/1991, chỉ thị 22-CT/TU của Thành uỷ đã yêu cầu các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng tạo điều kiện để các đơn vị, cá nhân huy động các nguồn vốn để xây dựng nhà ở. Nhận thức về huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng và phát triển đô thị từ các đơn vị, tổ chức và nhân dân bắt đầu được hình thành. Tháng 01/1993, Hội nghị Thành uỷ lần thứ 6 xác định một trong những mục tiêu cơ bản năm 1993 là tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; từng bước đổi mới bộ mặt đô thị của Thành phố. Việc gắn kết giữa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật với đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội lần đầu tiên được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo. Đây là sự đổi mới tư duy, nhận thức đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn chất lượng đời sống nhân dân. Bước đầu thực hiện xã hội hoá việc xây dựng nhà ở của nhân dân. Tháng 5/1998, Thành uỷ ban hành Chương trình số 12-CTr/TU về phát triển nhà ở Hà Nội đến năm 2000 và năm 2010, Nghị quyết Hội nghị 13 (khoá XII, tháng 7/1999) xác định một trong ba nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Thành phố là xây dựng nhà ở. Tháng 5/1999, Thành uỷ chỉ đạo: tạo vốn từ đất để xây dựng hạ tầng là một trong những trọng tâm của các cấp các ngành. Đây là hướng mới trong việc giải quyết nguồn vốn cho đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vốn rất khó khăn, thiếu thốn. Bước đầu có sự đổi mới nhận thức, coi đất đai là một nguồn tài nguyên vô

cùng quan trọng để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và đô thị của Thủ đô. Giai đoạn 1998-2000 và những năm về sau, Thành uỷ cũng đã quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung khác trong công tác xây dựng, phát triển đô thị như: chủ trương xã hội hoá trong đầu tư và phát triển nhà ở, xoá bỏ nhà chia lô, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, một số nhóm dự án trọng điểm xây dựng đồng bộ đường và phố... Trong 5 năm (2000 - 2005), Thành phố đã xây dựng mới trên 6 triệu m² nhà ở, nâng diện tích nhà ở bình quân đầu người lên 7,5m²; đang xây dựng trên 40 khu đô thị mới và nhiều chung cư cao tầng, hiện đại.

3. Về công tác quản lý đô thị

Giai đoạn trước năm 1986, quản lý đô thị chỉ được đề cập đến trên góc độ quản lý các mặt công tác: cung ứng điện, nước, xử lý rác thải, trật tự giao thông, vệ sinh môi trường... Năm 1988, lần đầu tiên Thành uỷ đã quan tâm và có ý kiến chỉ đạo về việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố. Hội nghị lần thứ 11 (khoá X) đã coi công tác quản lý đô thị là một nhiệm vụ then chốt và xác định nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo trong hai năm 1989-1990 là: tạo một bước chuyển về công tác quản lý đô thị và các hoạt động văn hoá, xã hội của Thủ đô. Công tác quản lý đô thị dần được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sắc và cụ thể hơn. Hội nghị Thành uỷ lần thứ 15 (khoá X) tháng 2/1990 đã xác định một trong nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ Thành phố năm 1990 là: tạo sự chuyển biến rõ nét và duy trì thường xuyên công tác quản lý xây dựng, quản lý Thành phố. Công tác quản lý xây dựng đã được coi trọng hơn; tư duy, nhận thức về công tác xây dựng, quản lý đô thị đã có sự biến chuyển phù hợp, nâng cao hơn. Việc quản lý đất đai trở thành đòi hỏi bức xúc và đã được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo nhằm ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất công, vi phạm Luật đất đai, Pháp lệnh đê điều. Đây là đợt xử lý đầu tiên trên quy mô rộng đối với các trường hợp vi phạm, tạo ra một ý thức mới trong công tác quản lý đất đô thị.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII (tháng 5/1996) đã coi công tác quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên, rất quan trọng ... Cùng với Nghị quyết 24-NQ/TU về quản lý trật tự xây dựng đô thị nhằm hạn chế, kiểm soát tình trạng xây dựng không phép, trái phép phổ biến trong nhân dân, Nghị quyết số 20-NQ/TU về công tác giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, Chương trình công tác số 08-CTr/TU của Thành uỷ về xây dựng và quản lý đô thị đã khẳng định sự quan tâm đến lĩnh vực xây dựng và quản lý đô thị, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Thành phố, là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để xây dựng một Thủ đô văn minh, hiện đại.

Trong nhiệm kỳ 2001-2005, nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác quản lý đô thị được nâng cao hơn, được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt hơn. Những nội dung quan trọng, bức xúc

trong công tác quản lý đô thị thường xuyên được Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ đưa ra trao đổi, bàn bạc và cho ý kiến chỉ đạo. Tháng 4/2002 Thành uỷ ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU về giải quyết một số vấn đề cấp bách về giao thông và văn minh đô thị. Hội nghị Thành uỷ lần thứ 10 khoá XIII (tháng 01/2003) xác định nhiệm vụ công tác năm 2003 là năm tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng; giao thông, kỷ cương và văn minh đô thị; hướng về cơ sở. Hội nghị Thành uỷ lần thứ 14 (tháng 01/2004) đã đề ra một trong những chủ đề của năm 2004 là "*cải thiện môi trường xã hội*"; trong đó công tác quản lý đô thị về giao thông, trật tự đô thị, văn minh đô thị, vệ sinh môi trường... là những nội dung được Thành uỷ yêu cầu các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo cụ thể, sâu sát. Hà Nội đã thành lập thanh tra xây dựng; coi trọng công tác xây dựng, quản lý văn hóa - xã hội...

Tóm lại, trong suốt quá trình 20 năm đổi mới, nhận thức trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Thành phố về công tác xây dựng và quản lý đô thị có nhiều biến chuyển tích cực. Thành uỷ ngày càng nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn tầm quan trọng, vị trí, vai trò của xây dựng và quản lý đô thị trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị; coi quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng; xác định quy hoạch là điều kiện đầu tiên, quan trọng nhất trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới nhận thức, không phải không có lúc nhận thức của Đảng bộ Hà Nội chưa theo kịp với sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hoá Thủ đô; có lúc, có lĩnh vực còn chủ quan, duy ý chí, chưa có tầm nhìn chiến lược, sự chỉ đạo chưa thực sự phù hợp với quá trình phát triển, dẫn đến tình trạng có việc, có lúc phải bỏ ra nhiều công sức để điều chỉnh, sửa chữa, hoàn thiện.

C. Đổi mới tư duy, nhận thức về phát triển văn hoá - xã hội

Trong 20 năm qua, Đảng bộ Thành phố đã liên tục có sự đổi mới nhận thức trên tất cả các lĩnh vực văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, chăm sóc con người, lao động, việc làm, giải quyết tệ nạn xã hội. Đối với mỗi thời kỳ, vận dụng những chủ trương, tư tưởng của Trung ương Đảng, dựa trên tình hình kinh tế - chính trị ở Thủ đô và cả nước, Đảng bộ Thành phố đã kịp thời đổi mới nhận thức, đề ra những chủ trương, giải pháp thích hợp.

1. Về phát triển văn hoá

Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố năm 1986 đã xác định: công tác văn hoá có vị trí quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi phải được nâng cao toàn diện cả về qui mô lẫn chất lượng.

Năm 1991, trước tình hình phức tạp về chính trị của thế giới, sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã xác định phải tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của văn hoá, coi văn hoá là công cụ sắc bén trên mặt trận tư tưởng; đấu tranh chống các tư tưởng phản động, phi văn hoá, đòi truy; bài trừ hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Năm 1996, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố đã tiếp tục đặt ra những mục tiêu cao hơn cho việc phát triển văn hoá Thủ đô. Đó là phải nhanh chóng có qui hoạch phát triển, bảo tồn và tôn tạo các công trình, di tích văn hoá - lịch sử - cách mạng; bảo vệ các cổ vật, giữ gìn, tôn tạo các khu phố cổ, làng cổ theo đề án đã được duyệt; bảo tồn và phát huy các loại hình văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá; hoàn chỉnh và thực hiện qui hoạch phát triển ngành văn hoá Thủ đô đến năm 2010.

Tháng 9/1998, nhận thức về sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa ở Thủ đô *đã được nâng lên một tầm cao mới* thông qua việc Thành uỷ ban hành Chương trình hành động số 13 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, cụ thể là phấn đấu xây dựng, phát triển văn hoá Hà Nội trở thành một bộ phận tiêu biểu của văn hoá Việt Nam, đưa văn hoá thấm thâu vào mọi lĩnh vực, mọi hoạt động, mọi thành viên của cộng đồng dân cư, lấy văn hoá làm mục tiêu và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Sau khi có Nghị quyết 15 - NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố (tháng 12/2000) chỉ rõ việc phải *đặc biệt coi trọng yếu tố con người, phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hoá*, xem văn hoá là nguồn tài nguyên quý giá của Thủ đô, gắn kết chặt chẽ văn hoá với kinh tế, đưa văn hoá vào mọi chương trình, dự án phát triển, làm cho văn hoá thấm sâu vào mỗi con người, mỗi gia đình và cộng đồng, tạo nên sức mạnh và độ bền của quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Xác định, xây dựng văn hoá Thủ đô cần tập trung vào việc xây dựng con người; đề cao vai trò chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hoá của nhân dân.

Để có kế hoạch cụ thể, thực hiện đồng bộ việc xây dựng và phát triển văn hoá Thủ đô, Thành uỷ có Chương trình số 05 - CTr/TU ngày 30/5/2001 về kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, nhấn mạnh đến nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn này là tập trung chăm lo phát triển văn hoá, xây dựng người Hà Nội theo tiêu chí văn minh, thanh lịch, hiện đại.

Thành phố phát huy phong trào “Người tốt, việc tốt”; đẩy mạnh cuộc vận động “Nếp sống văn minh, gia đình văn hoá”, xây dựng Thủ đô xanh - sạch, thanh lịch, kỷ cương...; tổ chức tốt các sự kiện văn hóa - thể thao lớn, làm động lực đẩy nhanh tốc độ phát triển Thủ đô (kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội; Seagames 22; Asem 5; 50 năm ngày giải phóng Thủ đô...); thực hiện quy hoạch phát triển ngành Văn hoá - thông tin Thủ đô; xây dựng và chỉ đạo thực hiện Chương trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội; triển khai chương trình Xây dựng văn hoá người Hà Nội. Cuộc vận động "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và các phong trào xây dựng nếp sống văn minh được triển khai tích cực, rộng khắp, mang lại những hiệu quả rõ nét.

2. Về phát triển giáo dục - đào tạo

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, Đảng bộ Thành phố đã xác định phải nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; nhấn mạnh việc đầu tư cho sự nghiệp giáo dục cần được thực hiện bằng sức của Nhà nước và nhân dân, mở đầu cho thời kỳ “*xã hội hoá giáo dục*”.

Năm 1991, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã thể hiện sự đổi mới nhận thức thông qua việc tập trung thực hiện xã hội hoá giáo dục - đào tạo. Cụ thể là mở rộng thực hiện việc xã hội hoá giáo dục, thực hiện đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo với hệ thống trường công, bán công và dân lập ở các ngành học phổ thông, bổ túc văn hoá, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, trường vừa học vừa làm đáp ứng nhu cầu học văn hoá và học nghề của học sinh.

Năm 1996, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố đã đặt ra yêu cầu cao hơn cho ngành giáo dục - đào tạo, đó là: giáo dục - đào tạo ở Thủ đô phải đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, khoa học giáo dục của thế giới để đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá; tiếp tục xây dựng chính sách, biện pháp khuyến khích học sinh giỏi, ưu tiên bồi dưỡng và sử dụng tài năng.

Tháng 9/1998, Thành uỷ đã nâng cao nhận thức về sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục - đào tạo thông qua việc ban hành Chương trình hành động số 13 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Chương trình hành động đã thể hiện sự đổi mới nhận thức của Thành phố trong việc chỉ ra phương hướng phát triển mới cho giáo dục - đào tạo. Đó là củng cố, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường công lập; rút kinh nghiệm và tăng cường chỉ đạo hoạt động các trường bán công, dân lập, tư thục. Phát huy vai trò của các trường đại học, cao đẳng trong việc đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ CNH - HĐH Thủ đô.

Bước vào thế kỷ 21, nhận thức về phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng bộ Hà Nội tiếp tục được nâng cao. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố đã xác định: phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những động lực để thúc đẩy công nghiệp hoá - hiện đại hoá Thủ đô, tăng trưởng kinh tế của Thủ đô.

Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long của Thành uỷ khoá XIII đã tiếp tục bổ sung những nhận thức mới về chính sách phát triển giáo dục - đào tạo, nhấn mạnh vào: xây dựng và triển khai có kết quả chiến lược đào tạo nghề, khắc phục tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về cơ cấu đào tạo "thừa thầy, thiếu thợ" và tâm lý chạy theo bằng cấp, đầu tư mạnh hơn cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội

ngũ giáo viên ; phân đấu xây dựng Hà Nội thành trung tâm đào tạo - giáo dục có uy tín của cả nước và khu vực.

3. Đổi mới nhận thức về phát triển khoa học - công nghệ

Nhận thức rõ những mặt còn yếu kém của công tác khoa học - công nghệ thời kỳ trước đổi mới, Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố (10/1986) xác định: khoa học - công nghệ phải bám sát nhiệm vụ kinh tế - xã hội, góp phần đổi mới quản lý kinh tế, quản lý đô thị, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tại nhiệm kỳ thứ hai của thời kỳ đổi mới (1991 - 1995), công tác khoa học - công nghệ tiếp tục được Đảng bộ Thành phố đánh giá cao và tập trung đầu tư phát triển, mở rộng sự hợp tác quốc tế và tranh thủ các nguồn vốn của nước ngoài đầu tư cho khoa học - công nghệ; đặc biệt, có cơ chế chính sách thích hợp để tập hợp lực lượng khoa học - công nghệ, thu hút các nhà khoa học giỏi.

Trước sự phát triển mạnh về kinh tế của khu vực và thế giới, để chuẩn bị chiến lược cho hội nhập kinh tế thế giới của Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung trong thế kỷ mới, Đại hội lần thứ XII Đảng bộ chủ trương: dựa vào kết quả nghiên cứu khoa học như một cơ sở quan trọng để ban hành các quyết định, chủ trương về lãnh đạo quản lý, đặc biệt ở cấp Thành phố; đổi mới nhanh công nghệ thông qua việc nhập công nghệ tiên tiến và hiện đại, thực hiện phương châm “đi tắt, đón đầu”; xây dựng chương trình trọng điểm công nghệ cao.

Tháng 9/1998, Thành uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 13 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, chủ trương đẩy mạnh các hoạt động khoa học - công nghệ, đặc biệt là khoa học xã hội và nhân văn và công nghệ thông tin, hướng hoạt động khoa học - công nghệ phục vụ thiết thực, hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội Thủ đô; ưu tiên việc xây dựng, triển khai chương trình nghiên cứu tổng kết lịch sử 1000 năm Thăng Long và chương trình ứng dụng tin học vào công tác quản lý.

Những năm đầu thế kỷ XXI, trước sự phát triển mạnh mẽ của nền khoa học - công nghệ thế giới trong thế kỷ mới và sự đòi hỏi cấp thiết công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố nhấn mạnh: phát triển khoa học - công nghệ là một trong những động lực để thúc đẩy công nghiệp hoá - hiện đại hoá thủ đô. Hà Nội cần tạo môi trường thuận lợi nhất cho việc nghiên cứu và triển khai các ý tưởng khoa học, công nghệ mới; biết sử dụng và phát huy cao độ tiềm năng của đội ngũ tri thức, công nhân lành nghề; có cơ chế chính sách “chiêu hiền, đãi sĩ, thu hút nhân tài”; đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý hoạt động khoa học - công nghệ ; tập trung phát triển các công nghệ mũi nhọn, thông tin, sinh học, vật liệu mới...

4. Đổi mới nhận thức về công tác chăm sóc con người, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc

Trước năm 1986, tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội đã làm cho mức sống của người lao động bị giảm sút nghiêm trọng. Trước thực trạng đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố nhấn mạnh: muốn chăm sóc con người, trước hết phải phát triển mạnh mẽ các dịch vụ hoạt động đời sống xã hội; cải thiện đời sống cho người lao động, tập trung giải quyết cơ bản vấn đề lương thực cho toàn Thành phố; dành một tỷ lệ vốn đầu tư cần thiết để thực hiện chính sách xã hội của Đảng; tăng cường công tác quản lý dân số, hạn chế đến mức thấp nhất dân số ngoại thành vào làm việc và cư trú tại Thành phố. Đối với việc tăng cường sức khoẻ cho nhân dân, trong hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn, Thành uỷ nhấn mạnh phải mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao; tích cực vận động xây dựng một đội ngũ vận động viên có đạo đức và phẩm chất tốt, trẻ, tài năng, từng bước bồi dưỡng để tiếp cận trình độ Đông Nam Á.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã xác định: phải tập trung chỉ đạo giải quyết việc làm và chăm lo đời sống nhân dân; áp dụng rộng rãi các hình thức bảo hiểm xã hội; thực hiện kiên quyết và đồng bộ các biện pháp nhằm làm tốt công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình. Trong công tác khám, chữa bệnh, bên cạnh việc thu viện phí, cần tổ chức bệnh viện phục vụ những người nghèo. Coi trọng công tác giải quyết tệ nạn xã hội, trước hết là mại dâm, ma tuý; xác định các nhiệm vụ xây dựng nền thể thao Thủ đô là hình thành đội ngũ những người hoạt động thể dục thể thao chuyên nghiệp và nhà nghề.

Năm 1996, trước tình hình kinh tế trong nước đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố đã đặt công tác chăm sóc con người lên tầm cao mới, chính sách xã hội phải hướng tới bảo đảm công bằng xã hội, giảm khoảng cách giữa người giàu và nghèo, ưu đãi những đối tượng đặc biệt trong xã hội. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, đặc biệt là dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Tiếp tục mở rộng công tác bảo hiểm y tế tự nguyện và bắt buộc, bảo hiểm y tế cho người nghèo và các đối tượng chính sách, tăng cường quản lý nhà nước đối với khu vực y, dược tư nhân. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của các phong tục tập quán lạc hậu đối với công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Xây dựng nền thể dục thể thao Hà Nội mang tính đại chúng, dân tộc và tiên tiến.

Năm 2001, trước những yêu cầu, đòi hỏi mới, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố đã có sự đổi mới quan trọng về nhận thức thông qua các định hướng thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tăng giàu; phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, các quỹ trợ giúp xã hội; phổ biến kinh nghiệm làm ăn và cho vay vốn với lãi suất thấp đối với người nghèo. Chương trình số 09 - CTr/TU ngày 24/8/2001 của Thành uỷ khoá XIII đã đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc giai đoạn 2001 - 2005: quan tâm giải

quyết việc làm cho các đối tượng chính sách nhằm từng bước thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội; chăm lo giải quyết các nhu cầu dân sinh bức xúc về nhà ở, điện, nước, học tập, khám chữa bệnh... phòng ngừa, chặn đứng và từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội thông qua việc nâng cao nhận thức trách nhiệm của từng gia đình, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đặc biệt là cấp cơ sở...

Thành phố tập trung phát triển y tế chuyên sâu; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong khám chữa bệnh, mở rộng hợp tác quốc tế. Đa dạng hoá các mô hình chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. Huy động toàn xã hội thực hiện tốt chương trình bảo vệ giáo dục, chăm sóc trẻ em, ngăn chặn các hành vi xâm hại trẻ em. Xây dựng nền thể dục thể thao tiên tiến và dân tộc.

Chính những chủ trương và giải pháp đúng đắn đó đã góp phần quan trọng đưa Hà Nội trở thành địa phương có môi trường và điều kiện chăm lo phát triển con người vào loại tốt nhất ở nước ta.

D. Đổi mới tư duy, nhận thức về công tác xây dựng Đảng

Cùng với việc đẩy mạnh đổi mới tư duy về kinh tế, Đảng bộ thành phố Hà Nội không ngừng chú trọng và tăng cường đổi mới nhận thức về công tác xây dựng Đảng.

1. Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Bước vào những năm đầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, nhất là khủng hoảng kinh tế - xã hội từ đầu năm 1986, Thành uỷ đã có kế hoạch triển khai Chỉ thị 79 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiến hành tự phê bình và phê bình trong Đảng, chuẩn bị đại hội Đảng các cấp, tập trung thảo luận góp ý xây dựng văn kiện chuẩn bị trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Thành uỷ đã tổ chức nhiều hội nghị để thảo luận, đề ra chủ trương, giải pháp đổi mới cách nghĩ, cách làm (đổi mới tư duy), nhất là tư duy kinh tế; đổi mới phong cách làm việc; đổi mới tổ chức và cán bộ, nhằm thực hiện quyết tâm chiến lược là xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố được chuẩn bị theo tinh thần và định hướng trên.

Giai đoạn 1986 -1988, là giai đoạn bắt đầu chuyển hướng các mặt hoạt động theo nội dung đổi mới. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố và các nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, 3, 4, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô đã khắc phục khó khăn, từng bước triển khai giải quyết các vấn đề cấp bách, trong đó công tác chính trị tư tưởng luôn được coi trọng. Với khẩu hiệu "Toàn Đảng làm công tác tư tưởng", đã khơi dậy và mở rộng dân chủ thông qua các chủ trương cụ thể, như: đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở; tạo không khí cởi mở, công khai, nói thẳng, nói thật trong ngôn

luận; tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết khiếu tố, lấy ý kiến dân chủ tín nhiệm cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành...

Trong thời gian này, các chủ trương chính sách trên chưa kịp thời phát huy tác dụng trong thực tiễn; tình hình kinh tế - xã hội Thành phố tiếp tục khó khăn, có mặt càng thêm gay gắt, như giá cả và lạm phát tăng nhanh (năm 1988 so với 1987, giá cả tăng 424%, lạm phát tăng 5 lần), nợ lương và lương thực cán bộ, công nhân, viên chức kéo dài, thiên tai gây thiếu đói giáp hạt ở một số vùng. Những đổi mới rất tích cực về công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng vào ổn định tình hình chính trị - xã hội, giữ vững đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân.

Từ giữa năm 1988 đến năm 1990, các chủ trương chính sách đổi mới bắt đầu phát huy tác dụng. Đặc biệt Hội nghị Thành uỷ lần thứ 11 (tháng 2/1989) đánh dấu bước đầu phát triển mới về tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đã bổ sung chủ trương, biện pháp tiếp tục sự nghiệp đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế thị trường phát triển mạnh sản xuất kinh doanh, trên cơ sở thực hiện "ba mở": mở rộng phát triển các thành phần kinh tế; mở rộng liên kết kinh tế với các địa phương trong cả nước; mở rộng kinh tế đối ngoại. Thực hiện mua bán hàng hoá, vật tư một giá kinh doanh; xoá bỏ toàn bộ tem phiếu cung cấp; lập các ngân hàng chuyên doanh, tín dụng nhân dân, cho tư nhân kinh doanh vàng bạc, đá quý... Nhờ vậy, tình hình kinh tế - xã hội có những bước tiến đáng kể.

Gắn với tiến trình đổi mới kể trên, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân có những diễn biến phức tạp, đan xen giữa tích cực và tiêu cực; giữa phấn khởi, tin tưởng và bi quan, hoài nghi. Công tác tư tưởng trong giai đoạn này tập trung khẳng định sự cần thiết và tính đúng đắn của đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; bước đầu trang bị những quan điểm, kiến thức mới; làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân Thủ đô nhất trí với đường lối, quan điểm của Đảng; xác định được những nguyên tắc tư tưởng chỉ đạo quá trình đổi mới là: xoá bỏ tận gốc cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp trong kinh tế, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN, đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ Thủ đô, trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị, đoàn kết thống nhất.

Bước sang giai đoạn 1991-1995 dựa trên cơ sở tổng kết việc thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội VI, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; thông qua Điều lệ Đảng sửa đổi. Đại hội tiếp tục khẳng định kiên trì con đường đi lên CNXH, xác định 6 đặc trưng của CNXH ở Việt Nam, 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ, xác định những định hướng lớn trong chính sách kinh tế, đồng thời đề ra đổi mới hệ thống chính trị, phát huy nền dân chủ XHCN.

Vận dụng đường lối Đại hội VII của Đảng, Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố (tháng 11/1991) tiếp tục xác định tư tưởng chỉ đạo xây dựng và phát triển Thủ đô theo Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị khoá V (năm 1983) là: "Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đầu não về chính trị, về văn hoá và khoa học kỹ thuật; đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước". Với định hướng đó, Đại hội đã quyết định 5 mục tiêu và 7 nhiệm vụ lớn của Đảng bộ Hà Nội trong 5 năm 1991-1995, trong đó *phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt*. Sau Đại hội, Thành uỷ đã xây dựng thành 8 chương trình công tác lớn bao trùm các mặt hoạt động của Thành phố để tổ chức thực hiện trong suốt nhiệm kỳ.

Năm 1991-1992, sự kiện Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ đã ảnh hưởng lớn đến công tác xây dựng đảng của Đảng ta. Một bộ phận không nhỏ đảng viên và nhân dân bi quan, hoài nghi với tương lai cách mạng của đất nước; trong đó có một số người dao động, giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Lợi dụng cơ hội đó, các thế lực phản động trong và ngoài nước cấu kết với nhau tăng cường hoạt động "diễn biến hoà bình" chống phá cách mạng nước ta trên nhiều mặt, đặc biệt trên lĩnh vực tư tưởng.

Đảng bộ Hà Nội đã đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng, từng bước đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp công tác tư tưởng theo hướng tăng cường thông tin và thực hiện rộng rãi việc trao đổi ý kiến, đối thoại; kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục, định hướng tư tưởng với đấu tranh tư tưởng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996) đã khẳng định: sau 10 năm kiên trì con đường đổi mới do Đảng đề ra, nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, thế và lực của đất nước đã được nâng lên rõ rệt. Chủ trương phát triển thời kỳ tới là: đẩy mạnh CNH, HĐH; phấn đấu đến 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp.

Vận dụng tư tưởng của Đại hội VIII vào điều kiện cụ thể của Thủ đô, Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố (tháng 5/1996) đã đề ra chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH, với 5 mục tiêu tổng quát: đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế; củng cố quan hệ sản xuất; hoàn chỉnh quy hoạch quản lý đô thị; cải thiện môi trường cuộc sống nhân dân và giữ vững ổn định chính trị.

Công tác tư tưởng thời kỳ này hướng vào giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định con đường XHCN; kiên quyết chống "diễn biến hoà bình"; thi đua xây dựng người Thủ đô thanh lịch - hiện đại, chuẩn bị kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội.

Trong Chương trình 09 (ngày 01/02/1998) "Thực hiện một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng" đồng thời với việc thường xuyên bồi dưỡng lý luận quan điểm, kiên định đường lối chủ nghĩa Mác - Lênin, Thành uỷ chỉ rõ:

cần tăng cường học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh. Yêu cầu các cấp uỷ Đảng phải phấn đấu để thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, trình độ trí tuệ, đủ năng lực nắm bắt và dự báo được tình hình, đề ra được chủ trương nghị quyết thiết thực, hiệu quả, giám quyết đoán, giám chịu trách nhiệm, không né tránh đùn đẩy trong hoạt động thực tiễn.

Cùng với việc nâng cao trình độ chính trị, trí tuệ, phải chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch lành mạnh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác. Đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Phát hiện và xử lý kịp thời việc truyền bá các quan điểm sai trái, tán phát tài liệu phản động, độc hại. Chi bộ phải quản lý tốt đảng viên. Phương thức công tác tư tưởng phải không ngừng đổi mới, tăng cường củng cố và nâng cao chất lượng của các cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) đã nhìn lại 15 năm đổi mới, định ra phương hướng chiến lược phát triển đất nước 20 năm tới, đặc biệt 10 năm đầu thế kỷ XXI.

Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố (tháng 12/2000) đã vận dụng tinh thần Nghị quyết của Đại hội IX, đề ra định hướng phát triển Thủ đô thời kỳ 2001-2010 và nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm 2001-2005.

Trước Đại hội, cùng với việc tổ chức thành công kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô vinh dự đón nhận danh hiệu Thủ đô anh hùng; đón nhận Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001-2010 và Pháp lệnh về Thủ đô của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Đề sớm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, trong năm 2001, Thành uỷ đã xây dựng 10 chương trình công tác lớn, trong đó có Chương trình 06-CTr/TU (ngày 01/8/2001) về "xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn 2001-2005", tập trung vào ba nội dung chính là công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác cán bộ.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về đổi mới công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, Thành uỷ đã xây dựng Đề án số 20 - ĐA/TU, tập trung tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Thủ đô. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, tích cực tham gia nghiên cứu lý luận. Chủ động tiến công làm thất bại chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật Đảng với mọi đảng viên hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, viết thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu. Tăng cường lãnh

đạo và quản lý báo chí, xuất bản, để báo chí thật sự là tiếng nói của Đảng, chính quyền, đồng thời là diễn đàn của nhân dân.

Từ 2001 đến nay, Thành uỷ rất coi trọng việc đổi mới cách ban hành Nghị quyết và cách quán triệt, học tập, nghiên cứu nghị quyết: Chỉ ra Nghị quyết mới có tính chuyên đề cần thiết, đích đáng và thiết thực; những Nghị quyết còn hiệu lực, những vấn đề chưa thực hiện thì tập trung chỉ đạo thực hiện. Đối với các Nghị quyết, chỉ thị của TW, Thành uỷ nghiên cứu, vận dụng, cụ thể hoá thành các chương trình hành động hoặc các đề án công tác để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố. Trong nghiên cứu học tập, không chỉ nghe giới thiệu mà kết hợp với tự nghiên cứu, suy nghĩ, dành nhiều thời gian cho thảo luận, đối thoại dân chủ, có liên hệ với thực tiễn ở địa phương.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ

Giai đoạn 1986-1990, Đảng bộ Hà Nội triển khai thực hiện hai cuộc vận động lớn về xây dựng Đảng: Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị về "cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm mạnh các quan hệ xã hội" và Thông tri số 11-TT/TW ngày 19/8/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể".

Năm 1986, Thành uỷ có 14 ban Đảng (Tổ chức, Tuyên huấn, UBKT, Văn phòng, Khoa giáo, Văn hoá văn nghệ, công nghiệp, nông nghiệp, Kinh tế, Dân vận, Nội chính, Thư từ tiếp dân, Tài chính quản trị, Lịch sử Đảng) và 4 đơn vị (Trường Đảng Lê Hồng Phong, Trường Đảng Tại chức, Báo HNMT, Nhà Xuất bản). Đến năm 1987, sáp nhập, giải thể một số ban, đơn vị, giảm xuống còn 11 ban Đảng và 4 đơn vị trực thuộc. Tháng 4 năm 1989 tiếp tục thực hiện bước 2 rút gọn xuống còn 5 ban Đảng và 3 đơn vị trực thuộc, trong đó có một ban đặc thù là Ban Cán sự Đại học - Cao đẳng.

Đối với các quận, huyện uỷ từ 7 ban Đảng (năm 1986) rút gọn xuống 6 ban (năm 1987) và xuống còn 4 ban (năm 1988).

Như vậy, về tổ chức, Thành phố đã từng bước sắp xếp lại bộ máy theo hướng gọn nhẹ, bớt khâu trung gian chồng chéo; giảm được 10 cơ quan trực thuộc Thành uỷ; 13 cơ quan trực thuộc UBND Thành phố; 12 phòng, ban của mỗi quận, huyện; xác định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của 20 sở; chuyên chức năng nhiệm vụ của Ban Đối ngoại thành Sở quản lý kinh tế đối ngoại; thành lập Văn phòng Kiến trúc sư để giúp UBND quản lý quy hoạch của Thành phố; chuyển một số công ty kinh doanh trực thuộc UBND Thành phố về các Sở quản lý nhà nước...

Về cán bộ, bước vào thời kỳ mới, đa số cán bộ đã thể hiện rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức vươn lên, ý chí kiên định và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; một số cán bộ đã tích cực học tập, nghiên cứu tự bồi dưỡng về kiến thức mới, năng lực mới, làm quen và thích ứng dần với sản

xuất hàng hoá, với cơ chế thị trường. Công tác cán bộ được tiến hành đồng thời với việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy (đánh giá, bố trí, sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý...). Trong 5 năm đã đề bạt, điều chỉnh, bổ sung 152 lượt cán bộ lãnh đạo chủ chốt của quận, huyện và Thành phố; cử 135 cán bộ đi nghiên cứu, học tập ở nước ngoài; 284 cán bộ đi học ở các trường của Trung ương; nhiều cán bộ cơ sở được dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng ở các trường của Thành phố. Hầu hết cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các quận, huyện, sở, ban, ngành được đào tạo kiến thức có hệ thống (84,7% đã học cao cấp lý luận; 81,5% có trình độ đại học và trên đại học). Một số quận, huyện, ngành bước đầu đã quan tâm đến công tác quy hoạch cán bộ.

Bước sang giai đoạn 1991-1995 trước tình hình Liên xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, cùng với việc thực hiện Chương trình 14-CTr/TU về "Thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng", Thành uỷ khoá XI đã xây dựng Chương trình 22-CTr/TU (ngày 12/4/1993) "về công tác tổ chức và cán bộ của Thành phố đến năm 1995".

Năm 1993 - 1994, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và yêu cầu của các Ban Đảng TW, Thành uỷ tái lập Ban Dân vận, Ban Nội chính, Tài chính - quản trị, thành lập thêm Ban Bảo vệ chính trị nội bộ, đưa tổng số các ban Đảng của Thành uỷ lên 10 ban. Cũng vào thời điểm này, Thành uỷ thành lập thí điểm 3 Đảng bộ khối DNNN (Công nghiệp nhẹ, Du lịch, Năng lượng) và 2 khối cơ quan (Liên cơ Thành uỷ, Liên cơ UBND Thành phố). Song, mô hình Đảng bộ chính quyền Liên cơ UBND Thành phố không thực hiện được, nên giải thể đưa các sở về sinh hoạt ở quận, huyện; còn lại Đảng bộ Văn phòng UBND Thành phố trực thuộc Thành uỷ.

Thực hiện Chương trình 22-CTr/TU, ngày 16/9/1993 Ban Thường vụ Thành uỷ có Chỉ thị 15-CT/TU về việc rà soát, quy hoạch và chuẩn bị đội ngũ cán bộ chủ chốt của Thành phố đến năm 1995 và đến năm 2000, đồng thời ra Nghị quyết 01-NQ/TU về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 1995-2000. Thành uỷ mạnh dạn đưa một số cán bộ trẻ, có phẩm chất, năng lực tốt về hoạt động ở cơ sở để chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt sau này. Những chủ trương trên đã góp phần tạo chuyển biến bước đầu trong công tác đào tạo một thế hệ cán bộ mới có phẩm chất, kiến thức, năng lực đủ sức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển toàn diện của Thủ đô trong những năm tiếp theo; khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ những năm trước đó, đồng thời tạo nguồn cán bộ cho Trung ương. Từng bước xây dựng được cán bộ có cơ cấu hợp lý, đồng bộ giữa các ngành nghề, lĩnh vực, lứa tuổi và nguồn cán bộ. Năm 1994, Hội nghị giữa nhiệm kỳ các cấp, toàn Thành phố bầu bổ sung 74 cấp uỷ viên, trong đó, Thành uỷ bổ sung 8 đồng chí; quận, huyện bổ sung 45 đồng chí; đảng uỷ trực thuộc bổ sung 21 đồng chí.

Giai đoạn 1996 - 2000, Thành phố thành lập thêm 3 quận mới Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy, nâng quy mô Đảng bộ Thành phố thêm một bước, bao gồm 7 đảng bộ quận, 5 đảng bộ huyện, 16 đảng bộ trực thuộc, 1 đảng bộ

cấp trên cơ sở (ĐH Quốc gia), 41 chi, đảng bộ cơ sở đại học - cao đẳng. Năm 1997, Nhà nước sắp xếp lại các bộ, trong đó Bộ Công nghiệp sáp nhập cả công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng và năng lượng. Để phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp lãnh đạo các cơ sở Đảng doanh nghiệp công nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn, Thành uỷ quyết định thành lập Đảng bộ khối công nghiệp (nhập khối công nghiệp nhẹ, năng lượng và số cơ sở Đảng doanh nghiệp khối công nghiệp nặng, trực thuộc Bộ Công nghiệp).

Cũng trong thời gian này, Thành uỷ thành lập thêm 3 Đảng bộ: TCT cơ khí xây dựng, TCT Vinaconex, TCT đầu tư và phát triển nhà. Đồng thời kiện toàn Khối các ban Đảng Thành uỷ, tiến tới thành lập khối các cơ quan Dân - Đảng Thành phố. Theo quyết định của Bộ Quốc phòng về việc thành lập BCH Quân sự Thành phố, Thành uỷ quyết định thành lập Đảng bộ BCH Quân sự TP.

Thực hiện NQ TW 7 (khoá VIII) về sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế, Thành uỷ xây dựng đề án sắp xếp lại tổ chức, tinh giản biên chế, đã giảm từ 10 ban xuống còn 7 ban (Ban Nội chính về Văn phòng; Ban BVCTNB về Ban Tổ chức; giải thể Ban Kinh tế). Về chính quyền đã sáp nhập Sở ĐC-NĐ, UBBVCSTE-UBDSKHHGD.

Tháng 10/1997, thực hiện NQ TW 3 (khoá VIII), Ban Thường vụ Thành uỷ xây dựng Kế hoạch số 16/TU về công tác cán bộ và đề ra 7 nhiệm vụ để triển khai chiến lược cán bộ đến năm 2000. Thực hiện chế độ bổ nhiệm cán bộ có thời hạn, chế độ thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức.

Bước sang giai đoạn 2001-2005, công tác tổ chức cán bộ được Thành uỷ tập trung lãnh đạo thông qua việc thực hiện Chương trình 06 - CTr/TU (01/8/2001) về "một số vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn 2001 - 2005".

Ban Thường vụ Thành uỷ đã chỉ đạo xây dựng các Đề án số 482 về công tác quy hoạch cán bộ; Đề án số 483 về công tác đánh giá, phân loại cán bộ; Đề án số 21 về tiếp tục thực hiện 3 Nghị quyết của TW về công tác tổ chức, cán bộ (NQTW 3 (khoá 7); TW3, TW7 (khoá 8)). Đồng thời thực hiện luân chuyển cán bộ theo NQ 11 của Bộ Chính trị.

Thực hiện Nghị định số 132/2003/NĐ-CP ngày 06/11/2003 của Chính phủ về việc thành lập 2 quận mới (Hoàng Mai và Long Biên) trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành uỷ quyết định thành lập 2 đảng bộ quận. Năm 2004 thành lập 4 đảng bộ Tổng công ty: Vận tải hành khách công cộng; Thương mại; Du lịch; Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị.

Với các ban Đảng, ngoài 5 ban theo quy định của Trung ương (Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban kiểm tra, Văn phòng); do đặc thù thủ đô, Thành uỷ xin phép Trung ương cho được giữ lại Ban Cán sự Đại học và đổi tên thành Ban công tác Đảng các trường Đại học - Cao đẳng (gọi tắt là Ban Đại học), Ban Tài chính Quản trị. Năm 2003 - 2004, do yêu cầu công tác,

Thành uỷ thành lập lại Ban Bảo vệ sức khoẻ và thành lập mới Ban Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

3. Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Tháng 9/1987, thực hiện NQ 04 của BCT về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, Hà Nội có Chỉ thị 19 - CT/TU (ngày 26/6/1990) về làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng và Chỉ thị 20 - CT/TU về đấu tranh chống tham nhũng. Thời kỳ này, Đảng bộ Hà Nội có 1981 cơ sở Đảng, với 13.733 chi bộ. Sau khi bàn giao 7 huyện, thị về Hà Tây và Vĩnh Phúc, Hà Nội còn lại 1.426 cơ sở Đảng, với 8.410 chi bộ và 134.517 đảng viên.

Tháng 9/1992, thực hiện Nghị quyết TW 3 (khoá VII), Thành uỷ xây dựng Chương trình 14 - CTr/TU về đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng. Giữa năm 1994 trên cơ sở sơ kết, rút kinh nghiệm 2 năm thực hiện Chương trình 14 - CTr/TU Thành uỷ chỉ đạo xây dựng quy chế hoạt động của các chi, đảng bộ cơ sở.

Từ năm 1996, thực hiện Nghị quyết TW 3 (khoá VIII) Thành uỷ xây dựng Kế hoạch số 16 - KH/TU sau đó kết hợp với Chương trình 22 - CTr/TU để xây dựng thành Chương trình 09 - CTr/TU về việc đảng viên sinh hoạt nơi cư trú, tổ chức làm điểm ở quận Hoàn Kiếm, đến 4/1997 triển khai rộng toàn Đảng bộ.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, Ban Thường vụ Thành uỷ đã ra Chỉ thị số 24 - CT/TU về kết nạp đảng viên, yêu cầu đảng viên mới được kết nạp phải tốt nghiệp phổ thông (lớp 12). Kết quả, năm 1997 toàn Đảng bộ kết nạp được 3.836 đảng viên. Nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ Hà Nội đầu năm 1997 lên 140.000 đảng viên.

Năm 1999-2001, Thành uỷ tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2), kiểm điểm từ trên xuống, làm điểm, nhân rộng. Thành uỷ (khoá XIII) xây dựng Kế hoạch số 13 - KH/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 6 (lần 2) và thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác chuyên trách theo dõi việc thực hiện Nghị quyết TW 6 (lần 2) trong toàn Đảng bộ.

Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Thành uỷ khoá XIII đã xây dựng Đề án 14 - ĐA/TU về đẩy mạnh công tác kiểm tra cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và Đề án 15 - ĐA/TU về tăng cường chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tổ chức kiểm tra thường xuyên công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và 19 điều cấm đối với đảng viên.

Tinh thần xuyên suốt các chỉ thị, nghị quyết của Thành uỷ từ khoá X đến khoá XIII là kiên trì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng

bộ trong sạch, vững mạnh, kiên quyết không để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng, những đổ vỡ lớn về kinh tế, xã hội.

4. Về đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo

Giai đoạn 1986 - 1990 là giai đoạn đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về đổi mới tư duy, nhất là tư duy về kinh tế. Đời sống xã hội lúc này gặp nhiều khó khăn, hàng hoá khan hiếm, thiếu thốn, giá cả tăng mạnh nguồn cung ứng hàng hoá thiết yếu phục vụ sinh hoạt không đáp ứng được yêu cầu. Trong hoàn cảnh đó, Thành uỷ, Thường vụ Thành uỷ đặc biệt đề cao phong cách lãnh đạo sâu sát, cụ thể. Các đồng chí cấp uỷ phải trực tiếp chỉ đạo, giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc trong sản xuất, kinh doanh, trong đời sống của cán bộ, nhân dân. Phương thức và phong cách lãnh đạo đã có ưu điểm là thiết thực, kịp thời, song cũng bộc lộ hạn chế: quy chế hoạt động của Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ có một số điểm chưa hợp lý chậm được sửa đổi. Chất lượng một số cuộc họp Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ chưa cao, thời gian họp còn dài, đề án chuẩn bị thiếu chu đáo, nội dung chỉ đạo quá cụ thể, nhiều việc làm thay chính quyền.

Giai đoạn 1991 - 1996, trên cơ sở 5 mục tiêu tổng quát của Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Thành uỷ đã xây dựng 8 chương trình công tác, trong đó có 3 chương trình kinh tế (06,13,18) được chỉ đạo ráo riết, nhờ đó sản xuất, kinh doanh đạt khá, tốc độ tăng trưởng ngày càng cao và ổn định. Gắn với các chương trình kinh tế và đô thị, Thành uỷ chú trọng chỉ đạo các chương trình văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng, kết hợp các chương trình trong một tổng thể thống nhất, do đó văn hoá - xã hội của Thủ đô đã khởi sắc, đời sống tinh thần có nhiều mặt được cải thiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng bộc lộ những hạn chế: quản lý Nhà nước trên địa bàn còn nhiều sơ hở, gây hậu quả nghiêm trọng như việc quản lý đất đai, đê kè, quản lý các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá; cải cách nền hành chính triển khai chậm; các biểu hiện trì trệ do phân công phân cấp trong quản lý Thành phố, quản lý cán bộ, quản lý đô thị... chậm được khắc phục; vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, hoạt động của các đoàn thể chưa rõ nét, chưa ngang tầm với nhiệm vụ.

Giai đoạn 1996 - 2000, Thành uỷ khoá XII đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tổng kết thực hiện 8 chương trình công tác của khoá XI, từ những thành tựu, hạn chế rút ra những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn cho giai đoạn sau. Ngay sau Đại hội, cùng với việc phổ biến Nghị quyết Đại hội, Thành uỷ tập trung xây dựng Quy chế làm việc theo hướng rõ nhiệm vụ; xây dựng chương trình công tác toàn khoá và coi đây là một trong những căn cứ cùng với những đề xuất từ thực tiễn của các cấp uỷ trực thuộc, của các đồng chí Thành uỷ viên để xây dựng chương trình công tác năm của cấp uỷ; thành lập 12 Ban chủ nhiệm chương trình công tác lớn của Thành uỷ.

Nhận thức rõ tiềm năng, vị thế của Thủ đô, Thành uỷ chủ động cùng các cơ quan TW tổng kết NQ8 của Bộ Chính trị (khoá V); nghiên cứu đề xuất đề Bộ Chính trị (khoá VIII) ra NQ15 và UBTVQH (khoá X) ra Pháp lệnh về Thủ đô. Những đổi mới trong phương thức, phương pháp lãnh đạo của Thành uỷ nhiệm kỳ XIII đã từng bước đưa hoạt động của các cấp uỷ, của hệ thống chính trị Thành phố đi vào nền nếp, theo hướng hiệu quả.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của khâu tổ chức thực hiện Nghị quyết, Thành uỷ khoá XIII đặc biệt coi trọng đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo, xem đó là điểm nhấn trong công tác xây dựng Đảng. Bắt đầu từ việc xây dựng đồng bộ quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ, của Ban Thường vụ, của Thường trực Thành uỷ; xác định rõ chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh; quy định các mối quan hệ giữa Thành uỷ, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể. Trên cơ sở Quy chế công tác đã ban hành, Thường vụ Thành uỷ chỉ đạo xây dựng các chương trình công tác hàng năm và định lịch làm việc hàng quý, hàng tháng, hàng tuần; đồng thời phân công chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, xây dựng các đề án công tác. Sinh hoạt Thành uỷ, Ban Thường vụ, Thường trực, giao ban lãnh đạo Thành phố với lãnh đạo các quận, huyện, giao ban lãnh đạo HĐND, UBND Thành phố đã trở thành nền nếp cố định, khoa học. Tài liệu hội nghị được gửi trước theo quy định; đến cuộc họp chỉ tóm tắt nội dung và nêu những vấn đề lớn, khó, hoặc còn ý kiến khác nhau để thảo luận. Trong hội nghị, khuyến khích tôn trọng các ý kiến thảo luận, tranh luận dân chủ thẳng thắn. Sau hội nghị các ý kiến chỉ đạo, kết luận của Bí thư được thông báo bằng văn bản để triển khai thực hiện.

Các chương trình, đề án, kế hoạch công tác được xây dựng công phu, có cơ sở khoa học và thực tiễn; có sự phân công rõ ràng trách nhiệm của cá nhân và các đơn vị thực hiện; rõ thời hạn và lộ trình triển khai; có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Các đồng chí lãnh đạo Thành phố tăng cường đi cơ sở, tiếp xúc với cán bộ, nhân dân cùng trao đổi, đối thoại vừa nắm tình hình, vừa kiểm tra công việc, phát hiện vấn đề, giúp cơ sở tháo gỡ những khó khăn một cách thiết thực, kịp thời. Chỉ đạo tập trung, ráo riết, dứt điểm, hiệu quả đang dần trở thành phong cách lãnh đạo chỉ đạo của lãnh đạo Thành phố, có hiệu ứng lan toả tích cực trong hệ thống chính trị Thành phố.

Có thể nói, lãnh đạo, chỉ đạo bài bản thông qua các chương trình, đề án cụ thể; coi trọng kiểm tra, đôn đốc; sát người, sát việc, sát cơ sở là những nét nổi bật của Đảng bộ Hà Nội trong quá trình đổi mới.

Tóm lại: Qua gần 20 năm đổi mới, Đảng bộ Hà Nội đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn của Hà Nội, với tinh thần đổi mới toàn diện, cả về tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới phong cách làm việc; đổi mới tổ chức và cán bộ; kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện lời dạy của Bác Hồ: xây dựng Đảng bộ Hà Nội thành đảng bộ kiểu mẫu.

E. Đổi mới tư duy, nhận thức về xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Bước vào thời kỳ đổi mới, ngay từ Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố đã đề ra mục tiêu "Kiện toàn hệ thống chuyên chính vô sản của Thành phố, tăng cường hiệu lực của chính quyền các cấp, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân lao động với HĐND". Thành uỷ khoá X đã thông qua 6 nhiệm vụ nhằm "Xây dựng và phát huy dân chủ, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị". Theo đó, tổ chức bộ máy các ban đảng, đầu mối sở, ngành đã giảm từ 30-50%, tổng biên chế hành chính giảm 25-40%. Việc tái lập một số ban, trong đó có Ban Dân vận Thành uỷ để tham mưu, đề xuất chỉ đạo kiểm tra công tác vận động quần chúng đã cho thấy nhận thức về vai trò của phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng Thủ đô. Đây là giai đoạn đầu đánh dấu tư tưởng đổi mới của Đảng bộ trong củng cố, xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Trung ương.

Thành uỷ khoá XI đã tập trung chỉ đạo cải tiến hoạt động của HĐND Thành phố; kiện toàn chính quyền cấp cơ sở phường, xã; chỉ đạo cải cách một bước nên hành chính nhà nước, song song với việc thành lập các ban chỉ đạo cải cách hành chính và kiện toàn các ban chỉ đạo chống tham nhũng, buôn lậu của thành phố; quan tâm xây dựng, đào tạo đội ngũ công chức và cán bộ chính quyền cơ sở.

Trong khoá XII, Thành uỷ tiếp tục quan tâm xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực, hiệu quả, tập trung trước hết là cải cách hành chính, trong đó khâu đột phá là cải cách thủ tục hành chính. Tổ chức bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể từ thành phố đến cơ sở tiếp tục được sắp xếp hợp lý cơ cấu, phù hợp với yêu cầu cải cách; quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ các cấp. Thành uỷ tập trung chỉ đạo 2 nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tiên hành cải cách hành chính ở các cấp, ngành thành phố trên 3 lĩnh vực: cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và xác định lại chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước.

Thành uỷ khoá XIII xác định trọng tâm là kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý các cấp, của đội ngũ cán bộ, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn, coi đó là đòn bẩy giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, nhằm phát huy đồng bộ sức mạnh của Thành phố. Chỉ đạo thực tiễn, Thành uỷ đã xây dựng Chương trình 07 về cải cách hành chính với 4 nội dung chính là cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức và cải cách nền tài chính công; đồng thời triển khai tích cực Đề án 16 của Thành uỷ về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn", nhằm từng bước củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị từ cơ sở lên thành phố vững chắc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, chỉ đạo triển khai sâu rộng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Các mặt công tác và phong trào hành động cách mạng của Mặt trận tổ quốc và đoàn thể quần chúng các cấp luôn được cấp uỷ đảng từ thành phố đến cơ sở quan tâm, chỉ đạo sát sao, cụ thể; từng bước đổi mới về phương thức chỉ đạo và nội dung hành động; nhạy bén trước những biến động và đòi hỏi của thực tiễn; thu hút ngày càng đông đảo quần chúng tham gia; không ngừng củng cố và nâng cao vai trò, vị trí của đoàn thể, đặc biệt là vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong xã hội; góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững chắc; giữ vững ổn định an ninh chính trị của thành phố và những thành tựu chung trong xây dựng Thủ đô giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

F. Đổi mới tư duy, nhận thức về công tác an ninh - quốc phòng, đối ngoại

1. Về công tác an ninh - quốc phòng

Thủ đô Hà Nội là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội quan trọng của Đảng, Nhà nước; đồng thời là mục tiêu trọng điểm mà các thế lực thù địch, phản động quốc tế và các đối tượng phản động trong nước luôn tìm mọi cách chống phá, nơi có nhiều điều kiện cơ hội thuận tiện để các loại tội phạm, tệ nạn xã hội ẩn náu hoạt động. Vì vậy mọi biến động về ANCT và TTATXH đều là vấn đề nhạy cảm, có tác động đến tâm tư tình cảm, đến các vấn đề xã hội của đông bào cả nước, ảnh hưởng lớn đến vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam trên diễn đàn quốc tế và khu vực. Đảng, Nhà nước ta luôn luôn quan tâm chăm lo và đặt ra yêu cầu rất cao đối với nhiệm vụ bảo vệ ANCT và TTATXH đối với địa bàn Hà Nội. Thành uỷ, UBND thành phố luôn coi nhiệm vụ giữ vững ANCT và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Hà Nội là nhiệm vụ chiến lược trọng điểm cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Trong suốt 20 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, Thủ đô Hà Nội luôn được nhân dân cả nước, bạn bè quốc tế đánh giá cao là nơi ổn định về chính trị, an toàn về trật tự xã hội, là "Thủ đô vì hoà bình". Đó là kết quả của quá trình đổi mới nhận thức của Đảng và Nhà nước ta về công tác an ninh - quốc phòng đã được Đảng bộ và nhân dân Thủ đô quán triệt sâu sắc.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng bộ Thành phố đã xác định, tuy đất nước đã hoà bình nhưng công tác QP-AN phải bảo đảm cho giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; gắn thực hiện nhiệm vụ QP-AN với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ đô. Xây dựng thế trận quốc phòng gắn với thế trận an ninh nhân dân; nâng cao sức mạnh nền quốc phòng toàn dân, xây dựng Thủ đô thành khu vực phòng thủ chiến lược; xây dựng kế hoạch phòng thủ từ xa, diễn tập phòng thủ hàng năm với quy mô cấp quận, huyện.

Từ khoá XI đến khoá XIII, Thành uỷ Hà Nội đều xây dựng "Chương trình bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội". Nội dung của chương trình có đối tượng đấu tranh, địa bàn bảo vệ, các giải pháp chủ yếu để phòng ngừa và các

biện pháp đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ tuyệt đối sự an toàn và ổn định bền vững cho Thủ đô, để góp phần vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Công tác QP-AN được cấp uỷ, chính quyền các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo và tổ chức thực hiện; đồng thời đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc mà nòng cốt là tạo nên sự phối kết hợp giữa các lực lượng công an, quân đội với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, được phát triển cả bề rộng và chiều sâu; tạo cơ sở cho hệ thống chính trị ngày càng được củng cố tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Thủ đô luôn được giữ vững ổn định; lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới mà Đảng ta khởi xướng ngày càng tăng, Thủ đô Hà Nội, nước Việt Nam trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội được bạn bè quốc tế tin tưởng.

Thành phố luôn dành sự đầu tư ưu tiên về lãnh đạo, chỉ đạo, về công tác cán bộ, về cơ sở vật chất phục vụ an ninh quốc phòng, cải cách tư pháp. Thành uỷ các khoá tập trung xây dựng sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Thủ đô, quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc" phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành thống nhất của nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt; tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh. Trong đấu tranh chống địch và các loại tội phạm phải quán triệt tinh thần cách mạng tiến công; kết hợp chặt chẽ giữa chủ động tấn công với chủ động phòng ngừa, giữa "xây" và "chống", trong đó phòng ngừa, xây là chính, chủ động phát hiện triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn tới đột biến bất ngờ. Trong giải quyết, xử lý vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, giữ vững nguyên tắc khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, dư luận quốc tế, lấy việc phát huy dân chủ, giáo dục thuyết phục là chính, đi đôi xử lý nghiêm minh các sai phạm.

2. Về công tác đối ngoại

20 năm thực hiện đường lối đổi mới, trên cơ sở đường lối đối ngoại chung của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ thành phố Hà Nội đề ra những chủ trương đối ngoại của Thủ đô một cách chủ động, sáng tạo và lãnh đạo các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể và nhân dân thực thi hoạt động đối ngoại nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho thành phố.

Nét nổi bật nhất về đổi mới tư duy trong công tác đối ngoại của Đảng bộ Thành phố là: Hà Nội đặt công tác đối ngoại thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược; chỉ đạo xây dựng chiến lược đối ngoại của Thủ đô. Ngoài việc mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trong nước, Hà Nội từng bước mở rộng các mối quan hệ đối ngoại nhà nước, đối ngoại nhân dân; chuyển mạnh từ đối ngoại chính trị sang đối ngoại kinh tế, văn hoá, du lịch, mở rộng quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi, phát triển ở tất cả các châu lục; tăng cường và mở rộng công tác đối ngoại nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội; tập trung vào mục đích vì hoà bình, đoàn kết hữu nghị.

Trong mỗi giai đoạn cụ thể, các chủ trương, chính sách của Đảng đối với công tác đối ngoại luôn được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện phù hợp với những điều kiện mới, với những bước chuyển mới trong mục tiêu và phương thức của hoạt động đối ngoại. Trọng tâm trong giai đoạn hiện nay được xác định là ngoại giao phải phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế. Yêu cầu đó được cụ thể hoá bằng những chủ trương thúc đẩy các hoạt động kinh tế đối ngoại, đồng thời được hiện thực hoá trong thực tiễn chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và điều hành của chính quyền thành phố. Những chủ trương về hoạt động đối ngoại của các kỳ Đại hội Đảng bộ thành phố còn được cụ thể hoá thành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác của Thành uỷ. Thành uỷ Hà Nội khoá XII đã đề ra chương trình số 10-CTr/TU về *phát triển kinh tế đối ngoại đến năm 2000 và các năm tiếp theo*; Thành uỷ Hà Nội khoá XIII đề ra chương trình công tác số 11/CTr-TU về *nâng cao hiệu quả đầu tư, phát triển các loại hình dịch vụ, đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế*. Đồng thời, UBND Thành phố đã chỉ đạo các ngành, các cấp sớm lập các đề án, chương trình phát triển đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế (đặc biệt là các doanh nghiệp phải xây dựng cho riêng mình một lộ trình và bước đi trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế) trong giai đoạn mới. Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên và chặt chẽ của Đảng trong phát triển kinh tế đối ngoại đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội Thủ đô; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH; nâng cao vai trò, vị thế của Thủ đô.

Trong nước, đến nay, Hà Nội có quan hệ hợp tác với nhiều địa phương và đã ký kết hợp tác toàn diện với 10 tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ, tạo điều kiện mở ra nhiều tiềm năng và cơ hội hợp tác mới.

Về quan hệ quốc tế, Đại hội IX của Đảng đã khẳng định phương châm đối ngoại: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển". Đại hội XIII Đảng bộ thành phố Hà Nội đã cụ thể hoá phương châm đó thành các chủ trương cho hoạt động đối ngoại của Thủ đô: *"Tăng cường công tác đối ngoại của thành phố, phục vụ thiết thực yêu cầu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới"*. *"Hà Nội sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các thủ đô và thành phố trong cộng đồng quốc tế"*.

Với chủ trương đó, Thủ đô Hà Nội đã không ngừng phát triển và mở rộng quan hệ đối ngoại với các thành phố, thủ đô, chính quyền và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới, vừa duy trì các quan hệ truyền thống, vừa chủ động, tích cực tìm kiếm các đối tác mới. Bằng những hoạt động đối ngoại tích cực và chủ động, Thủ đô Hà Nội đã phát huy vai trò là một trung tâm lớn về giao dịch quốc tế của cả nước, ngày càng có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Công tác đối ngoại của Đảng bộ thành phố Hà Nội và quan hệ chính trị đối ngoại của Thủ đô Hà Nội ngày càng được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của Thủ đô ngày càng được nâng cao. Hiện nay, Thủ đô Hà Nội đã thiết lập mối

quan hệ hữu nghị với trên 60 thủ đô và thành phố của 50 nước và vùng lãnh thổ, trong đó đã thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ, thường xuyên có hiệu quả với 35 thủ đô, thành phố của các nước.

Đề đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân theo tinh thần Chỉ thị số 44/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khoá VIII, Thường trực Thành uỷ Hà Nội khoá XII đã ra chỉ thị số 27/CT-TU về “Tăng cường và mở rộng công tác đối ngoại nhân dân trên địa bàn Thành phố Hà Nội”. Tinh thần chỉ đạo của Thành uỷ đã được quán triệt trong triển khai các hoạt động đối ngoại nhân dân, giúp thu được nhiều thành tựu.

Sự lãnh, chỉ đạo của Đảng đối với các hoạt động văn hoá đối ngoại cũng được đặc biệt quan tâm. Hà Nội đã tổ chức tốt nhiều đợt giao lưu văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao quốc tế, đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm, trưng bày hội họa, biểu diễn ca múa nhạc và nghệ thuật tại 25 nước trên thế giới.

Tóm lại, trong những năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, Thành uỷ Hà Nội không ngừng đổi mới tư duy, có những sáng tạo trong quyết sách đối ngoại của Thành phố, đặt công tác đối ngoại ở tầm chiến lược, đem lại hiệu quả cao cho hoạt động đối ngoại, góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Thủ đô, đặc biệt là trong khu vực Đông Nam và châu Á - Thái Bình Dương, qua đó nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

*

* *

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội X Đảng bộ Thành phố đã đi vào lịch sử như một mốc son, mở đầu cho thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, đưa đất nước sang một giai đoạn cách mạng mới trên con đường dựng xây chủ nghĩa xã hội. Những tư tưởng đổi mới do Đại hội VI của Đảng và Đại hội X của Thành phố khởi xướng đã đặt nền tảng quan trọng để các kỳ Đại hội tiếp theo tiếp tục bổ sung, hoàn thiện về lý luận và thực tiễn chỉ đạo.

Trong những thành tựu nổi bật của 20 năm đổi mới Thủ đô, thành tựu về đổi mới tư duy, nhận thức được coi là quan trọng hàng đầu. Thành uỷ Hà Nội không ngừng đổi mới tư duy, quan điểm về lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng. Đây là một quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến ngày càng hoàn thiện hơn, có kế thừa, có đấu tranh, điều chỉnh để phù hợp với tình hình Thành phố, trong nước và quốc tế.

Từ quá trình đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Hà Nội trong 20 năm (từ 1986 đến 2005), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải luôn luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy mọi nguồn lực, sức mạnh tổng hợp,

tranh thủ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự chỉ đạo của Chính phủ, sự phối hợp, giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, các địa phương trong cả nước, sự hợp tác của bạn bè quốc tế, đồng thời phải đặc biệt coi trọng phát huy dân chủ, động viên, tiếp thu mọi ý tưởng, sáng kiến, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, nhân dân, đặc biệt là trí tuệ của đội ngũ các nhà khoa học, các cán bộ quản lý, hoạt động thực tiễn.

- *Hai là*, quá trình đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Hà Nội phải dựa trên cơ sở các luận cứ khoa học, lý luận được nghiên cứu nghiêm túc, đồng thời phải bám sát thực tiễn, sát cơ sở, xuất phát từ thực tiễn, trở lại phục vụ thực tiễn vừa giải quyết các vấn đề của Hà Nội và chủ động đóng góp với Trung ương.

- *Ba là*, đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Hà Nội vừa phải thể hiện được tính tiên phong, tính đột phá, nhanh nhạy, sắc bén, vừa phải chắc chắn, chính xác, đúng đắn. Phải gắn quá trình đổi mới tư duy, nhận thức với quá trình chăm lo xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về mọi mặt; không ngừng giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng, gắn bó khăng khít giữa Đảng với dân. Đấu tranh kiên quyết với các luận điệu sai trái, thù địch, các biểu hiện cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

IV. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI 1986 - 2005

A. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Trong 20 năm đổi mới, *kinh tế Thủ đô nhanh chóng vượt ra khỏi khủng hoảng, tăng trưởng với tốc độ khá, từng bước phát triển theo hướng bền vững*; các thành phần, các ngành, lĩnh vực kinh tế đều phát triển. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân 9,66%/năm (giai đoạn 1986-1990 tăng 4,48%/năm, 1991-1995 tăng 12,52%/năm, 1996-2000 tăng 10,72%/năm, dự kiến giai đoạn 2001-2005 tăng 11,12%/năm). Đời sống nhân dân được cải thiện, GDP bình quân đầu người (giá so sánh) tăng từ 3,25 triệu đồng/người lên 10,04 triệu đồng/người năm 2004 (tăng 3,1 lần).

Cả 3 ngành kinh tế đều có đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Bình quân cả giai đoạn 1986-2005, ngành công nghiệp đóng góp 42,05%, dịch vụ 56,55% và nông nghiệp 1,4% vào phần GDP tăng thêm.

Hai mươi năm qua, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 10,6%/năm (trong đó giai đoạn 1991-2005 đạt 13,2%), *ngành công nghiệp mở rộng*, nhất là công nghiệp có vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế Thủ đô. Một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực được ưu tiên phát triển; nhiều sản phẩm công nghiệp Hà Nội đã khẳng định khả năng cạnh tranh và đứng vững trên thị trường.

Hoạt động dịch vụ được mở rộng, chất lượng dịch vụ từng bước được nâng lên. GDP các ngành dịch vụ tăng bình quân 9,5%/năm; lưu thông hàng hóa, dịch vụ diễn ra thuận lợi, bình quân tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ trên địa bàn tăng 21%/năm; thị trường trong và ngoài nước được củng cố và

phát triển. Văn minh thương mại được quan tâm chỉ đạo, đảm bảo phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Kim ngạch xuất khẩu của Hà Nội tăng bình quân 22,5%/năm; tỷ trọng các sản phẩm thô, sơ chế ngày càng giảm.

Bảng 1: Tăng trưởng kinh tế Thủ đô trong 20 năm đổi mới (%)

Giai đoạn	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	1986-2005
I. Tăng trưởng GDP	4,48	12,52	10,72	11,12	9,66
1. Công nghiệp mở rộng	1,65	13,73	14,15	13,21	10,56
2. Dịch vụ	5,78	12,66	9,43	10,28	9,51
3. Nông - lâm - thủy sản	6,76	5,62	3,83	2,55	4,68

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội (số liệu 2005 là dự báo của Sở Kế hoạch và đầu tư)

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ; đời sống nông thôn ngoại thành từng bước được nâng cao. Trong khi diện tích sản xuất nông nghiệp Thành phố liên tục giảm do yêu cầu phát triển đô thị, công nghiệp, nhưng GDP nông nghiệp bình quân cả giai đoạn 1986-2005 vẫn tăng khoảng 4,7%/năm. Tỷ trọng các ngành trồng trọt giảm, ngành chăn nuôi và thủy sản tăng; cơ cấu sản phẩm chuyển dịch theo hướng phát triển các sản phẩm có giá trị kinh tế, chất lượng cao; hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Mô hình làng nghề được khôi phục và quan tâm phát triển.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô

2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

Trong 5 năm đầu của thời kỳ đổi mới 1986-1990, kinh tế Việt Nam nói chung và kinh tế Thủ đô nói riêng nằm trong tình trạng khủng hoảng, sản xuất chậm phát triển, có xí nghiệp phải dừng sản xuất hoặc giải thể. Tăng trưởng GDP của thời kỳ này chỉ đạt bình quân 4,48%/năm. Tình trạng thiếu hụt tài chính nặng nề; lạm phát thường xuyên ở mức 3 con số (năm 1987 lạm phát 400%). Đời sống nhân dân khó khăn, thiếu việc làm. Trước tình hình trên, cùng cả nước, Hà Nội đã tích cực triển khai 3 chương trình phát triển kinh tế lớn: sản xuất lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất hàng xuất khẩu. Kết quả đạt được của giai đoạn này tạo tiền đề cho Hà Nội phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH trong các giai đoạn tiếp theo.

Cơ cấu kinh tế Thủ đô chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, làm đôn bẩy phát triển dịch vụ, nông nghiệp; giảm tỷ trọng các ngành dịch vụ và nông nghiệp để chọn lọc, từng bước nâng cao chất lượng và phát triển theo chiều sâu. Tỷ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp tăng từ 27,9% năm 1985 lên 37,0% năm 2000 và 40,4% năm 2004; tỷ trọng dịch vụ giảm từ 66,5% xuống 57,5% năm 2004; nông nghiệp giảm từ 5,6% xuống 2,1%. Dự kiến năm 2005, cơ cấu kinh tế Thủ đô sẽ là Công nghiệp 40,5%, Dịch vụ 57,5%, Nông

ngiệp 2,0% (mục tiêu đề ra trong Kế hoạch 5 năm 2001-2005 là Công nghiệp 41,5%, Dịch vụ 55,5%, Nông nghiệp 3,0%).

Bảng 2: Cơ cấu kinh tế Thủ đô (theo GDP) trong 20 năm đổi mới (%)

Năm	1985	1990	1995	2000	2003	2004	Dự kiến 2005
TỔNG SỐ	100	100	100	100	100	100	100
1. Công nghiệp mở rộng	27,9	29,04	33,01	36,99	40,40	40,40	40,50
2. Dịch vụ	66,5	61,95	61,60	60,02	57,20	57,50	57,50
3. Nông - lâm - thủy sản	5,6	9,01	5,39	2,99	2,40	2,10	2,00

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội (số liệu 2005 là dự báo của Sở Kế hoạch và đầu tư)

Sau 20 năm đổi mới, ở Hà Nội đang hình thành rõ nét cơ cấu kinh tế Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp theo hướng hiện đại hoá. Cùng với sự phát triển về quy mô và thay đổi tỷ trọng trong tổng GDP của nền kinh tế, mối quan hệ giữa các ngành kinh tế cũng có sự thay đổi quan trọng về chất. Các ngành có mối quan hệ chặt chẽ với nhau hơn, không chỉ trao đổi sản phẩm cuối cùng mà trao đổi, hợp tác ngay trong quá trình sản xuất. Công nghiệp đã bám sát hơn nhu cầu của thị trường và các ngành sản xuất khác; hoạt động dịch vụ không tách rời mà ngày càng gắn vào phục vụ sự phát triển của công nghiệp, nông - lâm - thủy sản. Trong mối liên hệ hỗ trợ, thúc đẩy nhau cùng phát triển giữa các ngành, sự phát triển của công nghiệp Thủ đô đóng vai trò trung tâm thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển.

Cơ chế, chính sách phục vụ phát triển kinh tế đang dần được hoàn thiện theo những nguyên tắc của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế Thủ đô tăng trưởng và phát triển gắn kết với việc đảm bảo các mục tiêu văn hoá, xã hội, xây dựng người Thủ đô thanh lịch, văn minh. Mô hình kinh tế ngày càng đổi mới với quy mô, loại hình đa dạng. Các thành phần kinh tế đều được Nhà nước khuyến khích phát triển; tạo điều kiện hoạt động, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

Nếu như trước năm 1986, thu nhập quốc dân của Thủ đô chủ yếu do khu vực kinh tế Nhà nước (TW, địa phương), kinh tế tập thể mang lại, thì từ giai đoạn 1986-1992, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã phát triển nhanh chóng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP hàng năm (năm 1992 đóng góp 24,6%). Đặc biệt là từ năm 1993, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xuất hiện, tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế Thủ đô. Nhìn chung 20 năm qua, cơ cấu các thành phần kinh tế Thủ đô chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng kinh tế Nhà nước, tăng tỷ trọng kinh tế ngoài quốc doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

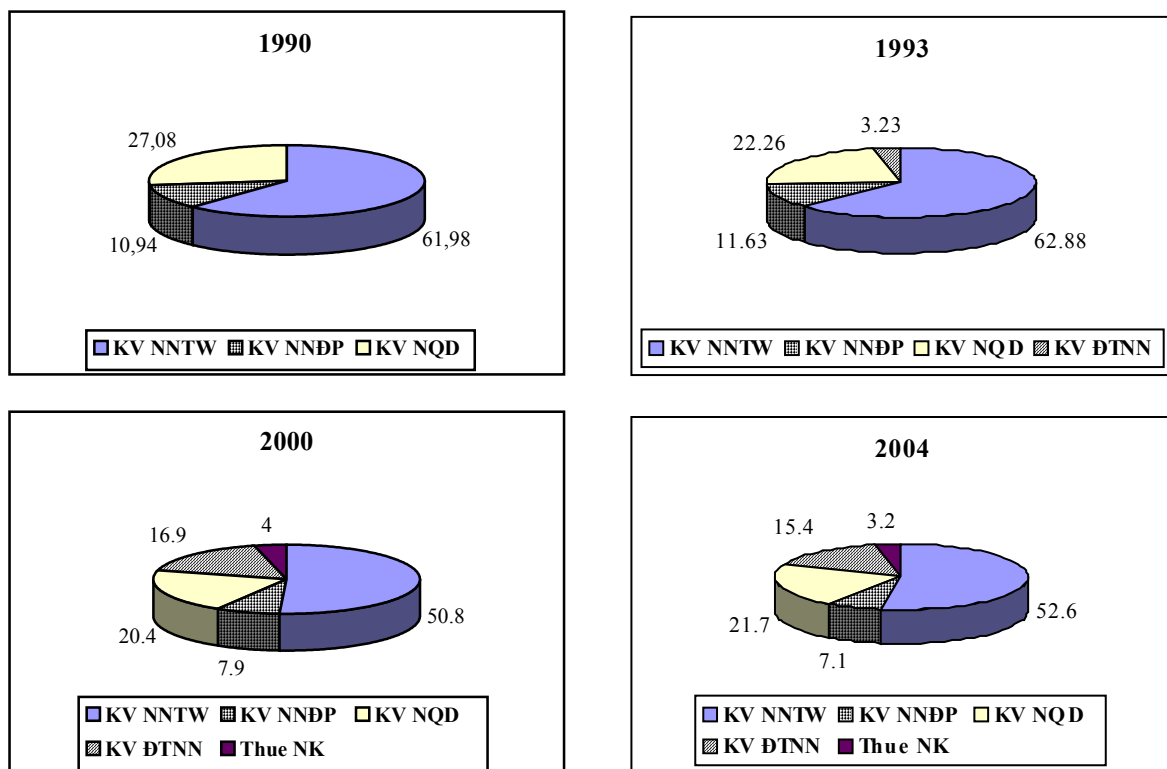
Mặc dù tỷ trọng giảm (từ 72,9% năm 1990 xuống 70,6% năm 1995 và còn 59,7% năm 2004), nhưng **khuvực kinh tế Nhà nước** đã và đang phát huy vai trò chủ đạo, là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu GDP thành phố, nắm giữ các ngành, lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế (điện, nước, viễn thông, xây dựng cơ sở hạ tầng...); quản lý các tài nguyên của Thủ đô; đóng góp trên 45% tổng thu ngân sách trên địa bàn, 69,1% kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm cho 37,4% số lao động đang làm việc trên địa bàn.

Chủ trương sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN được đại đa số doanh nghiệp, cán bộ công chức và nhân dân đồng tình ủng hộ. Hà Nội đã tiên hành thực hiện chủ trương này một cách thận trọng, bài bản, bước đầu đạt được một số thành quả nhất định. Nhưng do nhiều nguyên nhân nên tốc độ thực hiện cổ phần hoá DNNN còn chậm; nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN trong những năm tới còn rất nặng nề, khó khăn, đòi hỏi những biện pháp kiên quyết và mạnh mẽ. Trong cổ phần hoá DNNN cần đặc biệt quan tâm tránh thất thoát tài sản, vốn nhà nước; đảm bảo lợi ích của người lao động.

So với các thành phần kinh tế khác, mặc dù được hỗ trợ của Nhà nước (về cơ chế chính sách, vay vốn sản xuất kinh doanh, nắm giữ nhiều tài sản quan trọng, lợi thế về địa điểm kinh doanh,...), nhưng một bộ phận DNNN vẫn chưa thực sự năng động, chậm đổi mới, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang chủ trương xoá dần bao cấp, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh,... việc chủ động nâng cao tiềm lực, khả năng cạnh tranh là vấn đề sống còn đối với các DNNN.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế và yếu kém của DNNN có nhiều, nhưng chủ yếu là nguyên nhân chủ quan: nhận thức về vai trò, vị trí của DNNN và yêu cầu sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN còn khác nhau. Có thời gian còn coi nhẹ vai trò và yêu cầu phát triển DNNN. Quản lý nhà nước đối với các DNNN còn yếu kém (phân tán và hiệu lực quản lý thấp), cơ chế chính sách chậm đổi mới và thiếu đồng bộ, chưa theo kịp với yêu cầu phát triển DNNN trong nền kinh tế thị trường. Năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của lãnh đạo các doanh nghiệp chưa đáp ứng với yêu cầu của cơ chế thị trường. Chưa chú trọng đào tạo doanh nhân, đổi mới công tác cán bộ trong các doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề.

Hình 1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo thành phần giai đoạn 1990-2004



Ghi chú: KV NNTW - khu vực kinh tế Nhà nước TW; KV NNĐP - khu vực kinh tế Nhà nước địa phương; KV NQD - khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; KV ĐTNN - khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; Thuế NK - Thuế nhập khẩu.

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội.

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh phát triển nhanh và từng bước tham gia vào hầu hết các lĩnh vực, trong đó có những lĩnh vực trước đây chỉ do kinh tế Nhà nước đảm nhận. Khu vực kinh tế này đang đóng góp gần 22% GDP Thành phố, 4,9% thu ngân sách, 9,4% kim ngạch xuất khẩu và thu hút khoảng 60% lao động đang làm việc ở Hà Nội (trong đó riêng kinh tế cá thể, hộ gia đình thu hút tới gần 44% lao động). Cùng với quá trình chuyển đổi kinh tế, nhiều loại hình doanh nghiệp mới được hình thành và phát triển khá hiệu quả: công ty cổ phần có vốn Nhà nước, hợp tác xã dịch vụ, doanh nghiệp nông nghiệp... Mặt khác, do tính năng động kinh tế của mình, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh còn là nhân tố thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế, đặc biệt là đối với các DNNN.

Do những đổi mới về nhận thức, cùng với hàng loạt cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Trung ương và Thành phố, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội Thủ đô. Tỷ trọng của các DNTN trong GDP Thành phố đã tăng liên tục từ 1% (1990) lên 3,4% (1995), 6,1% (2000) và 8,7% (2002). Nếu tính cả các hộ kinh tế cá thể thì các mức tương ứng lần lượt là 8,3%, 17,6%, 17,5% và 18,8%. Các DNTN và hộ sản xuất kinh doanh đã tạo ra GTSX công nghiệp bằng 90% GTSX công nghiệp của các DNNN địa phương, chiếm khoảng 8% kim ngạch

xuất khẩu, 75% tổng mức bán lẻ trên thị trường, cung cấp 60% lượng hàng hoá bán buôn cho các tỉnh lân cận và thu hút 50% lao động xã hội trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, các DNTN chủ yếu tham gia kinh doanh thương mại và dịch vụ; hầu như chưa có DNTN nào tham gia vào các hoạt động dịch vụ cao như: kinh doanh bảo hiểm, cho thuê tài chính, kinh doanh các toà nhà đa năng (khách sạn - phòng hội thảo - cho thuê văn phòng), dịch vụ bưu chính viễn thông,... Trong các ngành y tế, giáo dục và đào tạo, kinh tế tư nhân mới tham gia ở mức độ rất khiêm tốn.

Kinh tế tập thể (chủ yếu là kinh tế HTX), vẫn giữ vị trí nhất định trong cơ cấu kinh tế Thủ đô. Hiện trên địa bàn có 764 HTX đang hoạt động, tạo việc làm ổn định cho khoảng 160.000 xã viên và người lao động, đóng góp ngân sách trên 22 tỷ đồng/năm⁽⁸⁾. Nhiều HTX sau chuyển đổi đã thích ứng với cơ chế mới, thay đổi phương thức quản lý, tinh giản bộ máy gọn nhẹ, đầu tư đổi mới trang thiết bị, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp nên bước đầu tăng được doanh thu và lợi nhuận. Các HTX thành lập mới theo Luật HTX đã trụ vững trong cơ chế thị trường và từng bước phát triển. Thu nhập của đại đa số cán bộ và người lao động được tăng lên, một số HTX đã mua bảo hiểm xã hội cho xã viên và người lao động. Tuy nhiên, đây vẫn là khu vực kinh tế còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Để tiếp tục phát triển kinh tế tập thể, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các HTX, cần quan tâm gắn kết chặt chẽ giữa đóng góp và lợi ích được hưởng, gắn quyền lợi với trách nhiệm để người dân tự nguyện tham gia HTX, tổ hợp tác.

Nhìn chung, tiềm năng, nguồn lực của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa được khai thác tốt; một phần đáng kể vốn dân cư vẫn chưa được huy động cho đầu tư phát triển. Phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sử dụng thiết bị, công nghệ lạc hậu, không đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. Công tác quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế này còn hạn chế, nhất là quản lý trong lĩnh vực thuế; nhiều cơ sở kinh tế cá thể hoạt động không đăng ký kinh doanh, nhiều doanh nghiệp không nộp báo cáo tài chính... Mô hình kinh tế hợp tác xã chuyển đổi chưa thực sự hiệu quả, hoạt động còn lúng túng; chưa thu hút được người lao động tự nguyện tham gia (chỉ còn 0,83% số lao động tham gia vào các HTX); ở một số nơi còn mang tính hình thức.

Do những hạn chế này nên mặc dù khu vực kinh tế ngoài quốc doanh phát triển nhanh về số lượng, có đóng góp lớn về giải quyết việc làm, tạo không khí năng động trong cạnh tranh, phục vụ tốt một số nhu cầu của nền kinh tế... song tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực này còn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân chung, đóng góp vào thu ngân sách chưa tương xứng, tỷ trọng GDP khu vực ngoài nhà nước trong tổng GDP giảm từ 27,08% năm 1990 xuống còn 22,9% năm 1995 và 21,7% năm 2004.

⁸ Tính đến 31/12/2004

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài mặc dù xuất hiện muộn hơn, nhưng với tiềm lực về vốn, công nghệ đã phát triển nhanh, ngày càng có vai trò lớn hơn trong cơ cấu kinh tế Thủ đô. Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 3,23% năm 1993 lên 15,4% năm 2004 và ước khoảng 16,9% năm 2005 (tăng trưởng bình quân trên 30%/năm). Hiện nay, khu vực kinh tế này đóng góp khoảng 10,5% tổng thu ngân sách thành phố, 21,5% kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm cho 2,6% số lao động đang làm việc trên địa bàn. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có vai trò đặc biệt đối với việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu công nghệ (trong các ngành công nghiệp, dịch vụ Thủ đô) theo hướng đồng bộ, hiện đại, đồng thời góp phần nâng cao trình độ quản lý, tay nghề của người lao động.

Các dự án FDI hầu hết có quy mô nhỏ, chưa tập trung vào các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn, mà chủ yếu vẫn là các ngành gia công, lắp ráp. Mặc dù số vốn đăng ký cao, song vốn thực hiện đạt thấp⁽⁹⁾; nhiều dự án sau khi cấp phép không triển khai hoặc triển khai chậm (hiện còn khoảng 150 dự án chưa triển khai, chiếm 1/4 số dự án đã cấp phép), đặc biệt các dự án phát triển khu công nghiệp (như Đài Tư, Sài Đồng A, Nam Thăng Long) triển khai rất chậm gây lãng phí quỹ đất và ảnh hưởng không tốt đến môi trường đầu tư Thủ đô. Nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (đầu tư thông qua các quỹ tài chính, thị trường chứng khoán, mua cổ phần...) chưa được quan tâm khai thác, khuyến khích thu hút⁽¹⁰⁾.

2.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng (nội thành - ngoại thành)

Trước thời kỳ đổi mới, kinh tế Thủ đô chủ yếu tập trung phát triển ở các quận nội thành, các khu vực ngoại thành ít được quan tâm đầu tư. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các khu vực này kém phát triển, lạc hậu. Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ những năm 1995-1996 đến nay, do quá trình đô thị hoá, diện tích nội thành và ven đô dành cho phát triển kinh tế đang dần trở nên chật hẹp; phát triển công nghiệp ở những khu vực này dễ dẫn đến ô nhiễm môi trường, các vấn đề bức xúc xã hội, trong khi đó tiềm năng của khu vực ngoại thành còn rất lớn, chưa được khai thác, sử dụng nhiều. Vì vậy, Thành phố đã ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ngoại thành (đường giao thông, hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc...); hình thành nhiều khu vực đô thị, nhiều khu công nghiệp mới. Từ năm 2000, Thành phố đã xây dựng Chương trình phát triển kinh tế nông thôn ngoại thành (Chương trình 11-CTr/TU), ban hành cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào khu vực Sóc Sơn, Đông Anh, có cơ chế đầu giá quyền sử dụng đất để bổ sung ngân sách, tái đầu tư; năm 2004, Thành ủy Hà Nội đã có Nghị quyết 16-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội huyện Sóc Sơn...

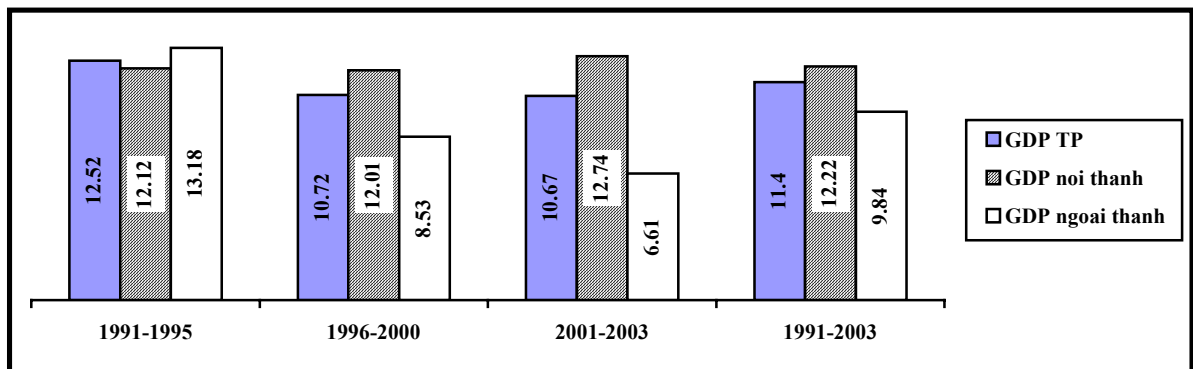
Do đầu tư vào ngoại thành chủ yếu tập trung cho hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư một số khu công nghiệp nên phát triển kinh tế ngoại thành trong giai

⁹ Tính đến hết năm 2003 số vốn đăng ký đạt 9,1 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 3,7 tỷ, chiếm khoảng 40%

¹⁰ Ở một số nước, vốn đầu tư gián tiếp chiếm khoảng 30-40% vốn đầu tư nước ngoài (60-70% còn lại là FDI)

đoạn 1991-2003 có tốc độ thấp hơn khu vực nội thành. Tăng trưởng bình quân khu vực ngoại thành đạt 9,8%/năm, khu vực nội thành đạt 12,2% năm (gấp 1,24 lần ngoại thành). Tỷ trọng GDP nội thành trong cơ cấu GDP Thành phố năm 1991 là 60,8% và năm 2003 là 69,9%; tỷ trọng GDP ngoại thành tương ứng là 39,2% và 30,1%. Cơ cấu kinh tế nội thành phát triển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng dịch vụ, nông nghiệp; trong khi đó kinh tế ngoại thành phát triển theo hướng giảm dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, tăng tỷ trọng dịch vụ, nông lâm thủy sản. Đây là xu hướng cần nghiên cứu để điều chỉnh trong giai đoạn tới.

Hình 2. So sánh tốc độ tăng trưởng GDP nội - ngoại thành giai đoạn 1991-2003



Ghi chú: GDP TP - GDP toàn Thành phố; GDP nội thành - GDP nội thành; GDP ngoại thành - GDP ngoại thành.

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội.

Như vậy, trong khi khu vực nội thành chỉ chiếm khoảng 1/11 diện tích ($84,3 \text{ km}^2 / 920,97 \text{ km}^2$) và trên 50% dân số Thành phố thì tỷ trọng GDP khu vực nội thành chiếm 70% tổng GDP toàn Thành phố. Việc thu hút các nguồn lực và điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tăng cường đầu tư ra ngoại ô nhằm dẫn dân, tạo thế phát triển cân bằng, khai thác các nguồn tiềm năng về đất đai, giải quyết các vấn đề môi trường,... mới được chú trọng hơn trong mấy năm trở lại đây (trong những năm 1999-2000 khoảng 70-75% tổng số vốn từ ngân sách tập trung đầu tư cho khu vực nội đô). Chủ trương phát triển đô thị ra ngoại vi, nói chung, triển khai còn chậm.

2.4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành công nghiệp:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành công nghiệp trong 20 năm đổi mới thể hiện trên các khía cạnh chủ yếu sau:

Chuyển dịch mạnh từ công nghiệp nặng sang các ngành công nghiệp tiêu dùng:

Trước những năm đổi mới, cơ cấu ngành công nghiệp Hà Nội nói riêng và cơ cấu công nghiệp Việt Nam nói chung chịu ảnh hưởng lớn mô hình của các

nước XHCN: tập trung phát triển công nghiệp khai thác, công nghiệp cơ khí, chế tạo máy công nghiệp, hoá chất cơ bản..., ít quan tâm phát triển công nghiệp tiêu dùng. Hầu hết thiết bị, công nghệ, nguyên nhiên liệu sản xuất, phụ tùng thay thế phụ thuộc vào nhập khẩu từ các nước XHCN. Bước vào giai đoạn đổi mới, công nghiệp Thủ đô đã có sự chuyển dịch cơ cấu ngành sang phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp dệt may, da giày, chế biến lương thực, thực phẩm... tận dụng tiềm năng, thế mạnh của Hà Nội và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

Suốt 20 năm qua, sản xuất công nghiệp Thủ đô luôn giữ được tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu giá trị tăng thêm có sự chuyển đổi phù hợp với yêu cầu đô thị hoá, phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ trọng các ngành xây dựng, sản xuất, phân phối điện nước (các ngành gắn với phát triển đô thị) tăng nhanh; tỷ trọng công nghiệp khai thác và chế biến giảm. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp mở rộng bình quân ước đạt 10,56%/năm. Trong đó giai đoạn 1986-1990 tăng 1,65%/năm, giai đoạn 1991-1995 tăng 13,73%/năm, 1996-2000 tăng 14,15%/năm và giai đoạn 2001-2005 dự kiến tăng 13,21%/năm.

Bảng 3: Cơ cấu giá trị tăng thêm công nghiệp Thủ đô giai đoạn 1990-2005

	1990	1995	2000	2003	Dự kiến 2005
TỔNG SỐ	100	100	100	100	100
Công nghiệp khai thác	2,16	2,66	1,15	1,07	1,01
Công nghiệp chế biến	73,51	64,53	61,36	58,09	57,69
Sản xuất, phân phối điện nước	7,84	5,70	11,15	9,09	9,00
Xây dựng	16,49	27,11	26,34	31,75	32,29

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội (số liệu 2005 là dự báo của Sở Kế hoạch và đầu tư)

Trong sản xuất công nghiệp, các thành phần kinh tế ngày càng đa dạng hơn, đặc biệt khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có bước phát triển nhanh.

Trước năm 1993, trong cơ cấu công nghiệp chỉ có thành phần kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài quốc doanh (năm 1990, kinh tế Nhà nước chiếm tỷ trọng 85%, kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 15%). Từ năm 1993 trở đi, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng có đóng góp quan trọng vào GTTT công nghiệp. Năm 2003, thành phần kinh tế này chiếm tỷ trọng 20%, kinh tế Nhà nước chiếm 67,9% (trong đó kinh tế TW chiếm tới 59%), kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 12,5% (15,6% nếu so với khu vực kinh tế trong nước) trong cơ cấu GTTT công nghiệp Thủ đô.

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp thấp hơn tốc độ tăng GTSX công nghiệp. Trong những năm gần đây (2001-2005), chênh lệch về tốc độ tăng trưởng này xu hướng tăng lên. Trong khi Thành phố chủ trương phát

triển công nghiệp có chọn lọc, hướng vào những ngành có hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao thì trên thực tế tốc độ phát triển những ngành này lại thấp hơn tốc độ phát triển toàn ngành công nghiệp. Điều này, một mặt, do quy luật giảm dần của lợi ích cận biên trong đầu tư, mặt khác, do công nghệ, thiết bị sản xuất công nghiệp của Thành phố còn lạc hậu quá xa với trình độ khu vực và thế giới (thậm chí với các doanh nghiệp mới thành lập), phương thức sản xuất chủ yếu vẫn là gia công, lắp ráp. Cho đến nay, Thành phố *chưa có loại sản phẩm công nghiệp nào có tỷ trọng giá trị tăng thêm đáng kể trong hàm lượng GTSX.*

Năm nhóm ngành công nghiệp chủ lực, về cơ bản, vẫn được xác định khá thống nhất từ năm 1990, có bước phát triển thẳm trầm: tăng lên trong giai đoạn 1990-2001 và có xu hướng giảm xuống những năm gần đây. Tỷ trọng 5 nhóm ngành công nghiệp chủ lực trong GTSX công nghiệp tăng từ 63,86% năm 1990 lên 65,12% năm 1995, 70,85% năm 2001 và giảm xuống 68% (năm 2004). Bình quân giai đoạn 1991-2004, tăng trưởng GTSX các ngành công nghiệp chủ lực đạt 19,31%/năm. Đáng chú ý là trong 5 nhóm ngành công nghiệp chủ lực có 2 ngành có tốc độ phát triển khá là cơ - kim khí (tăng 25,23%/năm) và điện - điện tử (tăng 21,67%/năm); các ngành còn lại đều tăng chậm (dệt may, da giày tăng 12,6%/năm, chế biến thực phẩm tăng 17,5%/năm...). Tuy nhiên 2 ngành cơ - kim khí và điện - điện tử tăng trưởng cao, nhưng chủ yếu vẫn là gia công, lắp ráp nên tỷ trọng giá trị gia tăng trên GTSX thấp nhất (chi phí sản xuất cao nhất) trong 5 nhóm ngành chủ lực đã xác định.

Trong cơ cấu GTSX nội ngành công nghiệp, tốc độ tăng không đều và thiếu ổn định giữa các nhóm ngành (ví dụ: sản xuất thực phẩm, đồ uống, sản xuất thuốc lá, sản xuất dụng cụ y tế, sản xuất, chế biến giấy...). Một số nhóm ngành công nghiệp sản xuất hoá chất (không được khuyến khích phát triển) có mức tăng trưởng khá, đều và ổn định.

Xuất khẩu hàng công nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào một số doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bình quân 4 năm 2001-2004, kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng 11,5%/năm; trong đó xuất khẩu hàng dệt may tăng 10,3%/năm, hàng da giày tăng 10,9%/năm, hàng điện tử (kể cả máy in phun) tăng 41,2%/năm. Riêng kim ngạch mặt hàng máy in phun (do công ty Canon Việt Nam sản xuất) chiếm tới 9,7% kim ngạch xuất khẩu toàn Thành phố (nếu không tính kim ngạch mặt hàng này thì xuất khẩu trên địa bàn 2001-2004 chỉ tăng 8,7%/năm).

Sự phát triển các khu, cụm công nghiệp đang đặt ra những vấn đề trước mắt và lâu dài, tăng trưởng và phát triển bền vững. Ngoài 9 khu công nghiệp cũ, hiện nay trên địa bàn Thành phố có 5 khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích là 974,64 ha, trong đó diện tích đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật là 260 ha (chiếm 26,68% diện tích). Tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 60% diện tích đã xây dựng hạ tầng. Đã có 69 doanh nghiệp (trong đó 64 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) vào thuê đất với tổng vốn đầu tư khoảng 742 triệu USD, giải quyết việc

làm cho khoảng 12.000 lao động, đóng góp gần 1/4 kim ngạch xuất khẩu toàn Thành phố.

Thành phố đang triển khai xây dựng 16 khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ; trong đó 6 khu đã đưa vào hoạt động, thu hút khoảng 80 doanh nghiệp đầu tư với tổng số vốn khoảng 800 tỷ đồng. Bước đầu, đây là biện pháp tích cực của Thành phố trong việc hỗ trợ doanh nghiệp về mặt bằng sản xuất. Tuy nhiên, việc phát triển các cụm công nghiệp quy mô vừa và nhỏ gần nội thành (khu vực đang đô thị hoá nhanh), trong khi chưa có quy định quản lý chặt chẽ việc lựa chọn các ngành, lĩnh vực sản xuất vào các khu công nghiệp này đang tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi sinh (ảnh hưởng trực tiếp đến người dân ở các khu vực gần kề) trong tương lai gần.

Mặt khác, việc Thành phố xây dựng các cụm công nghiệp vừa và nhỏ gần nội thành với nhiều ưu đãi và chính sách hỗ trợ tuy bước đầu tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghiệp phát triển, nhưng vô hình chung đã hạn chế việc thu hút đầu tư, lấp đầy nhanh các khu công nghiệp tập trung, quy mô lớn ở ngoại thành, ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu vùng, bố trí sản xuất công nghiệp và điều chỉnh phân bố dân cư trên địa bàn. Ở đây có sự chưa ăn khớp giữa biện pháp trước mắt và chiến lược lâu dài trong bố trí phát triển không gian công nghiệp Thủ đô.

Phát triển công nghiệp trong tương quan với dân số, môi trường. Việc phát triển một số ngành công nghiệp, như: dệt may, da giày có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng GDP, kim ngạch xuất khẩu, nộp ngân sách, giải quyết việc làm nhưng lại thu hút số lượng khá đông lao động ngoại tỉnh về Thủ đô dẫn đến nhu cầu bức xúc giải quyết các vấn đề liên quan (chỗ ăn ở, sinh hoạt,...).

Phát triển một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp chậm được quy hoạch, đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị (nhất là tại các làng nghề thủ công nghiệp) dẫn đến ô nhiễm môi trường (không khí, bụi, khói, nước, chất thải...) đang là những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành dịch vụ:

Trong giai đoạn 1986-2005, các ngành dịch vụ Thủ đô phát triển khá, mức tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân đạt 9,5%/năm. Trong đó giai đoạn 1986-1990 tăng 5,78%/năm, giai đoạn 1991-1995 tăng 12,66%/năm, 1996-2000 tăng 9,43%/năm và giai đoạn 2001-2005 dự kiến tăng 10,28%/năm. Mặc dù tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GDP Thành phố giảm từ 66,50% năm 1986 xuống 61,60% năm 1995 và dự kiến còn 57,50% vào năm 2005, nhưng các lĩnh vực dịch vụ ngày càng đa dạng, chất lượng đang được nâng lên.

Trong cơ cấu GTSX dịch vụ, có sự chuyển biến theo hướng phục vụ nhiều hơn cho sản xuất kinh doanh. Tỷ trọng ngành vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc tăng mạnh, từ 9,1% năm 1990 lên 29,1% năm 2003, tỷ trọng tài chính tín dụng tăng từ 2,9% lên 5,5%, tỷ trọng hoạt động kinh doanh tài sản từ 6% lên 9,1%;

tỷ trọng các ngành còn lại hầu hết đều giảm: thương nghiệp giảm từ 31,7% năm 1990 xuống 23%, khách sạn nhà hàng từ 7,3% xuống 5,75%, hoạt động khoa học và công nghệ từ 6,9% xuống 2,6%...

Sự chuyển dịch cơ cấu nội ngành dịch vụ như trên cho thấy các ngành dịch vụ phục vụ sản xuất đã phát triển nhanh hơn các dịch vụ phục vụ đời sống. Điều này cho thấy nhu cầu dịch vụ phục vụ phát triển sản xuất ngày càng tăng trong nền kinh tế Thủ đô thời gian qua là xu thế đúng hướng.

Cùng với quá trình đổi mới, phát triển sản xuất, các loại hình dịch vụ Thủ đô ngày càng đa dạng hoá, chất lượng dịch vụ có chuyển biến. Xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới như: dịch vụ tư vấn, dịch vụ môi giới việc làm, môi giới nhà đất, du học, dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê nhà ở sinh viên, công nhân... Các sản phẩm dịch vụ này phát triển khá nhanh, đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo việc làm mới và thu hút nhiều lao động, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế Thủ đô.

Các thành phần kinh tế tham gia hoạt động dịch vụ Thủ đô vừa cạnh tranh, vừa hỗ trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường tiêu dùng và sản xuất. Trong cơ cấu các ngành dịch vụ, tỷ trọng kinh tế Nhà nước giảm từ 77,6% năm 1990 xuống 63,2% năm 2003; kinh tế ngoài quốc doanh gần như không thay đổi tỷ trọng (nếu chỉ so với khu vực kinh tế trong nước thì tỷ trọng này tăng lên); tỷ trọng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên chiếm 14,2%. Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển các loại dịch vụ "trình độ cao, chất lượng cao". Kinh tế ngoài quốc doanh chiếm ưu thế trong việc cung cấp các dịch vụ bán lẻ, phục vụ cộng đồng.

Tiến độ chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng hiện đại hoá còn chậm, ít hiệu quả. Một số lĩnh vực dịch vụ đóng vai trò hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển, có khả năng ứng dụng nhanh công nghệ hiện đại như: tài chính tín dụng, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế tăng trưởng chậm hơn và còn chiếm tỷ trọng nhỏ so với các ngành khác (chiếm khoảng 26,9% năm 1990, 20% năm 2000 và 19,1% năm 2004). Mục tiêu xây dựng Hà Nội thành trung tâm tài chính - ngân hàng; trung tâm thương mại, du lịch; trung tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ có vị thế trong nước và khu vực triển khai chậm. Thực trạng này cần được khắc phục trong thời gian tới nhằm gắn quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế với CNH, HĐH các ngành dịch vụ ở Thủ đô, trước hết phải quan tâm đầu tư mạnh hơn cho hạ tầng dịch vụ.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành:

Sản xuất nông nghiệp tuy ngày càng thu hẹp, nhưng vẫn duy trì được sự tăng trưởng giá trị tăng thêm. Trong những năm qua, mặc dù diện tích nông - lâm - thủy sản trên địa bàn liên tục giảm do quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, tỷ trọng nông - lâm - thủy sản trong cơ cấu GDP Thành phố giảm từ 5,6% năm 1986 xuống 2,1% năm 2004 và ước còn 2,0% vào năm 2005, nhưng với

nhiều biện pháp khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn ngoại thành (trợ giá giống, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội...), đồng thời tích cực chuyển đổi cơ cấu sản phẩm nên giá trị tăng thêm nông - lâm - thủy sản giai đoạn 1986-2005 vẫn tăng bình quân 4,68%/năm. Trong đó giai đoạn 1986-1990 tăng 6,76%/năm, giai đoạn 1991-1995 tăng 5,62%/năm, 1996-2000 tăng 3,83%/năm và giai đoạn 2001-2005 dự kiến tăng 2,55%/năm.

Cơ cấu sản xuất nông - lâm - thủy sản có sự thay đổi tích cực theo hướng tỷ trọng giá trị ngành trồng trọt giảm, tỷ trọng giá trị chăn nuôi và thủy sản tăng. Tỷ trọng ngành trồng trọt từ 61,65% năm 1990 giảm xuống còn 57,24% năm 2000 và 49,39% năm 2003 và ước còn 46,28% năm 2005. Tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng từ 34,67% năm 1990 lên 40,96% năm 2003 và ước đạt 43,3% năm 2005; tỷ trọng ngành thủy sản tương ứng là 3,67%, 6,12% và 6,85%. Trong trồng trọt, diện tích trồng cây lương thực ngày càng giảm (giảm 12.869 ha), diện tích các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như rau, hoa, quả ngày càng tăng (diện tích rau tăng 4.140 ha, hoa tăng 1.621 ha, cây ăn quả tăng 889 ha).

Bảng 4: Diện tích gieo trồng một số cây chủ yếu

Đơn vị: Ha

Loại hình	1990	1995	2000	2003
Cây lương thực	72.535	65.744	66.217	59.666
Rau	4.467	5.732	7.985	8.607
<i>Trong đó rau an toàn</i>			632	981
Hoa	92	389	1.562	1.713
Cây ăn quả	1.848	1.985	2.346	2.737

Nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội

Những tiến bộ về công nghệ giống mới và trình độ thâm canh làm cho năng suất tất cả các loại cây trồng đều tăng (năng suất lúa tăng từ 30,1 tạ/ha năm 1990 lên 39 tạ/ha năm 2002, năng suất rau tăng từ 158,2 tạ/ha lên 182,2 tạ/ha). GTSX nông lâm thủy sản (giá thực tế) bình quân trên 1 ha đất canh tác tăng từ 8,9 triệu đồng/ha năm 1990 tăng lên 42,3 triệu đồng/ha năm 2000 và 52,6 triệu đồng/ha năm 2005. GTSX trên 1 lao động nông nghiệp bình quân tăng từ 1,25 triệu đồng/lao động năm 1990 lên 6,8 triệu đồng/lao động năm 2000 và 8,7 triệu đồng năm 2003. Một số công nghệ cao đã được áp dụng trong nhân giống như công nghệ cây mô tế bào, công nghệ nhà lưới...

Bước đầu hình thành một số mô hình sản xuất tập trung, có tỷ trọng hàng hoá lớn, như: vùng Hoa Tây Tựu (Từ Liêm), vùng trồng rau sạch Văn Đức, Đặng Xá, Đông Dư (Gia Lâm), Vân Nội (Đông Anh), Lĩnh Nam (Thanh Trì), vùng cây ăn quả Phú Diễn, Minh Khai (Từ Liêm). Trong chăn nuôi đã xuất hiện một số mô hình chăn nuôi tập trung: chăn nuôi bò sữa ở Gia Lâm, Đông Anh; nuôi trồng thủy sản ở Đông Mỹ (Thanh Trì).

Chương trình CNH, HĐH, phát triển nông thôn ngoại thành đạt được kết quả nhất định. Đến nay Hà Nội đã thực hiện cứng hoá 100% kênh cấp I, 47% kênh cấp II và 26% kênh cấp III; tỷ lệ tưới chủ động đạt 70%, tiêu chủ động đạt 40%. Thực hiện cơ khí hoá được 45% khâu làm đất, gần 100% khâu vận chuyển sau thu hoạch. Toàn bộ hệ thống lưới điện nông thôn đã được cải tạo, 100% hộ nông dân được dùng điện lưới quốc gia; Thành phố đã cơ bản xoá phòng học cấp 4 ở bậc tiểu học và trung học cơ sở; hoàn thành nhiều dự án cấp nước sạch nông thôn tại Thanh Trì, Từ Liêm, Gia Lâm; 73,5% số hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh. 100% số xã có trường tiểu học, có lớp mẫu giáo, có đài truyền thanh; 85% số xã có trạm bưu điện, 80% số xã có nhà văn hoá; 90% số hộ được xem truyền hình...; tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn còn 3,2%, không còn hộ đói. Nhìn chung các chỉ tiêu văn hoá xã hội của nông thôn ngoại thành Hà Nội đều đạt cao hơn bình quân cả nước và vùng đồng bằng sông Hồng.

So với yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thì tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm. Nông nghiệp vẫn là ngành giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế ngoại thành; mạng lưới thương mại - dịch vụ phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các thị trấn. Chất lượng sản phẩm (đặc biệt là an toàn vệ sinh thực phẩm) chưa cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động và giải quyết ô nhiễm môi trường trong nông thôn còn chậm. Hiệu quả sử dụng đất ở một số nơi (đặc biệt là các vùng lân cận đô thị, hoặc đã có quy hoạch phát triển) còn thấp, lãng phí; người dân giữ đất, chờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không coi trọng sản xuất. Các HTX sau khi chuyển đổi theo Luật chưa thực sự phát huy hiệu quả để hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình phát triển. Chưa hình thành mô hình doanh nghiệp nông nghiệp với sự tham gia của hộ nông dân tạo động lực phát triển. Phương pháp canh tác trong nông nghiệp tuy có tiến bộ, nhưng nhìn chung còn lạc hậu, vẫn chủ yếu là canh tác theo lối truyền thống, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; quá trình hình thành các vùng nông nghiệp chuyên canh chất lượng cao, các làng nghề, làng du lịch sinh thái... còn chậm.

3. Đánh giá chung

3.1. Những thành tựu nổi bật

Trong 20 năm qua, *kinh tế Thủ đô phát triển khá ổn định với tốc độ cao, theo hướng bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và từng bước hiện đại hoá; chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến*¹¹; góp phần quan trọng vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Thành phố. Nhiều doanh

¹¹ So với cả nước, năm 2004 Hà Nội chiếm 60,4% về sản lượng quạt điện, 77% sản phẩm máy công cụ, 24% sản phẩm động cơ diezen, 31,7% sản phẩm sứ vệ sinh, 27,7% ô tô lắp ráp, 17,5% xe máy lắp ráp

nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả, doanh thu cao, nộp ngân sách tăng, tạo việc làm ổn định với thu nhập khá cho người lao động¹².

Kinh tế Thủ đô từ nền kinh tế bao cấp theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu đã từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cơ chế, chính sách phát triển kinh tế thị trường đang từng bước được hoàn thiện. Hình thành một số thị trường: thương mại, tài chính tín dụng, bất động sản... Trên con đường hội nhập và phát triển, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Thủ đô được nâng lên, nhiều sản phẩm đã chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu. Vị thế Thủ đô trên trường quốc tế được nâng cao.

Cơ cấu kinh tế Thủ đô, xét trên tất cả các khía cạnh: cơ cấu ngành, nội ngành, cơ cấu thành phần, cơ cấu vùng đang chuyển dịch theo hướng CNH, từng bước HĐH; tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng. Cùng với sự phát triển về quy mô và thay đổi tỷ trọng trong GDP Hà Nội, mối quan hệ giữa các ngành kinh tế cũng có sự thay đổi quan trọng về chất.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô ngày càng phục vụ tốt hơn quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng cả về kim ngạch và quy mô thị trường. Hà Nội đã mở rộng thị trường xuất khẩu sang 161 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kinh tế có vốn ĐTNN đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế Thủ đô. Hoạt động du lịch thu hút ngày càng đông khách quốc tế và xu hướng tăng cao trong những năm gần đây.

Phương thức sản xuất ngày càng tiến bộ. Các doanh nghiệp có xu hướng kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực hoạt động theo yêu cầu thị trường; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn, thước đo. Xuất hiện nhiều loại hình, mô hình doanh nghiệp kiểu mới: kinh tế hỗn hợp Nhà nước - tư nhân, công ty TNHH một thành viên, công ty mẹ - con... Đã hình thành việc liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế để góp phần nâng cao sức cạnh tranh, phát triển.

Những thành công trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Hà Nội đã tác động tích cực đến tăng trưởng và phát triển kinh tế Thủ đô, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân. Từ chỗ sản xuất không đủ tiêu dùng, Thành phố đã dần có tích lũy và không ngừng nâng cao mức tích lũy tài sản trong GDP (từ 38% năm 1995 lên 49% năm 2000 và 60% năm 2001).

Trên cơ sở tăng trưởng kinh tế, Hà Nội có điều kiện phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng. Hà Nội được đánh giá là địa phương có điều kiện phúc lợi đảm bảo cho sự phát triển con người và chỉ số phát triển con người cao nhất cả nước.

¹² Theo báo cáo của Chi cục TCDN, có trên 90% số DNNN kinh doanh có lãi (tỷ suất lợi nhuận trên vốn bình quân đạt trên 10%). Điển hình là Công ty thông tin di động VMS, Công ty xăng dầu khu vực I, Công ty Sông Đà, Haprosimex, Công ty Cơ điện Trần Phú, Công ty Kim khí Thăng Long...

Những thành quả về kinh tế có vai trò hết sức quan trọng góp phần đảm bảo sự ổn định chính trị, xã hội ở Thủ đô trong suốt những năm đổi mới vừa qua.

So với một số tỉnh, thành phố lớn như: thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Quảng Ninh thì trong 20 năm đổi mới, Hà Nội có sự phát triển nhanh hơn trên nhiều mặt (tăng trưởng GDP, GDP bình quân đầu người, giá trị tăng thêm công nghiệp, dịch vụ, thu ngân sách). Nếu như GDP của thành phố Hồ Chí Minh năm 1990 bằng 2,96 lần GDP Hà Nội thì năm 2004 chỉ bằng 2,34 lần; GDP bình quân đầu người tương ứng bằng 1,48 và 1,28 lần; giá trị tăng thêm công nghiệp bằng 4,32 và 2,81 lần; giá trị tăng thêm dịch vụ bằng 2,50 và 2,04; thu ngân sách trên địa bàn bằng 2,38 và 2,03 lần...

3.2. Hạn chế, khó khăn:

Chưa khai thác đầy đủ và sử dụng hiệu quả tiềm năng, nguồn lực, lợi thế so sánh của Thủ đô để tạo sự phát triển kinh tế thực sự ổn định, khắc phục những mặt hạn chế trong chất lượng phát triển và hiệu quả kinh doanh.

Về hình thức, nếu chỉ nhìn vào quan hệ tỷ lệ về GDP giữa các ngành công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp thì với cơ cấu GDP năm 2005 của Thủ đô là: dịch vụ 57,5%, công nghiệp 40,5% và nông nghiệp 2,0% thì đây là cơ cấu của nền kinh tế khá phát triển. Tuy nhiên, đi sâu vào xem xét cơ cấu từng ngành thì thấy đây vẫn là *cơ cấu của nền kinh tế kém phát triển đang trong quá trình công nghiệp hóa.*

Trong cơ cấu nội ngành dịch vụ, *các dịch vụ trình độ cao, có khả năng mang lại giá trị tăng thêm lớn như: tài chính-tín dụng, khoa học, giáo dục-đào tạo, y tế... còn chậm phát triển và chiếm tỷ trọng thấp trong GDP dịch vụ (chiếm khoảng 26,9% năm 1990, 20% năm 2000 và 19,1% năm 2004). Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (pháp lý, sở hữu trí tuệ, quản trị kinh doanh, đào tạo...) trình độ còn hạn chế.*

Bên cạnh một số doanh nghiệp công nghiệp có thiết bị tiên tiến và công nghệ khá hiện đại (chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn ĐTNN và một số DNNN) thì *phần lớn công nghiệp vẫn ở trong tình trạng trang thiết bị, công nghệ trung bình và lạc hậu.* Các ngành công nghiệp nguồn¹³, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển.

Sản xuất nông nghiệp tuy có tiến bộ trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa vào sản xuất các giống mới, có tăng năng suất và chất lượng; song *phương pháp sản xuất và kiểu tổ chức sản xuất nhìn chung vẫn là phương pháp truyền thống, quy mô nhỏ, năng suất thấp và khó đảm bảo ổn định chất lượng.*

¹³ Thiết kế và sản xuất khuôn mẫu, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp phần mềm, sản xuất các chi tiết chủ yếu...

Kinh tế thị trường đang được hình thành và phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế được quan tâm, song nhìn chung tiến trình hội nhập còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, một số định chế thị trường đang trong quá trình hình thành: thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ, thị trường tài chính...

Trình độ hiện đại hoá còn thấp, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư có xu hướng giảm.

Xét trên bình diện chung toàn nền kinh tế, tỷ trọng giữa GDP/giá trị sản xuất (GTSX) đã giảm từ 51,78% năm 1990 xuống còn 43,50% năm 2004, nghĩa là để tạo ra cùng một lượng giá trị mới (giá trị tăng thêm) thì chi phí sản xuất (chi phí trung gian) đang tăng lên. Hiệu quả của đầu tư cho sản xuất có chiều hướng giảm. Trong 3 ngành, công nghiệp là ngành có tỷ lệ GTTT/GTSX thấp nhất và cũng là ngành có tỷ trọng GTTT/GTSX giảm nhanh nhất, từ 36,04% năm 1990 xuống còn 30,80% năm 2004; dịch vụ là ngành có tỷ trọng GTTT/GTSX cao nhất, nhưng cũng giảm từ 64,07% năm 1990 xuống còn 63,20% năm 2004; duy chỉ có nông nghiệp là ngành có tỷ trọng GTTT/GTSX tăng từ 56,85% năm 1990 lên 57,15% năm 2003 (song nếu tính trong giai đoạn 1995-2003 thì tỷ trọng này lại giảm, từ 63,24% xuống 57,15%).

Kinh tế phát triển còn dàn trải; vai trò các ngành chủ lực trong nền kinh tế còn chưa thể hiện rõ; sản phẩm chủ lực cụ thể chưa được khẳng định. Trong 5 ngành công nghiệp chủ lực được Thành phố xác định từ Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII (năm 1995) chỉ có 2 ngành đạt tốc độ tăng GTSX cao hơn tốc độ tăng GTSX công nghiệp chung là cơ-kim khí (tăng 25,2%/năm) và điện-điện tử (tăng 21,7%/năm), 3 ngành còn lại là dệt may-da giày, chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng đều có tốc độ tăng GTSX thấp hơn tốc độ tăng chung. Tuy nhiên cả 2 ngành trên (cơ-kim khí và điện-điện tử) đều là những ngành có tỷ trọng giá trị gia tăng trên GTSX thấp nhất trong 5 nhóm ngành chủ lực đã xác định. Đáng chú ý là từ năm 2001 đến nay, tỷ trọng 5 nhóm ngành này lại có xu hướng giảm nhẹ (từ 70,9% năm 2001 xuống còn 68% năm 2004).

Công nghiệp hoá tuy có tiến bộ, song chưa quan tâm thoả đáng đến hiện đại hoá. Trình độ trang thiết bị và công nghệ tuy được nâng lên song nhìn chung còn lạc hậu và tốc độ đổi mới chậm¹⁴.

Việc triển khai đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các DNNN còn chậm so với yêu cầu; có thời gian chững lại do chờ các tiêu chí hướng dẫn để giải quyết các vấn đề cụ thể của DNNN do địa phương quản lý.

¹⁴ Kết quả khảo sát về tình hình sử dụng thiết bị và công nghệ do Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Viện nghiên cứu quản lý TW thực hiện trên 100 doanh nghiệp ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã đánh giá: mức đầu tư dành cho đổi mới thiết bị của các doanh nghiệp rất thấp, chỉ tương đương 3% doanh thu cả năm; các công nghệ hiện đang sử dụng đa số là công nghệ cũ, công nghệ từ thập niên 80; mức độ phụ thuộc vào nguyên liệu, trang thiết bị cũng như công nghệ nhập khẩu của các doanh nghiệp khá cao; các doanh nghiệp nhìn chung chậm và thụ động trong đổi mới công nghệ

Kinh tế tập thể hoạt động còn nhiều lúng túng về mô hình tổ chức và phương án sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh mặc dù phát triển nhanh, nhưng nhìn chung có quy mô nhỏ, tỷ trọng đóng góp trong GDP của khu vực này không những không tăng mà còn giảm (từ 27,08% năm 1990 xuống còn 20,5% năm 2004). Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tuy tăng trưởng khá nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; chủ yếu vẫn là gia công, lắp ráp; đầu tư và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ nguồn còn hạn chế. Trong quá trình đổi mới, Hà Nội chưa có nhiều mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh và cách làm ăn giỏi có sức lan toả trong vùng và cả nước.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa gắn với bố trí hợp lý sản xuất theo vùng và chưa tuân thủ tốt quy hoạch đã được duyệt. Các quy hoạch bị điều chỉnh nhiều và có trường hợp điều chỉnh chạy theo (hợp thức hóa) sự phát triển tự phát của kinh tế. Việc thu hút các nguồn lực và điều chỉnh cơ cấu đầu tư ra ngoài ô nhằm dần dần, tạo thế phát triển cân bằng, khai thác tiềm năng về đất đai, giải quyết các vấn đề môi trường,... là một chủ trương đúng nhưng triển khai thực hiện chưa tích cực, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Phát triển đô thị Hà Nội lên phía Bắc và Tây Bắc thực hiện còn chậm và thiếu vốn đầu tư.

Việc đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp như dệt may, da giày có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng GDP, kim ngạch xuất khẩu, nộp ngân sách, giải quyết việc làm nhưng lại thu hút số lượng khá đông lao động ngoại tỉnh về Thủ đô dẫn đến nhu cầu bức xúc giải quyết các vấn đề liên quan (hạ tầng xã hội: chỗ ăn ở, sinh hoạt..., tăng dân số cơ học).

Cùng với quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, chênh lệch khoảng cách giàu nghèo đang là vấn đề cần quan tâm khắc phục¹⁵. Đồng thời, cần tập trung, giải quyết ô nhiễm môi trường do phát triển một số lĩnh vực công nghiệp thiếu chọn lọc (công nghệ, thiết bị lạc hậu...).

Phối hợp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương trong phát triển kinh tế ở một số lĩnh vực còn chưa rõ ràng, hiệu quả chưa cao. Quan hệ hợp tác giữa các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ chủ yếu mới dừng ở quan hệ song phương, thiếu sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương. Kết quả hợp tác mới chỉ là bước đầu, chưa có sự tham gia mạnh của các doanh nghiệp.

Những thành tựu và hạn chế qua 20 năm đổi mới về phát triển kinh tế để lại cho Hà Nội nhiều kinh nghiệm quý, giúp cho việc định hướng, lựa chọn các giải pháp phát triển kinh tế nhanh hơn, chất lượng, hiệu quả hơn trong chặng đường sắp tới.

¹⁵ Theo kết quả điều tra mức sống năm 2002 của Cục Thống kê Hà Nội, thu nhập bình quân 1 tháng của người dân khu vực thành thị gấp 1,8 lần thu nhập ở khu vực nông thôn

B. QUY HOẠCH, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

1. Về công tác quy hoạch và quản lý xây dựng

1.1. Quá trình triển khai và những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 1986-1998, trên lĩnh vực quy hoạch đô thị, Thành phố thực hiện phương châm: "lấy đô thị nuôi đô thị" và "huy động mọi nguồn vốn cùng tham gia xây dựng đô thị". Tuy nhiên, về thực chất, đây vẫn là giai đoạn chuyển tiếp từ thời kỳ bao cấp sang thị trường.

Việc triển khai các quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết và quy hoạch chuyên ngành tại Thủ đô thời kỳ này vẫn dựa trên quy hoạch tổng mặt bằng Thủ đô Hà Nội năm 1981 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 24/4/1981. Trên thực tế việc thực hiện Quy hoạch tổng mặt bằng này đã bộc lộ những bất cập. Nhiều chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính không còn phù hợp với giai đoạn mới về quy mô dân số, đất đai, hướng phát triển, đầu mối giao thông đối ngoại, phân bố các cơ sở sản xuất, ý tưởng tổ chức không gian, hình thành hệ thống trung tâm và tổ chức đất dân dụng Thành phố. Quỹ đất phát triển công nghiệp tập trung vẫn dự báo ở Minh Khai, Vĩnh Tuy, Thượng Đình, Chèm, Đức Giang và Đông Anh, tức là vẫn dựa vào vị trí các cơ sở công nghiệp đã có, chưa có dự kiến hình thành mặt bằng và quỹ đất cho đầu tư nước ngoài. Điều này chưa đáp ứng kịp đòi hỏi của nền kinh tế thị trường thời kỳ mở cửa, hội nhập khu vực và quốc tế.

Quy mô dân số khu vực nội thành 1,5 triệu dân đến năm 2000, vùng ngoại thành 1,5 triệu, các đô thị vệ tinh khoảng 50 vạn dân. Quy mô đất đai: nội thành khoảng 13.550 ha đất đô thị với tiêu chuẩn bình quân khoảng 100m²/người và tập trung chủ yếu bên hữu ngạn sông Hồng (Năm 1992 điều chỉnh Quy hoạch tổng thể rút xuống còn 52 m²/người).

Hướng phát triển của Thủ đô vẫn tập trung bên hữu ngạn (Nam sông Hồng) là chủ yếu, phát triển về hướng Xuân Mai, Hoà Lạc, Sơn Tây thuộc Ba Vì, Hà Tây là chính. Phát triển một phần nhỏ ở cửa ngõ Đông Bắc (Gia Lâm) khoảng 200 ha với 6-7 vạn dân, một phần nhỏ Bắc khu đầm Vân Trì (Bắc Thăng Long) khoảng 1 vạn dân với khoảng 30 ha. Tiềm năng phát triển rất lớn phía Bắc sông Hồng chưa được khai thác. Cảng nước sâu Hải Phòng, Quảng Ninh và cảng hàng không quốc tế Nội Bài đều tập trung ở phía Bắc và Đông Bắc thành phố. Lợi thế của các cực hút này chưa được quan tâm phát huy trong quy hoạch tổng thể chiến lược phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch không gian Thủ đô.

Giai đoạn đầu của thời kỳ này, vùng ngoại thành được mở rộng với quy mô khoảng 2.130km², bao gồm 12 đơn vị huyện, thị nguyên thuộc tỉnh Hà Tây và Vĩnh Phúc. Đến năm 1991, Quốc hội điều chỉnh lại địa giới, Hà Nội chỉ còn 5 huyện ngoại thành như hiện nay.

Về kết cấu hạ tầng giao thông, đầu mối giao thông đối ngoại Hà Nội bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.

Đường hàng không: Ngoài sân bay quốc tế Nội Bài với đường cao tốc Thăng Long nối sân bay về Thành phố thay dần cho tuyến qua cầu Long Biên, Quốc lộ 3 lên sân bay, còn có 2 sân bay: Gia Lâm (chủ yếu phục vụ các chuyến bay trong nước) và sân bay quân sự Bạch Mai. Các sân bay này đều nằm sâu trong đô thị, hạn chế khả năng phát triển và khai thác sử dụng. Dự phòng phát triển còn sân bay Miếu Môn phía Tây Nam Hà Nội.

Đường thủy: Sông Hồng là sông lớn chảy qua Hà Nội nhưng chưa được chỉnh trị và khai thác hết khả năng do chế độ thủy văn dòng chảy và chế độ lũ phức tạp, phù sa bồi lắng. Giao thông đường thủy chưa được khai thác hiệu quả, chưa xây dựng được cảng hành khách quy mô cho Hà Nội, ngoài một số cảng hàng hoá công suất nhỏ như Phà Đen, Khuyến Lương đã hình thành từ trước.

Đường bộ: Thời kỳ 1986 - 1990 đã có thêm cầu Thăng Long và Chương Dương mới xây dựng và đưa vào sử dụng, từng bước hình thành vành đai 3 của Hà Nội, giải quyết tình trạng giao thông nút thắt của Thành phố sang vành đai phân phối theo đúng quy hoạch tổng thể năm 1981 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, góp phần cải thiện một phần giao thông từ sân bay quốc tế Nội Bài về khu Trung tâm thành phố. Yêu cầu điều hoà giao thông từ các hướng khác dẫn về Hà Nội và từ Hà Nội đi các hướng, hạn chế các luồng xe tải không có nhu cầu quá cảnh qua Hà Nội để giảm thiểu ách tắc từ xa vẫn chưa được giải quyết. Các trục giao thông hướng tâm, như: trục đường 32, trục đường 6, trục 1A được đề xuất mở rộng tuyến đường cao tốc nối sân bay quốc tế Nội Bài và tuyến đường 5 đi Hải Phòng, tạo các tuyến giao thông song hành trên các hướng chính. Trên thực tế, đến giai đoạn 1986 ÷ 1990 mới thực hiện được một phần vành đai 3 từ cầu Thăng Long đến ngã ba Mai Dịch và một phần nối đến Thanh Xuân Bắc. Vì vậy, nguy cơ ách tắc giao thông ở Thủ đô vẫn chưa cải thiện được nhiều. Bên cạnh đó, các bến bãi đỗ xe hâu như chưa đầu tư được bao nhiêu, nhất là khu vực 4 quận nội thành. .

Đường sắt: Thành phố đã đề xuất xây dựng tuyến đường sắt vành đai bao quanh Hà Nội để từng bước thay thế cho tuyến đường sắt quốc gia cắt qua nội thành từ cầu Long Biên về ga Hà Nội và đi xuống phía Nam thành phố; phía Bắc dự kiến có 2 ga lập tàu lớn là ga Bắc Hồng và Việt Hưng. Trong giai đoạn 1986 ÷ 1990 mới hình thành được một phần tuyến vành đai đường sắt ở phía Tây Hà Nội từ cầu Thăng Long về ga Phú Diễn đến Việt Hưng. Toàn bộ vành đai phía Đông chưa thực hiện được; tuyến đường sắt quốc gia cắt qua trung tâm Hà Nội theo hướng Bắc - Nam vẫn tiếp tục tồn tại gây trở ngại lớn cho các luồng giao thông nội đô theo trục Đông - Tây nội thành.

Hệ thống giao thông nội đô bắt đầu được cải tạo và mở mới một số tuyến đường, như: C2 Thái Hà, Giảng Võ - Láng, Đại Cồ Việt, đường 32 ... So với yêu cầu thực tế và định hướng quy hoạch tổng thể năm 1981, vẫn chưa thực hiện được bao nhiêu.

Ý tưởng tổ chức không gian Thủ đô được hình thành trên cơ sở lấy hồ Tây làm trọng tâm bố cục không gian. Hình thành xung quanh hồ Tây (một thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội) hệ thống trung tâm của thành phố từ khu vực thương mại truyền thống 36 phố phường đến trung tâm chính trị Ba Đình, khu cơ quan Nhà nước, bộ và các ngành, khu hành chính thương mại mới của Thủ đô, cung đại hội và hệ thống khách sạn, nhà nghỉ phía Tây hồ Tây. Một tháp truyền hình lớn dự kiến được xây dựng tại bán đảo Quảng An, tạo điểm nhấn kiến trúc không gian, mở đầu cho một trục không gian lớn mở về phía Tây Nam (hướng đi Hoà Lạc). Hai bên trục không gian này là trung tâm thể thao quốc gia và triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân. Tổ chức chiều cao công trình dọc theo các trục không gian hướng tới Hồ Tây theo nguyên tắc cao phía ngoài và thấp dần về phía Hồ, tạo thành thế lòng chảo.

Đây là một ý tưởng tổ chức không gian quy củ, mạch lạc, có tổ chức để hình thành được bộ mặt đô thị hiện đại của Thủ đô. Tuy nhiên, ý tưởng này đòi hỏi phải xoá bỏ hầu hết các khu vực làng xóm, làng nghề truyền thống xung quanh Hồ Tây, như: Yên Phụ, Quảng An, Quảng Bá, Nhật Tân, Bưởi, Ngọc Hà... do vậy đồ án không có tính khả thi. Quy hoạch điều chỉnh năm 1992 và 1998 đã phải xem xét lại.

Hệ thống trung tâm đô thị của Thành phố được chia thành 3 cấp theo cơ cấu tầng bậc: đơn vị ở - khu ở - thành phố.

Hệ thống trung tâm Thành phố tập trung quanh khu vực Hồ Gươm, Hồ Tây và một phần theo hướng Hoà Lạc gồm các trung tâm chuyên ngành: văn hoá, thể thao, y tế, giáo dục, thương mại theo mô hình phân tán.

Để hỗ trợ cho hệ thống Trung tâm thành phố, tiếp đến là các *Trung tâm các khu nhà ở* và phục vụ cho khu dân cư là các *Trung tâm công cộng đơn vị ở* phục vụ nhu cầu tối thiểu hàng ngày. Các cơ quan, trường đào tạo, viện nghiên cứu theo mô hình phân tán tại khu vực đường Láng Trung kéo dài và đường Hoàng Quốc Việt.

Tổ chức đất dân dụng được bố trí theo tầng bậc, gồm: *đơn vị ở*, quy mô khoảng 20 - 30 ha với dân số trên dưới 1 vạn dân; *khu ở*, tập trung từ 6 đến 8 đơn vị. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hầu hết theo tiêu chuẩn của Liên xô (cũ), khi áp dụng vào thực tế Việt Nam còn nhiều điều chưa hợp lý (Ví dụ: Khoảng cách giữa các nhà cao tầng, mật độ xây dựng cho các công trình y tế, văn hoá, giáo dục...). Các khu làng xóm đô thị hoá hầu hết được phá bỏ để xây dựng chung cư 4 - 5 tầng. Đây cũng là điều chưa hợp với thực tế Hà Nội.

Thành phố có chủ trương khai thác các công viên nội đô và ven đô, hình thành các công viên, vườn hoa kết hợp với mặt nước, tạo cảnh quan đô thị và tiện khai thác sử dụng, như: Công viên tuổi trẻ (Thanh Nhàn), cụm công viên hồ Ba Mẫu - Bảy Mẫu - Hồ Hale, công viên Đống Đa, công viên hồ Thành Công, công viên Ngọc Khánh, Thủ Lệ, Nghĩa Đô...

Trong giai đoạn 1986 - 1990, thực hiện việc xoá bỏ bao cấp trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, Hà Nội chủ trương thực hiện mô hình Nhà nước và nhân dân cùng làm, Nhà nước cấp đất, dân tự xây. Chủ trương này đã nhanh chóng giải toả được nhu cầu bức xúc về nhà của nhân dân. Quỹ đất nhà ở nhanh chóng tăng lên, cải thiện được phần lớn điều kiện ở cho người dân đô thị. Tuy nhiên, việc cấp đất tràn lan theo hình thức chia lô nhà ống, phổ biến là các loại chiều ngang từ 3,6m đến 5,0m, chiều sâu từ 15m đến 20m lại không được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, người dân chỉ đủ sức xây dựng nhà ở của mình theo khả năng thu nhập từng gia đình... đã dẫn đến tình trạng kiến trúc lộn xộn, chắp vá, manh mún, không tạo được bộ mặt đô thị, nguy cơ hình thành các khu "ổ chuột mới". Đến năm 1994, Thành phố đã ra văn bản chấm dứt mô hình này.

Đến giai đoạn 1998-2005, để công tác quy hoạch có thể đi trước một bước, Thành phố đã tập trung đổi mới cách làm quy hoạch, cho phép điều chỉnh quy định về nội dung đồ án, áp dụng bước thiết kế đô thị; đẩy mạnh quy hoạch khu vực ven nội và ngoại thành, quan tâm phát triển nông nghiệp sinh thái và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn; đẩy mạnh việc triển khai các nội dung thoả thuận, hợp tác với các tỉnh bạn nhằm tạo sự phát triển hài hòa.

Về công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch, Thành phố đã ban hành qui định về cấp phép xây dựng các công trình trên địa bàn Thành phố, tăng cường về cơ sở pháp lý và tổ chức, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý xây dựng theo quy hoạch. Thành phố đã chỉ đạo triển khai công tác tập huấn, phổ biến, hướng dẫn qui định cấp giấy phép xây dựng; hướng dẫn một số điều cần biết khi xây dựng nhà ở của nhân dân; điều chỉnh phụ thu phí xây dựng; kiểm tra việc thực hiện quy định về cấp giấy phép xây dựng, thời gian cấp phép. Tỷ lệ cấp giấy phép xây dựng năm sau đều cao hơn năm trước (2001 tăng 10% so với năm 2000, 2002 tăng 64% so với năm 2001).

Căn cứ Quyết định số 100/2002/QĐ-TTg ngày 24/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã ban hành Quyết định về thí điểm thành lập thanh tra chuyên ngành xây dựng Thành phố. Với quyết định này, Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước có cơ chế cụ thể để xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị, tạo những chuyển biến tích cực trong việc xử lý các vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn thể nhân dân trong việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Về quản lý và sử dụng đất đô thị, trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010, Thành phố đã lập kế hoạch sử dụng đất từ 2001 - 2005 và từng năm để phát triển công nghiệp, đô thị trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1115/QĐ-TTg ngày 25/11/2002.

Thành phố đã báo cáo và được Thủ tướng Chính Phủ chấp thuận cho điều chỉnh cục bộ một số khu vực theo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội: điều chỉnh quy hoạch khu phố cổ, khu Hồ Gươm, khu Hồ Tây (văn bản số 736/CP-CN ngày 15/8/2000), điều chỉnh khu công nghiệp và khu đại học (văn bản số

771/CP-CN ngày 08/7/2002), điều chỉnh khu đô thị Xuân Phương - Từ Liêm (văn bản số 106/CP-CN ngày 24/01/2003). Hiện nay đang trình Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh khu vực 2 bên sông Cà Lồ và đường 18.

Để quản lý và khai thác tốt hơn tài nguyên đất, Thành phố đã ban hành nhiều văn bản qui phạm pháp luật (Chỉ thị 15, 16/CT-UB; Kế hoạch 19/KH-UB; Nghị quyết 09/HĐND...); ban hành qui chế về đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn đầu tư xây dựng hạ tầng và hướng dẫn các quận, huyện, phường, xã, thị trấn thực hiện...

1.2. Một số khó khăn, yếu kém:

Công tác quy hoạch chậm đổi mới, chất lượng thấp, thiếu tầm nhìn chiến lược; thiếu sự đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội, sự kết nối giữa quy hoạch chung và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, giữa quy hoạch không gian với quy hoạch kiến trúc, xây dựng; quy hoạch hạ tầng khung chưa được coi trọng... dẫn đến tình trạng manh mún, chia cắt, tùy tiện, tự phát.

Trong định hướng phát triển, Thành phố đã tập trung phát triển mạnh phía Tây, Nam Hà Nội, tạo được diện mạo mới cho Thủ đô nhưng hướng phát triển sang Bắc sông Hồng chưa được chuẩn bị và triển khai tích cực.

Mối quan hệ giữa nội đô với khu phát triển mới, giữa khu phát triển với điểm dân cư cải tạo hiện có để đảm bảo sự phát triển hài hòa chưa được nghiên cứu để giải quyết thỏa đáng. Việc thực hiện giãn dân trong khu hạn chế phát triển thực hiện chậm.

Sự khớp nối (nhất là về hạ tầng đô thị) giữa các khu mới với khu chỉnh trang, giữa các khu đô thị mới với nhau chưa được xác lập đồng bộ; chưa gắn quản lý khu đô thị mới với quản lý theo địa giới hành chính, với hệ thống các cấp chính quyền.

Vấn đề quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất sau khi Nhà nước thu hồi (đất để hoang hóa, sử dụng sai mục đích) nhằm phục vụ công tác xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch của Thành phố, giải quyết lợi ích của Thành phố và lợi ích của tổ chức đang quản lý, sử dụng còn lúng túng, bất cập.

Việc triển khai quy hoạch phục vụ các dự án phát triển khu đô thị mới chưa gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu lao động, xây dựng lối sống đô thị, tạo việc làm cho người dân khi hết đất sản xuất.

Những khó khăn, yếu kém nêu trên là do công tác quản lý xây dựng theo mốc giới quy hoạch triển khai chậm, chưa có giải pháp quản lý hiệu quả; quy hoạch chi tiết khu vực nông thôn chưa có văn bản hướng dẫn chung, quản lý xây dựng nông thôn còn buông lỏng. Trình độ, năng lực tư vấn chưa ngang tầm nhiệm vụ, thiếu các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực quy hoạch. Các văn bản pháp qui trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng đô thị còn thiếu tập trung,

thống nhất. Công tác quản lý sau dự án, quản lý theo giấy phép xây dựng còn bị buông lỏng.

2. Tình hình phát triển đô thị

Nhìn từ góc độ phát triển đô thị, Hà Nội trong 20 năm đổi mới đã trải qua 4 giai đoạn cơ bản.

Giai đoạn 1986-1990, tình hình đầu tư và phát triển hạ tầng kỹ thuật Thủ đô hầu như không đạt được tiến bộ rõ rệt nào. Về giao thông, chiều dài và chất lượng đường bộ không có thay đổi đáng kể. Trong suốt 5 năm, chỉ có thêm 4 cầu trọng tải trên 10 tấn và gần 20 km đường cấp phối được xây dựng mới. Cơ cấu các loại đường gần như giữ nguyên (trong đó, đường rải đá và đường cấp phối chiếm hơn 50% tổng chiều dài đường bộ). Trong ngành bưu điện, tổng số máy điện thoại sử dụng dao động khoảng 18.500 chiếc (đạt mức 100 người dân có 6 máy điện thoại). Ở ngoại thành, chỉ có 37/139 xã có máy điện thoại. Xây dựng nhà ở tuy đã đạt kết quả nhất định trong thời kỳ trước, đặc biệt là vào năm 1985, song đến thời kỳ này do thiếu vốn nên sa sút nghiêm trọng. Diện tích nhà xây dựng mới chỉ đạt bình quân trên dưới 100.000 m² mỗi năm, trong đó năm 1988 chỉ đạt 98.800 m², thấp hơn nhiều so với mức của năm 1985.

Trong suốt 5 năm từ 1986-1990, vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên lãnh thổ hầu như không tăng. Nếu như năm 1985, vốn đầu tư đạt 2.660 triệu đồng, thì đến năm 1986 chỉ còn 1.911 triệu đồng, năm 1987 đạt 1.368 triệu đồng, năm 1988 đạt 2.255 triệu đồng (giá thực tế). Nếu xét đến cả yếu tố trượt giá, thì trên thực tế vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã giảm khá nhiều, thậm chí chỉ còn bằng từ 1/4 đến 1/10 so với trước¹⁶.

Giai đoạn 1991-1995, các chính sách và cơ chế huy động mọi nguồn vốn của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư cho phát triển kinh tế, xã hội được tiến hành một cách mạnh mẽ. Nhờ đó, trong 5 năm, Thành phố đã huy động được 32.600 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển. Nếu như thời kỳ trước, nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước địa phương còn rất eo hẹp, thì đến thời kỳ này, vốn đầu tư ngân sách địa phương đã đạt mức 287 tỷ đồng vào năm 1995, bình quân mỗi năm tăng 27%, trong đó đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật chiếm đến 71,7%. Chỉ riêng trong năm 1995, thành phố đã cải tạo 174.000 m² đường, lát 15.200 m² vỉa hè, xây dựng mới 4,6 km đèn chiếu sáng, lắp đặt mới 19,1 km đường ống phân phối nước, đưa sản lượng nước sạch tăng thêm 34.000 m³/ngày đêm...

Cũng trong thời kỳ này, việc phát triển nhà ở với sự tham gia đóng góp của người dân lần đầu được triển khai, đã mang lại kết quả khá tốt. Mặc dù vốn đầu tư của ngân sách cho sự nghiệp nhà ở giảm sút khá nhiều (nếu loại trừ yếu tố giá), song trong 5 năm Thành phố vẫn xây dựng được trên 1.000.000 m² nhà ở, bằng cả 10 năm trước đó. Tuy nhiên, công tác xây dựng nhà ở thời kỳ này

¹⁶ Chỉ số giá năm 1986 là 480,1%, năm 1987 là 411,2%, năm 1988 là 424,3%...

cũng bộc lộ một số khuyết điểm như quy hoạch các khu đô thị chưa tốt, quản lý đất công, việc phát triển khu đô thị hiện đại, nhà chung cư cao tầng chưa được quan tâm đúng mức.

Giai đoạn 1996-2000, công tác huy động vốn và phát triển hạ tầng có một bước tiến quan trọng. Quá trình hiện đại hoá hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đô thị thiết yếu ở Hà Nội được đẩy mạnh do việc tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Thành phố đã nâng cấp và mở rộng nhiều tuyến đường, cải tạo, mở rộng một số nút giao thông quan trọng; xây dựng thêm 1,5 triệu m² nhà ở; hoàn thành cơ bản các hạng mục chủ yếu của dự án thoát nước Hà Nội giai đoạn I; hoàn thành dự án cấp nước Phần Lan và cấp nước Gia Lâm giai đoạn I, đưa tổng công suất cấp nước toàn Thành phố lên 420 nghìn m³/ngày đêm...

Bước vào giai đoạn 2001-2005, để phát huy hiệu quả đầu tư, Thành phố đã chú trọng đầu tư tập trung, có mục tiêu, theo chương trình trọng điểm, đặc biệt nhấn mạnh các dự án phát triển hạ tầng đô thị.

Đã hoàn thành nhiều tuyến đường, nút giao thông quan trọng; triển khai xây dựng một số cầu qua sông Hồng (Thanh Trì, Vĩnh Tuy); xây dựng, cải tạo các hồ, công viên, vườn hoa, nâng diện tích đất xanh bình quân đầu người từ 3,5m² năm 2000 lên 5,3m², chiếu sáng ngõ xóm đạt tỷ lệ 95% tại 7 quận cũ và 60% tại 2 quận mới. Sản lượng điện thương phẩm tăng 1,75 lần (từ 2,27 tỷ kw giờ năm 2000 lên 3,98 tỷ kw giờ năm 2005). Chỉ đạo xây dựng 70 tuyến phố văn minh trong nội thành.

Thành phố tập trung đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống cấp, thoát nước; lượng nước sạch cung cấp đạt 558.000 m³/ngày đêm năm 2005, tăng 1,4 lần so với năm 2000. Từng bước giải quyết vấn đề thoát nước, giảm ngập úng cục bộ. Chỉ đạo công tác thu gom và vận chuyển rác thải, vệ sinh môi trường theo hướng mở rộng xã hội hoá, áp dụng phương thức giao khoán, đấu thầu; đảm bảo thu gom 95% lượng rác thải trong ngày tại đô thị.

Từ một khu đô thị mới (Bắc Linh Đàm) ra đời năm 1999, đến nay Thành phố đang triển khai xây dựng trên 40 khu đô thị mới và nhiều khu chung cư cao tầng hiện đại. Trong 5 năm 2001-2005, Thành phố đã xây dựng mới trên 6 triệu m² nhà ở, trong đó gần 60% nhà ở thuộc dự án của các doanh nghiệp trung ương và địa phương, 40% tổng diện tích do dân tự xây; nâng diện tích nhà ở bình quân đầu người lên 7,5 m² (chỉ tiêu 7-7,5m²).

Hệ thống bưu chính viễn thông được nâng cấp, phát triển và hiện đại hoá. Đến cuối năm 2005, tỷ lệ máy điện thoại đạt 41 máy/100 dân, vượt kế hoạch đặt ra (24-25 máy/100 dân). Doanh thu bưu điện tăng bình quân 15,3% năm. Chương trình phát triển công nghệ thông tin của Thành phố đang được triển khai và đạt kết quả bước đầu với việc xây dựng 9 dự án như “tin học hoá quản lý hành chính”, “tin học hoá hoạt động của các cơ quan Đảng Thành phố Hà Nội”, “hệ thống thông tin giải quyết những vấn đề bức xúc về quản lý đô thị”...

xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cấp mạng máy tính hiện có, xây dựng một số trang thông tin điện tử của thành phố...

Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tăng cường quản lý giao thông. Kỷ cương, an toàn giao thông đô thị có chuyên biến; ùn tắc giao thông giảm. Vận tải hành khách công cộng được phục hồi và phát triển nhanh, lượng hành khách vận chuyển bằng xe buýt tăng từ 12 triệu lượt người năm 2000 lên khoảng 300 triệu lượt người năm 2005 - tương đương 22% nhu cầu đi lại của nhân dân (chỉ tiêu 20-25%).

Thành phố đổi mới công tác quản lý đô thị theo hướng mở rộng phân cấp¹⁷; thành lập lực lượng thanh tra chuyên ngành xây dựng của Thành phố và quận, huyện; giám thủ tục, rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng; tỷ lệ xây dựng không phép giảm khoảng 35-40%. Công tác giải phóng mặt bằng được chỉ đạo tập trung, quyết liệt¹⁸. Quản lý đất đai có chuyên biến; đẩy mạnh thu hồi đất bỏ hoang hóa, sử dụng sai mục đích¹⁹. Tập trung chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở trên địa bàn Thành phố.

Nhiều vấn đề bức xúc đô thị đã từng bước được giải quyết, xử lý dứt điểm một số việc tồn đọng lâu ngày như: giải tỏa "xóm liều" Thanh Nhàn, ao Thước Thợ, nút Voi Phục - Cầu Giấy, Ngã tư Vọng, đường Giang Văn Minh - Đội Cấn, đường Liễu Giai kéo dài, đường Nguyễn An Ninh - phố Vọng...

3. Đánh giá chung

Trên cơ sở Quy hoạch chung và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010, Thành phố đã tập trung chỉ đạo lồng ghép các quy hoạch, cơ bản hoàn thành và công bố công khai nhiều dự án quy hoạch²⁰; nghiên cứu rà soát, điều chỉnh quy hoạch không gian Thủ đô, quy hoạch sử dụng đất gắn với đảm bảo thoát lũ, cải tạo cảnh quan vùng bãi sông Hồng. Thành phố đã huy động và ưu tiên sử dụng vốn đầu tư vào sự nghiệp phát triển hạ tầng đô thị, góp phần hiện đại hoá hạ tầng cơ sở, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và điều kiện sống của người dân.

Tuy nhiên, như đã phân tích, công tác quy hoạch, xây dựng đô thị vẫn còn nhiều yếu kém; hạ tầng đô thị vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; mạng lưới giao thông, cấp thoát nước chưa đồng bộ; thiếu nhà ở (đặc biệt là nhà ở cho người lao động), trường dạy nghề, bệnh viện, khu vui chơi giải trí... Để Hà Nội trở thành một thành phố văn minh, hiện đại đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị. Đây

¹⁷ Trong các lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, cấp phép xây dựng, giải phóng mặt bằng, quản lý dự án đầu tư...

¹⁸ Giải phóng mặt bằng trên 150.000 hộ và bố trí tái định cư cho gần 15.000 hộ (năm 2001: 22.660 hộ; năm 2002: 27.480 hộ; năm 2003: 49.080 hộ; năm 2004: 20.890 hộ với tổng diện tích GPMB là 876 ha).

¹⁹ Riêng 4 năm 2001-2004, UBND Thành phố đã ra 65 quyết định thu hồi 566.608 m² đất; UBND các quận huyện đã thu hồi 236.036 m²

²⁰ Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các quận, huyện, các quy hoạch ngành, quy hoạch các khu đô thị mới

vẫn là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm cao độ của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Thủ đô trong những năm tới.

C. VỀ VĂN HOÁ - XÃ HỘI

1. Về giáo dục - đào tạo

1.1. Những thành tựu:

Những thành tựu của ngành GDĐT Thủ đô trong 20 năm đổi mới thực sự to lớn. Thành phố đã hoàn thành phổ cập tiểu học vào năm 1990; là địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành phổ cập trung học cơ sở (1999); phổ cập trung học phổ thông và tương đương cho trên 75% thanh niên trong độ tuổi. Tỷ lệ đầu tư cho giáo dục từ 20% tổng chi ngân sách (năm 2000) tăng lên 22,5% (năm 2005). Xã hội hoá GDĐT đạt kết quả khá, nhất là bậc trung học và đại học. Đã xây dựng và triển khai chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng công tác khuyến học, từng bước xây dựng xã hội học tập.

Quy mô giáo dục, đào tạo được mở rộng; chất lượng được duy trì, có mặt tiến bộ:

Giáo dục mầm non được quan tâm, Thành phố có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ; làm tốt công tác tuyên truyền, đa dạng hoá các loại hình trường lớp. Hệ thống các trường mầm non ngoài công lập tiếp tục phát triển ở cả nội và ngoại thành; tỷ lệ trẻ đến trường mẫu giáo tăng; đã thu hút được số lượng lớn trẻ khuyết tật đến trường

Giáo dục phổ thông, bậc tiểu học, đến năm học 2004 - 2005, Thành phố huy động được hơn 99,9% số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1. Quy mô giáo dục tiểu học ổn định; chủ trương dạy đủ 9 môn và nâng dần tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đạt 89%; chất lượng giáo dục đạo đức, văn hóa có những bước cải thiện. *Bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông*, quy mô phát triển được giữ vững, đặc biệt tăng mạnh ở các hệ ngoài công lập. Chất lượng giáo dục được củng cố thông qua việc hình thành mạng lưới các trường có chất lượng cao, có uy tín và bảo đảm chất lượng cả về trí, đức, thể, mỹ, nghề nghiệp; tỷ lệ học sinh được xếp loại đạo đức tốt, văn hóa khá, giỏi tăng.

Giáo dục chuyên nghiệp được mở rộng. Quy mô, mạng lưới các trường trung học chuyên nghiệp (THCN) đã có bước phát triển, phân bố đều ở các quận, huyện, bước đầu thoả mãn nhu cầu học tập, phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố. Số học sinh vào học THCN ổn định; quy mô giáo dục nghề nghiệp tăng nhanh. Chất lượng giáo dục chuyên nghiệp (dạy nghề, THCN, cao đẳng) được cải thiện bằng việc củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật gắn với thị trường lao động. Nhiều ngành nghề, công nghệ mới đã được đưa vào đào tạo, góp phần tạo nên những bước đột phá cho giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội.

Giáo dục thường xuyên tiếp tục phát triển. Những loại hình của giáo dục thường xuyên như xóa mù chữ, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở, bổ túc

trung học, dạy nghề, phổ cập ngoại ngữ, tại chức và học tập từ xa trên truyền hình... được mở rộng với nhiều loại hình đa dạng; lôi cuốn đông đảo đội ngũ cán bộ, nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên tham gia; góp phần hình thành xã hội học tập ở Thủ đô.

Mạng lưới các cơ sở GDĐT tiếp tục được hoàn thiện. việc thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học đạt kết quả rõ nét. Thành phố đã phân bố tương đối hợp lý mạng lưới các cơ sở giáo dục theo địa bàn với nhiều loại hình trường, lớp, trung tâm.

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được củng cố, tăng cường. Đã giải quyết được tình trạng thiếu giáo viên ở bậc tiểu học, ngoài ra còn có nguồn để đáp ứng yêu cầu học 2 buổi ở tiểu học; đào tạo đủ giáo viên tiếng Anh để dạy ở trung học phổ thông; đào tạo và bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên dạy tin học ở các trường PTHH, THCS, dạy nghề. Tỷ lệ giáo viên của Hà Nội đạt chuẩn hóa khá cao so với các tỉnh, thành cả nước. Đến năm 2005, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở ngành học mầm non là 98%; tiểu học là 99,5%; THCS là 99,1%; THPT, THCS và giáo dục thường xuyên là 100%.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật được cải thiện. Hầu hết cơ sở vật chất của các trường phổ thông, chuyên nghiệp đều được nâng cấp, đổi mới trang thiết bị theo hướng hiện đại, bảo đảm nâng cao chất lượng GDĐT. Cơ bản xoá phòng học cấp 4 (bán kiên cố) ở bậc giáo dục phổ thông; nguồn lực tài chính được tăng cường từ Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân.

1.2. Những hạn chế:

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển Thủ đô. Chất lượng giáo dục mầm non chưa cao. Chất lượng giáo dục phổ thông chưa ổn định, không đồng đều giữa các môn học, phần học; giữa nội, ngoại thành. Còn một số học sinh xếp loại đạo đức trung bình hoặc yếu; một số học sinh sa sút về đạo đức, nhân cách, vi phạm pháp luật. Ý thức, thói quen và năng lực tự học, thực hành, thích ứng đời sống xã hội của học sinh còn hạn chế. Đối với giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ học sinh đạt mức trung bình trong xếp loại chuyên môn, văn hóa còn nhiều. Chất lượng dạy nghề còn thấp; kỹ năng thực hành của học sinh còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu lao động nghề nghiệp trong thực tế, đặc biệt là chưa đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho các ngành kinh tế, khu công nghiệp tập trung, xí nghiệp liên doanh. Trong giáo dục thường xuyên, việc đảm bảo thực chất trình độ các văn bằng được đào tạo, quản lý các khâu dạy học; việc kiểm tra đánh giá, thi cử và cấp chứng chỉ, văn bằng còn nhiều thiếu sót cần được giải quyết.

Quy hoạch mạng lưới trường học còn chưa gắn với quy hoạch phát triển Thành phố, quy hoạch các khu công nghiệp, sản xuất, dịch vụ để đón trước nhu cầu phát triển GDĐT. Chưa hình thành được mạng lưới các trường trọng điểm có chất lượng cao trong giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp; tỷ lệ trường THCS và dạy nghề còn quá thấp so với trung học phổ thông.

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phân bố chưa hợp lý và còn nhiều mặt hạn chế. Phần lớn giáo viên giỏi, cán bộ quản lý có trình độ tập trung ở nội thành, nhất là tại một số trường điểm. Tuy trình độ của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đã được nâng lên đáng kể nhưng đặc biệt là còn thiếu những hiểu biết về thực tiễn, còn yếu về nghiệp vụ sư phạm; một bộ phận vi phạm đạo đức của nhà giáo.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật nhìn chung còn thấp. Các trường nội thành, kể cả các trường lớn, đều ở tình trạng quá tải và không có khả năng bảo đảm diện tích mặt bằng đất đai theo quy chuẩn để hiện đại hóa. Phần lớn các cơ sở dân lập, tư thục, bán công chưa có địa điểm riêng; cơ sở vật chất, kỹ thuật chưa ổn định.

Những yếu kém, hạn chế chủ yếu bắt nguồn từ tình trạng chạy theo thành tích của không ít trường học, tình trạng dạy thêm đã tạo ra khoảng cách giữa cường độ học quá tải với chất lượng thực tế. Nội dung giáo dục chưa gắn dạy chữ với dạy làm người, dạy nghề. Cơ sở đào tạo nghề còn nhiều bấp cập. Phương thức quản lý giáo dục từ xa chưa được quan tâm hoàn thiện như quan tâm đối với giáo dục phổ thông. Công tác quy hoạch GDĐT chưa có cơ sở khoa học và thiếu tầm nhìn chiến lược. Sự phát triển các trường dân lập, tư thục trong bước đầu thực hiện xã hội hóa có phần tự phát. Mặt khác, sự tác động của mặt trái kinh tế thị trường đã ảnh hưởng đáng kể đến đời sống giáo viên, đến ý thức học tập, rèn luyện của một bộ phận học sinh, đến mối quan hệ giữa gia đình, xã hội với nhà trường. Áp lực thu nhập và bệch cạnh tranh thành tích đã làm giảm đức độ, uy tín của một bộ phận giáo viên và làm tăng khoảng cách giữa bằng cấp với chất lượng chuyên môn, sư phạm.

2. Về phát triển khoa học công nghệ

2.1. Những thành tựu:

Là nơi tập trung một lực lượng lớn các nhà khoa học có trình độ cao, nơi có nguồn lực chất xám tiềm tàng, Hà Nội rất coi trọng phát triển khoa học, công nghệ.

Trong giai đoạn 1986 - 1990, Thành phố tập trung triển khai các đề tài nghiên cứu, nhằm cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn để phục vụ công cuộc đổi mới, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào phát triển nông nghiệp, điển hình là phương pháp đột biến, lai, chiết, ghép, cấy mô tế bào; khai thác và nuôi trồng thủy sản ... Hà Nội được đánh giá là đi đầu các tỉnh, thành phố trong cả nước về nghiên cứu, bảo vệ môi trường.

Những năm 1990 - 1995: Thành phố đã đầu tư triển khai hàng chục chương trình với 1.540 đề tài, 70 dự án sản xuất - thử nghiệm. Có 69,4% kết quả nghiên cứu của các đề tài được đưa vào sản xuất. Từ các kết quả nghiên cứu, đã có 140 công nghệ mới, 283 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xây dựng 78 dây chuyền thiết bị mới (như: công nghệ sản xuất lúa lai Trung Quốc, hàn trong khí Ni tơ,

khí CO₂, ứng dụng lade trong cắt vật liệu kim loại, công nghệ sản xuất đồng hồ đo nước, công nghệ nhuộm cao cấp, sản xuất sợi nhẹ, thu gom xử lý rác, quy trình sản xuất rau sạch...), góp phần tạo ra 187 sản phẩm mới (máy nén lạnh 6AV95, máy hoan cầu K325, máy tiện điều khiển theo chương trình,..). Những kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học đã góp phần quan trọng tạo nên bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội của Thủ đô trong nửa thập kỷ 90, thế kỷ XX.

Từ 1996 đến nay, Thành phố tập trung đổi mới công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả khoa học: chỉ đạo thực hiện việc đổi mới việc đăng ký các đề tài khoa học thông qua quy trình tuyển chọn các tổ chức, cá nhân có năng lực, điều kiện thực hiện nghiên cứu khoa học theo hình thức "*đấu thầu*"; đổi mới việc quản lý các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học theo hướng hiệu quả, gắn nghiên cứu cơ bản với triển khai, ứng dụng trong thực tế.

Trước sự đòi hỏi cấp thiết của công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Thành phố đã xác định phát triển KHCN là động lực quan trọng để thúc đẩy CNH, HĐH Thủ đô, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KHCN vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là khoa học xã hội - nhân văn và công nghệ thông tin. Hàng năm Thành phố đã dành 2% ngân sách chi thường xuyên cho KHCN, kinh phí nghiên cứu khoa học năm sau cao hơn năm trước. Mặc dù kinh phí xây dựng cơ bản còn hạn hẹp, nhưng Thành phố vẫn dành 3 - 3,5% cho các dự án phát triển KHCN; đồng thời, đã xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư và hỗ trợ một phần lãi suất nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý, thực hiện quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, TQM,...). Trong giai đoạn này, đã triển khai 1.589 đề tài khoa học và 99 dự án sản xuất - thử nghiệm, 22 dự án điều tra cơ bản - môi trường. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Thành phố tập trung nghiên cứu nhằm: cung cấp các luận cứ khoa học nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của Thủ đô; ứng dụng công nghệ tiên tiến tạo ra các sản phẩm công nghiệp chủ lực có chất lượng và sức cạnh tranh cao; ứng dụng KHCN và các giải pháp phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững và kinh tế ngoại thành; ứng dụng y học cổ truyền và hiện đại trong chẩn đoán và điều trị nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực quản lý, xây dựng và phát triển đô thị; gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa 1000 năm Thăng Long - Hà Nội,... Các kết quả nghiên cứu đã góp phần thiết thực vào việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị Thủ đô.

Tiềm lực khoa học được tăng cường; lực lượng cán bộ khoa học có học hàm, học vị công tác trên địa bàn Hà Nội tăng mạnh, chiếm khoảng 65% tổng số cán bộ có học hàm, học vị trong cả nước. Thành phố đang hoàn thiện, triển khai đồng bộ chiến lược phát triển khoa học, công nghệ; ưu tiên phát triển công

nghe thông tin, công nghệ sinh học; tích cực chuẩn bị các tiền đề để phát triển kinh tế tri thức.

2.2. Những hạn chế, yếu kém:

Công tác nghiên cứu khoa học về dự báo phát triển chưa được quan tâm đúng mức. Hoạt động KHCN chưa thoát khỏi tình trạng bao cấp, thiếu bước đột phá; nhiều đề tài khoa học chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Số công trình KHCN của Hà Nội được tặng giải thưởng KHCN toàn quốc còn thấp. Các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ KHCN chưa phát triển; chưa phát triển mạnh thị trường KHCN.

Cơ chế quản lý KHCN còn nhiều bất cập, định mức nghiên cứu khoa học thấp, chính sách tài chính đối với đội ngũ cán bộ KHCN chậm đổi mới. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KHCN; xét tuyển các đề tài giao trực tiếp chưa đáp ứng được chất lượng, hiệu quả đề ra. Phương pháp nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu KHCN vào thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn.

Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng KHCN trong quản lý, sản xuất kinh doanh của nhiều sở, ban, ngành, quận, huyện, doanh nghiệp còn hạn chế. Một số cấp, ngành chưa thực sự quan tâm đầu tư phát triển và ứng dụng KHCN. Khoa học, công nghệ chưa thực sự trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

3. Về phát triển ngành văn hoá - thông tin

3.1. Những thành tựu

Trong 20 năm đổi mới, các lĩnh vực văn học nghệ - thuật (âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, múa, mỹ thuật...) Thủ đô có điều kiện phát triển khá đa dạng. Các lĩnh vực bảo tàng, thư viện; các ngành in, xuất bản, phát hành sách báo, tạp chí, thông tin cổ động... đều phát triển khá phong phú, sinh động, đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân Thủ đô, nhân dân cả nước, bạn bè khu vực và trên thế giới. Giao lưu quốc tế về văn hoá Thủ đô được mở rộng, uy tín văn hoá Thủ đô ngày càng được nâng cao. Hà Nội là niềm vinh dự, tự hào của nhân dân Thủ đô và nhân dân cả nước; được cộng đồng quốc tế công nhận là "*Thủ đô hòa bình*".

Các dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá được triển khai, góp phần tạo nên diện mạo văn hoá mới cho Thủ đô. Thành phố đã quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá Thăng Long - Hà Nội; xây dựng, nâng cấp một số nhà văn hoá, thư viện; đầu tư bảo tồn, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng, tượng đài²¹.

²¹ Tượng đài Lý Thái Tổ, tượng đài Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh, từng bước nâng cấp Thành cổ Hà Nội, triển khai dự án xây dựng Bảo tàng Hà Nội, khu di tích Cổ Loa, Cửa ô phía Nam...

Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp được củng cố, phát triển mạnh dạn đổi mới nội dung chương trình, nghệ thuật trình diễn, nâng cao chất lượng phục vụ và thích ứng với cơ chế thị trường. Sinh hoạt văn hoá quần chúng ngày càng phong phú, đa dạng, hình thành các đội văn nghệ, các câu lạc bộ nghệ thuật không chuyên nhiều màu sắc. Phong trào sáng tác văn học nghệ thuật hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội đã thu hút và phát huy tài năng sáng tạo của đông đảo văn nghệ sỹ.

Việc phát hành phim, nhập khẩu phim được cải tiến; hoạt động chiếu bóng ở nội thành có nhiều đổi mới, có sức thu hút khán giả đến rạp, mở ra khả năng hồi sinh nghệ thuật thứ bảy.

Ngành báo chí, xuất bản phát triển mạnh. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư của Thành uỷ, UBND Thành phố, báo chí Hà Nội đã tích cực đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tiêu biểu là báo Hà Nội mới, Kinh tế - Đô thị, Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội.

Ngành VH TT đã xây dựng quy trình cải cách hành chính trong hoạt động cấp phép dịch vụ văn hóa theo phương châm: công khai, đơn giản hóa, bước đầu lập lại trật tự kỷ cương trong quảng cáo tầm lớn, rao vặt và các dịch vụ văn hóa khác. Công tác kiểm tra, thanh tra các loại hình dịch vụ VH TT có những tiến bộ nhất định.

3.2. Những yếu kém

Cơ sở vật chất của ngành văn hoá, nói chung, còn nghèo nàn; chất lượng, phương tiện phục vụ chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Còn thiếu những nhà quản lý văn hoá, chỉ đạo nghệ thuật giỏi. Chiến lược phát triển văn hoá - thông tin chậm được xây dựng, triển khai dẫn đến sự phát triển tùy tiện, chắp vá.

Chưa có nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật, báo chí tương xứng với vị thế, tầm vóc của Thủ đô, có sức thu hút, cảm hoá, giáo dục mạnh mẽ đối với công chúng.

Công tác quản lý văn hoá - thông tin, còn chông chéo, kém hiệu quả, nhất là quản lý hoạt động dịch vụ văn hoá (kinh doanh băng đĩa nhạc và băng đĩa hình, hoạt động karaoke, vũ trường...), quản lý các di tích lịch sử, cảnh quan văn hoá...

4. Về xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh

4.1. Những thành tựu

Hình mẫu người Hà Nội được xác định theo tiêu chí: *"Vững vàng về tư tưởng chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; có lòng tự hào dân tộc, tự trọng, tâm huyết, trách nhiệm với gia đình, Thủ đô, đất nước; có sức khoẻ, trí tuệ, khả năng làm chủ công nghệ tiên tiến, nhanh nhạy, sáng tạo*

trong sản xuất, kinh doanh; lao động cần cù, sáng tạo; có lối sống văn minh, thanh lịch, hiện đại; tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và phong cách lao động sáng tạo của con người Việt Nam. Xây dựng người Hà Nội gắn với xây dựng nền giáo dục tiên tiến, xây dựng một xã hội học tập; coi trọng giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ (coi trọng kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học), giáo dục ý thức tôn trọng, thực hiện pháp luật; bồi đắp tình cảm cộng đồng và ứng xử văn hoá"²².

Từ năm 1991 đến 2005, Thành phố đã đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng "*Nếp sống văn minh - gia đình văn hoá*". Phong trào đã phát triển sâu rộng và dần đi vào nề nếp. Hiện nay có khoảng 83 - 84% gia đình được công nhận "*Gia đình văn hoá*". Các tổ chức ở cơ sở như phường, xã đã xây dựng, hoàn thiện các mô hình văn hoá và quy ước văn hoá, như: xây dựng "*Tổ dân phố văn hoá*" ở nội đô; "*Làng văn hoá*" ở ngoại thành; cơ quan, doanh nghiệp văn hoá; nếp sống văn minh nơi công cộng; nếp sống văn hoá mới, văn minh trong cưới hỏi, tang, lễ hội dần được hình thành.

Trong những năm gần đây, thông qua cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*", Hà Nội đang đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức; nâng cao sức khỏe, học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp; giáo dục ý thức tôn trọng, thực hiện luật pháp và tinh thần quốc tế trong sáng trong mọi tầng lớp nhân dân Thủ đô. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành đang vận dụng các tiêu chí chung của Thành phố để cụ thể hoá thành các nội dung phù hợp với tổ chức, đơn vị mình và triển khai thực hiện, đưa phong trào xây dựng người Hà Nội từng bước đi vào chiều sâu.

4.2. Những hạn chế, thiếu sót:

Mục tiêu xây dựng người Thủ đô chưa được quán triệt thường xuyên trong các hoạt động kinh tế - xã hội và văn hoá. Định hướng "*Học chữ gắn với học nghề, học làm người*" chưa trở thành nội dung, phương thức phổ biến trong nhà trường phổ thông và chuyên nghiệp.

Các tiêu chí người Hà Nội thanh lịch, văn minh còn chung chung, chậm được cụ thể hoá sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm. Các tấm gương, nhân tố điển hình trong lao động và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Thủ đô chưa được tôn vinh, tuyên truyền sâu rộng, có sức thuyết phục và tạo ảnh hưởng lan toả.

Môi trường xã hội, môi trường văn hoá để xây dựng người Hà Nội chậm được lành mạnh, trong sạch hoá; sự gia tăng tệ nạn xã hội, sự tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm hoặc làm việc trong các tổ chức kinh tế ngầm (buôn lậu, làm hàng giả, cờ bạc...) đang làm biến dạng mô hình nhân cách *thanh lịch, văn minh* của người Hà Nội.

²² Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII Đảng bộ TP Hà Nội, 2001, tr.74-75

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa sâu rộng, chưa phát huy được tính chế định pháp quy cần thiết trong quá trình xây dựng người Hà Nội.

5. Sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

5.1. Thành tựu:

Ngành y tế Thủ đô đã phát triển về bề rộng và chiều sâu, cả y tế cơ sở và y tế chuyên sâu. Hà Nội đã xây dựng kiên cố 200/229 trạm y tế xã, phường, thị trấn (88%). Ở 672 thôn ngoại thành có 725 nhân viên y tế hoạt động; tại 12 trung tâm y tế quận, huyện, bệnh viện có đủ đội y tế dự phòng và đội bảo vệ bà mẹ và trẻ em. Tuyến thành phố có 16 bệnh viện (trong đó có 4 bệnh viện đa khoa); đã hình thành 16 chuyên khoa đầu ngành ở 7 bệnh viện và 3 trung tâm. Hệ thống y tế ngoài công lập tăng từ 1.352 cơ sở (năm 1991) lên 5.000 cơ sở (năm 2004), tăng 3,38 lần.

Số lượng cơ sở hành nghề y dược tư nhân phát triển mạnh ở cả 3 nhóm chính: hành nghề y tư nhân, dược tư nhân và y học cổ truyền tư nhân. Sự phát triển của mạng lưới y tế tư nhân góp phần làm cho người dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn, tạo sự cạnh tranh lành mạnh với mạng lưới công lập.

Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong ngành y tế từng bước được đẩy mạnh. Đã nghiên cứu hoàn thiện và áp dụng các kỹ thuật mới như mổ nội soi, mổ vi phẫu nối mạch máu; kỹ thuật mổ đục thủy tinh thể bằng phương pháp siêu âm nhũ hóa; kỹ thuật lọc máu nhân tạo...

Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân Thủ đô có tiến bộ, trong đó có những chỉ cao hơn so với mức chung của quốc gia. Tuổi thọ trung bình năm 2000 của người Thủ đô là 77 (cả nước là 76). Hà Nội đã đề ra nhiều giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, nhất là dành cho người nghèo, đối tượng chính sách. Thành phố đã chủ động phát hiện, ngăn chặn các dịch bệnh bảo đảm vệ sinh thực phẩm để giữ gìn sức khỏe cộng đồng.

5.2. Những yếu kém

Công tác y tế Hà Nội phát triển chưa đồng đều; tỷ lệ bệnh còn cao; tình hình bệnh tật diễn biến phức tạp, chủ yếu là các bệnh xã hội; tai nạn giao thông, nhiễm HIV/AIDS đang ở mức báo động; vệ sinh an toàn thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn; việc phòng bệnh kém hiệu quả do ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Các cơ sở y tế chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe do thiếu kinh phí trang thiết bị, cơ sở chật hẹp, phân bố không đều giữa khu vực nội, ngoại thành. Tình trạng quá tải ở các cơ sở khám chữa bệnh công lập là phổ biến.

Cơ cấu đội ngũ nhân lực y tế chưa hợp lý (thiếu cán bộ chuyên sâu, y tế công cộng, điều dưỡng viên), mất cân đối giữa các loại hình trình độ chuyên môn (đại học so với trung học và sơ học); đặc biệt là *thiếu nhiều cán bộ đầu*

ngành, có trình độ chuyên môn cao.

Công tác quản lý, đặc biệt là quản lý y tế tư nhân (quy chế kê đơn bán thuốc, hành nghề của trình dược viên), quản lý môi trường ở các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân... còn nhiều hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nói trên là do chưa hình thành được cơ chế phối hợp, hỗ trợ giữa tuyến trung ương và thành phố trong khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu. Chưa đầu tư phát triển các bệnh viện kỹ thuật cao. Công tác xã hội hoá y tế triển khai chậm.

6. Về phát triển thể dục thể thao

6.1. Những thành tựu

Hà Nội là địa phương đi đầu cả nước về thể thao quần chúng. Phong trào TDTT quần chúng ở Hà Nội ngày càng phát triển cả về quy mô và hình thức, có tác dụng nâng cao sức khỏe, thể chất cho người dân, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tạo môi trường cho sự phát triển tài năng trẻ của thể thao Thủ đô. Nhiều mô hình TDTT quần chúng đã phát huy tốt vai trò, như: câu lạc bộ sức khoẻ ngoài trời, các câu lạc bộ chuyên ngành, cụm văn hoá thể thao, trường năng khiếu thể thao... Các phong trào có bề dày truyền thống, quy mô lớn, như: giải chạy báo Hà Nội mới, hội khoẻ người cao tuổi, hội khoẻ thanh thiếu niên, thể thao người khuyết tật... được duy trì đều đặn, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Những mô hình đặc thù về thể thao quần chúng của Thủ đô đã và đang được nhân rộng ra các tỉnh, thành khác. Hiện nay, so với năm 1995, số người luyện tập TDTT thường xuyên ở Hà Nội đã tăng từ 7,14% lên 25,8%; số gia đình luyện tập TDTT tăng từ 5,5% lên 18,7%. Có hơn 50 nội dung, môn thể thao phổ thông được nhân dân lựa chọn luyện tập hàng ngày và nhiều nội dung dành cho người khuyết tật được hưởng ứng, luyện tập thường xuyên. Diện tích các công trình TDTT bình quân tăng từ 0,68m²/người lên 2,93m²/người.

Hà Nội đã trở thành trung tâm lớn nhất cả nước về phát triển thể thao thành tích cao. Thành phố có tầm nhìn xa và quan tâm đào tạo vận động viên thể thao đỉnh cao, làm nòng cốt cho hầu hết các đội tuyển quốc gia. Số lượng các vận động viên thể thao đỉnh cao của Hà Nội tham gia thi đấu các giải vô địch quốc gia và quốc tế ngày càng nhiều; đem lại cho Hà Nội và Việt Nam nhiều huy chương trong các giải vô địch Thế giới, châu Á và khu vực. Ở một số môn (Wushu, đá cầu, Karatedo, vật, Pencaksilat...), các vận động viên Hà Nội đã chứng tỏ vị trí hàng đầu của mình ở châu lục và khu vực. Lần đầu tiên Hà Nội được thay mặt cả nước tổ chức SEAGAMES 22 và PARAGAMES 2 vào năm 2003, nâng cao uy tín của Thủ đô và cả nước về trình độ, khả năng tổ chức một đại hội TDTT lớn, về lòng mến khách, chu đáo với bạn bè trong khu vực và trên trường quốc tế.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất và xã hội hoá TDTT được quan tâm. Thành

phổ đã đầu tư ngân sách và huy động hàng nghìn tỷ đồng từ các nguồn lực xã hội cho các dự án phát triển sự nghiệp TDTT Thủ đô. Một số phong trào TDTT quần chúng và môn thể thao thể mạnh của Thủ đô nhận được sự tài trợ hiệu quả của các doanh nghiệp trong, ngoài nước.

Công tác quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT Thủ đô được thực hiện tốt. Thành phố từng bước bổ sung, điều chỉnh chế độ, chính sách cho đội ngũ vận động viên các cấp (nghệ dư, chuyên nghiệp, tuyển Quốc gia và tuyển Thành phố).

Quan hệ hợp tác quốc tế và TDTT ngày càng phát triển, tạo điều kiện để thể thao Thủ đô nhanh chóng hội nhập và đạt kết quả tốt trên các đấu trường khu vực.

6.2. Những hạn chế

Sự nghiệp TDTT Thủ đô phát triển chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng của Thủ đô; phong trào TDTT quần chúng phát triển chưa đều, nhất là ở lứa tuổi thanh, thiếu niên và học sinh.

Nhận thức của một số cấp uỷ đảng, chính quyền trong đầu tư và phát triển sự nghiệp TDTT trên địa bàn chưa đúng tầm; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức, nếp sống văn hoá tại các cơ sở tập luyện chưa được coi trọng.

- Chưa chủ động đào tạo đội ngũ vận động viên đỉnh cao. Kinh phí đầu tư cho TDTT chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, nhất là đối với các hoạt động thể thao quần chúng. Chế độ chính sách đối với vận động viên chuyên nghiệp, đội tuyển quốc gia và thành phố còn nhiều bất cập, chưa khích lệ được những tài năng thể thao...

7. Về công tác dân số, gia đình, trẻ em và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc

7.1. Những thành tựu

Dân số, gia đình và trẻ em là lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của quốc gia. Thủ đô Hà Nội đã triển khai có hiệu quả các chương trình kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng trẻ em. Phương pháp chỉ đạo việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em được cải tiến.

Công tác tuyên truyền, vận động người dân Hà Nội tự giác thực hiện mục tiêu kế hoạch hoá gia đình theo chiến lược dân số; xây dựng gia đình quy mô nhỏ, dừng lại ở mục tiêu 2 con đã đạt hiệu quả trong nhiều năm.

Vấn đề nâng cao hiểu biết của người dân Hà Nội về các biện pháp tránh thai; về các bệnh viêm nhiễm, lây lan qua đường tình dục và cách phòng chống, đặc biệt là phổ biến tri thức và không kỳ thị người bị nhiễm HIV/AIDS được mở rộng đến cơ sở, nhất là trong giới phụ nữ và thanh niên.

Ngành Dân số, gia đình, trẻ em Hà Nội đã có sự phối hợp mật thiết với các ngành GD ĐT, VH TT, TDTT trong việc thực hiện các mục tiêu về văn

hoá, vui chơi giải trí lành mạnh cho trẻ em Thủ đô. Các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như trẻ mồ côi, khuyết tật... được tổ chức chăm sóc giúp đỡ thường xuyên, trợ cấp đột xuất, tặng quà, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, miễn giảm học phí, dạy nghề.

Chương trình giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc đã được lồng ghép và tổ chức triển khai có hiệu quả với các chương trình công tác khác của Thành phố, tạo điều kiện giải quyết việc làm, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, người tàn tật và các đối tượng thuộc diện trợ cấp xã hội, giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc... Tỷ lệ hộ nghèo toàn Thành phố giảm xuống còn 0,3% theo chuẩn cũ²³; bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 70.000 lao động; tỷ lệ thất nghiệp đô thị giảm, còn 6,2% năm 2005. Thành phố đã cơ bản xoá được nạn đói, nhà dột nát. Đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân Thủ đô được cải thiện đáng kể. Đến năm 2005, mức sống của người dân Thủ đô tăng gấp 4 lần so với năm 1985.

7.2. Những yếu kém

Vấn đề xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược dân số, gia đình và trẻ em của Thủ đô Hà Nội vẫn là một công việc khó khăn, lâu dài. Từ năm 2003 đến nay, tỷ suất sinh có xu hướng tăng; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên tăng nhanh, đặc biệt tình trạng cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình tăng nhiều và lan rộng trong nhiều cơ quan, xí nghiệp. Năm 2004, số đảng viên vi phạm sinh con thứ 3 trở lên là 46 (tăng gấp 3 lần so với 2003); số cán bộ, công chức vi phạm là 63 (tăng hơn 2 lần so với 2003)²⁴. Điều này gây tác động tiêu cực đến phong trào nhân dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

Tình trạng trẻ em chậm tiến, nghiện hút, vi phạm pháp luật, trẻ em lang thang vẫn là một vấn đề xã hội bức xúc và có chiều hướng gia tăng. Việc kiểm tra, giám sát các chỉ tiêu về chương trình chính sách đối với trẻ em còn hạn chế. Sự phân hóa giàu nghèo, sự chênh lệch về đời sống giữa một số vùng đã ảnh hưởng đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Tuy Thành phố đã đạt nhiều kết quả trong giải quyết việc làm cho người lao động, nhưng *tỷ lệ lao động thất nghiệp vẫn khá lớn*. Hiện tượng di dân tự do về thành phố tìm việc làm là một áp lực lớn, đến nay vẫn chưa có xu hướng giảm. Công tác *xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống* của nhân dân vẫn còn khó khăn, chưa vững chắc, nhất là các xã ngoại thành và vùng đang đô thị hóa. *Tội phạm và ma túy, mại dâm* vẫn còn nghiêm trọng và có xu hướng tăng lên trong độ tuổi vị thành niên; *sự suy thoái đạo đức, lối sống*... chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

²³ Theo chuẩn này, thu nhập bình quân dưới 168.000 đồng/người/tháng đối với nội thành, 128.000 đồng/người/tháng ở ngoại thành được xem là hộ nghèo.

²⁴ Báo cáo tổng kết số 44 ngày 28/1/2005 về Chương trình DS-GĐ & Trẻ em Hà Nội năm 2004.

D. VỀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI

1. Quá trình phát triển và thành quả

Đường lối mở cửa với phương châm “đa phương hoá, đa dạng hoá”, “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước” của Đảng, Nhà nước đã có tác động tích cực tới hoạt động đối ngoại của Hà Nội.

Những năm 1986-1990, Thành phố chủ trương nâng cao chất lượng, hiệu quả của chương trình kinh tế đối ngoại; tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn, coi trọng xuất khẩu tại chỗ bằng phát triển du lịch, dịch vụ, xây nhà cho người nước ngoài thuê trả bằng ngoại tệ; mở rộng quan hệ với nước ngoài, trước hết với Thủ đô các nước XHCN; liên kết với một số tỉnh có tiềm năng lớn về lương thực, nhất là các tỉnh phía nam.

Thời gian này, kinh tế đối ngoại đã có bước phát triển: tổng giá trị xuất khẩu địa phương đạt 21,3 triệu rúp-USD; nhập khẩu đạt 18,41 triệu rúp - USD. Các tổ chức xuất nhập khẩu được củng cố. Thành phố có 6 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được chuẩn bị và triển khai thực hiện. Thành phố đã trực tiếp hợp tác lao động với thành phố Mát-xcơ-va; thành lập công ty xây dựng ở Xô- phi-a; ký hợp đồng với một số công ty ở Vác-sa-va, Bu-đa-pét, Viêng-chăn.

Cuối những năm 80, thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước phát sinh những phức tạp mới. Chế độ XHCN sụp đổ ở Cộng hoà Dân chủ Đức, Bun-ga-ri; Liên Xô rệu rã có nguy cơ sụp đổ. Tình hình trên tác động xấu đối với nước ta. Thành phố chủ trương tiếp tục mở rộng kinh tế đối ngoại, cả ở khu vực 1 và khu vực 2; mở rộng liên doanh, liên kết với các tỉnh bạn. Có biện pháp quyết liệt chống lưu thông hàng ngoại trái phép, không nhập những mặt hàng trong nước đã đáp ứng được.

Nhìn chung, hoạt động kinh tế đối ngoại Thủ đô giai đoạn 1986-1990 đã dần thoát vượt khỏi sự ràng buộc với các thị trường truyền thống ở các nước xã hội chủ nghĩa (thị trường xuất khẩu của Hà Nội chủ yếu là Liên Xô và các nước Đông Âu, xuất khẩu chủ yếu bằng hình thức trả nợ theo các Hiệp định của Chính phủ). Đến năm 1990, các đơn vị trên địa bàn đã xuất khẩu trực tiếp đến các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Thái Lan, Pháp và một số nước khác. Kim ngạch xuất khẩu lúc này đã lên tới 81,7 triệu Rúp-USD, tăng 78,7% so với năm 1985, bình quân mỗi năm tăng 12,3%. Tuy nhiên, hàng hóa xuất khẩu vẫn chủ yếu là hàng nông, lâm sản sơ chế, đồ thủ công, mỹ nghệ thu mua trong dân và hàng dệt, may, da giày theo các hiệp định hàng đổi hàng với các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm 1991 - 1995, tình hình quốc tế tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Liên Xô tan vỡ, làm mất chỗ dựa chủ yếu trong quan hệ hợp tác toàn diện của nước ta với các nước trong phe XHCN. Các thế lực thù địch ra sức chống phá, đế quốc Mỹ vẫn duy trì chính sách cấm vận, ngăn cản các nước, các tổ chức quốc tế thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Đất nước

đang trong tình thế hiểm nghèo. Công tác đối ngoại của Thủ đô cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Để thích ứng với tình hình mới, Thành uỷ quyết định chuyển Ban Đối ngoại thành Sở Kinh tế đối ngoại; chủ trương phát triển mạnh ngoại thương nhằm tiếp tục thu hút các dự án nước ngoài đầu tư vào Hà Nội. Tổng số vốn các dự án đầu tư lên tới 177,6 triệu USD (gấp 1,7 lần cả 3 năm 1989 – 1991 cộng lại), đã tạo nguồn vốn ban đầu thuận lợi cho Hà Nội mở rộng liên doanh, liên kết, phát triển các khu công nghiệp, cơ sở kinh doanh với cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến. Thị trường và hoạt động xuất - nhập khẩu khởi sắc; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 80 triệu USD, tăng 25,8%; nhập khẩu tăng 65,8% so với 1991.

Cuối năm 1992, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên trách về đối ngoại nhân dân, nằm trong hệ thống của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được thành lập, tách khỏi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Sở Kinh tế đối ngoại.

Nửa đầu thập kỷ 90, hoạt động kinh tế đối ngoại của Thủ đô được mở rộng. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Hà Nội trong 5 năm đạt 558,8 triệu USD, tăng bình quân hàng năm là 16,5%. Giao lưu văn hoá trong và ngoài nước được mở rộng. Hoạt động du lịch phát triển nhanh chóng, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của Thủ đô. Nếu như năm 1990, toàn thành phố chỉ có 71 khách sạn với 717 buồng và 1900 giường, thì năm 1995 đã có 233 khách sạn (trong đó có 9 khách sạn liên doanh) với 3617 buồng và trên 6800 giường, thu hút 648 nghìn lượt khách và tạo ra 885 tỷ đồng doanh thu, trong đó thu ngoại tệ là 42 triệu USD. Đây cũng là những năm số khách sạn được kinh doanh nhiều nhất. Sau 5 năm, lượng khách du lịch quốc tế đã gấp 4 lần, doanh thu ngoại tệ gấp 12 lần so với trước.

Trong 5 năm, đã có 250 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép (trong đó có 210 dự án còn hiệu lực) với vốn đầu tư 3,3 tỷ USD, vốn đầu tư thực hiện 1,2 tỷ USD.

Bước vào giai đoạn 1996 - 2000, Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ Thành phố Hà Nội chủ trương tăng cường công tác đối ngoại, phối hợp các hình thức, loại hình đối ngoại: chính trị - kinh tế, đối ngoại nhà nước - đối ngoại nhân dân, tạo lập nhiều mối quan hệ với tất cả các vùng trên thế giới từ Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á đến Đông Âu, Tây Âu, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, Châu Phi, Châu Úc; tiếp cận nhiều nước có trình độ phát triển khác nhau: từ nước đã phát triển đến các nước đang phát triển, các nước công nghiệp mới.

Thành phố đã chỉ đạo các ngành, các cấp lập các đề án, chương trình phát triển đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế (đặc biệt là các doanh nghiệp phải xây dựng cho riêng mình một lộ trình và bước đi trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế) trong giai đoạn mới. Sở ngoại vụ được thành lập và xây dựng bộ máy tương đối hoàn chỉnh. Trong hoạt động hàng ngày, Sở đã bám sát và thường xuyên quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các

chỉ thị, nghị quyết của Thành uỷ, UBND Thành phố, kết hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, các ban ngành của Thành phố và triển khai một khối lượng công tác lớn, góp phần làm cho hoạt động đối ngoại của Thủ đô ngày thêm phong phú, đa dạng và mang lại nhiều kết quả.

Để đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân theo tinh thần Chỉ thị số 44/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VIII): “Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển”, Thường vụ Thành uỷ Hà Nội đã ra Chỉ thị số 27/CT-TU về “Tăng cường và mở rộng công tác đối ngoại nhân dân trên địa bàn Thành phố Hà Nội” nhằm tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú trong các tổ chức đoàn thể quần chúng, các hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trên địa bàn Thành phố. Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố vừa làm tham mưu, vừa tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại nhân dân ở Thành phố Hà Nội theo sự chỉ đạo thống nhất của Thành uỷ, và sự quản lý Nhà nước của UBND Thành phố.

Với những thành tựu đạt được sau 15 năm đổi mới và uy tín ngày càng được nâng cao trong khu vực, quốc tế, tháng 7/2000, Thành phố nhận danh hiệu Thủ đô anh hùng. Ngày 15/12/2000, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết 15 về “Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001 – 2010”, xác định: Hà Nội phải phấn đấu trở thành một trung tâm ngày càng có uy tín ở khu vực. Ngày 28/12/2000, Ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp Lệnh Thủ đô. Đây là những kết quả tạo tiền đề phát triển tích cực cho Thành phố trên mọi lĩnh vực, trong đó có đối ngoại.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, Hà Nội cùng cả nước triển khai thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng lần thứ IX, tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới với phương châm: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối chung của Đảng, Đại hội XIII Đảng bộ thành phố Hà Nội đã cụ thể hoá thành các chủ trương cho hoạt động đối ngoại của Thủ đô trong giai đoạn 2001 - 2005: *"Tăng cường công tác đối ngoại của thành phố, phục vụ thiết thực yêu cầu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới". "Hà Nội sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các thủ đô và thành phố trong cộng đồng quốc tế"* là khẩu hiệu trong quan hệ đối ngoại của Hà Nội trong giai đoạn này.

Thành phố *"mở rộng, phối hợp chặt chẽ các hình thức, loại hình đối ngoại: đối ngoại chính trị - đối ngoại kinh tế - đối ngoại văn hoá, đối ngoại Nhà nước - đối ngoại đoàn thể - đối ngoại nhân dân. Đối ngoại kinh tế là trọng tâm, đối ngoại nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Đối ngoại kinh tế phải gắn liền và phục vụ*

trực tiếp quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đối ngoại Nhà nước phải chỉ đạo, điều phối và tạo điều kiện để đối ngoại đoàn thể, đối ngoại nhân dân phát triển".

Về tổ chức, Đại hội XIII chủ trương: "củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đối ngoại. Kiện toàn Sở Ngoại vụ; thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, đề cao tính kế hoạch, chất lượng, hiệu quả của hoạt động đối ngoại nói chung, của các đoàn ra, đoàn vào nói riêng. Chuẩn hoá và quan tâm đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại".

Nhìn chung, trong giai đoạn 2001 - 2005, hoạt động đối ngoại của Hà Nội tiếp tục phát huy hiệu quả. Quan hệ đối ngoại của Thủ đô mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá, phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô. Hoạt động đối ngoại khá toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, Thể dục thể thao..., góp phần nâng cao vị thế và đưa Thủ đô tham gia tích cực vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Dưới sự chỉ đạo tập trung, kiên quyết của Thành uỷ và điều hành của UBND Thành phố nhằm cải thiện môi trường đầu tư và xúc tiến thu hút đầu tư, vốn FDI vào Hà Nội tăng trở lại. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) được khoảng 3 tỷ USD. Thủ đô trở thành điểm đến hấp dẫn, an toàn đối với các nhà đầu tư và du khách quốc tế.

Hoạt động đối ngoại của Thủ đô góp phần quan trọng vào hoạt động đối ngoại chung của cả nước. Hà Nội phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với các cơ quan của Trung ương trong việc chuẩn bị, đón tiếp các đoàn khách quốc tế, tổ chức các hội nghị quốc tế lớn tại Hà Nội, đảm bảo chu đáo, an toàn tuyệt đối, để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng bè bạn quốc tế. Nhiều đoàn cán bộ cao cấp của Đảng bộ thành phố đã đi thăm Lào, Trung Quốc, Cu ba và làm việc với Thành uỷ các thủ đô Viên chăn, Bắc Kinh, Lahabana nhằm thắt chặt thêm tình đoàn kết với Đảng Cộng sản các nước anh em.

Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ đối với các hoạt động đối ngoại của chính quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường đối ngoại nhân dân và các hoạt động văn hoá đối ngoại cũng tiếp tục được nâng cao.

Sự phối hợp giữa Hà Nội với các bộ, ban, ngành Trung ương được tăng cường và có chuyển biến. Quan hệ hợp tác, liên kết giữa Thủ đô với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các địa phương trong cả nước cụ thể và thiết thực hơn thông qua việc ký kết và triển khai thỏa thuận hợp tác phát triển. Trong khuôn khổ hợp tác, Hà Nội đã hỗ trợ kinh phí xây dựng một số công trình, cử cán bộ hỗ trợ nhiều tỉnh,

thành phố trong và ngoài nước về quy hoạch đô thị, nông nghiệp, giáo dục, y tế, TDTT...⁽²⁵⁾.

Công tác quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại có tiến bộ. Hoạt động đối ngoại đã có chiến lược, chương trình, kế hoạch trung hạn và hàng năm. Bộ máy tổ chức, cơ chế hoạt động đối ngoại được củng cố, kiện toàn. Đối ngoại nhân dân được mở rộng, góp phần nâng cao sự hiểu biết, hợp tác, giao lưu văn hoá giữa nhân dân Hà Nội với nhân dân thế giới.

2. Những hạn chế, thiếu sót

Đồng thời với những cố gắng và những thành quả nhiều ý nghĩa đã đạt được, trên lĩnh vực hoạt động đối ngoại cũng bộc lộ những khó khăn, hạn chế cần được khắc phục.

Hoạt động đối ngoại của Thành phố được triển khai theo nhiều hướng, nhiều cấp độ nhưng vẫn thiếu sự chỉ đạo thống nhất, điều hành đồng bộ, do vậy còn dàn trải, ít hiệu quả. Đối ngoại nhân dân chưa được đặt đúng tầm và chưa được quan tâm đầu tư hợp lý. Chưa tạo cơ chế và hỗ trợ để các doanh nghiệp chủ động, năng động hơn trong hoạt động xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường. Hoạt động kinh tế đối ngoại còn phân tán theo nhiều đầu mối, chưa tạo thành sức mạnh tổng hợp của kinh tế Thủ đô trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế.

Nội dung hoạt động đối ngoại còn nặng về lễ tân; vấn đề cập nhật thông tin, phân tích, dự báo thị trường quốc tế, định hướng đối tác, thiết kế mô hình tổ chức và xác định phương thức đẩy mạnh kinh tế đối ngoại còn lúng túng, bất cập. Việc thành lập các văn phòng đại diện, các trung tâm thương mại... ở nước ngoài triển khai chậm, còn chịu ảnh hưởng của tư duy hành chính, bao cấp. Việc thiết kế các đoàn ra, đoàn vào chưa được chuẩn bị chu đáo, chưa tính đến đầy đủ hiệu quả kinh tế.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác đối ngoại chưa được đầu tư mạnh theo hướng hiện đại hoá. Đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại còn mỏng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn những mặt chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao, càng phức tạp của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thành phố vẫn thiếu những chuyên gia giỏi trên lĩnh vực hoạt động đối ngoại.

Quan hệ hợp tác phát triển với các địa phương tuy được mở rộng nhưng còn thiếu chiều sâu, thiếu chọn lọc, ít hiệu quả. Sự phối hợp với các cơ quan Trung ương tuy đã được cải thiện nhiều, song có nơi, có lúc còn chưa thường

²⁵ Hỗ trợ kinh phí xây dựng đường Hà Nội tại Phnômpenh (Campuchia), nhà văn hoá tại Burkina Faso, trường dạy nghề tại Viêngchăn (Lào)... Hỗ trợ tỉnh Điện Biên xây dựng các công trình kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, sửa chữa, nâng cấp Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ và Thư viện tỉnh; hỗ trợ tu bổ đền thờ Chu Văn An (Hải Dương), hỗ trợ xây dựng trường tiểu học tại Lâm Hà (Lâm Đồng); hỗ trợ xây dựng Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại An toàn khu Định Hoá (Thái Nguyên); hỗ trợ tỉnh Lai Châu theo chương trình 135...

xuyên, chặt chẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc triển khai một số nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội:

E. VỀ AN NINH - QUỐC PHÒNG

1. Tình hình, nhiệm vụ bảo đảm an ninh - quốc phòng

1.1. Với vị trí Thủ đô, Hà Nội là một địa bàn trọng điểm, hết sức nhạy cảm và có nhiều diễn biến phức tạp

Các thế lực thù địch từ bên ngoài, đặc biệt là bọn phản động trong số người Việt lưu vong được các thế lực thù địch nước ngoài hậu thuẫn, tiến hành nhiều hoạt động trên địa bàn nhằm thực hiện âm mưu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thay đổi thể chế chính trị của Việt Nam. Chúng câu kết với số đối tượng cơ hội chính trị phản động, bất mãn, ráo riết hoạt động nhằm thực hiện ý đồ thành lập tổ chức chính trị đối lập và công khai hóa, quốc tế hoá lực lượng.

Là trung tâm kinh tế, đầu mối giao thương lớn của cả nước, nơi đang diễn ra quá trình đô thị hoá rất nhanh, trên địa bàn Thành phố đã và đang diễn ra những vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến an ninh trật tự. Hoạt động tổ chức trốn, xuất cảnh trái phép diễn ra với nhiều thủ đoạn mới, tinh vi. Tình hình khiếu kiện tập trung đông người, vượt cấp, không đúng nơi quy định, khiếu kiện kéo dài, liên quan đến thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện chính sách kinh tế - xã hội có xu hướng tăng thêm, có lúc gay gắt.

Tình hình hoạt động của các loại tội phạm còn phức tạp. Về tội phạm hình sự, tính chất, mức độ phạm tội nghiêm trọng hơn; những vụ trọng án do mâu thuẫn xã hội có xu hướng tăng. Về tội phạm kinh tế, nảy sinh một số loại tội phạm kinh tế mới như: vi phạm quy định về sở hữu công nghiệp; vi phạm các quy định về quản lý đất đai; vận chuyển, lưu hành tiền giả, séc giả.... Tội phạm tham nhũng diễn biến phức tạp, xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều khâu, nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương... Tội phạm ma túy hoạt động xảy ra ở hầu hết các quận, huyện song tập trung chủ yếu ở các quận nội thành; đối tượng phạm tội về ma túy không chỉ là người Việt Nam, mà có cả người nước ngoài (Lào, Thái Lan, Canada, Ôxtrâyliá...).

Hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản diễn ra theo xu hướng tăng, gây hậu quả nghiêm trọng, có những thủ đoạn mới, điển hình là hoạt động lừa đảo thông qua dịch vụ xuất khẩu lao động và dịch vụ việc làm; hoạt động sản xuất, buôn bán hàng giả, tiền giả; vi phạm sở hữu trí tuệ; mua bán hoá đơn VAT; trốn thuế ... diễn ra phổ biến, gây hậu quả nghiêm trọng.

Trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, trật tự công cộng còn nhiều bất cập. Các tệ nạn xã hội (mại dâm, cờ bạc, nghiện hút...) tác động xấu đến một bộ phận nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên.

Tình hình phức tạp luôn đặt lên vai Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Hà Nội nhiệm vụ hết sức nặng nề: phải giữ vững ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống.

1.2. Bảo đảm an ninh, quốc phòng ở Thủ đô trong quá trình đổi mới:

Các nhiệm kỳ Thành uỷ, HĐND và UBND Thành phố đều thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô.

Thành uỷ khoá XI, XII có Chương trình 05; Thành uỷ khoá XIII có Chương trình 03 về bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô. Các Chương trình đều xác định rõ đối tượng, địa bàn, các giải pháp thực hiện mang tính cơ bản, toàn diện, chiến lược về bảo đảm an ninh trật tự ở Thủ đô.

HĐND và UBND Thành phố các nhiệm kỳ đều có các Nghị quyết chỉ đạo cụ thể về bảo đảm ANTT ở Thủ đô, đặc biệt là trong phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, giải quyết các tệ nạn xã hội, v.v... Xác định rõ mục tiêu, giải pháp và lộ trình thực hiện, phù hợp với điều kiện, yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn.

Sau khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, tình hình chính trị quốc tế diễn biến hết sức phức tạp. Thủ đô Hà Nội là mục tiêu tấn công của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Tình hình ANCT, TTATXH ở Thủ đô lúc đó không bình thường. Thành uỷ Hà Nội đã có Phương án số 16/TVTU ngày 15/3/1990 chỉ đạo các cấp, các ngành "phòng ngừa và đối phó với tình huống đột biến về ANCT ở Hà Nội" (lấy bí số là X90). Trong đó đã dự báo tình huống, xác định đối tượng, địa bàn và các giải pháp chủ động đối phó.

Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị về xây dựng tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Thường vụ Thành uỷ, UBND Thành phố và Quận khu Thủ đô đã tổ chức diễn tập phòng thủ khu vực (tháng 9/1990). Từ đó đến nay hàng năm Thành uỷ đều chỉ đạo các ngành, các quận, huyện tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo NQ02 của Bộ Chính trị.

Thực hiện Chỉ thị 135/CT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch HĐBT về tăng cường công tác bảo vệ TTATXH trong tình hình mới, Thành uỷ, UBND Thành phố đã chỉ đạo cấp uỷ và chính quyền các cấp thành lập Ban chỉ đạo 135, tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa, trấn áp tội phạm trong 7 năm liên tục, mở 15 đợt cao điểm trấn áp tội phạm, góp phần quan trọng ổn định tình hình TTATXH ở Thủ đô.

Từ đầu năm 1997, Thành uỷ, UBND Thành phố tiếp tục thực hiện đổi mới công tác bảo đảm ANTT ở Thủ đô. Thành phố đã có sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, nghị định của Chính phủ về bảo đảm TTATXH (Chỉ thị 135 của Chủ tịch HĐBT; NĐ 36; NĐ 39; NĐ 40; NĐ 47; NĐ 87, v.v...); thành lập Ban chỉ đạo 197 của Thành phố và các cấp để tổ chức thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố về bảo đảm ANTT ở Thủ đô,

giảm bớt các ban chỉ đạo và thời gian họp hành. Ban chỉ đạo 197 các cấp thường xuyên duy trì hoạt động từ năm 1997 đến nay, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trên địa bàn trong phòng ngừa, trấn áp tội phạm, giải quyết các tệ nạn xã hội, bảo đảm TTĐT, TTATGT, trật tự trong quản lý văn hoá, dịch vụ văn hoá.

Những năm gần đây và hiện nay, bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện các chương trình công tác lớn, Thành uỷ, HĐND, UBND Thành phố đã chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về ANQG và TTATXH như: Nghị quyết 08 của Bộ chính trị về Chiến lược ANQG; Nghị quyết 08 của BCHTW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc; Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp giai đoạn 2002- 2005"; Nghị quyết 09 của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; Nghị quyết 13 của Chính phủ về TTATGT, v.v... Thành lập các Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố, phá hoại; chống DBHB; chống tham nhũng...trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng Thành phố đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp tích cực:

Thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ *phát triển kinh tế, xã hội* theo các nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố là *biện pháp cơ bản, có tính quyết định, là cái gốc* để bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố chính quyền các cấp được quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ Đảng, hiệu quả quản lý của chính quyền đối với công tác bảo đảm ANTT.

Phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, phong trào quần chúng BVANTQ ở các cụm dân cư và trong các cơ quan doanh nghiệp, huy động được sức mạnh toàn dân tham gia giữ gìn ANTT. Xây dựng nhiều mô hình quần chúng tự quản có tác dụng tốt.

Công tác phối hợp giữa các ngành trong bảo đảm ANTT ở Thủ đô, đặc biệt là triển khai thực hiện các nghị quyết liên tịch giữa Công an với các ngành, đoàn thể những năm đổi mới được coi trọng và thực hiện có hiệu quả tốt.

Quan hệ phối hợp với các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành, các cơ quan TW trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng v.v... từng bước được mở rộng.

Hợp tác quốc tế trong phòng chống khủng bố và các loại tội phạm được tăng cường. Thành phố đã có quan hệ với tổ chức cảnh sát quốc tế (INTERPOL), Hiệp hội cảnh sát các nước Đông Nam Á (ASEANAPOL), các nước láng giềng, khu vực ASEAN và các nước có quan hệ truyền thống.

Chú trọng chỉ đạo xây dựng lực lượng công an, quân đội, kiểm sát, toà án, hải quan, kiểm tra, thanh tra, bảo vệ dân phố, dân phòng, dân quân tự vệ, dự

bị động viên, bảo vệ các cơ quan doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh, xứng đáng và thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong công tác bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô.

2. Trên lĩnh vực an ninh

2.1. Những thành quả

Các chủ trương chỉ đạo của Thành uỷ, HĐND, UBND Thành phố về bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô là *chủ động, kịp thời, sát đúng*, có sự vận dụng *sáng tạo, phù hợp* với thực tiễn tình hình và những đặc thù của Hà Nội.

Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từng bước nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí và nội dung của công tác bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô. Việc triển khai các biện pháp bảo đảm ANCT, TTATXH là *đồng bộ; toàn diện; lựa chọn đúng thời điểm tiến hành; có bước đi thích hợp*, tạo được sự *thống nhất cao* trong nội bộ Đảng, chính quyền, *sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân*.

Đã tạo được sự phối hợp tốt với các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trong công tác bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô. Sự hợp tác quốc tế trên một số lĩnh vực bước đầu đạt kết quả tốt.

Công tác bảo đảm ANCT, TTATXH ở Thủ đô trong quá trình đổi mới đã *đạt được những mục tiêu đề ra*: chủ động nắm tương đối chắc tình hình, dự báo đúng tình hình; không để xảy ra khủng bố, phá hoại, gây rối, bạo loạn; không có tổ chức chính trị đối lập. Bảo vệ được vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng; các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hoá, thể thao lớn diễn ra trên địa bàn Thủ đô. ANCT luôn được giữ vững ổn định, TTATXH được bảo đảm; kiểm chế được tốc độ gia tăng tội phạm; không để xảy ra tội phạm có tổ chức; hoạt động của bọn côn đồ, đâm thuê chém mướn giảm rõ rệt; không xảy ra các vụ án kinh tế gây thiệt hại lớn tài sản của Nhà nước và của tập thể; TTĐT, TTATGT có tiên bộ rõ rệt. Phong trào quần chúng bảo vệ ANCTQ luôn được đẩy mạnh.

Lực lượng công an Thủ đô ngày càng trưởng thành, vững vàng về chính trị, tuyệt đối trung thành, đoàn kết thống nhất, nhiều năm liên tục được tặng cờ luân lưu của Chính phủ; được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

2.2. Khuyết điểm

Công tác nắm tình hình có mặt chưa sâu. Các biện pháp đối sách với hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và tệ nạn xã hội có lúc, có việc còn bị động, chưa vững chắc.

Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự có lúc, có nơi còn buông lỏng, hữu khuynh, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai (kể cả đất rừng), đền bù giải phóng mặt bằng; quản lý văn hoá, dịch vụ văn hoá; quản lý vùng giáp ranh; quản lý về TTATGT, TTĐT.

Tình hình khiếu kiện còn phức tạp. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; giải quyết tranh chấp còn một số điểm chưa triệt để, còn để phức tạp kéo dài.

Lực lượng nòng cốt còn có hiện tượng vi phạm khuyết điểm, sai phạm trong chấp hành pháp luật và trong ý thức, tinh thần trách nhiệm trước nhân dân.

Những hạn chế, thiếu sót, một phần, do các nguyên nhân khách quan. Các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động phá hoại vừa tinh vi, xảo quyệt, vừa thô bạo, trắng trợn, có những phương tiện công nghệ mới; công tác đấu tranh, ngăn chặn gặp không ít khó khăn. Bên cạnh các thành quả và cơ hội phát triển kinh tế-xã hội, quá trình hội nhập quốc tế, những thách thức nguy cơ, rủi ro, những điều kiện, những nhân tố phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật cũng tăng thêm. Chính sách, pháp luật thời kỳ mới chưa hoàn thiện, nhiều bất cập, chưa đảm bảo phát triển bền vững, còn nhiều chông chéo, sơ hở, có những vấn đề chưa đi vào cuộc sống; kỷ cương, chấp hành pháp luật có nơi, có lúc chưa nghiêm...

Song nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Một số đảng bộ trực thuộc, một số ban ngành, cơ quan hành chính sự nghiệp tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về ANTT hiệu quả không đồng đều, chưa thường xuyên quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng cho quần chúng có lúc, có nơi chưa thường xuyên, đồng bộ, sức thuyết phục còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ đảng viên còn thiếu gương mẫu, tiêu cực, vi phạm dân chủ, vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế, vi phạm pháp luật.

3. Về quốc phòng

3.1. Những thành quả:

Thành phố luôn quan tâm xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh, trước hết là tiềm lực chính trị - tinh thần. Quán triệt ý nghĩa tầm quan trọng của tiềm lực chính trị - tinh thần, Thành uỷ và chính quyền thành phố triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Tw 6 (lần 2), bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng; củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng bộ và chính quyền thành phố; lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành tăng cường giáo dục, xây dựng niềm tin giữa Đảng với dân, dân với Đảng, niềm tin của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu xây dựng và bảo vệ Thủ đô, bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thành uỷ và chính quyền Thành phố có nhiều chủ trương, giải pháp xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; có nhiều giải pháp để thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng, làm cho toàn Đảng, toàn dân Thủ đô nhận rõ quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong sự nghiệp xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh,

bảo vệ Tổ quốc; đồng thời nhận rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù, không mơ hồ, giao động, mất cảnh giác.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu xây dựng kinh tế và quốc phòng được cụ thể trong qui hoạch xây dựng và phát triển đô. Khi xây dựng các công trình lớn, cao tầng, ngầm, hệ thống cầu, đường giao thông, cảng sông, hệ thống cung cấp điện, nước, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc, v.v... đều có ý kiến tham gia của Bộ Chỉ huy quân sự và Công an Thành phố. Thành phố phê duyệt 12 quy hoạch kinh tế - xã hội của các quận, huyện, trong đó yêu cầu gắn phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng.

Các doanh nghiệp được sắp xếp qui hoạch, đầu tư công nghệ nhằm phát triển kinh tế, mặt khác khi cần thiết có thể chuyển sang phục vụ quốc phòng. Số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, khi chiến tranh xảy ra có thể chuyển sang phục vụ quốc phòng, như: sửa chữa sản xuất vũ khí; sản xuất phục vụ sinh hoạt, đời sống, đáp ứng yêu cầu hoạt động của lực lượng vũ trang.

Tiềm lực QP-AN được xây dựng trên cơ sở tiềm lực khoa học và công nghệ. Các nhà khoa học và các cơ sở nghiên cứu khoa học của Thành phố đều sẵn sàng chuyển sang phục vụ cho nghiên cứu khoa học quân sự nghệ thuật quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự khi cần thiết.

Trong những năm đổi mới, nhằm phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế và cho quốc phòng, Thành phố đã đẩy mạnh nghiên cứu về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn; khoa học quân sự. Riêng khoa học quân sự, Thành phố đã đầu tư cho Quân khu Thủ đô, Bộ chỉ huy quân sự Thành phố nghiên cứu nhiều đề tài khoa học hướng trọng tâm vào nghiên cứu, tìm ra các giải pháp bồi dưỡng kiến thức QP-AN, xây dựng dân quân tự vệ trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tổng kết các cuộc chiến tranh đã xảy ra trong lịch sử nước ta và thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự, đổi mới tổ chức, biên chế và huấn luyện các LLVT Thủ đô.

Qua 20 năm đổi mới lực lượng quốc phòng - an ninh của Thủ đô được tăng cường. Thành phố quan tâm xây dựng lực lượng toàn dân tham gia thực hiện nhiệm vụ QP-AN, trước mắt nhằm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, chống diễn biến hoà bình trên địa bàn thành phố. Lực lượng toàn dân trên địa bàn Thủ đô bao gồm các ban, ngành, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể quần chúng được giáo dục tốt cả bản lĩnh chính trị và có nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ QP-AN.

Lực lượng bộ đội thường trực của thành phố phát triển về số lượng và chất lượng, bảo đảm quân số theo quy định; lựa chọn chiến sỹ có sức khoẻ, có văn hoá, được giáo dục đạo đức, truyền thống cách mạng và huấn luyện chuyên môn tốt đáp ứng yêu cầu bảo vệ Thủ đô trong thời kỳ mới.

Các quận, huyện tổ chức đăng ký, quản lý tốt lực lượng dự bị động viên; có kiểm tra, huấn luyện hàng năm theo quy định. Tập trung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ở các xã, phường, thị trấn, chú trọng xây dựng ở các cơ quan, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng dân quân tự vệ cơ động... Tỷ lệ trung bình dân quân tự vệ đạt khoảng 2,3% dân số.

Các cơ sở xã, phường, thị trấn đều có lực lượng an ninh nhân dân, có nơi tổ chức chung với lực lượng dân quân tự vệ, có nơi tổ chức riêng nhưng đều hoạt động có hiệu quả, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Thế trận QP-AN không ngừng được củng cố. Quán triệt quan điểm QP-AN toàn dân của Đảng, Thành phố đã triển khai xây dựng thế trận QP-AN toàn dân. Trong thời bình, để giữ gìn an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, chống mọi âm mưu và hành động diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của địch, đồng thời làm nền tảng để chuyển thành thế trận chiến tranh nhân dân đánh bại chiến tranh xâm lược khi kẻ thù gây ra, bảo vệ Thủ đô, bảo vệ Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng thế trận QP-AN trước hết là nâng cao ý thức QP-AN cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Thành phố đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho 11.633 người, trong tổng số 14.757 người cần được bồi dưỡng, đạt trên 70%; trong đó cán bộ đảng viên ở các sở, ban, ngành đạt 100%. Đại đa số các tầng lớp nhân dân Thủ đô đều hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm lo nhiệm vụ QP-AN từ thời bình là vô cùng cần thiết, có ý thức đóng góp sức người, sức của vào thực hiện nhiệm vụ QP-AN. Thành phố đã quy hoạch lại các vùng dân cư vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu củng cố QP-AN.

Tiềm lực quân sự của Thủ đô được nâng cao rõ rệt trong 20 năm qua. Nếu so sánh khả năng huy động cho chiến tranh của Thủ đô hiện nay với những năm 80 đã tăng rất nhiều lần cả về sức người, sức của. LLVT Thủ đô phát triển về chất lượng sẵn sàng chiến đấu. Những đơn vị thường trực có biên chế hợp lý, trang bị ngày càng hiện đại hơn. Thành phố đã xây dựng các khu vực phòng thủ quận, huyện vững chắc với yêu cầu cao nhất là: khi có tình huống bảo vệ Tổ quốc, phường xã giữ được phường xã, quận huyện giữ được quận huyện... LLVT Thủ đô có thể cơ động phối hợp với các đơn vị chủ lực bảo vệ Thủ đô và các vùng lân cận.

Tổ chức tốt hệ thống phòng thủ dân sự ở các cấp, đảm bảo cho việc đánh giặc, phòng, tránh và khắc phục hậu quả chiến tranh tốt nhất. Coi trọng kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội với xây dựng các công trình phòng thủ, đáp ứng cao nhất khi có yêu cầu tác chiến chống địch.

3.2. Những hạn chế

Do tác động của mặt trái cơ chế kinh tế thị trường vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, một số cán bộ, nhân dân nhận thức mơ hồ, chỉ thấy lợi ích

trước mắt mà quên đi lợi ích lâu dài, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân, tập thể nhỏ mà quên đi lợi ích toàn cục... đang là những khó khăn, trở ngại trong triển khai nhiệm vụ QP-AN của Thành phố.

Một số cấp uỷ Đảng có lúc triển khai lãnh đạo chưa kịp thời. Công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức về QP-AN chưa thực sự thấm sâu trong quần chúng nhân dân; phát hiện vấn đề còn chậm; chưa có kế hoạch chi tiết đề phòng trước không đề các tình huống bất trắc xảy ra.

Có địa phương còn xem nhẹ việc xây dựng khu vực phòng thủ, chưa kết hợp chặt chẽ kinh tế với QP-AN. Trong xây dựng cơ bản, chưa chú trọng kết hợp dân sự và quân sự.

Một số chủ trương, chính sách trong thực hiện nhiệm vụ QP-AN, có nơi thực hiện chưa thật đúng, chưa thật linh hoạt.

Lực lượng dân quân tự vệ ở khối phố, phường xã hoạt động chưa thật nề nếp, hiệu quả chưa cao; ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tổ chức dân quân tự vệ chưa có mô hình cụ thể bền vững, chưa có cơ chế hoạt động rõ ràng, công tác huấn luyện dân quân tự vệ chậm được đổi mới.

G. VỀ Củng cố hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp

1. Củng cố hệ thống chính quyền các cấp

1.1. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và nhất quán của Thành uỷ từ Đại hội lần thứ X (10/1986) đến nay về lãnh đạo xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, là đẩy mạnh cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền nhà nước, với hai nội dung cơ bản là: đẩy mạnh cải cách hành chính; chăm lo kiện toàn tổ chức, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND, UBND các cấp.

Qua 20 năm đổi mới cải cách hành chính đã có những chuyển biến tích cực. Cải cách hành chính của cả hệ thống chính trị nói chung, đặc biệt là cải cách hành chính bộ máy chính quyền các cấp nói riêng được Thành uỷ đặc biệt quan tâm chỉ đạo để nâng cao hiệu lực; hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền nhà nước từ Thành phố tới cơ sở.

Với các chương trình và đề án, nhất là từ khoá XII đến nay, Thành phố đã tiến hành nhiều cuộc tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong các quận, huyện, sở, ngành với trên 14.500 văn bản; loại bỏ nhiều văn bản hết hiệu lực, ban hành trái thẩm quyền hoặc chồng chéo...; thực hiện cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng cơ bản, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mở rộng phân cấp một số nhiệm vụ, thẩm quyền cho các quận, huyện, sở, ngành trong đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý ngân sách, chi đầu tư phát triển; nhân rộng mô hình cải cách hành chính theo quy trình "một cửa"; sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy bên trong của cơ quan chính quyền cấp quận, huyện, các sở, ngành.

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND, UBND các cấp từng bước được nâng cao. Thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, hầu hết các đồng chí chủ tịch HĐND các cấp là bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy; Phó chủ tịch HĐND là đồng chí thường vụ hoặc cấp ủy viên; trưởng các ban của HĐND là cán bộ chủ chốt thuộc cấp ủy quản lý. HĐND các cấp đã tăng cường chức năng kiểm tra, giám sát; đổi mới nội dung và phương thức tổ chức các kỳ họp, nâng cao chất lượng kỳ họp; tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa đại biểu HĐND với lãnh đạo các ngành, địa phương. Đổi mới nội dung và nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp để đại biểu gần dân, hiểu dân, giải quyết kịp thời những đòi hỏi bức xúc của nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Chăm lo kiện toàn hệ thống bộ máy chính quyền các cấp, sắp xếp tinh gọn tổ chức các phòng, ban, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền nhằm phát huy năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp. Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp của Thành phố tiếp tục được nghiên cứu, sắp xếp, điều chỉnh cơ bản bảo đảm hợp lý, giảm bớt sự chồng chéo, trùng lặp về tổ chức, quy định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ; trọng tâm là đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế. Trong những năm qua, Thành phố đã triển khai thực hiện nhiều đề án, chương trình tổng thể về cải cách hành chính, từng bước sắp xếp, kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Thành phố đã sắp xếp lại các sở, ban, ngành và bộ phận tham mưu, giảm một số đầu mối thuộc khối quản lý nhà nước và khối hành chính sự nghiệp ở các cơ quan, đơn vị từ thành phố tới các quận, huyện và cơ sở. Tiến hành giải thể 7 sở để thành lập 4 sở mới, trên cơ sở sáp nhập một số sở với nhau như: Sở Nông nghiệp- PTNT, Sở Thương mại, Sở Kế hoạch- Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Địa chính- Nhà đất; chuyển giao 2 phòng công chứng thuộc UBND Thành phố về Sở Tư pháp quản lý, thành lập 5 quận mới và một số đơn vị như Viện nghiên cứu phát triển kinh tế- xã hội Hà Nội, Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội, Tổng công ty Thương mại, Tổng công ty xây dựng hạ tầng đô thị, Tổng công ty vận tải Hà Nội, Tổng công ty Du lịch...; tổ chức lại các ban quản lý dự án của các sở, ngành và các quận, huyện theo nguyên tắc mỗi đơn vị chỉ có một Ban quản lý dự án...

Lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức thực hiện các chương trình, đề án nhằm cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Thành phố vào thực tiễn để xây dựng và phát triển Thủ đô. Trong các năm qua, đặc biệt là từ Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ thành phố đến nay, nét mới trong công tác chỉ đạo để quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của thành phố Hà Nội là, Thành ủy đã chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng các chương trình, đề án công tác để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Thành ủy khoá XII xây dựng được 12 chương trình công tác; khoá XIII xây

dựng 10 chương trình công tác, mỗi chương trình là một chủ trương công tác lớn của Thành uỷ trên từng lĩnh vực hoạt động của Thành phố như: kinh tế, văn hoá- xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, cải cách hành chính, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, chuẩn bị kỷ niệm ngàn năm Thăng Long - Hà Nội...

Căn cứ vào các chương trình công tác của Thành uỷ, HĐND, UBND Thành phố, cụ thể hoá thành kế hoạch, chính sách, quy chế, quy định, dự án... để chỉ đạo, điều hành triển khai.

Với phương thức như trên, Thành uỷ Hà Nội đã nắm vững đường lối, nghị quyết của Đảng, lãnh đạo chính quyền, phát huy tính năng động sáng tạo của chính quyền, không bao biện làm thay, nhưng cũng không quan liêu, buông lỏng quyền lãnh đạo.

1.2. Tuy nhiên, công tác củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính quyền còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm:

Trong bộ máy chính quyền, trách nhiệm, kỷ cương, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, công chức ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nên hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành chưa cao. Kết quả cải cách hành chính còn hạn chế. Tổ chức bộ máy chính quyền vẫn còn công kênh, chông chéo về chức năng, nhiệm vụ; sự phối hợp dọc ngang, trên dưới thiếu đồng bộ, thông suốt... dẫn đến sự chậm trễ, kém hiệu quả trong giải quyết công việc.

2. Về xây dựng Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị các cấp

2.1. Hai mươi năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, cấp uỷ các cấp đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị vững mạnh, thể hiện trên một số kết quả cơ bản sau:

Một là, Thành uỷ đã có chủ trương và những biện pháp tích cực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, gắn liền với xây dựng và phát huy vai trò MTTQ thành phố và các đoàn thể chính trị.

Hai là, Thành uỷ đã lãnh đạo, phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp.

Ba là, Thành uỷ và các cấp uỷ Đảng đã lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể chính trị đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường mối liên hệ với nhân dân, xây dựng MTTQ và các đoàn thể chính trị từ thành phố đến cơ sở vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) và các nghị quyết, đề án của Thành uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị của Thành phố đã rà soát lại chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức theo hướng gọn nhẹ; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tập hợp quần chúng. Sau khi sắp xếp, đã giảm được một số đầu mối bên trong của các tổ chức đoàn thể; thành lập Đảng bộ khối Dân-

Chính-Đảng thành phố, trên cơ sở sáp nhập tổ chức đảng của các sở, ngành và tổ chức đảng của 6 đoàn thể chính trị thành phố vào Đảng bộ khối các cơ quan Thành uỷ.

2.2. Tuy nhiên, việc lãnh đạo Mặt trận và các tổ chức thành viên còn có những hạn chế, khuyết điểm:

Nhận thức trong một số cấp uỷ đảng, chính quyền, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của MTTQ và các tổ chức thành viên chưa đầy đủ.

Công tác sắp xếp, bố trí, tổ chức bộ máy và cán bộ của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể ở cơ sở còn chắp vá, bị động, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Việc quy hoạch cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý công tác dân vận chưa được quan tâm đúng mức. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chế độ đối với cán bộ Mặt trận nói chung, nhất là đối với các Trưởng ban công tác Mặt trận ở khu dân cư chưa hợp lý.

H. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về công tác chính trị- tư tưởng

Thời kỳ đổi mới, Thành uỷ chỉ đạo công tác tư tưởng hướng vào việc đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, bảo đảm thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, không dao động, mơ hồ trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, vững vàng trước sự tác động của mặt trái kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập.

1.1. Những thành tựu cơ bản của công tác chính trị-tư tưởng:

Thứ nhất, góp phần giữ vững định hướng XHCN, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới.

Thứ hai, công tác tư tưởng có nhiều đổi mới trong quán triệt, học tập nghiên cứu các nghị quyết của Đảng, đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Thứ ba, công tác tư tưởng góp phần phát huy và thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ, thực hiện tốt cơ chế đại diện và dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Gắn chặt giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữ vững kỷ cương, gắn phát huy dân chủ với tăng cường thực hiện pháp chế.

Thứ tư, Công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Thứ năm, công tác chỉ đạo báo chí xuất bản càng ngày càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm và càng ngày càng làm tốt chức năng là một kênh thông tin quan trọng, nhạy cảm phục vụ công tác lãnh đạo.

1.2. Những yếu kém, khuyết điểm:

Nhận thức của cán bộ, đảng viên về công tác tư tưởng, lý luận chưa đầy đủ. Tuy đã thấy được tầm quan trọng của công tác tư tưởng lý luận, nhưng

trong hoạt động thực tiễn lại chưa quan tâm đặt công tác tư tưởng, lý luận vào đúng vị trí của nó. Nội dung và phương pháp công tác tư tưởng, lý luận chưa có sự đổi mới sâu sắc, vẫn đi theo lối mòn cũ, đôi khi nặng về hình thức, bề nổi, thiếu chiều sâu. Chưa nhạy bén, linh hoạt; chưa triệt để khai thác những nội dung cơ bản, những vấn đề mấu chốt để nâng cao chất lượng tuyên truyền cổ động, còn để khoảng trống thông tin ở cơ sở. Công tác tuyên truyền giáo dục tính thuyết phục chưa cao; chưa gắn kết tốt với công tác tổ chức, hành chính, luật pháp; việc giáo dục truyền thông đôi khi còn hình thức, chưa phong phú và chưa được đẩy mạnh trong các trường học từ phổ thông đến đại học. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đã có cố gắng, nhưng chưa được nhiều. Đội ngũ cán bộ tư tưởng có mặt còn bất cập, phương tiện, cơ sở vật chất chưa được cải thiện nhiều, còn lạc hậu.

2. Về công tác tổ chức, cán bộ

Nhìn lại chặng đường thực hiện sự nghiệp đổi mới 20 năm qua, có thể khẳng định rằng: Đảng bộ Hà Nội đã vận dụng sáng tạo và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương và các chương trình, đề án về công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác tổ chức, cán bộ nói riêng của Thành ủy đề ra.

2.1. Những thành tựu cơ bản của công tác tổ chức, cán bộ:

Về công tác tổ chức:

Một là, tổ chức đảng các cấp, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng được củng cố, tăng cường, hoạt động đi dần vào nền nếp, có chất lượng và hiệu quả rõ rệt hơn; năng lực lãnh đạo của cấp uỷ và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Hai là, mô hình hoạt động của các tổ chức đảng, nhất là mô hình tổ chức chi bộ ở địa bàn thôn, xóm (khối xã), tổ dân phố, khu vực dân cư (khối phường, thị trấn), trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài v.v... từng bước được củng cố, sắp xếp điều chỉnh lại, hoạt động có hiệu quả hơn.

Ba là, chú trọng chấn chỉnh hệ thống tổ chức, bộ máy của Đảng ở các cấp để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng bằng tổ chức: đã củng cố lại đảng đoàn, lập lại ban cán sự đảng ở cơ quan chính quyền, đoàn thể và ngành tư pháp cấp thành phố; sắp xếp lại tổ chức một số đảng bộ khối trực thuộc...

Bốn là, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tham mưu của Đảng từ cấp thành phố đến các đảng uỷ trực thuộc, trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức, cắt bỏ những bộ phận chồng chéo, giảm đầu mối trung gian, ban hành quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và quy chế hoạt động các ban tham mưu của Thành uỷ, ở các quận, huyện uỷ và đảng uỷ trực thuộc.

Năm là, công tác kiện toàn cấp uỷ qua các kỳ Đại hội được đặc biệt coi trọng. Đại hội Đảng các cấp đều có hướng dẫn về quy trình công tác nhân sự

chặt chẽ, tiêu chuẩn nhân sự cấp uỷ được cụ thể hoá, bổ sung nhân tố mới, coi trọng việc xây dựng và thực hiện quy chế lãnh đạo, phân định rõ hơn chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng và chức năng quản lý của cơ quan Nhà nước.

Sáu là, chăm lo chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng gắn với công tác đảng viên và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Công tác bồi dưỡng đối tượng đảng được tổ chức thường xuyên; số đảng viên mới được kết nạp hàng năm đều tăng cao so với năm trước.

Về xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ:

Qua 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, đội ngũ cán bộ, công chức của Hà Nội có bước chuyển biến mới trên các mặt: chất lượng, số lượng và cơ cấu, cơ bản đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển Thủ đô.

Mặt mạnh cơ bản của đội ngũ cán bộ, quản lý chủ chốt các cấp ở Đảng bộ Hà Nội là: có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu XHCN, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối đổi mới của Đảng. Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, đổi mới và tăng cường; phẩm chất, đạo đức, lối sống, trình độ năng lực công tác được nâng lên... Đó chính là thế mạnh và điều kiện quyết định để Đảng bộ Hà Nội lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trước yêu cầu của thời kỳ mới.

Công tác cán bộ đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả bước đầu.

Một là, Thành uỷ đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đồng thời, phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên và người đứng đầu của các tổ chức trong hệ thống chính trị”.

Hai là, công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đã có nhiều cố gắng và đang đi dần vào nền nếp, đặc biệt là công tác đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển cán bộ được coi trọng và có chuyển biến mới.

Ba là, công tác đánh giá, phân loại cán bộ được tiến hành nghiêm túc, đúng quy trình; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm chỉ đạo, góp phần nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ và chuẩn bị tốt nguồn cán bộ dự bị, kế cận cho hệ thống chính trị của Thành phố.

Bốn là, công tác đề bạt, bổ nhiệm, điều động và luân chuyển cán bộ được triển khai tích cực, đúng quy trình và có chuyển biến mới.

Năm là, công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được quan tâm chỉ đạo, góp phần động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trong suốt quá trình gần 20 năm qua, công tác bảo vệ chính trị nội bộ tuy có biến động, do yêu cầu sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhưng đã khắc phục được khó khăn, có những đóng góp tích cực vào công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ của Thành uỷ.

Từ đầu năm 2000, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Thành phố giải thể, nhiệm vụ bảo vệ nội bộ được chuyển giao về Ban Tổ chức Thành uỷ. Sau gần 5 năm thực hiện nhiệm vụ theo mô hình mới, công tác bảo vệ chính trị nội bộ được cấp uỷ đặc biệt quan tâm chỉ đạo, đã sớm ổn định được tổ chức, xây dựng được quy chế, chương trình công tác và hoạt động có hiệu quả bước đầu.

Bộ phận bảo vệ chính trị nội bộ đã phối hợp chặt chẽ với Công an Thành phố và một số cơ quan chức năng tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận nhiều hồ sơ, tài liệu về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên phục vụ cho công tác bảo vệ Đảng, xem xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho các kỳ Đại hội Đảng và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của Thành phố v.v... góp phần giữ vững an ninh chính trị, chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

2.2. Những yếu kém, khuyết điểm:

Về tổ chức bộ máy:

Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng ở một số cơ sở chưa được tiến hành đồng bộ gắn với việc đổi mới và chỉnh đốn toàn bộ hệ thống chính trị. Sự phối hợp trong lãnh đạo, điều hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp.

Tính chiến đấu, vai trò hạt nhân lãnh đạo của một số cấp uỷ đảng chưa cao; công tác kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên chưa chặt chẽ, thực hiện tự phê bình và phê bình chưa nghiêm túc, còn có tình trạng hữu khuynh, cục bộ, xuôi chiều.

Việc xây dựng quy chế và thực hiện quy chế ở một số cấp uỷ chưa nghiêm túc; nhiều quy chế, quy định đã lạc hậu do thay đổi cơ chế, nhưng chậm được điều chỉnh, bổ sung. Cơ chế phối hợp giữa cấp với ngành chưa đồng bộ; chưa có quy chế phối hợp chung giữa các ban Đảng của Thành uỷ; giữa các ban với các sở, ban, ngành, đoàn thể, nên hoạt động của một bộ phận chức năng còn chồng chéo, kém hiệu quả.

Cải cách thể chế hành chính, cải cách thủ tục hành chính còn chậm, kết quả hạn chế. Bộ máy hành chính còn công kênh. Việc tinh giản biên chế thực hiện chưa tốt do thiếu kiên quyết, không gắn với các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, sắp xếp lại bộ máy.

Về công tác cán bộ:

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức trình độ, kiến thức, năng lực công tác còn hạn chế. Sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu,

tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa đồng bộ; một số tiêu chí về cơ cấu, chất lượng, độ tuổi chuyển tiếp giữa 3 thế hệ cán bộ còn mất cân đối; công tác quy hoạch chưa được triển khai thực hiện đồng bộ, thường xuyên; công tác điều động, luân chuyển cán bộ làm chậm và gặp nhiều khó khăn, nên kết quả còn hạn chế.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa gắn với yêu cầu, tiêu chuẩn, quy hoạch và sử dụng cán bộ; chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế.

Việc thực hiện chính sách cán bộ đôi khi còn bị động, chưa nghiên cứu ban hành kịp thời những văn bản hướng dẫn nhằm phát hiện, khuyến khích, động viên cán bộ có tài, trân trọng những người có công, đồng thời xử lý nghiêm những người mắc sai phạm.

Một số cấp uỷ chưa thực sự quan tâm củng cố bộ phận làm công tác tổ chức, cán bộ; đội ngũ cán bộ hiện nay vẫn ở trong tình trạng “*vừa thừa, vừa thiếu*”, chưa có chính sách khuyến khích những người tâm huyết, tận tụy, làm việc có năng suất và hiệu quả cao; đồng thời, chưa kiên quyết thay thế những cán bộ hạn chế về năng lực, sa sút về phẩm chất, thiếu tinh thần trách nhiệm trước công việc.

3. Về công tác kiểm tra

Hai mươi năm qua, Thành uỷ Hà Nội đã đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra của Đảng; trong từng giai đoạn cụ thể, công tác kiểm tra nhìn chung được tiến hành chủ động, có trọng tâm, trọng điểm và đạt được kết quả, có tác động tích cực đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Thành phố.

3.1. Những thành tựu cơ bản

Một là, đã thực hiện được vai trò tham mưu cho các cấp uỷ và triển khai có kết quả nhiều nhiệm vụ do cấp uỷ các cấp giao, nhất là trong các đợt sinh hoạt chính trị lớn của Đảng bộ, như việc thực hiện Chỉ thị 19 của Thường vụ Thành uỷ về làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; giải quyết các “điểm nóng”, những nơi yếu kém, mất đoàn kết nội bộ, phục vụ nhân sự các kỳ đại hội Đảng và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp v.v..

Hai là, góp phần bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng trong công cuộc đổi mới và thúc đẩy việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong các tổ chức đảng và đảng viên.

Ba là, công tác kiểm tra đã góp phần giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng, làm trong sạch bộ máy tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, đấu tranh

kiên quyết, xử lý kịp thời những đảng viên thoái hoá, biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng.

Bốn là, phối hợp với các ngành, các cấp đấu tranh với tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, góp phần ngăn chặn sự phát triển của tệ nạn này.

3.2. Những yếu kém, khuyết điểm:

Nhận thức của một số cấp uỷ đảng và đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng chưa đầy đủ, chưa thấy rõ vị trí, vai trò quan trọng công tác kiểm tra trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, vì vậy đã thiếu tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, hoặc có kiểm tra, nhưng còn mang tính hình thức, hời hợt, không có kết quả.

Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ chưa ráo riết kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các cấp uỷ cấp dưới, chưa nghiêm khắc phê bình, nhắc nhở hoặc xử lý kiên quyết những tổ chức đảng, nhất là các cấp uỷ đảng buông lỏng công tác kiểm tra. Một số đồng chí thành uỷ viên chưa làm tốt nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên những lĩnh vực, địa bàn, nhiệm vụ được phân công phụ trách.

Ý thức tự phê bình và phê bình trong công tác và sinh hoạt đảng ở nhiều cấp uỷ đảng, tổ chức đảng còn yếu đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra. Một số cán bộ chủ chốt của các đơn vị chưa thực sự gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, chưa thường xuyên tự kiểm tra mình, thậm chí có những biểu hiện vi phạm kỷ luật, làm cho quần chúng thiếu tin tưởng.

Vai trò tham mưu cho cấp uỷ của một số uỷ ban kiểm tra, nhất là uỷ ban kiểm tra cơ sở còn hạn chế. Một số cán bộ kiểm tra trình độ nghiệp vụ yếu, chưa đủ khả năng xem xét, đánh giá vụ việc và mức độ sai phạm, dẫn tới kết luận thiếu chính xác.

4. Về công tác dân vận:

Sau 20 năm đổi mới, công tác dân vận của Đảng bộ Hà Nội đã có nhiều cố gắng và tiến bộ, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

4.1. Những thành tựu cơ bản của công tác dân vận:

Một là, Thành uỷ và các cấp uỷ Đảng đã vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chủ trương, chính sách dân vận của Đảng và nhà nước vào điều kiện thực tiễn của Hà Nội, đề ra các giải pháp phong phú để tập hợp, phát huy sức mạnh đoàn kết của nhân dân.

Hai là, nội dung, phương thức lãnh đạo của Thành uỷ và các cấp uỷ Đảng về công tác dân vận có nhiều đổi mới theo hướng gần dân, sát cơ sở, nổi bật là việc lãnh đạo, chỉ đạo có nền nếp việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Ba là, công tác dân vận của chính quyền các cấp đã có những chuyển biến tiến bộ; bộ máy tổ chức và cán bộ từng bước được củng cố, kiện toàn.

Bốn là, Mặt trận, đoàn thể các cấp của Thành phố có nhiều cố gắng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, chú trọng vai trò giám sát, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

4.2 Những yếu kém, khuyết điểm:

Vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quần chúng, cũng như việc tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động các cơ quan Nhà nước còn hạn chế. Xu hướng hành chính hoá trong tổ chức, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa được khắc phục. Một số chương trình, kế hoạch đề ra chưa đến đoàn viên, hội viên. Lực lượng đoàn viên, hội viên đông nhưng chất lượng nòng cốt chính trị còn thấp. Công tác nắm bắt tâm tư nguyện vọng đoàn viên, hội viên ở nhiều tổ chức hội, đoàn thể chưa tốt. Nội dung, phương thức vận động, tập hợp quần chúng ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, khu vực tôn giáo còn nhiều lúng túng.

Nhận thức và quan điểm về công tác Dân vận ở một số cấp uỷ chưa thực sự thấu suốt và nhất quán, vẫn còn tình trạng coi nhẹ công tác Dân vận và hoạt động của các đoàn thể. Việc củng cố cơ sở và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác Dân vận chưa được quan tâm chỉ đạo đúng tầm....

5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Thành uỷ

5.1. Kết quả nổi bật:

Hai mươi năm qua, Thành uỷ luôn coi trọng và quyết tâm, kiên trì đổi mới phương thức lãnh đạo, đạt được một số kết quả nổi bật.

Trước hết là đổi mới cách ra nghị quyết và học tập, nghiên cứu nghị quyết. Để cụ thể hoá các nghị quyết của Trung ương và của Thành phố, từ nhiều năm nay, Thành uỷ Hà Nội đã tập trung xây dựng các chương trình công tác và lãnh đạo, chỉ đạo bằng các chương trình công tác, chú ý khắc phục tình trạng ra quá nhiều chỉ thị, nghị quyết, có khi trùng lặp, chồng chéo; có nghị quyết tổ chức thực hiện không tập trung, ít hiệu quả. Thành uỷ chỉ ra nghị quyết mới có tính chuyên đề khi thật cần thiết. Những nghị quyết còn hiệu lực, những vấn đề chưa thực hiện được thì phải tập trung tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

Trong nghiên cứu, học tập nghị quyết của Trung ương cũng như của Thành uỷ, cố gắng theo hướng chủ động, thiết thực. Đối với đại trà thì có hình thức thông báo nhanh, giới thiệu những nội dung cơ bản. Đối với những đối tượng có trách nhiệm trực tiếp thực hiện thì được nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn, tập trung theo lĩnh vực hoặc chuyên đề. Khi nghiên cứu, học tập, không chỉ nghe giới thiệu mà coi trọng tự nghiên cứu, dành nhiều thời gian cho thảo luận, liên hệ thực tiễn địa phương, kiến nghị, đề xuất những giải pháp thực hiện. Trong thảo luận, thực hiện hình thức đối thoại giữa người học với người có

trách nhiệm chuẩn bị các chương trình, đề án công tác, đề vừa đi sâu, gọi mở, vừa sinh động, thiết thực.

Đổi mới cách chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết. Tổ chức thực hiện nghị quyết là khâu khó và yếu. Thành phố chú trọng cải tiến nhiều ở khâu này theo hướng *tập trung, kiên quyết, dứt điểm và hiệu quả*. Các nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch công tác đều phải có lộ trình, bước đi cụ thể, phân công tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện với yêu cầu nói đi đôi với làm, đã quyết là phải làm. Trong quá trình thực hiện, có gì khó khăn thì cùng tập trung tháo gỡ. Nếu bộ phận nào làm chậm, làm không hiệu quả thì phải chịu trách nhiệm.

Nghị quyết Đại hội được cụ thể hoá thành những chương trình và đề án công tác lớn. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố xây dựng các đề án, kế hoạch để thực hiện. Trong từng thời kỳ tập trung cho những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, những việc mới, khó, phức tạp; không ham đề ra quá nhiều, không đủ sức thực hiện. Chú trọng xây dựng những cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định cụ thể.

Từng thời gian, Thường trực Thành uỷ, UBND Thành phố nghe báo cáo, kiểm tra chỉ đạo thực hiện các chương trình, đề án công tác lớn, đặc biệt là những vấn đề khó khăn, bức xúc. Đối với nhiệm vụ trọng tâm nổi lên từng thời gian thì có hình thức giao ban giữa lãnh đạo thành phố với bí thư, chủ tịch các quận, huyện; hoặc trực tiếp xuống các đơn vị, công ty, cơ sở bàn cách giải quyết.

Các chương trình, đề án, kế hoạch công tác phải thường xuyên được kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Ba tháng một lần, phải có sơ kết báo cáo Thường vụ hoặc Thường trực Thành uỷ.

Mở rộng phân cấp, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, đơn vị cơ sở. Chú trọng phát huy tính chủ động, năng động, mạnh dạn, sáng tạo của các đơn vị, cá nhân gắn với sự phối hợp giữa các cơ quan, các ngành, các cấp; giữa Trung ương với thành phố; giữa thành phố với các địa phương bạn. *Trong phạm vi Thành phố, sự gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, các quận, huyện ngày càng tốt hơn.*

Kinh nghiệm cho thấy, chỉ có chủ động, năng động, luôn luôn động não suy nghĩ, đề xuất, đồng thời thực sự cầu thị, biết lắng nghe thì thành phố mới phát huy được sức mạnh tổng hợp trên địa bàn. Các bộ, ban, ngành, các địa phương bạn, các nhà khoa học, các giới đồng bào đều rất sẵn lòng phối hợp, ủng hộ, giúp đỡ lãnh đạo Thành phố.

Cải tiến cách sinh hoạt, hội họp: Trên cơ sở quy chế công tác đã ban hành, Thường vụ Thành uỷ chỉ đạo xây dựng các chương trình công tác hàng năm và định lịch làm việc hàng quý, hàng tháng, hàng tuần. Thành uỷ họp mỗi quý một lần vào tuần đầu của tháng đầu quý; Thường vụ chỉ họp hai tuần một lần vào thứ tư; Thường trực Thành uỷ giao ban hàng tuần vào thứ hai; UBND

giao ban hàng tuần vào thứ năm; Thường trực Thành uỷ, HĐND, UBND giao ban với lãnh đạo các quận, huyện ba tháng một lần vào tuần cuối của mỗi quý.... Tài liệu được gửi trước theo quy định; đến cuộc họp nói chung không đọc lại mà chỉ tóm tắt nội dung và nêu những vấn đề lớn, khó, hoặc còn ý kiến khác nhau để thảo luận, vừa chủ động được thời gian, vừa bàn được nhiều nội dung, có chất lượng, rõ việc để làm, để theo dõi, kiểm điểm.

Tăng cường đi cơ sở, tiếp xúc với dân, cùng nhau trao đổi ý kiến, tháo gỡ khó khăn, giải quyết công việc tại chỗ. Đây cũng là một nét đổi mới đáng ghi nhận. Nói chung, các cuộc đi cơ sở phải có chủ định, tùy tính chất, nội dung, để bố trí làm việc cho hợp lý. Điều quan trọng là phải thật thiết thực, tránh hình thức, đi phải giải quyết được vấn đề gì, thu nhận được gì, phát hiện được gì, tổng kết, đề xuất được gì cho Trung ương, cho Thành phố và cho cơ sở.

5.2. Những hạn chế, thiếu sót:

Quyết tâm đổi mới và những nội dung đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo của Thành uỷ chưa được quán triệt và triển khai sâu rộng, đồng đều trong hệ thống chính trị, trong các cấp ngành, trong cán bộ, đảng viên. Vẫn còn những đơn vị, lãnh đạo thiếu năng động, sáng tạo, chậm đổi mới cách nghĩ, cách làm, thụ động trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên. Trong lãnh đạo, điều hành, có nơi, có lúc còn thiếu sâu sát, quyết liệt, dứt điểm. Sự phối hợp giữa các cấp ngành, giữa các bộ phận trong từng cấp, ngành, nhiều việc còn thiếu nhịp nhàng, thường xuyên, chặt chẽ.

Những thiếu sót, khuyết điểm đó là nguyên nhân trực tiếp làm chậm tiến độ phát triển của Thủ đô.

*

* *

Tóm lại: Sau 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ Hà Nội đã có bước trưởng thành về mọi mặt. Trong quá trình đổi mới, có nhiều việc làm được, có việc mới bắt đầu, có việc còn chưa làm được. Nhưng chính từ những việc làm được và chưa làm được ấy mà Thành uỷ có căn cứ, đầy đủ, vững chắc để tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Thủ đô tiếp tục đi lên.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

A. Những thành tựu nổi bật

Vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của Thành phố, 20 năm qua, trải qua nhiều biến động chính trị thế giới, vượt qua những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và những khó khăn trong quá trình phát triển, *Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội đã đưa sự nghiệp đổi mới của Thủ đô đạt được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện,*

đúng định hướng, tạo sự chuyển biến cơ bản trong đời sống xã hội, góp phần rất quan trọng vào thành tựu chung của cả nước²⁶.

Một là, vượt lên mọi khó khăn, thử thách, tình hình chính trị - xã hội Thủ đô luôn ổn định, niềm tin của nhân dân với Đảng, với sự nghiệp đổi mới được củng cố.

Trước sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu, trước âm mưu và thủ đoạn chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch và phản động, đặc biệt là chiến lược "Diễn biến hoà bình", Đảng bộ Thành phố luôn vững vàng, tinh táo trong lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng an ninh, quốc phòng, làm cho đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân không dao động, mơ hồ trước những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới. Điều đó đồng thời khẳng định niềm tin vững vàng của toàn Đảng bộ vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; sự kiên định lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Trước xu thế hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ, tăng cường các mối quan hệ đa phương hoá, đa dạng hoá, Hà Nội đã cùng cả nước thực hiện đường lối đối ngoại khôn khéo, phá tan thế bao vây, cấm vận, ngày càng khẳng định và nâng cao vị thế của Thủ đô và đất nước đối với khu vực và trên thế giới. Hà Nội được một số tổ chức có uy tín trên thế giới bình chọn là một trong 5 thành phố tốt nhất Châu Á và là thành phố đứng thứ hai Châu Á về du lịch.

Thành tựu nổi bật đó cùng với những thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân Thủ đô với Đảng, với sự nghiệp đổi mới.

Hai là, từ một nền kinh tế tập trung, bao cấp, ở trong tình trạng khủng hoảng, chậm phát triển, kinh tế Thủ đô đã nhanh chóng phát triển, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa năng động, tăng trưởng liên tục ở mức cao, phát triển nhanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu tích cực theo hướng hiện đại hoá; không chỉ đáp ứng nhu cầu cuộc sống người dân mà còn tích lũy để đầu tư phát triển.

So với năm 1990, GDP năm 2005 của Thành phố tăng khoảng 5,1 lần (bình quân tăng 11,45%/năm), thu ngân sách tăng trên 50 lần, kim ngạch xuất khẩu tăng trên 90 lần, GDP bình quân đầu người tăng gần 5 lần. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước được xác lập và phát triển, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo trên nhiều lĩnh vực; kinh tế tập thể được củng cố, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh. Kinh tế địa phương²⁷ đã nhanh chóng vươn lên, cùng phát triển với kinh tế trung ương. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng CNH,

²⁶ Thông báo 205-TB/TW ngày 2/11/2005: Kết luận của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về Thủ đô Hà Nội.

HĐH, từ công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ - kinh tế đối ngoại (cuối những năm 80 của thế kỷ 20) đang chuyển sang dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

GTSX công nghiệp tăng mạnh. Nếu chỉ tính từ năm 1990 đến nay, thì cứ sau 5 năm, GTSX công nghiệp trên địa bàn đã bằng 2,5 lần so với trước đó. Các sản phẩm công nghiệp Hà Nội được tiêu thụ rộng rãi trong cả nước và xuất khẩu như bánh kẹo, động cơ điện, sơn hoá học ... Một số sản phẩm trước kia chưa làm ra được, hoặc với chất lượng, số lượng thấp, thì nay đã trở lên khá phổ biến như lắp ráp ô tô, máy thu hình, xe máy.

Hà Nội đã và đang phát huy thế mạnh của một trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước với 40 siêu thị và trung tâm thương mại, 270 cửa hàng tự chọn và 600 văn phòng đại diện thương nhân của nước ngoài. Từ chỗ chủ yếu chỉ dựa vào mạng lưới của hàng thương nghiệp quốc doanh làm nhiệm vụ thu mua, cung ứng, phân phối vật tư và hàng tiêu dùng, đến nay, thương mại Hà Nội đã không ngừng mở rộng. Bên cạnh đó, các ngành dịch vụ trình độ cao như tư vấn tài chính, ngân hàng, sản xuất phần mềm máy tính, thiết kế, tạo mẫu, giáo dục và đào tạo, y tế đã khá phát triển... Hình thức kinh doanh, phục vụ chất lượng cao được chú trọng với việc xây dựng các tuyến phố văn minh thương mại và hệ thống các cửa hàng tự chọn, siêu thị, trung tâm thương mại.

Hoạt động thương mại quốc tế đã mở rộng đáng kể với kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt hơn 600 USD/người. Doanh nghiệp Thủ đô đã có chỗ đứng trên các thị trường lớn như khối ASEAN (tỷ trọng 7,5% trong kim ngạch xuất khẩu), Nhật Bản (4,4%), Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan và Hồng Kông- tỷ trọng 14,9%), EU (14,1%) và Bắc Mỹ.

Hà Nội đã trở thành trung tâm du lịch của cả nước, là đầu mối phân phối khách cho các địa phương phía Bắc. Hàng năm Hà Nội đã thu hút được 800-900 nghìn khách du lịch. Từ năm 1990 đến 2005, lượng khách du lịch quốc tế hàng năm tăng bình quân 25,0%, doanh thu ngoại tệ tăng 29,3%/năm.

GTSX ngành nông, lâm, thủy sản năm 2003 bằng 2,3 lần so với năm 1985. Nông nghiệp Thủ đô đã có bước chuyển biến lớn về cơ cấu sản phẩm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của nhân dân Thủ đô, đồng thời góp phần cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập của nông dân ngoại thành. Kinh tế trang trại phát triển nhanh, góp phần đưa nông nghiệp Thủ đô phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Quan hệ sản xuất nông thôn tiếp tục được củng cố với việc khôi phục và mở rộng hoạt động của các hợp tác xã.

Với tốc độ phát triển nhanh, toàn diện, Hà Nội đã thực sự trở thành một trong những trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Năm 2005, Thành phố đã làm ra trên 8% GDP, trên 10% giá trị sản lượng công nghiệp, trên 8% kim ngạch xuất

²⁷ Kinh tế địa phương bao gồm: kinh tế nhà nước địa phương, kinh tế ngoài quốc doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

khâu, chiếm 13,8% tổng thu ngân sách nhà nước, gần 11% vốn đầu tư toàn xã hội của cả nước ; bình quân GDP đầu người đạt mức cao, gấp gần 2,4 lần cả nước²⁸.

Ba là, quản lý đô thị có tiến bộ, hạ tầng đô thị phát triển mạnh theo hướng văn minh, hiện đại. So với năm 1985, cung cấp điện năng năm 2005 tăng trên 5,8 lần, số máy điện thoại tăng 61,2 lần, khối lượng vận chuyển hành khách công cộng tăng 15 lần, sản lượng cung cấp nước sạch tăng gần 4,3 lần, xây dựng nhà ở tăng 10 lần,... Hoàn thành xây dựng nhiều tuyến đường, nút giao thông quan trọng. Diện tích nhà ở theo dự án quy hoạch, nhà ở cao tầng hiện đại và quỹ nhà phục vụ công tác di dân chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, phù hợp với tư tưởng chỉ đạo về đẩy nhanh tốc độ xây dựng và tăng cường quản lý đô thị của Thành phố. Diện mạo Thủ đô thay đổi nhanh, ngày càng khang trang.

Sự phát triển nhanh chóng của cơ sở hạ tầng đã đóng góp đáng kể cho việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân Thủ đô.

Bốn là, văn hoá - xã hội tiến bộ trên nhiều mặt; trong đó có những mặt chuyển biến rõ rệt, như về chỉ số phát triển con người, phổ cập trung học phổ thông, thể thao thành tích cao, xoá đói, giảm nghèo, chăm sóc người có công và diện chính sách xã hội... Nếp sống đô thị thanh lịch, văn minh đang được quan tâm chỉ đạo. Thành phố đã cơ bản xoá hộ nghèo diện chính sách, xoá được hộ đói, nhà dột nát, xoá các phòng học bán kiên cố, xoá học ca ba; mức thu nhập của người dân tăng gần 4 lần so với năm 1985.

Quy mô, chất lượng giáo dục được tăng cường. Sau 20 năm đã có 120 trường mẫu giáo, 242 trường tiểu học và trung học cơ sở; 58 trường PTTH và 23 trường THCN được thành lập mới. Số học sinh mẫu giáo tăng thêm gần 20 nghìn người; học sinh tiểu học và THCS tăng thêm 55 nghìn người; học sinh PTTH tăng thêm 56 nghìn người. Năm học 2004-2005, có 89% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

Công tác lao động và việc làm đã có những tiến bộ nhất định. Hàng năm, đã giải quyết việc làm cho khoảng 70.000 lao động; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm từ 7,95% năm 2000 xuống 6,2% năm 2005. Cùng với việc phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, mũi nhọn, Thành phố đang lập dự án quy hoạch phát triển các làng nghề truyền thống và các giải pháp đào tạo nghề, tạo việc làm cho người dân nông thôn ở những nơi bị thu hồi đất.

Sự nghiệp y tế phát triển với 32 bệnh viện tuyến thành phố và trung ương, nâng cấp 2 bệnh viện từ trung tâm (bệnh viện u bướu, bệnh viện lao và bệnh phổi Hà Nội). Thành phố đã đầu tư phát triển tiến bộ khoa học - kỹ thuật đạt trình độ cao tại các bệnh viện lớn như Xanh pôn, Phụ sản, Thanh Nhân, bệnh viện tim Hà Nội. Trong suốt gần 20 năm qua, Thành phố đã làm tốt công tác

²⁸ Thông báo 205-TB/TW ngày 2/11/2005: Kết luận của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về Thủ đô Hà Nội.

tiêm chủng mở rộng, phòng ngừa và ngăn chặn không để dịch bệnh lớn phát sinh. 70% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 18,2% năm 2000 xuống 14,1% (2005).

Trong thời kỳ đổi mới, công tác dân số kế hoạch hoá gia đình có sự chuyển hướng khá quan trọng trong nội dung và cách thức tổ chức; từ chỗ chú trọng đến các biện pháp mang nặng tính hành chính, chủ quan, công tác kế hoạch hoá gia đình đã có bước chuyển mạnh sang vận động, tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp dân cư. Chất lượng dân số được cải thiện; tỷ lệ nạo hút thai đã giảm nhiều.

Năm là, Đảng bộ và hệ thống chính trị có bước trưởng thành; bộ máy quản lý và cán bộ các cấp tích lũy được nhiều kinh nghiệm quản lý, điều hành; tư duy và phong cách làm việc, phương pháp công tác được đổi mới.

Trong 20 năm qua, Thành uỷ Hà Nội không ngừng đổi mới trong nhận thức và chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị của Thành phố. Do đó, bộ máy tổ chức chính quyền từ Thành phố đến cơ sở từng bước được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn; cải cách hành chính được đẩy mạnh, đem lại hiệu quả thiết thực.

Hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội quần chúng của Thành phố có bước tiến bộ rõ nét; từng bước khơi dậy và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ chung của Thành phố, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất. Tác phong và phương pháp công tác có nhiều đổi mới. Đặc biệt, phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Thành phố và các cấp, các ngành có bước chuyển biến rõ rệt.

Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) đã đánh giá cao những nỗ lực của Đảng bộ Hà Nội: “công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được đẩy mạnh, đạt được kết quả đáng mừng, nhất là năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước; nội bộ cấp uỷ, trước hết trong Ban Thường vụ Thành uỷ đoàn kết, thống nhất”,²⁹.

Nguyên nhân chủ yếu đưa tới những thành tựu nêu trên là Đảng bộ Thành phố đã kiên trì và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện thực tiễn của Thủ đô. Trong từng giai đoạn thực hiện đổi mới, Đảng bộ Thành phố đều tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, từ đó phát huy được

²⁹ Thông báo 205-TB/TW ngày 2/11/2005: Kết luận của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về Thủ đô Hà Nội.

những cách làm hay, đường lối đúng, kịp thời điều chỉnh những định hướng, bước đi, cách làm chưa hợp lý.

Lãnh đạo Thành phố luôn chú trọng xây dựng khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ, trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân; phát huy mọi nguồn lực thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chương trình, kế hoạch đề ra.

Thành phố luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo sát sao; được sự phối hợp, giúp đỡ hiệu quả của các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương trong cả nước.

B. Những hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những thành tựu nổi bật nêu trên, trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, trên các mặt của đời sống, Thành phố vẫn còn những hạn chế, yếu kém:

Một là, kinh tế phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng. Nhiều nguồn lực và lợi thế Thủ đô chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả. Sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô còn hạn chế, chưa chuẩn bị tốt cho việc hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong những năm qua, kinh tế Thủ đô tăng trưởng nhanh, liên tục phát triển nhưng chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng. Điều đó thể hiện ở hiệu quả kinh tế thấp. Khu vực kinh tế nhà nước vẫn còn một bộ phận doanh nghiệp có giá thành sản phẩm cao do phần lớn nguyên vật liệu nhập ngoại hoặc có cơ cấu sản phẩm không phù hợp với thị trường, nên sản phẩm làm ra khó tiêu thụ. Ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, số lượng doanh nghiệp thành lập trong những năm vừa qua tuy lớn, song chủ yếu có quy mô nhỏ, thiết bị và công nghệ lạc hậu, nhiều đơn vị làm ăn thua lỗ, phải giải thể hoặc sản xuất cầm chừng. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, 2/3 số doanh nghiệp có quy mô nhỏ, hoạt động thất thường, không có hiệu quả.

Đến nay, vẫn còn 8,5% DNNN, 40% doanh nghiệp ngoài quốc doanh và 55% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài báo cáo tình trạng thua lỗ; nhiều DNNN tuy có lãi, nhưng chưa tương xứng với quy mô đầu tư, và đất đai được giao. 1/4 doanh nghiệp ngoài quốc doanh mới thành lập đã phải giải thể; hơn 1/3 số dự án có vốn đầu tư nước ngoài chưa triển khai hoạt động do có những vướng mắc trong quá trình triển khai. Chủ trương đúng đắn của Nhà nước về cổ phần hoá các DNNN ở Hà Nội tiến hành chậm so với yêu cầu. Đất đai, một nguồn tài nguyên quý giá của Hà Nội, bị sử dụng lãng phí.

Trong 3 năm trở lại đây, sức cạnh tranh kém là nguyên nhân chủ yếu làm cho kim ngạch xuất khẩu tăng thấp so với dự kiến. Nhiều mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn như may mặc, giày dép chủ yếu là gia công cho nước ngoài, chưa có thương hiệu riêng nên tính rủi ro cao, thiếu ổn định. Tỷ trọng hàng nông sản sơ chế trong kim ngạch xuất khẩu lớn, chịu nhiều ảnh hưởng do giá cả biến động thất thường. Đa phần các doanh nghiệp có quy mô xuất khẩu nhỏ bé, khâu tổ

chức thăm dò thị trường nước ngoài chưa hiệu quả nên cơ cấu hàng hoá chưa theo kịp với nhu cầu thị trường, tính cạnh tranh chưa cao.

Việc huy động các nguồn lực để phát triển, trong đó có cả nguồn vốn con người chưa tương xứng với tiềm năng của Thủ đô. Hiệu quả đầu tư thấp. Nếu xét cả thời kỳ 20 năm qua, thì vốn đầu tư liên tục tăng nhanh, nhưng tốc độ tăng giảm dần. Những năm đây, đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có tốc độ giảm dần rất rõ do sự cạnh tranh khá gay gắt của các địa bàn lân cận như Vĩnh Phúc, Hải Dương và Hưng Yên, Hà Tây. Nguyên nhân là ở các tỉnh này giá thuê đất, chi phí nhân công rẻ, nguồn lao động dồi dào, hấp dẫn đối với nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn chưa hoàn toàn phục hồi. Việc chuẩn bị quỹ đất và hạ tầng phục vụ nhu cầu đầu tư còn chậm, ảnh hưởng đến tốc độ thực hiện vốn. Tổng diện tích của các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn mới đạt khoảng trên 400 ha, quá ít so với nhu cầu thuê đất của các doanh nghiệp; trong đó một số khu công nghiệp tập trung, khu và cụm công nghiệp nhỏ vẫn đang ở giai đoạn lập dự án. Tiến độ xây dựng hạ tầng và quỹ đất cho thuê không đáp ứng được nhu cầu mặt bằng của các doanh nghiệp trong nước.

Hai là, Sự nghiệp phát triển văn hoá - xã hội Thủ đô chưa tương xứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế, chưa xứng tầm với vai trò, vị thế của Thủ đô. Trên lĩnh vực văn hóa, đời sống tinh thần của Thủ đô có một số mặt xuống cấp; nhiều tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn hiệu quả.

Công tác quản lý các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá, y tế, giáo dục còn yếu kém. Công tác xã hội hoá các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá đã đem lại những kết quả khả quan, song đối với một bộ phận không nhỏ dân cư có thu nhập thấp, đây là cản trở lớn, nếu không có sự trợ giúp từ chính quyền và từ cộng đồng. Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình đã quá chú trọng tới việc giảm tỷ suất sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3, nhưng chưa quan tâm đúng mức đến cải thiện chất lượng dân số. Kết quả giải quyết việc làm còn hạn chế; tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao nhất trong cả nước.

Bên cạnh đó, mặt trái của cơ chế thị trường cũng tác động không nhỏ đến mọi mặt của đời sống xã hội, làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc, như: mại dâm, ma tuý, tội phạm hình sự, sự xâm nhập và lây lan lối sống không lành mạnh và văn hoá phẩm độc hại,... Mặc dù các cấp chính quyền, các ngành Thành phố đã phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội, số vụ phạm pháp vẫn có xu hướng gia tăng.

Ba là, công tác quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch còn nhiều bất cập. Hạ tầng đô thị tuy được tăng cường, nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; mạng lưới giao thông, cấp thoát nước chưa đồng bộ; thiếu nhà ở (đặc biệt là nhà ở cho người làm công ăn lương), trường dạy nghề, bệnh viện, khu vui chơi giải trí...

Nhìn lại 20 năm đổi mới, đến nay công tác quy hoạch và quản lý đô thị của Hà Nội vẫn còn nhiều mặt hạn chế: quy hoạch manh mún, thiếu tính tổng thể, chưa ổn định; hạ tầng cơ sở ở Thủ đô chưa theo kịp yêu cầu phát triển và tốc độ tăng dân cư, đô thị hoá; quản lý thị trường bất động sản, nhất là đất đai còn yếu; quản lý xây dựng, trật tự giao thông chuyển biến chậm; công tác giải phóng mặt bằng vẫn khó khăn. Chất lượng một số dịch vụ đô thị như cấp nước, thoát nước, chiếu sáng và vệ sinh môi trường... còn hạn chế. Công tác xã hội hoá các dịch vụ đô thị triển khai chậm và chưa đồng đều trong các lĩnh vực, hiệu quả chưa cao. Phối hợp với các địa phương trong việc quản lý dân cư, hạn chế người nhập cư vào Thành phố còn lúng túng.

Bốn là, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị chưa theo kịp sự đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ còn hạn chế; những biểu hiện suy thoái trong Đảng, trong xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Công tác xây dựng Đảng chưa tạo được chuyển biến căn bản. Nhìn chung, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ; khả năng quản lý, điều hành của chính quyền có mặt còn thiếu quyết liệt, chưa theo kịp yêu cầu của sự phát triển, chưa tương xứng với vị thế đầu não của Thủ đô³⁰.

Không ít nơi, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên chưa ngang tầm nhiệm vụ, vai trò lãnh đạo còn mờ nhạt, tự phê bình và phê bình yếu, kỷ cương kỷ luật chưa nghiêm, chưa phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt. Một bộ phận đảng viên có biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác, chưa tiên phong gương mẫu, thiếu tu dưỡng rèn luyện, trong đó một số đảng viên suy thoái phẩm chất đạo đức, tham ô, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Một số khâu công tác cán bộ còn yếu, việc tuyển chọn, sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ gặp nhiều khó khăn.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên một phần bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan: tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; giá một số mặt hàng chủ yếu trên thế giới tăng đột biến; thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh phát sinh là những yếu tố tác động không thuận lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội những năm qua của Thủ đô.

Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện Nghị quyết 08-NQ-TW, Nghị quyết 15-NQ/TW, các kết luận của Bộ Chính trị, Pháp lệnh Thủ đô của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các nghị định, kết luận của Chính phủ về

³⁰ Thông báo 205-TB/TW ngày 2/11/2005: Kết luận của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về Thủ đô Hà Nội.

Thủ đô làm chậm, thiếu đồng bộ. Việc chỉ đạo thực hiện quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Việc ban hành các văn bản pháp quy, nhất là văn bản hướng dẫn chậm, thiếu đồng bộ (Luật Xây dựng, Luật Đất đai...). Việc phân cấp trách nhiệm giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với Hà Nội trong xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng còn nhiều vấn đề chưa rõ, nhất là đối với các công trình trọng điểm (đường vành đai, đường cao tốc, cầu bắc qua sông Hồng), làm chậm tiến độ và kéo dài thời gian thực hiện các công trình.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những khuyết điểm, thiếu sót thuộc về sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của Đảng bộ, chính quyền Thành phố.

Sự chỉ đạo thực hiện một số chương trình, kế hoạch, đề án của Thành phố chưa quyết liệt; công tác đôn đốc, kiểm tra chưa sát sao, thiếu chế tài xử lý vi phạm. Thiếu giải pháp đồng bộ trong thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như: chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, quản lý trật tự đô thị, chống tệ nạn xã hội, xác định ngành hàng chủ lực...

Sự phối hợp, điều hành công tác giữa các cấp, các ngành Thành phố trên một số lĩnh vực chưa chặt chẽ, đồng bộ, phân cấp trách nhiệm chưa rõ, thiếu qui chế, qui trình phối hợp...

Công tác cải cách hành chính chưa trở thành khâu đột phá, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa thực sự đóng vai trò then chốt.

C. Những bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới ở Thủ đô có thể rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

Một là, quán triệt sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ, vai trò, vị thế Thủ đô; chủ động vận dụng sáng tạo các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn Thành phố; đánh giá đúng tiềm năng, những lợi thế có thể khai thác, những khó khăn sẽ phải đối phó để có chủ trương đúng và kịp thời. Quyết tâm đổi mới tư duy, luôn năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo gắn với đổi mới phong cách làm việc. Quyết tâm đảm bảo sự ổn định chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Ở bất cứ giai đoạn nào, Thủ đô cũng có trách nhiệm lớn đối với cả nước, và do vậy mọi nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội không thuần túy chỉ mang ý nghĩa riêng đối với Hà Nội mà còn có ý nghĩa đối với cả nước, bởi Hà Nội là trung tâm, đầu não của cả nước. Đó là vinh dự, đồng thời cũng là trách nhiệm mà Đảng bộ Hà Nội phải gánh vác. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Thủ đô, Đảng bộ Hà Nội phải nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trước toàn Đảng, trước đồng bào cả nước. Một mặt, Đảng bộ phải vững vàng, kiên định, phải quán triệt sâu sắc những quan điểm cơ bản trong đường lối của Trung ương, bởi đó là sự tập trung trí tuệ cao nhất của toàn Đảng, phản ánh những quy luật phát triển chung nhất của cách mạng cả nước. Mặt khác, phải

luôn luôn xuất phát từ thực tế, từ yêu cầu, nhiệm vụ của Hà Nội, năng động, chủ động, táo bạo đề ra các quyết sách chính xác để phát triển, tránh các khuynh hướng đơn giản, giáo điều hoặc chủ quan, duy ý chí. Trên cơ sở đó, chỉ đạo thực hiện một cách thiết thực và đóng góp vào việc hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng.

Thực tế những năm đổi mới cho thấy, ở đâu và lúc nào có sự chủ động, năng động, sáng tạo (chủ động, năng động, sáng tạo ngay từ trong tư duy, trong cách nghĩ, tìm tòi cái mới, đề ra được chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tiễn) gắn với đổi mới phong cách làm việc thì ở đó và lúc đó thành công. Ngược lại, nếu rụt rè, thụ động, ỷ lại thì không thể có sự phát triển. Ở mỗi bước ngoặt của cách mạng, khi chuyển sang một nhiệm vụ lịch sử mới, phải biết chuẩn bị trước về nhận thức và tư tưởng để chủ động lãnh đạo, bảo đảm hành động theo yêu cầu của thực tiễn khách quan, tránh bị động, lúng túng đối phó.

Hai là, coi trọng việc cụ thể hoá các nghị quyết, chủ trương thành những chương trình, kế hoạch, đề án hành động gắn với xây dựng các cơ chế, chính sách của Thành phố để thực hiện. Chọn đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng thời kỳ để tập trung chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả. Làm tốt công tác phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn làm nền tảng để nâng cao vị thế và năng lực của Thủ đô. Bố trí đúng người, đúng việc; phân công cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ quyền hạn và trách nhiệm, phát huy tính chủ động, sáng tạo, sự phối hợp đồng bộ, giải quyết dứt điểm từng việc. Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, khen, chê kịp thời, xác định rõ những mặt còn yếu kém để có biện pháp kiên quyết khắc phục.

Thực tiễn cho thấy, nhiều khi có chủ trương, nghị quyết đúng, nhưng do chỉ đạo tổ chức triển khai không tốt, nghị quyết không vào được cuộc sống, không biến thành hiện thực bởi tổ chức thực hiện là công việc khó, và vì vậy rất dễ bị buông trôi, làm lướt. Rút kinh nghiệm từ thực tế đó, Thành uỷ Hà Nội đặc biệt quan tâm cải tiến khâu công tác này, không chỉ dừng lại ở việc ra nghị quyết, mà đặc biệt quan trọng là phải cụ thể hoá nghị quyết, từng thời gian phải xác định những nhiệm vụ trọng tâm, những khâu then chốt cần tập trung chỉ đạo. Ví dụ: để thực hiện Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị (khoá VIII) cũng như Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố, Thành uỷ đã quán triệt đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, xây dựng chương trình công tác toàn khoá và được cụ thể hoá bằng 10 chương trình công tác lớn và 9 cụm công trình trọng điểm. Trong mỗi chương trình cũng chỉ tập trung vào một số vấn đề quan trọng, bức xúc nhất, những việc mới, khó, phức tạp; không ham đề ra quá nhiều, không đủ sức thực hiện.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Thành phố bằng các chương trình công tác là một trong những cách làm sáng tạo của Hà Nội. Thành uỷ khoá XI có 8 chương trình; Thành uỷ khoá XII có 12 chương trình và Thành uỷ khoá XIII có 10 chương trình. Chương trình, đề án công tác

của Thành uỷ là cầu nối giữa các chủ trương, định hướng với tổ chức thực hiện, ở đó thể hiện tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ; đồng thời đặt cơ sở để chính quyền cụ thể hoá trong quản lý, điều hành và giúp Mặt trận, các đoàn thể có căn cứ để xây dựng kế hoạch hoạt động. Các chương trình, đề án công tác của Thành uỷ cũng tạo hành lang hợp lý để các sở, ban, ngành, quận, huyện xác định hướng đi, cách làm trong sự phối, kết hợp cần thiết.

Ở cùng một thời điểm, Thành phố có rất nhiều việc phải làm, cần làm. Điều quan trọng là phải xác định đúng việc nào cần kíp trước mắt, việc nào chuẩn bị cho lâu dài, việc nào cần làm trước, việc nào có thể làm sau, tránh ôm đồm, dàn trải. Giữa trăm ngàn công việc, Thành phố phải nhận thức sâu sắc và đầu tư thích đáng cho sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, vì đó là thế mạnh đặc biệt của Thủ đô, là nền tảng đi vào kinh tế tri thức.

Lãnh đạo suy cho cùng là nghệ thuật dùng người, mấu chốt là bố trí, phân công nhiệm vụ đúng với năng lực, sở trường của cán bộ, giao việc gắn với giao quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, thưởng phạt nghiêm minh. Thực tiễn 20 năm đổi mới đã chứng minh rất sinh động: bố trí cán bộ đúng thì thành công, sắp xếp cán bộ sai thì thất bại.

Ba là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, chủ động khai thác các nguồn lực tổng hợp trên địa bàn, đặc biệt là tiềm năng trong dân, gắn kết sức mạnh của Thủ đô với sức mạnh của Trung ương, sức mạnh hợp tác với các địa phương trong cả nước và hợp tác quốc tế. Nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước, phong trào cách mạng của các đoàn thể quần chúng gắn với bồi đắp, phát huy nội lực của các tầng lớp nhân dân; mở rộng quan hệ phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương; quan hệ hợp tác phát triển với các địa phương bạn, với các thủ đô, thành phố, các tổ chức kinh tế, xã hội, văn hoá quốc tế theo tinh thần chủ động, tích cực, thiết thực, hiệu quả.

Trong những năm đổi mới, Đảng bộ Hà Nội đã nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, có chủ trương, biện pháp thích hợp để tập hợp và tổ chức nhân dân, khai thác và phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân Thủ đô. Nhân dân là người làm nên lịch sử. Nhân dân Hà Nội vốn có truyền thống văn hiến và cách mạng, có ý chí kiên cường bất khuất, chịu đựng hy sinh gian khổ, lúc hoà bình thì lao động hết mình để xây dựng cuộc sống mới, khi có chiến tranh thì chiến đấu dũng cảm, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Bởi vậy, chăm lo lợi ích của nhân dân; phát huy quyền làm chủ thật sự của nhân dân, thu hút và tập hợp nhân dân đóng góp nhân tài, vật lực, tham gia các phong trào cách mạng sâu rộng, hướng vào giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố - đó chính là yêu cầu và cũng là một bài học lớn có giá trị lâu dài của Đảng bộ Hà Nội.

Trên thực tế, những thành quả của Hà Nội trong 20 năm đổi mới luôn luôn gắn với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự giúp đỡ, phối hợp công tác của

các bộ, ban, ngành trung ương, cũng như sự giúp đỡ, đóng góp to lớn của các địa phương trong cả nước. Thành quả của Hà Nội cũng không tách rời sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới; sự hợp tác, giúp đỡ nhiều mặt của bạn bè quốc tế. Hà Nội có thuận lợi lớn là có các cơ quan trung ương, nhiều viện nghiên cứu, nhiều cơ quan khoa học, nhiều trường đại học; các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài đóng ở đây. Vì vậy, phải biết phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp trên địa bàn, tạo ra sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các lĩnh vực hoạt động; giữa các ngành, các cấp từ trung ương đến Thành phố; giữa Hà Nội và các địa phương trong cả nước; giữa tiềm năng của Thủ đô và hợp tác quốc tế. Trong quan hệ phối hợp, liên kết, hợp tác phát triển phải luôn xuất phát từ nhu cầu thực tiễn phát triển Thủ đô, tránh hình thức, phải lấy hiệu quả thiết thực làm thước đo chất lượng các mối quan hệ.

Bốn là, làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và củng cố hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng từ Thành phố đến cơ sở, tinh tiên phong, gương mẫu của đảng viên; phát huy dân chủ đi liền với thực hiện kỷ luật, kỷ cương. Các thành viên của hệ thống chính trị thành phố và từng cán bộ, đảng viên phải gần dân, tin dân, quan tâm đến lợi ích và nguyện vọng của dân, không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực, trình độ để đáp ứng yêu cầu cao của nhiệm vụ. Đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội, tệ lãng phí, quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, thiếu trách nhiệm trong công tác.

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục truyền thống văn hiến Thăng Long - Hà Nội, tinh thần cách mạng, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, sự đồng thuận trong xã hội.

Từ nguyên lý đến thực tiễn cuộc sống đều khẳng định một sự thật: năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. 20 năm qua, những thành quả đạt được và những khuyết điểm, yếu kém của Thành phố đều gắn với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng bộ Hà Nội. Chính vì vậy, chăm lo xây dựng Đảng bộ thực sự trong sạch, vững mạnh, giàu trí tuệ, bản lĩnh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ là bài học sâu sắc nhất. Công tác xây dựng Đảng phải được tiến hành thường xuyên, đồng bộ từ Thành phố đến cơ sở, đặc biệt từ chi bộ.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của từng tổ chức Đảng và được khởi nguồn trực tiếp từ phẩm chất, năng lực của từng cán bộ đảng, từng đảng viên. Công cuộc xây dựng, bảo vệ Thủ đô nhiều khó khăn, phức tạp đang đặt trước đội ngũ cán bộ, đảng viên Hà Nội những nhiệm vụ rất nặng nề; nhân dân Thủ đô vừa tin tưởng, vừa đòi hỏi rất cao tính tiên phong gương mẫu, phẩm chất chính trị, năng lực làm việc, tinh thần trách nhiệm và đạo đức, lối sống của cán bộ đảng viên. Đó vừa là một vinh dự, vừa

là một thử thách nghiêm ngặt, đòi hỏi cán bộ, đảng viên Hà Nội phải tự vượt lên, không ngừng phấn đấu, rèn luyện về mọi mặt.

Sức mạnh của Đảng bộ được nhân lên từ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước và lý tưởng cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương ngời sáng. Yêu thủ đô, gắn bó, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng Thủ đô; sống, lao động, học tập, làm việc theo gương Bác Hồ vĩ đại phải trở thành tình cảm tự nhiên, thành hành động tự giác, hàng ngày của cán bộ, đảng viên Hà Nội, thành mối quan tâm tuyên truyền, giáo dục thường xuyên của các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

CHƯƠNG 2: TÂM NHÌN 2020, MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010

I. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ 21

A. TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ TỚI TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM NÓI CHUNG, HÀ NỘI NÓI RIÊNG ĐẾN NĂM 2010

Việt Nam đang trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, do vậy chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và thường xuyên trước các thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực. Các tác động của bối cảnh quốc tế đến phát triển kinh tế của Việt Nam sẽ tác động trực tiếp và sâu sắc tới Hà Nội - với tư cách là Thủ đô của cả nước.

1. Các tác động tích cực

Chiều hướng cải cách và điều chỉnh đường lối, chính sách mạnh mẽ của các nước trên thế giới đã và đang tạo một áp lực ngày càng lớn đối với công cuộc đổi mới kinh tế của cả nước cũng như của Thủ đô Hà Nội. Đây có thể coi là tác động tích cực hàng đầu của bối cảnh quốc tế hiện nay. Hơn lúc nào hết, Hà Nội đang đứng trước một sự lựa chọn quyết định giữa tích cực cải cách và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hoặc là sẽ sa vào nguy cơ tụt hậu kinh tế. Mặt khác, bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay cũng khẳng định tầm quan trọng của cường thịnh kinh tế đối với việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Các nền kinh tế đang phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ thời gian qua đã đạt được những thành công đáng khích lệ nhờ cải cách và hội nhập cũng sẽ hỗ trợ cho quyết tâm cải cách và hội nhập của cả nước và của Thủ đô, đồng thời cung cấp những kinh nghiệm rất đáng tham khảo.

Bối cảnh quốc tế và khu vực không chỉ tạo sức ép, mà còn đồng thời đưa lại cơ hội thuận lợi cho Hà Nội phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Mặc dù trên thế giới và trong khu vực sẽ còn có những cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ, nhưng hoà bình và phát triển vẫn là xu thế cơ bản. Quan hệ quốc tế có chiều hướng được cơ cấu lại theo hướng dân chủ hơn, với sự hình thành các khu vực lớn hợp tác và cạnh tranh với nhau, cho phép Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng, thông qua các định chế đa phương và khu vực để tạo thế và lực, có nhiều sự lựa chọn đối tác, phát huy ý thức độc lập tự chủ, vận dụng linh hoạt bài toán "cân bằng lợi ích", tránh được tình trạng lệ thuộc vào sức ép của từng nước lớn riêng biệt.

Cùng với việc thực hiện các cam kết mạnh mẽ về tự do hoá thương mại, thông qua hội nhập, Hà Nội có điều kiện thực hiện tiến trình công nghiệp hoá,

hiện đại hoá rút ngắn. Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội cho chúng ta tiếp cận các nguồn vốn, công nghệ hiện đại, tiếp cận các thị trường quốc tế, lựa chọn mô hình phát triển phù hợp nhằm phát huy tốt nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài.

Hội nhập kinh tế quốc tế còn giúp Hà Nội có thêm cơ hội thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế, cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật... Các quá trình hình thành và hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường có điều kiện được đẩy mạnh vì bối cảnh quốc tế và khu vực thường xuyên thay đổi... Do đó, môi trường pháp lý, các nguyên tắc thị trường... được điều chỉnh theo các tiêu chí quốc tế.

2. Các thách thức mới

Môi trường quốc tế đã và đang có nguy cơ bất ổn bởi sự xuất hiện của các biến cố mới, khó lường. Đó là:

Sự "lây lan" chủ nghĩa khủng bố trên quy mô lớn và cuộc chiến chống khủng bố vẫn tiếp tục diễn ra phức tạp sau sự kiện 11/9 và đặc biệt gần đây sau cuộc chiến tranh Iraq.

Những mất cân bằng ngân sách Liên bang và thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế của Mỹ hiện đang ở mức cao, chính sách đồng đô-la yếu của Mỹ từ năm 2003... đang làm cho dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế toàn cầu kém vững chắc.

Nguy cơ tái bùng nổ của các căn bệnh toàn cầu, như bệnh SARS, dịch cúm gia cầm...

Tất cả những sự kiện này đang làm giảm sút niềm tin của các nhà đầu tư và người tiêu dùng, và theo đó, nền kinh tế thế giới tuy đã bắt đầu phục hồi song sẽ chưa vững chắc trong những năm tiếp theo. Trong tình hình đó, một nền kinh tế hướng về xuất khẩu và dựa một phần đáng kể vào FDI sẽ chắc chắn gặp khó khăn trong vấn đề tìm kiếm, mở rộng thị trường và khai thác các nguồn lực quốc tế. Có thể nói, nếu môi trường quốc tế tiếp tục bất ổn, đất nước và thủ đô khó có thể tăng trưởng nhanh, bền vững để đáp ứng yêu cầu phát triển rút ngắn như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố đã đề ra.

Các xu hướng liên kết kinh tế trên nhiều tuyến, nhiều cấp độ trên thế giới và đặc biệt trong khu vực đang tạo ra nhiều thách thức cho tiến trình hội nhập chung của ASEAN. Các hiệp định tự do thương mại song phương đang được coi là bước đi quan trọng của hầu hết các nước ngoài khu vực với các nước ASEAN, hoặc giữa các nước ASEAN với nhau. Vấn đề đặt ra là trong những trường hợp đó, nếu Việt Nam chỉ chú trọng vào các hội nhập đa phương (vốn là bước đi khôn ngoan của các nước đang phát triển để tránh bị các nước phát triển chèn ép) thì liệu có mất đi lợi thế và bị đứng ngoài các tính toán song phương đã trở nên hết sức phổ biến hay không? Do những động thái này, sức ép cạnh tranh đang dồn đẩy lên vai các nước nghèo trong ASEAN. Hà Nội sẽ gặp khó khăn

trong cạnh tranh xuất khẩu. Hơn nữa, với việc gia nhập WTO và ký kết CAFTA, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hướng mạnh vào Trung Quốc và theo đó, dòng FDI vào Hà Nội không mạnh như trước (mặc dù đã và đang cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư) và điều này sẽ gây khó khăn cho sự tăng trưởng và ổn định của Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng.

Hệ thống kinh tế thế giới, như đã nêu ở trên, vẫn là một hệ thống có một số mặt chưa công bằng. Trong tiến trình dỡ bỏ các rào cản thuế quan, phi thuế quan, áp dụng quy chế đối xử quốc gia,... các nước phát triển sẽ tiến tới phải gỡ bỏ mọi ưu đãi dành cho các nước đang phát triển như hạn ngạch, hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) và các ưu đãi khác. Đối với các nền kinh tế có khả năng cạnh tranh, việc dỡ bỏ này là hết sức quan trọng và cần thiết cho sự phát triển của họ. Song với các nước kém phát triển thì tình hình lại khác. Lâu nay, để xuất khẩu sang thị trường các nước phát triển, họ phải dựa chủ yếu vào các ưu đãi đó và việc phải đối mặt với sự dỡ bỏ này trong thời gian tương đối ngắn sẽ là một thách thức vô cùng lớn cho hoạt động xuất khẩu nói riêng và cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung. Đây là một tác động mà Thành phố buộc phải sẵn sàng chuẩn bị sớm để tránh những cú sốc không đáng có trong nền kinh tế.

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế vừa tạo vận hội phát triển, vừa là tác nhân dẫn đến sự đổ vỡ, bất ổn từ các khía cạnh xã hội, nhất là các cú sốc bên ngoài, rất dễ xảy ra trong hệ thống kinh tế thế giới hiện nay, sẽ tác động mạnh đến các nhóm xã hội, đặc biệt là khu vực nông nghiệp và nông thôn, các vùng sâu, vùng xa. Điều đó cũng có nghĩa là, việc thiết định các chính sách xã hội, chính sách quản lý sự phát triển ở các địa phương luôn phải tính đến các thay đổi thường xuyên của bối cảnh quốc tế và khu vực.

Việt Nam có lợi thế là tăng trưởng và phát triển trong môi trường chính trị - xã hội ổn định. Tuy vậy, những bất ổn của khu vực với những động thái về vấn đề hạt nhân, về tôn giáo, sắc tộc... ở một số nước, sẽ có tác động nhất định đến sự phát triển kinh tế ở Hà Nội, với tư cách là Thủ đô của một nước là thành viên ASEAN và là một quốc gia khu vực Đông Nam Á (gần 70% đầu tư vào Hà Nội là đến từ các nước trong khu vực Đông và Đông Nam Á, do vậy các tác động nói trên cần được đặc biệt chú ý).

B. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KT - XH CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG KINH TẾ TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. Kinh tế - xã hội cả nước và hầu hết các địa phương sẽ tiếp tục phát triển nhanh đòi hỏi Hà Nội có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn, thể hiện rõ vai trò động lực, đi đầu trong nhiều lĩnh vực

Từ nay đến năm 2010, kinh tế - xã hội cả nước và các địa phương sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh với tốc độ trên 8%. Cụ thể:

Đối với cả nước, dự báo tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của cả nước đạt trên 8% cho giai đoạn 2001-2010, trong đó công nghiệp và xây dựng tăng bình quân khoảng 10%, nông nghiệp 3,5-4%, dịch vụ 8-9%. Tích lũy

nội bộ nền kinh tế đạt 30% GDP năm 2010 và 35% năm 2020. Xuất khẩu tăng trung bình trên 14%/năm;

Đối với vùng ĐBSH, dự báo mức tăng tổng sản phẩm (GDP) của vùng khoảng 10-11%/năm thời kỳ 2003-2010. Trong đó công nghiệp tăng khoảng 13-14%; dịch vụ 11%, nông nghiệp khoảng 4-4,5%;

Đối với vùng KTTĐ Bắc Bộ, dự báo tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của thời kỳ 2006-2010 là 10,25% bằng khoảng 1,3 lần mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước.

Các vùng khác cũng đều có tốc độ tăng trưởng trên 7,5%, trong đó vùng KTTĐ Miền Nam có tốc độ tăng là 9,25%, vùng KTTĐ Miền trung là 9,5%.

Để thực hiện chức năng đầu tàu lôi kéo sự phát triển của cả nước và các địa phương, Thủ đô Hà Nội với các tiềm năng và lợi thế riêng có của mình phải được phát triển nhanh hơn, chất lượng hơn mức trung bình của cả nước và phải là một trong số ít các địa phương có tốc độ phát triển nhanh nhất cả nước trên hầu hết mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội (đặc biệt là trong các ngành công nghiệp và dịch vụ). Theo tính toán, để thực hiện các mục tiêu chiến lược của đất nước, để thúc đẩy các địa phương khác phát triển, Hà Nội phải đạt được một số mục tiêu cơ bản như sau:

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của Hà Nội phải đạt 11-12% cho giai đoạn 2006-2010, tương đương với thành phố Hồ Chí Minh và gấp từ 1,46-1,73 lần tốc độ tăng trưởng trung bình của cả nước. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp nhanh hơn khoảng 1,7- 1,9 lần, của dịch vụ khoảng 1,6-1,8 lần.

Hà Nội phải là địa phương thu hút được nhiều lao động có trình độ cao nhất vào các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Hà Nội phải là địa phương có xuất khẩu công nghiệp và dịch vụ nhiều hơn, và nhanh hơn so với cả nước.

Như vậy, các tư tưởng, mục tiêu của chiến lược phát triển của cả nước, của vùng ĐBSH và vùng KTTĐ phía Bắc phải được thể hiện trong chiến lược phát triển Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp, dịch vụ với mức độ cao hơn, chất lượng lớn hơn, tốc độ nhanh hơn.

2. Chủ trương tiếp tục chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng các ngành trong cơ cấu kinh tế của cả nước và của các tỉnh vùng ĐBSH sẽ tác động toàn diện, sâu sắc đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hà Nội

Dự báo đến năm 2010 và 2020:

Cơ cấu kinh tế của cả nước sẽ tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng của dịch vụ và công nghiệp. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm xuống còn 14% năm 2010 và 9% năm 2020; tỷ trọng công nghiệp tăng tương ứng lên 42% và 45%; dịch vụ tăng lên 44% và 46%.

Cơ cấu kinh tế của các vùng cũng chuyển dịch theo hướng tăng dần các ngành, các sản phẩm chủ lực đóng góp nhiều vào GDP quốc gia. Riêng Vùng ĐBSH và vùng KTTĐ phía Bắc, 2 vùng có liên quan nhiều nhất đến Hà Nội, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2010 như sau:

Vùng ĐBSH, năm 2010 các ngành phi nông nghiệp của vùng ĐBSH chiếm khoảng 90% trong tổng GDP, các sản phẩm chủ lực đóng góp 60-65% GDP, độ mở của nền kinh tế đạt trên 90%. Cơ cấu kinh tế của vùng năm 2010 là cơ cấu hiện đại với các ngành mũi nhọn có khả năng đột phá, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, quốc tế;

Vùng KTTĐ phía Bắc, đến năm 2010 ngành công nghiệp và dịch vụ sẽ tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GDP của vùng, từ khoảng 89% năm 2002 lên 94-95% năm 2010 (công nghiệp khoảng 44-45%, dịch vụ khoảng 50-51%) và 96-97% vào năm 2020 (công nghiệp khoảng 46-47%, dịch vụ 50-51%). Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp tăng từ 44% năm 2000 lên 57% năm 2005 và 65% năm 2010. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng số việc làm có năng suất cao, tiêu hao ít năng lượng hơn, sử dụng đất có hiệu quả hơn... trên cơ sở phát triển các ngành công nghệ cao và sản xuất các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

Sau đây là dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng cơ cấu trong các ngành cụ thể của cả nước và của các vùng KTTĐ phía Bắc và ĐBSH qua đó rút ra những vấn đề cần thiết cho sự phát triển của Hà Nội:

2.1. Dự báo xu thế chuyển dịch và nâng cao chất lượng cơ cấu trong công nghiệp bằng cách phát triển các ngành sản xuất chủ lực.

Đến năm 2010, cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp của cả nước và các vùng (ĐBSH và KTTĐBB) sẽ chuyển dịch theo các định hướng cơ bản sau:

Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất công nghiệp chủ lực (mũi nhọn) là chủ trương xuyên suốt trong phát triển công nghiệp Việt Nam và vùng ĐBSH, vùng KTTĐ phía Bắc.

Thực hiện chủ trương này, công nghiệp cả nước và vùng KTTĐ phía Bắc và ĐBSH sẽ ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp phần mềm, thiết bị tin học, tự động hoá (sản xuất các thiết bị tự động, rôbốt...) vật liệu từ tính cao cấp, vật liệu kỹ thuật cao (cách nhiệt, chịu mài mòn), sứ polyme cách điện, polyme dẫn điện, vật liệu mới, vật liệu composit, polyme tổng hợp...; sản xuất thép (các sản phẩm thép hợp kim, thép tấm, thép lá, thép chế tạo); công nghiệp cơ khí chế tạo đáp ứng nhu cầu chế biến nông sản thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp v.v...

Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp sử dụng lao động có trình độ cao, các sản phẩm có sức cạnh tranh để xuất khẩu. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, đảm bảo thắng lợi trong hội nhập

Thực hiện chủ trương này, công nghiệp vùng KTTĐBB và ĐBSH sẽ coi trọng phát triển các ngành dệt may, giày da, các ngành cơ khí chế tạo thiết bị và phụ tùng, như: các thiết bị cho sản xuất ô tô, xe máy, sản xuất thiết bị điện, linh kiện điện tử, sản xuất động cơ nổ, động cơ điện (nhất là động cơ điện công suất lớn).

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp công nghiệp cơ khí để về lâu dài, đủ sức trang bị cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu

Vùng ĐBSH và vùng KTTĐBB sẽ tiếp tục phát triển ngành cơ khí chế tạo (máy công cụ, máy xây dựng, động cơ, sản phẩm điện lạnh, máy bơm nước, sản phẩm cơ khí chế tạo vật liệu và thiết bị điện); cơ khí đóng và sửa chữa phương tiện vận tải (công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thuyền, tàu, toa tàu hoả hiện đại, xe ô tô chở khách chất lượng cao, sản xuất thiết bị bốc dỡ hàng hoá có sức nâng lớn), thiết bị chế biến nông, thủy sản...; thiết bị cho công nghiệp sản xuất vật liệu xi măng, cho sản xuất sản phẩm gốm sứ các loại, vật liệu nội thất và vật liệu lọc; thiết bị cho công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản; thiết bị cho công nghiệp dược phẩm, công nghiệp may mặc, dệt và da, giấy.

Phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao. Chuyển dịch dân công nghiệp lên dọc tuyến hành lang đường 18 tại những khu vực gò đồi, đất xấu để giảm sử dụng đất tốt dành cho sản xuất nông nghiệp và tránh sự tập trung công nghiệp quá mức vào các đô thị, khu dân cư ở vùng đồng bằng.

Theo tinh thần này, vùng ĐBSH và vùng KTTĐBB sẽ:

Đẩy nhanh việc xây dựng theo quy hoạch và đưa vào hoạt động khu công nghệ cao Hoà Lạc. Hình thành một số khu dành cho những cơ sở nghiên cứu cải tiến công nghệ phục vụ các cơ sở sản xuất trong các KCN, KCX.

Tập trung sức tạo mặt bằng thuận lợi thu hút đầu tư để lấp đầy các khu công nghiệp hiện có. Trước mắt, thu hút đầu tư để lấp đầy các KCN, KCX, khu công nghệ cao dọc các trục quốc lộ 1, 5, 21.

Chuẩn bị điều kiện để phát triển một số KCN hoặc điểm công nghiệp dọc trục quốc lộ 18 với các ngành chủ yếu là công nghiệp nặng; công nghiệp chế biến nông, thủy sản; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hàng tiêu dùng.

Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp nhỏ, vừa, các làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn thuộc tất cả các tỉnh trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái. Quan tâm đến phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là làng nghề truyền thống và làng có nghề phục vụ xuất khẩu.

2.2. Dự báo xu thế chuyển dịch và nâng cao chất lượng cơ cấu ngành dịch vụ

Đến năm 2010, cơ cấu nội bộ ngành dịch vụ của cả nước và các vùng (ĐBSH và KTTĐ phía Bắc) sẽ chuyển dịch theo các định hướng cơ bản sau:

Tập trung phát triển toàn diện các ngành dịch vụ chất lượng cao, đặc biệt là dịch vụ tài chính ngân hàng, thương mại, du lịch, dịch vụ công nghệ, viễn thông, vận tải hàng hải, phát triển thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường

chứng khoán; phát huy có hiệu quả các tổ chức tài chính. Hình thành những trung tâm dịch vụ tiêu biểu của quốc gia, mang ý nghĩa khu vực, quốc tế.

Đối với vùng ĐBSH và vùng KTTĐ phía Bắc: Ngành dịch vụ tài chính ngân hàng sẽ xây dựng hệ thống ngân hàng hiện đại, hình thành tập đoàn tài chính.

Dịch vụ viễn thông sẽ phát triển ở trình độ cao, hiện đại, đảm bảo dịch vụ thông tin rộng khắp và kịp thời, đảm bảo thông suốt liên lạc quốc tế.

Dịch vụ vận tải hàng hải: khuyến khích phát triển các phương tiện vận tải, nhất là đội tàu lớn. Ưu tiên đầu tư phát triển mạnh những dịch vụ hàng hải quốc tế, xuất khẩu thuyền viên.

Dịch vụ hàng không: hoàn thành việc hiện đại hoá các sân bay hiện có, tiến tới xây dựng sân bay quốc tế mới đạt trình độ quốc tế và phục vụ quy mô vận tải lớn.

Dịch vụ xây dựng: thực hiện chính sách hiện đại hoá công nghệ công nghiệp xây dựng để đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Xây dựng trung tâm khoa học công nghệ tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế, thực hiện chuyển giao công nghệ rộng khắp...

Phát triển du lịch toàn diện và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với các sản phẩm tiêu biểu là du lịch biển, núi, danh lam thắng cảnh, nghỉ dưỡng và lễ hội văn hoá truyền thống.

Để thực hiện chủ trương này, vùng ĐBSH và vùng KTTĐ phía Bắc sẽ phát triển mạnh du lịch gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, khu bảo tồn thiên nhiên. Chú trọng phát triển tuyến du lịch trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng- Hạ Long; Hà Nội - Sa Pa; Hà Nội-Sầm Sơn-Cửa Lò; Hà Nội-Tam Đảo (Vĩnh Phúc); du lịch sông Hồng: Hà Nội và các khu vực phụ cận. Đồng thời chú ý phát triển các tuyến du lịch nội vùng, liên vùng và quốc tế.

Tập trung đầu tư phát triển khu du lịch tổng hợp quốc gia và khu du lịch chuyên đề, như: Khu du lịch tổng hợp biển đảo Hạ Long – Cát Bà - Vân Đồn, khu du lịch văn hoá - lịch sử Cổ Loa, Khu du lịch văn hoá, môi trường Hương Sơn, Khu du lịch sinh thái Ba Vì, Suối Hai làm hạt nhân phát triển du lịch cho cả vùng. Gắn du lịch giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với các vùng khác. Nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá các loại hình du lịch.

2.3. Dự báo xu thế chuyển dịch và nâng cao chất lượng cơ cấu ngành nông, lâm, ngư nghiệp

Đến năm 2010, cơ cấu nội bộ ngành nông lâm ngư nghiệp của cả nước và các vùng (ĐBSH và KTTĐ phía Bắc) sẽ chuyển dịch theo các định hướng cơ bản sau:

Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất các hàng hoá chất lượng, năng suất và hiệu quả cao gắn với phát triển các làng nghề.

Đối với ĐBSH, cần đảm bảo cho người nông dân có tỷ lệ nông sản hàng hoá tương ứng 60%³¹ đảm bảo giá trị sản xuất của các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng khoảng trên 70% trong nông thôn (hiện nay khoảng 40%). Kéo theo đó, dân số nông thôn đến năm 2010 còn khoảng 50-60%. Thực hiện đổi mới phân công lao động, trong đó chỉ khoảng 30- 40% lao động làm nông nghiệp (khoảng 2,7- 3 triệu lao động), còn lại làm phi nông nghiệp, dịch vụ.

Chuyển mạnh cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển nền nông nghiệp sạch, sinh thái với công nghệ cao và công nghệ sinh học.

Đối với ĐBSH, cần hình thành các vùng sản xuất lúa, rau, chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm, hoa, cây cảnh... theo hướng phát triển có quy mô thích hợp và chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và cung cấp sản phẩm sạch cho nhân dân (nhất là cho đô thị và khu công nghiệp) trên cơ sở đa dạng các loại hình sản xuất, trang trại, hộ gia đình, phát triển mạnh kinh tế hợp tác và hợp tác xã; mở rộng liên kết giữa các thành phần kinh tế. Các cây trồng, con vật nuôi chủ lực của vùng ĐBSH tiêu biểu là lúa chất lượng cao, rau thực phẩm cao cấp; hoa, cây cảnh, cây ăn quả, giống cây, con, lợn siêu nạc, bò kiêm dụng thịt và sữa, vịt siêu trứng và vịt thịt chất lượng cao.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản, giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt; phát triển ngành nghề nông thôn để chuyển một số lao động nông nghiệp sang các ngành sản xuất phi nông nghiệp.

Đối với ĐBSH:

Phát triển lương thực: Sản lượng lương thực của vùng đến 2010 đạt 7,5-8 triệu tấn, riêng lúa khoảng 7 triệu tấn. Ổn định diện tích lúa như hiện nay (khoảng 7,5-7,6 triệu ha) thông qua việc thâm canh, sử dụng các giống lúa lai cho năng suất cao và giống lúa chất lượng cao, đưa vụ đông dần trở thành vụ chính. Đầu tư xây dựng vùng lúa chất lượng cao, đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến lúa gạo cung cấp cho các thành phố và xuất khẩu khoảng 30 vạn ha, sản lượng 2 triệu tấn. Phát triển cây ngô lai, ngô chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phát triển chăn nuôi. Diện tích ngô năm 2010 đạt 14,6 vạn ha.

Phát triển cây công nghiệp: Đối với cây chè, chỉ giữ quy mô như hiện nay; nghiên cứu xây dựng thêm nhà máy chè tinh chế để tăng giá trị của chè xuất khẩu và nội địa. Khôi phục diện tích dâu tằm đã bị mai một, đến năm 2010 dự kiến 1 vạn ha dâu tằm, sản lượng 800 tấn; sản phẩm tơ tằm chủ yếu để xuất khẩu.

Phát triển mạnh cây ăn quả, rau, hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Riêng cây ăn quả năm 2010 diện tích khoảng 7 vạn ha, trong đó nhãn, vải khoảng 3,3 vạn ha. Phát triển mạnh rau quả và nấm, đáp ứng nhu cầu

³¹ Theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới với mức GDP/người tương đương khoảng 800-1000 USD, người dân phải dành tới 60% thu nhập để chi dùng cho các khoản không phải là thực phẩm

của đô thị và xuất khẩu. Hướng vào rau quả sạch, cao cấp; các sản phẩm xuất khẩu như nhãn, vải, dứa, cà chua, tập trung ở Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Ninh Bình; phát triển nấm ở tất cả các tỉnh trồng lúa; rau cao cấp và hoa ở các huyện, xã ven đô thị lớn.

Chăn nuôi: hình thành các trang trại chăn nuôi nái, thịt gia súc, gia cầm quy mô lớn, tỷ suất hàng hoá cao, cung ứng sản phẩm cho các đô thị, khu công nghiệp trong vùng và xuất khẩu. Phát triển nhanh chăn nuôi lợn siêu nạc và lợn con xuất khẩu, mở rộng chăn nuôi bò sữa nơi có điều kiện. Xây dựng các tiểu vùng và doanh nghiệp chăn nuôi an toàn dịch. Đến năm 2010 chăn nuôi trong vùng đạt: 740 nghìn bò (có 25 nghìn bò sữa), 160 nghìn trâu, 7 triệu lợn, 100 triệu con gia cầm. Xây dựng các xí nghiệp chăn nuôi tập trung ở Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Bò sữa phát triển ở ngoại thành Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hà Nam, Hưng Yên...

Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ, đặc biệt trong các vùng bãi triều và 8 vùng bãi bồi ven biển (Hải Phòng: 3, Thái Bình: 2, Nam Định: 2, Ninh Bình: 1). Năm 2010, chuyển dịch cơ cấu ruộng trồng, đưa diện tích nuôi trồng đạt 17 vạn ha và đưa năng suất nuôi trồng thủy sản bình quân lên trên 2 tấn/ha, sản lượng đạt 38 vạn tấn. Phát triển mạnh đánh bắt hải sản xa bờ, sản lượng đến năm 2010 đạt khoảng 74 nghìn tấn. Xuất khẩu thủy sản năm 2010 đạt khoảng 200 triệu USD.

Lâm nghiệp: Hướng vào khai thác có hiệu quả vùng đồi, hình thành các khu rừng ven biển, các dải cây xanh ven các thành phố lớn, bảo tồn danh thắng và các vườn rừng quốc gia. Giữ ổn định đất lâm nghiệp đến năm 2010 khoảng 400 nghìn ha, trồng rừng 1 vạn ha, kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

Với các chủ trương chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng cơ cấu của cả nước và vùng ĐBSH, KTTĐ phía Bắc như trên, *Thủ đô Hà Nội phải là địa phương thực hiện rõ nhất, nhanh nhất sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế,* và đặc biệt phải là nơi thể hiện rõ nhất *sự nâng cao chất lượng của các ngành trong cơ cấu kinh tế.* Các chủ trương chuyển dịch và nâng cao chất lượng cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ, nông lâm ngư nghiệp như trên sẽ tác động đối với Hà Nội trên một số mặt chính sau:

Hà Nội sẽ là địa phương quan trọng nhất thực hiện phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, các ngành sử dụng lao động kỹ thuật cao và mang lại nhiều giá trị gia tăng của cả nước và của vùng KTTĐ phía Bắc.

Các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực sẽ phát triển mạnh ở Hà Nội là các ngành công nghiệp phân mềm, thiết bị tin học, tự động hoá (sản xuất các thiết bị tự động, rôbot...) vật liệu từ tính cao cấp, vật liệu kỹ thuật cao (cách nhiệt, chịu mài mòn), sứ polyme cách điện, polyme dẫn điện, vật liệu mới, vật liệu composit, polyme tổng hợp...; công nghiệp cơ khí chế tạo đáp ứng nhu cầu chế biến nông sản thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp v.v... Các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp khác quy mô vừa và nhỏ sẽ được dịch chuyển ra các tỉnh lân cận.

Hà Nội sẽ hình thành các trung tâm công nghiệp phần mềm - tin học, các khu công nghiệp chất lượng cao, các trung tâm dịch vụ tổng hợp nhằm tạo ra bộ mặt mới cho công nghiệp và dịch vụ của cả nước, vùng.

Tiếp tục thúc đẩy vai trò trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của Thủ đô Hà Nội để đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại và trung tâm du lịch của cả khu vực phía Bắc và cả nước.

3. Bước chuyển động đáng kể của khoa học và công nghệ của cả nước và vùng ĐBSH đặt ra những nhiệm vụ to lớn cho Hà Nội

Chủ trương phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010 là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, với những định hướng quan trọng như sau:

Sắp xếp lại và phát triển có hiệu quả hệ thống các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ (KH-CN) đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đối với các hướng khoa học công nghệ ưu tiên: điện tử - tin học, sinh học, nguyên vật liệu.

Thực hiện chủ trương này cần:

Hình thành cho được những trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu khoa học đầu ngành có ý nghĩa khu vực và quốc tế; gắn chặt nghiên cứu với đào tạo, sản xuất kinh doanh và mang ý nghĩa trọng điểm của cả nước;

Hình thành được một mạng lưới thông tin KH-CN hiện đại ở một số ngành quan trọng đủ sức đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức nghiên cứu - triển khai, các trường đại học, các doanh nghiệp và các cơ quan hoạch định chính sách;

Hình thành một mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ khuyến công, nông, lâm, ngư để chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ và khu vực nông nghiệp - nông thôn trong và ngoài vùng.

Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mạnh; đủ sức nghiên cứu, sáng chế công nghệ và tiếp thu sáng tạo công nghệ tiến tiến của nước ngoài đáp ứng nhu cầu của quá trình phát triển. Phấn đấu vào năm 2010 đạt chỉ tiêu có 20-25 cán bộ/1000 dân đối với cả nước và 50 cán bộ/1000 dân đối với vùng ĐBSH.

Đổi mới nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới để phát triển nhanh kinh tế-xã hội của các địa phương và toàn vùng. Trước hết là đối với lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi; công nghệ chế biến thực phẩm, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa...

Chủ trương trên liên quan toàn diện, trực tiếp đến Hà Nội bởi vì hầu hết năng lực công nghệ của cả nước và của toàn miền Bắc tập trung ở Hà Nội. Thủ đô Hà Nội phải thể hiện trong kế hoạch phát triển của mình vai trò quyết định trong việc nghiên cứu - triển khai (R & D), truyền bá công nghệ cho vùng phía Bắc, đặc biệt là cho khu vực nông thôn nơi tập trung đến 75% dân số.

4. Chiến lược phát triển đô thị rải đều trên các vùng lãnh thổ có tác động giảm bớt các áp lực ngành nghề, lao động, thất nghiệp cho Hà Nội

Nhằm tạo nền tảng cho phát triển kinh tế, những năm tới Nhà nước chủ trương không thực hiện đô thị hoá theo quy mô hành chính mà phải thực thi chiến lược bố trí mạng lưới đô thị trên phạm vi cả nước một cách có hiệu quả và có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hướng phát triển hệ thống đô thị là:

Hiện đại hoá các đô thị lớn và các hành lang kinh tế lớn dọc theo các tuyến quốc lộ. Liên quan nhiều đến Hà Nội là các đô thị dọc các quốc lộ 5,18, 21...;

Hình thành các điểm đô thị kiểu thị trấn, thị tứ làm hạt nhân chuyển một bộ phận đáng kể nông dân thành thị dân và góp phần hiện đại hóa nông thôn.

Chủ trương trên có tác động đến Hà Nội trên một số mặt sau:

Quy hoạch phát triển thành phố Hà Nội tương xứng vai trò vị trí là Thủ đô của Nước CHXHCN Việt Nam. Phát triển Hà Nội với không gian mở theo hướng Bắc và Tây Bắc, Tây và Tây Nam; hướng phát triển lâu dài về phía Tây- Tây Nam, gắn kết với chuỗi đô thị tiếp giáp như Miếu Môn- Xuân Mai- Hoà Lạc- Sơn Tây, Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Hà Đông, Phú Lý... tạo thành chùm đô thị hạt nhân.

Đưa bớt công nghiệp ra xa nội thành gắn với việc hình thành các khu đô thị vệ tinh, khu đô thị mới, như: các khu Bắc Thăng Long, Nam Thăng Long, Bồ Đề (Gia Lâm), Yên Viên, Linh Đàm.... Đến năm 2010 có số dân nội thành khoảng 2,5 triệu người.

Nghiên cứu chỉnh trị sông Hồng, hoàn thành phương án và tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác hai bên sông Hồng. Tiến hành xây dựng cầu Nhật Tân, Thượng Cát, Thanh Trì và đường vành đai 4, 5.

Xây dựng một số tuyến hành lang kinh tế quan trọng dọc theo các tuyến quốc lộ 18, 21, 5, Trung Kính - Hoà Lạc trên cơ sở phát triển hợp lý các KCN và các trung tâm thương mại, du lịch.

5. Việc tiếp tục duy trì và phát triển ba vùng kinh tế trọng điểm (miền Bắc, miền Trung, miền Nam) có tác động quan trọng tới phát triển Hà Nội

Đặc điểm nổi bật của ba vùng KTTĐ là:

Ba vùng KTTĐ có tiềm năng phát triển to lớn, là đầu mối giao thương bằng cả đường biển, đường sắt và đường hàng không của cả nước; có một số khoáng sản quan trọng như trữ lượng than đá chiếm 98% cả nước, trữ lượng đá vôi 55%, sét chịu lửa 90%, sét xí măng 60%, vùng biển gần bờ của cả 3 vùng KTTĐ có dầu khí, chiếm 80% trữ lượng về dầu và 70% trữ lượng khí đốt.

Tại ba vùng KTTĐ đã hình thành hệ thống đô thị phát triển, tạo cục diện mới cho tăng trưởng và giao thương quốc tế.

Tại ba vùng trọng điểm đã hình thành công nghiệp lớn và tiêu biểu của cả nước, tập trung hầu hết đội ngũ công nhân công nghiệp có trình độ và kỹ năng cao.

Ba vùng KTTĐ là nơi tập trung hầu như toàn bộ tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước với 443 cơ sở nghiên cứu khoa học, chiếm 96% số cơ sở khoa học cả nước; khoảng 256 cơ sở đào tạo, trong đó có 103 trường đại học chiếm 58% số trường đại học của cả nước; 78 trường dạy nghề chiếm 43% tổng số trường dạy nghề cả nước...

Với những lợi thế nổi trội như trên, trong những năm qua ba vùng KTTĐ đã đạt được một số thành tựu quan trọng sau:

Ba vùng KTTĐ có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất, có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển của cả nước.

Cơ cấu kinh tế của ba vùng đã được chuyển dịch nhanh hơn so nhiều vùng khác theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đã tạo ra nhiều sản phẩm chủ lực cho phát triển chung của cả nước.

Mạng lưới kết cấu hạ tầng đã được tăng cường đáng kể (cả số lượng và chất lượng), về cơ bản, có thể đáp ứng yêu cầu hợp tác, phát triển ở mức cao hơn trước rất nhiều.

Ba vùng KTTĐ có các đô thị lớn, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng không chỉ là các trung tâm chính trị, kinh tế mà còn là các trung tâm khoa học kỹ thuật cung cấp dịch vụ cho các vùng và hội nhập quốc tế.

Ba vùng KTTĐ đã thu hút được khối lượng lớn vốn đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài và đã hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất và nhiều công trình công nghiệp quan trọng; tạo ra bước bứt phá đáng kể cho cả nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba vùng KTTĐ đã có nhiều sáng tạo trong quá trình vận dụng cơ chế chính sách của Nhà nước, tương đối năng động nên đã tạo ra sức phát triển mạnh hơn so với các vùng khác trong cả nước.

Với các đặc điểm nổi bật như trên, phát huy những thành tựu đã đạt được, Nhà nước chủ trương tiếp tục duy trì và phát triển ba vùng KTTĐ. Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Đảng bộ Thành phố và lần thứ IX của Đảng đều nêu rõ **mục tiêu xây dựng ba vùng KTTĐ**: trở thành những vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và cao hơn các vùng khác trong cả nước, đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực cho quá trình phát triển của cả nước, liên kết chặt chẽ giữa các vùng KTTĐ với các vùng khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của cả nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH.

Chủ trương này tác động rất lớn đối với Hà Nội. Hà Nội nằm trong vùng KTTĐ phía Bắc sẽ phải cùng với thành phố Hồ Chí Minh (nằm trong vùng

KTTĐ phía Nam) là những địa phương chủ lực trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của các vùng trọng điểm, do vậy, tất cả các mục tiêu KT - XH của Hà Nội đến 2010 đều phải cao hơn của các vùng trọng điểm. Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn vì các mục tiêu của các vùng trọng điểm vốn đã khá cao.

C. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC VIỆT NAM THAM GIA CÁC TỔ CHỨC, HIỆP ĐỊNH QUỐC TẾ TỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong những năm qua. Các mốc thời gian quan trọng đánh dấu quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là: Năm 1994 Việt Nam đã trở thành quan sát viên của GATT và đến đầu năm 1995 Việt Nam đã chính thức nộp đơn xin gia nhập WTO (hy vọng vào năm 2006 Việt Nam sẽ trở thành thành viên chính thức của WTO). Cũng trong năm 1995, Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN; cuối năm 1998 Việt Nam, cùng Nga và Pê-ru được kết nạp làm thành viên APEC tại Hội nghị cấp cao APEC tại Vancouver, Ca-na-đa; năm 2000 Việt Nam và Hoa Kỳ ký Hiệp định thương mại,...

Hội nhập kinh tế quốc tế tác động rất mạnh mẽ đến đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội của Việt Nam, trong đó có một số xu thế quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đối với sự phát triển của Hà Nội đến 2010:

1. Thị trường xuất khẩu hàng công nghiệp ngày càng được mở rộng hơn

Việc tham gia vào AFTA, tham gia hiệp định thương mại Việt - Mỹ hàng hóa của các nhóm ngành công nghiệp xuất khẩu sang các nước ASEAN và Mỹ được hưởng mức thuế suất ưu đãi CEPT và mức thuế tối huệ quốc của Mỹ, điều này có nghĩa là khả năng cạnh tranh (về giá) của các hàng công nghiệp Việt Nam tại thị trường ASEAN và Mỹ cũng sẽ tăng lên đáng kể. Từ nay đến năm sau 2010, do tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, *thị trường sẽ có những thay đổi vô cùng to lớn, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp*. Sự thay đổi của thị trường diễn ra trên các mặt sau:

Thị trường trở thành vấn đề toàn cầu, phạm vi thị trường sẽ được mở rộng ra toàn thế giới, không còn bị giới hạn trong phạm vi khu vực hay biên giới quốc gia.

Quy mô thị trường sẽ ngày càng phát triển nhanh, mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, có nghĩa là nhu cầu hàng hoá sẽ ngày càng lớn hơn về quy mô, phong phú hơn về chủng loại và chất lượng.

Nếu như hiện nay giữa hai khu vực thị trường trong nước và ngoài nước, thị trường trong nước có vai trò quyết định và là cơ sở để mở rộng, khai thông thị trường ngoài nước thì trong tương lai thị trường trong nước và ngoài nước sẽ trở thành “ một khối”, ranh giới giữa hai khu vực thị trường này sẽ ngày càng mờ nhạt, trong đó thị trường bên ngoài sẽ trở nên ngày càng quan trọng hơn...

Thị trường là nhân tố quan trọng bậc nhất cho phát triển. Sự quan trọng của nó thể hiện ở chỗ nếu không có thị trường thì nền sản xuất trở nên vô nghĩa

cho dù có đủ vốn, công nghệ, tài nguyên, lao động... Ngược lại, nơi nào có thị trường, nếu có chính sách đúng, thì có thể thu hút, kết hợp các dòng vốn, công nghệ, lao động... sản xuất ra sản phẩm cung cấp cho thị trường đó. Thị trường ngày càng mở rộng là *thuận lợi cơ bản* cho các doanh nghiệp Hà Nội có điều kiện phát triển quy mô sản xuất, gia tăng xuất khẩu...

Sự thay đổi của yếu tố thị trường sẽ tạo ra những thuận lợi (là cơ bản) cho các doanh nghiệp Thủ đô, tuy nhiên nó cũng đặt ra một thách thức sống còn, đó là: các doanh nghiệp Hà Nội sẽ không còn khu vực thị trường nội địa theo kiểu của riêng ta, một khu vực mà nhờ các chính sách bảo hộ đã trở thành khu vực thị trường độc quyền của nhiều ngành, sản phẩm trong những năm qua.

2. Chi phí nguyên liệu, vật tư, máy móc nhập khẩu có xu hướng giảm

Các doanh nghiệp sản xuất trong nước của các ngành công nghiệp nhờ hội nhập được hưởng lợi thế nhập khẩu vật tư nguyên liệu, máy móc, thiết bị từ các nước ASEAN và Mỹ với mức thuế nhập khẩu thấp, điều này góp phần làm giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, do vậy khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp sẽ được nâng cao hơn;

Tuy nhiên, xu thế này *tác động không lớn lắm đối với các ngành công nghiệp của Hà Nội*. Thực tế là, chi phí nguyên nhiên vật liệu cho các nhóm sản phẩm của hầu hết các ngành công nghiệp của Hà Nội (dệt, may, da giày, sản phẩm thép, sản phẩm cơ khí, sản phẩm hoá chất, hàng điện tử...) đều có tỷ lệ giá trị nguyên liệu trong giá thành sản phẩm trên 70% và phần lớn nguồn nguyên liệu này lại không phải do sản xuất trong nước cung cấp mà do nhập khẩu. Trong những năm qua, giá nguyên liệu, bán thành phẩm nhập khẩu khá cao (những năm qua chỉ số tăng giá nguyên liệu nhập khẩu tăng trung bình hàng năm từ 7 đến 15%/năm) và dự báo sẽ ngày càng cao hơn trong những năm tới và tốc độ tăng giá còn nhanh hơn tốc độ giảm thuế nhập khẩu. Do tỷ lệ giá trị nguyên liệu lớn, hàm lượng chất xám, giá trị chế biến không cao; chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp Việt Nam nói chung và của Hà Nội nói riêng. Việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu bên ngoài thì sức cạnh tranh hoặc sẽ giảm dần hoặc không ổn định.

3. Nguồn đầu tư FDI vào các ngành công nghiệp có xu hướng tăng

Tiến trình hội nhập và tham gia các hiệp định, tổ chức quốc tế có tác dụng thuận lợi trong việc thu hút FDI vào các ngành công nghiệp. Đặc biệt với chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO) các doanh nghiệp công nghiệp trong nước có cơ hội tiếp cận với nguồn vốn và công nghệ sản xuất và quản lý mới, tiên tiến, tăng cường và mở rộng năng lực cạnh tranh của mình trên thị trường trong nước lẫn trên thị trường khu vực và quốc tế. Hiện nay, một số nước ASEAN như Singapore, Philippine, Malaysia, Thái lan đang mất đi lợi thế về nguồn lao động rẻ, do đó họ đang chuyển một số ngành sản xuất tiêu tốn nhiều lao động sang Việt Nam, như sản xuất giày dép, quần áo, hàng công nghiệp nhẹ...

Xu thế này có tác động rất lớn đến Hà Nội theo chiều hướng thuận lợi. Theo quy luật các luồng FDI luôn tìm đến đầu tư những nơi thuận lợi nhất. So với hầu hết các địa phương khác trong cả nước, Hà Nội có nhiều lợi thế hơn trong việc thu hút các nguồn FDI. Lợi thế này thể hiện trên các mặt:

Sức chứa của các khu công nghiệp mới của Hà Nội còn nhiều;

Hệ thống hạ tầng, bao gồm hạ tầng trong và ngoài hàng rào các khu công nghiệp của Hà Nội ở trình độ cao nhất Việt Nam;

Các lợi thế về vị trí địa kinh tế, địa chính trị - xã hội của Hà Nội là duy nhất có ở Việt Nam;

Hà Nội là địa phương đã có sẵn một nền tảng FDI đứng thứ 2 trong cả nước, cùng với các cố gắng cải cách hành chính của Hà Nội hy vọng vị trí này sẽ không thay đổi trong 7 năm tới. Như vậy, trong 7 năm tới Hà Nội có lợi thế hơn các tỉnh khác trong việc thu hút nguồn vốn FDI.

4. Nhiều mặt hàng công nghiệp trong nước sẽ phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh lớn hơn

Do tác động của hội nhập hầu hết các mặt hàng trong nước sẽ phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh lớn hơn do một số nguyên nhân sau:

Trong khi khả năng cạnh tranh của một số hàng công nghiệp sản xuất trong nước còn yếu (về giá cả, chất lượng, hình thức mẫu mã) do quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, tổ chức quản lý còn kém, năng suất lao động thấp thì việc giảm thuế nhập khẩu xuống còn 0-5%, có nghĩa là giá hàng công nghiệp nhập khẩu sẽ giảm và hàng công nghiệp trong nước sẽ phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh lớn hơn.

Cơ cấu hàng công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là các mặt hàng nguyên liệu thô, và công nghiệp nhẹ tương đối giống các nước ASEAN, nhiều mặt hàng mà công nghiệp Việt Nam sản xuất được thì các nước ASEAN cũng sản xuất được (ôtô, xe máy, xe đạp, thiết bị điện tử, một số chủng loại thép, các sản phẩm cơ khí thông dụng, hàng dệt may, giấy dếp, kính xây dựng, xi măng, sành sứ...) nên dẫn đến sự cạnh tranh trực tiếp, gay gắt không những trên thị trường Việt Nam, ASEAN mà cả thị trường ngoài ASEAN.

Khả năng tiếp cận thị trường và tạo lập nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế. Hiện nay còn nhiều doanh nghiệp thiếu một chiến lược sản xuất kinh doanh dài hạn và ổn định, cũng như chưa đề ra một kế hoạch chi tiết dài hạn về phát triển thị trường.

Hệ thống luật pháp, chính sách, chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt là các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ tháo gỡ khó khăn giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh.

Nhiều nhà nghiên cứu đã chia các sản phẩm công nghiệp cả nước thành 3 nhóm:

(1) *Nhóm các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trong tương lai:* Là những sản phẩm có năng lực sản xuất lớn, chất lượng sản phẩm cao, giá bán thấp hơn giá sản phẩm cùng loại nhập khẩu, có thị phần trong nước và quốc tế, thuận lợi khi thực hiện các cam kết quốc tế...;

(2) *Nhóm các sản phẩm có khả năng cạnh tranh với các điều kiện nhất định:* Là những sản phẩm cần thực hiện các giải pháp kèm theo, đặc biệt là những giải pháp giảm chi phí mới có khả năng cạnh tranh trong tương lai;

(3) *Nhóm các sản phẩm cơ bản không có khả năng cạnh tranh:* Là những sản phẩm sản xuất kém hiệu quả do nhu cầu thị trường trong nước nhỏ; quy mô sản xuất không hiệu quả; suất đầu tư lớn; sản xuất phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu trong khi năng lực sản xuất của khu vực và thế giới đã dư thừa dẫn đến sản xuất trong nước khó cạnh tranh.

Sau đây là các sản phẩm trong từng nhóm:

Các sản phẩm có khả năng cạnh tranh, gồm các sản phẩm sau: Hàng mặc mùa đông (áo jacket, comple), quần áo thể thao, quần âu, sơ mi các loại, đồ lót; sợi bông 100% cotton chải kỹ; vải dệt từ tơ tằm; các loại giày thể thao, giày nữ, giày vải; các loại dép; da lót giày; sản phẩm kết cấu thép; thiết bị phi tiêu chuẩn; thiết bị siêu trường - siêu trọng; thiết bị truyền tải (băng tải, gầu tải, vít tải); thiết bị kỹ thuật điện như máy điện quay, máy điện tĩnh, dụng cụ đo điện, khí cụ điện, dây và cáp điện; sản phẩm phục vụ nông nghiệp như máy động lực cỡ nhỏ dưới 30 mã lực, máy bơm nước, máy chế biến nông sản quy mô nhỏ và vừa (xay xát, đánh bóng, chọn hạt, sấy,...); tàu thủy dưới 30.000 tấn; đóng mới toa xe lửa; sản phẩm cơ khí xây dựng (khóa cửa, các loại ống dẫn, phụ tùng, linh kiện trần treo); phân lân nung chảy; phân hỗn hợp NPK; sãm-lốp xe đạp và xe máy; ắc-quy các loại; bột giặt các loại; sản phẩm máy tính; phân mềm; gạch ốp lát các loại; sứ vệ sinh; kính xây dựng; thép hợp kim thấp độ bền cao; thép xây dựng cường độ cao; thép hình cỡ trung...

Nhóm các sản phẩm cạnh tranh có điều kiện gồm: sợi bông 100% cotton chải thô, sợi pha (sợi pha bông với các thành phần khác như PE, PA, PV,...); sợi vật liệu mới; ngành sản xuất lắp ráp xe máy; ngành chế tạo thiết bị toàn bộ cho một số ngành công nghiệp như xi măng, đường mía; ngành tạo phôi lớn cho chế tạo máy (đúc, rèn); phân lân supe; phân đạm Urê; sãm-lốp ụ tô các loại; các sản phẩm cao su kỹ thuật; sản phẩm nguyên liệu, linh kiện điện tử và CNTT; xi măng lò quay; phôi thép; thép xây dựng; thép cuộn; thép thanh; thép hình cỡ nhỏ...

Nhóm các sản phẩm công nghiệp không có khả năng cạnh tranh là: vải dệt thoi (vải sợi bông 100%, vải sợi pha các loại); vải dệt kim (vải sợi bông 100%, vải sợi pha các loại), vải không dệt; bông sơ; da thuộc; ô tô cao cấp; máy công cụ, máy chính xác; máy móc thiết bị y tế; máy dệt; thiết bị khai thác, chế biến dầu khí, hóa chất, khoáng sản; thiết bị chế biến nông - lâm - hải sản quy mô lớn; sản phẩm khuôn, dụng cụ và hàng quy chế cơ khí; phân DAP, đạm từ

than cám, SA, kali; các chất rửa; sản phẩm điện tử dân dụng (tivi, radio-cassette, đầu đọc đĩa CD, VCD...); xi măng địa phương...

Xu thế phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh ngày càng lớn là xu thế chung của công nghiệp cả nước. Hà Nội với tư cách là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, là địa phương tập trung hầu hết các ngành, sản phẩm công nghiệp cũng phải trực diện đối mặt với các thách thức trên. Xu thế này đòi hỏi Hà Nội trong các kế hoạch phát triển ngành công nghiệp của mình cần phải có các giải pháp và chính sách thích ứng để phát huy các sản phẩm có khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện để ngày càng có nhiều sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

II. TẦM NHÌN THỦ ĐÔ NĂM 2020 VÀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010

A. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010, TẦM NHÌN 2020:

Bối cảnh quốc tế và sự phát triển của cả nước cũng như của các địa phương lân cận Hà Nội trong những năm tới sẽ tác động đến sự phát triển của Thủ đô theo cả chiều tích cực (là cơ bản) và tiêu cực. Nhìn chung, phát triển kinh tế của Hà Nội nằm trong bối cảnh phát triển kinh tế chung của cả nước. Đổi mới và phát triển kinh tế ở Hà Nội cũng phụ thuộc vào các chính sách và tiến độ cải cách và sự phát triển kinh tế của cả nước.

Từ thực tế phát triển của Thủ đô trong 20 năm qua; từ bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến Thủ đô trong những năm tới; từ vai trò, vị thế Thủ đô; từ yêu cầu và khả năng phát triển; **dự báo đến năm 2020:** Hà Nội có khả năng trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, thành phố du lịch hấp dẫn của khu vực; phát huy tốt vai trò là trung tâm lớn về văn hóa, khoa học- công nghệ, giáo dục - đào tạo, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Trên địa bàn, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thiết lập và vận hành thông suốt; hình thành rõ nét các yếu tố của kinh tế tri thức; đô thị được cải tạo và xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại; hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mạng lưới đường sắt đô thị phát huy hiệu quả. Cùng với việc hình thành và phát triển các hành lang kinh tế phía Bắc - Tây Bắc, Đông - Đông Bắc với các tỉnh phía Nam Trung Quốc; không gian kinh tế - xã hội của Hà Nội được mở rộng hợp lý và phát triển cả về chiều rộng, chiều sâu; các vùng ven nội, vùng ngoại thành (hiện nay) được khai thác, khu vực đô thị Bắc sông Hồng phát triển mạnh. Dịch vụ chất lượng cao và trình độ cao đóng vai trò trọng yếu trong nền kinh tế Thủ đô. Hình thành mạng lưới công nghiệp áp dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái. GDP bình quân đầu người dự kiến trên 6.000 USD, mức thu nhập của người dân tăng lên khoảng 3 lần so với hiện nay. Hà Nội phấn đấu đi trước 5 năm, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

Dự báo viễn cảnh thủ đô Hà Nội năm 2020 dựa trên sự tính toán toàn diện những khả năng hiện thực, các xu hướng và các nhân tố chủ quan, khách quan, bên trong, bên ngoài tác động đến quá trình phát triển. Sau 15 năm tới, Hà Nội sẽ có bước phát triển về chất, cả bề rộng, cả chiều sâu với một diện mạo mới, xứng tầm thủ đô của một đất nước công nghiệp hơn 100 triệu dân.

Để đạt được mục tiêu trên, từ nay **đến năm 2010**, Hà Nội cần phải: phát huy thành tựu của 20 năm đổi mới, đón nhận những cơ hội và thách thức của giai đoạn cách mạng mới, thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, *chủ động, sáng tạo phát huy tiềm năng, nguồn lực, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội toàn diện, bền vững; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật và văn hóa của Thủ đô XHCN giàu đẹp, văn minh, hiện đại; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện vai trò "đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước"*.

Chặng đường 5 năm tới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Hà Nội. Mục tiêu xuyên suốt của Thành phố là tập trung phát huy mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện; tích cực chuẩn bị, hoàn thiện các tiền đề để Thủ đô bứt phá về đích, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá vào năm 2015.

B. QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược trên, trong xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch cần quán triệt những *quan điểm chủ đạo* sau:

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, năng động và sáng tạo hơn, tập trung mọi nguồn lực, phát huy lợi thế của Thủ đô, tranh thủ sự chỉ đạo của Trung ương, sự hỗ trợ, hợp tác của các tỉnh thành trong cả nước, sự hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng cao, hiệu quả, theo hướng bền vững.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Thủ đô, cần phải phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp trên địa bàn. Muốn vậy, cần phải tạo ra sự phát triển đồng bộ, sự phối hợp hiệu quả giữa các lĩnh vực hoạt động; sự kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa tổ chức trong hệ thống chính trị, giữa các giai tầng xã hội, giữa các ngành, các cấp từ Trung ương, Thành phố đến cơ sở, giữa Hà Nội và các địa phương trong cả nước; giữa tiềm năng sức mạnh của Thủ đô và hợp tác quốc tế.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô, Hà Nội cũng như cả nước, cần phải đi theo xu hướng phát triển bền vững: "tăng trưởng đi đôi với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường". Coi con người là động lực và mục tiêu của tăng trưởng. Mức sống được nâng cao cần gắn liền với giải pháp nâng cao lối sống, tạo ra chất lượng sống của nhân dân ở Thủ đô, chứ không phải chỉ một chiều

chạy theo chỉ tiêu GDP/đầu người. Hà Nội có thể nâng cao mức sống nhưng nếu không phát huy những giá trị truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, không hình thành được lối sống văn minh, hài hoà trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với môi trường sinh thái, thì Hà Nội không phải là thành phố theo định hướng XHCN.

Quan điểm mới về tăng trưởng trong quá trình CHH-HĐH cũng thể hiện ở *mặt hiện đại hoá được nâng dần lên thành mặt chủ đạo* so với mặt công nghiệp hoá. ý nghĩa của hiện đại hoá ở đây không bó hẹp ở trang bị, mà là sử dụng phát huy hiệu lực của nó, hơn nữa qua hiện đại hoá mà rèn luyện lề lối làm việc mới và lối sống mới. Nếu không, dù trang bị hiện đại nhưng thành phố và đất nước vẫn lạc hậu và tụt hậu hơn. Cái mới ở đây là: hiện đại hoá phải gắn với những tổ chức kiểu mới, với con người mới biết sống và hoạt động theo hướng mới.

Như vậy, *quan điểm mới về tăng trưởng đặt ra tư duy mới về xây dựng liên minh công nông trí thức về mặt kinh tế, không dừng lại ở liên minh về chính trị. Hà Nội cần có phương thức mới về **hội tụ, thu hút chất xám** trên địa bàn và trong ngoài nước. Để khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của Thủ đô nhằm cạnh tranh hiệu quả và đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển hiện đại, với tư cách là Thủ đô, Thành phố phải có một sự lựa chọn mới triệt để: **kiên quyết dựa vào và chỉ có thể dựa vào lợi thế phát triển quan trọng số một của Thành phố là tiềm lực khoa học, công nghệ cao và nguồn nhân lực trí thức - kỹ năng cao.** Hà Nội cần đi đầu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tập trung vào các ngành công nghệ và dịch vụ trình độ cao, vốn là lợi thế tương đối của Thành phố so với các địa phương khác trong cả nước. Do vậy, chiến lược phát triển của Hà Nội trong giai đoạn tới phải tập trung nỗ lực cho việc tạo dựng và phát triển loại lợi thế này. Sự lựa chọn này cũng có nghĩa là Hà Nội cần phải xác lập một cách nhìn mới về triển vọng cơ cấu ngành trong tương lai. Sẽ không phải là các ngành công nghiệp nặng của thời đại công nghiệp cơ khí mà phải là những ngành công nghiệp nặng của thời đại kinh tế tri thức - những ngành sản xuất ra thứ của cải có giá trị cao nhất là trí tuệ - đóng vai trò là những ngành công nghiệp then chốt và mũi nhọn.*

Theo logic đó, *việc ưu tiên đầu tư cho giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ sẽ phải được coi là trọng tâm của toàn bộ chiến lược đầu tư - phát triển trong giai đoạn tới.*

Mặt khác, xuất phát từ các điều kiện thực tế, trong giai đoạn trước mắt, Hà Nội còn phải đương đầu với vấn đề việc làm - thất nghiệp - thu nhập của người lao động. Thực trạng việc làm và thu nhập hiện nay của Hà Nội cho thấy nếu không tập trung giải quyết vấn đề sống còn này thì nền kinh tế tri thức sẽ trở thành một đích đến xa vời. Tỷ lệ thất nghiệp cao, xu hướng lao động ở các tỉnh ngoài di chuyển mạnh vào Hà Nội, nguồn vốn hạn chế, mức thu nhập lao động chưa cao trong khi chi phí đào tạo nghề tăng lên, chất lượng đào tạo nghề còn thấp, tạo ra áp lực kinh tế - xã hội ngày càng gay gắt.

Trước tình thế đó, *phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, tức là những ngành đòi hỏi tương đối ít vốn, công nghệ - kỹ thuật không cao vẫn phải được xem là hướng ưu tiên về cơ cấu trong giai đoạn trung hạn tới.*

Nhìn bao quát chiến lược phát triển đến 2010 của Hà Nội, chiến lược cơ cấu "hai tốc độ" là phương án hiện thực. Nỗ lực tạo việc làm đi liền với việc xây dựng các năng lực phát triển mới theo hướng tri thức và công nghệ hiện đại là hai vế không thể xem nhẹ bên nào của chiến lược đó³².

2. Phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế Thủ đô, phát triển kinh tế tri thức.

Để có thể "đi đầu" trong phát triển kinh tế, Hà Nội không thể không có chiến lược, chính sách tăng cường liên kết với các tỉnh khác trong cả nước, nhất là các tỉnh trong *Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng* và lân cận. Để Hà Nội là trung tâm và động lực phát triển kinh tế vùng, Hà Nội phải biết sử dụng tốt các nhân tố động lực phát triển vùng:

Cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp của Hà Nội phải phát triển ra phạm vi vùng. Trước mắt, cần sử dụng dịch vụ như những nhân tố động lực để khơi dậy và liên kết với nông nghiệp và công nghiệp các địa phương trong vùng. Một khi mối liên kết kinh tế nông nghiệp với công nghiệp hình thành bền vững sẽ tạo được nhiều thuận lợi cho Thành phố về việc làm, thu nhập, khai thác các tiềm năng, bảo đảm tốt hơn cho mức tiêu dùng dân cư đô thị, giảm bớt những khó khăn do di dân tự do từ nông thôn lân cận vào thành phố.

Không gian quy hoạch phân bố công nghiệp của Hà Nội phải vươn tới phạm vi vùng. Quy hoạch phân bố vùng phải hài hòa với quy hoạch các địa phương theo một phương án hợp lý.

Kế hoạch phát triển vùng cần có sự phát triển hệ thống các DN vừa và nhỏ thích hợp, rộng khắp ở các địa phương, dựa trên dịch vụ của Hà Nội và các tỉnh.

Hình thành và phát triển trung tâm tài chính ở Hà Nội phục vụ cho sự phát triển của vùng. Tài chính là lĩnh vực khó khăn và nhạy cảm nhất của kinh tế thị trường. Hoạt động của trung tâm tài chính trở thành động lực phát triển Hà Nội và vùng đang là một yêu cầu cấp thiết để nước ta hội nhập sâu vào kinh tế thế giới.

Xây dựng tiềm lực mạnh về khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo, đi đầu trong phát triển kinh tế tri thức, tạo ra nền tảng phát triển Hà Nội và vùng một cách bền vững, chủ động và sáng tạo hơn.

Hiện nay, Hà Nội đã chủ động ký kết các văn bản hợp tác phát triển với

³² Vũ Trọng Lâm (chủ biên), *kinh tế tri thức ở Việt Nam - Quan điểm và giải pháp phát triển*, NXB Khoa học và kỹ thuật, HN, 2004

10 tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ Bắc Bộ và lân cận. Để sự hợp tác liên kết giữa Hà Nội và các tỉnh có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển chung và lợi ích của từng địa phương, Chính phủ cần chỉ đạo sớm ban hành cơ chế chính sách hợp tác giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng; xây dựng quy hoạch vùng Thủ đô, vùng KTTĐ Bắc Bộ (bao gồm cả quy hoạch tổng thể, quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch sử dụng đất,...); đồng thời cần thành lập bộ máy tổ chức để điều phối các hoạt động, phương thức hợp tác giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng.

Nhìn xa hơn, Hà Nội phải có chiến lược tầm khu vực: đó là tầm nhìn tạo lợi thế đô thị để cạnh tranh với các thành phố lớn ở các nước lân cận. Làm được như vậy, Hà Nội sẽ là cầu nối vững chắc giữa các nền kinh tế của các địa phương Bắc Bộ (và trong cả nước) với thế giới bên ngoài.

3. Trong chỉ đạo, quán triệt phương châm: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng; phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần; gắn phát triển kinh tế - xã hội với chăm lo đời sống nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng và tăng cường hoạt động đối ngoại.

Trong tổ chức thực hiện cần kết hợp hài hòa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại; phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với xây dựng, củng cố, phát huy tác dụng của quan hệ sản xuất phù hợp; tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Kết hợp giải quyết các vấn đề cấp bách trước mắt với kiên trì thực hiện các mục tiêu cơ bản, lâu dài; xác định đúng trọng tâm, các khâu đột phá, có những bước đi, giải pháp sáng tạo, hiệu quả, đi tắt đón đầu, đẩy nhanh tốc độ phát triển Thủ đô. Tạo lập sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của hệ thống chính trị, của các ngành các cấp; kết hợp xây và chống, lấy xây là chính.

Trong khi nhấn mạnh yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội; phải đặc biệt đề cao nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc thành quả của chủ nghĩa xã hội; xây dựng Thủ đô thực sự là thành trì bất khả xâm phạm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, truyền thống ngàn năm Thăng Long - Hà Nội văn hiến, anh hùng, chất lộc tinh hoa văn hóa dân tộc, gìn giữ và phát triển văn hóa Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch - văn minh

Nhận thức sâu sắc, đầy đủ tầm quan trọng đặc biệt của nhiệm vụ củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trên các lĩnh vực hoạt động của Thành phố. Vấn đề cốt lõi là thực hiện dân chủ gắn với kỷ cương xã hội; tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; bồi dưỡng sức dân, động viên nguồn lực tiềm tàng trong dân phục vụ yêu cầu phát triển toàn diện Thủ đô.

Là trung tâm văn hoá lớn của cả nước, đang chuẩn bị thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, 5 năm tới, Thành phố cần đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển văn hoá, bồi đắp nền tảng tinh thần của cộng đồng, gắn kết chặt chẽ văn hoá với kinh tế, kinh tế với văn hoá, trọng tâm là xây dựng người Hà Nội thực sự tiêu biểu của Thủ đô văn hiến, anh hùng, tiêu biểu cho phẩm chất cao đẹp của người Việt Nam.

C. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010

1- Dân số năm 2010:	3,6-3,7 triệu người
2- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm:	11-12%
+ Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp hàng năm:	12-12,5%
+ Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành dịch vụ hàng năm:	10,5-11,5%
+ Tốc độ tăng giá trị gia tăng nông nghiệp hàng năm:	1,5-2%
3- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm:	15-17%
4- Vận tải hành khách công cộng đến năm 2010:	30-35%
5- Tỷ lệ phổ cập bậc trung học năm 2010:	đạt chuẩn phổ cập
6- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010:	55- 65%
7- Tỷ lệ thất nghiệp đô thị năm 2010:	dưới 5,5%
8- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2010 (theo chuẩn mới ³³):	khoảng 1%
9- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm:	1,05-1,1%
10- Chỉ tiêu kết nạp đảng viên hàng năm:	6.500 đ/c
11- Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm:	trên 70%
12- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh hàng năm:	trên 75%

³³ Chuẩn nghèo mới là thu nhập dưới 350.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị và 270.000 đồng/người/tháng ở ngoại thành, tỷ lệ hộ nghèo tính toán theo chuẩn này hiện nay khoảng 5,55%.

CHƯƠNG 3

NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2010

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦ ĐÔ

A. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2006-2010

Coi trọng chất lượng phát triển, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực sự là một trong những thành phố đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, chú trọng khu vực nông nghiệp nông thôn; đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô, giữ vững và mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển đồng bộ các loại thị trường và các định chế hỗ trợ thị trường, tăng cường tính minh bạch, bình đẳng, dân chủ và độ mở của kinh tế Thủ đô phù hợp với các cam kết quốc tế. Thúc đẩy xã hội hoá, tăng cường sự hợp tác, gắn kết giữa các doanh nghiệp, các ngành, các thành phần kinh tế, tạo làn sóng đầu tư phát triển mới. Đầu tư phát triển vùng ngoại thành, quan tâm khu vực Bắc sông Hồng và Sóc Sơn. Chủ động mở rộng và củng cố quan hệ hợp tác giữa Hà Nội với các tỉnh, thành phố, phát huy vai trò trung tâm kinh tế trình độ cao tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Tăng trưởng GDP bình quân 11-12%/năm và chỉ đạo quyết liệt để phấn đấu tăng trưởng trên 12%/năm.

B. KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010

Đến 2010, Hà Nội định hướng đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp; coi trọng chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng CNH, HĐH; phấn đấu đến năm 2015 kinh tế Thủ đô cơ bản hoàn thành giai đoạn công nghiệp hoá; các bộ phận, các định chế thị trường định hướng XHCN cơ bản được hình thành theo hướng đồng bộ; nền tảng cơ bản để phát triển các dịch vụ chất lượng cao, trình độ cao được xây dựng; các ngành công nghiệp chủ lực đạt được bước phát triển bứt phá; nông nghiệp đổi mới căn bản theo phương thức sản xuất hiện đại. Năm 2010, dự kiến GDP bình quân đầu người của Hà Nội đạt khoảng 41-42 triệu đồng/người (giá so sánh, tương đương khoảng 2.500-2.600 USD/người).

Dự báo các kịch bản phát triển kinh tế Thủ đô đến năm 2010:

Căn cứ thực tiễn phát triển kinh tế của Hà Nội những năm qua, nhất là kết quả 5 năm 2001-2005, có thể dự báo sơ bộ về các phương án phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010 như sau:

1. Phương án tích cực:

Phương án này sẽ diễn ra trong điều kiện môi trường thế giới và trong nước diễn biến theo chiều hướng tích cực (không có biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội khu vực và thế giới, không xảy ra dịch bệnh, thiên tai lớn, an ninh khu vực và thế giới được tăng cường); Việt Nam chuẩn bị tốt các điều kiện và gia nhập WTO trong năm 2006. Hà Nội huy động tốt và sử dụng hợp lý các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển (môi trường đầu tư được cải thiện rõ rệt; cơ chế, chính sách đồng bộ, rõ ràng, minh bạch và tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế; cải cách hành chính đạt kết quả tốt; tiến trình đổi mới, sắp xếp DNNN được hoàn thành; các lĩnh vực xã hội hóa được nhanh chóng mở rộng); hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước được tăng cường, đảm bảo thu hút và sử dụng hiệu quả khoảng 345.000-350.000 tỷ đồng vốn đầu tư xã hội; đồng thời các địa phương trong vùng có sự phát triển nhanh, hợp tác vùng đạt hiệu quả cao, dự kiến tăng trưởng GDP Thủ đô giai đoạn 2006-2010 đạt khoảng 12-13%/năm. Phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

<i>STT</i>	<i>GDP</i>	<i>Tốc độ bình quân năm (%)</i>	<i>Cơ cấu kinh tế năm 2006 (%)</i>	<i>Cơ cấu kinh tế năm 2010 (%)</i>
	GDP Thành phố	12-13	100	100
1	GDP Dịch vụ	11,5-12,0	57,5	55,7-55,9
2	GDP Công nghiệp	13,8-14,2	40,5	42,9-43,1
3	GDP Nông lâm thủy sản	2,9-3,1	2,0	1,2-1,3

2. Phương án tiên tiến:

Trong điều kiện môi trường thế giới không có biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, không xảy ra dịch bệnh, thiên tai lớn; Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định, chuẩn bị tốt các điều kiện và gia nhập WTO trong năm 2006; cải cách hành chính và đổi mới, sắp xếp DNNN được đẩy mạnh; các lĩnh vực xã hội hóa được mở rộng; môi trường đầu tư có tiến bộ; hệ thống cơ chế, chính sách khá đồng bộ, minh bạch; Thành phố có một số biện pháp tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài có chuyển biến và tổng đầu tư xã hội đạt khoảng 310.000-315.000 tỷ đồng, dự kiến tăng trưởng GDP Thủ đô giai đoạn 2006-2010 đạt 11-12%/năm. Phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

<i>STT</i>	<i>GDP</i>	<i>Tốc độ bình quân năm (%)</i>	<i>Cơ cấu kinh tế năm 2006 (%)</i>	<i>Cơ cấu kinh tế năm 2010 (%)</i>
	GDP Thành phố	11-12	100	100
1	GDP Dịch vụ	10,5-11,0	57,5	56-56,2
2	GDP Công nghiệp	12,8-13,2	40,5	42,4-42,6
3	GDP Nông lâm thủy sản	2,3-2,5	2,0	1,3-1,4

3. Phương án thấp:

Trong điều kiện có nhiều yếu tố không thuận lợi (bất ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội khu vực và thế giới, hoặc xảy ra dịch bệnh, thiên tai, xung đột khu vực); Việt Nam chậm gia nhập WTO do có những thế lực thù địch ngăn cản, chống phá; cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển chậm ban hành; thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế gặp khó khăn, đầu tư nước ngoài không đạt mục tiêu, huy động vốn đầu tư xã hội đạt dưới 300.000 tỷ đồng, dự kiến tăng trưởng GDP Thủ đô giai đoạn 2006-2010 đạt 10-11%/năm. Phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

STT	GDP	Tốc độ bình quân năm (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2006 (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2010 (%)
	GDP Thành phố	10-11	100	100
1	GDP dịch vụ	9,7-10,2	57,5	56,4-56,6
2	GDP công nghiệp	11,5-12	40,5	41,9-42,1
3	GDP nông - lâm - thủy sản	2,0-2,2	2,0	1,4-1,5

Với những dự báo về bối cảnh trong nước và quốc tế, căn cứ điều kiện hiện tại; cân đối giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế với đầu tư phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội; tham khảo ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia kinh tế cả ở trung ương và địa phương, Thành phố lựa chọn phương án tiên tiến. Dự báo một số chỉ tiêu phát triển và chuyển dịch kinh tế Thủ đô giai đoạn 2006-2010 như sau:

Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 11-12%/năm. Vị trí, vai trò của kinh tế Thủ đô trong tổng thể nền kinh tế cả nước ngày càng nâng lên. Dự báo đến năm 2010, kinh tế Thủ đô chiếm khoảng 11-12% trong cơ cấu GDP cả nước.

Cơ cấu kinh tế chuyển mạnh sang dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Chất lượng, hiệu quả kinh tế trong từng ngành, lĩnh vực được quan tâm và có chuyển biến tích cực. Với mức tăng trưởng GDP: dịch vụ bình quân 10,5-11,0%/năm, công nghiệp 12,8-13,2%/năm, nông nghiệp 2,3-2,5%/năm, dự kiến cơ cấu kinh tế Thủ đô năm 2010 là Dịch vụ 56-56,2% - Công nghiệp 42,4-42,6% - Nông nghiệp 1,3-1,4%.

C. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006-2010

1. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1.1. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu kinh tế Hà Nội có đặc thù vừa là cơ cấu kinh tế của một đô thị vừa là cơ cấu kinh tế của Thủ đô mang đặc trưng riêng của Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến. Yêu cầu phát triển kinh tế của Hà Nội rất khác so với các thành phố, tỉnh thành trong cả nước. Đối với Thủ đô Hà Nội, kinh tế và văn hóa không thể tách rời, văn hóa phải hoà quyện với kinh tế để trở thành yếu tố,

động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trước khi là một trung tâm kinh tế, Hà Nội phải là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia; trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục và giao dịch quốc tế của cả nước.

Phát triển kinh tế Thủ đô với mục tiêu đưa Hà Nội *đi đầu cả nước trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; ưu tiên phát triển các ngành kinh tế dựa chủ yếu vào tri thức và công nghệ cao*. Tư tưởng chung trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô là: các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và nhân dân đóng vai trò chủ thể, thực hiện dưới tác động của các yếu tố (quy luật) thị trường định hướng XHCN; Nhà nước đảm nhiệm vai trò hướng dẫn, điều tiết thông qua các quy hoạch, định hướng, cơ chế, chính sách, thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo lập môi trường cho các thành phần kinh tế phát triển; giám sát và quản lý các hoạt động kinh tế theo pháp luật; không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nhà nước tác động vào thị trường (bằng cơ chế, chính sách...) và thông qua thị trường tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế (không phân biệt thành phần) - lực lượng chủ yếu thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế - hoạt động theo cơ chế thị trường mà trong đó Nhà nước bằng các nguồn lực kinh tế của mình, bằng vai trò quy hoạch, ban hành cơ chế, chính sách tác động vào thị trường để qua đó tác động (định hướng) các doanh nghiệp thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu và định hướng đã đề ra.

Từ đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh và lợi thế so sánh, kinh tế Thủ đô giai đoạn 2006-2010 cần phát triển và chuyển dịch cơ cấu theo hướng: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*. Tuy nhiên, hiện nay Thành phố đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quy mô, tỷ trọng và trình độ phát triển công nghiệp của Hà Nội và cả vùng nói chung tuy có được nâng lên, song nhìn chung còn thấp. Mặt khác, cơ sở để phát triển nhanh các ngành dịch vụ, nhất là các ngành dịch vụ trình độ cao: tài chính, bảo hiểm, tư vấn, y tế, giáo dục... cũng không phải nhanh chóng xây dựng được ngay trong một vài năm. Vì vậy, cùng với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*, vẫn phải quan tâm đến phát triển công, nông nghiệp với lý do công, nông nghiệp là đối tượng phục vụ chính của các ngành dịch vụ, đồng thời có vai trò quan trọng, trực tiếp đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và cả nước nói chung. Sự phát triển của công nghiệp Hà Nội và công nghiệp của vùng là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển dịch vụ Thủ đô trong giai đoạn này.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* không có nghĩa là tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng GDP của dịch vụ ở giai đoạn này sẽ tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng GDP công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng đóng góp trong GDP chỉ là biểu hiện bề ngoài của cơ cấu kinh tế và đôi khi tỷ lệ đó không phản ánh đúng chất lượng và

bản chất của cơ cấu kinh tế đó. Chất lượng và bản chất của cơ cấu kinh tế phải thể hiện ở mối quan hệ và vai trò của mỗi yếu tố cấu thành cơ cấu kinh tế, của từng ngành đối với sự tăng trưởng và phát triển của các yếu tố, các ngành khác và toàn bộ nền kinh tế. Trong giai đoạn 2006-2010, dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của công nghiệp Thủ đô vẫn sẽ tiếp tục cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của dịch vụ và tỷ trọng GDP công nghiệp vẫn sẽ tăng, trong khi tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GDP Thủ đô sẽ tiếp tục giảm (mặc dù giá trị của các ngành đều tăng), nhưng giảm với tốc độ chậm dần ở thời kỳ đầu và có xu hướng tăng lên ở thời kỳ sau. Điều này không có gì mâu thuẫn với định hướng cơ cấu kinh tế của Thủ đô thời gian tới là: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* và thể hiện quá trình chuyển dịch trong trung hạn, có kế thừa từ cơ cấu kinh tế các giai đoạn trước.

Trong giai đoạn này, Thành phố sẽ tập trung các nguồn lực, ưu tiên cao nhất cho phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao, làm cho các ngành này ngày càng phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống của Thủ đô cũng như của vùng và cả nước; phát huy được những tiềm năng, lợi thế và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Thủ đô, đảm bảo sự phát triển nhanh, ổn định theo hướng bền vững của cả nền kinh tế Thủ đô. Sự phát triển của dịch vụ sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp và nông nghiệp Thủ đô.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* cũng nhằm phát huy vai trò đầu tàu, định hướng và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, tạo điều kiện phát triển nhanh công nghiệp ở các tỉnh lân cận và chính sự phát triển công nghiệp ở các tỉnh này lại có tác động ngược trở lại, tạo điều kiện và thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ và kinh tế Thủ đô nói chung. Định hướng phát triển này cũng thể hiện sự hợp tác và phân công phối hợp phát triển trong vùng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương và xu thế vận động khách quan của phân công lao động.

Việc tập trung ưu tiên phát triển dịch vụ hoàn toàn không có nghĩa là xem nhẹ phát triển công nghiệp và nông nghiệp, mà ngược lại Thành phố vẫn phải đặc biệt quan tâm phát triển và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội ngành công nghiệp và nông nghiệp; không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của công nghiệp và nông nghiệp Thủ đô.

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời gian tới Hà Nội cần tiên hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tất cả các ngành (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), các khâu của quá trình sản xuất, dịch vụ; ưu tiên cho mục tiêu hiện đại hoá; quan tâm nâng cao chất lượng phát triển hơn là phát triển theo số lượng.

Trong quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần đặc biệt

quan tâm phát triển trong từng ngành và giải quyết mối quan hệ giữa các ngành, tập trung cao độ vào phát triển một số ngành, lĩnh vực có tác dụng dẫn đường, thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác và toàn bộ nền kinh tế, những ngành mà Hà Nội có lợi thế. *Thực hiện mô hình tăng trưởng và phát triển “hai tốc độ”*, tức là ưu tiên tập trung nguồn lực (kể cả cơ chế, chính sách) để phát triển với tốc độ cao, tạo được sự bứt phá thực sự đối với một số ngành, lĩnh vực trọng điểm; đối với những ngành, lĩnh vực còn lại để phát triển theo sự điều tiết của thị trường, thậm chí có thể có chế hạn chế một số ngành phát triển trong nội thành: những ngành gây ô nhiễm môi trường lớn, những ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông, hiệu quả kinh tế thấp... Ở đây cần phân biệt ngành trọng điểm với ngành hiện chiếm tỷ trọng cao trong GDP để có chiến lược phát triển phù hợp.

Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được đặc biệt quan tâm để nâng cao chất lượng phát triển, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của từng ngành và toàn bộ nền kinh tế.

1.2. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu nội ngành kinh tế

1.2.1. Ngành dịch vụ:

Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, ưu tiên phát triển mạnh các ngành dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao phù hợp tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô: tài chính, ngân hàng, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế, tư vấn, dịch vụ quan hệ quốc tế, du lịch, thương mại, vận tải kho bãi, viễn thông. *Tạo bước chuyển mạnh về xã hội hóa đối với các hoạt động dịch vụ đang do Nhà nước nắm giữ*; tạo điều kiện bình đẳng cho các thành phần kinh tế tham gia vào các dịch vụ công ích, dịch vụ đô thị. Hoạt động dịch vụ ở Hà Nội không chỉ hướng vào phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của Thủ đô mà phải hướng phần lớn vào thị trường vùng, cả nước và thị trường thế giới. Phần đầu giá trị gia tăng các ngành dịch vụ tăng bình quân khoảng 10,5-11,5%/năm; đến năm 2010 dịch vụ chiếm khoảng 56-56,5% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố.

Định hướng phát triển các lĩnh vực dịch vụ trọng điểm:

Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ *phát triển kinh tế tri thức và dịch vụ tạo cơ sở hạ tầng, điều kiện để phát triển các ngành kinh tế khác*. Thứ tự ưu tiên như sau: dịch vụ sản xuất (viễn thông - CNTT, khoa học - công nghệ, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm), dịch vụ phục vụ con người (Y tế, Giáo dục - đào tạo,...), dịch vụ khác (thương mại, du lịch, giao thông vận tải, vệ sinh môi trường...).

Phát triển dịch vụ phần mềm, thông tin liên lạc - bưu chính viễn thông. Tiếp tục hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, đa dạng hóa các dịch vụ thông tin, phấn đấu đến năm 2010 hệ thống thông tin liên lạc - bưu chính viễn thông ở Thủ đô phải theo kịp trình độ trong khu vực cả về chất lượng phục vụ và giá

cước dịch vụ. Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, thuận lợi, phục vụ tốt yêu cầu thông tin của các ngành kinh tế, đáp ứng yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy nhanh tiến độ phát triển dịch vụ phần mềm - lĩnh vực mà Hà Nội đang có tiềm năng và điều kiện phát triển, đảm bảo đến 2010 Hà Nội có một ngành dịch vụ phần mềm mạnh và một đội ngũ chuyên gia sản xuất phần mềm tiếp cận với trình độ khu vực. Phát triển dịch vụ phần mềm Hà Nội thời gian tới cần tập trung cho đào tạo nguồn nhân lực (chú trọng hình thành đội ngũ công nhân phần mềm) để đủ sức tham gia hợp đồng gia công cho các tập đoàn, công ty phần mềm lớn trên thế giới; tiến tới nghiên cứu sản xuất các phần mềm tự động hóa để nâng cao giá trị sản phẩm công nghiệp, sản xuất các phần mềm chuyên dụng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chú trọng xây dựng thương hiệu cho phần mềm Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

Dự báo GTSX dịch vụ phần mềm, thông tin liên lạc - bưu chính viễn thông tăng bình quân 18-20%/năm.

Dịch vụ khoa học - công nghệ - tư vấn: Các hoạt động dịch vụ khoa học - công nghệ cần hướng vào nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao, gắn nghiên cứu khoa học, nghiên cứu công nghệ với yêu cầu của phát triển sản xuất và dịch vụ. Các mũi nhọn ưu tiên là: CNTT và tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới. Cần kết hợp nghiên cứu công nghệ mới với nghiên cứu cải tiến công nghệ nhập khẩu và chuyển giao từ nước ngoài. Nhanh chóng xây dựng và vận hành hiệu quả thị trường khoa học - công nghệ; sản phẩm khoa học & công nghệ phải trở thành hàng hoá có thể trao đổi trên thị trường. Đẩy mạnh xã hội hóa nghiên cứu khoa học theo hướng từng bước chuyển cấp phát vốn đầu tư từ ngân sách sang tín dụng. Hoạt động tư vấn cần tập trung mạnh vào các dịch vụ tài chính, đầu tư và dịch vụ pháp lý. Dự báo GTSX nhóm dịch vụ này tăng bình quân 16-18%/năm.

Dịch vụ tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm: Đây là lĩnh vực dịch vụ quan trọng của nền kinh tế thị trường mà Hà Nội có lợi thế so với các địa phương trong vùng và cả nước. Hoạt động của lĩnh vực dịch vụ này ở Hà Nội không chỉ đáp ứng nhu cầu của Hà Nội, mà đã và sẽ ngày càng có vai trò quan trọng đối với vùng và cả nước. Hà Nội phấn đấu trở thành trung tâm tài chính hàng đầu của cả nước và khu vực.

Để đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang ngày càng sôi động, các hoạt động dịch vụ tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm ở Hà Nội phải chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ với sự tham gia tích cực của hệ thống ngân hàng nhà nước, các trung tâm điều hành và các chi nhánh của các ngân hàng thương mại quốc doanh, cổ phần và ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng liên doanh, các quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng chính sách, các công ty tài chính,

các tổ chức bảo hiểm, hệ thống quỹ đầu tư, các công ty thuê mua tài chính, cầm cố, các công ty kinh doanh, môi giới chứng khoán... Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Cùng với việc đa dạng hóa các tổ chức, các sản phẩm dịch vụ; cần nhanh chóng hiện đại hóa hệ thống tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm với các nội dung tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng địa bàn, quy mô các hình thức thanh toán tự động; tăng cường kết nối, liên kết và rút ngắn thời gian thực hiện các giao dịch liên thông giữa các tổ chức tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm; mở rộng hệ thống thanh toán qua tài khoản cá nhân, tiến tới thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường an ninh trong các hoạt động tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm. Dịch vụ tài chính - ngân hàng - bảo hiểm phải tạo điều kiện thuận lợi cho huy động và luân chuyển vốn, phục vụ tốt hoạt động đầu tư, thương mại cả trong và ngoài nước.

Dự báo GTSX nhóm dịch vụ này tăng bình quân 15-17%/năm.

Dịch vụ giáo dục đào tạo và chăm sóc con người: Cùng với nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, Hà Nội cần tăng cường liên kết với các trường đại học, các bệnh viện có uy tín trên thế giới để xây dựng một số trường đại học quốc tế, phát triển thêm các bệnh viện quốc tế để không những đáp ứng yêu cầu giáo dục và chăm sóc sức khỏe của nhân dân Thủ đô, nhân dân cả nước mà còn có thể tiếp nhận học sinh, sinh viên, bệnh nhân từ các nước trong khu vực đến Hà Nội du học và chữa bệnh. Đây phải được coi là một trọng điểm trong phát triển dịch vụ trình độ cao ở Hà Nội thời gian tới. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; đẩy mạnh đào tạo theo địa chỉ; tăng cường đào tạo nghề với cơ cấu và trình độ phù hợp yêu cầu chuyển dịch cơ cấu và hiện đại hóa kinh tế Thủ đô. Dự báo GTSX nhóm dịch vụ này tăng bình quân 12-14%/năm.

Dịch vụ thương mại: Phải phát huy thế mạnh trung tâm vùng, đầu mối giao thông để xây dựng Hà Nội thành trung tâm bán buôn, nơi thu hút và phát luồng hàng của cả vùng và đi các tỉnh trong cả nước. Hoạt động thương mại của Hà Nội cần tăng cường phối hợp với hệ thống thương mại ở các địa phương; tăng cường mối liên kết với các cơ sở sản xuất và phải vươn lên đảm trách vai trò định hướng, hướng dẫn sản xuất.

Phát triển hệ thống thông tin thương mại rộng rãi, thuận lợi, kịp thời và hiệu quả. Tăng cường văn minh thương mại, tiếp tục phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, xây dựng nâng cấp một số chợ đầu mối quy mô lớn, trung tâm thu gom, quản lý và bán buôn gắn với kiểm dịch, chế biến, bảo quản, phân loại trước khi phân phối đến các chợ bán lẻ; tích cực sắp xếp, thu hẹp hình thức bán hàng trên vỉa hè, bán hàng rong... Phát triển các dịch vụ bán hàng tự động; hiện đại hóa hệ thống quản lý giá và thanh toán. Phân đấu mức tăng trưởng lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ đạt bình quân 12-14%/năm.

Dịch vụ du lịch và dịch vụ đối ngoại: Phát huy thế mạnh của một Thủ đô ngàn năm văn hiến, một Thủ đô có nhiều di tích văn hóa, lịch sử và cảnh đẹp thiên nhiên, xây dựng du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng của Thủ đô; xây dựng Hà Nội không chỉ là một trung tâm du lịch lớn của cả nước, mà còn trở thành điểm đến của khu vực và thế giới. Phát triển mạnh du lịch văn hóa – sinh thái; đa dạng hóa những loại hình du lịch: du lịch tìm hiểu khám phá phong tục tập quán, truyền thống lịch sử; du lịch vui chơi giải trí, nghỉ ngơi và dưỡng bệnh; du lịch tâm linh, du lịch công vụ...; liên kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng để mở rộng không gian du lịch của Thủ đô theo các tuyến, các tour phù hợp³⁴; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch. Nâng mức chi tiêu và thời gian lưu trú trên địa bàn của khách du lịch. Phần đầu tăng doanh thu du lịch bình quân 15-17%/năm; lượng khách du lịch tăng 15-16%/năm; gắn kết các dịch vụ du lịch, dịch vụ đối ngoại với các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và xuất khẩu tại chỗ. Du lịch và dịch vụ đối ngoại phải kết hợp thu hút đầu tư và quảng bá thương hiệu sản phẩm của Thủ đô với thị trường trong nước và nước ngoài.

Huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch. Hình thành và phát triển dịch vụ đối ngoại: hội nghị, hội thảo quốc tế, tổ chức các hoạt động bên ngoài hội nghị, các dịch vụ cho người nước ngoài ăn, ở, đi lại..., phục vụ hoạt động các văn phòng của các tổ chức quốc tế...

Dịch vụ giao thông vận tải: Phát triển đồng bộ, đa dạng các loại hình vận tải: đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không. Nâng cao chất lượng, giảm chi phí vận tải để đẩy mạnh lưu thông hàng hoá, nguyên liệu phục vụ sản xuất và xuất khẩu của toàn bộ ngành kinh tế. Coi trọng phát triển vận tải công cộng, đa dạng các loại hình vận tải hành khách công cộng; phần đầu đến 2010 đưa vào sử dụng 1, 2 tuyến xe điện thí điểm, nâng tỷ lệ đi lại bằng phương tiện công cộng ở Thủ đô lên khoảng 40-45%; nghiên cứu tiếp tục xây dựng các tuyến xe điện khác ở Thủ đô; tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và mức độ tiện dụng của hệ thống xe buýt, đảm bảo đáp ứng khoảng 27-33% nhu cầu đi lại; sử dụng chủ yếu các biện pháp kinh tế để quản lý và hạn chế phương tiện giao thông cá nhân.

1.2.2. Ngành công nghiệp

Tiếp tục chủ trương phát triển công nghiệp có chọn lọc mà Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố Hà Nội đã đề ra. Tập trung phát triển nhanh hơn một số ngành, sản phẩm công nghiệp có tính chất dẫn đường, như: công nghệ tin học (cả phần mềm và phần cứng), công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo

⁽³⁴⁾ Các tuyến về phía Tây theo trục Láng - Hòa Lạc với các điểm du lịch Chùa Thầy, Chùa Tây Phương, Chùa Trăm Gian, khu du lịch Đồng Mô, Ao Vua, Khoang Xanh, Suối Hai, vườn quốc gia Ba Vì, K9...; tuyến phía Tây Nam với các điểm du lịch Bích Động, Hương Sơn, vườn quốc gia Cúc Phương, Nhà thờ đá Phát Diệm...; du lịch về cuối nguồn với điểm du lịch Đền Hùng; du lịch sinh thái Tam Đảo; du lịch văn hóa và nghỉ biển vùng châu thổ sông Hồng; khám phá cảnh đẹp Hạ Long...

khuôn mẫu; các ngành và sản phẩm đòi hỏi công nghệ cao: công nghiệp điện tử, cơ khí chính xác, dụng cụ y tế, công nghiệp dược, hoá mỹ phẩm... Các ngành công nghiệp khác, Thành phố không khuyến khích phát triển (nhưng không hạn chế), mà đề cơ chế thị trường tự điều tiết trên cơ sở tuân thủ các điều kiện về môi trường, xã hội. Phần đầu giá trị gia tăng công nghiệp tăng bình quân khoảng 12-12,5%/năm; đến năm 2010 công nghiệp chiếm khoảng 42 - 42,5% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố.

Quan tâm tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn, giữa công nghiệp TW và công nghiệp địa phương và với các địa phương khác để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghiệp Thủ đô. Hình thành sự phân công sản xuất, tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm, lựa chọn các công đoạn và các chi tiết sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường.

Định hướng phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực :

Nhóm ngành điện tử - tin học: Tiếp tục phát triển phương thức lắp ráp các thiết bị điện tử, tin học để đào tạo công nhân, tiếp nhận công nghệ và đáp ứng nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước và tham gia xuất khẩu; đồng thời tăng cường liên kết với các tập đoàn điện tử, tin học lớn trên thế giới để tiếp nhận công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất linh kiện trong nước, kể cả những linh kiện điện tử chính như các chip điện tử, bo mạch, màn hình...; khẩn trương nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm điện tử - tin học. Tập trung nâng cao chất lượng, mở rộng thị phần các thiết bị điện, điện tử, dây dẫn và vật liệu cho ngành điện do Hà Nội sản xuất. Khuyến khích sản xuất các sản phẩm điện tử - tin học mang thương hiệu Hà Nội. Phần đầu tăng GTSX công nghiệp nhóm ngành điện tử - tin học khoảng 17-18%.

Ngành điện tử - tin học Hà Nội phải đảm bảo cung ứng các thiết bị thông tin liên lạc cho các ngành kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân; thiết bị tự động hoá cho công nghiệp cơ khí chế tạo và các ngành công nghiệp khác của Thủ đô, vùng và cả nước; tham gia chủ động và tích cực vào cơ cấu mắt xích ngành điện tử - tin học khu vực và thế giới.

Nhóm ngành cơ - kim khí và chế tạo khuôn mẫu: Với vị thế và điều kiện Hà Nội, không nên phát triển các ngành công nghiệp cơ - kim khí sử dụng nhiều nguyên liệu, năng lượng như luyện kim, sản xuất động cơ lớn, mà cần ưu tiên phát triển sản xuất các loại động cơ nhỏ, các sản phẩm điện cơ, cơ khí chính xác, dụng cụ học tập, dụng cụ thí nghiệm, các chi tiết máy hiện đại, các sản phẩm tiêu dùng cao cấp, máy móc, thiết bị văn phòng... Tích cực hơn trong chuyên nhanh các đơn vị, xí nghiệp cơ - kim khí sản xuất động cơ lớn ra khỏi nội thành. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế tạo khuôn mẫu cung cấp cho nhu cầu sản xuất của Thủ đô, các địa phương trong nước và xuất khẩu.

Trong giai đoạn 2006-2010, phần đầu tăng GTSX công nghiệp nhóm ngành cơ - kim khí khoảng 16-17%/năm.

Nhóm ngành công nghiệp vật liệu mới: Có cơ chế khuyến khích các ngành, các doanh nghiệp tích cực nghiên cứu tìm ra và sử dụng các loại vật liệu mới thay thế các vật liệu truyền thống. Tập trung ứng dụng các công nghệ vật liệu mới trong ngành điện tử - tin học, cơ khí chế tạo và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, các loại vật liệu ứng dụng công nghệ nano.

Nhóm ngành hóa dược và mỹ phẩm: Hà Nội là một thị trường lớn, đồng thời có một đội ngũ cán bộ có trình độ, có khả năng phát triển ngành công nghiệp dược và công nghiệp hóa mỹ phẩm. Trong thời gian tới, Hà Nội cần ưu tiên phát triển ngành hóa dược và hóa mỹ phẩm thành một ngành công nghiệp mũi nhọn, có đóng góp lớn cho đáp ứng nhu cầu thuốc chữa bệnh cho người và gia súc và mỹ phẩm cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Công nghiệp hóa dược cần tập trung phát triển theo hướng đi ngay vào công nghệ hiện đại. Phối hợp, lồng ghép các nguồn lực TW, địa phương, doanh nghiệp, nhân dân... xây dựng một số phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ nghiên cứu cơ bản cho công nghiệp hóa dược. Kết hợp tốt công nghệ sản xuất tiên tiến với hiện đại hóa sản xuất các sản phẩm đông dược. Phần đầu tăng GTSX nhóm ngành công nghiệp hóa dược - mỹ phẩm khoảng 16-18%/năm giai đoạn 2006-2010.

Nhóm ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm: Cần gắn các cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của Hà Nội không thể dừng lại ở chế biến, bảo quản mà phải định hướng phát triển các sản phẩm chế biến tinh, sử dụng công nghệ tiên tiến, nhất là các công nghệ sinh - hóa; quan tâm chất lượng an toàn thực phẩm và độ dinh dưỡng cao trong các sản phẩm công nghiệp chế biến. Giai đoạn 2006-2010, phần đầu tăng GTSX nhóm ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm khoảng 13-14%/năm.

Một số ngành công nghiệp có tiềm năng cần quan tâm tạo điều kiện hình thành, phát triển: ngành công nghiệp sản xuất các thiết bị bảo vệ môi trường (thiết bị xử lý nước thải, thiết bị lọc nước...), sản xuất trang thiết bị phục vụ giao thông vận tải (xe có động cơ chở khách và vận tải hàng hóa, đầu máy, toa xe đường sắt...). Do yêu cầu nâng cao chất lượng môi trường, nếu trong thời gian tới không sản xuất được trong nước thì khối lượng nhập khẩu các thiết bị bảo vệ môi trường sẽ tăng rất cao. Dự kiến GTSX hàng năm của nhóm ngành công nghiệp này tăng khoảng 15-16%/năm.

Công nghiệp truyền thống: Trong nhiều ngành nghề, làng nghề truyền thống của Hà Nội, cần lựa chọn những nghề, làng nghề để khôi phục, phát triển; quan tâm kết hợp tốt công nghệ hiện đại với kỹ nghệ truyền thống. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa một số khâu, một số công đoạn đối với các

ngành nghề truyền thống nhằm nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng, quy mô, hiệu quả và sự đồng đều của các sản phẩm truyền thống.

Đẩy nhanh việc lấp đầy các khu công nghiệp tập trung, tiếp tục xây dựng các khu công nghiệp quy mô lớn ở ngoại thành (Nam Thăng Long, Hoà Lạc,...) để thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước. Cần đặc biệt quan tâm lựa chọn thu hút những ngành, sản phẩm sử dụng công nghệ tiên tiến phù hợp tiềm năng thế mạnh ở Thủ đô. Xem xét, cải tạo một số khu công nghiệp cũ, kiên quyết đưa nhanh các doanh nghiệp ô nhiễm ra khỏi nội thành và các khu dân cư. Không tiếp tục xây dựng mới các cơ sở dệt may, da giày trong nội thành, đồng thời khuyến khích chuyển dần lĩnh vực sản xuất này về các địa phương.

1.2.3. Ngành nông nghiệp

Quy hoạch ổn định vùng sản xuất nông nghiệp, xác định rõ vành đai xanh (gắn với phạm vi phát triển đô thị) để tập trung đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và hiện đại hoá sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích. Giai đoạn 2006-2010, phấn đấu giá trị gia tăng nông - lâm - thủy sản tăng bình quân khoảng 1,5-2%/năm; đến năm 2010 nông nghiệp chiếm khoảng 1,5% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố. Khắc phục cơ bản tình trạng giữ đất chờ giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển đô thị, dẫn đến sản xuất cầm chừng (không mạnh dạn đầu tư lớn) trong sản xuất nông nghiệp như hiện nay.

Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông - lâm - thủy sản theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản và giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Phấn đấu đến năm 2010, nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi - thủy sản lên khoảng 52-55% trong cơ cấu GTSX nông - lâm - thủy sản (tăng bình quân 6-7%/năm); giảm tỷ trọng ngành trồng trọt xuống 45-48% (tăng 2-2,5%/năm).

Trên cơ sở quy hoạch ổn định, sản xuất nông nghiệp của Hà Nội phải kết hợp chặt chẽ và phục vụ tốt mục tiêu môi trường (vành đai xanh) và phát triển du lịch ở Thủ đô. Nông nghiệp không chỉ nhằm mục tiêu sản xuất các sản phẩm nông nghiệp mà phải quan tâm đến lợi ích tổng thể về môi trường và du lịch. Với ý nghĩa đó cần quy hoạch và xây dựng các vùng hoa, vùng cây ăn quả, vùng nuôi trồng thủy sản với quy mô hợp lý, giảm diện tích trồng cây lương thực. Hình thành một số trung tâm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi và bảo tồn các loại gen quý hiếm.

Định hướng phát triển một số lĩnh vực, sản phẩm cụ thể :

Phát triển hoa, cây cảnh: Phát triển các vùng hoa, cây cảnh vừa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, vừa định hướng phục vụ nhu cầu xuất khẩu để nâng cao giá trị kinh tế và thu nhập cho người sản xuất; đồng thời kết hợp phục vụ tốt mục tiêu phát triển du lịch.

Khẩn trương quy hoạch vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung với quy mô hợp lý để có điều kiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (nhà kính và nhà lưới),

ứng dụng KHCN hiện đại để nâng cao chất lượng và độ đồng đều của hoa cây cảnh, đảm bảo quy mô sản lượng phục vụ nhu cầu xuất khẩu; tránh tình trạng sản xuất manh mún, mỗi địa phương đều có vùng trồng hoa với quy mô nhỏ lẻ, rải rác, hiệu quả không cao. Phần đầu đến năm 2010 có khoảng 2.500-3.000 ha hoa, cây cảnh tập trung.

Để gắn các vùng hoa, cây cảnh với phát triển du lịch cần quy hoạch và xây dựng hạ tầng vùng hoa và đa dạng hóa các giống hoa, cây cảnh để tạo cảnh quan đẹp cả 4 mùa phục vụ nhu cầu tham quan, thưởng ngoạn của du khách.

Phát triển cây ăn quả: Cùng với phát triển phân tán tại các hộ gia đình cần quy hoạch một số vùng cây ăn quả tập trung ở những khu vực có điều kiện thổ nhưỡng phù hợp, có truyền thống trồng các loại cây trái đặc sản như cam Canh, bưởi Diễn... Xây dựng mô hình nhà vườn để kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch vườn. Phần đầu đến năm 2010 có khoảng 3.500-4.000 ha cây ăn quả tập trung, trong đó 50% là các loại cây đặc sản.

Các loại rau quả: Chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân Thủ đô và nhu cầu rau cao cấp, rau an toàn của các nhà hàng, khách sạn. Vùng trồng rau an toàn cần phát triển với quy mô hợp lý (không quá lớn) ở các huyện ngoại thành và khu vực ngoài các bãi sông trên địa bàn. Tập trung đầu tư xây dựng mô hình nhà lưới là chủ yếu để đảm bảo chất lượng và độ an toàn, tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm rau an toàn của Hà Nội; nâng cao thu nhập của người trồng rau và sớm thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phương thức sản xuất công nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp "sạch". Phần đầu đến năm 2010 có khoảng 12.000 ha rau quả tại Từ Liêm, Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, trong đó 1/4 là rau cao cấp.

Sản xuất lương thực: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giảm diện tích trồng lương thực ở những khu vực quá cao hoặc quá trũng. Quan tâm chuyển dịch cơ cấu cây lương thực sang những giống chất lượng cao (không quá chú trọng về năng suất), phù hợp điều kiện thổ nhưỡng; đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất giống mới cung cấp cho vùng.

Phát triển chăn nuôi: Tập trung phát triển theo mô hình chăn nuôi công nghiệp, đưa chăn nuôi ra xa các khu dân cư, tập trung vào các địa bàn Sóc Sơn, một phần Đông Anh và Gia Lâm; hình thành các trang trại chăn nuôi lợn nạc, gia cầm quy mô hợp lý; phát triển đàn bò sữa ở những nơi có điều kiện.

Phát triển nuôi trồng thủy đặc sản: Hình thành một số vùng sản xuất thủy đặc sản chất lượng cao trên cơ sở tận dụng và khai thác tốt mặt nước hiện có và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở các vùng trũng, ngập nước. Tiếp tục chuyển khoảng 1.500-2.000 ha ruộng trũng ở các huyện Thanh Trì, Sóc Sơn, Gia Lâm, Đông Anh sang nuôi trồng thủy đặc sản hoặc kết hợp 1 vụ lúa - 1 vụ thủy sản.

Khuyến khích phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp: dịch vụ chế biến, tiêu thụ, bao tiêu sản phẩm (cả trong nước và xuất khẩu), dịch vụ khoa học kỹ thuật và các dịch vụ phục vụ sản xuất khác. Hình thành mô hình liên kết giữa các doanh nghiệp (kinh doanh siêu thị, nhà hàng...) với người sản xuất nông nghiệp.

Giai đoạn 2006-2010, nông nghiệp Thủ đô chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa và sản phẩm chất lượng cao, tạo thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp; quan tâm phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Phân đầu đạt tối thiểu 70 triệu đồng/ha đất canh tác. Quan tâm tạo điều kiện xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp: thịt gia súc, gia cầm, đồ hộp, hoa, cây cảnh...

1.3. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần, vùng

1.3.1. Theo thành phần

Trong xu hướng hội nhập kinh tế và thực hiện các cam kết quốc tế, môi trường pháp lý cho hoạt động kinh tế ở nước ta sẽ được thống nhất trên một mặt bằng (hợp nhất Luật DNNN với Luật Doanh nghiệp; hợp nhất Luật Đầu tư nước ngoài với Luật khuyến khích đầu tư trong nước); sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế nhà nước, ngoài quốc doanh, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sẽ dần được xoá bỏ. Các cơ chế, chính sách ưu đãi, bao cấp đối với khu vực kinh tế nhà nước như hiện nay chắc chắn không tồn tại lâu dài; đầu tư từ ngân sách cho các DNNN sẽ thực hiện chủ yếu thông qua mô hình Công ty đầu tư tài chính. Mọi thành phần kinh tế được cạnh tranh bình đẳng (trong khung khổ pháp luật) trong cơ chế thị trường và được tham gia đầu tư vào tất cả các lĩnh vực mà Nhà nước không cấm.

Bên cạnh đó, trong một vài năm tới, Nhà nước ta đã có chủ trương sớm xoá bỏ cơ chế cơ quan nhà nước chủ quản đối với các doanh nghiệp, tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng sản xuất, kinh doanh; các DNNN TW và Thành phố được hoạt động theo Luật và quản lý theo lãnh thổ. Sau khi hoàn thành lộ trình sắp xếp, nâng cao hiệu quả các DNNN (phần đầu trong năm 2005), khoảng một nửa số DNNN thuộc Thành phố quản lý được chuyển thành các công ty cổ phần, công ty TNHH 1 thành viên.

Như vậy, việc dự báo chi tiết cơ cấu kinh tế Thủ đô cho giai đoạn 2006-2010 theo các thành phần kinh tế như hiện nay (kinh tế Nhà nước TW, Nhà nước địa phương, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân...) sẽ khó chính xác và không mang ý nghĩa thực tiễn cao. Tuy nhiên, trong vài năm đầu, vẫn cần tiến hành nghiên cứu, đánh giá về tình hình, xu hướng phát triển của từng thành phần kinh tế để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp. Theo tính toán của nhóm chuyên gia, đến năm 2010 khu vực kinh tế trong nước chiếm khoảng 75-78%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 22-25% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố.

Dự báo một số xu hướng lớn về chuyển dịch cơ cấu trong từng thành phần kinh tế Thủ đô như sau:

Trong giai đoạn 2006-2010, dự báo xu hướng chung về phát triển các thành phần kinh tế Thủ đô là: hoạt động theo cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa cạnh tranh vừa hợp tác phát triển; quan hệ hợp tác, liên kết ngày càng linh hoạt hơn giữa các thành phần kinh tế, loại hình sở hữu và phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh; chú trọng về chất lượng, hiệu quả và đa dạng hoá kinh doanh, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo hàng đầu; từng bước hình thành mô hình tập đoàn kinh tế đa sở hữu có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh cùng với hệ thống các doanh nghiệp vệ tinh (chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) hoạt động trong các ngành phụ trợ hoặc sản xuất sản phẩm theo từng công đoạn. Ranh giới phân biệt giữa các thành phần kinh tế không còn rõ nét, mà có sự hợp tác, đan xen, lồng ghép, không quá tách bạch: DNNN có thể tham gia góp vốn đầu tư, mua cổ phần của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và ngược lại; một dự án đầu tư được huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau (vốn doanh nghiệp, vốn ngân hàng, vốn nhân dân...).

Kinh tế nhà nước tiếp tục là lực lượng sản xuất quan trọng và là công cụ để Thành phố định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; tư liệu sản xuất và tài sản của Nhà nước được quản lý và sử dụng ngày càng hiệu quả. Cùng với việc xoá bỏ cơ chế bao cấp, số lượng các DNNN trên địa bàn sẽ giảm dần, nhưng hiệu quả và năng lực cạnh tranh tăng lên; tập trung trong một số lĩnh vực then chốt, những lĩnh vực mà tư nhân chưa có khả năng tham gia hoặc không muốn tham gia. Sự phân biệt giữa DNNN TW và DNNN địa phương dần được xoá bỏ, các DNNN trên địa bàn được chủ động hoạt động theo pháp luật.

Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh với nhiều loại hình đa dạng, quy mô phù hợp, tham gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, kể cả những lĩnh vực hiện nay còn do Nhà nước nắm giữ (vận tải hành khách công cộng, kinh doanh nhà ở, môi trường...). Các doanh nghiệp sẽ được thành lập và phá sản, giải thể, chia tách, sáp nhập theo yêu cầu phát triển; lĩnh vực hoạt động cũng không cố định (tham gia những lĩnh vực mang lại lợi nhuận). Đây sẽ là khu vực kinh tế năng động và hiệu quả, góp phần quan trọng giải quyết việc làm, thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế. Quan hệ liên doanh, liên kết giữa kinh tế ngoài quốc doanh và các loại hình kinh tế khác ngày càng mở rộng, đa dạng và hiệu quả hơn.

Kinh tế tập thể sẽ tiếp tục được đổi mới và phát triển. Các HTX tham gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau (giao thông vận tải, kinh doanh nhà ở, môi trường...) với quy mô, tổ chức và cơ chế vận hành ngày càng đa dạng; hình thành một số HTX, liên hiệp HTX tiêu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ quy mô lớn, cơ sở vật chất hiện đại mang dáng dấp của một doanh nghiệp cổ phần. Quan hệ liên doanh, liên kết giữa HTX với các thành phần kinh tế khác

sẽ ngày càng mở rộng và hiệu quả hơn. Ranh giới giữa các mô hình HTX và doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ ngày càng mờ dần.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển mạnh và có xu hướng chuyển thành doanh nghiệp cổ phần thông qua việc bán cổ phần cho người lao động hoặc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia đầu tư gián tiếp thông qua hình thức mua cổ phiếu của các doanh nghiệp trong nước. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (hoặc liên doanh với các nhà đầu tư tư nhân trong nước) tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ hiện đại và ngày càng có vai trò quan trọng phát triển kinh tế Thủ đô.

1.3.2. Theo khu vực (vùng):

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng thường được nghiên cứu với phạm vi rộng (khu vực, vùng kinh tế lớn hoặc cả nước). Trong cơ cấu kinh tế của một địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng thường không có ý nghĩa thực tiễn nhiều. Trong những năm tới, Thủ đô sẽ tiếp tục đô thị hoá nhanh chóng, xuất hiện nhiều quận, huyện mới cùng với các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch ở ngoại thành. Như vậy, việc phân định các vùng phát triển ở Thủ đô sẽ rất khó khăn, khó chia ranh giới rõ nét giữa nội, ngoại thành. Định hướng chung cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo vùng như sau: *trong khu vực đô thị và khu dân cư, ưu tiên phát triển mạnh dịch vụ, nhất là các dịch vụ thương mại, dịch vụ xã hội, hạn chế phát triển công nghiệp; tại các vùng đất xấu, không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (khu vực nông thôn) được dành cho phát triển công nghiệp; các khu vực còn lại dành cho phát triển nông nghiệp (theo hướng đô thị, sinh thái) và du lịch.*

Định hướng và giải pháp hữu hiệu để giảm dần khoảng cách giữa các vùng, tích cực giải quyết việc làm, giảm nghèo và phát triển bền vững ở Thủ đô là cùng với việc duy trì, cải tạo (có mức độ) ở khu vực nội thành cũ, cần tập trung đầu tư mạnh ra ngoại thành (theo quy hoạch) để khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, nâng cao hiệu quả đầu tư và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành theo hướng CNH, HĐH; đồng thời, giảm sức ép cho nội thành, giải quyết những bức xúc về quá tải hạ tầng... Ưu tiên các nguồn lực đầu tư để chuẩn bị xây dựng và phát triển đô thị mới Bắc Sông Hồng quy mô khoảng 8.000-10.000 ha (trên địa bàn huyện Đông Anh và một phần huyện Sóc Sơn hiện nay). Trong 5 - 10 năm tới, việc ra đời khu đô thị hiện đại này cùng với các trung tâm hành chính, thương mại, khu du lịch của nó sẽ làm thay đổi cơ bản bộ mặt đô thị Thủ đô và góp phần quan trọng trong việc đưa cơ cấu kinh tế Thủ đô chuyển dịch sang Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp.

Quy hoạch mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Thủ đô theo hướng kéo dài các đường giao thông từ Hà Nội đi các tỉnh lân cận, tạo thành các trục phát triển, có sự liên kết giữa các vùng phụ cận với Hà Nội bằng các đường xương cá. Tập trung xây dựng hệ thống giao thông hiện đại (các đường vành đai I, II,

III, IV, các cầu qua sông Hồng, đường cao tốc đi Ninh Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Việt Trì, Thái Nguyên, Hoà Lạc...). Ưu tiên các nguồn lực cả trung ương và địa phương phát triển các thành phố vệ tinh lân cận Hà Nội để giảm dần di dân cơ học vào Thủ đô. Đây là định hướng quan trọng tạo tiền đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành và các vùng lân cận Hà Nội theo hướng CNH, HĐH, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng.

D. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006-2010

1. Xây dựng chiến lược phát triển Thủ đô đến 2030 để làm cơ sở xây dựng đồng bộ các loại quy hoạch

Gắn quy hoạch phát triển Thủ đô với quy hoạch phát triển của vùng và cả nước; nâng cao chất lượng xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; xây dựng nhanh, đồng bộ các quy hoạch trực tiếp phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng CNH, HĐH với cơ cấu: Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp

Phối hợp với TW xây dựng đồng bộ, thống nhất các Quy hoạch vùng Thủ đô, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Từ căn cứ đó, tiến hành rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch của Thành phố (Quy hoạch kinh tế - xã hội, Quy hoạch xây dựng, các quy hoạch chuyên ngành); quan tâm đổi mới nội dung và phương pháp lập quy hoạch phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Thủ đô. *Quán triệt nguyên tắc chủ đạo là các quy hoạch chỉ mang tính định hướng và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư.*

Cần chú ý các biện pháp sau:

Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển Thủ đô trong mối liên hệ gắn kết với cơ cấu kinh tế vùng và cả nước và có tầm nhìn đến năm 2030. Để tăng tính khả thi của các quy hoạch và phù hợp yêu cầu kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, trong quá trình lập quy hoạch phải phân tích kỹ các yếu tố quốc tế, nhất là thị trường và đối thủ cạnh tranh của Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng. Đồng thời chú trọng *kêu gọi sự tham gia, phát huy vai trò của các hiệp hội ngành nghề, các Tổng công ty lớn và của cộng đồng trong quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch.*

Nghiên cứu đổi mới công tác phê duyệt và quản lý quy hoạch, đảm bảo quy hoạch là văn bản định hướng cho đầu tư và kinh doanh của mọi thành phần kinh tế; đẩy mạnh phân cấp quy hoạch cho các quận, huyện Thành phố theo Luật Xây dựng. Đảm bảo gắn kết quy hoạch không gian đô thị với định hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nâng cao tính kết nối giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch phát triển các ngành. Chú trọng triển khai nhanh quy hoạch phát triển đô thị tại các khu vực ven nội và ngoại thành; quan tâm quy hoạch nối kết hạ tầng khu đô thị mới với bảo đảm

điều kiện sống của các làng xã lân cận; khắc phục có hiệu quả tình trạng phát triển đô thị mang tính chấp vá, lộn xộn như gần đây.

Trong năm 2006 tập trung hoàn thành khung quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Bắc sông Hồng để làm cơ sở kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước xây dựng và phát triển thành phố mới hiện đại (đô thị Bắc sông Hồng). Quy hoạch, xác định cụ thể vành đai xanh, khu vực sản xuất nông nghiệp ổn định lâu dài của Thủ đô để tập trung xây dựng cơ sở vật chất gắn liền với chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch sinh thái.

Trên cơ sở các quy hoạch trên, tập trung điều chỉnh định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có hàm lượng KHCN cao, có hiệu quả kinh tế, có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh. Thành phố sẽ tập trung hỗ trợ những ngành, sản phẩm, khu vực có tác động lớn đến phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô. Cùng với phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, cần đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp môi trường.

Mạnh dạn chuyển dịch các cơ sở sản xuất có trình độ công nghệ thấp, sử dụng nhiều lao động giản đơn³⁵ (kết hợp với đầu tư nâng cấp công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường) ra vùng ven nội và các tỉnh lân cận nhằm giảm sức ép về tăng dân số cơ học cho Thủ đô, đồng thời tạo ra các cơ sở công nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn khác.

Phát triển mô hình khu công nghiệp tổng hợp: khu công nghiệp + khu nhà ở + khu thương mại, dịch vụ. Việc triển khai các cụm công nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển đến 20-30 năm sau.

2. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, mở rộng thị trường trong và ngoài nước

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, nhất là các dịch vụ trình độ cao (như tài chính - ngân hàng, khoa học & công nghệ, giáo dục, y tế...) thì một trong những yêu cầu quan trọng là cần phát triển đồng bộ các loại thị trường; không chỉ thị trường hàng hóa, vật tư sản xuất mà phải phát triển nhanh thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học & công nghệ, thị trường lao động... và đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực dịch vụ. Giải pháp để phát triển đồng bộ các loại thị trường là Nhà nước cần ban hành các cơ chế, chính sách cho phép và hướng dẫn hoạt động của tất cả các loại thị trường; có cơ chế hỗ trợ đối với những thị trường mới vận hành.

Cùng với phát triển đồng bộ các loại thị trường, cần quan tâm mở rộng thị trường thương mại & dịch vụ cả trong và ngoài nước. Đối với thị trường hàng hóa cần tập trung xây dựng hệ thống kênh phân phối hàng hoá hợp lý, hiệu quả, đa dạng, ổn định, vững chắc. Hà Nội cần tập trung phát huy tốt thế mạnh là đầu mối giao lưu hàng hoá, dịch vụ và đầu mối phát luồng hàng hoá (bán buôn và

³⁵ dệt, may, sản xuất hoá chất cơ bản, thuộc da...

bán lẻ) lớn nhất khu vực phía Bắc. Xây dựng và phát triển hành lang Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để hình thành trục kinh tế - thương mại có vai trò động lực và dẫn dắt thị trường đối với khu vực phía Bắc và cả nước phát triển.

Để thực hiện nội dung trên, cần chú ý các biện pháp:

Chủ động phối hợp với Trung ương và các địa phương hình thành 2 hành lang, 1 vành đai kinh tế với Trung Quốc (hành lang Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam và Hải Phòng - Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh; vành đai Hải Nam - Quảng Tây - Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội...) nhằm đẩy mạnh quan hệ thương mại hai chiều, hợp tác phát triển du lịch và các lĩnh vực khác giữa 2 quốc gia Việt Nam - Trung Quốc, đồng thời làm tốt vai trò cầu nối quan trọng giữa ASEAN - Trung Quốc. Thông qua các tuyến hành lang kinh tế này, hàng hoá & dịch vụ của ASEAN có điều kiện thâm nhập thị trường Vân Nam, Tây Nam Trung Quốc và ngược lại hàng hoá Trung Quốc cũng được xuất khẩu sang thị trường ASEAN (với chi phí hạ, thời gian nhanh hơn).

Tăng cường liên doanh, liên kết để tổ chức các kênh lưu thông, phân phối, mở rộng thị trường cung cấp hàng hoá từ Hà Nội đến các địa phương và ngược lại. Nâng cao vai trò của các doanh nghiệp Thủ đô trong liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hoá; tổ chức tìm nguồn hàng, tạo vùng nguyên liệu cho sản xuất và xuất khẩu; từng bước hình thành mô hình liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp Hà Nội và doanh nghiệp các địa phương khác. Nghiên cứu cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào lĩnh vực thương mại, kinh doanh siêu thị, chợ...

Tập trung làm tốt công tác nghiên cứu thị trường. Thường xuyên cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp. Phối hợp với TW hàng năm tổ chức đánh giá, dự báo động thái thị trường thế giới, khu vực và thị trường trong nước để hỗ trợ hiệu quả cho việc xác định phương hướng sản xuất, kinh doanh, đầu tư của các doanh nghiệp.

Xây dựng và triển khai cơ chế phối hợp giữa Hà Nội (thông qua một cơ quan đầu mối) với các tham tán thương mại Việt Nam ở nước ngoài, trong đó quy định rõ trách nhiệm của mỗi bên. Định kỳ hàng quý, Hà Nội cung cấp cho các tham tán thương mại thông tin về tình hình kinh tế - xã hội và những cơ chế, chính sách mới ban hành. Các tham tán thương mại cung cấp cho Hà Nội thông tin về thị trường, cơ hội kêu gọi đầu tư tại các nước...

Kết hợp và đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường; quan tâm phát triển các thị trường và sản phẩm xuất khẩu không bị hạn chế bởi quota. Chủ động xây dựng kế hoạch tham gia lộ trình CEPT, AFTA và gia nhập WTO, chương trình xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

3. Tập trung xây dựng và tiếp tục hoàn thiện nhanh các cơ chế, chính sách phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đã định, phù hợp với các định chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ năm 2006, bên cạnh mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, Thành phố phải *đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng tăng trưởng* để đảm bảo phát triển bền vững với tầm nhìn đến năm 2010, 2020. Trên cơ sở chiến lược phát triển và các quy hoạch được duyệt, các cơ quan quản lý Nhà nước Thành phố cần tập trung vào công tác xây dựng cơ chế, chính sách tổ chức triển khai các định hướng đã thống nhất. Trong đó, tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hỗ trợ doanh nghiệp hiện đại hoá công nghệ, giảm mạnh chi phí trung gian, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường sức cạnh tranh. Khi xây dựng các cơ chế, chính sách cần chú ý đảm bảo yêu cầu bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp bằng cách chỉ thực hiện khuyến khích, ưu đãi theo ngành, theo nhóm sản phẩm và theo vùng, theo trình độ công nghệ và khả năng sản xuất..., không thực hiện các hỗ trợ theo loại hình doanh nghiệp hay theo thành phần kinh tế.

Để phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực, Thành phố cần tập trung xây dựng và triển khai ngay các cơ chế, giải pháp cụ thể, đồng bộ, đúng tầm, với mục tiêu đem lại lợi ích trực tiếp cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động trong những ngành, lĩnh vực này. Cùng với chủ trương nhất thể hoá một Luật Doanh nghiệp (xoá bỏ phân biệt giữa DNNN - doanh nghiệp ngoài quốc doanh), một mặt Thành phố cần cắt giảm các cơ chế hỗ trợ (theo loại hình doanh nghiệp) như hiện nay; mặt khác, đối với doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực khuyến khích phát triển, Thành phố có cơ chế hỗ trợ một phần chi phí đầu tư, tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ đổi mới công nghệ, hỗ trợ thông tin thị trường..., để định hướng các doanh nghiệp chủ động, tự giác tham gia phát triển các lĩnh vực mà Thành phố khuyến khích, phục vụ hiệu quả mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô trong giai đoạn tới.

Tập trung hơn các nguồn lực (trước mắt chủ động dành một phần ngân sách Thành phố) để hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch, thương mại, y tế, giáo dục đào tạo. Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển nhanh các lĩnh vực dịch vụ mà Hà Nội có lợi thế như: thương mại, du lịch và các dịch vụ đô thị công cộng (vận tải hành khách bằng xe buýt, cấp nước sạch, thu gom và xử lý rác...). Tăng cường chất lượng dịch vụ là trọng tâm chỉ đạo trong giai đoạn hiện nay để chuyển mạnh sang cơ cấu kinh tế *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*.

Trong cơ chế thị trường định hướng XHCN, việc xác định chính xác và ban hành các cơ chế, chính sách tạo động lực cho các thành phần kinh tế là một trong những giải pháp cơ bản để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng. Các cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố phải chuyển mạnh sang xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn doanh nghiệp và giúp đỡ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, kiểm tra việc thực hiện luật pháp trên địa bàn Thành phố.

4. Tạo chuyển biến rõ nét về thu hút và sử dụng hiệu quả đầu tư trong và ngoài nước; điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô

Thủ đô Hà Nội là thành phố đang có tốc độ đô thị hoá và phát triển nhanh đòi hỏi phải có lượng vốn đầu tư lớn. Trong cơ chế thị trường định hướng XHCN, vốn ngân sách Nhà nước sẽ được tập trung cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đảm bảo công bằng xã hội, đầu tư vào một số lĩnh vực tư nhân không được làm hoặc không muốn làm (phi lợi nhuận) và hỗ trợ phát triển một số lĩnh vực theo định hướng. Các lĩnh vực khác sẽ từng bước được xã hội hoá, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Trong những năm tới, nhiệm vụ trọng tâm của Hà Nội là ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, tạo tiền đề phát triển kinh tế, tương xứng với vai trò đô thị trung tâm của cả nước và khu vực.

Để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 11-12% trong giai đoạn 2006-2010, căn cứ vào đặc điểm đầu tư những năm qua, xu hướng các năm tới, dự báo nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2006-2010 cần khoảng 310.000-315.000 tỷ đồng. Chi tiết khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư như sau:

Nguồn vốn trong nước giai đoạn 2006-2010 dự báo nhu cầu khoảng 240.000-242.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 77% tổng đầu tư xã hội (bao gồm vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư của DNNN, vốn tín dụng đầu tư, vốn đầu tư của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân tự đầu tư). Trong đó:

Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 24%, tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế, hỗ trợ đầu tư các công trình quốc phòng, an ninh và các dự án hợp tác đã ký kết giữa Hà Nội với các địa phương.

Vốn DNNN đầu tư chiếm khoảng 25%, tập trung chủ yếu phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng các khu đô thị mới.

Vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước chiếm khoảng 2%, tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Vốn doanh nghiệp ngoài quốc doanh và nhân dân tự đầu tư ngày càng tăng và có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội Thành phố, chiếm khoảng 26%.

Nguồn vốn ngoài nước bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) dự báo nhu cầu khoảng 70.000-72.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 23% tổng đầu tư xã hội. Trong đó:

Vốn ODA chiếm khoảng 3%, tập trung chủ yếu cho kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 20% (gồm cả vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài), đây là nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô. Nguồn vốn này sẽ tạo điều kiện đổi mới công nghệ, thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn, đặc biệt đối với một số lĩnh vực khuyến khích phát triển của Thành phố (điện tử, chế tạo linh kiện, bản mạch, cơ khí chính xác, phát triển một số lĩnh vực dịch vụ...).

Đề huy động được lượng vốn trên và sử dụng hiệu quả phục vụ tốt yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách: khai thác mọi nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; rà soát, đôn đốc các khoản nợ đọng; mở rộng phân cấp thu cho quận, huyện, uỷ nhiệm thu cho xã, phường; chống thất thu đối với khu vực ngoài quốc doanh; phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 10%/năm. Đẩy mạnh triển khai các dự án đấu giá đất mới để có mức thu cao hơn, đảm bảo vốn đáp ứng các mục tiêu đầu tư của Thành phố. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai tài chính ở các đơn vị sử dụng ngân sách.

Cải thiện môi trường đầu tư, tạo chuyển biến rõ nét về thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức vận động, xúc tiến đầu tư theo một chương trình chủ động, có hiệu quả, phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực và đối tác cụ thể. Tiếp tục tổ chức, tham gia các diễn đàn, hội thảo xúc tiến đầu tư tại những quốc gia, vùng có tiềm năng về vốn, công nghệ, trình độ quản lý; phối kết hợp chặt chẽ với bộ phận xúc tiến đầu tư tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để chủ động vận động, xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với từng dự án, từng tập đoàn, công ty, nhà đầu tư có tiềm năng. Ưu tiên hàng đầu là *thu hút đầu tư và công nghệ của các tập đoàn, công ty xuyên quốc gia, thực hiện chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn.* Tạo điều kiện cho các tập đoàn, công ty này nghiên cứu thị trường, mở văn phòng đại diện tại Hà Nội từ đó thúc đẩy đầu tư vào Thành phố. Bên cạnh việc phát triển khu công nghệ cao, cần xây dựng nhanh một số vườn ươm công nghệ làm hạt nhân thúc đẩy đổi mới, hiện đại hoá công nghệ sản xuất. Đồng thời, cần quan tâm kết hợp, lồng ghép các hoạt động xúc tiến đầu tư ngay tại Việt Nam và Hà Nội, nhất là nhân dịp các ngày kỷ niệm, lễ hội lớn diễn ra trên địa bàn Thành phố.

Thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư Thành phố để tạo điều kiện thống nhất đầu mối quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài (một cửa). Tất cả mọi thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư (thỏa thuận địa điểm, quy hoạch, môi trường, xin cấp đất...) sẽ được thực hiện tại Trung tâm xúc tiến đầu tư. Tăng cường công tác nghiên cứu tình hình kinh tế, thị trường đầu tư, chính sách đầu tư của các nước, tập đoàn và công ty lớn để lựa chọn các đối tác chiến lược, các đối tác tiềm năng và đề ra các biện pháp tích cực tăng cường thu hút đầu tư vào Thủ đô. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu đề án thành lập Quỹ xúc tiến đầu tư. Dự

kiến kinh phí của Quỹ xúc tiến đầu tư sẽ được huy động từ nhiều nguồn: một phần từ ngân sách Thành phố cấp (trích từ nguồn thu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), một phần kêu gọi tài trợ nước ngoài (từ những chương trình, dự án xúc tiến đầu tư nước ngoài) và một phần từ đóng góp của các hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước...

Chủ động chuẩn bị trước các ý tưởng đầu tư để kêu gọi các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài mới, đồng thời quan tâm hỗ trợ, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình triển khai dự án (đang hoạt động). Có biện pháp giải quyết kịp thời để đẩy nhanh tiến độ các dự án đã được cấp phép đang gặp khó khăn. Xây dựng cơ chế khuyến khích *các nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư* trên địa bàn giới thiệu (kêu gọi) cho nhau về môi trường đầu tư của Thành phố.

Cùng với các biện pháp kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài cần quan tâm đẩy mạnh huy động vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Những năm tới đây, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường liên kết với thị trường chứng khoán khu vực và thế giới, chắc chắn đây sẽ là nguồn vốn quan trọng, đáp ứng một phần nhu cầu phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô.

Đẩy mạnh huy động vốn đầu tư xã hội, *mở rộng xã hội hóa đối với những lĩnh vực trước đây do ngân sách đầu tư*; chuyển mạnh các hoạt động sự nghiệp công ích sang cơ chế dịch vụ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (cụ thể như: dịch vụ thu gom, vận chuyển rác, vận chuyển hành khách công cộng, cung cấp nước sạch, y tế, đào tạo, thể thao...); thí điểm khoán chi cho doanh nghiệp công ích, tiến tới việc Nhà nước ký hợp đồng cung cấp sản phẩm công ích với các thành phần kinh tế. Nghiên cứu thành lập Tổng công ty dịch vụ đô thị (hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con).

Triển khai các biện pháp để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển cho Thành phố: phát hành trái phiếu công trình, đầu tư theo phương thức BOT. Tích cực triển khai đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất nhỏ lẻ, đất kẹt; đấu giá khai thác một số khu vực công cộng, công viên, khu vui chơi giải trí...; phát triển nhanh thị trường chứng khoán để huy động vốn từ các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh (nhất là nguồn vốn trong nhân dân).

Thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó thống nhất một số nguyên tắc sau:

- *Vốn ngân sách nhà nước của Trung ương* tập trung đầu tư các công trình lớn, các đường giao thông liên tỉnh, đường vành đai 3, 4, các cầu qua sông Hồng, chỉnh trị, công hóa các sông, kè vỡ sông Hồng, sông Đuống, xây dựng hệ thống đường sắt đô thị, tàu điện ngầm, mở rộng sân bay Nội Bài...

- *Vốn ngân sách nhà nước của Thành phố* tập trung xây dựng các cơ sở hạ tầng lớn phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế (hệ thống giao thông đường bộ, đường sông); hỗ trợ xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, một số khu thương

mại, du lịch; xây dựng các công trình phúc lợi công cộng (hệ thống trường học, bệnh viện, trạm y tế...); hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa; đầu tư phát triển một số lĩnh vực sản xuất trọng yếu của nền kinh tế.

- *Vốn ngân sách của các quận, huyện* chủ yếu tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trực tiếp đáp ứng những vấn đề dân sinh bức xúc trên địa bàn.

- *Vốn của doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong và ngoài nước* (kể cả các hộ gia đình, nhân dân...) tập trung đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, phát triển các ngành, lĩnh vực theo định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô. Đây là lực lượng chính thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, do đó các cơ chế, chính sách của Nhà nước cần tập trung khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ lực lượng này phát triển theo định hướng đã định.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ưu tiên đào tạo công nhân kỹ thuật cao

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh hơn nữa và thực sự đi đầu trong việc cải cách và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở Thủ đô nhằm phát triển nhanh hơn nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiếp tục xây dựng và triển khai cơ chế phát huy sức mạnh của đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trên địa bàn; sử dụng có hiệu quả tiềm năng chất xám hàng đầu cả nước vào phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô, thúc đẩy nhanh hơn tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Cần chú ý các biện pháp sau:

Xây dựng chiến lược về giải quyết việc làm và phân bố lao động. Chiến lược này cần được đặt trong mối quan hệ thống nhất với định hướng phát triển các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ; định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển các khu đô thị mới, trung tâm thương mại; định hướng phát triển nghề và làng nghề truyền thống, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực ngoại thành, nông thôn... Nghiên cứu và triển khai phân luồng đào tạo sau trung học cơ sở gắn với đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề trình độ cao và đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động.

Chú trọng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động, nhất là đào tạo nghề trình độ cao phục vụ các doanh nghiệp trên địa bàn và các địa phương lân cận. Quan tâm đào tạo các kiến thức về kinh tế thị trường cho cán bộ quản lý. Khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp để gắn đào tạo với sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

Kêu gọi hợp tác quốc tế trong đào tạo; mở rộng liên doanh, liên kết với nước ngoài. Quan tâm đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động. Triển khai nhanh các dự án Trường đào tạo công nhân kỹ thuật cao tại Từ Liêm, trường công nhân kỹ thuật Việt Hàn tại Đông Anh...; ưu tiên đào tạo nghề cho khu vực nông thôn và vùng đô thị hóa nhanh.

Nghiên cứu xây dựng phương án thành lập cơ sở đào tạo giám đốc doanh nghiệp có trình độ tiên tiến thế giới. Cơ sở đào tạo được Thành phố hỗ trợ kinh phí để mời (thuê) giáo viên, người quản lý tại các trung tâm đào tạo nổi tiếng (Hoa Kỳ, Anh, Úc...) trong một số khoá đầu.

6. Đẩy mạnh các hoạt động khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tập trung hiện đại hoá trang thiết bị và công nghệ trong các ngành kinh tế, các doanh nghiệp ở Thủ đô

Tăng cường các hoạt động KH-CN hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh. Tập trung phát triển mạnh công nghệ thông tin và tự động hóa trong quản lý, sản xuất, trong sản phẩm công nghiệp và trong các lĩnh vực dịch vụ. Nhanh chóng xây dựng, phát triển thương mại điện tử; thực hiện hỗ trợ về hạ tầng viễn thông đối với các doanh nghiệp phần mềm vừa và nhỏ. Quan tâm các biện pháp đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bản quyền, chống sao chép bất hợp pháp để thúc đẩy phát triển công nghiệp phần mềm.

Để thực hiện các nội dung trên cần chú ý các biện pháp sau:

Đưa nhanh hoạt động khoa học & công nghệ vận hành theo cơ chế thị trường. Quan tâm thực hiện nghiêm túc các chế tài về sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả. Xây dựng mô hình và thí điểm triển khai một số chợ công nghệ ở các địa điểm thuận lợi, với hình thức thích hợp (chợ thực hoặc chợ ảo) để chủ sở hữu sản phẩm khoa học & công nghệ và người có nhu cầu có thể giao dịch, mua bán trao đổi; đối tượng tham gia có thể mở rộng cả trong và ngoài nước.

Triển khai các biện pháp đẩy nhanh phát triển kinh tế tri thức tại Hà Nội: tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục đào tạo và KH-CN; đổi mới hệ thống giáo dục và dạy nghề, quan tâm đào tạo kỹ năng về công nghệ thông tin, ngoại ngữ và các công nghệ mới; có cơ chế đặc thù để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia giỏi, việt kiều, tạo môi trường và cơ hội cho lực lượng này phát huy tài năng, tham gia xây dựng và phát triển Thủ đô; hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ cao hoặc sử dụng công nghệ cao (không chỉ tập trung vào công nghệ thông tin như hiện nay); tập trung đào tạo nhanh đội ngũ lập trình viên, công nhân phần mềm; đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế để tiếp nhận nhanh và có hiệu quả các thành tựu tri thức của thế giới.

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cho các trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ để đổi mới thiết bị, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất; nâng dần tỷ lệ tự động hoá và tin học hoá. Củng cố các trung tâm đã có và thí điểm thành

lập một số trung tâm mới như: trung tâm khuôn mẫu (cơ khí, da, giày,...), trung tâm vật liệu mới, trung tâm tự động hoá và tin học công nghiệp, trung tâm công nghệ sinh học... Các trung tâm này đóng vai trò cung cấp mẫu, hoàn chỉnh quy trình công nghệ và chuyển giao cho doanh nghiệp có nhu cầu.

Nghiên cứu xây dựng đề án thành lập các Quỹ đầu tư rủi ro, Quỹ hỗ trợ sản phẩm mới để khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ, đầu tư tạo sản phẩm mới. Nguồn vốn cho các quỹ này được huy động từ: hỗ trợ của ngân sách, đóng góp của doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị nghiên cứu, tài trợ của các tổ chức quốc tế...

7. Chuyển mạnh đầu tư ra ven nội và ngoại thành; điều chỉnh cơ cấu dân cư để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các khu vực ngoại thành

Thực hiện nhất quán chủ trương chuyển mạnh đầu tư ra ven nội và ngoại thành. Xây dựng nhanh các cầu qua sông Hồng, khu đô thị Bắc sông Hồng; đẩy nhanh việc nghiên cứu chỉnh trị sông Hồng và khai thác quỹ đất hai bên sông. Ưu tiên đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng (giao thông, điện, nước, trường học, trung tâm thương mại, viễn thông, bệnh viện...) các khu đô thị ở ven nội và ngoại thành. Trên cơ sở xây dựng và phát triển các khu đô thị ở ngoại thành sẽ tạo sức hút giảm dân từ nội thành ra, giảm những vấn đề bức xúc ở nội thành (ùn tắc giao thông, thiếu nước sạch, ngập úng...), tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các khu vực này.

Đồng thời cần triển khai chuyển dần một số bệnh viện, một số trường đại học, cao đẳng và dạy nghề, xây dựng các khu ký túc xá cho sinh viên thuê ra ngoại thành để giảm mật độ dân cư sống ở nội thành hoặc vào nội thành. Đây là biện pháp khả thi nhất cho phép giảm nhanh số người sống ở nội thành mà không gắn với nhu cầu phải tạo việc làm mới; đồng thời là biện pháp hiệu quả đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho nhân dân ngoại thành (trên cơ sở phát triển các dịch vụ phục vụ người bệnh và sinh viên).

Để thực hiện giải pháp này cần thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo xét duyệt quy hoạch, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, các chương trình, dự án, không chấp thuận việc tập trung cao vào khu vực nội thành cũ. Xác định rõ nguồn vốn từ ngân sách và ưu tiên thu hút đầu tư ra vùng ven nội và ngoại thành theo các mục tiêu trên.

8. Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước; tiếp tục củng cố kinh tế tập thể; mở rộng quy mô, chất lượng phát triển kinh tế dân doanh; phát triển nhanh hơn kinh tế đầu tư nước ngoài; đồng thời tăng cường mối liên kết, hợp tác sản xuất các doanh nghiệp giữa các thành phần kinh tế

Trong năm 2006, hoàn thành lộ trình đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các DNNN, trước hết là DNNN địa phương theo phương

án đã được phê duyệt. Nghiên cứu tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các DNNN theo những yêu cầu và tiêu chí mới; đẩy mạnh cổ phần hoá DNNN theo hướng thu hẹp số DNNN giữ cổ phần chi phối, thực hiện bán cổ phần của tất cả các DNNN khi cổ phần hoá qua Trung tâm giao dịch chứng khoán; thí điểm và mở rộng hình thức bán doanh nghiệp đối với những DNNN không cần giữ cổ phần; tiếp tục thành lập một số tổng công ty mạnh...

Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX. Tích cực tổng kết thực tiễn, xây dựng mô hình kinh tế HTX phù hợp với các loại hình kinh doanh khác nhau.

Thực hiện nghiêm túc Luật Doanh nghiệp, Luật về đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện về mặt bằng, vay vốn... nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân và thu hút vốn đầu tư nước ngoài; đồng thời nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực này.

Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tích tụ vốn, xây dựng các doanh nghiệp mạnh, các tập đoàn kinh tế đa hình thức sở hữu. Hình thành sự phân công chuyên môn hóa giữa các doanh nghiệp (cùng ngành nghề) nhằm khai thác tốt lợi thế, nguồn lực, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm (chi tiết, linh kiện, bộ phận...) để tham gia vào phân công kinh tế khu vực và quốc tế. Tạo hành lang pháp lý để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực cùng với hệ thống các doanh nghiệp vệ tinh (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa). Nghiên cứu triển khai mô hình Công ty đầu tư tài chính.

Để thực hiện mục tiêu trên cần chỉ đạo xây dựng nhanh và triển khai đồng bộ từ Thành phố đến cơ sở các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, HTX cùng tham gia; công khai hóa các cơ chế, chính sách, cải tiến thủ tục hành chính đơn giản, minh bạch.

9. Thực hiện tích cực, đồng bộ các mặt cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư và phát triển kinh tế

Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các mặt: cải cách thể chế hành chính, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức và cải cách tài chính công nhằm tạo môi trường thông thoáng, tạo chuyển biến mạnh về thu hút hiệu quả mọi nguồn lực (nội lực và ngoại lực), tạo thuận lợi trong điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo định hướng đã được xác định.

Chỉ đạo quyết liệt, khẩn trương, nghiêm túc, đồng bộ để đẩy nhanh cải cách hành chính; cải thiện quan hệ của cơ quan hành chính với dân; đặc biệt quan tâm củng cố bộ máy chính quyền cơ sở. Kết hợp triển khai đồng bộ cơ chế “một cửa” ở tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước với thực hiện cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính giữa các sở, ngành, quận, huyện, đơn vị thuộc Thành phố, đảm bảo mỗi công việc chỉ thực hiện qua 1 đầu mối. Xác

định rõ chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chính quyền các cấp, các cơ quan chuyên môn; hoàn thành tách chức năng sản xuất kinh doanh khỏi chức năng quản lý hành chính nhà nước ở các sở, ngành Thành phố trong khối kinh tế và quản lý đô thị trong năm 2006.

Nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với chức năng và nhiệm vụ; nhất là trách nhiệm của Giám đốc các Sở và Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Kiện toàn đội ngũ cán bộ, đảm bảo tính chất chuyên nghiệp của bộ phận này nhằm giải quyết các thủ tục hành chính thông thoáng, đơn giản, minh bạch, đúng luật. Quan tâm nâng tầm văn hoá công sở của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính, đề cao kỷ luật thi hành công vụ, làm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm công chức lãnh đạo, công chức thi hành công vụ nhằm xây dựng bộ máy công quyền thật sự của dân, do dân, vì dân. Tăng cường thanh tra công vụ, công tác kiểm tra, giám sát của HĐND các cấp đối với việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Cải cách hành chính là công tác lâu dài, phải thực hiện đồng bộ, phải gắn tiến trình này với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Thành phố.

10. Chủ động, tăng cường phối hợp với Trung ương; đẩy mạnh hợp tác phát triển với các địa phương, trọng tâm là hợp tác kinh tế

Khẩn trương thực hiện chủ trương sớm xoá bỏ cơ chế cơ quan nhà nước chủ quản đối với các doanh nghiệp, tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh; tiến tới thực hiện các doanh nghiệp hoạt động theo Luật và được quản lý theo lãnh thổ, không phân biệt doanh nghiệp trung ương và doanh nghiệp địa phương, chỉ có doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn.

Cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau đây:

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương, giữa chính quyền địa phương các cấp (tỉnh - huyện - xã) theo tinh thần Nghị quyết 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ, phân định rõ những nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, ngành với nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền Thành phố đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Đẩy mạnh hợp tác với các thủ đô, các thành phố lớn trong khu vực châu Á và thế giới, trọng tâm là hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế, đô thị, văn hoá, xã hội. Phối hợp đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế với tỉnh Vân Nam và khu vực Tây Nam Trung Quốc. Tổ chức tốt các hoạt động, hội nghị

quốc tế trên địa bàn Thành phố, coi đây là nhiệm vụ chiến lược quan trọng nhằm đẩy mạnh quảng bá và thu hút đầu tư, du lịch.

Tăng cường hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong cả nước, trước hết là các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Thủ đô; trọng tâm là hợp tác về kinh tế. Yêu tố đảm bảo sự thành công của chiến lược hợp tác trong giai đoạn tới đây là phải có cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tự nguyện tham gia vào hoạt động hợp tác giữa các địa phương. Bên cạnh đó, cần sớm hình thành cơ chế phối hợp quản lý dân cư trên địa bàn vùng (gắn với quy hoạch dân cư đô thị và vùng nông thôn), hạn chế bùng nổ dân số cơ học tại Thủ đô (kéo theo nhiều vấn đề bức xúc về việc làm, nhà ở, sinh hoạt, y tế, giáo dục...). Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện tốt các kết luận chỉ đạo của Bộ Chính trị (Thông báo 205-TB/TW ngày 2/11/2005), của Thủ tướng Chính phủ (Thông báo số 154/TB-VPCP ngày 10/8/2004 của Văn phòng Chính phủ) và những thoả thuận về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong giai đoạn tới.

11. Các giải pháp khác

Chỉ đạo kiên quyết hiện đại hóa trong tất cả các ngành, lĩnh vực: công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp (nhất là hiện đại hóa sản xuất công nghiệp và một số ngành dịch vụ sản xuất) để nhanh chóng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, Thủ đô cần phát triển dịch vụ trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với phát triển công nghiệp và nông nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, đồng thời thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Dịch vụ không chỉ phục vụ cho Hà Nội và một số địa phương lân cận mà phải mở rộng phạm vi phục vụ cho toàn vùng, cả nước và khu vực. Khuyến khích phát triển dịch vụ chất lượng cao; mở các bệnh viện, trường quốc tế, trường công nhân kỹ thuật cao tại Hà Nội. Phối hợp với các tỉnh lân cận mở thêm các tuyến du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch để thu hút khách trong nước và quốc tế.

Tích cực phối hợp với các bộ, ngành, các doanh nghiệp trung ương trên địa bàn để thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu: tạo điều kiện để các doanh nghiệp vay vốn phục vụ xuất khẩu, thông quan nhanh hàng hoá xuất nhập khẩu và giải quyết vướng mắc trong hoàn thuế, tổ chức giao ban xuất khẩu trên địa bàn... Triển khai có hiệu quả hoạt động các điểm thông quan trên địa bàn; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ tại điểm thông quan (dịch vụ kho bãi, vận tải, bốc xếp, dịch vụ tài chính - ngân hàng,...); xây dựng mức thu phí dịch vụ hợp lý (thể hiện được các cơ chế ưu đãi của Thành phố về đất đai, vốn đầu tư...).

Xúc tiến đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp tập trung; giải quyết dứt điểm tồn tại đối với khu công nghiệp tập trung Đài Tư, khu công nghiệp Sài Đồng A. Triển khai nhanh hơn một số khu, cụm công nghiệp quy mô lớn bằng vốn trong nước (kết hợp vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn huy động...) để tạo mặt bằng và điều kiện thu hút đầu tư và di chuyển một số doanh nghiệp ra xa các khu

dân cư. Hỗ trợ phát triển nhanh các ngành công nghiệp nguồn, công nghiệp hỗ trợ để tăng tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm sản xuất trong nước và thu hút đầu tư phát triển các ngành liên quan. Hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư các cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực như: công nghiệp phần mềm, điện tử (tivi, máy tính, truyền hình kỹ thuật số), chế tạo khuôn mẫu, động cơ điện, dây cáp điện, sản phẩm xe máy và phụ tùng xe máy, sản phẩm xe đạp và phụ tùng xe đạp, dệt may xuất khẩu,...

Hình thành một số vùng sản xuất rau an toàn gắn với bảo quản, tiêu thụ có quy mô lớn tại các huyện ngoại thành. Hỗ trợ đầu tư phát triển vùng hoa tập trung tại Từ Liêm, Đông Anh; chuyển một số khu vực ruộng trũng thành vùng nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích tập trung ruộng đất, tăng quy mô sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả của các trung tâm nông nghiệp công nghệ cao.

Quá trình đô thị hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ngoại thành diễn ra khá mạnh đang tạo ra những biến động lớn về kinh tế - xã hội. Cùng với những yếu tố tích cực, Thành phố cần hết sức quan tâm giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyển đổi cơ cấu lao động, thất nghiệp, thiếu việc làm, giải quyết mâu thuẫn xã hội (liên quan đến đất đai, bồi thường...) và các vấn đề bức xúc khác; trọng tâm là ổn định cuộc sống, tạo thu nhập chính đáng, lâu dài cho người dân.

Những yêu cầu, định hướng và giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cần được triển khai thông qua các đề án, chương trình cụ thể. Trước mắt cần thành lập Ban chỉ đạo cấp Thành phố do một đồng chí lãnh đạo Thành phố trực tiếp chỉ đạo và phân công một sở, ngành Thành phố làm cơ quan thường trực theo dõi, đôn đốc triển khai. Trong tổ chức này nên mời một số bộ, ngành trung ương tham gia để phối hợp chỉ đạo trên địa bàn và trong vùng. Hàng tháng hoặc hàng quý tổ chức giao ban để kịp thời bổ sung, điều chỉnh các cơ chế, biện pháp phù hợp với biến động thị trường.

Bên cạnh các cơ chế, chính sách của Thành phố, các DNNN, trước hết là DNNN địa phương cần chủ động triển khai:

Đánh giá lại chất lượng đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp. Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của giám đốc doanh nghiệp. Nâng cao trình độ, năng lực quản lý của giám đốc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Tích cực áp dụng quản lý chất lượng sản phẩm và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế.

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực (cơ sở vật chất, vốn, nhân lực). Các doanh nghiệp có lợi thế về địa điểm kinh doanh phải nâng cao hiệu quả sử dụng, chấm dứt tình trạng cho thuê địa điểm, hoặc sử dụng lãng phí diện tích. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực (lao động) của doanh nghiệp; chú trọng bố trí công việc đúng yêu cầu và phù hợp trình độ, năng lực cán bộ, người lao động.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ và công khai tài chính của doanh nghiệp. Xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, đại diện và bảo vệ quyền lợi cho người lao động, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành doanh nghiệp.

II. XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HÀ NỘI

A. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2020

Theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2020, về định hướng chung, các khu vực thuộc Hà Nội hiện nay sẽ phát triển như sau:

1. Hướng phát triển về phía Nam sông Hồng:

Hoàn thiện đồng bộ theo dự án đã được phê duyệt và khớp nối các dự án.

Khu vực Nam Thăng Long và 5 phường quận Tây Hồ, đến năm 2020 diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3280 ha để tạo điều kiện liên kết với Tỉnh Hà Tây. Các dự án trong khu vực gồm có: khu công nghiệp Nam Thăng Long; Ciputra - Tây Hồ Tây; các khu xây dựng tập trung; khu trung tâm mới Xuân La.

Khu vực quận Cầu Giấy và khu phát triển mới tới sông Nhuệ, đến năm 2020 nhu cầu xây dựng đô thị khoảng 2586 ha. Các dự án trong khu vực gồm có: công viên Mễ Trì; Trung tâm thể dục thể thao Mỹ Đình; khu đô thị mới Trung Yên, Yên Hòa và Saparof.

Khu vực quận Thanh Xuân và khu phát triển mới, đến năm 2020 diện tích đất đô thị khoảng 1663 ha. Các dự án trong khu vực là: khu công nghiệp Pháp Vân - Cầu Bươu; Trung tâm dịch vụ Linh Đàm.

Khu vực phía Nam đường Minh Khai, nhu cầu xây dựng đất đô thị khoảng 1.990 ha. Các dự án trong khu vực là: khu công nghiệp Minh Khai - Vĩnh Tuy - Thanh Trì; công viên Yên Sở; khu dân cư Mai Động.

2. Hướng phát triển về phía Bắc sông Hồng:

Tạo điều kiện cho việc mở rộng phát triển và liên kết với các tỉnh Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Cụ thể các dự án:

Khu vực phía Bắc cầu Thăng Long: đến năm 2020 nhu cầu đất xây dựng đô thị khoảng 3850 ha. Đây sẽ là khu đô thị mới phát triển tổng hợp nhiều chức năng: khu công nghiệp tập trung - khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh - khu thể dục thể thao - khu dân cư, đặc biệt là Trung tâm giao dịch tài chính quốc tế Phương Trạch. Các dự án trong khu vực là: sân gôn Deaha, khu công nghiệp Sumitomo, khu đô thị mới NorthBridge.

Khu vực Cổ Loa: Đến năm 2020, nhu cầu xây dựng đất đô thị khoảng 3245 ha.

Khu vực Đông Anh: Đến năm 2020, nhu cầu xây dựng đất đô thị khoảng 1430 ha.

Khu vực Nam và Bắc sông Đuống, gồm: thị trấn Gia Lâm - Sài Đồng - Đức Giang - Yên Viên, dự kiến đến năm 2020 diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 4295 ha.

Chỉ tiêu nhà ở bình quân đợt đầu 12 m²/người, dài hạn 18 - 20 m²/người.

Trong khu phát triển mới, bảo tồn, nâng cấp các làng xóm hiện có. Xây dựng mới theo hướng tiên tiến, đồng bộ, hoàn chỉnh và đậm đà bản sắc dân tộc. Chính trang 5 cửa ô tạo bộ mặt đô thị mới.

3. Trong khu nội thành

Gìn giữ di sản văn hoá, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và công trình kiến trúc có giá trị. Xây dựng lại một số trường học đã xuống cấp, các công trình phúc lợi công cộng. Hạn chế chiều cao các công trình xây dựng mới trong khu phố cũ, chỉ bố trí những công trình cao tầng ở vị trí thích hợp.

4. Phát triển công nghiệp

Các khu công nghiệp được khai thác theo 2 hướng để tạo khả năng phát triển kinh tế, liên kết với các khu vực lân cận. Cải tạo lại các khu công nghiệp hiện có, sắp xếp cho phù hợp với quy hoạch Thành phố đồng thời xây dựng mới 1 số khu công nghiệp tập trung như: Khu công nghiệp Sài Đồng A và B; Nam và Bắc Thăng Long; Đông Anh; Sóc Sơn đồng thời cải tạo các khu Đức Giang, Cầu Bươu, Pháp Vân, Cầu Diễn. Dự kiến đất dành cho công nghiệp năm 2020 là 3000 ha (năm 2005 là 1950 ha)

5. Hệ thống trung tâm công cộng

Bao gồm các trung tâm hiện có như: Trung tâm Chính trị Ba Đình, Trung tâm hành chính - chính trị của Thành phố tại khu vực Hồ Hoàn Kiếm. Phát triển các trung tâm mới như: Trung tâm thương mại - tài chính Tây Hồ, Tây Nam Thăng Long, Phương Trạch, Vân Trì, Gia Lâm, Tây Nam Cổ Loa và Xuân Trạch.

6. Hệ thống giao thông đường bộ

Hoàn thành tuyến đường vành đai 3 từ ga Bắc Hồng qua cầu Thăng Long, qua Thanh Xuân, qua cầu Thanh Trì, qua sông Đuống tại Trạm bơm Bốt Vàng sang cầu Phù Đổng nối với Yên Viên lên đường 18 (dự kiến). Trong tương lai khi đường vành đai 3 trở thành đường đô thị sẽ phải mở thêm đường vành đai 4 qua cầu Thượng Cát theo đường 70, qua ga Việt Hưng và nhập vào đường vành đai 3.

Các trục hướng tâm chính: quốc lộ 1, quốc lộ 5, quốc lộ 32, quốc lộ 6, trục Hòa Lạc vành đai 3. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường hiện có trong Thành phố, hoàn thiện các tuyến: Láng Trung - La Thành - Ngọc Khánh - Liễu Giai - Hoàng Hoa Thám, Cầu Giấy - Kim Mã - Hùng Vương, Cầu Giấy - La Thành - Đại Cồ Việt - Trần Khát Chân, Kim Mã - Thủ Lệ - Nghĩa Đô, Láng Hạ - vành đai 3;

Xây dựng trục Bắc sông Hồng, ngã ba cầu Chui - cầu Đông Trù - Cổ Loa - Bắc Thăng Long. Ngoài 3 cầu hiện có là: Chương Dương, Thăng Long và Long Biên, để giao lưu giữa đô thị 2 bên bờ sông Hồng, lần lượt xây dựng thêm 5 cầu mới: cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, cầu Nhật Tân, cầu Tứ Liên, cầu Thượng Cát.

7. Giao thông đường sắt quốc gia

Hiện tại tuyến đường sắt phía tây đã hoàn thành từ ga Bắc Hồng qua cầu Thăng Long, qua ga Phú Diễn xuống Văn La về ga Việt Hưng. Đoạn đường sắt qua Thành phố chuyển thành đường sắt đô thị. Tiếp tục xây dựng tuyến đường sắt phía đông qua cầu Thanh Trì đi thẳng qua sông Đuống vào vị trí trạm bơm Bốt Vàng tới ga Yên Viên lên ga Đông Anh mới tránh cắt qua khu di tích Cổ Loa.

Hệ thống giao thông đường sắt đô thị:

Tới năm 2020 Hà Nội sẽ là thành phố có trên 5 triệu dân, theo kinh nghiệm của các nước đã phát triển trên thế giới, những thành phố có trên 1 triệu dân cần phát triển hệ thống vận tải hành khách có năng lực vận tải lớn như đường sắt đô thị do đó quy hoạch điều chỉnh đã xác định, cần phải: "*xây dựng hệ thống đường sắt đô thị với loại hình linh hoạt (ngầm và nổi) cho Hà Nội*"; trước mắt 5 năm tới, phần đầu xây dựng đoạn đường sắt thí điểm từ Nhỏ đến ga Hà Nội.

8. Giao thông thủy

Khai thác hợp lý giao thông thủy gồm vận tải hàng hóa, vận tải hành khách nhất là phục vụ du lịch.

9. Giao thông hàng không:

Khai thác có hiệu quả sân bay Nội Bài đồng thời với việc phát triển nhà ga T2, mở rộng qui mô 2 đường băng song song để đảm bảo khả năng phục vụ 50 triệu hành khách/năm. Tổ chức lại sân bay để nâng thị phần hàng không cho sân bay Nội Bài.

B. XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Căn cứ vào các định hướng chung, lâu dài, từ nay đến 2010, Thành phố tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trên lĩnh vực xây dựng, quản lý, phát triển đô thị:

1. Hoàn chỉnh đồng bộ quy hoạch phát triển Thủ đô

Xây dựng và hoàn thành trong năm 2006 *chiến lược phát triển tổng thể Thủ đô đến 2030 và tầm nhìn 2050* làm cơ sở xây dựng và điều chỉnh đồng bộ các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành. Chiến lược phát triển tổng thể Thủ đô và các quy hoạch phát triển phải gắn với quy hoạch Vùng Thủ đô, quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng,

quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương lân cận nghiên cứu, đề xuất một số phương án qui hoạch địa giới hành chính mới của Hà Nội phù hợp với chiến lược phát triển Thủ đô và đất nước. Đối với một số địa bàn, dự án trọng điểm có thể thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài cùng với chuyên gia trong nước thực hiện.

Đổi mới, nâng cao chất lượng quy hoạch đảm bảo ổn định lâu dài; chú trọng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng khung, quan tâm chỉ đạo công tác thiết kế đô thị. Trong các quy hoạch cần xác định rõ lộ trình thực hiện cho từng giai đoạn 5 năm. Năm 2007 hoàn chỉnh toàn bộ các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết các quận, huyện đến 2030; hoàn thành nghiên cứu dự án cải tạo sông Hồng (đoạn Hà Nội) và khai thác hai bên sông, đề án xây dựng hệ thống đường sắt đô thị.

Trong quy hoạch, *không bố trí xây dựng thêm các bệnh viện, trường đại học, cao đẳng ở nội thành*. Quy hoạch lại và cải tạo, nâng cấp các khu tập thể cũ thành các nhà cao tầng hiện đại, chủ yếu phục vụ tái định cư tại chỗ và một phần tái định cư các dự án trong khu vực nội thành, dành diện tích dôi ra cho các nhu cầu công cộng và phục vụ thương mại, văn phòng; chú trọng chỉnh trang các khu vực nội thành cũ, quy hoạch cải tạo một ô phố cổ.

Công bố rộng rãi các quy hoạch được duyệt và quản lý chặt chẽ việc thực hiện đúng quy hoạch. Khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch phải đáp ứng mục tiêu phát triển lâu dài. Kết hợp phân cấp lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý qui hoạch chi tiết cho các quận, huyện với sự chỉ đạo thống nhất, sự giám sát thường xuyên của Thành phố, kiên quyết khắc phục tình trạng tùy tiện, manh mún trong thực hiện quy hoạch.

2. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quản lý đô thị

Có cơ chế chính sách thu hút các nguồn lực, coi trọng xã hội hoá đầu tư, ưu tiên hình thành hạ tầng khung, xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại. Thực hiện kiên quyết, nhất quán chủ trương chuyển mạnh đầu tư ra ven nội và ngoại thành.

Đầu tư, xây dựng đồng bộ các loại hình giao thông, trọng tâm là hệ thống giao thông đường bộ: hệ thống cầu, đường, phương tiện giao thông, các bãi đỗ xe, hệ thống quản lý và dịch vụ giao thông vận tải.

Tập trung xây dựng các trục giao thông chính của Thủ đô gắn với hệ thống giao thông toàn vùng và các tuyến giao thông quan trọng trong Thành phố: hoàn thành các cầu qua sông Hồng (cầu Thanh Trì, Vĩnh Tuy, Nhật Tân, khởi công cầu Tứ Liên), đường 5 kéo dài; ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông đô thị Bắc sông Hồng, đô thị Tây hồ Tây, các trục đường hướng tâm và đường vành đai, các bãi đỗ xe công cộng.

Hoàn thành cơ bản đường vành đai 1, vành đai 2,5⁽³⁶⁾, thông tuyến vành đai 2, 3 nối sang phía Bắc sông Hồng, một số tuyến đường hướng tâm, một số nút giao thông chính (Ngã Tư Sở, Kim Liên, Cầu Giấy, Bưởi...); cải tạo, duy trì và từng bước nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giao thông công cộng chủ yếu là xe buýt, kết hợp với tổ chức lại giao thông nội thành và tăng cường biện pháp đồng bộ thực hiện an toàn giao thông; tiếp tục hạn chế phương tiện giao thông cá nhân trong nội thành. Đưa vào vận hành 1-2 tuyến đường sắt đô thị, đảm bảo đến 2010 tỷ lệ đi lại bằng phương tiện công cộng trong nội thành đạt 30-35%.

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển các nhà máy nước kết hợp với mở rộng, cải tạo hệ thống đường ống và nâng cao chất lượng cấp nước, tăng cường quản lý chống thất thoát, thất thu nước sạch, xây dựng hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển khu vực Bắc sông Hồng. Đến năm 2010 tăng thêm công suất cấp nước 600.000m³/ngày-đêm.

Kiên quyết cải tạo, hiện đại hóa, hạ ngầm hệ thống tuyến điện và thông tin liên lạc trên địa bàn Thành phố. Hoàn thành việc xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống chiếu sáng công cộng, đường phố, ngõ xóm nội thành và ven nội.

Cải tạo, sắp xếp lại hệ thống chợ, phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại hiện đại kết hợp với sắp xếp lại các tuyến phố kinh doanh, tuyến phố đi bộ. Xây dựng một số chợ đầu mối quy mô lớn, siêu thị bán buôn gắn với việc phân loại, kiểm dịch động thực vật, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo quản, bao gói trước khi vào Thành phố, đảm bảo vai trò điều tiết và phát luồng của thương mại Thủ đô.

Tiếp tục xây dựng các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại; tập trung hoàn thiện các dự án khu đô thị ở phía nam sông Hồng. Huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước để xây dựng một số dự án trọng điểm ở khu đô thị Bắc Sông Hồng. Phát triển mạnh hình thức nhà và căn hộ cho thuê, quan tâm xây dựng quỹ nhà xã hội, đặc biệt là nhà ở cho công nhân. Quản lý và điều phối hợp lý, chặt chẽ quỹ nhà, quỹ đất; phát triển lành mạnh thị trường bất động sản. Bảo đảm diện tích nhà ở đô thị bình quân khoảng 9 -10 m²/ người vào năm 2010.

Phối hợp với Trung ương đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số công trình trọng điểm quốc gia: Trung tâm hội nghị quốc gia, Trụ sở Quốc Hội, Bảo tàng lịch sử quân sự quốc gia...; triển khai dự án cải tạo sông Hồng (đoạn Hà Nội), kết hợp đảm bảo yêu cầu thoát lũ, cải tạo kết cấu hạ tầng, nhà ở và bố trí lại dân cư khu vực ngoài đê.

Quản lý chặt chẽ phát triển đô thị theo quy hoạch. Tăng cường trật tự, kỷ cương trong quản lý xây dựng, quản lý và sử dụng đất đai, quản lý và sử dụng các công trình công cộng. Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm

³⁶ Vành đai 2,5 là tuyến nằm giữa tuyến vành đai 2 và 3

các vi phạm về xây dựng, giao thông và văn minh đô thị, kiên quyết chống thất thoát, lãng phí.

Đưa nhanh công nghệ mới và công nghệ thông tin vào quản lý đô thị, trước hết là quản lý giao thông, quản lý đất đai, quản lý đô điều, quản lý dân cư, quản lý hạ tầng kỹ thuật và trật tự xây dựng đô thị. Phát động phong trào nhân dân góp sức xây dựng nếp sống đô thị kết hợp với nâng cao kỷ cương trong quản lý.

3. Quản lý và điều chỉnh phân bố dân cư trên địa bàn

Hoàn thiện hệ thống đăng ký dân số, đề án quản lý dân cư, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin liên ngành về quản lý dân cư trên địa bàn Thành phố. Phối hợp tốt với các địa phương, nhất là các địa phương thuộc vùng Thủ đô đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng các đô thị vệ tinh và giải quyết việc làm ở các tỉnh để hạn chế di dân tự phát vào Hà Nội. Có biện pháp cụ thể quản lý, hướng dẫn lao động tự do từ các địa phương đến Hà Nội làm việc và tìm việc làm.

Kiên quyết chuyển một số trụ sở cơ quan nhà nước, một số doanh nghiệp, bệnh viện, trường đại học, cao đẳng và dạy nghề gắn với xây dựng các khu đô thị mới, nhà ở công nhân các khu công nghiệp, ký túc xá sinh viên ở ngoại thành để giảm mật độ dân cư nội thành.

III. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ; XÂY DỰNG NGƯỜI HÀ NỘI THANH LỊCH, VĂN MINH

A. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ

1. Những thuận lợi và thách thức đối với sự nghiệp phát triển văn hoá Thủ đô Hà Nội đến năm 2010

Để phát triển văn hoá đến năm 2010, Thủ đô Hà Nội có một số mặt *thuận lợi cơ bản* như sau:

Hà Nội là Thủ đô "ngàn năm văn hiến", nơi kết tinh, hội tụ những giá trị văn hóa của dân tộc, nơi gìn giữ một kho tàng di sản văn hoá vật thể và phi vật thể hết sức phong phú. Trên địa bàn Thủ đô hiện còn có khoảng 2000 di tích lịch sử - văn hoá - cách mạng, như: Chùa Một Cột, Chùa Kim Liên, Chùa Trấn Quốc, Chùa Láng, Chùa Quán Thánh, đền Bạch Mã, đền Hai Bà Trưng, khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Khuê Văn Các, Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây, Cột Cờ, Nhà sàn Chủ tịch Hồ Chí Minh... Đặc biệt, năm 2003, tại khu di tích khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long đã phát hiện khoảng 3 triệu di vật thể hiện trình độ cao về sáng tạo nghệ thuật và bản sắc độc đáo của người Hà Nội xưa.

Trải gần trọn một ngàn năm, Thăng Long - Hà Nội đã thu hút hiền tài bốn phương, hội tụ tinh hoa mọi miền, tiếp thu kinh nghiệm trăm vùng, xây đắp nên tinh hoa văn hoá Thăng Long - Hà Nội. Bởi vậy, phẩm chất con người và nền văn minh, văn hiến Thăng Long - Hà Nội chứa trong mình đầy đủ bản sắc văn hoá dân tộc và toả ngời nét đặc sắc của vùng đất Thủ đô. Khi yên bình

cũng như lúc chiến tranh, khi làm chủ cũng như lúc bị bọn xâm lược tạm chiếm..., bất luận trong hoàn cảnh nào Thăng Long - Hà Nội cũng đòi hỏi sinh khí của một dân tộc anh hùng và sáng tạo trong lao động và xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương, xứ sở; và càng đậm đà cốt cách bản sắc của trung tâm văn hoá tiêu biểu nước nhà. Rõ ràng, Thăng Long - Hà Nội là nơi lắng hồn núi sông, nơi hội tụ, kết tinh và toả sáng văn hoá của đất nước. Văn minh, văn hiến Thăng Long - Hà Nội được xây dựng, vun đắp, bảo vệ bằng mồ hôi, xương máu, đức cần cù, dũng cảm, trí thông minh sáng tạo của biết bao thế hệ đồng bào ta, là một nguồn vốn văn hoá vô cùng quý báu và đặc sắc, đóng góp quan trọng làm giàu di sản văn hoá dân tộc, làm phong phú nền văn minh, văn hiến nước nhà.

Toàn cầu hoá là một xu thế của thời đại, mà nước ta, trong đó có Thủ đô Hà Nội đang chủ động hội nhập. Nhưng trên thực tế, toàn cầu hoá đang đặt cả nước, trong đó có Hà Nội trước *nhiều cơ hội và thách thức mới*. Một mặt, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, kinh tế tri thức, sự hợp tác kinh tế quốc tế, sự trao đổi văn hóa và du lịch đang thúc đẩy các quốc gia ngày càng xích lại gần nhau, mở mang sự hiểu biết về các phương diện văn hóa, giáo dục và khoa học... Mặt khác, toàn cầu hoá cũng mang lại nguy cơ đồng nhất hoá các chuẩn mực, các hệ thống giá trị, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hóa - nhân tố hết sức quan trọng đối với sự phát triển bền vững của nhân loại³⁷. Hà Nội cũng phải trải qua sức ép này. Là trung tâm văn hóa - chính trị của cả nước, Hà Nội có thể trở thành trọng tâm để các lực lượng phản động tấn công, phổ biến các luận điệu phản cách mạng; là nơi dễ tiếp thu những mặt trái của "lối sống phương Tây" (tư tưởng cá nhân cực đoan, thực dụng, quá trọng đồng tiền...). Vì thế, trong quá trình giao lưu hội nhập, trước sự tác động nhiều chiều của các yếu tố nội sinh và ngoại sinh, sự nghiệp phát triển văn hoá - xã hội Hà Nội phải giữ được sắc thái văn hoá nghệ thuật của đất văn hiến ngàn năm, đó là *chất trí tuệ mà trữ tình, thanh nhã mà sâu lắng, duyên dáng, hiện đại, nhưng không xô bồ, thái quá*.

2. Vai trò và xu hướng phát triển toàn diện văn hoá Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2006 - 2010

Vai trò và xu hướng vận động phát triển văn hoá Thủ đô chủ yếu là thực hiện mục tiêu "*xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*". Hà Nội, với vai trò là trung tâm văn hoá lớn của đất nước, phải phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Hà Nội phải *làm cho văn hoá thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội và sinh hoạt của cộng đồng, tập thể và từng người*, tạo nên đời sống tinh thần cao đẹp, làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

³⁷ Lời của Tổng Giám đốc UNESCO, Federico Mayor trong Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa, Ủy ban quốc gia về thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa & Bộ Văn hóa thông tin thể thao, Hà Nội, 1992, tr. 20- 21.

Xu hướng vận động và phát triển các lĩnh vực văn hoá ở Thủ đô Hà Nội phải thể hiện được đầy đủ 5 quan điểm, 10 nhiệm vụ và 4 nhóm giải pháp mà Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII đã đề ra. Sự nghiệp văn hoá Thủ đô phải đi đầu trong lĩnh vực này và trở thành điểm sáng cho cả nước noi gương và học tập. *Có thể xác định một số xu hướng phát triển văn hoá Thủ đô đến năm 2010 như sau:*

Xu hướng *chuyển các hoạt động sự nghiệp công ích sang cơ chế dịch vụ* phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN và *đổi mới cơ chế quản lý* nhằm phát triển năng lực sáng tạo. Muốn vậy, Hà Nội phải chủ động đổi mới cơ chế quản lý theo hướng *đẩy mạnh xã hội hoá* các hoạt động văn hoá. Xu hướng này, một mặt, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển văn hoá theo hướng đa dạng hoá và xã hội hoá cao, khuyến khích và thu hút nhiều nguồn lực của xã hội, kể cả trong nước và quốc tế; mặt khác, nó cũng đặt ra những thách thức rất lớn đối với các cơ sở hoạt động trên lĩnh vực văn hoá - nghệ thuật.

Xu hướng *vừa giao lưu, gìn giữ bản sắc văn hoá vừa tiếp biến những giá trị văn hóa, khoa học tiến bộ của nhân loại*

Thông qua giao lưu, các giá trị văn hoá Hà Nội sẽ ngày càng được giới thiệu rộng rãi hơn. Để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình đến bạn bè quốc tế, tạo được hấp dẫn hơn, bản thân văn hoá Hà Nội phải tự đổi mới để phát huy sức mạnh của mình. Trước hết, trên nền tảng truyền thống, văn hoá phải tạo được nội dung phong phú và nâng cao chất lượng. Điều quan trọng nhất trong giao lưu là phải giữ được bản sắc, linh hồn riêng của Thăng Long qua những tác phẩm văn hoá nghệ thuật; tạo nên sức cuốn hút đối với nhân dân Thủ đô, nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế.

Hoạt động du lịch cũng là một lĩnh vực quan trọng để quảng bá văn hoá Thủ đô đến với các nước trên thế giới. Hà Nội được đánh giá là thành phố thứ hai có lượng khách du lịch đông ở châu Á. Với hoạt động du lịch, Hà Nội có cơ hội tốt để quảng bá văn hoá của mình với bạn bè quốc tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Trên cơ sở truyền thống văn hoá của mình, ngày nay, với chính sách mở cửa, Hà Nội lại càng có cơ hội trong việc tiếp thu các tinh hoa văn hoá thế giới. Hà Nội có thể chủ động sàng lọc, tiếp thu những giá trị văn hóa, tiến bộ của nhân loại.

3. Quan điểm phát triển

Văn học - nghệ thuật, văn hoá - thông tin có vai trò quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển văn hoá - xã hội của cả nước, trong đó có Thủ đô Hà Nội. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 10, khoá IX đã rút ra 4 kết luận quan trọng đối với sự phát triển văn học nghệ thuật, văn hoá - thông tin, đó là:

"1. Xác định văn hoá là một bộ phận hữu cơ tạo ra sự gắn kết đồng bộ giữa kinh tế, chính trị và văn hoá.

2. Tăng cường vai trò của văn hoá Đảng và văn hoá trong Đảng.

3. Tăng đầu tư cho văn hoá và văn học nghệ thuật lên 1,8% vào năm 2010, tạo tiền đề mới cho sự phát triển.

4. Tập trung xây dựng những giá trị mới đi đôi với bảo tồn và phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc nhằm bắt kịp với sự phát triển của thời đại³⁸.

Những tư tưởng đó có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xây dựng, phát triển văn hoá - thông tin Thủ đô thời kỳ mới.

Quá trình xây dựng, phát triển văn hoá Thủ đô được triển khai theo một số *quan điểm* cơ bản sau đây:

Phát triển văn hoá gắn liền với phát triển kinh tế và xây dựng thể chế chính trị; làm cho văn hoá thấm sâu vào đời sống mỗi người, mỗi gia đình, mỗi đơn vị và cộng đồng; tạo nên sức mạnh và độ bền vững của quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Chú trọng bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc song song với sáng tạo những giá trị văn hoá mới; phát triển, bổ sung cho phong phú hơn những giá trị văn hoá, văn hiến ngàn năm.

Huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển văn hoá, kết hợp sự đầu tư, hỗ trợ của Thành phố với mở rộng xã hội hoá các hoạt động, dịch vụ văn hoá.

Đề cao vai trò chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của nhân dân; phát huy tài năng sáng tạo của giới văn nghệ sỹ, báo chí; nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, quản lý của các tổ chức đảng, chính quyền và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

4. Nhiệm vụ cơ bản

Xây dựng nếp sống văn hoá từ trong gia đình, thôn, xóm, tổ dân phố, cơ quan, trường học, doanh nghiệp và mọi giai tầng xã hội. Đưa cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" phát triển thiết thực, đi vào chiều sâu. Đẩy mạnh các phong trào, hoạt động văn hoá - xã hội mang tính chất nhân văn, nhân đạo sâu sắc.

Hoàn thiện và triển khai thực hiện đồng bộ, kiên trì những quy định, quy ước, quy chế cụ thể về nếp sống văn hoá trên mọi lĩnh vực đời sống. Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện nếp sống văn hoá. Tuyên truyền, khen thưởng những gia đình thực hiện tốt nếp sống văn hoá, hiếu học.

Củng cố, hoàn thiện, phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá từ thành phố tới cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống các nhà văn hoá quận, huyện, đoàn thể, trường đại học. Chú trọng

³⁸ Nguyễn Khoa Điềm, *Vươn tới những thành tựu lý luận mang tính khoa học và nhân văn*, Tuần báo Văn Nghệ số 49 ngày 4/12/2004, tr.3.

phát triển nhà văn hoá thôn, làng, thị trấn, phường theo mô hình đa năng, sáng tạo những nội dung, hình thức sinh hoạt văn hoá phù hợp. Phát triển các hoạt động, dịch vụ văn hoá hợp lý tại những di tích, danh thắng, vườn hoa, công viên, quảng trường.

Giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hoá góp phần giáo dục truyền thống và thu hút khách du lịch. Đầu tư nhiều hơn cho việc tôn tạo, phân cấp quản lý hệ thống các di tích ở Thủ đô.

Thúc đẩy phong trào sáng tác văn học - nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Tạo điều kiện thuận lợi cho các văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tạo; đổi mới cơ chế đầu tư sáng tác, thẩm định, trao giải thưởng tác phẩm văn học - nghệ thuật. Phấn đấu có một số tác phẩm giá trị tương xứng với Thủ đô.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động thông tin, triển lãm, báo chí, văn học, xuất bản, biểu diễn văn hoá nghệ thuật. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp quản lý, phát huy tiềm năng của các cơ quan, văn nghệ sĩ ở trung ương, các tỉnh bạn đóng góp vào sự nghiệp phát triển văn hoá nghệ thuật ở Thủ đô.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hoá; xây dựng các biện pháp đồng bộ, kiên quyết để ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, các hoạt động vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, các hành vi phản văn hóa. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương, các địa phương để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân đang sinh sống, làm việc hoặc tới Thủ đô công tác, tham quan du lịch chấp hành những quy chế về nếp sống văn hoá của Thủ đô.

Đổi mới hoạt động của Sở Văn hoá - Thông tin, Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật và các hội chuyên ngành, các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hoá. Có cơ chế, chính sách phù hợp đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá để người dân thực sự vừa là người sáng tạo, vừa là người tham gia tổ chức, quản lý, phân phối và thụ hưởng các thành quả văn hoá.

5. Những giải pháp chủ yếu

5.1. Quy hoạch và phát triển mạng lưới văn hoá - thông tin cơ sở, tiêu biểu là hệ thống thư viện, bảo tàng, các công trình văn hoá, công viên vui chơi giải trí, các tượng đài...

Hoàn thiện tổ chức quản lý ngành văn hoá - thông tin Thủ đô; sắp xếp lại các đơn vị hoạt động văn hoá nghệ thuật trên địa bàn Thủ đô cho phù hợp với

quá trình phát triển kinh tế thị trường. Thực hiện các chương trình mục tiêu của Bộ Văn hoá - Thông tin trong giai đoạn 2006 - 2010.

5.2. Bảo tồn, phát huy, khai thác hợp lý và có hiệu quả các di sản văn hoá tiêu biểu cả nước và Thủ đô; phục hồi, tổ chức tốt các lễ hội truyền thống, khắc phục những mặt tiêu cực và các hoạt động mê tín dị đoan. Xây dựng và triển khai các chiến lược và dự án bảo tồn, phát huy di sản văn hoá ở Thủ đô Hà Nội, cụ thể là:

- Chiến lược "*Chấn hưng các di tích lịch sử - văn hoá Thủ đô Hà Nội*": dành đất đai, ngân sách để giải toả tình trạng "*lấn chiếm*" di tích, cải thiện dân sinh.

- Chính thức triển khai dự án bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp khu di tích Cổ Loa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Trình Bộ Chính trị, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ cho phép Hà Nội tiếp thu, quản lý trực tiếp Thành cổ Hà Nội từ Cột Cờ đến Cửa Bắc và khu di tích Hoàng thành Thăng Long ở 18 Hoàng Diệu. Đề nghị Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng Thành cổ Hà Nội, khu di tích 18 Hoàng Diệu thành khu di tích quốc gia đặc biệt và lập dự án xây dựng công viên - khu di tích Hoàng thành Thăng Long - Thành cổ Hà Nội. Tiến hành xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị Nhà nước, UNESCO công nhận Hoàng thành Thăng Long là Di sản văn hoá thế giới.

- Tổ chức bảo vệ, tôn tạo khu phố cổ Hà Nội theo hướng xã hội hoá với sự hỗ trợ mạnh của Nhà nước. Từng bước phục hồi khu phố cũ - khu nhà, biệt thự kiểu Pháp có giá trị cao về kiến trúc ở Hà Nội.

- Xây dựng Bảo tàng Hà Nội. Xây dựng các bộ sưu tập cổ vật Hà Nội thuộc Bảo tàng Hà Nội và cho phép xây dựng các sưu tập cổ vật tư nhân, tập thể.

- Lập dự án phục hồi nguyên bản một số lễ hội truyền thống tiêu biểu như lễ hội đền Gióng, Cổ Loa và đền Sái, đình Chèm, đền Hai Bà Trưng và đình Thượng Cát; lễ hội 4 di tích Thăng Long Tứ Trấn; đình Nội và đình Ngoại thờ Chu Văn An và Phạm Tu; đền thờ Ý Lan; các lễ hội Triều Khúc, đình Tây Tựu...

- Dự án đầu tư dịch, xuất bản kho sách Hán, Nôm và các thư tịch về Hà Nội.

- Dự án bảo tồn, phát huy các làng nghề thủ công truyền thống và các làng Nho học, hiếu học truyền thống Hà Nội.

5.3. Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy tài năng các văn nghệ sĩ tiêu biểu của Thủ đô; đầu tư chăm sóc các mầm non, tài năng nghệ thuật trẻ. Phát triển Quỹ văn hoá Hà Nội và Quỹ sáng tác của các hội văn học nghệ thuật.

5.4. Xây dựng các công trình văn hoá mới, hiện đại, như cửa ô phía Nam,

cung văn hoá Thăng Long, công viên văn hoá, vui chơi, giải trí hiện đại cho trẻ em (như công viên thế giới tuổi thơ). Nghiên cứu quy hoạch xây dựng ở mỗi quận, huyện có một quảng trường, công viên,...

5.5. Đẩy mạnh xã hội hoá và tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá nghệ thuật trên địa bàn Thủ đô; quản lý thị trường văn hoá phẩm, thị trường băng nhạc, băng hình, internet và các dịch vụ văn hoá khác.

Đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội; chống sự suy thoái lối sống, đạo đức xã hội; chống sự xâm nhập các sản phẩm phản văn hoá đồi trụy và âm mưu diễn biến hoà bình về tư tưởng văn hoá ở Thủ đô.

5.6. Hiện đại hoá cơ sở vật chất hệ thống thiết chế văn hoá, thông tin từ thành phố đến cơ sở; hệ thống phát thanh truyền hình, điện ảnh, báo chí, xuất bản của Thủ đô.

Hoàn thiện mạng lưới báo chí Thủ đô, thí điểm xây dựng tập đoàn báo chí (trên cơ sở báo Hà Nội mới) và tập đoàn truyền thông đa phương tiện; phát triển nhiều ấn phẩm báo chí; nhất là chương trình phát thanh, truyền hình chất lượng cao, công nghệ hiện đại. Đến năm 2010, phấn đấu 100% số hộ được xem truyền hình.

Mở rộng và nâng cao chất lượng xuất bản; đa dạng hình thức hoạt động thông tin từ cơ sở đến Thành phố, trọng tâm là truyền hình, phát thanh; nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng.

Xây dựng nhà triển lãm hiện đại của Thành phố Hà Nội ở 45 Tràng Tiền và cải tạo nhà triển lãm 93 Đinh Tiên Hoàng thành nhà triển lãm chuyên đề về mỹ thuật; phấn đấu đưa vào sử dụng trước kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Hoàn thành quy hoạch hệ thống cột treo khẩu hiệu, băngrôn trên toàn thành phố, phục vụ cho công tác tuyên truyền, cổ động của Thủ đô.

5.7. Tiêu chuẩn hoá cán bộ quản lý văn hoá - thông tin. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ văn hoá - thông tin, đội ngũ phóng viên, biên tập viên; quan tâm xây dựng đội ngũ tổng biên tập, phóng viên, biên tập viên giỏi.

Đến 2010 xây dựng hệ thống mạng vi tính quản lý văn hoá - thông tin, đảm bảo cập nhật thường xuyên các số liệu về văn hoá - thông tin, giúp cho việc đánh giá tình hình, điều hành và ra quyết định về các hoạt động văn hoá - thông tin của Thủ đô được chính xác. Phấn đấu đến năm 2010, tất cả các quận huyện của Hà Nội đều được nối mạng internet và 100% cán bộ làm công tác tuyên truyền, triển lãm tại các quận, huyện đều sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

5.8. Đẩy mạnh giao lưu và hợp tác về văn hoá - thông tin với Thủ đô các nước trong khu vực và trên thế giới; đẩy mạnh việc tuyên truyền, giới thiệu các thành tựu văn hoá nghệ thuật của Thủ đô với bạn bè quốc tế; chủ động tiếp nhận những tinh hoa văn hoá thế giới để phát triển văn hoá - thông tin Thủ đô.

B. XÂY DỰNG NGƯỜI HÀ NỘI THANH LỊCH, VĂN MINH

Do quá trình hội tụ, kết tinh những đặc trưng vượt trội về trí tuệ và những nét văn hoá từ bốn phương tập trung về Hà Nội trong suốt chiều dài lịch sử, nét đặc trưng trong tính cách người Hà Nội tuy mang tính chất phổ biến của dân tộc, song thể hiện có phần đậm nét, tinh tế hơn.

Một là, *lòng tự trọng*, bắt nguồn từ ý thức dân tộc, trân trọng và tự hào về truyền thống vẻ vang của tổ tiên, ông cha trong lịch sử dựng nước và giữ nước cũng như trong quá trình cách mạng và kháng chiến. Lòng tự trọng này cần được phát huy thành ý thức trách nhiệm và động lực tinh thần mạnh mẽ trong sự nghiệp phát triển đất nước và Thủ đô, không cam chịu nghèo nàn, lạc hậu.

Hai là, *tính trung thực, thẳng thắn, giàu nghĩa khí, coi trọng trí tuệ và đạo đức hơn tiền bạc và danh lợi*. Nét đẹp văn hoá này từng thấm sâu trong lối sống của người Hà Nội, nhưng đang bị sói mòn bởi sự tiêm nhiễm nặng nề lối sống chạy theo tiền bạc, danh lợi đi liền với tệ đối trá, bất chấp pháp luật và đạo lý.

Ba là, *óc sáng tạo, nhạy cảm với cái mới* là nét văn hoá tạo nên bản lĩnh Việt Nam trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên, với ngoại xâm để xây dựng và bảo vệ đất nước; đây cũng là điểm nổi trội của văn hoá Hà Nội, nơi tập trung cao về học vấn và các nghề tinh xảo.

Bốn là, *lịch sự, tinh tế trong cách ứng xử, giao tiếp*, xử lý các mối quan hệ một cách *mềm mại, uyển chuyển* mà hiệu quả cao. Nét thanh lịch đó vốn là một tính cách rất Hà Nội, nhưng đã và đang bị phai nhạt; ngược lại thái độ cục cằn, thô lỗ, biểu thị ý thức không tôn trọng người khác, đang có chiều hướng tăng, nhất là ở lớp trẻ; điều này thể hiện trong lời nói, dáng điệu, cách ăn mặc, cử chỉ, hành động diễn ra khắp nơi. Hà Nội thanh lịch không thể làm ngơ các hiện tượng đó mà phải tạo dư luận xã hội phê phán mạnh mẽ, làm cho người dân có ý thức gìn giữ và phát huy tính cách thanh lịch như một tài sản quý của Thủ đô³⁹.

Từ đó, *quan điểm* xây dựng người Hà Nội là xây dựng con người thanh lịch, văn minh, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và phong cách lao động sáng tạo của người Việt Nam; thực hiện sáng tạo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến 2010 và hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Mục tiêu của Thành phố đặt ra đến 2010 là xây dựng và bồi đắp cho người Hà Nội những phẩm chất cơ bản: *yêu nước, trách nhiệm, tâm huyết với Thủ đô; trung thực, tự trọng, nghĩa tình; có lối sống và nếp sống thanh lịch, văn minh; có tri thức, năng động, sáng tạo, thích nghi với yêu cầu của cơ chế thị trường*,

³⁹ Thủ tướng Phan Văn Khải, *Nâng tầm nhìn văn hoá của Thủ đô Hà Nội xứng với ngàn năm văn hiến*, Tuần tin Văn hoá Thể thao, số đặc biệt, tháng 8/2004, tr.10-11.

tiêu biểu cho phong cách lao động mới; có thể chất tốt và luôn có ý thức vươn lên trong cuộc sống.

Tiếp tục cụ thể hoá các đặc trưng về người Hà Nội thanh lịch, văn minh trong hệ thống chính trị, trong mọi cơ quan, đơn vị, trong mỗi gia đình và mọi tầng lớp nhân dân. Xây dựng văn hoá ứng xử của người Hà Nội bắt đầu từ: "*lời nói hay, việc làm tốt, phong cách đẹp*". Tuyên truyền, khen thưởng những tấm gương "*người tốt việc tốt*"; đồng thời có chế tài để ngăn chặn, xử lý các hành vi thiếu văn hoá, không phù hợp với truyền thống thanh lịch của người Hà Nội. Khơi dậy phong trào xã hội sâu rộng, với sự quan tâm đặc biệt, tinh thần trách nhiệm cao của các bậc ông, bà, cha, mẹ, anh, chị và những người lớn tuổi nói chung đối với việc giáo dục, đào tạo, vun đắp tương lai cho thế hệ trẻ Thủ đô.

IV. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

A. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Để KHCN thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, đóng vai trò động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, các cấp, các ngành phải ý thức sâu sắc quan điểm coi KHCN là quốc sách hàng đầu, từ đó ưu tiên đầu tư phát triển KHCN, đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, vận dụng sáng tạo Luật khoa học công nghệ và Pháp lệnh Thủ đô.

1. Mục tiêu phát triển

Đi đầu trong nghiên cứu sáng tạo, đổi mới và phát triển KHCN và ứng dụng, phát triển CNTT, gắn với nội dung phát triển CNH-HĐH Thủ đô. Tập trung phát triển *công nghệ trọng điểm* như *công nghệ cơ khí, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hoá, công nghệ vật liệu mới*.

Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động KHCN, đưa nhanh tiến bộ KHCN vào sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm hội nhập kinh tế toàn cầu; tích cực phục vụ chuyển dịch kinh tế Thủ đô theo hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*.

Đi đầu trong đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút, phát huy tài năng các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước, phấn đấu xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đào tạo, dạy nghề hiện đại, có uy tín của đất nước và khu vực.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

Nghiên cứu xác định, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn; tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp của Hà Nội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là ngành cơ khí, tự động hoá, điện tử, vật liệu xây dựng, điện lực, v.v...

Tập trung nghiên cứu triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ thông

tin trong phát triển kinh tế-xã hội; trong đổi mới lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành của Thành phố. Đẩy mạnh tin học hoá quản lý hành chính, phổ cập hoá tin học cho đội ngũ công chức, viên chức và thanh thiếu niên Thủ đô.

Nghiên cứu phát triển ngành nông nghiệp sạch; chế biến sản phẩm nông nghiệp ở ngoại thành, nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

Nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn, tập trung vào các chương trình, các đề tài nghiên cứu khoa học làm căn cứ cho việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, phục vụ xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng... ở Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2006 - 2010 và đến 2020.

KHCN phục vụ quản lý xây dựng và phát triển đô thị, tập trung xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch phát triển đô thị, các cụm dân cư, khu công nghiệp, khu dịch vụ thương mại của Thủ đô; chú trọng tính khoa học, thẩm mỹ và dân tộc - hiện đại của quy hoạch.

Hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường theo các tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường công tác tổ chức kiểm tra, thanh tra đo lường chất lượng các sản phẩm khoa học và sản phẩm tiêu dùng trong xã hội.

Tăng cường thông tin khoa học cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước; bảo vệ sở hữu trí tuệ; tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp Hà Nội phát huy nội lực thông qua thông tin, hỗ trợ khoa học và cơ chế chính sách KHCN.

3. Giải pháp phát triển

Các nhà quản lý, nhà khoa học ở Hà Nội tập trung nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách, vận dụng sáng tạo Luật khoa học công nghệ, Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Pháp lệnh Thủ đô để tháo gỡ vướng mắc, tạo bước đột phá cho khoa học công nghệ và công nghệ thông tin của Thủ đô thực sự phát triển.

Thu hút mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển khoa học công nghệ. Đổi mới hoạt động khoa học công nghệ, hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ. Xây dựng và phát triển thị trường khoa học - công nghệ trên địa bàn Thành phố.

Tạo môi trường thuận lợi đối với các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, đầu tư và chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại (công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới, tự động hoá...) vào sản xuất và đời sống; hỗ trợ việc ứng dụng khoa học, công nghệ và đầu tư trang thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất kinh doanh. Thực hiện quyền và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Ngăn chặn nhập khẩu, chuyển giao công nghệ lạc hậu, không phù hợp, gây ô nhiễm môi trường vào Thành phố và mọi hành vi xâm hại bản quyền.

Hàng năm tổ chức các Hội chợ công nghệ của Thủ đô. Cùng cố Trung tâm thông khoa học công nghệ, giới thiệu rộng rãi các sản phẩm nghiên cứu khoa học, các công nghệ mới, thông tin nhu cầu của các doanh nghiệp về khoa học và công nghệ. Nâng cao tính liên kết giữa khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ của Thành phố. Xây dựng 02 khu công nghệ: Nam Thăng Long và Hoà Lạc, tạo điều kiện thuận lợi nghiên cứu - triển khai, ươm tạo công nghệ.

Sớm xây dựng cơ chế trao đổi, hợp tác, liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố với các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức dịch vụ tư vấn và các doanh nghiệp trong nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất. Phát triển các hiệp hội khoa học chuyên ngành.

B. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006-2010

1. Quan điểm phát triển

Xây dựng và phát triển nền giáo dục đào tạo Thủ đô theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì Thủ đô và vì cả nước trên nền tảng những tinh hoa giá trị văn hoá của dân tộc ta, của nhân loại và những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại của thế giới, để chủ động hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức.

Xây dựng và phát triển giáo dục đào tạo Thủ đô gắn liền với phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, CNH-HĐH Thủ đô và đất nước, đi đầu trong đào tạo nhân tài và chăm lo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển nền giáo dục đào tạo Thủ đô nhằm tạo điều kiện cho mọi người được học tập và học tập suốt đời, xây dựng Thủ đô thành xã hội học tập.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ

Cùng với cả nước, nền giáo dục đào tạo của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2006-2010, một mặt phải đáp ứng nhu cầu học tập của mọi tầng lớp dân cư để phát triển và hoàn thiện nhân cách, nâng cao chất lượng cuộc sống; mặt khác phải đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô và đất nước.

Để thực hiện tốt sứ mệnh đó, mục tiêu chung của GDĐT nước ta và Thủ đô Hà Nội là xây dựng một nền giáo dục có quy mô phù hợp, chất lượng và hiệu quả cao, *đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực, dân trí và nhân tài*, phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước và nhu cầu học tập của nhân dân, phát huy cao độ nội lực, sử dụng có hiệu quả sự hợp tác quốc tế để phát triển; hình thành một nền giáo dục của Thủ đô có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Nhiệm vụ của giáo dục đào tạo của Thủ đô thời kỳ 2000-2010 đã được xác định trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010 là "*Ưu tiên đầu tư phát triển GDĐT; chăm lo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao*". Phát triển các loại hình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ khoa học, công nghệ,

các nhà quản lý kinh doanh, quản lý xã hội, công nhân kỹ thuật. Triển khai có kết quả chiến lược đào tạo nghề phục vụ CNH-HĐH và xuất khẩu lao động; từng bước sắp xếp, chấn chỉnh hệ thống các trường học trên địa bàn; cơ cấu lại một cách hợp lý lực lượng lao động có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, thợ lành nghề. *Hà Nội phải đi đầu trong đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước*; phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo có uy tín ở khu vực".

Mục tiêu cụ thể trong phát triển giáo dục đào tạo Thủ đô đến năm 2010 là:

Đi đầu trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Phấn đấu đến năm 2010: 98% số người lớn biết chữ, 85% số người trong độ tuổi 6 - 23 được đi học.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các trường chuyên nghiệp, dạy nghề ở Hà Nội. Đến năm 2010 khoảng 65% lao động qua đào tạo. Xây dựng trường Đại học Thủ đô.

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách bồi dưỡng và sử dụng nhân tài, đội ngũ chuyên gia khoa học, nhà quản lý... phục vụ công cuộc CNH-HĐH Thủ đô, đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Nội dung phát triển

Nội dung của giáo dục đào tạo Thủ đô là xây dựng *Con Người Việt Nam, Con Người Hà Nội* thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; có tư duy sáng tạo, độc lập năng động; có năng lực thực hành giỏi, yêu nghề nghiệp của mình, làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại; tôn trọng pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tác phong công nghiệp, ý thức cộng đồng và tinh thần hợp tác; có ý thức bảo vệ môi trường; có đạo đức trong sáng và sức khoẻ tốt.

Từ những mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống giáo dục đào tạo của cả nước, ngành giáo dục đào tạo Thủ đô Hà Nội đặt ra các nhiệm vụ phát triển cụ thể cho từng cấp học đến năm 2010 như sau:

Giáo dục mầm non

Trên cơ sở chương trình nuôi dạy trẻ khoa học; đội ngũ giáo viên tâm huyết, hiểu biết nghiệp vụ; một hệ thống trường lớp phù hợp với các loại hình đa dạng, với các trường mầm non chuẩn mực; một mạng lưới phổ biến kiến thức, tư vấn nuôi dạy trẻ đến từng gia đình, ngành GDĐT Thủ đô có nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ em trước 6 tuổi có chất lượng để trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ.

Đến năm 2010, trẻ em Thủ đô Hà Nội phải được chăm sóc, giáo dục dưới mọi hình thức. Mục tiêu ngành GDĐT Hà Nội phấn đấu là:

Đối với trẻ em 3 - 5 tuổi, đạt tỷ lệ đến trường 90% vào năm 2010.

100% trẻ em 5 tuổi đến lớp mẫu giáo, chuẩn bị vào lớp 1 vào 2010.

Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 20% vào năm 2010.

Giáo dục phổ thông

Tiểu học: Tạo điều kiện cho trẻ em trong độ tuổi tiểu học phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, có kỹ năng cơ bản để học tập suốt đời; có tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, yêu lao động, công bằng; có lối sống lành mạnh, thích ứng cao với yêu cầu của xã hội. Học sinh trong độ tuổi đến trường đạt tỷ lệ 100% vào năm 2010.

Phấn đấu đến năm 2010 xây dựng được hệ thống trường tiểu học kiên cố, hiện đại hoá một phần trang thiết bị. Nâng cao trình độ giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng lên 60% vào 2010.

Trung học phổ thông: Phát huy kết quả của giáo dục tiểu học, tiếp tục thực hiện giáo dục toàn diện, tạo điều kiện cho thanh thiếu niên phát triển hài hoà về đức và tài, phẩm chất và năng lực, sức khoẻ và thẩm mỹ. Vào năm 2010, hoàn thành chương trình phổ cập phổ thông trung học (kể cả ngoại thành). Nâng tỷ lệ giáo viên PTTH có trình độ đại học lên 80%; giáo viên PTTH có trình độ thạc sĩ lên 30% vào năm 2010.

Xây dựng hệ thống trung học kỹ thuật nghiệp vụ và dạy nghề:

Đến năm 2010, hệ thống trung học kỹ thuật và dạy nghề của Thủ đô phải có quy mô ngày càng mở rộng để đào tạo đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nghiệp vụ có cơ cấu phù hợp với nhu cầu của việc làm, đồng thời làm thay đổi cơ cấu lao động trong dân cư, theo hướng chuyển lao động từ nông nghiệp sang dịch vụ và công nghiệp.

Xây dựng, hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn Thủ đô, bao gồm các trường THCN, trường dạy nghề, góp phần *phân luồng sau THCS*. Xây dựng một số trường THCN, trường dạy nghề trọng điểm, chất lượng cao, đạt trình độ khu vực và thế giới. Phát triển mạnh các cơ sở đào tạo ngắn hạn, không chính quy, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng lực lượng lao động của Thủ đô để thực hiện CNH-HĐH và tăng tỷ lệ người lao động qua đào tạo.

Xây dựng hệ thống đại học:

Phần lớn các trường đại học đều tập trung ở Thủ đô. Thành phố phải có trách nhiệm cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo chăm lo, tạo điều kiện và phát huy tốt hơn nữa vai trò, trách nhiệm, đóng góp của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn phục vụ trực tiếp công cuộc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội Thủ đô.

Giáo dục không chính quy:

Phát triển hệ thống giáo dục không chính quy để tạo điều kiện thuận lợi

cho mọi người, ở mọi trình độ có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh của mình, góp phần nâng cao dân trí và đào tạo nhân lực cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Phát triển các hình thức giáo dục từ xa để đạt các trình độ tương đương, cung cấp kỹ năng nghề nghiệp có thể tạo thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần chuẩn hoá trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức từ Trung ương đến cơ sở. Đào tạo lại và bồi dưỡng những người lao động đang làm việc theo chu kỳ 5 năm một lần.

4. Giải pháp phát triển

4.1. Những vấn đề trọng tâm:

Tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và THPT;

Đào tạo nguồn nhân lực gắn liền với việc làm;

Xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo chất lượng cao;

Phát triển giáo dục không chính quy;

Cải tiến đồng bộ nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo;

Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên;

Hoàn chỉnh mạng lưới và cơ sở vật chất cho các trường học;

Tăng cường nguồn tài chính cho giáo dục đào tạo;

Đổi mới công tác quản lý giáo dục đào tạo;

Phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong giáo dục đào tạo;

Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo Hà Nội;

4.2. Các giải pháp chính:

Đổi mới quản lý giáo dục đào tạo:

Xây dựng các loại hình giáo dục đào tạo, khai thác các nguồn lực của Nhà nước, tập thể và cá nhân hợp lý để phát triển sự nghiệp giáo dục phù hợp với yêu cầu CNH-HĐH Thủ đô.

Đổi mới quản lý giáo dục đào tạo để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Xác định các trường được Nhà nước đầu tư 100%, các trường được Nhà nước đầu tư một phần, các trường phải tự trang trải kinh phí...

Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp quy quản lý ngành giáo dục đào tạo và cơ chế quản lý các loại hình giáo dục, đặc biệt là các trường ngoài công lập.

Xây dựng hệ thống thanh tra giáo dục, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của thanh tra giáo dục về chuyên môn và tài chính. Đưa hoạt động quản lý giáo dục vào nề nếp và tin học hoá công tác quản lý giáo dục. Phân cấp quản lý hợp lý cho các cấp (quận, huyện và các trường) nhằm phát huy dân chủ ở cơ sở.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm tạo động lực cho người dạy, người học, khuyến khích giáo viên giỏi. Thực hiện phong trào xây dựng môi trường *văn hoá học đường* trên địa bàn Thành phố. Phấn đấu đề Hà Nội dẫn đầu cả nước về đào tạo học sinh giỏi.

Chuẩn hoá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục:

Quy hoạch và thực hiện quy hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp. Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý theo luật công chức và đặc thù của ngành giáo dục.

Tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Xây dựng mô hình nhà giáo mẫu mực. Đẩy mạnh đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đang công tác giảng dạy một cách hợp lý, thiết thực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng hội thi giáo viên giỏi các cấp. Thực hiện luân chuyển giáo viên hợp lý để tạo nên sự phát triển đồng đều về chất lượng của các trường.

Đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập theo định hướng coi trọng thực hành, thực tế. Đề cao vai trò chủ động của học sinh trong học tập. Đưa ra khỏi ngành cán bộ quản lý và giáo viên yếu kém về phẩm chất đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ.

Hiện đại hoá cơ sở vật chất các trường học:

Quy hoạch hệ thống các trường học trên địa bàn Thành phố. Xác định tiến độ và kế hoạch đầu tư, hiện đại hoá cơ sở vật chất của các trường học, đảm bảo nhu cầu phát triển của giáo dục Thủ đô đến năm 2010. Hiện đại hoá trang thiết bị, đồ dùng dạy học, chú trọng đầu tư các công nghệ đa phương tiện phục vụ dạy học, trước hết là ở các trường trọng điểm. Tăng cường cải tạo môi trường vệ sinh, cảnh quan học đường.

Tập trung xây dựng một số trường trọng điểm, chất lượng cao có cơ sở vật chất hiện đại tương đương với các trường trong khu vực, phù hợp với quy hoạch phát triển Thành phố từ nay đến 2010.

Thực hiện xã hội hoá giáo dục đào tạo:

Có chính sách tăng cường thu hút nguồn lực cho giáo dục đào tạo ngoài ngân sách Nhà nước. Xây dựng và quản lý có hiệu quả các quỹ phát triển giáo dục đào tạo từ các tổ chức kinh tế - xã hội và sự đóng góp của nhân dân. Hoàn thiện các văn bản pháp lý để đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hoá giáo dục.

Mở rộng các loại hình giáo dục phi công lập, như: các hình thức bán công, tư thục, dân lập. Tăng cường mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường và xã hội.

V. GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ

A. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ - GIA ĐÌNH VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Hà Nội kiên trì ổn định dân số để phát triển bền vững. Thực hiện gia đình 1-2 con, khỏe mạnh, ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc là mục tiêu phấn đấu của mọi gia đình người Hà Nội.

Mọi trẻ em ở Thủ đô đều được chăm sóc, được bảo vệ, được vui chơi giải trí, được học tập để phát triển.

1.2. Chỉ tiêu cơ bản:

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,05 - 1,1%

Bình quân mỗi gia đình Hà Nội có 2 con

Số người trong độ tuổi lao động chiếm 65-66%/tổng số dân

Tỷ lệ dân thành thị của Hà Nội chiếm 80% dân số toàn thành phố

Giãn dân ở các vùng nội thành, hướng sự di chuyển lao động tỉnh ngoài tới các khu đã quy hoạch. Hạn chế tối đa các dòng nhập cư tới các quận nội thành

Có 85-90% số hộ trên toàn Thành phố đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn dưới 10%

99,5% trẻ em được tiêm chủng mở rộng

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Về dân số và nâng cao chất lượng dân số

Đẩy mạnh quản lý, vận động, giáo dục kiên trì không để tái diễn tình trạng cán bộ, đảng viên, nhân dân sinh con thứ 3, thực hiện tốt chiến lược dân số-kế hoạch hoá gia đình. Tuyên truyền sức khoẻ sinh sản; quy định tiêu chuẩn sức khoẻ và gien di truyền khi kết hôn và sinh con.

Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về sức khoẻ cho nhân dân Thủ đô: Từng bước nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân. Nâng cao thể lực bà mẹ và trẻ em. Tăng tuổi thọ bình quân. Từng bước hoàn thiện hệ thống chăm sóc y tế cộng đồng.

Nâng cao trí lực và kỹ năng lao động cho nhân dân: Mở rộng mạng lưới trường học. Đảm bảo 90% số người độ tuổi từ 6-23 tuổi tham gia học tập. ít nhất 80% thanh niên 18-23 tuổi được đào tạo, dạy nghề,

Chương trình hành động Vì trẻ em đến 2010:

Thực hiện Chương trình hành động Vì trẻ em Hà Nội 2006-2010. Đặc biệt chú trọng chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng cho trẻ em. Phấn đấu đạt mục tiêu về giáo dục, về văn hoá vui chơi lành mạnh cho trẻ em. Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt.

Về gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc:

Về bình đẳng giới: Tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm nam giới, bình đẳng nam nữ trong gia đình, trong hành vi tình dục và sinh sản. Giáo dục bình đẳng giới ở nhà trường, gia đình, xã hội; giáo dục trẻ em nam về bình đẳng, trách nhiệm trước khi bước vào lứa tuổi tình dục.

Về xã hội hoá công tác chăm sóc người cao tuổi: Nâng cao nhận thức xã hội về chính sách an sinh người cao tuổi. Nêu cao trách nhiệm gia đình và xã hội chăm sóc người cao tuổi; vận động người cao tuổi đóng góp kỹ năng, kiến thức cho xã hội.

Về sức khoẻ và tình dục: Phát triển các hệ thống chăm sóc sức khoẻ. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, đảm bảo sự bình đẳng xã hội. Có chính sách hỗ trợ bệnh nhân nghèo trong khám và chữa bệnh. Cung cấp tư vấn về tình dục có trách nhiệm. Ngăn chặn các bệnh lây lan qua đường tình dục: viêm nhiễm, HIV/AIDS.

B. PHÁT TRIỂN Y TẾ

1. Quan điểm phát triển

Con người là nguồn tài nguyên quý báu nhất quyết định sự phát triển của đất nước, sức khoẻ là vốn quý nhất của mỗi người. Đầu tư cho chăm sóc sức khoẻ, nâng cao chất lượng sức khoẻ mọi người dân Thủ đô là đầu tư cho sự phát triển bền vững

Xây dựng nền y tế Thủ đô theo định hướng xã hội chủ nghĩa: công bằng chăm sóc sức khoẻ cho mọi người, phù hợp với khả năng kinh tế của Nhà nước, xã hội; có chính sách khám chữa bệnh miễn phí và giảm phí đối với người có công với nước, người nghèo; phấn đấu thu hẹp khoảng cách chăm sóc sức khoẻ giữa nội thành và ngoại thành.

Dự phòng tích cực và chủ động phòng chống các tác nhân có hại cho sức khoẻ. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, kinh nghiệm, phương thức chữa trị truyền thống, đi nhanh vào hiện đại, phấn đấu đạt trình độ quốc tế.

Đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ của nhân dân; huy động các nguồn lực, động viên toàn xã hội tham gia công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức chăm sóc sức khoẻ, trong đó y tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhằm đáp ứng chăm sóc sức khoẻ ngày càng cao của nhân dân Thủ đô.

2. Mục tiêu

Thành phố phấn đấu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khoẻ, đặc biệt là sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.

Phát triển mạnh y học dự phòng, thực hiện tiêm chủng mở rộng cho 100% số trẻ trong độ tuổi; thanh toán xong bệnh phong, bệnh bại liệt và uốn ván cho trẻ em, ký sinh trùng; khống chế, tiến tới thanh toán bệnh lao.

Xây dựng các cơ sở y tế chất lượng cao, áp dụng các phương pháp chữa bệnh hiện đại, phục vụ nhanh chóng, thuận tiện cho người dân.

Đến năm 2010 các bác sỹ ở y tế cơ sở có trình độ chuyên khoa 1 trở lên.

Tỷ lệ chết mẹ từ 13/100.000 trường hợp đẻ con ra sống năm 2005; giảm xuống còn 10/100.000 trường hợp vào năm 2010.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Phát triển hệ thống dịch vụ y tế

Củng cố toàn bộ hệ thống y tế cơ sở của thành phố (quận, huyện, xã phường), đảm bảo cung ứng thuận tiện, nhanh chóng với chất lượng dịch vụ tốt mọi nhu cầu chăm sóc sức khỏe thiết yếu của mọi người dân về khám chữa bệnh, phòng bệnh, phòng dịch. Phần đầu tới năm 2010, có 100% các trạm y tế xã phường đạt chuẩn của thành phố và chuẩn quốc gia.

Củng cố, nâng cấp một số bệnh viện cấp Thành phố đạt trình độ chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện trung ương sau 3 -5 năm; đạt trình độ chuyên môn và quản lý của các bệnh viện lớn ở thủ đô các nước trong khu vực và thế giới sau 5 - 10 năm. Nâng cấp các bệnh viện loại 3 hiện nay thành bệnh viện loại 2 và loại 1 sau 5 - 10 năm nữa. (Cần nghiên cứu việc chuyển bệnh viện K (ung thư) của trung ương chật hẹp và rất đông người, ngay trước Đài Tiếng nói Việt Nam ở phố Quán Sứ ra địa điểm thoáng rộng, thuận lợi hơn cho người bệnh và gia đình trông nom. Địa điểm hiện nay chuyển thành Trung tâm nghiên cứu ung thư quốc gia).

Xây dựng khu khám chữa bệnh chất lượng cao, có ứng dụng các kỹ thuật y học hiện đại nhất với quy mô 1000 giường bệnh và cơ sở hạ tầng kỹ thuật đạt trình độ quốc tế tại khu đô thị mới của Thành phố; vừa là nơi cung cấp dịch vụ y tế kỹ thuật cao, vừa là cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực y tế của Thủ đô Hà Nội.

Hiện đại hoá các kỹ thuật xét nghiệm y tế. Thành lập một labo xét nghiệm của trung tâm y tế Thành phố, được trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị hiện đại, đủ khả năng phân tích mẫu vật bệnh phẩm... với độ chính xác cao, đạt trình độ quốc tế, để đáp ứng tốt nhất nhu cầu phòng bệnh, khám chữa bệnh ở Thủ đô; hạn chế từng bước gửi mẫu vật ra nước ngoài xét nghiệm rất tốn kém và không kịp thời hiện nay.

Kế thừa, phát triển y học cổ truyền, tăng cường sản xuất thuốc và nguyên liệu thuốc y học cổ truyền để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Củng cố, phát triển công nghiệp sản xuất dược phẩm và thiết bị y tế; hoàn thiện hệ thống cung ứng, phân phối thuốc và trang thiết bị y tế trên địa bàn thành phố, đảm bảo phục vụ có hiệu quả cao mọi hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân ở cộng đồng và ở các cơ sở y tế của Thủ đô.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật y học tiên tiến tại

tất cả các cơ sở y tế Thành phố. Trong 3-5 năm tới đạt mức phổ cập ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở các cơ sở y tế Thành phố. Ưu tiên đầu tư, phát triển một số chuyên ngành y tế mũi nhọn có tiềm năng của Thành phố như phẫu thuật mắt, não, mô tim, ghép tạng, lọc thận, điều trị u bướu; kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm; kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm soát vệ sinh môi trường...

Đào tạo lại, đào tạo mới và chiêu mộ nhân tài, từng bước xây dựng đội ngũ nhân lực y tế Thủ đô đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn giỏi, có ý đức tốt, đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ tại các cơ sở y tế của Thành phố theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả, chất lượng đạt chuẩn mực quốc tế.

Trong 5-10 năm tới, y tế Thành phố phải có 5-10 chuyên gia thuộc loại đầu ngành trong cả nước; khoảng trên 200 cán bộ y tế có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa II; hơn 1000 thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa I; 10 kỹ sư, chuyên viên về trang thiết bị y tế; 300-500 cán bộ y tế trình độ đại học... để phục vụ cho hiện đại hoá các cơ sở dịch vụ y tế ở Thủ đô, nhằm đáp ứng tất cả nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức khoẻ của người dân Thủ đô, người dân trong nước và người nước ngoài sống tại Thủ đô.

3.2. Phát triển mạng lưới y tế cơ sở

Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, quan tâm các đối tượng chính sách và người nghèo, góp phần thực hiện định hướng công bằng và hiệu quả trong chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân Thủ đô.

Về tổ chức mạng lưới: kiện toàn các trung tâm y tế quận, huyện theo đúng quy định của Chính phủ: phòng khám đa khoa khu vực khám bệnh toàn diện; có đủ các chuyên khoa nội, ngoại, sản, nhi, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu; có đủ các xét nghiệm lâm sàng như X quang, siêu âm, điện tim. Các nhà hộ sinh thực hiện có chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản.

Về phát triển nhân lực y tế: duy trì tỷ lệ 100% các trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ ổn định; 50% số trạm có 2-3 bác sĩ; đến năm 2010 có 100% trường trạm có trình độ cao đẳng, cử nhân trở lên.

Về cơ sở hạ tầng: xây dựng cơ sở hạ tầng y tế cho các quận, huyện, xã, phường khi được chia tách; đảm bảo y tế các đơn vị này có cơ sở hoạt động. Đến 2010 có 90% phường xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

3.3. Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh

Sắp xếp quy hoạch, hiện đại hoá các cơ sở khám chữa bệnh của Sở y tế Hà Nội và hệ thống khám chữa bệnh của các bộ, ngành đóng trên địa bàn Hà Nội, các trung tâm y tế chất lượng cao, phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô. Tăng số giường bệnh/1000 dân lên 4,5% vào 2010 (hiện nay là 3,49%). Đa dạng hoá các loại hình bệnh viện, các loại hình dịch vụ có loại giường bán công, giường tự hạch toán, giường tư nhân. Một số đơn vị y tế có

thể chuyển đổi sang cô phần hoá hoặc chuyển sang tư nhân hoá.

3.4. Phát triển lĩnh vực dược và trang thiết bị y tế

Công tác quản lý dược: kiện toàn tổ chức và tăng cường quản lý dược trên địa bàn Thủ đô trong tất cả các khâu: chất lượng thuốc, chống thuốc giả; sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; khuyến khích dùng thuốc nội, dùng thuốc thiết yếu trong điều trị; tăng cường chất lượng hành nghề dược tư nhân; phát huy nội lực và lợi thế của Thủ đô *phát triển ngành dược* đáp ứng yêu cầu của CNH-HĐH.

Triển khai sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý sử dụng thuốc và thông tin thuốc ở các cơ sở thuộc Hà Nội; nối mạng với các cơ quan quản lý của Bộ y tế, các đơn vị của TW, các ngành, địa phương và quản lý các cơ sở điều trị đóng trên địa bàn Hà Nội.

Tổ chức mạng lưới cung ứng thuốc: đảm bảo cung ứng thuốc cho phòng chữa bệnh của nhân dân trong mọi tình huống; củng cố mạng lưới cung ứng thuốc hiện có; áp dụng tiêu chuẩn phân phối thuốc tốt cho các đơn vị bán buôn bán lẻ thuốc; chú ý mạng lưới cung ứng thuốc cho ngoại thành, vùng khó khăn; cấp phép hành nghề dược ở Hà Nội phải lấy tiêu chuẩn về con người, trang thiết bị, cơ sở vật chất là điều kiện tiên quyết. Xây dựng mạng lưới cung cấp thuốc đạt tiêu chuẩn GDP ở Thủ đô.

Đảm bảo chất lượng thuốc: đảm bảo giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu thông ở Hà Nội đúng chất lượng quy định. Tăng cường kiểm tra, thanh tra các khâu chuẩn bị sản xuất, quá trình sản xuất, tồn trữ, lưu thông, cấp phát, sử dụng. Tăng cường khả năng kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn GLP. Từng bước đáp ứng yêu cầu kiểm nghiệm xác định tương đương sinh học theo chuẩn mực quốc tế, trong quá trình hội nhập toàn cầu hoá.

Công tác dược bệnh viện: chuẩn hoá các khoa dược bệnh viện về trang thiết bị, nhân lực, nhằm đảm bảo thuốc chất lượng cao cho điều trị; tăng cường hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị của các bệnh viện. Lựa chọn danh mục thuốc của các bệnh viện, xây dựng và chuẩn hoá phác đồ điều trị. Tăng cường vai trò dược lâm sàng; quy chế hoá việc bình và tự bình đơn thuốc trong các bệnh viện, nâng cao chất lượng điều trị bằng thuốc và gắn bó y-dược; nâng cao kiến thức sử dụng thuốc và qua cập nhật, thực tiễn đào tạo cán bộ tại chỗ. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tích cực đào tạo các loại hình nhân lực trong ngành dược.

Sản xuất thuốc: Nâng cao năng lực sản xuất thuốc của Xí nghiệp dược phẩm Hà Nội, có chiến lược sản xuất mặt hàng dược. Hiện đại hoá các dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP. Hỗ trợ Xí nghiệp dược phẩm về mặt hàng dược đang thiếu cho điều trị, về hình thành cơ sở thuốc đóng gói có nhu cầu lớn của các cơ sở điều trị nhằm quản lý sử dụng thuốc và nâng cao hiệu quả trong điều trị.

Đào tạo nguồn nhân lực: Tăng cường đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho cán bộ dược. Dành kinh phí thích đáng đào tạo về quản lý và dược lâm sàng cho các dược sĩ đại học của các bệnh viện. Có kế hoạch đào tạo các kiến thức về thực hành dược (GPP, GMP, GDP, GSP, GLP...) cho các loại hình nhân lực dược.

Trang thiết bị y tế: Đảm bảo đến năm 2010, trang bị đủ số lượng, chất lượng trang thiết bị y tế cho các cơ sở chữa bệnh của Thành phố theo danh mục tiêu chuẩn hoá của Bộ Y tế⁴⁰. Tiếp tục hiện đại hoá trang thiết bị y tế, đến năm 2010, các bệnh viện đa khoa như Xanh Pôn, Thanh Nhân... có đủ điều kiện chẩn đoán và điều trị những bệnh hiểm nghèo, nâng cao hiệu quả chuyên môn, hạ thấp tỷ lệ tử vong, rút ngắn thời gian nằm viện nhằm đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân Thủ đô. Xây dựng mạng lưới thông tin, trang thiết bị y tế giữa các cơ sở y tế toàn thành phố để bổ sung và hỗ trợ cho nhau về kỹ thuật; thực hiện nối mạng giữa các khoa trong bệnh viện và các bệnh viện với nhau để trao đổi các dữ liệu. Tổ chức triển khai và duy trì thường xuyên công tác bảo dưỡng, kiểm chuẩn và sửa chữa trang thiết bị y tế đã được đầu tư.

3.5. Phát triển y tế dự phòng, nâng cao sức khoẻ

Cung cấp kiến thức cơ bản, thông tin cập nhật về dự phòng bệnh tật, chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng, từng bước thực hiện công bằng trong cung cấp dịch vụ y tế cơ bản cho nhân dân Thủ đô. Xây dựng, củng cố, hoàn thiện hệ thống y tế dự phòng và hệ thống bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em - kế hoạch hoá gia đình Hà Nội từ Thành phố tới xã, phường, tương xứng với Thủ đô văn minh, văn hiến. Từng bước hoàn thiện tổ chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, nhân lực có chất lượng, đồng bộ, đủ khả năng đáp ứng tốt chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân và thực hiện chiến lược sức khoẻ sinh sản trong mọi tình huống. Phát triển, mở rộng, đảm bảo đủ năng lực quản lý, chỉ đạo, tổ chức của Trung tâm bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em - kế hoạch hoá gia đình; củng cố các đội bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em - kế hoạch hoá gia đình của các quận, huyện và trong toàn thành phố. Xây dựng Trung tâm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm tối thiểu nguy cơ nhiễm khuẩn, nhiễm độc thực phẩm hàng loạt, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cấp, phát triển Trung tâm y tế dự phòng và củng cố, phát triển các đội vệ sinh dự phòng ở các quận, huyện. Quy hoạch phát triển truyền thông-giáo dục sức khoẻ.

3.6. Phát triển nhân lực y tế

Xây dựng một đội ngũ nhân lực y tế Thủ đô có cơ cấu hợp lý, đồng bộ, chuyên môn giỏi, y đức tốt, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ ngày càng cao của nhân dân; góp phần nâng cao chất lượng phòng bệnh, khám chữa bệnh, thực hiện công bằng chăm sóc sức khoẻ. Ngoài đào tạo nâng cao,

⁴⁰ Quyết định số 437/QĐ-BYT/2002 của Bộ Y tế

hàng năm cần có kế hoạch đào tạo ngắn hạn cho cán bộ theo chương trình và dự án, các lớp tập huấn, hội thảo chuyên ngành để cập nhật thông tin, kiến thức cho cán bộ. Đặc biệt nâng cao trình độ quản lý bệnh viện, quản lý ngành cho đội ngũ quản lý và cán bộ làm việc tại các cơ sở kỹ thuật cao.

3.7. Phát triển y tế ngoài công lập

Phát triển có định hướng các hình thức tổ chức y tế ngoài công lập bên cạnh hệ thống y tế cộng đồng đóng vai trò chủ đạo. Phần đầu đến 2010, hệ thống y tế ngoài công lập đảm nhiệm chăm sóc khoảng 50% nhu cầu khám chữa bệnh ngoại trú và 20% nhu cầu khám chữa bệnh nội trú của nhân dân Hà Nội. Phát triển các hình thức tổ chức y tế ngoài công lập theo phương châm đa dạng hoá các hình thức chăm sóc sức khoẻ; ưu tiên phát triển bệnh viện tư nhân, các khoa, phòng bán công trong bệnh viện công lập, các phòng khám đa khoa tư nhân ở khu vực ngoại thành và các dịch vụ y tế tư nhân sử dụng công nghệ y học cao, hiệu quả chữa bệnh lớn; nâng cao chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế ngoài công lập.

Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ mạng lưới y dược tư nhân, duy trì tốc độ tăng trưởng quân về số lượng cơ sở hội nghề y dược tư nhân khoảng 5%/năm cho 10 năm tới.

3.8. Tập trung đầu tư phát triển một số ngành mũi nhọn

Phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao, hiện đại, ngang tầm với Thủ đô các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, trong một số lĩnh vực chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh với kỹ thuật hiện đại của nhân dân Hà Nội, nhân dân các tỉnh lân cận và người nước ngoài đến cư trú, du lịch, làm việc ở Hà Nội.

Hệ thống dược Thành phố đạt các tiêu chuẩn GMP, GLP, GPP, GDP, GSP của quốc tế và khu vực. Nghiên cứu thí điểm mô hình quản lý dược phẩm, thực phẩm theo hệ thống FDA.

C. PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO

1. Quan điểm phát triển

Phát triển toàn diện sự nghiệp TDTT tương xứng với sự phát triển kinh tế-văn hoá-xã hội của Thủ đô, xứng đáng với vị thế là trung tâm TDTT hàng đầu của đất nước; phát triển TDTT Hà Nội là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và mọi người dân.

Phát triển đồng bộ thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao, thể thao mũi nhọn của Hà Nội; chú trọng tính khoa học và truyền thống dân tộc thượng võ của nhân dân Thủ đô, lấy thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên làm đối tượng của thể thao thành tích cao.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao, từng bước nâng cao thể thao chuyên nghiệp, thể thao mũi nhọn, kết hợp với xã hội hoá TDTT ở Thủ

đô; tăng cường hội nhập đồng thời với đi tắt đón đầu trong TDTT và chú ý hỗ trợ các tỉnh thành bạn phát triển thể thao.

Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động TDTT ở Hà Nội, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để chăm lo các vấn đề luyện tập TDTT của nhân dân Thủ đô.

2. Mục tiêu

2.1. Phát triển các hoạt động thể thao quần chúng

Tạo điều kiện cho mọi người dân Thủ đô đều được luyện tập và hưởng thụ TDTT; phát triển mạnh phong trào TDTT trong thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, cán bộ, chiến sĩ và các lực lượng vũ trang. Phấn đấu đến 2010, 30% dân số Hà Nội luyện tập TDTT; 24% số hộ đạt gia đình thể thao; 100% số trường giáo dục thể chất có chất lượng, có đủ giáo viên dạy thể dục với chương trình giảng dạy 2 tiết/tuần.

2.2. Tăng cường xã hội hoá thể dục thể thao

Tạo điều kiện cho thế hệ trẻ Thủ đô đều được phát hiện, đào tạo và phát triển tài năng thể thao; đẩy mạnh xã hội hoá TDTT, khuyến khích các hình thức tài trợ của các tổ chức kinh tế-xã hội, cá nhân ở Hà Nội, trong và ngoài nước cho hoạt động TDTT.

2.3. Đẩy mạnh đào tạo tài năng thể thao thành tích cao

Tạo điều kiện cho thế hệ trẻ Thủ đô đều được phát hiện, đào tạo và phát triển tài năng thể thao; đẩy mạnh đào tạo tài năng thể thao, tuyển chọn vận động viên tài năng và nâng cao thành tích các môn thể thao mũi nhọn, đóng góp cho các đội tuyển quốc gia; giữ vững vị trí Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về thể thao thành tích cao, thể thao mũi nhọn, phong trào TDTT quần chúng.

2.4. Mở rộng giao lưu, thi đấu quốc tế TDTT

Mở rộng giao lưu, thi đấu quốc tế TDTT; phấn đấu đạt tiêu chuẩn thể thao thế giới và khu vực về một số môn thể thao Hà Nội có thể mạnh làm mục tiêu phấn đấu của ngành TDTT Thủ đô. Tổ chức tốt các hoạt động thể thao quốc tế tại Hà Nội.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển

3.1. Đổi mới nhận thức toàn diện về công tác TDTT trong giai đoạn hiện nay

- giai đoạn Hà Nội đang tích cực chuẩn bị cho kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Cần nhận thức rõ bản chất, vai trò của TDTT trong hệ thống các hiện tượng xã hội. Hoạt động TDTT là hoạt động hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ, hướng tới hoàn thiện thể chất con người - một thành tố không thể thiếu được của nhân cách, vì vậy nó là một bộ phận hữu cơ của văn hoá xã hội với chức năng đặc thù là hoàn thiện thể chất con người.

3.2. Quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, kỹ thuật, đảm bảo diện tích đất bình

quân cho thể thao theo quy định, giảm hiện tượng lấn chiếm, sử dụng sân bãi TDTT vào mục đích khác ở các quận nội thành. Thành phố tăng cường đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất TDTT hiện có tại các quận huyện, xã phường, các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị vũ trang, nhất là cụm văn hoá-thể thao tại cơ sở để đáp ứng nhu cầu luyện tập của quần chúng. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất cho học sinh trong trường học các cấp. Các trường, đặc biệt là các trường đại học phải xây dựng sân bãi phục vụ cho rèn luyện thể dục thể thao. Xây dựng mới, hoàn thiện các công trình thể thao theo quy hoạch để phục vụ cho các hoạt động TDTT trong nước và quốc tế; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo quản các công trình TDTT hiện có.

3.3. Đào tạo tài năng trẻ chuẩn bị cho lâu dài: khuyến khích vận động viên nhỏ tuổi có tài, tình nguyện theo con đường chuyên nghiệp hoá thể thao. Đảm bảo quyền học tập của vận động viên kết hợp hài hoà luyện tập với học tập văn hoá. Vận động gia đình vận động viên hưởng ứng tinh thần hy sinh vì vinh quang của Tổ quốc cho con em theo đuổi thể thao chuyên nghiệp nhằm thực hiện với mục đích thúc đẩy TDTT Thủ đô phát triển.

3.4. Tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi các chính sách khuyến khích phát triển TDTT phù hợp với tình hình mới (chính sách phát triển, đào tạo tài năng TDTT, chính sách đãi ngộ cho huấn luyện viên, vận động viên, giáo viên thể thao, trọng tài); từng bước hình thành đội ngũ những người hoạt động TDTT chuyên nghiệp và nhà nghề. Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về quản lý, đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật TDTT; bồi dưỡng cán bộ đủ trình độ để tham gia các hoạt động thể thao quốc tế. Đào tạo cán bộ TDTT chuyên nghiệp hoá trong các trường học và xã, phường, có đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn về chất lượng.

Giai đoạn 2006-2010, Hà Nội cần tập trung đào tạo cán bộ đủ sức tham gia tổ chức thể thao quốc tế, liên đoàn khu vực; đào tạo giáo viên giáo dục thể chất cho các trường, phường xã, thị trấn; đào tạo cán bộ đủ trình độ điều hành các hoạt động thể thao từ khâu tổ chức, thi đấu, hậu cần, tạo nguồn cán bộ cho các giải thi đấu có tầm cỡ lớn hơn.

3.5. Nhận đăng cai các giải vô địch châu lục và thế giới ở một số môn mà Hà Nội có thế mạnh: wushu, silat, karate, đá cầu, cầu mây, bóng ném, bơi lội...

D. PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

1. Quan điểm phát triển

Phát triển lao động, việc làm trên cơ sở giữ vững mục tiêu và định hướng XHCN; phát triển đồng bộ và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô; đảm bảo công bằng xã hội. Phát triển nền kinh tế đa thành phần để tạo việc làm cho người lao động.

Nâng cao chất lượng và khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, thu hút nhân tài; tăng nhanh nguồn nhân lực có chất lượng cao để phát triển

việc làm của Thủ đô Hà Nội đến 2010 và giảm tối đa lao động giản đơn, kỹ năng thấp; thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch giữa nội thành, ngoại thành và giữa các tầng lớp dân cư. Đảm bảo thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

Đẩy mạnh xã hội hoá, phát triển các trung tâm dịch vụ giải quyết việc làm, đào tạo nghề, đào tạo lại; xoá đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội; huy động nhân dân, các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nước tham gia giải quyết việc làm và công tác xã hội.

Mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế và khu vực trong lĩnh vực công tác xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; tìm kiếm thị trường nhằm mở rộng xuất khẩu lao động và chuyên gia; chuẩn hoá đội ngũ lao động có tay nghề, ngoại ngữ, sức khoẻ để tạo điều kiện cho lực lượng lao động trẻ đi làm việc ở nước ngoài.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển kinh tế để tạo việc làm cho người lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần, đảm bảo việc làm cho phần lớn lao động có nhu cầu. Nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm và chuyển đổi cơ cấu việc làm.

Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Điều tra, đánh giá lại nguồn nhân lực để xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chiến lược đào tạo nghề và đào tạo lại đội ngũ lao động phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô, gắn với thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động.

Mở rộng xuất khẩu lao động và chuyên gia. Xây dựng đề án xuất khẩu lao động giai đoạn 2006-2010 của Hà Nội

Tăng cường hoạt động hỗ trợ tìm việc làm cho những người thất nghiệp, thiếu việc làm, những người có hoàn cảnh khó khăn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về lao động, việc làm gắn với việc điều tiết thị trường lao động.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước; nguồn vốn từ nước ngoài; vốn trong dân để tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

2.2. Các chỉ tiêu cụ thể

Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống dưới 5,5% và nâng tỷ lệ lao động khu vực nông thôn lên 90%.

Cơ cấu lao động giữa dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp đạt tỷ lệ: dịch vụ: 54%; công nghiệp: 31%; nông nghiệp: 15%.

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo: 55 - 65%.

Tăng tỷ trọng lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề trong tổng nguồn nhân lực Thủ đô lên 25 - 30%.

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề dài hạn trên tổng số lao động qua đào tạo nghề lên 50%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Phát triển kinh tế để tạo việc làm cho người lao động

Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh các ngành công nghiệp then chốt. Cải tạo, sắp xếp các khu công nghiệp hiện có, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao có giá trị sản xuất lớn. Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung mới tại Từ Liêm, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, đặc biệt là các khu công nghệ cao. Ngoài ra cần chú ý xây dựng một số khu công nghiệp nhỏ và vừa tại các huyện ngoại thành. Có chính sách hỗ trợ về vốn, mặt bằng sản xuất - kinh doanh cho kinh tế ngoài quốc doanh, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ sản xuất tư nhân, gia đình. Khai thác các thế mạnh của Hà Nội, phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ.

Đối với khu vực nông thôn ngoại thành, nhất là đối với những vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác, vùng đô thị hoá, phải mở mang phát triển ngành nghề, đào tạo nghề cho nông dân, đa dạng hoá việc làm và thu nhập của nông dân. Phát triển kinh tế trang trại và kinh tế hộ, kinh tế hợp tác để giải quyết việc làm.

Gắn kết chặt chẽ chương trình phát triển kinh tế với chương trình giải quyết việc làm. Đẩy mạnh giải quyết việc làm tại chỗ bằng nguồn vốn vay Quỹ quốc gia giải quyết việc làm; tạo điều kiện cho người lao động tự tạo việc làm.

3.2. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động

Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, đảm bảo tỷ lệ giữa các trình độ, phù hợp với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nhịp độ phát triển của Thành phố. Khai thác năng lực đào tạo của các trường, doanh nghiệp ở Hà Nội để mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn, công nhân kỹ thuật cao phục vụ CNH-HĐH Thủ đô.

Đầu tư ngân sách Thành phố và xã hội để xây dựng, phát triển các trường dạy nghề của Thủ đô; mở các trung tâm dạy nghề quận, huyện và trung tâm đào tạo, dạy nghề công nghệ cao. Đầu tư xây dựng mới 2 trường dạy nghề kỹ thuật cao, mỗi trường có quy mô khoảng 3.000 học sinh.

Lập chương trình chuyển đổi nghề cho lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác. Đẩy mạnh dạy nghề mới phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong, ngoài nước, nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động vùng ngoại thành, vùng nghèo đô thị để góp phần xoá đói giảm nghèo. Các dự án lấy đất xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, phải đào tạo nghề, thu nhận lao

động tại chỗ.

3.3. Sắp xếp lại, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ việc làm phù hợp với thị trường lao động Thành phố; mở rộng các hình thức thông tin về thị trường lao động. Phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm cả về số lượng, chất lượng và nguồn lực để thực hiện tốt chức năng là cầu nối trong thị trường lao động, hỗ trợ đặc lực cho người lao động và người sử dụng lao động.

3.4. Tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế, góp phần thực hiện các mục tiêu về việc làm và phát triển xã hội. Chuẩn hoá đội ngũ lao động: có tay nghề, ngoại ngữ, sức khoẻ và các điều kiện đi làm việc ở nước ngoài. Phát triển thị trường lao động mới; duy trì thị trường lao động truyền thống.

3.5. Phân bố hợp lý nguồn nhân lực giữa nội thành và ngoại thành; kiểm soát, quản lý lao động thất nghiệp; có quy chế quản lý chặt chẽ lao động ngoại tỉnh di dân tự do về Hà Nội. Tập trung giải quyết số lao động chưa có việc làm ở đô thị, vùng đô thị hoá và vùng chuyên đổi mục đích sử dụng đất canh tác.

E. ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Quan điểm

Phòng chống tệ nạn xã hội phải được tiến hành bằng các giải pháp đồng bộ, toàn diện về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, tâm lý, luật pháp, chính sách lao động, việc làm, xoá đói giảm nghèo, xoá mù chữ, nâng cao dân trí cho người lao động; kết hợp ngăn ngừa, điều trị, quản lý sau điều trị...

Phòng chống tệ nạn xã hội phải đi sâu từng đối tượng, từng địa bàn; huy động lực lượng của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, đề cao vai trò, trách nhiệm giáo dục, quản lý của gia đình.

Kết hợp hiệu quả giữa phòng ngừa và đấu tranh, giữa xây và chống, lấy phòng ngừa là cơ bản, đấu tranh là cần thiết.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa, chặn đứng, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội, làm giảm cơ bản số người mới phát sinh trong các tệ nạn ma tuý, mại dâm. Đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động phạm tội buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma tuý, tổ chức hoạt động mại dâm, chủ chứa mại dâm.

Ngăn chặn, phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất tác hại của tệ nạn xã hội đối với thanh niên, sinh viên, học sinh, những lực lượng lao động nòng cốt của xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hoá; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, các doanh nghiệp, cơ quan, trường học... Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã

hội.

2.2. Chỉ tiêu phòng chống tệ nạn xã hội

Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và tăng cường quản lý sau cai nghiện (có hồ sơ quản lý).

Ngăn chặn đến mức thấp nhất số người nghiện mới, không để phát sinh số người nghiện mới trong học sinh, sinh viên, công chức nhà nước.

Giảm tỷ lệ tái nghiện xuống còn 50%.

60% số phường, xã không có tội phạm, người nghiện ma túy.

Phòng ngừa, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tệ nạn mại dâm trên địa bàn Thành phố, không có tệ nạn mại dâm trong tuổi vị thành niên, học sinh, sinh viên.

Đấu tranh triệt phá, hạn chế đến mức thấp nhất các ổ nhóm mại dâm và các hành vi buôn bán phụ nữ, trẻ em vì mục đích mại dâm.

Giáo dục, chữa bệnh cho 100% gái mại dâm có hồ sơ quản lý.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Xóa cơ bản các địa bàn phức tạp về ma túy, mại dâm. Không để phát sinh các tụ điểm mới và chống mọi hoạt động mại dâm ở địa bàn công cộng. Kiểm soát chặt chẽ tình hình nghiện ma túy, mại dâm và kiên trì đấu tranh giảm tỷ lệ tái nghiện, mại dâm hàng năm. Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy, chữa trị gái mại dâm, quản lý đối tượng sau cai nghiện và gái mại dâm khi về sinh sống tại cộng đồng. Tổ chức dạy nghề, tạo việc làm cho người nghiện và gái mại dâm.

3.2. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích làm giàu chính đáng, chính sách trợ giúp người nghèo; hoàn thiện chính sách lao động, việc làm. Đầu tư nhiều hơn cho công tác dạy nghề, tạo việc làm cho người lao động. Củng cố và nâng cao vai trò, hiệu quả của Ban chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội ở cấp cơ sở.

Lồng ghép các chương trình phòng chống tệ nạn xã hội với các chương trình kinh tế - xã hội khác, như: chương trình xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ, nâng cao dân trí, văn hóa cho người lao động.

3.3. Đấu tranh phòng, chống, kiểm soát ngăn chặn có hiệu quả việc buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy, chống sự xâm nhập ma túy từ ngoài vào thành phố. Xây dựng các khung hình phạt thích đáng đối với những người không thực hiện nghiêm luật pháp, nhất là những người đại diện cho luật pháp.

3.4. Đầu tư, cải tạo, mở rộng, tăng công suất của các trung tâm cai nghiện để đến năm 2010 không còn người nghiện tại cộng đồng dân cư; tất cả người nghiện ma túy đều được cai nghiện tập trung tại các Trung tâm giáo dục lao động xã hội của Thành phố.

3.5. *Tiếp tục xã hội hoá công tác phòng chống tệ nạn xã hội, toàn dân xây dựng nếp sống văn hoá.* Đẩy mạnh phong trào xây dựng lối sống mới ở khu dân cư, các doanh nghiệp, cơ quan, trường học, gia đình. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục; kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi xấu, những tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn.

VI. MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, HỢP TÁC PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO VỊ THẾ THỦ ĐÔ

A. MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

1. Định hướng phát triển

Trong giai đoạn 2006 - 2010, để phục vụ thiết thực mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới, công tác đối ngoại của Đảng bộ thành phố cần được thực hiện theo những định hướng cơ bản sau:

1.1. Tiếp tục duy trì và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

Mục tiêu hàng đầu của công tác đối ngoại là *duy trì và tạo ra điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước.* Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động đối ngoại có nhiệm vụ khai thác tốt nhất các nhân tố quốc tế, tạo điều kiện cho công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa như đường lối của Đảng đã đề ra. Mọi hoạt động đối ngoại của Hà Nội, trung tâm đầu não về chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội, trái tim của cả nước và tương lai sẽ trở thành một trong những trung tâm phát triển của khu vực, cũng phải nhằm thực hiện mục tiêu cơ bản trên.

Tạo điều kiện môi trường quốc tế hoà bình cho công cuộc xây dựng và phát triển phải là định hướng cơ bản trong công tác đối ngoại. Đảng bộ thành phố phải phát huy vai trò và đi đầu trong việc kiến tạo môi trường quốc tế hoà bình, hữu nghị.

Với tư cách là Thủ đô của cả nước, Hà Nội phải thực hiện nhiệm vụ chung, đồng thời phải đảm bảo an ninh chính trị tuyệt đối trên địa bàn, xây dựng bầu không khí hoà bình, hữu nghị trong mọi hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là trong các quan hệ với đối tác nước ngoài, xứng đáng với danh hiệu *Thành phố vì hoà bình* do UNESCO trao tặng.

Bằng hoạt động đặc thù của mình, công tác đối ngoại của Thành phố phải góp phần tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các đảng cầm quyền, của chính phủ, nhân dân, của Thủ đô, các thành phố lớn trên thế giới đối với sự nghiệp đổi mới của Hà Nội cả về vật chất và tinh thần. Phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế về kinh tế, thương mại, đầu tư, trao đổi văn hoá, khoa học - kỹ thuật, đào tạo, quản lý, bồi dưỡng cán bộ... là yêu cầu đặt ra, đồng thời là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động đối ngoại. Các hoạt động kinh tế đối ngoại đạt hiệu quả, các hoạt động giao lưu văn hoá được tăng cường là nhân tố đảm bảo môi trường hoà bình, hữu nghị để Thủ đô đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

1.2. Mở rộng quan hệ đối ngoại của Thành phố trên cơ sở củng cố, nâng cao hiệu quả các mối quan hệ đối ngoại đã có

Với đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá và phương châm "*Hà Nội sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các thủ đô và thành phố trong cộng đồng quốc tế*", Thủ đô chúng ta đã xây dựng được các mối quan hệ song phương tốt đẹp với nhiều thủ đô, thành phố các nước trên thế giới, tham gia nhiều diễn đàn đa phương giữa các thành phố, đặt quan hệ và hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Đảng bộ thành phố cũng đã có quan hệ đoàn kết với tổ chức đảng ở các nước theo mô hình chủ nghĩa xã hội, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với chính quyền nhiều thành phố lớn trên thế giới. Những mối quan hệ đối ngoại đã có phải được coi trọng, tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả trong những năm tới...

Mặt khác, Hà Nội cần tiếp tục khai mở thêm những quan hệ mới, đặc biệt là với các thành phố, các đối tác giàu tiềm năng và sẵn sàng hợp tác với Hà Nội trên cơ sở những mối quan tâm, lợi ích chung và sự hợp tác bình đẳng.

Mục tiêu chủ yếu của hoạt động đối ngoại Thủ đô trong giai đoạn tới phải nhằm vào việc nâng cao hiệu quả các mối quan hệ song phương và đa phương giữa Hà Nội với các thành phố, các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài. Cùng với các ngành chức năng, công tác đối ngoại có nhiệm vụ góp phần thực hiện mục tiêu đó, trước hết là tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu và cải thiện môi trường đầu tư trong nước nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào hợp tác, làm ăn lâu dài tại Hà Nội trên cơ sở những lợi ích chung.

1.3. Tập trung chỉ đạo xây dựng Hà Nội thành trung tâm giao lưu quốc tế ngày càng có uy tín trong khu vực và trên thế giới, nâng cao vị thế Thủ đô Hà Nội trên trường quốc tế

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương được dự báo và trong thực tế đang trở thành tâm điểm sự phát triển của thế giới trong thế kỷ XXI. Động lực phát triển của khu vực này có thể nói tập trung chủ yếu ở "cánh cung" các thành phố lớn Tokyo, Seoul, Bắc Kinh, Thượng Hải, Hongkong, Bangkok, Singapore,... Có thể hình dung trong tương lai đây là một vành đai hợp tác, giao lưu kinh tế quốc tế năng động và hiệu quả của khu vực.

Để hiện thực hoá mục tiêu trở thành trung tâm giao dịch quốc tế lớn, trung tâm giao lưu kinh tế khu vực, Hà Nội cần tích cực tham gia vành đai hợp tác này, phấn đấu trở thành một trong những Thủ đô phát triển. Một mặt, phải hướng các chính sách đối ngoại của Thủ đô nhằm tạo ra sức hút đối với các nước trong khu vực và sự quan tâm của cộng đồng quốc tế; mở rộng các mối quan hệ song phương và đa phương về kinh tế, văn hoá, giáo dục với các trung tâm kinh tế lớn, các thủ đô, thành phố lớn của các nước trong khu vực và trên thế giới, tích cực tham gia vào các phong trào, tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế. Mặt khác, cần tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi ngay trên địa bàn Thủ đô, tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân đối tác nước ngoài, của cả nước và Hà

Nội hội nhập nhanh, hiệu quả vào các hoạt động kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

Xây dựng Hà Nội thành trung tâm giao lưu quốc tế ngày càng có uy tín trong khu vực và trên thế giới là *mục tiêu chiến lược của Hà Nội*. Mục tiêu này được nêu rõ trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001 - 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "*xây dựng Hà Nội thành Trung tâm hàng đầu về thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng của phía Bắc, cả nước và của khu vực Đông Nam Á*".

Nhằm thực hiện mục tiêu này, yêu cầu đặt ra là phải xây dựng Hà Nội thành trung tâm của cả nước và từng bước vươn lên là trung tâm của khu vực trên các mặt: trung tâm xuất - nhập khẩu, trung tâm du lịch và truyền thông, trung tâm tài chính - ngân hàng, trung tâm khoa học - công nghệ, địa chỉ đầu tư quốc tế với sự tính toán, lựa chọn các bước đi hợp lý. Mục tiêu trên cũng đòi hỏi Hà Nội cần giữ vững và phát huy danh hiệu mà quốc tế đã ghi nhận: *Thành phố vì hoà bình, Thành phố an toàn* để tạo nên địa chỉ ngày càng hấp dẫn bạn bè quốc tế đến với Hà Nội hợp tác, đầu tư, kinh doanh và qua đó dần khẳng định vị thế trung tâm giao lưu quốc tế khu vực.

Khẳng định và phát huy những kết quả đạt được, trong giai đoạn 2006 - 2010, giai đoạn của những biến chuyển sâu rộng tình hình thế giới theo xu hướng chủ đạo là quốc tế hoá và hội nhập, Thủ đô Hà Nội cần nâng cao hơn nữa vị thế quốc tế, tham gia tích cực hơn vào đời sống quốc tế cũng như tranh thủ tối đa sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố.

Trong điều kiện quốc tế ngày nay thì ngoại giao đa phương sẽ giữ vị trí quan trọng nhằm nâng cao vị thế quốc tế của Hà Nội và cả nước trên thế giới. Hà Nội cần tăng cường vai trò tại các diễn đàn mà Hà Nội đang là thành viên, đồng thời tích cực và chủ động hơn trong việc tham gia vào các tổ chức quốc tế và khu vực. Bên cạnh đó, tiếp tục mở rộng các mối quan hệ đối tác song phương với các thủ đô, thành phố, các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ.

Nâng cao vị thế trên trường quốc tế và tham gia sâu rộng vào đời sống kinh tế - chính trị quốc tế, Hà Nội cần phát huy vai trò *Thành phố vì hoà bình*; đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tại các diễn đàn đa phương hay quan hệ hợp tác song phương, Hà Nội phải luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ Latinh, với phong trào không liên kết; cần tích cực lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân thế giới vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ, như đấu tranh chống việc sử dụng vũ khí giết người hàng loạt, phản đối chiến tranh, lên án các cuộc xâm lược, các hoạt động can thiệp, lật đổ cũng như đóng góp cho việc phát triển các quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước, các thành phố trên thế giới, cùng tham gia giải quyết những vấn đề chung như bùng nổ dân số đô thị, nghèo đói, ô nhiễm môi trường, bảo vệ văn hoá truyền thống...

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

Hoàn thiện nội dung chiến lược đối ngoại của Thủ đô trong tình hình mới; chỉ đạo thực hiện lộ trình, kế hoạch chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là khâu quan trọng để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô. Thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa, kết hợp chặt chẽ các loại hình đối ngoại, thực hiện tốt phương châm: đối ngoại kinh tế là trọng tâm; đối ngoại Nhà nước đóng vai trò chủ đạo; tăng cường, mở rộng đối ngoại nhân dân.

Phối hợp tốt các hoạt động đối ngoại của Thủ đô với các hoạt động đối ngoại của Trung ương; tích cực tham gia hình thành và phát triển có hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế với các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Vận dụng thành quả ngoại giao quốc gia, chuyên mạnh các hoạt động ngoại giao của Thành phố sang phục vụ phát triển kinh tế. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư, hợp tác kinh tế với các thủ đô, thành phố các nước. Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy có hiệu quả tiềm năng người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài. Phát triển dịch vụ đối ngoại trở thành ngành kinh tế đặc thù của Thủ đô. Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm giao dịch quốc tế lớn của cả nước và khu vực. Phân đấu đạt chỉ tiêu: kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 15-17%/năm, trong đó xuất khẩu địa phương tăng bình quân 16-18%/năm, thu hút vốn FDI được 3,5-4,0 tỷ USD và 0,5-0,7 tỷ USD vốn ODA trong giai đoạn 2006-2010.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đối ngoại; tổ chức tốt các hoạt động ngoại giao, hợp tác quốc tế của Thủ đô; mở rộng hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về Thủ đô với bạn bè quốc tế. Thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ với đại sứ quán và thương vụ Việt Nam tại các nước. Đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại.

B. CHỦ ĐỘNG HỢP TÁC, PHỐI HỢP VỚI CÁC BỘ, BAN, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Phối hợp xây dựng và triển khai cơ chế đặc thù cho Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Pháp lệnh Thủ đô. Chủ động phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách, lập quy hoạch và triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn Thủ đô.

Tăng cường hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong cả nước, trọng tâm là hợp tác về kinh tế, trước hết là các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng theo tinh thần cùng có lợi, thiết thực, hiệu quả. Thực hiện tốt các dự án hỗ trợ, hợp tác theo thỏa thuận đã ký kết với các địa phương.

Chủ động phối hợp xây dựng và thực hiện quy hoạch vùng Thủ đô; đảm bảo tính đồng bộ trong quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

Một thuận lợi rất cơ bản của Hà Nội là gần các cơ quan Trung ương, được sự giúp đỡ, phối hợp trực tiếp của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương. Việc tranh thủ sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan Trung ương trong giải quyết các công việc, dự án, kế hoạch cụ thể là rất cần thiết, nhưng quan trọng và cơ bản hơn là, Thành phố phải chủ động, tích cực đề xuất, phối hợp với các ban, bộ, ngành xây dựng những cơ chế, chính sách đặc thù, tạo hành lang pháp lý phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh, toàn diện của Thủ đô theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước. Cần kiên trì, chủ động cùng các cơ quan Trung ương khắc phục tư tưởng bình quân chủ nghĩa, xem Hà Nội cũng giống như các địa phương khác, cũng vận hành theo một cơ chế rập khuôn như các nơi khác.

Tư tưởng phát triển vùng kinh tế là tư duy lãnh đạo, chỉ đạo mới của Trung ương. Hà Nội cần đi đầu trong thực hiện tư tưởng phát triển vùng, liên vùng, nâng các mối quan hệ hợp tác phát triển với các tỉnh thành bạn, đặc biệt là các địa phương trong Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng lên một tầng nấc mới, chất lượng mới. Hợp tác trong xây dựng quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân bổ nguồn tài nguyên và nhân lực, bố trí mạng lưới và liên kết phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo,... là hướng hợp tác đúng quy luật, thiết thực, cùng có lợi.

VII. TĂNG CƯỜNG AN NINH - QUỐC PHÒNG, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

A. VỀ AN NINH

1. Mục tiêu bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

1.1. Mục tiêu cơ bản:

Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô trong mọi tình huống, tạo môi trường thuận lợi phục vụ thắng lợi sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ đô. Huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong đó công an nhân dân và quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt, xung kích.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Về an ninh chính trị: bảo vệ tốt vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung, trước hết và cụ thể là của Đảng bộ Thành phố Hà Nội; bảo vệ quan điểm, đường lối và tổ chức của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố; không để xảy ra các hoạt động khủng bố, phá hoại; không có tổ chức chính trị đối lập; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và

của cả hệ thống chính trị xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc, kết hợp với thể trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn Thủ đô.

Về trật tự an toàn xã hội: không để xảy ra các vụ tham nhũng lớn, các vụ án kinh tế gây thiệt hại lớn về tài sản ở các cấp, các ngành thuộc phạm vi quản lý của thành phố; kiểm chế tội phạm và tệ nạn xã hội, không để hình thành tội phạm có tổ chức, băng nhóm tội phạm quốc tế đứng chân hoạt động trên địa bàn; giảm các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông tiếp tục có tiến bộ mới, giảm ùn tắc giao thông ở diện rộng và kéo dài, giảm tai nạn và số người chết, bị thương vì tai nạn giao thông; giảm các vụ cháy lớn.

2. Những giải pháp cơ bản

2.1. Nhóm giải pháp chung

Một là: thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội là giải pháp cơ bản, chiến lược tạo cơ sở vững chắc cho sự ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô Hà Nội. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng; bảo vệ sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng XHCN; làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch muốn thông qua kinh tế để chuyển hoá chính trị.

Hai là: xây dựng, chỉnh đốn Đảng kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, củng cố chính quyền các cấp vững mạnh, khắc phục tình trạng suy thoái đạo đức, phẩm chất cách mạng, quan liêu, tham nhũng nhằm nâng cao uy tín và vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Ba là: thực hiện có hiệu quả xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các khu vực cộng đồng dân cư và trong các cơ quan, doanh nghiệp. Vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, thực hiện tốt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông.

Bốn là: xây dựng và chỉ đạo thực hiện Chương trình bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô giai đoạn 2006-2010. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, các ngành. Công an Thành phố là lực lượng nòng cốt tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung của chương trình.

Năm là: từng bước cải tiến qui trình và thủ tục trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự; thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước về an ninh trật tự.

Sáu là: xây dựng lực lượng công an, quân đội, kiểm sát, toà án, hải quan, thanh tra, bảo vệ dân phố, dân phòng, dân quân tự vệ, bảo vệ các cơ quan, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, xung kích trong sự nghiệp bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô.

Bảy là: tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với hoạt động của các thế lực thù địch, các cơ quan đặc biệt nước ngoài, nhất là trong phòng chống khủng bố, phá hoại; trong phòng chống các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, có tính quốc tế; trong giữ gìn trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, v.v..., Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp với các tỉnh, thành phố, các cơ quan trung ương trên địa bàn Hà Nội thực hiện các nội dung, biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô theo chủ trương phối hợp chung của Thành uỷ.

2.2. Nhóm giải pháp cụ thể bảo đảm an ninh chính trị

Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa không để nảy sinh phức tạp về an ninh chính trị

Công tác nắm tình hình phải bảo đảm toàn diện, tại chỗ và từ xa, phân tích, dự báo sát, đúng tình hình để xử lý tình hình, chủ động có kế hoạch đối sách, không bị động, bất ngờ. Cần tập trung nắm tình hình kinh tế - xã hội, chính trị; âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các cơ quan đặc biệt nước ngoài đối với nước ta nói chung và với Thủ đô Hà Nội nói riêng, đặc biệt chú ý những vấn đề có tính nhạy cảm đối với Thủ đô Hà Nội.

Các cấp, các ngành cần chủ động, phối hợp, thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; công tác thanh tra, kiểm tra. Xử lý nghiêm những trường hợp phạm tội, vi phạm pháp luật, không để quần chúng nhân dân khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp, không đúng nơi quy định, gây phức tạp về ANTT. Không để kẻ địch và phần tử xấu lợi dụng kích động chống đối, gây bạo loạn.

Xây dựng phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hoá, thể thao lớn, quan trọng của Đảng, Nhà nước, quốc tế diễn ra trên địa bàn Hà Nội; các phương án giải quyết khi xảy ra khủng hoảng về kinh tế, xã hội; giải quyết đối với các tình huống cụ thể có thể xảy ra về an ninh trật tự. Tổ chức thực tập một số phương án về phòng chống khủng bố, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn nhằm nâng cao năng lực chỉ huy và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, kỹ năng thực hành của các lực lượng, các quận, huyện.

Giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh chống địch phá hoại tư tưởng

Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị tư tưởng theo hướng cụ thể, thuyết phục, hiệu quả. Kết hợp đồng bộ các giải pháp về tư tưởng văn hoá với các giải pháp về kinh tế xã hội. Coi trọng kiện toàn tổ chức, cơ chế hoạt động của cán bộ trên mặt trận văn hoá tư tưởng, nâng cao trách

nhiệm, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần tiến công trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng văn hoá với các thế lực thù địch.

Đấu tranh chống địch phá hoại về tư tưởng được tiến hành từ cơ sở ở mọi cấp, mọi ngành, từ trong nội bộ đảng, các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và mỗi công dân cư trú trên địa bàn Thủ đô dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng.

Nắm chắc diễn biến tư tưởng của các giai tầng xã hội trong mỗi thời điểm. Nâng cao nhận thức và phẩm chất chính trị, tư tưởng từ trong nội bộ đảng đến các giai tầng trong xã hội; thống nhất về nhận thức tư tưởng và hành động. Phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ với những quan điểm sai trái; tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hoá và dịch vụ văn hoá; chủ động sáng tạo ra những sản phẩm văn hoá lành mạnh đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, học sinh, sinh viên.

Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

Tăng cường thống nhất ý chí, hành động trong các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu lý tưởng XHCN, độc lập dân tộc gắn với CNXH của cán bộ, đảng viên, chống suy thoái nội bộ là yếu tố quyết định để chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch chống phá nội bộ ta.

Tiếp tục thực hiện tốt quy chế bảo vệ chính trị nội bộ. Làm trong sạch nội bộ, không để kẻ địch và các phần tử cơ hội, thoái hoá, chui vào nội bộ. Thực hiện nghiêm Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

Bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá; an ninh xã hội; an ninh thông tin

Triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động phá hoại kinh tế. Bảo vệ đường lối, quan điểm, chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng XHCN của Đảng, của Thành uỷ trên địa bàn Hà Nội, chống địch tác động chuyển hoá kinh tế, từ đó chuyển hoá chế độ chính trị. Bảo vệ sự phát triển lành mạnh của các thành phần kinh tế; bảo vệ bí mật nhà nước về kinh tế.

Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống mọi âm mưu, hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, các đối tượng trong nước trên địa bàn Hà Nội, nhất là các hoạt động viết, tán phát tài liệu phản động; bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ.

Bảo đảm an ninh xã hội, trọng điểm là an ninh nông thôn, an ninh trong tôn giáo. Phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm pháp luật trong thực hiện chính sách đối với nông dân, nông thôn và nông nghiệp. Giải quyết những vướng mắc, mâu thuẫn nảy sinh, không để hình thành "điểm nóng", khiếu kiện đông người phức tạp về an ninh trật tự. Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với những âm mưu và hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch và bọn phản động trong nước; những hành vi vi phạm chính sách, pháp luật của Đảng,

Nhà nước ta đối với tôn giáo; không để kẻ địch lợi dụng kích động gây rối, gây bạo loạn, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Đảng, Nhà nước ta.

Phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với những hoạt động phá hoại, lấy cắp bí mật thông tin, phá huỷ các công trình, phương tiện thông tin; các loại tội phạm công nghệ cao, nhất là hoạt động phạm tội trên mạng. Phòng chống tấn công mạng ở quy mô lớn; chống đột nhập, hoạt động của hacker Việt Nam; ngăn chặn việc truy nhập bất hợp pháp. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thông tin; bảo vệ bí mật Nhà nước về thông tin. Bảo vệ cơ sở dữ liệu, các cơ sở vật chất, các công trình, phương tiện thông tin.

Quản lý nhà nước về an ninh

Các ngành chức năng, chính quyền các cấp cần thường xuyên cải tiến nội dung, biện pháp quản lý, xây dựng cơ chế phối hợp trong quản lý, tránh chồng chéo, phiền hà. Thực hiện nghiêm công tác quản lý khai báo tạm trú đối với người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài. Chủ động phát hiện và xử lý những vi phạm về quy chế xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại và hoạt động, không để hình thành cộng đồng người nước ngoài trái phép trên địa bàn Hà Nội.

Phát hiện và đấu tranh với hoạt động của các cơ quan đặc biệt nước ngoài, các đối tượng phản động trong nước

Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hoá âm mưu và hoạt động khủng bố, phá hoại, diễn biến hoà bình làm thay đổi chế độ của các thế lực thù địch; các hoạt động thu thập tin tức tình báo, móc nối gây cơ sở, hoạt động nội gián của các cơ quan đặc biệt nước ngoài. Quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quan điểm, phương châm, nguyên tắc chỉ đạo của Đảng cho phù hợp với thực tiễn tình hình và đặc thù của Hà Nội, nhất là quan điểm "giữ vững bên trong là chính", cương quyết và khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng, của dư luận quốc tế, kết hợp tốt việc tranh thủ, "lôi kéo" những người có thể tranh thủ, "lôi kéo" được với việc phân hoá, cô lập, vô hiệu hoá kẻ thù và những phần tử ngoan cố chống đối.

2.3. Nhóm giải pháp cụ thể bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Tổ chức tốt công tác phòng ngừa

Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, để mọi người nắm vững pháp luật, tự giác thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Giáo dục ý thức tự phòng ngừa, bảo vệ tài sản; giáo dục đạo đức, lối sống trong thanh niên, học sinh v.v... Quản lý, giáo dục, giúp đỡ đối tượng tại cộng đồng dân cư. Quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động nói chung, nhất là số đối tượng hình sự. Quản lý tốt số người từ các tỉnh, thành phố về Hà Nội lao động, kinh doanh.

Tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên đề và thanh tra, kiểm tra các vụ việc nhằm phát hiện những vi phạm và những sơ hở thiếu sót trong cơ chế quản lý để chủ động khắc phục, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Phát hiện kịp thời và giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để phát sinh tội phạm. Tiếp tục phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hoà giải ở các cụm dân cư.

Chủ động nắm tình hình, không để phát sinh các "xóm liêu", các tụ điểm phức tạp về hình sự, ma tuý; tập trung xoá các "xóm liêu", các tụ điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là các khu vực nhạy cảm, các khu đô thị mới.

Quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội

Thường xuyên cải tiến các quy trình, quy định, phương thức phục vụ bảo đảm thuận tiện, đúng pháp luật và hiệu quả cao, nhất là trong quản lý hộ khẩu, quản lý cơ sở hạ tầng và các phương tiện giao thông v.v... UBND Thành phố tiếp tục ban hành các văn bản pháp quy quy định và phân công, phân cấp cho các ngành chức năng và chính quyền các cấp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị; xác định rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu quả của chính quyền quận, huyện, phường, thị trấn trong quản lý hệ đường phố, quản lý các chợ và địa bàn công cộng, quản lý dân cư, quản lý các vùng giáp ranh, các dịch vụ. Duy trì công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý các vi phạm trong quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

Phát hiện, đấu tranh trấn áp, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 09/CP, Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Tập trung thực hiện 4 đề án của chương trình, nhất là các đề án "Đấu tranh phòng chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự nguy hiểm và tội phạm có tính quốc tế"; "Đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em; tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên". Sử dụng đồng bộ các biện pháp, huy động mọi lực lượng trong các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh trấn áp tội phạm.

Đối với tội phạm kinh tế, cần tập trung phát hiện, xử lý các loại tội phạm tham nhũng; tội phạm vi phạm quy định sở hữu công nghiệp; tội phạm vận chuyển, lưu hành tiền giả, séc giả, sử dụng thẻ tín dụng giả để lừa đảo rút tiền qua hệ thống máy tính ATM của ngân hàng; tội phạm buôn lậu v.v.... Lĩnh vực cần quan tâm là: quản lý và sử dụng đất đai; ngân hàng; tài chính; xây dựng...Chú ý ở tất cả các khâu từ khảo sát, lập dự án, giải phóng mặt bằng, đấu thầu, thi công, cấp vốn, thanh quyết toán, đầu tư thiết bị công nghệ. Phát hiện những đường dây buôn lậu lớn, xuyên quốc gia trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường hàng không và bưu điện.

Đối với tội phạm hình sự, cần tập trung trấn áp mạnh bọn lưu manh chuyên nghiệp, hoạt động theo băng, ổ nhóm; bọn côn đồ hung hãn, đâm thuê chém mướn, sử dụng vũ khí "nóng" để phạm tội, hoạt động xuyên quốc gia; các tuyến, địa bàn trọng điểm, vùng giáp ranh, các khu đô thị mới...

Đối với tội phạm về ma tuý, cần tập trung khám phá các đường dây buôn bán, vận chuyển ma tuý lớn, các đối tượng tàng trữ, bán lẻ ma tuý gây nhức nhối dư luận, tổ chức sử dụng ma tuý.

Bảo đảm trật tự đô thị và an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, giải quyết các tệ nạn xã hội

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết 13/2002/NQ-CP của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế gia tăng và tiến tới giảm tai nạn giao thông; giảm ùn tắc giao thông trên diện rộng và kéo dài; giảm số người chết vì tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục luật giao thông; tạo chuyển biến về ý thức chấp hành luật giao thông của người tham gia giao thông. Triển khai các giải pháp về tổ chức giao thông. Tiếp tục duy trì trật tự hè đường phố, địa bàn công cộng, các tuyến phố chính; thực hiện quy hoạch về mạng lưới chợ; xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị; phát huy vai trò, hiệu quả của lực lượng tự quản và các mô hình tự quản của quần chúng ở cơ sở trong giữ gìn trật tự đô thị.

Thực hiện tốt công tác tuần tra giám sát, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm về trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông đường bộ và đường thuỷ nội địa; các trường hợp vi phạm trật tự đô thị, gây cản trở giao thông, mất mỹ quan đô thị; giải toả những tụ điểm neo đậu tàu thuyền trái phép; bến đò ngang vi phạm. Kiên quyết giải toả các chợ tạm, chợ cóc, các điểm sử dụng hè, lề đường, lòng đường, mặt cầu để họp chợ, v.v...

Quan tâm công tác phòng cháy chữa cháy nhằm làm giảm các vụ cháy gây thiệt hại lớn về người và tài sản, nhất là ở các trung tâm văn hoá, thương mại, các chợ lớn, khu công nghiệp, khu chế xuất, chung cư cao tầng, các làng nghề truyền thống và ở những nơi sử dụng, bảo quản vật liệu dễ cháy. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục về phòng cháy chữa cháy; bảo đảm giao thông chữa cháy, nguồn nước chữa cháy, hiện đại hoá các phương tiện chữa cháy; tổ chức luyện tập và củng cố lực lượng chữa cháy ở cơ sở. Lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên nghiệp thường xuyên tổ chức hướng dẫn an toàn phòng cháy chữa cháy, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm; tổ chức thực tập các phương án chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn.

Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý và các điều kiện bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban chỉ đạo của Thành phố về công tác bảo đảm an ninh trật tự, có sự phối hợp đồng bộ, thống nhất về chủ trương và giải pháp thực hiện, tránh chồng chéo, phân tán; hiệu lực, hiệu quả thấp. Quan tâm củng cố cơ sở vật chất, chủ động bố trí các trụ sở các lực lượng an ninh, cảnh sát theo quy hoạch của Thủ đô, đầu tư trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống khủng bố, bạo loạn; phòng chống tội phạm, phòng cháy chữa cháy trong điều kiện khoa học kỹ thuật, công nghệ phát triển, thông tin bùng nổ, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng bảo đảm an ninh trật tự.

B. VỀ QUỐC PHÒNG

1 Mục tiêu

Xây dựng nền quốc phòng - an ninh của Thủ đô Hà Nội theo hướng toàn dân, toàn diện, đủ sức ngăn chặn, đẩy lùi mọi âm mưu, hành động chống đối, phá hoại của các thế lực thù địch trong mọi hoàn cảnh. Sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược do lực lượng vũ trang của địch từ bên ngoài vào dưới mọi quy mô, hình thức, bảo vệ vững chắc Thủ đô, góp phần quan trọng vào bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Quan điểm

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy giữ vững môi trường hoà bình ổn định để phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước làm lợi ích cao nhất của cộng đồng dân tộc.

- Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng cần được xây dựng trên cơ sở của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, sự quản lý điều hành thống nhất của chính quyền các cấp, các lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Phát huy nội lực, độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đồng thời tranh thủ tối đa, khai thác mọi thuận lợi từ các quan hệ đối ngoại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, thêm bạn bớt thù, không chủ động đối đầu với bất cứ đối tượng nào khi xét thấy không cần thiết.

- Quán triệt tinh thần cách mạng tiến công, chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu các nhân tố bất trắc, không để Thủ đô bị bất ngờ trước mọi tình huống.

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam XHCN. Lấy sức mạnh bên trong là nhân tố quyết định; nắm chắc nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt. Kết hợp chặt chẽ các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh với nhiệm vụ kinh tế - xã hội và đối ngoại.

3. Tư tưởng chỉ đạo

Xây dựng sức mạnh tổng hợp của Hà Nội với cả nước về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, an ninh, đối ngoại... Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị; dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, quản lý điều hành tập trung thống nhất của chính quyền các cấp; các lực lượng vũ trang Thủ đô làm nòng cốt. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh; không ngừng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân phù hợp với điều kiện của Thủ đô Hà Nội.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần:

Không ngừng củng cố chế độ chính trị xã hội ngày càng vững mạnh; tiếp tục cải cách và hoàn thiện hệ thống chính trị các cấp, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân;

không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị và tinh thần cảnh giác cách mạng của nhân dân Thủ đô, xây dựng lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, củng cố sự nhất trí về chính trị tinh thần ngày càng cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Thủ đô, chế độ xã hội chủ nghĩa và mọi thành quả của cách mạng.

Phải thường xuyên chăm lo xây dựng các cấp uỷ đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ; đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và tệ quan liêu. Củng cố và tăng cường mối quan hệ Đảng, Chính quyền với nhân dân, xây dựng lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Chính quyền Thành phố và chế độ xã hội chủ nghĩa. Thực hiện thắng lợi các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chấp hành tốt các chính sách, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường công tác vận động quần chúng, tập trung vào những địa bàn trọng yếu; xây dựng, củng cố và phát huy hiệu lực của các tổ chức quần chúng. Chú trọng xây dựng cơ sở chính trị xã hội, xây dựng "thế trận lòng dân", biết dựa vào dân. Thực hiện rộng rãi, có chất lượng công tác giáo dục quốc phòng.

4.2. Xây dựng tiềm lực kinh tế:

Phải tạo ra nội lực mạnh để có thể giữ vững ổn định kinh tế xã hội và định hướng phát triển trước những chấn động, khủng hoảng từ bên ngoài và sự bao vây, cấm vận, chống phá của các thế lực thù địch, giải quyết được những vấn đề bất trắc cho cả thời bình và thời chiến.

Giải pháp xây dựng tiềm lực kinh tế của Thủ đô là: Tranh thủ môi trường hoà bình, ổn định, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, thất thoát tài sản. Kết hợp giữa "phát huy nội lực" với chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Chủ động kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các quy hoạch và kế hoạch kinh tế - xã hội của Thủ đô trong cả quy hoạch ngắn hạn và dài hạn, trong các cấp các ngành, đến từng quận, huyện, làng xã, bảo đảm mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội là một bước tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, hiện đại hoá các lực lượng vũ trang và những cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Quá trình xây dựng các công trình kinh tế, dân sinh, đặc biệt là các công trình hạ tầng đô thị phải có ý thức và thực sự phục vụ cho nhu cầu quân sự. Kết hợp xây dựng, cải tạo hệ thống cống ngầm thoát nước trong nội thành đáp ứng nhu cầu phòng tránh, cơ động lực lượng khi có chiến tranh.

Không ngừng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và khoa học nghệ thuật quân sự, từng bước nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu sửa chữa, sản xuất vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang địa phương và các binh đoàn chủ lực tác chiến trên địa bàn Thủ đô.

Xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc; gắn xây dựng cơ sở hạ tầng của nền kinh tế với xây dựng cơ sở hạ tầng của nền quốc phòng, xây dựng các căn cứ hậu phương, các khu vực dự trữ hậu cần kỹ thuật... Chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch động viên nền kinh tế khi tình hình đòi hỏi.

4.3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ:

Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VIII) và định hướng phát triển khoa học công nghệ trong đường lối kinh tế và chiến lược phát triển, tập trung vào các lĩnh vực: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ; xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đồng thời thường xuyên kiện toàn các tổ chức khoa học, đổi mới các cơ chế chính sách. Góp phần xây dựng nền khoa học quân sự Việt Nam mạnh, độc đáo, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng hệ thống lý luận về đường lối quan điểm quân sự và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ giữa tổng kết kinh nghiệm truyền thống với nghiên cứu phát triển lý luận nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân, chiến tranh nhân dân địa phương, chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực trong điều kiện mới.

Phát triển khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự theo hướng phục vụ kịp thời và có hiệu quả những yêu cầu về bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật cho vũ khí trang bị, kỹ thuật hiện có và sẽ có. Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu mới của khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực hoạt động quân sự; bảo quản, sửa chữa, cải tiến, thiết kế, chế tạo, tiếp thu chuyển giao công nghệ quốc phòng. Tập trung nghiên cứu làm hạn chế hiệu lực của vũ khí công nghệ cao, phòng tránh, đánh trả địch tiến công hỏa lực, đồng thời nghiên cứu các biện pháp nguy trang, nghi binh, cơ động lực lượng... trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ; giữ bí mật Nhà nước và chống sử dụng các công nghệ lạc hậu.

4.4. Xây dựng tiềm lực quân sự:

Xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu không ngừng phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng cơ động tinh nhuệ, chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, lực lượng công an xã và lực lượng bảo vệ chuyên trách. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại bảo đảm cho lực lượng vũ trang địa phương và các binh đoàn chủ lực hoạt động trên địa bàn trong thời bình cũng như thời chiến; xây dựng thể bố trí chiến lược của nền quốc phòng toàn dân và chuẩn bị sẵn sàng chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến.

Xây dựng các căn cứ chiến đấu bảo đảm có đủ các điều kiện để quân và dân Thủ đô bám trụ kiên cường, đánh cả phía trước, bên sườn, phía sau lưng địch. Chuẩn bị và có kế hoạch xây dựng các trận địa và công trình quốc phòng,

hệ thống các sở chỉ huy, các trung tâm thông tin liên lạc, các cơ sở bảo đảm hậu cần - kỹ thuật và dự trữ chiến lược. Xây dựng các căn cứ chiến đấu ở ngoại thành và các khu vực rừng núi ở các tỉnh lân cận, đủ chỗ sơ tán cho Đảng, chính quyền Thành phố làm việc khi có chiến sự. Đồng thời xây dựng căn cứ chiến đấu ngay trong lòng Thủ đô dưới các công trình ngầm bí mật trên các vị trí trọng điểm của Thành phố. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng ngày càng hoàn chỉnh, vững chắc trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực và thành tựu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

Thường xuyên bổ sung hoàn chỉnh và luyện tập, diễn tập theo các phương án A, A2, phương án phòng tránh, đánh trả địch tiến công hoả lực, xây dựng thế trận phòng không nhân dân, thế trận của khu vực phòng thủ.

Chuẩn bị cho quân và dân Thủ đô về mọi mặt để đối phó thắng lợi với mọi tình huống gây rối, bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang sẵn sàng động viên cục bộ hoặc động viên toàn bộ khi cần thiết. Từng bước xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự, có kế hoạch chuyển Thủ đô từ thời bình sang thời chiến và làm tốt công tác chuẩn bị động viên thời chiến.

5. Những nhiệm vụ cụ thể:

5.1. Làm tốt công tác giáo dục quốc phòng

Mục tiêu của công tác giáo dục quốc phòng là làm cho mọi người, mọi cấp mọi ngành quán triệt đầy đủ đường lối quân sự của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng an ninh trong tình hình mới.

Tiến hành giáo dục thường xuyên, liên tục cho các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, học sinh, sinh viên, các tầng lớp nhân dân Thủ đô bằng các hình thức học tập tập trung và tuyên truyền rộng rãi trên các kênh thông tin. Nội dung phải sát với từng đối tượng và điều kiện của Thủ đô. Kết hợp việc sinh hoạt tập trung với các hoạt động cụ thể của địa phương qua chương trình công tác của các cấp chính quyền. Phấn đấu đến năm 2007 các quận, huyện tự bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên, báo cáo viên về công tác giáo dục quốc phòng đạt tiêu chuẩn của Thành phố.

Tập trung giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, các cấp, các ngành về vị trí, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung xây dựng huyện, quận và thành phố thành khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc đi vào chiều sâu. Xây dựng toàn diện, đồng bộ trên các mặt, các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội và quân sự - an ninh. Trong đó, xây dựng về chính trị làm nền tảng, xây dựng về kinh tế - xã hội là then chốt, xây dựng về quân sự và an ninh là nhiệm vụ trung tâm.

Tiếp tục củng cố và nâng cấp các công trình phòng thủ đã có trên địa bàn Thủ đô. Xây dựng các căn cứ chiến đấu ở các huyện ngoại thành có địa hình thuận lợi bằng cách kết hợp xây dựng các trang trại phát triển kinh tế với các vị trí sơ tán, bố trí nơi làm việc của cơ quan Đảng và chính quyền khi cần thiết. Thường xuyên điều chỉnh các phương án sẵn sàng chiến đấu phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị của Thành phố. Kết hợp chặt chẽ các phương án sẵn sàng chiến đấu với phương án phòng cháy chữa cháy, phương án cứu hộ cứu

nạn trên toàn thành phố. Đặc biệt là các khu trung tâm, khu các cơ quan Trung ương và Hà Nội.

Xây dựng quận, huyện, thành phố thành khu vực phòng thủ là công việc vừa mới về lý luận vừa phong phú trong thực tế trên địa bàn Thủ đô. Cấp uỷ, chính quyền các cơ quan, sở, ngành cần xác định các chỉ tiêu, bước đi cụ thể để đạt hiệu xuất công tác cao.

5.2. Xây dựng lực lượng tổng hợp rộng khắp và vững mạnh, tương xứng với thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân

Lực lượng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị, lực lượng kinh tế, lực lượng văn hoá - xã hội và lực lượng quân sự - an ninh; được chủ động xây dựng vững mạnh, sắp xếp theo một kế hoạch thống nhất đảm bảo từng mục tiêu, mọi lĩnh vực đời sống xã hội đều có khả năng tự bảo vệ mình và được huy động để bảo vệ toàn diện các mặt, các lĩnh vực đời sống xã hội của Thủ đô.

Các sở, ban, ngành, quận, huyện phải căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch của ngành, chủ trương lãnh đạo của cấp uỷ, chương trình công tác của chính quyền thành mục tiêu, bước đi cụ thể; Bộ chỉ huy quân sự và Công an Thành phố phải chủ động phối hợp tham mưu cho Thành uỷ, HĐND, UBND cụ thể hoá kế hoạch xây dựng lực lượng tổng hợp, thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn Thủ đô.

5.3. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Tổ chức xây dựng các đơn vị bộ đội địa phương theo mô hình đơn vị đủ quân (cấp đại đội, tiểu đoàn), đơn vị khung thường trực (cấp tiểu đoàn trung đoàn) và đơn vị dự bị động viên không có khung thường trực. Các đơn vị biên chế đủ quân là lực lượng thường trực sẵn sàng chiến đấu và ứng cứu xử trí các tình huống khẩn cấp tại thủ đô phải lựa chọn những thanh niên ưu tú, tổ chức biên chế chặt chẽ, huấn luyện chu đáo. Xây dựng bộ đội địa phương Hà Nội theo phương châm cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Các đơn vị khung thường trực được tổ chức, biên chế chặt chẽ theo khu vực, địa bàn; thường xuyên làm tốt công tác luân phiên huấn luyện và luyện tập động viên, tuyển quân. Các đơn vị dự bị động viên không có khung thường trực của thành phố được qui hoạch theo địa bàn hành chính.

Dân quân tự vệ là một thành phần quan trọng trong khối lực lượng vũ trang của Đảng được tổ chức tại phường, xã, cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp. Dân quân tự vệ thủ đô thực sự là đội quân vừa sản xuất vừa chiến đấu được tổ chức thành hai bộ phận: *lực lượng dân quân tự vệ nông cốt và lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi.*

Tổ chức huấn luyện: chú trọng huấn luyện chuyên nghiệp quân sự với bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ công tác khác như: tuyên truyền vận động nhân dân, kỹ thuật cứu hoả, cứu sập, băng bó cấp cứu, vận chuyển thương binh...

Về trang bị: ngoài những trang bị vũ khí, khí tài quân sự, căn cứ vào yêu cầu công tác của từng đối tượng, các phường, xã cần mua sắm trang bị một số khí tài cần thiết khác bảo đảm hoạt động của dân quân tự vệ theo yêu cầu nhiệm vụ và khả năng của từng địa phương.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu có số lượng đông, chất lượng cao sẵn sàng động viên: Lực lượng dự bị động viên hùng hậu là cơ sở nền tảng để thực hiện nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong điều kiện mới. Lực lượng dự bị cho lực lượng thường trực quân đội do nhiều chủ thể cùng thực hiện, thường xuyên liên tục, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp, các cơ quan ban, sở, ngành cùng toàn dân tham gia thực hiện. Bảo đảm để lực lượng dự bị động viên luôn có số lượng lớn, chất lượng cao, đồng bộ, rộng khắp, vững chắc và thiết thực; có cơ chế động viên hợp lý bảo đảm khi có nhu cầu huy động nhanh, gọn, đồng bộ, có sức chiến đấu cao. Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải kết hợp chặt chẽ với các mặt các lĩnh vực công tác khác, bảo đảm cho địa phương vừa phát triển kinh tế xã hội, vừa tăng cường quốc phòng an ninh

Tham gia xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực, đơn vị cơ động của Công an Nhân dân đứng chân và triển khai hoạt động trên địa bàn: Các đơn vị bộ đội chủ lực và Công an Nhân dân đứng chân và triển khai hoạt động trên địa bàn Thủ đô là một thành phần lực lượng của khu vực phòng thủ Hà Nội. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô có trách nhiệm xây dựng các đơn vị này bảo đảm cho các đơn vị bộ đội chủ lực và Công an nhân dân cách mạng, chính qui, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

5.4. Tích cực, chủ động, đấu tranh quốc phòng để giữ ổn định chính trị, trật tự kỷ cương phép nước

Đấu tranh quốc phòng được triển khai trên tất cả các mặt, các lĩnh vực đời sống xã hội của Thủ đô, bằng các hình thức đấu tranh chính trị - xã hội, đấu tranh kinh tế, đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng và đối ngoại. Trong thời kỳ hoà bình xây dựng, đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, an ninh bằng các biện pháp chính trị và hành chính là chủ yếu và phổ biến, đấu tranh trong nội bộ tổ chức và cộng đồng dân cư nhằm thống nhất nhận thức và hành động là hoạt động rộng rãi và thường xuyên. Khi xuất hiện các tình huống phức tạp, đấu tranh quốc phòng phải huy động sức mạnh tổng hợp, vận dụng các biện pháp tổng hợp đấu tranh kiên quyết, kịp thời và giải quyết dứt điểm từ cơ sở theo đúng luật pháp của Nhà nước. Đấu tranh quốc phòng là quyền lợi và nghĩa vụ của các cấp các ngành và toàn xã hội vận hành theo cơ chế cấp uỷ đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan, sở, ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu và tổ chức thực hiện theo chức năng.

6. Một số giải pháp chủ yếu

6.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố đối với việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh

Lãnh đạo công tác giáo dục quốc phòng

Giáo dục quốc phòng có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công tác giáo dục quốc phòng phải vận dụng linh hoạt nhiều hình thức như: cử cán bộ chủ chốt của các quận, huyện, sở, ngành thành phố (đối tượng 2) tham gia các lớp bồi dưỡng do quân khu tổ chức; Thành phố mở lớp bồi dưỡng cho các đồng chí là cán bộ chủ trì cấp phường, xã, phòng, ngành và tương đương (đối tượng 3) tại trung tâm bồi dưỡng cán bộ của Thành phố. Chỉ đạo các trung tâm bồi dưỡng cán bộ các quận, huyện, mở lớp bồi dưỡng cán bộ là bí thư chi bộ và trưởng thôn, tổ trưởng dân phố (đối tượng 4). Đối với học sinh, sinh viên trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông, Thành phố chỉ đạo Sở Giáo dục - đào tạo, hệ thống nhà trường quân đội của thành phố phối hợp cùng các trung tâm giáo dục quốc phòng của Bộ giáo dục đào tạo và ban chỉ huy quân sự quận, huyện đổi mới nội dung phương pháp dạy học môn học giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên theo Chỉ thị 71. Đối với nhân dân và công nhân viên chức trong các cơ quan, xí nghiệp, tổ dân cư, Thành phố chỉ đạo Sở Văn hoá - Thông tin, các đoàn thể nhân dân kết hợp cùng cơ quan quân sự vận dụng các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, cùng các hình thức sinh hoạt cộng đồng để thực hiện các nội dung giáo dục theo tinh thần Chỉ thị 62/BCT và Nghị định 15/CP.

Lãnh đạo xây dựng Thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc

Việc xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố cần được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu, toàn diện nhằm tạo ra thế trận vững chắc, đủ khả năng ngăn ngừa và đối phó thắng lợi với mọi tình huống cả thời bình, thời chiến. Bao gồm cả xây dựng lực lượng và xây dựng thế trận, tạo tiềm lực quốc phòng toàn dân trên toàn địa bàn Thành phố.

Thực hiện tốt việc kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược, vừa xây dựng vừa đấu tranh bảo vệ và ngược lại. Đó vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt nhằm đối phó với các tình huống có thể xảy ra trong thời bình, vừa là nhiệm vụ cơ bản lâu dài. Phải dựa vào dân, vào cơ sở, xây dựng và vận hành cơ chế lãnh đạo điều hành vào địa phương mình một cách khoa học. Khẩn trương làm tốt công tác điều tra qui hoạch, điều chỉnh bổ sung các dự án xây dựng các thành phần thế trận, làm tốt công tác diễn tập, sơ tổng kết hàng năm theo sự chỉ đạo của cấp trên.

Lãnh đạo các lực lượng vũ trang nhân dân phối hợp giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Trong điều kiện ngày nay, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ thường xuyên nhằm giữ vững ổn định chính trị xã hội, tạo môi trường hoà bình ổn định để thực hiện các mục tiêu CNH - HĐH đất nước. Thực hiện có hiệu quả sự phối hợp giữa Bộ chỉ huy quân sự thành phố và Công an thành phố; sự phối hợp giữa lực lượng công an, dân phòng và LLVTĐP từ cơ sở, xã, phường. Lực lượng vũ trang địa phương và công an nhân dân luôn luôn giữ vai trò nòng cốt trong hoạt động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Từng địa phương phải phát huy đúng chức năng, nhiệm vụ của từng

lực lượng; thực hiện đầy đủ qui chế phối hợp, hiệp đồng trong vận động quần chúng xây dựng cơ sở và xử lý các tình huống.

Vận dụng sáng tạo cơ chế lãnh đạo theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở địa phương:

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cơ chế: Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan, ban ngành làm tham mưu theo chức năng; chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, thành phố chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang ở địa phương khi có chiến sự, chiến tranh. Cơ chế đó thể hiện mối quan hệ giữa các cơ quan ban ngành đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, không chỉ có cơ quan quân sự làm tham mưu, giữa cơ quan quân sự, và công an cũng làm rõ mối quan hệ gắn bó, thể hiện quan điểm gắn nhiệm vụ quốc phòng với an ninh trong mọi tình huống.

Nâng cao chất lượng toàn diện của người chỉ huy và cơ quan quân sự địa phương

Người chỉ huy và cơ quan quân sự địa phương phải rèn luyện, phấn đấu theo yêu cầu chung của cán bộ quân đội, không ngừng nâng cao năng lực trình độ toàn diện để hoàn thành 2 chức năng chủ yếu của cơ quan quân sự địa phương là: làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền; chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang địa phương thuộc quyền.

Cần đi sâu nghiên cứu để có những hiểu biết đầy đủ về chuyên môn, chuyên ngành chủ yếu ở địa phương như: công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, nông - lâm - thuỷ sản,...

6.2. Thực hiện các biện pháp hành chính để thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở các cấp của Thủ đô Hà Nội

Trước hết phải cải cách hành chính trên cơ sở nâng cao vai trò trách nhiệm của các thành viên, công nhân, viên chức nhà nước. Cán bộ trong bộ máy hành chính nhà nước của Thành phố phải hiểu biết sâu sắc về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Kết hợp các hình thức tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục với biện pháp hành chính. Cơ quan quân sự các cấp phải chủ động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và giúp các cơ quan này xử lý kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý hành chính, bảo đảm không để sai sót đáng tiếc xảy ra trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

6.3. Tăng cường công tác kiểm tra theo phương án; sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của Thành phố

Tăng cường công tác kiểm tra theo nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của từng thời kỳ. Tổng kết rút kinh nghiệm qua các đợt hoạt động, diễn tập khu vực phòng thủ và xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh. Biểu dương khen thưởng kịp thời và nhân điển hình những đơn vị có thành tích xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh. Có chính sách thích hợp đối với các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, ngoài quốc doanh tham gia xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thủ đô.

Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các khâu công tác từ tạo nguồn, đăng ký quản lý nguồn, tổ chức biên chế, huấn luyện đến huy động lực lượng vũ trang địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra cần làm thường xuyên; kết hợp giữa kiểm tra, thanh tra theo chuyên ngành với tự kiểm tra của từng cơ sở, địa phương. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm Pháp lệnh về lực lượng vũ trang địa phương.

6.4. Ban hành và thực hiện tốt hệ thống chính sách đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới

Các địa phương có nhiệm vụ thi hành nghiêm chỉnh các chế độ chính sách, pháp luật về quốc phòng - an ninh. Đồng thời cần phải phát huy tính năng động, sáng tạo, hoàn thiện các chính sách, cụ thể là: chính sách về bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh trong nhiệm vụ đào tạo cán bộ các cấp của thành phố Hà Nội; chính sách về xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh trong các tổ chức kinh tế, xã hội ngoài quốc doanh; chính sách về huy động lực lượng phương tiện của các ngành các cấp, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội phục vụ cho quốc phòng - an ninh của Thủ đô; chính sách về đất đai trên các vùng gò, đồi của Thành phố được huy động tham gia xây dựng các công trình phòng thủ; chính sách về hậu phương quân đội; chính sách đãi ngộ người có công với cách mạng; chính sách về bảo hiểm trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh đối với tất cả các thành phần trên địa bàn Thủ đô và đối với cả nước.

VIII. NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH QUYỀN GẮN VỚI PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

A. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Tiếp tục tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị các cấp từ thành phố tới cơ sở, trọng tâm là: xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái thi đua xây dựng Thủ đô văn minh, thanh lịch, hiện đại, thiết thực kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc và hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội.

B. NHIỆM VỤ CƠ BẢN

1. Kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp

1.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính:

Chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, tạo chuyển biến mới về chất công tác cải cách hành chính, trong đó tập trung 2 vấn đề: cải cách thể chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức⁴¹.

⁴¹ Nội dung cải cách hành chính gồm 4 vấn đề: thể chế, bộ máy, đội ngũ cán bộ và tài chính công.

Chuẩn hoá, tối ưu hoá, công khai hoá các quy trình giải quyết thủ tục trong các cơ quan hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, cấp đăng ký kinh doanh, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, cấp chứng chỉ quy hoạch, giới thiệu địa điểm và cấp phép xây dựng... Cải tiến phương thức soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chuẩn hoá quy trình ra quyết định hành chính. Rà soát, đánh giá các văn bản đã ban hành để bổ sung, điều chỉnh hoặc thay thế.

Mở rộng việc phân cấp quản lý hành chính gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo thực hiện cơ chế “một cửa” một cách thực chất, thống nhất và đồng bộ đối với toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cơ quan hành chính từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai mọi thủ tục hành chính để nhân dân, các tổ chức, đơn vị biết và kiểm tra; triển khai công tác thanh tra công vụ. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức sai phạm. Đổi mới quản lý tài chính công đảm bảo thiết thực, công khai, minh bạch, hiệu quả.

Rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn của đội ngũ cán bộ, công chức làm cơ sở cho việc tuyển chọn, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng cán bộ công chức. Đổi mới quy trình tuyển dụng, quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm công chức theo hướng khuyến khích công chức mẫn cán, có phẩm chất đạo đức, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện kỹ năng thực thi công vụ. Phân định rõ công chức hành chính với viên chức sự nghiệp. Tập trung xây dựng đội ngũ công chức theo hướng chuyên nghiệp, chính quy, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp.

1.2. Củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp:

Đẩy mạnh việc sắp xếp tổ chức, thu gọn đầu mối bộ máy hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Rà soát, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị hành chính các cấp. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn. Hiện đại hoá bộ máy hành chính, đổi mới công nghệ quản lý, tin học hoá quản lý nhà nước, đến năm 2007 đủ điều kiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng thông tin điện tử.

Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp thực sự của dân, do dân, vì dân và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức: trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND trong việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Kiện toàn tổ chức, bộ máy HĐND theo hướng tăng chất lượng, số lượng đại biểu chuyên trách; đảm bảo các điều kiện cần thiết để HĐND thực hiện đầy đủ, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định

của pháp luật. Xây dựng HĐND theo phương châm “Đổi mới - Dân chủ - Trách nhiệm - Hiệu quả - Vì dân”.

Phát huy dân chủ, phối hợp chặt chẽ hoạt động của HĐND với UBND, MTTQ, đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội và các đoàn thể, hiệp hội nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh - quốc phòng ở Thủ đô.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; đổi mới tổ chức, hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân:

Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân gắn với phát huy dân chủ của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng ở tất cả các cấp, các ngành. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia trực tiếp nhiều hơn trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, phản biện và giám sát xã hội thông qua MTTQ và các đoàn thể nhân dân.

Đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân theo hướng “tinh gọn, đa dạng, thiết thực, gần dân”, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức. Từng bước chuẩn hoá cán bộ đoàn thể các cấp, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, xây dựng lực lượng nòng cốt. Mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng theo nghề nghiệp, theo nhu cầu đời sống và sinh hoạt văn hoá vào các hoạt động xã hội thiết thực do đoàn thể chính trị làm nòng cốt, chú trọng tới các huyện ngoại thành, vùng đồng bào có đạo, các loại hình doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ở thôn, xóm, tổ dân phố. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở Thủ đô.

Mặt trận Tổ quốc Thành phố: đổi mới hoạt động theo hướng sát cơ sở, gần dân, nắm vững tâm tư nguyện vọng của dân; mở rộng các tổ chức thành viên trên cơ sở củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức để thu hút ngày càng nhiều các thành viên trong xã hội, đa dạng hoá các hình thức tổ chức, tập hợp nhân dân, chú trọng các nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, người cao tuổi, các chức sắc tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài... Nâng cao trách nhiệm và vai trò phản biện xã hội trong việc xây dựng các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; nâng cao chất lượng cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”. Tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ chủ chốt do nhân dân bầu. Xây dựng, thực hiện quy chế để nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên và công chức tại nơi cư trú.

Liên đoàn Lao động Thành phố: đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ, bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và nghề nghiệp, bồi

dưỡng tác phong công nghiệp cho người lao động. Đẩy mạnh cuộc vận động “tri thức hoá công nhân” ở Thủ đô; tham gia giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp; chăm lo bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, phối hợp nghiên cứu xây dựng quỹ trợ cấp thất nghiệp. Đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, củng cố và xây dựng các tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế, chú trọng tới khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Công đoàn các cấp phối hợp với chính quyền tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố: làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh cho thanh, thiếu niên; tạo điều kiện để thanh niên thực hiện nguyện vọng, lợi ích chính đáng trong học tập, lao động, nghiên cứu khoa học, phục vụ lực lượng vũ trang và hưởng thụ các nhu cầu về văn hoá, tinh thần, vui chơi giải trí lành mạnh. Phối hợp chăm lo giải quyết việc làm, dạy nghề, nâng cao trình độ cho thanh niên, chăm sóc sức khoẻ cho thanh, thiếu niên, nhi đồng. Đẩy mạnh phong trào thanh niên tình nguyện, gương mẫu trong các phong trào thi đua; tích cực tham gia phòng ngừa vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên, chống các tệ nạn xã hội. Chú trọng xây dựng tổ chức đoàn, tổ chức hội trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố: nâng cao chất lượng hoạt động, giúp phụ nữ nâng trình độ hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật, phát triển kinh tế và xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc. Tích cực tham gia xây dựng, giám sát thúc đẩy việc thực hiện các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình, xây dựng người phụ nữ Thủ đô “Trung hậu - sáng tạo - đảm đang - thanh lịch”.

Hội Nông dân Thành phố: đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp hoạt động, xây dựng tổ chức hội vững mạnh toàn diện, thực hiện vai trò nòng cốt trong các phong trào ở nông thôn. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa công nghệ sản xuất tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Động viên nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; phối hợp làm tốt công tác hoà giải và tham gia giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ nông dân. Vận động nông dân thực hiện chủ trương giải phóng mặt bằng, triển khai xây dựng các dự án.

Hội Cựu chiến binh Thành phố: giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “bộ đội Cụ Hồ”, tiếp tục tập hợp và đoàn kết cựu chiến binh, cựu quân nhân; xây dựng tổ chức hội trong sạch vững mạnh; phát huy trí tuệ và trách nhiệm; tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền. Chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và hoạt động tình nghĩa đối với hội viên; nêu cao tinh thần gương mẫu xây dựng gia đình văn hoá góp phần tích cực vào việc giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ. Phối

hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ chính trị xã hội, an ninh quốc phòng.

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Một là, tiếp tục tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ thành phố tới cơ sở:

Tiếp tục rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức, bộ máy và hoạt động của chính quyền các cấp sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) để xem xét, sắp xếp, điều chỉnh và kiện toàn lại cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Sau khi rà soát, kiên quyết điều chỉnh hoặc giải thể đơn vị, đầu mối trung gian chồng chéo, không cần thiết, hoạt động hiệu quả thấp; đồng thời, nghiên cứu thành lập các tổ chức, đơn vị mới thực sự cần thiết do yêu cầu xây dựng và phát triển Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển Thủ đô đến năm 2010.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là: cải cách thủ tục hành chính; cải cách thể chế hành chính; cải cách tổ chức bộ máy và cán bộ.

Rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế quản lý xã hội theo pháp luật, như: thủ tục về quản lý đất đai, đô thị, cấp phép xây dựng, kinh doanh, vệ sinh môi trường, trật tự an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí....

Tổ chức tiếp dân, xem xét giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các đơn thư khiếu kiện của công dân, đặc biệt là những vụ việc nổi cộm, bức xúc, phức tạp, kéo dài.

Tiếp tục thực hiện tiêu chuẩn hoá chức danh công chức, quy trình tuyển chọn, đánh giá, bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức một cách dân chủ, công khai và khách quan.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và khắc phục những yếu kém, tiêu cực trong quản lý, điều hành của chính quyền, trọng tâm là đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn....

Ba là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân (Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh) và các tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp... ở các cấp cần bám sát nhiệm vụ chính trị của cấp uỷ, nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền; nắm vững chức năng, nhiệm vụ của cấp mình, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới: thời kỳ xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

Cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp phải thật sự coi trọng công tác vận động quần chúng và lãnh đạo các đoàn thể nhân dân; phân công Thường vụ hoặc cấp uỷ viên phụ trách công tác đoàn thể nhân dân, nêu cao trách nhiệm của các cấp uỷ và chính quyền đối với công tác quần chúng; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể để phát huy chức năng của đoàn thể tham gia quản lý xã hội.

IX. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ

A. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Thứ nhất, phải nhận thức sâu sắc công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt liên quan đến vận mệnh của sự nghiệp đổi mới, đến chế độ, đến sự thành bại của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Công tác xây dựng Đảng của Hà Nội phải đặt trong mối quan hệ với phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng, phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Thứ hai, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ thành phố quyết định việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô. Trước hết, công tác xây dựng Đảng phải phòng ngừa nguy cơ chệch hướng chính trị trong lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng, dân chủ, văn minh, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đẩy mạnh phát triển kinh tế phải kết hợp với việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Thứ ba, công tác xây dựng Đảng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; chống bệnh cơ hội, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thoái hoá, biến chất trong cán bộ, đảng viên. Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng; xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền và đoàn thể các cấp; xây dựng tổ chức bộ máy Đảng; xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức; xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đủ năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

Thứ tư, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Thành phố chú trọng đổi mới về nhận thức, phương pháp tư duy, phương pháp lãnh đạo và tác phong công tác, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Thủ đô XHCN ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các biện pháp để tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

Thường xuyên chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên và

nhân dân; cổ vũ tinh thần hăng hái lao động sản xuất, công tác và học tập, cống hiến cho sự phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội thực dụng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng kịp thời các chương trình, đề án thực hiện các nghị quyết của Đảng. Tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân về đường lối đổi mới, về chủ trương, chính sách, về ý chí và quyết tâm thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN. Chủ động nắm bắt, xử lý, định hướng dư luận xã hội; nhạy bén đấu tranh với những quan điểm sai trái và âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp tục quán triệt sâu rộng và đưa việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn công tác của từng ngành, địa phương và cơ sở, đặc biệt là trong sinh hoạt đảng và tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền, báo chí xuất bản, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân Thủ đô.

Chăm lo xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, trang bị cơ sở vật chất cho công tác tư tưởng, tuyên giáo từ thành phố tới cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư tưởng văn hoá ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, sự quản lý của chính quyền từ Thành phố tới cơ sở.

Hai là, mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu.

Ba là, nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Bốn là, tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận.

Năm là, kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận.

Sáu là, phát huy sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh công tác tư tưởng.

Bảy là, đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường công tác kiểm tra của Đảng:

Chỉ đạo kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hiện tiết kiệm một cách quyết liệt và có hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết

Trung ương 6 (lần 2), khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4, khoá IX.

Kiện toàn mô hình, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo TW 6 (2) của Thành uỷ, phân công rõ trách nhiệm, có lộ trình và tiến độ thực hiện cụ thể, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, ngăn chặn hiệu quả nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Đưa việc tự phê bình và phê bình thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ trong sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt đảng để kịp thời phát huy ưu điểm, ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng, việc làm lệch lạc, sai trái, giải quyết những vấn đề vướng mắc trong nội bộ. Tự phê bình và phê bình phải tiến hành nghiêm túc, có hiệu quả, không qua loa, chiếu lệ, hình thức. Chú trọng vận động quần chúng nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Tăng cường công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thi hành Điều lệ Đảng, kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chương trình và đề án công tác lớn của Thành uỷ; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra thi hành kỷ luật đảng. Chỉ đạo tập trung xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc nổi cộm, bức xúc, phức tạp kéo dài. Công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên phải có trọng tâm, trọng điểm và phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của chính quyền, thanh tra nhân dân để có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn, nhất là đối với những vụ việc cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp vi phạm pháp luật.

Củng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ trình độ, năng lực, công tâm, trong sạch.

Để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, trang bị và nâng cao nhận thức cho các tổ chức đảng và đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng.

Hai là, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ đối với công tác kiểm tra của các cấp uỷ đảng và Uỷ ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ Thành phố.

Ba là, tiếp tục đổi mới phương pháp lãnh đạo, nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra của Thành uỷ.

Bốn là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp.

Năm là, cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của quần chúng, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

Sáu là, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, Uỷ ban kiểm tra Trung ương và các ban Đảng Trung ương

3. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ và tiếp tục đổi mới công tác cán bộ:

Cấp uỷ thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Các quyết định về cán bộ phải do tập thể cấp uỷ có thẩm quyền quyết định theo đa số.

Nắm vững và thực hiện tốt các nguyên tắc và quy trình về công tác cán bộ như: chăm lo tạo nguồn cán bộ; thực hiện đúng quy chế tuyển chọn cán bộ; tiêu chuẩn hoá chức danh cán bộ, công chức; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cán bộ; đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ; thực hiện điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ..v.v., trọng tâm là:

Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài;

Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ cho cả trước mắt và lâu dài;

Thực hiện có nền nếp, đúng quy trình công tác đánh giá và sử dụng cán bộ;

Đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý trên cơ sở kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển;

Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch. Khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín, cản trở việc thực hiện luân chuyển cán bộ;

Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tăng cường công tác quản lý cán bộ; phát hiện và ngăn chặn kịp thời âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ;

Thực hiện tốt chính sách cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lão thành cách mạng, người có công, cán bộ hưu trí, cựu chiến binh; từng bước cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bổ sung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, nhất là đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm. Coi trọng những yếu tố cần thiết của người lãnh đạo, quản lý trong giai đoạn hiện nay là: Kiên định mục tiêu xây dựng đất nước, tôn trọng nhân dân, quần chúng; biết phát huy dân chủ; quyết đoán, lạc quan, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không sợ khó khăn, gian khổ.

Đổi mới, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, bố trí những cán bộ có đủ năng lực, trình độ, công tâm, gương mẫu để tham mưu đề xuất về công tác cán bộ. Cơ quan tổ chức phải chấp hành nghiêm quy chế, quy trình tham mưu cho cấp uỷ về công tác cán bộ.

Mở rộng dân chủ trong công tác cán bộ, thực hiện quyền được biết, quyền được tham gia, quyền được lựa chọn và quyền giám sát của nhân dân (thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng) trong việc tuyển chọn, đề bạt và sử dụng cán bộ.

Để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức đảng, đoàn thể, chính quyền phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển Thủ đô thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ ở cơ sở.

Ba là, tăng cường công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

Bốn là, đổi mới căn bản phương thức lãnh đạo và lề lối công tác của Đảng bộ Thành phố trên lĩnh vực tổ chức, cán bộ. Nâng cao văn hoá lãnh đạo và văn hoá quản lý.

4. Tăng cường xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức đảng các cấp; nâng cao chất lượng đảng viên.

Cấp uỷ các cấp cần tập trung chỉ đạo củng cố các tổ chức đảng, đặc biệt các đảng bộ cơ sở và chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những cơ sở có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ, phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu; giữ gìn mối liên hệ mật thiết với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Nêu gương sáng của đảng viên và gia đình đảng viên trước nhân dân.

Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, phương pháp đánh giá phải bảo đảm quy trình chặt chẽ, khách quan, công tâm, phản ánh đúng thực chất; khắc phục tình trạng nê nang, dễ dãi, xuôi chiều, chạy theo thành tích. Phân đấu, hàng năm có trên 75% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; trên 70% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kiện toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan chính quyền và các đoàn thể chính trị- xã hội của Thành phố.

Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động các ban tham mưu của Thành uỷ, cơ quan Đảng, đoàn thể ở các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII).

Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên, trọng tâm là: Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng cho đảng viên những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

nước, về học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, về giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thoái hoá biến chất và các biểu hiện tiêu cực khác. Các cấp uỷ và chi bộ tăng cường công tác quản lý, giáo dục rèn luyện và phân công công tác cho đảng viên; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình gắn với đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên; kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đặc biệt là ở các cơ sở xã, phường, thị trấn và nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Phân đấu bình quân mỗi năm kết nạp được 6.000-6.500 đảng viên.

5. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể:

Công tác dân vận trong thời kỳ mới chú trọng mục tiêu: cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ, thực hiện công bằng xã hội. Cải tiến, nâng cao trình độ lãnh đạo công tác quần chúng, công tác tôn giáo; chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân vận các cấp; có chính sách hợp lý, tạo điều kiện về cơ sở vật chất đối với hoạt động của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống dân vận, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ thành phố tới cơ sở theo tinh thần Hướng dẫn số 01 của liên Ban Tổ chức-Dân vận Trung ương, các nghị quyết và đề án của Thành uỷ, trọng tâm là: xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, thực hiện tốt qui chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; làm tốt chức năng “phản biện” của Mặt trận, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân.

Để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, thể chế hoá các quan điểm của Đảng, xây dựng mới và bổ sung hoàn chỉnh các chủ trương, chính sách cụ thể đối với từng giai cấp, tầng lớp xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Hai là, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước nhằm phát huy mọi nguồn lực trong nhân dân để xây dựng và phát triển Thủ đô.

Ba là, xây dựng Đảng thực sự là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố lòng tin và mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Bốn là, đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy nhà nước trong sạch vững mạnh, thực sự của dân, do dân và vì dân.

Năm là, nâng cao vai trò Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân; mở rộng và đa dạng hoá các hình thức vận động, tập hợp nhân dân.

Sáu là, tăng cường công tác dân tộc, tôn giáo.

6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị của Thành phố. Làm rõ cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp. Phát huy tính chủ động và chất lượng tham mưu của các ban đảng, trách nhiệm và vai trò của các cấp uỷ viên.

Thực hiện phong cách: nói đi đôi với làm; chỉ đạo quyết liệt, cụ thể, tăng cường kiểm tra, sâu sát cơ sở, sát dân, nắm chắc thực tiễn, tiếp thu cái mới; quyết đoán, dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp chung.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng từ thành phố đến cơ sở, kiên quyết chống bệnh quan liêu giầy tờ, giảm bớt hội họp, thực hành tiết kiệm, chống phô trương hình thức, lãng phí.

Đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, chỉ đạo của Đảng bộ Thành phố; thí điểm tổ chức hội nghị, trao đổi nội dung chuyên đề công tác, tư vấn, góp ý, trưng cầu ý kiến nhân dân... qua mạng thông tin điện tử.

Để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ thành phố tới cơ sở.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trọng tâm là: cải cách thủ tục hành chính; thể chế hành chính; cải cách tổ chức bộ máy và cán bộ.

Ba là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân.

Bốn là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ các cấp, phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể, đồng thời xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu.

KẾT LUẬN

Công cuộc đổi mới đã tạo cho Thủ đô thế mới, lực mới, diện mạo mới. Những thành quả đạt được của Hà Nội đã góp phần tích cực vào thành tựu chung trong công cuộc đổi mới đất nước. Những năm tới là chặng đường đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội - chặng đường phấn đấu quyết liệt để thiết thực tiến tới kỷ niệm một cách xứng đáng nhất sự kiện thiêng liêng của cả dân tộc: Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Cán bộ, đảng viên, nhân dân Hà Nội có quyền tự hào chính đáng về những thành quả đổi mới của Thủ đô - thành quả đổi bằng sự lao động, sáng tạo, phấn đấu, hy sinh của hàng triệu đồng bào, chiến sĩ. Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới, từ những thành quả và cả thiếu sót, khuyết điểm, từ những bài học kinh nghiệm đúc kết trong thực tiễn phát triển, ... có cơ sở để hiểu sâu hơn về Hà Nội, yêu mến, tự hào hơn về Hà Nội và có trách nhiệm hơn với Hà Nội.

Chặng đường đã qua dù vẻ vang cũng mới chỉ là giai đoạn khởi đầu. Chặng đường sắp tới là giai đoạn đi vào phát triển toàn diện. Rất nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới, khó khăn, phức tạp đang đặt ra đòi hỏi cách nghĩ mới, cách làm mới, đặc biệt là, đòi hỏi quyết tâm mới, khí thế lao động, sáng tạo mới của toàn Đảng bộ, nhân dân Thủ đô trên cơ sở thống nhất một hướng đi, một mục tiêu và sự đồng thuận, sự vào cuộc để triển khai các công việc phải làm.

Đề tài này được hoàn thành với mong muốn đóng góp thiết thực vào đại cuộc vẻ vang đó./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các văn kiện của Trung ương Đảng và Thành uỷ:

1. Các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX của Đảng CSVN, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội X của Đảng, lưu hành nội bộ, 9/2005
3. Các Nghị quyết của Trung ương Đảng 2001 - 2004, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004
4. Các văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX, X, XI, XII, XIII Đảng bộ Thành phố Hà Nội.
5. Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội, 11/2005
6. Các văn bản chủ yếu của Thành uỷ Hà Nội ban hành trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố khoá 12, 13 .
7. Các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, thông báo, cáo cáo của Thành uỷ Hà Nội (1986 - 2005)

II. Sách nghiên cứu, chuyên khảo:

1. Tài liệu nghiên cứu Văn kiện Đại hội IX của Đảng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
2. Tài liệu phục vụ nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố, Hà Nội 2001
3. Nguyễn Phú Trọng, Phát huy hào khí Thăng Long - Hà Nội, xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, NXB Hà Nội, 2003.
4. Phùng Hữu Phú (chủ biên), Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hà Nội (1930-2000), NXB Hà Nội, 2004.

III. Các tài liệu tham khảo khác:

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm đặc thù cấp Thành phố giai đoạn 2003 - 2005 “*Những luận cứ khoa học cho việc đánh giá quá trình đổi mới ở Thủ đô và định hướng phát triển đến năm 2010*” (Mã số: 01X-13):

1.1. *Những luận cứ khoa học thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô giai đoạn 2006-2010* (mã số: 01X-13/01-2003-3; chủ nhiệm đề tài: TS. Nghiêm Xuân Đạt, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội);

1.2. *Những luận cứ khoa học để xác định các ngành hàng công nghiệp chủ lực ở Thủ đô giai đoạn 2006-2010* (mã số: 01X-13/02-2003-3; chủ nhiệm đề tài: đ/c Lưu Tiên Long, Giám đốc Sở Công nghiệp Hà Nội);

1.3. *Cơ sở khoa học để phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái và hiện đại hoá nông thôn Hà Nội giai đoạn 2006-2010* (mã số: 01X-13/03-2003-3; chủ nhiệm đề tài: đ/c Lê Quý Đôn, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội);

1.4. *Cơ sở khoa học để phát triển các ngành dịch vụ trình độ cao và nâng cao chất lượng dịch vụ ở Thủ đô Hà Nội đến năm 2010* (mã số: 01X-13/04-2003-3; chủ nhiệm đề tài: đ/c Nguyễn Thế Quang, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội);

1.5. *Những luận cứ khoa học phát triển văn hoá - xã hội Hà Nội đến năm 2010* (mã số: 01X-13/05-2003-3; chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Quốc Triệu, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội);

1.6. *Những luận cứ khoa học cho công tác quy hoạch và quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch ở Thủ đô Hà Nội* (mã số: 01X-13/06-2003-3; chủ nhiệm đề tài: đ/c Đỗ Hoàng Ân, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội);

1.7. *Căn cứ khoa học để xác định nhiệm vụ quốc phòng - an ninh* (mã số: 01X-13/07-2003-3 (chủ nhiệm đề tài: đ/c Phạm Quang Hợi, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự Thành phố Hà Nội);

1.8. *Công tác đối ngoại Thủ đô Hà Nội thời kỳ đổi mới và định hướng tới năm 2010* (mã số: 01X-13/09-2003-3; chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Quang Thu, Giám đốc Sở Ngoại vụ Hà Nội);

1.9. *Đánh giá công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị của Hà Nội thời kỳ đổi mới và định hướng phát triển đến năm 2010* (mã số: 01X-13/10-2003-2; chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Chí Mỹ, Trưởng ban Tuyên giáo Thành uỷ Hà Nội);

1.10. *An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô trong quá trình đổi mới và những định hướng đến năm 2010* (mã số: 01X-13/11-2003-2; chủ nhiệm đề tài: đ/c Phạm Chuyên, Giám đốc Công an Thành phố Hà Nội);

1.11. *Cải cách hành chính của Hà Nội trong thời kỳ đổi mới và định hướng đến năm 2010* (mã số: 01X-13/12-2003-2; chủ nhiệm đề tài: đ/c Lê Quang Nhuệ, Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội);

1.12. *Các thành phần kinh tế ở Hà Nội - Quá trình đổi mới, phát triển và định hướng đến năm 2010* (mã số: 01X-13/13-2003-2; chủ nhiệm đề tài: đ/c Trần Đình Thọ, Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội).

2. Các tư liệu của các sở, ban, ngành Hà Nội từ năm 1990- 2005

3. *Niên giám Thống kê Hà Nội* từ năm 1999 - 2004

4. Tổng cục Thống kê, *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ 20*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2004.

5. *Các công trình, đề tài, tài liệu nghiên cứu của Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*
6. Vũ Trọng Lâm (chủ biên), *Kinh tế tri thức ở Việt Nam - Quan điểm và giải pháp phát triển*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2004.
7. Tô Xuân Dân, Vũ Trọng Lâm (chủ biên), *Cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thủ đô Hà Nội - Một số định hướng cơ bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2003.
8. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên), *Một số xu hướng phát triển chủ yếu hiện nay của nền kinh tế thế giới*, Nhà xuất bản Khoa học và xã hội, Hà Nội, 2003

**THÀNH ỦY HÀ NỘI
CHƯƠNG TRÌNH 01X-13**



BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRỌNG ĐIỂM CẤP THÀNH PHỐ

**ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở THỦ ĐÔ,
NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM; ĐỊNH HƯỚNG PHÁT
TRIỂN ĐẾN NĂM 2010**

Mã số: 01X-13/08-2003-3

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: GS.TS. Phùng Hữu Phú

Hà Nội - 2005

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐỀ TÀI

Ban chủ nhiệm đề tài:

1. GS.TS. Phùng Hữu Phú, Ủy viên TW Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố Hà Nội - Chủ nhiệm đề tài
2. PGS.TS. Nguyễn Chí Mỳ, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội
3. Đ/c Nguyễn Mạnh Kiên, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Thành ủy Hà Nội
4. Đ/c Vũ Công Quảng, Thành ủy viên, Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội
5. TS. Vũ Trọng Lâm, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội
6. TS. Nghiêm Xuân Đạt, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, chuyên viên cao cấp Văn phòng Thành ủy Hà Nội

Thư ký đề tài:

1. TS. Vũ Trọng Lâm, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội - Thư ký tổng hợp
2. TS. Nguyễn Hồng Sơn, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng HĐND Thành phố
3. TS. Hồ Vân Nga, phòng Tổng hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
4. TS. Lê Thị Huyền Minh, phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội
5. Đ/c Cao Khoa Bằng, Chánh Văn phòng Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội
6. Đ/c Hoàng Cao Thắng, Phó Văn phòng Công an Thành phố Hà Nội
7. Đ/c Lê Đình Cung, phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội
8. Đ/c Trần Thị Lê Hằng, phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội
9. Đ/c Nguyễn Văn Quảng, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Hà Nội

Cùng với sự giúp đỡ của Sở Khoa học - Công nghệ, Cục Thống kê, Viện Chiến lược phát triển (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) và các sở, ban, ngành, viện nghiên cứu khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

XHCN	Xã hội chủ nghĩa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
TW	Trung ương
BCH TW	Ban Chấp hành Trung ương
HĐBT	Hội đồng Bộ trưởng
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
AFTA	Khu vực tự do thương mại ASEAN
CEPT	Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
FDI	Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
ODA	Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức
FII	Đầu tư gián tiếp nước ngoài
NGO	Các tổ chức phi chính phủ
GTSX	Giá trị sản xuất
GTTT	Giá trị tăng thêm
CNH	Công nghiệp hóa
HĐH	Hiện đại hóa
TCT	Tổng công ty
HTX	Hợp tác xã
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KT - XH	Kinh tế - xã hội
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm

KTTĐBB	Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
SXKD	Sản xuất kinh doanh
QLĐT	Quản lý đô thị
GPMB	Giải phóng mặt bằng
PTNT	Phát triển nông thôn
TDTT	Thể dục thể thao
KHHGD	Kế hoạch hoá gia đình
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
VHTT	Văn hoá Thông tin
CSBVSKND	Chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân
CSSK	Chăm sóc sức khoẻ
TTBYT	Trang thiết bị y tế
YTDP	Y tế dự phòng
CSYT	Cơ sở y tế
BVSKBMTE	Bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
HNVDTN	Hội nghề y dược tư nhân
INTERPOL	Tổ chức cảnh sát quốc tế
ASEANAPOL	Hiệp hội cảnh sát các nước Đông Nam Á
AN	An ninh
QP	Quốc phòng
CAND	Công an nhân dân
KVPT	Khu vực phòng thủ
LLVTĐP	Lực lượng vũ trang địa phương
QSĐP	Quân sự địa phương
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
ANQG	An ninh quốc gia

ANCT	An ninh chính trị
ANTT	An ninh trật tự
LLVT	Lực lượng vũ trang
KVPT	Khu vực phòng thủ
DBHB	Diễn biến hoà bình
BVANTQ	Bảo vệ an ninh Tổ quốc
TTCC	Trật tự công cộng
TTATGT	Trật tự an toàn giao thông
TTĐT	Trật tự đô thị
TTCC	Trật tự công cộng
TTATXH	Trật tự an toàn xã hội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu, ứng dụng đề tài:

Để thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho Thành uỷ Hà Nội về việc tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 20 năm đổi mới; đồng thời góp phần thiết thực cung cấp những luận cứ khoa học để đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố nói riêng và tổng kết quá trình đổi mới ở Thủ đô nói chung, xác định các định hướng và giải pháp phát triển Thủ đô giai đoạn 2006-2010, phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố; Thành phố Hà Nội đã xây dựng Chương trình khoa học trọng điểm đặc thù cấp Thành phố: “*Những luận cứ khoa học cho việc đánh giá quá trình đổi mới ở Thủ đô và định hướng phát triển đến năm 2010*” (Mã số 01X-13) gồm 13 đề tài khoa học liên quan đến các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị. Chương trình do GS.TS Nguyễn Phú Trọng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành uỷ Hà Nội làm chủ nhiệm và được thực hiện trong 2 năm (2003-2005). Đề tài “*Đánh giá tổng quát quá trình đổi mới ở Thủ đô, những bài học kinh nghiệm; định hướng phát triển đến năm 2010*” (Mã số 01X-13/08-2003-3) là một đề tài tổng hợp kết quả nghiên cứu của 12 đề tài trong chương trình, cũng là báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của Chương trình. Đồng thời, đây cũng là một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập; trong quá trình thực hiện, đề tài không chờ đợi kết quả nghiên cứu của 12 đề tài trên, đã triển khai thực hiện 4 đề tài nhánh:

- Đánh giá quá trình đổi mới nhận thức tư tưởng của Đảng bộ Hà Nội từ năm 1986 đến nay; rút ra bài học kinh nghiệm (đ/c *Vũ Công Quảng*, Chánh Văn phòng Thành uỷ Hà Nội chủ trì).

- Điều tra, khảo sát dư luận xã hội để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết XIII Đảng bộ Thành phố; những thành tích và hạn chế trong phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị của Thủ đô Hà Nội qua 20 năm đổi mới (1986 - 2005) (TS. *Phạm Chiến Khu*, Giám đốc Trung tâm Điều tra dư luận xã hội thuộc Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và CN. *Nguyễn Thanh Sơn*, Trưởng phòng Dư luận xã hội thuộc Ban Tuyên giáo Thành uỷ Hà Nội chủ trì)

- Đánh giá tổng quan tình hình kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị của Thủ đô từ năm 1986 đến nay; định hướng thời gian tới (TS. *Đỗ Thúc*, nguyên Cục trưởng Cục Thống kê Hà Nội, nay là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chủ trì);

- Dự báo tình hình những năm đầu của thế kỷ XXI để làm cơ sở xây dựng kế hoạch định hướng phát triển Thủ đô đến năm 2010 và 2020 (TS. *Vũ Trọng Lâm*, nguyên Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội, nay là Phó Chánh Văn phòng Thành uỷ Hà Nội chủ trì).

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Tổng kết, đánh giá những thành tích, ưu điểm; những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đó trong 20 năm đổi mới ở Thủ đô Hà Nội (1986 - 2005), đi sâu vào đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố. Rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, quản lý điều hành trên các mặt kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị.

- Dự báo sự tác động của bối cảnh quốc tế và trong nước tới sự phát triển Thủ đô đến năm 2010. Đề xuất định hướng và những giải pháp, kiến nghị phát triển Thủ đô giai đoạn 2006-2010.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài phân tích tình hình phát triển Thủ đô trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị trong 20 năm đổi mới (1986-2005), đi sâu phân tích giai đoạn 2001-2005. Từ đó rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô. Trên cơ sở đó, đề xuất định hướng và những giải pháp chủ yếu phát triển Thủ đô giai đoạn 2006-2010, tầm nhìn đến 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài dựa trên các quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng ta, nhất là quan điểm đổi mới của Đảng, sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic, phân tích và tổng hợp, đi từ cụ thể đến trừu tượng và các phương pháp cụ thể khác như: phương pháp thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, v.v... để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề đặt ra.

5. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục; đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Thủ đô Hà Nội qua 20 năm đổi mới

Chương 2: Tầm nhìn 2020; mục tiêu và quan điểm phát triển Thủ đô đến năm 2010

Chương 3: Những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tốc độ phát triển Thủ đô Hà Nội đến 2010

CHƯƠNG 1: THỦ ĐÔ HÀ NỘI QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Tron phần này, đề tài đã trình bày các đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; tài nguyên xã hội - nhân văn. *Nhìn tổng thể*, Hà Nội là một thành phố có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nhiều di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng, nhiều di tích cách mạng tiêu biểu của lịch sử Việt Nam cận đại và đương đại, *Thủ đô Hà Nội ngày càng có sức thu hút khách du lịch trong và ngoài nước*. Với vai trò và vị trí là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế ngày càng phát triển, tiêu biểu cho văn hoá và truyền thống dân tộc Việt Nam.

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

Sau khi phân tích bối cảnh lịch sử và những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô trong giai đoạn 1975-1985; đề tài đã phân tích những khó khăn, thách thức lớn về phát triển kinh tế - xã hội, từ đó dẫn đến nhu cầu bức xúc phải đổi mới:

1. Đảng bộ và nhân dân Thủ đô đã nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tựu hết sức quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô. *Tuy vậy, nhìn tổng quát, tình hình kinh tế - xã hội Hà Nội vẫn chưa ổn định; nhiều vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản chưa được giải quyết*. Mục tiêu của Đại hội lần thứ VIII, lần thứ IX của Đảng bộ không thực hiện được. Lạm phát xảy ra ở mức hai chữ số phần trăm. Hậu quả chiến tranh chưa khắc phục triệt để; nhiều mặt của cơ chế cũ còn tồn tại dai dẳng; Thủ đô Hà Nội, thời kỳ trước đổi mới, cũng như cả nước, đã phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng.

2. Trước thực tiễn khắc nghiệt những năm đầu thập kỷ 80, với những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, nhất là khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng, với những trăn trở, tìm tòi, thành công và thất bại... đã tạo thành những tiền đề để Đảng bộ và nhân dân Hà Nội cùng toàn Đảng, toàn dân đi vào thời kỳ đổi mới; đặt ra một yêu cầu khách quan: *muốn thoát khỏi khó khăn, Thủ đô cùng cả nước tất yếu phải tiến hành công cuộc đổi mới một cách toàn diện*. Đó là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh dân tộc và cách mạng nước ta.

Với tinh thần *tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã nghiên cứu, phân tích sâu sắc những khuyết điểm, sai lầm trong 10 năm xây dựng đất nước thống nhất; trên cơ sở đó, đề ra chủ trương, giải pháp đổi mới đất nước với nội dung cốt lõi là: đổi mới cách nghĩ, cách làm (đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới phong

cách làm việc); đổi mới tổ chức và cán bộ; nhằm thực hiện quyết tâm chiến lược là: xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X được chuẩn bị theo tinh thần và định hướng trên, xác định *những vấn đề trọng đại*¹, mở đầu cho thời kỳ đổi mới: *phải thật sự đổi mới nhận thức, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ*; mọi công việc phải lấy *hiệu quả kinh tế - xã hội là mục tiêu*; phải chuyển mạnh từ cách làm ăn theo lối cũ quan liêu, bao cấp sang hoạt động năng động, sáng tạo, hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN.

III. VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG ĐỔI MỚI Ở THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Những thành tựu nổi bật của 20 năm đổi mới ở Thủ đô trước hết bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Thành phố. Quán triệt nghiêm túc và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, Thành uỷ Hà Nội không ngừng đổi mới tư duy, quan điểm về lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng. Đây là một quá trình phát triển nhận thức từ thấp đến cao; có kế thừa, có đấu tranh, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thành phố, trong nước và quốc tế.

A. Đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế

Quá trình đổi mới nhận thức, tư duy của Đảng bộ Hà Nội trong lãnh đạo phát triển kinh tế là sự quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện đặc thù của Thủ đô Hà Nội. 20 năm đổi mới vừa qua với Đảng bộ thành phố Hà Nội là quá trình vừa chỉ đạo thực tiễn, vừa bổ sung, hoàn thiện tư duy, nhận thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thủ đô.

1. Về chủ trương phát triển kinh tế:

Đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới ở Thủ đô - Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố đã xác định quan điểm và nhiệm vụ cơ bản trong nhiệm kỳ 1986 - 1990 là ổn định tình hình kinh tế - xã hội của Thủ đô, ổn định đời sống nhân dân, lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý kinh tế. Mục tiêu Đại hội X chỉ rõ phải *"phát triển sức sản xuất", "đẩy nhanh tốc độ phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả của sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế"*.

Tư tưởng đúng đắn về việc phải tập trung trước hết vào phát triển sản xuất là nền tảng, sợi chỉ đỏ trong chỉ đạo, góp phần tạo nên biến đổi sâu sắc bộ mặt kinh tế Thủ đô thời kỳ đổi mới. Mặc dù kết thúc nhiệm kỳ Đại hội X, tình hình kinh tế của Thành phố vẫn còn khó khăn, nhiều cơ sở kinh tế vẫn lúng túng trong đổi mới phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh; lĩnh vực lưu thông vẫn lộn xộn; giá cả và lạm phát vẫn chưa kiểm chế được, nhưng cũng chính những quan điểm đúng đắn được đề ra từ Đại hội này và những kết quả nhất định đạt được đã khởi nguồn cho những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế Thủ đô từ 1991 đến nay.

¹ Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố, tháng 10/1986.

Bước vào giai đoạn đổi mới tiếp theo, Hà Nội lại có được thuận lợi cơ bản, đó là sự quan tâm đặc biệt của Trung ương với việc ban hành Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15-12-2000 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong thời kỳ 2001 - 2010 và Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở quán triệt chỉ đạo của Trung ương, đồng thời tiếp nối những tư tưởng đổi mới của các kỳ đại hội trước, Đại hội XIII Đảng bộ thành phố Hà Nội (12-2000) xác định phải phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, gắn kết kinh tế Thủ đô với kinh tế vùng trọng điểm Bắc Bộ, phân đầu đạt mục tiêu phát triển kinh tế cơ bản của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005: "*Tập trung phát triển mạnh lực lượng sản xuất kết hợp chặt chẽ với xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nhịp độ phát triển kinh tế nhanh, bền vững*". Không chỉ *phát triển kinh tế nhanh*, mà phải *phát triển kinh tế bền vững*, phải phát huy sức mạnh tổng hợp, với tầm nhìn kinh tế vùng là quan điểm mới, có những yếu tố đi trước trong chỉ đạo của Đại hội XIII.

2. Về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và CNH, HĐH Thủ đô

Ngay từ Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố, Hà Nội đã quan tâm phát triển kinh tế theo chiều sâu, chú trọng chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành và nội ngành. Đại hội X đã nhận định: "một nền kinh tế có cơ cấu hợp lý mới ổn định và phát triển được" và đề ra mục tiêu phải "từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý của Thủ đô", chủ trương của Đại hội X là "*phải xây dựng cơ cấu kinh tế bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế đối ngoại*". Đại hội XI Đảng bộ Thành phố (1990) đề ra *chủ trương mới về chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô, theo đó hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế là công nghiệp - thương mại, dịch vụ, du lịch - nông nghiệp*.

Đại hội XII Đảng bộ Thành phố khởi đầu thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, Thành phố vẫn lựa chọn công nghiệp là hướng ưu tiên số một, nhưng trong các ngành dịch vụ đã có sự thay đổi so với Đại hội XI với việc *ưu tiên cho ngành du lịch*. Cơ cấu kinh tế Thủ đô được xác định tại Đại hội XII là *công nghiệp - thương mại, du lịch, dịch vụ - nông nghiệp*. Đặc biệt, Đại hội XII đã cụ thể hoá và chú ý nhiều hơn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành, nhất là công nghiệp. Đến Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, công nghiệp vẫn được chú trọng phát triển, nhưng đồng thời có sự quan tâm hơn đến phát triển dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH và gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới; Đại hội khẳng định cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 2001 - 2005: "*Hà Nội cần tiếp tục thực hiện tốt cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp*", đồng thời cũng đề ra chủ trương cho giai đoạn tiếp theo phải "*chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*".

Có thể nói, Đảng bộ thành phố Hà Nội đã quán triệt chủ trương, định hướng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, CNH, HĐH của Đảng một cách nghiêm túc và sáng tạo, phù hợp điều kiện cụ thể Thủ đô trong từng giai đoạn của quá

trình gần 20 năm đổi mới vừa qua. Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ thành phố về chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng thường xuyên được đổi mới theo hướng tập trung, sâu sát, cụ thể.

3. Về các thành phần kinh tế và kinh tế thị trường định hướng XHCN

Nhận thức về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế là vấn đề cốt lõi trong việc xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN. Tuy nhiên, không phải ngày một ngày hai mà có được nhận thức đầy đủ về vấn đề này. Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố nhận định: cần *"tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương và những người làm nghề ăn uống dịch vụ"*. Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó bên cạnh kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, Thành phố sớm nhận thức vai trò, tiềm năng và tạo điều kiện để khuyến khích phát triển mạnh kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân) đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ đời sống. Đây là sự nhạy bén trong tư duy lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố.

Quán triệt đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội XIII Đảng bộ thành phố Hà Nội khẳng định rõ chủ trương: *"Phát triển mạnh các thành phần kinh tế"*. *"Tăng cường vai trò chủ đạo kinh tế nhà nước; củng cố nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh và liên kết chặt chẽ giữa các thành phần kinh tế trên địa bàn, giữa kinh tế Hà Nội với kinh tế cả nước"*. Đặc biệt, Thành phố tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hộ gia đình... phát triển; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề gắn với giải quyết công ăn việc làm; cải thiện môi trường đầu tư, tạo cơ chế và mở rộng các kênh, hình thức hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau... Nhờ đó, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Nhận thức và quan điểm chỉ đạo chung của Đảng bộ Thành phố là hết sức rõ ràng, đặc biệt nhấn mạnh việc tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế (gồm 6 thành phần như Đại hội IX đã xác định) phát triển bình đẳng bởi các thành phần kinh tế này đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế

Cơ chế, chính sách là sự cụ thể hoá chủ trương, đường lối chung, là sự thể hiện bao quát nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế trong chỉ đạo thực tiễn, có tính năng động và linh hoạt, do đó là động lực lớn cho sự phát triển. Trong công tác lãnh đạo, Đảng bộ Thành phố hết sức quan tâm đến việc đổi mới cơ chế, chính sách để luôn tạo động lực cho kinh tế phát triển.

Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố đã thể hiện bước chuyển đầu tiên trong đổi mới nhận thức về cơ chế quản lý (lúc này nhận thức về cơ chế thị trường chưa hình thành rõ ràng): *"phải xoá bỏ lối quản lý quan liêu bao cấp, chuyển mạnh sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch nhà nước"*.

Cùng với tiến trình đổi mới, phương thức vận hành nền kinh tế bằng cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hình thành trên thực tiễn và cũng được nhận thức ngày càng rõ hơn. Các công cụ luật pháp, chính sách, quy hoạch, kế hoạch được phối hợp sử dụng ngày càng hiệu quả. Bản thân mỗi công cụ quản lý này cũng liên tục được đổi mới. Kế hoạch hoá trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay khác bản chất với phương thức điều hành nền kinh tế bằng kế hoạch và chỉ tiêu mệnh lệnh trước đây. Chính việc sử dụng công cụ quy hoạch, kế hoạch một cách hiệu quả tạo nên đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở đổi mới nhận thức như vậy, Đại hội XIII Đảng bộ Thành phố đã làm rõ hơn, cụ thể hơn một số vấn đề về sử dụng cơ chế, chính sách trong phát triển kinh tế: "coi trọng sử dụng cơ chế kinh tế gắn với lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động, phát triển mạnh các thành phần, loại hình kinh tế, phát huy dân chủ từ cơ sở, tạo động lực trực tiếp cho sự phát triển"; "tiếp tục đổi mới quản lý doanh nghiệp, *tách chức năng quản lý sản xuất kinh doanh với chức năng quản lý nhà nước*"; "tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hộ gia đình phát triển...". Theo tinh thần đó, Thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp tổ chức, tài chính, khen thưởng để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Đảng bộ Thành phố cũng đã đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết của đảng bằng việc *cụ thể hoá nghị quyết thành các chương trình công tác lớn trong mỗi nhiệm kỳ*. Thành uỷ Hà Nội khoá XII đã lựa chọn và xây dựng 12 chương trình công tác để chỉ đạo triển khai trong toàn khoá. Thành uỷ khoá XIII tiếp tục lựa chọn và xây dựng 10 chương trình công tác lớn và 9 cụm công trình trọng điểm để tập trung chỉ đạo thực hiện. Phong cách lãnh đạo cũng thường xuyên được đổi mới theo hướng chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm và quyết liệt hơn, tạo nên sự tin tưởng ngày càng cao của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Tóm lại, quá trình đổi mới nhận thức về phát triển kinh tế của Đảng bộ Hà Nội kể từ năm 1986 đến nay là một quá trình sáng tạo thực sự, đổi mới thực sự trong tư duy và phong cách lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, được thể hiện ra trong các hành động thực tiễn, góp phần tích cực để kinh tế Thủ đô ngày càng đạt những thành tựu cơ bản và vững chắc, vững bước đưa nền kinh tế Thủ đô vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng một nước Việt Nam công nghiệp hoá vào năm 2020.

B. Đổi mới nhận thức, tư duy về xây dựng và quản lý đô thị

Giai đoạn trước năm 1986, do điều kiện khó khăn về kinh tế - xã hội, trong lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, UBND Thành phố chủ yếu tập trung vào ổn định kinh tế, phát triển sản xuất; nhận thức về xây dựng và phát triển đô thị trong giai đoạn này còn hạn chế, chưa thấy được nhu cầu cần thiết và khả năng phát triển Thủ đô thành một đô thị lớn, hiện đại. Từ năm 1986 đến nay, quá trình đổi mới nhận thức về xây dựng và quản lý đô thị thể hiện:

1. Về công tác quy hoạch phát triển đô thị

Giai đoạn 1986-1988, Thành uỷ chưa xác định đúng vai trò quan trọng công tác quy hoạch, chủ yếu đặt vấn đề ở góc độ kiến trúc đô thị; về quy hoạch cũng mới bước đầu định hướng về xây dựng các tuyến phố nhưng chưa rõ nét và chưa đúng hướng phát triển đô thị hiện đại.

Từ năm 1988-1990, Thành uỷ đã quan tâm hơn đến quy hoạch phát triển đô thị. Năm 1989, Thành uỷ trình Bộ Chính trị xin điều chỉnh lại địa giới hành chính: cắt một số huyện và thị xã về tỉnh Vĩnh Phú và tỉnh Hà Sơn Bình. Xét về mặt quản lý, việc điều chỉnh địa giới nói trên tại thời điểm đó phù hợp với khả năng, trình độ và định hướng quá trình công nghiệp hoá Thủ đô, nhưng chưa thật phù hợp về mặt quy hoạch phát triển đô thị sau này. Việc xác định hướng phát triển nội thành về phía Tây và Tây Bắc, đô thị hoá theo hai tuyến Hà Nội - Hà Đông và Hà Nội - Văn Điển, dọc đường lên Sơn Tây và lên cầu Thăng Long là chủ trương tích cực nhưng vẫn còn những hạn chế. Tháng 12/1989, lần đầu tiên Thành uỷ tổ chức hội nghị chuyên sâu về vấn đề quy hoạch và phát triển đô thị. Năm 1992, với việc thành lập Văn phòng kiến trúc sư trưởng, công tác quy hoạch đô thị được đặt thành một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và phát triển đô thị.

Trong 2 năm 1995 - 1996, Thành phố thành lập thêm 3 quận mới: Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy nhằm phát triển, mở rộng nội thành về phía Tây Bắc, Tây và Tây Nam và là chủ trương đúng, phù hợp với định hướng phát triển đô thị. Giai đoạn này, Thành phố quy hoạch nhiều dự án phát triển các khu đô thị, khu hành chính, khu vui chơi giải trí, công trình văn hoá, xã hội, một số khu công nghiệp tập trung và các khu công nghiệp vừa và nhỏ; thể hiện sự chuyển biến nhận thức phát triển đô thị theo quy hoạch, vừa đảm bảo phát triển kinh tế, vừa đảm bảo phát triển đô thị theo hướng hiện đại. Năm 1997, việc Thành phố chấp thuận cho phép hợp tác với nước ngoài lập quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội và các dự án xây dựng khu đô thị mới là một nét mới đột phá trong tư duy, nhận thức của Thành uỷ về công tác quy hoạch, phát triển đô thị.

Từ năm 1998, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quy hoạch đô thị, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh lại quy hoạch phát triển Hà Nội, Thành uỷ đã chỉ đạo các ngành chức năng tập trung triển khai quy hoạch chi tiết của 10 quận, huyện. Công tác quy hoạch được đặt là tiền đề, là

định hướng và là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế và đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá. Thành phố đã quy hoạch các khu đô thị mới có quy mô lớn ở các huyện ngoại thành; cụ thể hoá định hướng phát triển đô thị về phía Bắc sông Hồng và phía Tây Thủ đô.

2. Về công tác đầu tư xây dựng, phát triển đô thị

Giai đoạn 1986-1989, công tác đầu tư xây dựng và phát triển đô thị chủ yếu nhằm giải quyết những vấn đề nhà ở, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng một phần nhu cầu đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Tháng 01/1991, chỉ thị 22-CT/TU của Thành uỷ đã yêu cầu các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng tạo điều kiện để các đơn vị, cá nhân huy động các nguồn vốn để xây dựng nhà ở. Nhận thức về huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng và phát triển đô thị từ các đơn vị, tổ chức và nhân dân bắt đầu được hình thành. Tháng 01/1993, Hội nghị Thành uỷ lần thứ 6 xác định một trong những mục tiêu cơ bản năm 1993 là tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; từng bước đổi mới bộ mặt đô thị của Thành phố. Việc gắn kết giữa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật với đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội lần đầu tiên được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo. Đây là sự đổi mới tư duy, nhận thức đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn chất lượng đời sống nhân dân. Bước đầu thực hiện xã hội hoá việc xây dựng nhà ở của nhân dân. Tháng 5/1998, Thành uỷ ban hành Chương trình số 12-CTr/TU về phát triển nhà ở Hà Nội đến năm 2000 và năm 2010, Nghị quyết Hội nghị 13 (khoá XII, tháng 7/1999) xác định một trong ba nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Thành phố là xây dựng nhà ở. Tháng 5/1999, Thành uỷ chỉ đạo: tạo vốn từ đất để xây dựng hạ tầng là một trong những trọng tâm của các cấp các ngành. Đây là hướng mới trong việc giải quyết nguồn vốn cho đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vốn rất khó khăn, thiếu thốn. Bước đầu có sự đổi mới nhận thức, coi đất đai là một nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và đô thị của Thủ đô. Giai đoạn 1998-2000 và những năm về sau, Thành uỷ cũng đã quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung khác trong công tác xây dựng, phát triển đô thị như: chủ trương xã hội hoá trong đầu tư và phát triển nhà ở, xoá bỏ nhà chia lô, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, một số nhóm dự án trọng điểm xây dựng đồng bộ đường và phố... Trong 5 năm (2000 - 2005), Thành phố đã xây dựng mới trên 6 triệu m² nhà ở, nâng diện tích nhà ở bình quân đầu người lên 7,5m²; đang xây dựng trên 40 khu đô thị mới và nhiều chung cư cao tầng, hiện đại.

3. Về công tác quản lý đô thị

Giai đoạn trước năm 1986, quản lý đô thị chỉ được đề cập đến trên góc độ quản lý các mặt công tác: cung ứng điện, nước, xử lý rác thải, trật tự giao thông, vệ sinh môi trường... Năm 1988, lần đầu tiên Thành uỷ đã quan tâm và có ý kiến chỉ đạo về việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố. Hội nghị lần thứ 11 (khoá X) đã coi công tác quản lý đô thị là

một nhiệm vụ then chốt và xác định nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo trong hai năm 1989-1990 là: tạo một bước chuyển về công tác quản lý đô thị và các hoạt động văn hoá, xã hội của Thủ đô. Công tác quản lý đô thị dần được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sắc và cụ thể hơn. Hội nghị Thành uỷ lần thứ 15 (khoá X) tháng 2/1990 đã xác định một trong nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ Thành phố năm 1990 là: tạo sự chuyển biến rõ nét và duy trì thường xuyên công tác quản lý xây dựng, quản lý Thành phố. Công tác quản lý xây dựng đã được coi trọng hơn; tư duy, nhận thức về công tác xây dựng, quản lý đô thị đã có sự biến chuyển phù hợp, nâng cao hơn. Việc quản lý đất đai trở thành đòi hỏi bức xúc và đã được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo nhằm ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất công, vi phạm Luật đất đai, Pháp lệnh đê điều. Đây là đợt xử lý đầu tiên trên quy mô rộng đối với các trường hợp vi phạm, tạo ra một ý thức mới trong công tác quản lý đất đô thị.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII (tháng 5/1996) đã coi công tác quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên, rất quan trọng ... Cùng với Nghị quyết 24-NQ/TU về quản lý trật tự xây dựng đô thị nhằm hạn chế, kiểm soát tình trạng xây dựng không phép, trái phép phổ biến trong nhân dân, Nghị quyết số 20-NQ/TU về công tác giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, Chương trình công tác số 08-CTr/TU của Thành uỷ về xây dựng và quản lý đô thị đã khẳng định sự quan tâm đến lĩnh vực xây dựng và quản lý đô thị, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Thành phố, là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để xây dựng một Thủ đô văn minh, hiện đại.

Trong nhiệm kỳ 2001-2005, nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác quản lý đô thị được nâng cao hơn, được Thành uỷ quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt hơn. Những nội dung quan trọng, bức xúc trong công tác quản lý đô thị thường xuyên được Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ đưa ra trao đổi, bàn bạc và cho ý kiến chỉ đạo. Tháng 4/2002 Thành uỷ ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU về giải quyết một số vấn đề cấp bách về giao thông và văn minh đô thị. Hội nghị Thành uỷ lần thứ 10 khoá XIII (tháng 01/2003) xác định nhiệm vụ công tác năm 2003 là năm tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng; giao thông, kỷ cương và văn minh đô thị; hướng về cơ sở. Hội nghị Thành uỷ lần thứ 14 (tháng 01/2004) đã đề ra một trong những chủ đề của năm 2004 là "*cải thiện môi trường xã hội*"; trong đó công tác quản lý đô thị về giao thông, trật tự đô thị, văn minh đô thị, vệ sinh môi trường... là những nội dung được Thành uỷ yêu cầu các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo cụ thể, sâu sát. Hà Nội đã thành lập thanh tra xây dựng; coi trọng công tác xây dựng, quản lý văn hóa - xã hội...

Tóm lại, trong suốt quá trình 20 năm đổi mới, nhận thức trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Thành phố về công tác xây dựng và quản lý đô thị có nhiều biến chuyển tích cực. Thành uỷ ngày càng nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn

tầm quan trọng, vị trí, vai trò của xây dựng và quản lý đô thị trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị; coi quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng; xác định quy hoạch là điều kiện đầu tiên, quan trọng nhất trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới nhận thức, không phải không có lúc nhận thức của Đảng bộ Hà Nội chưa theo kịp với sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hoá Thủ đô; có lúc, có lĩnh vực còn chủ quan, duy ý chí, chưa có tầm nhìn chiến lược, sự chỉ đạo chưa thực sự phù hợp với quá trình phát triển, dẫn đến tình trạng có việc, có lúc phải bỏ ra nhiều công sức để điều chỉnh, sửa chữa, hoàn thiện.

C. Đổi mới tư duy, nhận thức về phát triển văn hoá - xã hội

Trong 20 năm qua, Đảng bộ Thành phố đã liên tục có sự đổi mới nhận thức trên tất cả các lĩnh vực văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, chăm sóc con người, lao động, việc làm, giải quyết tệ nạn xã hội. Đối với mỗi thời kỳ, vận dụng những chủ trương, tư tưởng của Trung ương Đảng, dựa trên tình hình kinh tế - chính trị ở Thủ đô và cả nước, Đảng bộ Thành phố đã kịp thời đổi mới nhận thức, đề ra những chủ trương, giải pháp thích hợp.

1. Về phát triển văn hoá

Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố năm 1986 đã xác định: công tác văn hoá có vị trí quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi phải được nâng cao toàn diện cả về qui mô lẫn chất lượng.

Năm 1991, trước tình hình phức tạp về chính trị của thế giới, sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã xác định phải tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của văn hoá, coi văn hoá là công cụ sắc bén trên mặt trận tư tưởng; đấu tranh chống các tư tưởng phản động, phi văn hoá, đòi truy; bài trừ hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Năm 1996, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố đã tiếp tục đặt ra những mục tiêu cao hơn cho việc phát triển văn hoá Thủ đô. Đó là phải nhanh chóng có qui hoạch phát triển, bảo tồn và tôn tạo các công trình, di tích văn hoá - lịch sử - cách mạng; bảo vệ các cổ vật, giữ gìn, tôn tạo các khu phố cổ, làng cổ theo đề án đã được duyệt; bảo tồn và phát huy các loại hình văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá; hoàn chỉnh và thực hiện qui hoạch phát triển ngành văn hoá Thủ đô đến năm 2010.

Tháng 9/1998, nhận thức về sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá ở Thủ đô *đã được nâng lên một tầm cao mới* thông qua việc Thành uỷ ban hành Chương trình hành động số 13 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, cụ thể là phần đầu xây dựng, phát triển văn hoá Hà Nội trở thành một bộ phận tiêu biểu của văn hoá Việt Nam, đưa văn hoá thấm thấu vào mọi lĩnh vực, mọi hoạt động, mọi thành viên

của cộng đồng dân cư, lấy văn hoá làm mục tiêu và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố (tháng 12/2000) chỉ rõ việc phải *đặc biệt coi trọng yếu tố con người, phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hoá*, xem văn hoá là nguồn tài nguyên quý giá của Thủ đô, gắn kết chặt chẽ văn hoá với kinh tế, đưa văn hoá vào mọi chương trình, dự án phát triển, làm cho văn hoá thấm sâu vào mỗi con người, mỗi gia đình và cộng đồng, tạo nên sức mạnh và độ bền của quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Xác định, xây dựng văn hoá Thủ đô cần tập trung vào việc xây dựng con người; đề cao vai trò chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hoá của nhân dân.

Để có kế hoạch cụ thể, thực hiện đồng bộ việc xây dựng và phát triển văn hoá Thủ đô, Thành uỷ có Chương trình số 05 - CTr/TU ngày 30/5/2001 về kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, nhấn mạnh đến nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn này là tập trung chăm lo phát triển văn hoá, xây dựng người Hà Nội theo tiêu chí văn minh, thanh lịch, hiện đại.

2. Về phát triển giáo dục - đào tạo

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, Đảng bộ Thành phố đã xác định phải nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; nhấn mạnh việc đầu tư cho sự nghiệp giáo dục cần được thực hiện bằng sức của Nhà nước và nhân dân, mở đầu cho thời kỳ “*xã hội hoá giáo dục*”.

Năm 1991, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã thể hiện sự đổi mới nhận thức thông qua việc tập trung thực hiện xã hội hoá giáo dục - đào tạo. Cụ thể là mở rộng thực hiện việc xã hội hoá giáo dục, thực hiện đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo với hệ thống trường công, bán công và dân lập ở các ngành học phổ thông, bổ túc văn hoá, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, trường vừa học vừa làm đáp ứng nhu cầu học văn hoá và học nghề của học sinh.

Năm 1996, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố đã đặt ra yêu cầu cao hơn cho ngành giáo dục - đào tạo, đó là: giáo dục - đào tạo ở Thủ đô phải đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, khoa học giáo dục của thế giới để đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá; tiếp tục xây dựng chính sách, biện pháp khuyến khích học sinh giỏi, ưu tiên bồi dưỡng và sử dụng tài năng.

Tháng 9/1998, Thành uỷ đã nâng cao nhận thức về sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục - đào tạo thông qua việc ban hành Chương trình hành động số 13 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Chương trình hành động đã thể hiện sự đổi mới

nhận thức của Thành phố trong việc chỉ ra phương hướng phát triển mới cho giáo dục - đào tạo. Đó là củng cố, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường công lập; rút kinh nghiệm và tăng cường chỉ đạo hoạt động các trường bán công, dân lập, tư thục. Phát huy vai trò của các trường đại học, cao đẳng trong việc đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ CNH - HĐH Thủ đô.

Bước vào thế kỷ 21, nhận thức về phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng bộ Hà Nội tiếp tục được nâng cao. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố đã xác định: phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những động lực để thúc đẩy công nghiệp hoá - hiện đại hoá Thủ đô, tăng trưởng kinh tế của Thủ đô. Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long của Thành uỷ khoá XIII đã tiếp tục bổ sung những nhận thức mới về chính sách phát triển giáo dục - đào tạo, nhấn mạnh vào: xây dựng và triển khai có kết quả chiến lược đào tạo nghề, khắc phục tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về cơ cấu đào tạo " thừa thầy, thiếu thợ" và tâm lý chạy theo bằng cấp, đầu tư mạnh hơn cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo ; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên ; phấn đấu xây dựng Hà Nội thành trung tâm đào tạo - giáo dục có uy tín của cả nước và khu vực.

3. Đổi mới nhận thức về phát triển khoa học - công nghệ

Nhận thức rõ những mặt còn yếu kém của công tác khoa học - công nghệ thời kỳ trước đổi mới, Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố (10/1986) xác định: khoa học - công nghệ phải bám sát nhiệm vụ kinh tế - xã hội, góp phần đổi mới quản lý kinh tế, quản lý đô thị, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tại nhiệm kỳ thứ hai của thời kỳ đổi mới (1991 - 1995), công tác khoa học - công nghệ tiếp tục được Đảng bộ Thành phố đánh giá cao và tập trung đầu tư phát triển, mở rộng sự hợp tác quốc tế và tranh thủ các nguồn vốn của nước ngoài đầu tư cho khoa học - công nghệ; đặc biệt, có cơ chế chính sách thích hợp để tập hợp lực lượng khoa học - công nghệ, thu hút các nhà khoa học giỏi.

Tháng 9/1998, Thành uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 13 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, chủ trương đẩy mạnh các hoạt động khoa học - công nghệ, đặc biệt là khoa học xã hội và nhân văn và công nghệ thông tin, hướng hoạt động khoa học - công nghệ phục vụ thiết thực, hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội Thủ đô; ưu tiên việc xây dựng, triển khai chương trình nghiên cứu tổng kết lịch sử 1000 năm Thăng Long và chương trình ứng dụng tin học vào công tác quản lý.

Những năm đầu thế kỷ XXI, trước sự phát triển mạnh mẽ của nền khoa học - công nghệ thế giới trong thế kỷ mới và sự đòi hỏi cấp thiết công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố nhấn mạnh: phát triển khoa học - công nghệ là một trong những động lực

đề thúc đẩy công nghiệp hoá - hiện đại hoá thủ đô. Hà Nội cần tạo môi trường thuận lợi nhất cho việc nghiên cứu và triển khai các ý tưởng khoa học, công nghệ mới; biết sử dụng và phát huy cao độ tiềm năng của đội ngũ tri thức, công nhân lành nghề; có cơ chế chính sách “chiêu hiền, đãi sĩ, thu hút nhân tài”; đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý hoạt động khoa học - công nghệ; tập trung phát triển các công nghệ mũi nhọn, thông tin, sinh học, vật liệu mới...

4. Đổi mới nhận thức về công tác chăm sóc con người, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc

Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố nhấn mạnh: muốn chăm sóc con người, trước hết phải phát triển mạnh mẽ các dịch vụ hoạt động đời sống xã hội; cải thiện đời sống cho người lao động, tập trung giải quyết cơ bản vấn đề lương thực cho toàn Thành phố; dành một tỷ lệ vốn đầu tư cần thiết để thực hiện chính sách xã hội của Đảng; tăng cường công tác quản lý dân số, hạn chế đến mức thấp nhất dân số ngoại thành vào làm việc và cư trú tại Thành phố. Đối với việc tăng cường sức khoẻ cho nhân dân, trong hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn, Thành uỷ nhấn mạnh phải mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao; tích cực vận động xây dựng một đội ngũ vận động viên có đạo đức và phẩm chất tốt, trẻ, tài năng, từng bước bồi dưỡng để tiếp cận trình độ Đông Nam Á.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ Thành phố đã xác định: phải tập trung chỉ đạo giải quyết việc làm và chăm lo đời sống nhân dân; áp dụng rộng rãi các hình thức bảo hiểm xã hội; thực hiện kiên quyết và đồng bộ các biện pháp nhằm làm tốt công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình. Trong công tác khám, chữa bệnh, bên cạnh việc thu viện phí, cần tổ chức bệnh viện phục vụ những người nghèo. Coi trọng công tác giải quyết tệ nạn xã hội, trước hết là mại dâm, ma tuý; xác định các nhiệm vụ xây dựng nền thể thao Thủ đô là hình thành đội ngũ những người hoạt động thể dục thể thao chuyên nghiệp và nhà nghề.

Năm 1996, trước tình hình kinh tế trong nước đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Thành phố đã đặt công tác chăm sóc con người lên tầm cao mới, chính sách xã hội phải hướng tới bảo đảm công bằng xã hội, giảm khoảng cách giữa người giàu và nghèo, ưu đãi những đối tượng đặc biệt trong xã hội. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, đặc biệt là dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Tiếp tục mở rộng công tác bảo hiểm y tế tự nguyện và bắt buộc, bảo hiểm y tế cho người nghèo và các đối tượng chính sách, tăng cường quản lý nhà nước đối với khu vực y, dược tư nhân. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của các phong tục tập quán lạc hậu đối với công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Xây dựng nền thể dục thể thao Hà Nội mang tính đại chúng, dân tộc và tiên tiến.

Năm 2001, trước những yêu cầu, đòi hỏi mới, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố đã có sự đổi mới quan trọng về nhận thức thông qua

các định hướng thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tăng giàu; phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, các quỹ trợ giúp xã hội; phổ biến kinh nghiệm làm ăn và cho vay vốn với lãi suất thấp đối với người nghèo. Chương trình số 09 - CT/Tr/TU ngày 24/8/2001 của Thành uỷ khoá XIII đã đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc giai đoạn 2001 - 2005: quan tâm giải quyết việc làm cho các đối tượng chính sách nhằm từng bước thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội; chăm lo giải quyết các nhu cầu dân sinh bức xúc về nhà ở, điện, nước, học tập, khám chữa bệnh... phòng ngừa, chặn đứng và từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội thông qua việc nâng cao nhận thức trách nhiệm của từng gia đình, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đặc biệt là cấp cơ sở...

Chính những chủ trương và giải pháp đúng đắn đó đã góp phần quan trọng đưa Hà Nội trở thành địa phương có môi trường và điều kiện chăm lo phát triển con người vào loại tốt nhất ở nước ta.

D. Đổi mới tư duy, nhận thức về công tác xây dựng Đảng

Cùng với việc đẩy mạnh đổi mới tư duy về kinh tế, Đảng bộ thành phố Hà Nội không ngừng chú trọng và tăng cường đổi mới nhận thức về công tác xây dựng Đảng.

Đề tài đã phân tích quá trình đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Thành phố Hà Nội trên các lĩnh vực : giáo dục chính trị, tư tưởng; tổ chức và cán bộ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố

Qua gần 20 năm đổi mới, Đảng bộ Hà Nội đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn của Hà Nội, với tinh thần đổi mới toàn diện, cả về tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới phong cách làm việc; đổi mới tổ chức và cán bộ; kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện lời dạy của Bác Hồ: xây dựng Đảng bộ Hà Nội thành đảng bộ kiểu mẫu.

E. Đổi mới tư duy, nhận thức về xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Bước vào thời kỳ đổi mới, ngay từ Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố đã đề ra mục tiêu "Kiện toàn hệ thống chuyên chính vô sản của Thành phố, tăng cường hiệu lực của chính quyền các cấp, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân lao động với HĐND". Thành uỷ khoá X đã thông qua 6 nhiệm vụ nhằm "Xây dựng và phát huy dân chủ, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị". Theo đó, tổ chức bộ máy các ban đảng, đầu mối sở, ngành đã giảm từ 30-50%, tổng biên chế hành chính giảm 25-40%. Việc tái lập một số ban, trong đó có Ban Dân vận Thành uỷ để tham mưu, đề xuất chỉ đạo kiểm tra công tác vận động quần chúng đã cho thấy nhận thức về vai trò của phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng Thủ đô. Đây là

giai đoạn đầu đánh dấu tư tưởng đổi mới của Đảng bộ trong củng cố, xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Trung ương.

Thành uỷ khoá XI đã tập trung chỉ đạo cải tiến hoạt động của HĐND Thành phố; kiện toàn chính quyền cấp cơ sở phường, xã; chỉ đạo cải cách một bước nên hành chính nhà nước, song song với việc thành lập các ban chỉ đạo cải cách hành chính và kiện toàn các ban chỉ đạo chống tham nhũng, buôn lậu của thành phố; quan tâm xây dựng, đào tạo đội ngũ công chức và cán bộ chính quyền cơ sở.

Trong khoá XII, Thành uỷ tiếp tục quan tâm xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực, hiệu quả, tập trung trước hết là cải cách hành chính, trong đó khâu đột phá là cải cách thủ tục hành chính. Tổ chức bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể từ thành phố đến cơ sở tiếp tục được sắp xếp hợp lý cơ cấu, phù hợp với yêu cầu cải cách; quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ các cấp. Thành uỷ tập trung chỉ đạo 2 nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tiên hành cải cách hành chính ở các cấp, ngành thành phố trên 3 lĩnh vực: cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và xác định lại chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước.

Thành uỷ khoá XIII xác định trọng tâm là kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý các cấp, của đội ngũ cán bộ, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn, coi đó là đòn bẩy giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, nhằm phát huy đồng bộ sức mạnh của Thành phố. Chỉ đạo thực tiễn, Thành uỷ đã xây dựng Chương trình 07 về cải cách hành chính với 4 nội dung chính là cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức và cải cách nền tài chính công; đồng thời triển khai tích cực Đề án 16 của Thành uỷ về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”, nhằm từng bước củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị từ cơ sở lên thành phố vững chắc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, chỉ đạo triển khai sâu rộng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

F. Đổi mới tư duy, nhận thức về công tác an ninh - quốc phòng, đối ngoại

1. Về công tác an ninh - quốc phòng

Thủ đô Hà Nội là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội quan trọng của Đảng, Nhà nước; đồng thời là mục tiêu trọng điểm mà các thế lực thù địch, phản động quốc tế và các đối tượng phản động trong nước luôn tìm mọi cách chống phá, nơi có nhiều điều kiện cơ hội thuận tiện để các loại tội phạm, tệ nạn xã hội ẩn náu hoạt động. Vì vậy mọi biến động về ANCT và TTATXH đều là vấn đề nhạy cảm, có tác động đến tâm tư tình cảm, đến các vấn đề xã hội của đông bào cả nước, ảnh hưởng lớn đến vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam trên diễn đàn quốc tế và khu vực. Đảng, Nhà nước ta luôn luôn quan tâm chăm lo và đặt ra yêu cầu rất cao đối với nhiệm vụ bảo vệ ANCT và TTATXH đối với địa bàn Hà Nội. Thành uỷ, UBND thành phố luôn coi nhiệm vụ giữ vững ANCT và bảo đảm trật tự an

toàn xã hội trên địa bàn Hà Nội là nhiệm vụ chiến lược trọng điểm cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Từ khoá XI đến khoá XIII, Thành uỷ Hà Nội đều xây dựng "Chương trình bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội". Nội dung của chương trình có đối tượng đấu tranh, địa bàn bảo vệ, các giải pháp chủ yếu để phòng ngừa và các biện pháp đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ tuyệt đối sự an toàn và ổn định bền vững cho Thủ đô, để góp phần vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Thành phố luôn dành sự đầu tư ưu tiên về lãnh đạo, chỉ đạo, về công tác cán bộ, về cơ sở vật chất phục vụ an ninh quốc phòng, cải cách tư pháp. Thành uỷ các khoá tập trung xây dựng sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Thủ đô, quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc" phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành thống nhất của nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt; tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh. Trong đấu tranh chống địch và các loại tội phạm phải quán triệt tinh thần cách mạng tiến công; kết hợp chặt chẽ giữa chủ động tấn công với chủ động phòng ngừa, giữa "xây" và "chống", trong đó phòng ngừa, xây là chính, chủ động phát hiện triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn tới đột biến bất ngờ. Trong giải quyết, xử lý vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, giữ vững nguyên tắc khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, dư luận quốc tế, lấy việc phát huy dân chủ, giáo dục thuyết phục là chính, đi đôi xử lý nghiêm minh các sai phạm.

Trong suốt 20 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, Thủ đô Hà Nội luôn được nhân dân cả nước, bạn bè quốc tế đánh giá cao là nơi ổn định về chính trị, an toàn về trật tự xã hội, là "Thủ đô vì hoà bình". Đó là kết quả của quá trình đổi mới nhận thức của Đảng và Nhà nước ta về công tác an ninh - quốc phòng đã được Đảng bộ và nhân dân Thủ đô quán triệt sâu sắc.

2. Về công tác đối ngoại

Nét nổi bật nhất về đổi mới tư duy trong công tác đối ngoại của Đảng bộ Thành phố là: Hà Nội đặt công tác đối ngoại thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược; chỉ đạo xây dựng chiến lược đối ngoại của Thủ đô. Ngoài việc mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trong nước, Hà Nội từng bước mở rộng các mối quan hệ đối ngoại nhà nước, đối ngoại nhân dân; chuyển mạnh từ đối ngoại chính trị sang đối ngoại kinh tế, văn hoá, du lịch, mở rộng quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi, phát triển ở tất cả các châu lục; tăng cường và mở rộng công tác đối ngoại nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội; tập trung vào mục đích vì hoà bình, đoàn kết hữu nghị.

Trong mỗi giai đoạn cụ thể, các chủ trương, chính sách của Đảng đối với công tác đối ngoại luôn được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện phù hợp với những điều kiện mới, với những bước chuyển mới trong mục tiêu và phương thức của hoạt động đối ngoại. Trọng tâm trong giai đoạn hiện nay được xác định là ngoại giao phải phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế. Yêu

câu đó được cụ thể hoá bằng những chủ trương thúc đẩy các hoạt động kinh tế đối ngoại, đồng thời được hiện thực hoá trong thực tiễn chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và điều hành của chính quyền thành phố. Những chủ trương về hoạt động đối ngoại của các kỳ Đại hội Đảng bộ thành phố còn được cụ thể hoá thành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác của Thành uỷ.

Sự lãnh, chỉ đạo của Đảng đối với các hoạt động văn hoá đối ngoại cũng được đặc biệt quan tâm. Hà Nội đã tổ chức tốt nhiều đợt giao lưu văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao quốc tế, đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm, trưng bày hội họa, biểu diễn ca múa nhạc và nghệ thuật tại 25 nước trên thế giới.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, Thành uỷ Hà Nội không ngừng đổi mới tư duy, có những sáng tạo trong quyết sách đối ngoại của Thành phố, đặt công tác đối ngoại ở tầm chiến lược, đem lại hiệu quả cao cho hoạt động đối ngoại, góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Thủ đô, đặc biệt là trong khu vực Đông Nam và châu Á - Thái Bình Dương, qua đó nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

*

* *

Từ quá trình đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Hà Nội trong 20 năm (từ 1986 đến 2005), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- *Một là*, trong quá trình đổi mới, phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải luôn luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy mọi nguồn lực, sức mạnh tổng hợp, tranh thủ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự chỉ đạo của Chính phủ, sự phối hợp, giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, các địa phương trong cả nước, sự hợp tác của bạn bè quốc tế, đồng thời phải đặc biệt coi trọng phát huy dân chủ, động viên, tiếp thu mọi ý tưởng, sáng kiến, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, nhân dân, đặc biệt là trí tuệ của đội ngũ các nhà khoa học, các cán bộ quản lý, hoạt động thực tiễn.

- *Hai là*, quá trình đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Hà Nội phải dựa trên cơ sở các luận cứ khoa học, lý luận được nghiên cứu nghiêm túc, đồng thời phải bám sát thực tiễn, sát cơ sở, xuất phát từ thực tiễn, trở lại phục vụ thực tiễn vừa giải quyết các vấn đề của Hà Nội và chủ động đóng góp với Trung ương.

- *Ba là*, đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng bộ Hà Nội vừa phải thể hiện được tính tiên phong, tính đột phá, nhanh nhạy, sắc bén, vừa phải chắc chắn, chính xác, đúng đắn. Phải gắn quá trình đổi mới tư duy, nhận thức với quá trình chăm lo xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về mọi mặt; không ngừng giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng, gắn bó khăng khít giữa Đảng với dân. Đấu tranh kiên quyết với các luận điệu sai trái, thù địch, các biểu hiện cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

IV. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI 1986 - 2005

Đề tài đã phân tích cụ thể, sâu sắc quá trình phát triển Thủ đô trong 20 năm đổi mới trên từng lĩnh vực: phát triển kinh tế; quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị; phát triển văn hoá - xã hội; công tác đối ngoại; về an ninh - quốc phòng; về củng cố hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp; về công tác xây dựng Đảng, từ đó rút ra những thành tựu đã đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân. Sau 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ Hà Nội đã có bước trưởng thành về mọi mặt. Trong quá trình đổi mới, có nhiều việc làm được, có việc mới bắt đầu, có việc còn chưa làm được. Nhưng chính từ những việc làm được và chưa làm được ấy mà Thành uỷ có căn cứ, đầy đủ, vững chắc để tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Thủ đô tiếp tục đi lên.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

A. Những thành tựu nổi bật

Vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của Thành phố, 20 năm qua, trải qua nhiều biến động chính trị thế giới, vượt qua những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và những khó khăn trong quá trình phát triển, *Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội đã đưa sự nghiệp đổi mới của Thủ đô đạt được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện, đúng định hướng, tạo sự chuyển biến cơ bản trong đời sống xã hội, góp phần rất quan trọng vào thành tựu chung của cả nước².*

Một là, vượt lên mọi khó khăn, thử thách, tình hình chính trị - xã hội Thủ đô luôn ổn định, niềm tin của nhân dân với Đảng, với sự nghiệp đổi mới được củng cố.

Hai là, từ một nền kinh tế tập trung, bao cấp, ở trong tình trạng khủng hoảng, chậm phát triển, kinh tế Thủ đô đã nhanh chóng phát triển, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa năng động, tăng trưởng liên tục ở mức cao, phát triển nhanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu tích cực theo hướng hiện đại hoá; không chỉ đáp ứng nhu cầu cuộc sống người dân mà còn tích lũy để đầu tư phát triển.

Ba là, quản lý đô thị có tiến bộ, hạ tầng đô thị phát triển mạnh theo hướng văn minh, hiện đại.

Bốn là, văn hoá - xã hội tiến bộ trên nhiều mặt; trong đó có những mặt chuyển biến rõ rệt, như về chỉ số phát triển con người, phổ cập trung học phổ

² Thông báo 205-TB/TW ngày 2/11/2005: Kết luận của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về Thủ đô Hà Nội.

thông, thể thao thành tích cao, xoá đói, giảm nghèo, chăm sóc người có công và diện chính sách xã hội...

Năm là, Đảng bộ và hệ thống chính trị có bước trưởng thành; bộ máy quản lý và cán bộ các cấp tích lũy được nhiều kinh nghiệm quản lý, điều hành; tư duy và phong cách làm việc, phương pháp công tác được đổi mới.

Nguyên nhân chủ yếu đưa tới những thành tựu nêu trên là Đảng bộ Thành phố đã kiên trì và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện thực tiễn của Thủ đô. Trong từng giai đoạn thực hiện đổi mới, Đảng bộ Thành phố đều tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, từ đó phát huy được những cách làm hay, đường lối đúng, kịp thời điều chỉnh những định hướng, bước đi, cách làm chưa hợp lý.

Lãnh đạo Thành phố luôn chú trọng xây dựng khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ, trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân; phát huy mọi nguồn lực thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chương trình, kế hoạch đề ra.

Thành phố luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo sát sao; được sự phối hợp, giúp đỡ hiệu quả của các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương trong cả nước.

B. Những hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những thành tựu nổi bật nêu trên, trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, trên các mặt của đời sống, Thành phố vẫn còn những hạn chế, yếu kém:

Một là, kinh tế phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng. Nhiều nguồn lực và lợi thế Thủ đô chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả. Sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô còn hạn chế, chưa chuẩn bị tốt cho việc hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, Sự nghiệp phát triển văn hoá - xã hội Thủ đô chưa tương xứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế, chưa xứng tầm với vai trò, vị thế của Thủ đô. Trên lĩnh vực văn hóa, đời sống tinh thần của Thủ đô có một số mặt xuống cấp; nhiều tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn hiệu quả.

Ba là, công tác quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch còn nhiều bất cập. Hạ tầng đô thị tuy được tăng cường, nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; mạng lưới giao thông, cấp thoát nước chưa đồng bộ; thiếu nhà ở (đặc biệt là nhà ở cho người làm công ăn lương), trường dạy nghề, bệnh viện, khu vui chơi giải trí...

Bốn là, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị chưa theo kịp sự đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ còn hạn chế; những biểu hiện suy thoái trong Đảng, trong xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên một phần bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan: tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; giá một số mặt hàng chủ yếu trên thế giới tăng đột biến; thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh phát sinh là những yếu tố tác động không thuận lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội những năm qua của Thủ đô.

Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện Nghị quyết 08-NQ-TW, Nghị quyết 15-NQ/TW, các kết luận của Bộ Chính trị, Pháp lệnh Thủ đô của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các nghị định, kết luận của Chính phủ về Thủ đô làm chậm, thiếu đồng bộ. Việc chỉ đạo thực hiện quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Việc ban hành các văn bản pháp quy, nhất là văn bản hướng dẫn chậm, thiếu đồng bộ (Luật Xây dựng, Luật Đất đai...). Việc phân cấp trách nhiệm giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với Hà Nội trong xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng còn nhiều vấn đề chưa rõ, nhất là đối với các công trình trọng điểm (đường vành đai, đường cao tốc, cầu bắc qua sông Hồng), làm chậm tiến độ và kéo dài thời gian thực hiện các công trình.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những khuyết điểm, thiếu sót thuộc về sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của Đảng bộ, chính quyền Thành phố.

Sự chỉ đạo thực hiện một số chương trình, kế hoạch, đề án của Thành phố chưa quyết liệt; công tác đôn đốc, kiểm tra chưa sát sao, thiếu chế tài xử lý vi phạm. Thiếu giải pháp đồng bộ trong thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như: chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, quản lý trật tự đô thị, chống tệ nạn xã hội, xác định ngành hàng chủ lực...

Sự phối hợp, điều hành công tác giữa các cấp, các ngành Thành phố trên một số lĩnh vực chưa chặt chẽ, đồng bộ, phân cấp trách nhiệm chưa rõ, thiếu qui chế, qui trình phối hợp...

Công tác cải cách hành chính chưa trở thành khâu đột phá, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa thực sự đóng vai trò then chốt.

C. Những bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới ở Thủ đô có thể rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

Một là, quán triệt sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ, vai trò, vị thế Thủ đô; chủ động vận dụng sáng tạo các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn Thành phố; đánh giá đúng tiềm năng, những lợi thế có thể khai thác, những khó khăn sẽ phải đối phó để có chủ trương đúng và kịp thời. Quyết tâm đổi mới tư duy, luôn năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo gắn với đổi mới phong cách làm việc. Quyết tâm đảm bảo sự ổn định chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Hai là, coi trọng việc cụ thể hoá các nghị quyết, chủ trương thành những chương trình, kế hoạch, đề án hành động gắn với xây dựng các cơ chế, chính sách của Thành phố để thực hiện. Chọn đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng thời kỳ để tập trung chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả. Làm tốt công tác phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn làm nền tảng để nâng cao vị thế và năng lực của Thủ đô. Bố trí đúng người, đúng việc; phân công cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ quyền hạn và trách nhiệm, phát huy tính chủ động, sáng tạo, sự phối hợp đồng bộ, giải quyết dứt điểm từng việc. Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, khen, chê kịp thời, xác định rõ những mặt còn yếu kém để có biện pháp kiên quyết khắc phục.

Ba là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, chủ động khai thác các nguồn lực tổng hợp trên địa bàn, đặc biệt là tiềm năng trong dân, gắn kết sức mạnh của Thủ đô với sức mạnh của Trung ương, sức mạnh hợp tác với các địa phương trong cả nước và hợp tác quốc tế. Nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước, phong trào cách mạng của các đoàn thể quần chúng gắn với bồi đắp, phát huy nội lực của các tầng lớp nhân dân; mở rộng quan hệ phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương; quan hệ hợp tác phát triển với các địa phương bạn, với các thủ đô, thành phố, các tổ chức kinh tế, xã hội, văn hoá quốc tế theo tinh thần chủ động, tích cực, thiết thực, hiệu quả.

Bốn là, làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và củng cố hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng từ Thành phố đến cơ sở, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên; phát huy dân chủ đi liền với thực hiện kỷ luật, kỷ cương. Các thành viên của hệ thống chính trị thành phố và từng cán bộ, đảng viên phải gần dân, tin dân, quan tâm đến lợi ích và nguyện vọng của dân, không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực, trình độ để đáp ứng yêu cầu cao của nhiệm vụ. Đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội, tệ lãng phí, quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, thiếu trách nhiệm trong công tác.

CHƯƠNG 2: TÂM NHÌN 2020, MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010

I. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ 21

A. TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ TỚI TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM NÓI CHUNG, HÀ NỘI NÓI RIÊNG ĐẾN NĂM 2010

Việt Nam đang trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, do vậy chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và thường xuyên trước các thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực. Các tác động của bối cảnh quốc tế đến phát triển kinh tế của Việt Nam sẽ tác động trực tiếp và sâu sắc tới Hà Nội - với tư cách là Thủ đô của cả nước.

1. Các tác động tích cực

Chiều hướng cải cách và điều chỉnh đường lối, chính sách mạnh mẽ của các nước trên thế giới đã và đang tạo một áp lực ngày càng lớn đối với công cuộc đổi mới kinh tế của cả nước cũng như của Thủ đô Hà Nội. Đây có thể coi là tác động tích cực hàng đầu của bối cảnh quốc tế hiện nay. Hơn lúc nào hết, Hà Nội đang đứng trước một sự lựa chọn quyết định giữa tích cực cải cách và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hoặc là sẽ sa vào nguy cơ tụt hậu kinh tế. Mặt khác, bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay cũng khẳng định tầm quan trọng của cường thịnh kinh tế đối với việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Các nền kinh tế đang phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ thời gian qua đã đạt được những thành công đáng khích lệ nhờ cải cách và hội nhập cũng sẽ hỗ trợ cho quyết tâm cải cách và hội nhập của cả nước và của Thủ đô, đồng thời cung cấp những kinh nghiệm rất đáng tham khảo.

Bối cảnh quốc tế và khu vực không chỉ tạo sức ép, mà còn đồng thời đưa lại cơ hội thuận lợi cho Hà Nội phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Cùng với việc thực hiện các cam kết mạnh mẽ về tự do hoá thương mại, thông qua hội nhập, Hà Nội có điều kiện thực hiện tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn. Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội cho chúng ta tiếp cận các nguồn vốn, công nghệ hiện đại, tiếp cận các thị trường quốc tế, lựa chọn mô hình phát triển phù hợp nhằm phát huy tốt nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài.

Hội nhập kinh tế quốc tế còn giúp Hà Nội có thêm cơ hội thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế, cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật... Các quá trình hình thành và hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường có điều kiện được đẩy mạnh vì bối cảnh quốc tế và khu vực thường xuyên thay đổi... Do

đó, môi trường pháp lý, các nguyên tắc thị trường... được điều chỉnh theo các tiêu chí quốc tế.

2. Các thách thức mới

Môi trường quốc tế đã và đang có nguy cơ bất ổn bởi sự xuất hiện của các biến cố mới, khó lường.

Các xu hướng liên kết kinh tế trên nhiều tuyến, nhiều cấp độ trên thế giới và đặc biệt trong khu vực đang tạo ra nhiều thách thức cho tiến trình hội nhập chung của ASEAN. Các hiệp định tự do thương mại song phương đang được coi là bước đi quan trọng của hầu hết các nước ngoài khu vực với các nước ASEAN, hoặc giữa các nước ASEAN với nhau. Vấn đề đặt ra là trong những trường hợp đó, nếu Việt Nam chỉ chú trọng vào các hội nhập đa phương (vốn là bước đi khôn ngoan của các nước đang phát triển để tránh bị các nước phát triển chèn ép) thì liệu có mất đi lợi thế và bị đứng ngoài các tính toán song phương đã trở nên hết sức phổ biến hay không? Do những động thái này, sức ép cạnh tranh đang dồn đẩy lên vai các nước nghèo trong ASEAN. Hà Nội sẽ gặp khó khăn trong cạnh tranh xuất khẩu. Hơn nữa, với việc gia nhập WTO và ký kết CAFTA, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hướng mạnh vào Trung Quốc và theo đó, dòng FDI vào Hà Nội không mạnh như trước (mặc dù đã và đang cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư) và điều này sẽ gây khó khăn cho sự tăng trưởng và ổn định của Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng.

Hệ thống kinh tế thế giới, như đã nêu ở trên, vẫn là một hệ thống có một số mặt chưa công bằng. Trong tiến trình dỡ bỏ các rào cản thuế quan, phi thuế quan, áp dụng quy chế đối xử quốc gia,... các nước phát triển sẽ tiến tới phải gỡ bỏ mọi ưu đãi dành cho các nước đang phát triển như hạn ngạch, hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) và các ưu đãi khác. Đối với các nền kinh tế có khả năng cạnh tranh, việc dỡ bỏ này là hết sức quan trọng và cần thiết cho sự phát triển của họ. Song với các nước kém phát triển thì tình hình lại khác. Lâu nay, để xuất khẩu sang thị trường các nước phát triển, họ phải dựa chủ yếu vào các ưu đãi đó và việc phải đối mặt với sự dỡ bỏ này trong thời gian tương đối ngắn sẽ là một thách thức vô cùng lớn cho hoạt động xuất khẩu nói riêng và cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung. Đây là một tác động mà Thành phố buộc phải sẵn sàng chuẩn bị sớm để tránh những cú sốc không đáng có trong nền kinh tế.

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế vừa tạo vận hội phát triển, vừa là tác nhân dẫn đến sự đổ vỡ, bất ổn từ các khía cạnh xã hội, nhất là các cú sốc bên ngoài, rất dễ xảy ra trong hệ thống kinh tế thế giới hiện nay, sẽ tác động mạnh đến các nhóm xã hội, đặc biệt là khu vực nông nghiệp và nông thôn, các vùng sâu, vùng xa. Điều đó cũng có nghĩa là, việc thiết định các chính sách xã hội, chính sách quản lý sự phát triển ở các địa phương luôn phải tính đến các thay đổi thường xuyên của bối cảnh quốc tế và khu vực.

Việt Nam có lợi thế là tăng trưởng và phát triển trong môi trường chính trị - xã hội ổn định. Tuy vậy, những bất ổn của khu vực với những động thái về vấn đề hạt nhân, về tôn giáo, sắc tộc... ở một số nước, sẽ có tác động nhất định

đến sự phát triển kinh tế ở Hà Nội, với tư cách là Thủ đô của một nước là thành viên ASEAN và là một quốc gia khu vực Đông Nam Á (gần 70% đầu tư vào Hà Nội là đến từ các nước trong khu vực Đông và Đông Nam Á, do vậy các tác động nói trên cần được đặc biệt chú ý).

B. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KT - XH CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG KINH TẾ TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. Kinh tế - xã hội cả nước và hầu hết các địa phương sẽ tiếp tục phát triển nhanh đòi hỏi Hà Nội có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn, thể hiện rõ vai trò động lực, đi đầu trong nhiều lĩnh vực

Để thực hiện chức năng đầu tàu lôi kéo sự phát triển của cả nước và các địa phương, Thủ đô Hà Nội với các tiềm năng và lợi thế riêng có của mình phải được phát triển nhanh hơn, chất lượng hơn mức trung bình của cả nước và phải là một trong số ít các địa phương có tốc độ phát triển nhanh nhất cả nước trên hầu hết mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội (đặc biệt là trong các ngành công nghiệp và dịch vụ). Theo tính toán, để thực hiện các mục tiêu chiến lược của đất nước, để thúc đẩy các địa phương khác phát triển, Hà Nội phải đạt được một số mục tiêu cơ bản như sau:

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của Hà Nội phải đạt 11-12% cho giai đoạn 2006-2010, tương đương với thành phố Hồ Chí Minh và gấp từ 1,46-1,73 lần tốc độ tăng trưởng trung bình của cả nước. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp nhanh hơn khoảng 1,7- 1,9 lần, của dịch vụ khoảng 1,6-1,8 lần.

Hà Nội phải là địa phương thu hút được nhiều lao động có trình độ cao nhất vào các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Hà Nội phải là địa phương có xuất khẩu công nghiệp và dịch vụ nhiều hơn, và nhanh hơn so với cả nước.

Như vậy, các tư tưởng, mục tiêu của chiến lược phát triển của cả nước, của vùng ĐBSH và vùng KTTĐ phía Bắc phải được thể hiện trong chiến lược phát triển Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp, dịch vụ với mức độ cao hơn, chất lượng lớn hơn, tốc độ nhanh hơn.

2. Chủ trương tiếp tục chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng các ngành trong cơ cấu kinh tế của cả nước và của các tỉnh vùng ĐBSH sẽ tác động toàn diện, sâu sắc đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hà Nội

Với các chủ trương chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng cơ cấu của cả nước và vùng ĐBSH, KTTĐ phía Bắc, *Thủ đô Hà Nội phải là địa phương thực hiện rõ nhất, nhanh nhất sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, và đặc biệt phải là nơi thể hiện rõ nhất sự nâng cao chất lượng của các ngành trong cơ cấu kinh tế.* Các chủ trương này sẽ tác động đối với Hà Nội trên một số mặt chính sau:

Hà Nội sẽ là địa phương quan trọng nhất thực hiện phát triển một số ngành

công nghiệp mũi nhọn, các ngành sử dụng lao động kỹ thuật cao và mang lại nhiều giá trị gia tăng của cả nước và của vùng KTTĐ phía Bắc.

Các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực sẽ phát triển mạnh ở Hà Nội là các ngành công nghiệp phần mềm, thiết bị tin học, tự động hoá (sản xuất các thiết bị tự động, rôbot...) vật liệu từ tính cao cấp, vật liệu kỹ thuật cao (cách nhiệt, chịu mài mòn), sứ polyme cách điện, polyme dẫn điện, vật liệu mới, vật liệu composit, polyme tổng hợp...; công nghiệp cơ khí chế tạo đáp ứng nhu cầu chế biến nông sản thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp v.v... Các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp khác quy mô vừa và nhỏ sẽ được dịch chuyển ra các tỉnh lân cận.

Hà Nội sẽ hình thành các trung tâm công nghiệp phần mềm - tin học, các khu công nghiệp chất lượng cao, các trung tâm dịch vụ tổng hợp nhằm tạo ra bộ mặt mới cho công nghiệp và dịch vụ của cả nước, vùng.

Tiếp tục thúc đẩy vai trò trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của Thủ đô Hà Nội để đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại và trung tâm du lịch của cả khu vực phía Bắc và cả nước.

3. Bước chuyển động đáng kể của khoa học và công nghệ của cả nước và vùng ĐBSH đặt ra những nhiệm vụ to lớn cho Hà Nội

Chủ trương phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010 là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, với những định hướng quan trọng như sau:

Sắp xếp lại và phát triển có hiệu quả hệ thống các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ (KH-CN) đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đối với các hướng khoa học công nghệ ưu tiên: điện tử - tin học, sinh học, nguyên vật liệu.

Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mạnh; đủ sức nghiên cứu, sáng chế công nghệ và tiếp thu sáng tạo công nghệ tiến tiến của nước ngoài đáp ứng nhu cầu của quá trình phát triển. Phấn đấu vào năm 2010 đạt chỉ tiêu có 20-25 cán bộ/1000 dân đối với cả nước và 50 cán bộ/1000 dân đối với vùng ĐBSH.

Đổi mới nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới để phát triển nhanh kinh tế-xã hội của các địa phương và toàn vùng. Trước hết là đối với lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi; công nghệ chế biến thực phẩm, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa...

Chủ trương trên liên quan toàn diện, trực tiếp đến Hà Nội bởi vì hầu hết năng lực công nghệ của cả nước và của toàn miền Bắc tập trung ở Hà Nội. Thủ đô Hà Nội phải thể hiện trong kế hoạch phát triển của mình vai trò quyết định trong việc nghiên cứu - triển khai (R & D), truyền bá công nghệ cho vùng phía Bắc, đặc biệt là cho khu vực nông thôn nơi tập trung đến 75% dân số.

4. Chiến lược phát triển đô thị rải đều trên các vùng lãnh thổ có tác động giảm bớt các áp lực ngành nghề, lao động, thất nghiệp cho Hà Nội

Nhằm tạo nền tảng cho phát triển kinh tế, những năm tới Nhà nước chủ trương không thực hiện đô thị hoá theo quy mô hành chính mà phải thực thi chiến lược bố trí mạng lưới đô thị trên phạm vi cả nước một cách có hiệu quả và có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hướng phát triển hệ thống đô thị là:

Hiện đại hoá các đô thị lớn và các hành lang kinh tế lớn dọc theo các tuyến quốc lộ. Liên quan nhiều đến Hà Nội là các đô thị dọc các quốc lộ 5, 18, 21...;

Hình thành các điểm đô thị kiểu thị trấn, thị tứ làm hạt nhân chuyển một bộ phận đáng kể nông dân thành thị dân và góp phần hiện đại hóa nông thôn.

Chủ trương trên có tác động đến Hà Nội trên một số mặt sau:

Quy hoạch phát triển thành phố Hà Nội tương xứng vai trò vị trí là Thủ đô của Nước CHXHCN Việt Nam. Phát triển Hà Nội với không gian mở theo hướng Bắc và Tây Bắc, Tây và Tây Nam; hướng phát triển lâu dài về phía Tây- Tây Nam, gắn kết với chuỗi đô thị tiếp giáp như Miếu Môn- Xuân Mai- Hoà Lạc- Sơn Tây, Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Hà Đông, Phú Lý... tạo thành chùm đô thị hạt nhân.

Đưa bớt công nghiệp ra xa nội thành gắn với việc hình thành các khu đô thị vệ tinh, khu đô thị mới, như: các khu Bắc Thăng Long, Nam Thăng Long, Bồ Đề (Gia Lâm), Yên Viên, Linh Đàm.... Đến năm 2010 có số dân nội thành khoảng 2,5 triệu người.

Nghiên cứu chỉnh trị sông Hồng, hoàn thành phương án và tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác hai bên sông Hồng. Tiến hành xây dựng cầu Nhật Tân, Thượng Cát, Thanh Trì và đường vành đai 4, 5.

Xây dựng một số tuyến hành lang kinh tế quan trọng dọc theo các tuyến quốc lộ 18, 21, 5, Trung Kính - Hoà Lạc trên cơ sở phát triển hợp lý các KCN và các trung tâm thương mại, du lịch.

5. Việc tiếp tục duy trì và phát triển ba vùng kinh tế trọng điểm (miền Bắc, miền Trung, miền Nam) có tác động quan trọng tới phát triển Hà Nội

Chủ trương này tác động rất lớn đối với Hà Nội. Hà Nội nằm trong vùng KTTĐ phía Bắc sẽ phải cùng với thành phố Hồ Chí Minh (nằm trong vùng KTTĐ phía Nam) là những địa phương chủ lực trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của các vùng trọng điểm, do vậy, tất cả các mục tiêu KT - XH của Hà Nội đến 2010 đều phải cao hơn của các vùng trọng điểm. Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn vì các mục tiêu của các vùng trọng điểm vốn đã khá cao.

C. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC VIỆT NAM THAM GIA CÁC TỔ CHỨC, HIỆP ĐỊNH QUỐC TẾ TỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Hội nhập kinh tế quốc tế tác động rất mạnh mẽ đến đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội của Việt Nam, trong đó có một số xu thế quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đối với sự phát triển của Hà Nội đến 2010:

1. Thị trường xuất khẩu hàng công nghiệp ngày càng được mở rộng hơn

Từ nay đến năm sau 2010, do tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, *thị trường sẽ có những thay đổi vô cùng to lớn, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp*. Sự thay đổi của yếu tố thị trường sẽ tạo ra những thuận lợi (là cơ bản) cho các doanh nghiệp Thủ đô, tuy nhiên nó cũng đặt ra một thách thức sống còn, đó là: các doanh nghiệp Hà Nội sẽ không còn khu vực thị trường nội địa theo kiểu của riêng ta, một khu vực mà nhờ các chính sách bảo hộ đã trở thành khu vực thị trường độc quyền của nhiều ngành, sản phẩm trong những năm qua.

2. Chi phí nguyên liệu, vật tư, máy móc nhập khẩu có xu hướng giảm

Các doanh nghiệp sản xuất trong nước của các ngành công nghiệp nhờ hội nhập được hưởng lợi thế nhập khẩu vật tư nguyên liệu, máy móc, thiết bị từ các nước ASEAN và Mỹ với mức thuế nhập khẩu thấp, điều này góp phần làm giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, do vậy khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp sẽ được nâng cao hơn;

Tuy nhiên, xu thế này *tác động không lớn lắm đối với các ngành công nghiệp của Hà Nội*. Thực tế là, chi phí nguyên nhiên vật liệu cho các nhóm sản phẩm của hầu hết các ngành công nghiệp của Hà Nội (dệt, may, da giày, sản phẩm thép, sản phẩm cơ khí, sản phẩm hoá chất, hàng điện tử...) đều có tỷ lệ giá trị nguyên liệu trong giá thành sản phẩm trên 70% và phần lớn nguồn nguyên liệu này lại không phải do sản xuất trong nước cung cấp mà do nhập khẩu. Trong những năm qua, giá nguyên liệu, bán thành phẩm nhập khẩu khá cao (những năm qua chỉ số tăng giá nguyên liệu nhập khẩu tăng trung bình hàng năm từ 7 đến 15%/năm) và dự báo sẽ ngày càng cao hơn trong những năm tới và tốc độ tăng giá còn nhanh hơn tốc độ giảm thuế nhập khẩu. Do tỷ lệ giá trị nguyên liệu lớn, hàm lượng chất xám, giá trị chế biến không cao; chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp Việt Nam nói chung và của Hà Nội nói riêng.

3. Nguồn đầu tư FDI vào các ngành công nghiệp có xu hướng tăng

Xu thế này có tác động rất lớn đến Hà Nội theo chiều hướng thuận lợi. Theo quy luật các luồng FDI luôn tìm đến đầu tư những nơi thuận lợi nhất. So với hầu hết các địa phương khác trong cả nước, Hà Nội có nhiều lợi thế hơn trong việc thu hút các nguồn FDI. Lợi thế này thể hiện trên các mặt:

Sức chứa của các khu công nghiệp mới của Hà Nội còn nhiều;

Hệ thống hạ tầng, bao gồm hạ tầng trong và ngoài hàng rào các khu công nghiệp của Hà Nội ở trình độ cao nhất Việt Nam;

Các lợi thế về vị trí địa kinh tế, địa chính trị - xã hội của Hà Nội là duy nhất có ở Việt Nam;

Hà Nội là địa phương đã có sẵn một nền tảng FDI đứng thứ 2 trong cả nước, cùng với các cố gắng cải cách hành chính của Hà Nội hy vọng vị trí này

sẽ không thay đổi trong 7 năm tới. Như vậy, trong 7 năm tới Hà Nội có lợi thế hơn các tỉnh khác trong việc thu hút nguồn vốn FDI.

4. Nhiều mặt hàng công nghiệp trong nước sẽ phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh lớn hơn

Do tác động của hội nhập, xu thế phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh ngày càng lớn là xu thế chung của công nghiệp cả nước. Hà Nội với tư cách là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, là địa phương tập trung hầu hết các ngành, sản phẩm công nghiệp cũng phải trực diện đối mặt với các thách thức trên. Xu thế này đòi hỏi Hà Nội trong các kế hoạch phát triển ngành công nghiệp của mình cần phải có các giải pháp và chính sách thích ứng để phát huy các sản phẩm có khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện để ngày càng có nhiều sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

II. TẦM NHÌN THỦ ĐÔ NĂM 2020 VÀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010

A. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010, TẦM NHÌN 2020:

Bối cảnh quốc tế và sự phát triển của cả nước cũng như của các địa phương lân cận Hà Nội trong những năm tới sẽ tác động đến sự phát triển của Thủ đô theo cả chiều tích cực (là cơ bản) và tiêu cực. Nhìn chung, phát triển kinh tế của Hà Nội nằm trong bối cảnh phát triển kinh tế chung của cả nước. Đổi mới và phát triển kinh tế ở Hà Nội cũng phụ thuộc vào các chính sách và tiến độ cải cách và sự phát triển kinh tế của cả nước.

Từ thực tế phát triển của Thủ đô trong 20 năm qua; từ bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến Thủ đô trong những năm tới; từ vai trò, vị thế Thủ đô; từ yêu cầu và khả năng phát triển; **dự báo đến năm 2020:** Hà Nội có khả năng trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, thành phố du lịch hấp dẫn của khu vực; phát huy tốt vai trò là trung tâm lớn về văn hóa, khoa học- công nghệ, giáo dục - đào tạo, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Trên địa bàn, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thiết lập và vận hành thông suốt; hình thành rõ nét các yếu tố của kinh tế tri thức; đô thị được cải tạo và xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại; hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mạng lưới đường sắt đô thị phát huy hiệu quả. Cùng với việc hình thành và phát triển các hành lang kinh tế phía Bắc - Tây Bắc, Đông - Đông Bắc với các tỉnh phía Nam Trung Quốc; không gian kinh tế - xã hội của Hà Nội được mở rộng hợp lý và phát triển cả về chiều rộng, chiều sâu; các vùng ven nội, vùng ngoại thành (hiện nay) được khai thác, khu vực đô thị Bắc sông Hồng phát triển mạnh. Dịch vụ chất lượng cao và trình độ cao đóng vai trò trọng yếu trong nền kinh tế Thủ đô. Hình thành mạng lưới công nghiệp áp dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái. GDP bình quân đầu người dự kiến trên 6.000 USD, mức thu nhập của người dân tăng lên khoảng 3 lần so với hiện

nay. Hà Nội phấn đấu đi trước 5 năm, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

Dự báo viễn cảnh thủ đô Hà Nội năm 2020 dựa trên sự tính toán toàn diện những khả năng hiện thực, các xu hướng và các nhân tố chủ quan, khách quan, bên trong, bên ngoài tác động đến quá trình phát triển. Sau 15 năm tới, Hà Nội sẽ có bước phát triển về chất, cả bề rộng, cả chiều sâu với một diện mạo mới, xứng tầm thủ đô của một đất nước công nghiệp hơn 100 triệu dân.

Để đạt được mục tiêu trên, từ nay **đến năm 2010**, Hà Nội cần phải: phát huy thành tựu của 20 năm đổi mới, đón nhận những cơ hội và thách thức của giai đoạn cách mạng mới, thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, *chủ động, sáng tạo phát huy tiềm năng, nguồn lực, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội toàn diện, bền vững; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật và văn hóa của Thủ đô XHCN giàu đẹp, văn minh, hiện đại; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện vai trò "đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước"*.

Chặng đường 5 năm tới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Hà Nội. Mục tiêu xuyên suốt của Thành phố là tập trung phát huy mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện; tích cực chuẩn bị, hoàn thiện các tiền đề để Thủ đô bứt phá về đích, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá vào năm 2015.

B. QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2010

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược trên, trong xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch cần quán triệt những *quan điểm chủ đạo* sau:

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, năng động và sáng tạo hơn, tập trung mọi nguồn lực, phát huy lợi thế của Thủ đô, tranh thủ sự chỉ đạo của Trung ương, sự hỗ trợ, hợp tác của các tỉnh thành trong cả nước, sự hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng cao, hiệu quả, theo hướng bền vững.
2. Phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế Thủ đô, phát triển kinh tế tri thức.
3. Trong chỉ đạo, quán triệt phương châm: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng; phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần; gắn phát

triển kinh tế - xã hội với chăm lo đời sống nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng và tăng cường hoạt động đối ngoại.

4. Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, truyền thống ngàn năm Thăng Long - Hà Nội văn hiến, anh hùng, chất lọc tinh hoa văn hóa dân tộc, gìn giữ và phát triển văn hóa Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch - văn minh

C. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010

1- Dân số năm 2010:	3,6-3,7 triệu người
2- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm:	11-12%
+ Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp hàng năm:	12-12,5%
+ Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành dịch vụ hàng năm:	10,5-11,5%
+ Tốc độ tăng giá trị gia tăng nông nghiệp hàng năm:	1,5-2%
3- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm:	15-17%
4- Vận tải hành khách công cộng đến năm 2010:	30-35%
5- Tỷ lệ phổ cập bậc trung học năm 2010:	đạt chuẩn phổ cập
6- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010:	55- 65%
7- Tỷ lệ thất nghiệp đô thị năm 2010:	dưới 5,5%
8- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2010 (theo chuẩn mới ³):	khoảng 1%
9- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm:	1,05-1,1%
10- Chỉ tiêu kết nạp đảng viên hàng năm:	6.500 đ/c
11- Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm:	trên 70%
12- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh hàng năm:	trên 75%

³ Chuẩn nghèo mới là thu nhập dưới 350.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị và 270.000 đồng/người/tháng ở ngoại thành, tỷ lệ hộ nghèo tính toán theo chuẩn này hiện nay khoảng 5,55%.

CHƯƠNG 3

NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2010

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦ ĐÔ

A. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2006-2010

Đến 2010, Hà Nội định hướng đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp; coi trọng chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng CNH, HĐH; phấn đấu đến năm 2015 kinh tế Thủ đô cơ bản hoàn thành giai đoạn công nghiệp hoá; các bộ phận, các định chế thị trường định hướng XHCN cơ bản được hình thành theo hướng đồng bộ; nền tảng cơ bản để phát triển các dịch vụ chất lượng cao, trình độ cao được xây dựng; các ngành công nghiệp chủ lực đạt được bước phát triển bứt phá; nông nghiệp đổi mới căn bản theo phương thức sản xuất hiện đại. Năm 2010, dự kiến GDP bình quân đầu người của Hà Nội đạt khoảng 41-42 triệu đồng/người (giá so sánh, tương đương khoảng 2.500-2.600 USD/người).

Dự báo các kịch bản phát triển kinh tế Thủ đô đến năm 2010:

1. Phương án tích cực:

Phương án này sẽ diễn ra trong điều kiện môi trường thế giới và trong nước diễn biến theo chiều hướng tích cực (không có biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội khu vực và thế giới, không xảy ra dịch bệnh, thiên tai lớn, an ninh khu vực và thế giới được tăng cường); Việt Nam chuẩn bị tốt các điều kiện và gia nhập WTO trong năm 2006. Hà Nội huy động tốt và sử dụng hợp lý các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển (môi trường đầu tư được cải thiện rõ rệt; cơ chế, chính sách đồng bộ, rõ ràng, minh bạch và tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế; cải cách hành chính đạt kết quả tốt; tiến trình đổi mới, sắp xếp DNNN được hoàn thành; các lĩnh vực xã hội hóa được nhanh chóng mở rộng); hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước được tăng cường, đảm bảo thu hút và sử dụng hiệu quả khoảng 345.000-350.000 tỷ đồng vốn đầu tư xã hội; đồng thời các địa phương trong vùng có sự phát triển nhanh, hợp tác vùng đạt hiệu quả cao, dự kiến tăng trưởng GDP Thủ đô giai đoạn 2006-2010 đạt khoảng 12-13%/năm. Phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

STT	GDP	Tốc độ bình quân năm (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2006 (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2010 (%)
	GDP Thành phố	12-13	100	100
1	GDP Dịch vụ	11,5-12,0	57,5	55,7-55,9
2	GDP Công nghiệp	13,8-14,2	40,5	42,9-43,1
3	GDP Nông lâm thủy sản	2,9-3,1	2,0	1,2-1,3

2. Phương án tiên tiến:

Trong điều kiện môi trường thế giới không có biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, không xảy ra dịch bệnh, thiên tai lớn; Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định, chuẩn bị tốt các điều kiện và gia nhập WTO trong năm 2006; cải cách hành chính và đổi mới, sắp xếp DNNN được đẩy mạnh; các lĩnh vực xã hội hóa được mở rộng; môi trường đầu tư có tiến bộ; hệ thống cơ chế, chính sách khá đồng bộ, minh bạch; Thành phố có một số biện pháp tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài có chuyển biến và tổng đầu tư xã hội đạt khoảng 310.000-315.000 tỷ đồng, dự kiến tăng trưởng GDP Thủ đô giai đoạn 2006-2010 đạt 11-12%/năm. Phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

STT	GDP	Tốc độ bình quân năm (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2006 (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2010 (%)
	GDP Thành phố	11-12	100	100
1	GDP Dịch vụ	10,5-11,0	57,5	56-56,2
2	GDP Công nghiệp	12,8-13,2	40,5	42,4-42,6
3	GDP Nông lâm thủy sản	2,3-2,5	2,0	1,3-1,4

3. Phương án thấp:

Trong điều kiện có nhiều yếu tố không thuận lợi (bất ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội khu vực và thế giới, hoặc xảy ra dịch bệnh, thiên tai, xung đột khu vực); Việt Nam chậm gia nhập WTO do có những thế lực thù địch ngăn cản, chống phá; cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển chậm ban hành; thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế gặp khó khăn, đầu tư nước ngoài không đạt mục tiêu, huy động vốn đầu tư xã hội đạt dưới 300.000 tỷ đồng, dự kiến tăng trưởng GDP Thủ đô giai đoạn 2006-2010 đạt 10-11%/năm. Phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

STT	GDP	Tốc độ bình quân năm (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2006 (%)	Cơ cấu kinh tế năm 2010 (%)
	GDP Thành phố	10-11	100	100
1	GDP dịch vụ	9,7-10,2	57,5	56,4-56,6
2	GDP công nghiệp	11,5-12	40,5	41,9-42,1
3	GDP nông - lâm - thủy sản	2,0-2,2	2,0	1,4-1,5

Với những dự báo về bối cảnh trong nước và quốc tế, căn cứ điều kiện hiện tại; cân đối giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế với đầu tư phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội; tham khảo ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia kinh tế cả ở trung ương và địa phương, Thành phố lựa chọn phương án tiên tiến. Dự báo một số chỉ tiêu phát triển và chuyển dịch kinh tế Thủ đô giai đoạn 2006-2010 như sau:

Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 11-12%/năm. Vị trí, vai trò của kinh tế Thủ đô trong tổng thể nền kinh tế cả

nước ngày càng nâng lên. Dự báo đến năm 2010, kinh tế Thủ đô chiếm khoảng 11-12% trong cơ cấu GDP cả nước.

Cơ cấu kinh tế chuyển mạnh sang dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Chất lượng, hiệu quả kinh tế trong từng ngành, lĩnh vực được quan tâm và có chuyển biến tích cực. Với mức tăng trưởng GDP: dịch vụ bình quân 10,5-11,0%/năm, công nghiệp 12,8-13,2%/năm, nông nghiệp 2,3-2,5%/năm, dự kiến cơ cấu kinh tế Thủ đô năm 2010 là Dịch vụ 56-56,2% - Công nghiệp 42,4-42,6% - Nông nghiệp 1,3-1,4%.

C. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006-2010

1. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1.1. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu kinh tế Hà Nội có đặc thù vừa là cơ cấu kinh tế của một đô thị vừa là cơ cấu kinh tế của Thủ đô mang đặc trưng riêng của Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến. Yêu cầu phát triển kinh tế của Hà Nội rất khác so với các thành phố, tỉnh thành trong cả nước. Đối với Thủ đô Hà Nội, kinh tế và văn hóa không thể tách rời, văn hóa phải hoà quyện với kinh tế để trở thành yếu tố, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trước khi là một trung tâm kinh tế, Hà Nội phải là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia; trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục và giao dịch quốc tế của cả nước.

Phát triển kinh tế Thủ đô với mục tiêu đưa Hà Nội *đi đầu cả nước trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; ưu tiên phát triển các ngành kinh tế dựa chủ yếu vào tri thức và công nghệ cao.* Tư tưởng chung trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô là: các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và nhân dân đóng vai trò chủ thể, thực hiện dưới tác động của các yếu tố (quy luật) thị trường định hướng XHCN; Nhà nước đảm nhiệm vai trò hướng dẫn, điều tiết thông qua các quy hoạch, định hướng, cơ chế, chính sách, thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo lập môi trường cho các thành phần kinh tế phát triển; giám sát và quản lý các hoạt động kinh tế theo pháp luật; không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Từ đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh và lợi thế so sánh, kinh tế Thủ đô giai đoạn 2006-2010 cần phát triển và chuyển dịch cơ cấu theo hướng: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* cũng nhằm phát huy vai trò đầu tàu, định hướng và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, tạo điều kiện phát triển nhanh công nghiệp ở các tỉnh lân cận và chính sự phát triển công nghiệp ở các tỉnh này lại có tác động ngược trở lại, tạo điều kiện và thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ và kinh tế Thủ đô nói chung. Định hướng phát triển này cũng thể hiện sự hợp tác và phân công

phối hợp phát triển trong vùng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương và xu thế vận động khách quan của phân công lao động.

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế: *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời gian tới Hà Nội cần tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tất cả các ngành (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), các khâu của quá trình sản xuất, dịch vụ; ưu tiên cho mục tiêu hiện đại hoá; quan tâm nâng cao chất lượng phát triển hơn là phát triển theo số lượng.

Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được đặc biệt quan tâm để nâng cao chất lượng phát triển, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của từng ngành và toàn bộ nền kinh tế.

1.2. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu nội ngành kinh tế

1.2.1. Ngành dịch vụ:

Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, ưu tiên phát triển mạnh các ngành dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao phù hợp tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô: tài chính, ngân hàng, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế, tư vấn, dịch vụ quan hệ quốc tế, du lịch, thương mại, vận tải kho bãi, viễn thông. *Tạo bước chuyển mạnh về xã hội hóa đối với các hoạt động dịch vụ đang do Nhà nước nắm giữ; tạo điều kiện bình đẳng cho các thành phần kinh tế tham gia vào các dịch vụ công ích, dịch vụ đô thị.* Hoạt động dịch vụ ở Hà Nội không chỉ hướng vào phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của Thủ đô mà phải hướng phần lớn vào thị trường vùng, cả nước và thị trường thế giới. Phấn đấu giá trị gia tăng các ngành dịch vụ tăng bình quân khoảng 10,5-11,5%/năm; đến năm 2010 dịch vụ chiếm khoảng 56-56,5% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố.

Định hướng phát triển các lĩnh vực dịch vụ trọng điểm:

Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ *phát triển kinh tế tri thức và dịch vụ tạo cơ sở hạ tầng, điều kiện để phát triển các ngành kinh tế khác.* Thứ tự ưu tiên như sau: dịch vụ sản xuất (viễn thông - CNTT, khoa học - công nghệ, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm), dịch vụ phục vụ con người (Y tế, Giáo dục - đào tạo,...), dịch vụ khác (thương mại, du lịch, giao thông vận tải, vệ sinh môi trường...).

1.2.2. Ngành công nghiệp

Tiếp tục chủ trương phát triển công nghiệp có chọn lọc mà Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố Hà Nội đã đề ra. Tập trung phát triển nhanh hơn một số ngành, sản phẩm công nghiệp có tính chất dẫn đường, như: công nghệ tin học (cả phần mềm và phần cứng), công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo khuôn mẫu; các ngành và sản phẩm đòi hỏi công nghệ cao: công nghiệp điện tử, cơ khí chính xác, dụng cụ y tế, công nghiệp dược, hoá mỹ phẩm... Các ngành công nghiệp khác, Thành phố không khuyến khích phát triển (nhưng không hạn

chế), mà đề cơ chế thị trường tự điều tiết trên cơ sở tuân thủ các điều kiện về môi trường, xã hội. Phần đầu giá trị gia tăng công nghiệp tăng bình quân khoảng 12-12,5%/năm; đến năm 2010 công nghiệp chiếm khoảng 42 - 42,5% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố.

Quan tâm tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn, giữa công nghiệp TW và công nghiệp địa phương và với các địa phương khác để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghiệp Thủ đô. Hình thành sự phân công sản xuất, tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm, lựa chọn các công đoạn và các chi tiết sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường.

1.2.3. Ngành nông nghiệp

Quy hoạch ổn định vùng sản xuất nông nghiệp, xác định rõ vành đai xanh (gắn với phạm vi phát triển đô thị) để tập trung đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và hiện đại hoá sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích. Giai đoạn 2006-2010, phần đầu giá trị gia tăng nông - lâm - thủy sản tăng bình quân khoảng 1,5-2%/năm; đến năm 2010 nông nghiệp chiếm khoảng 1,5% trong cơ cấu GDP toàn Thành phố. Khắc phục cơ bản tình trạng giữ đất chờ giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển đô thị, dẫn đến sản xuất cầm chừng (không mạnh dạn đầu tư lớn) trong sản xuất nông nghiệp như hiện nay.

Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông - lâm - thủy sản theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản và giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Phần đầu đến năm 2010, nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi - thủy sản lên khoảng 52-55% trong cơ cấu GTSX nông - lâm - thủy sản (tăng bình quân 6-7%/năm); giảm tỷ trọng ngành trồng trọt xuống 45-48% (tăng 2-2,5%/năm).

Trên cơ sở quy hoạch ổn định, sản xuất nông nghiệp của Hà Nội phải kết hợp chặt chẽ và phục vụ tốt mục tiêu môi trường (vành đai xanh) và phát triển du lịch ở Thủ đô. Nông nghiệp không chỉ nhằm mục tiêu sản xuất các sản phẩm nông nghiệp mà phải quan tâm đến lợi ích tổng thể về môi trường và du lịch. Với ý nghĩa đó cần quy hoạch và xây dựng các vùng hoa, vùng cây ăn quả, vùng nuôi trồng thủy sản với quy mô hợp lý, giảm diện tích trồng cây lương thực. Hình thành một số trung tâm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi và bảo tồn các loại gen quý hiếm.

1.3. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần, vùng

1.3.1. Theo thành phần

Trong giai đoạn 2006-2010, dự báo xu hướng chung về phát triển các thành phần kinh tế Thủ đô là: hoạt động theo cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa cạnh tranh vừa hợp tác phát triển; quan hệ hợp tác, liên kết ngày càng linh hoạt hơn giữa các thành phần kinh tế, loại hình sở hữu

và phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh; chú trọng về chất lượng, hiệu quả và đa dạng hoá kinh doanh, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo hàng đầu; từng bước hình thành mô hình tập đoàn kinh tế đa sở hữu có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh cùng với hệ thống các doanh nghiệp vệ tinh (chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) hoạt động trong các ngành phụ trợ hoặc sản xuất sản phẩm theo từng công đoạn. Ranh giới phân biệt giữa các thành phần kinh tế không còn rõ nét, mà có sự hợp tác, đan xen, lồng ghép, không quá tách bạch: DNNN có thể tham gia góp vốn đầu tư, mua cổ phần của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và ngược lại; một dự án đầu tư được huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau (vốn doanh nghiệp, vốn ngân hàng, vốn nhân dân...).

Kinh tế nhà nước tiếp tục là lực lượng sản xuất quan trọng và là công cụ để Thành phố định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; tư liệu sản xuất và tài sản của Nhà nước được quản lý và sử dụng ngày càng hiệu quả. Cùng với việc xoá bỏ cơ chế bao cấp, số lượng các DNNN trên địa bàn sẽ giảm dần, nhưng hiệu quả và năng lực cạnh tranh tăng lên; tập trung trong một số lĩnh vực then chốt, những lĩnh vực mà tư nhân chưa có khả năng tham gia hoặc không muốn tham gia. Sự phân biệt giữa DNNN TW và DNNN địa phương dần được xoá bỏ, các DNNN trên địa bàn được chủ động hoạt động theo pháp luật.

Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh với nhiều loại hình đa dạng, quy mô phù hợp, tham gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, kể cả những lĩnh vực hiện nay còn do Nhà nước nắm giữ (vận tải hành khách công cộng, kinh doanh nhà ở, môi trường...). Các doanh nghiệp sẽ được thành lập và phá sản, giải thể, chia tách, sáp nhập theo yêu cầu phát triển; lĩnh vực hoạt động cũng không cố định (tham gia những lĩnh vực mang lại lợi nhuận). Đây sẽ là khu vực kinh tế năng động và hiệu quả, góp phần quan trọng giải quyết việc làm, thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế. Quan hệ liên doanh, liên kết giữa kinh tế ngoài quốc doanh và các loại hình kinh tế khác ngày càng mở rộng, đa dạng và hiệu quả hơn.

Kinh tế tập thể sẽ tiếp tục được đổi mới và phát triển. Các HTX tham gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau (giao thông vận tải, kinh doanh nhà ở, môi trường...) với quy mô, tổ chức và cơ chế vận hành ngày càng đa dạng; hình thành một số HTX, liên hiệp HTX tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ quy mô lớn, cơ sở vật chất hiện đại mang dáng dấp của một doanh nghiệp cổ phần. Quan hệ liên doanh, liên kết giữa HTX với các thành phần kinh tế khác sẽ ngày càng mở rộng và hiệu quả hơn. Ranh giới giữa các mô hình HTX và doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ ngày càng mờ dần.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển mạnh và có xu hướng chuyển thành doanh nghiệp cổ phần thông qua việc bán cổ phần cho người lao động hoặc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia đầu tư gián tiếp thông qua hình thức mua cổ phiếu của các doanh nghiệp trong nước. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

(hoặc liên doanh với các nhà đầu tư tư nhân trong nước) tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ hiện đại và ngày càng có vai trò quan trọng phát triển kinh tế Thủ đô.

1.3.2. Theo khu vực (vùng):

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng thường được nghiên cứu với phạm vi rộng (khu vực, vùng kinh tế lớn hoặc cả nước). Trong cơ cấu kinh tế của một địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng thường không có ý nghĩa thực tiễn nhiều. Trong những năm tới, Thủ đô sẽ tiếp tục đô thị hoá nhanh chóng, xuất hiện nhiều quận, huyện mới cùng với các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch ở ngoại thành. Như vậy, việc phân định các vùng phát triển ở Thủ đô sẽ rất khó khăn, khó chia ranh giới rõ nét giữa nội, ngoại thành. Định hướng chung cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo vùng như sau: *trong khu vực đô thị và khu dân cư, ưu tiên phát triển mạnh dịch vụ, nhất là các dịch vụ thương mại, dịch vụ xã hội, hạn chế phát triển công nghiệp; tại các vùng đất xấu, không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (khu vực nông thôn) được dành cho phát triển công nghiệp; các khu vực còn lại dành cho phát triển nông nghiệp (theo hướng đô thị, sinh thái) và du lịch.*

Định hướng và giải pháp hữu hiệu để giảm dần khoảng cách giữa các vùng, tích cực giải quyết việc làm, giảm nghèo và phát triển bền vững ở Thủ đô là cùng với việc duy trì, cải tạo (có mức độ) ở khu vực nội thành cũ, cần tập trung đầu tư mạnh ra ngoại thành (theo quy hoạch) để khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, nâng cao hiệu quả đầu tư và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành theo hướng CNH, HĐH; đồng thời, giảm sức ép cho nội thành, giải quyết những bức xúc về quá tải hạ tầng... Ưu tiên các nguồn lực đầu tư để chuẩn bị xây dựng và phát triển đô thị mới Bắc Sông Hồng quy mô khoảng 8.000-10.000 ha (trên địa bàn huyện Đông Anh và một phần huyện Sóc Sơn hiện nay). Trong 5 - 10 năm tới, việc ra đời khu đô thị hiện đại này cùng với các trung tâm hành chính, thương mại, khu du lịch của nó sẽ làm thay đổi cơ bản bộ mặt đô thị Thủ đô và góp phần quan trọng trong việc đưa cơ cấu kinh tế Thủ đô chuyển dịch sang Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp.

Quy hoạch mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Thủ đô theo hướng kéo dài các đường giao thông từ Hà Nội đi các tỉnh lân cận, tạo thành các trục phát triển, có sự liên kết giữa các vùng phụ cận với Hà Nội bằng các đường xương cá. Tập trung xây dựng hệ thống giao thông hiện đại (các đường vành đai I, II, III, IV, các cầu qua sông Hồng, đường cao tốc đi Ninh Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Việt Trì, Thái Nguyên, Hoà Lạc...). Ưu tiên các nguồn lực cả trung ương và địa phương phát triển các thành phố vệ tinh lân cận Hà Nội để giảm dần di dân cơ học vào Thủ đô. Đây là định hướng quan trọng tạo tiền đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành và các vùng lân cận Hà Nội theo hướng CNH, HĐH, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng.

D. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006-2010

1. Xây dựng chiến lược phát triển Thủ đô đến 2030 để làm cơ sở xây dựng đồng bộ các loại quy hoạch

Gắn quy hoạch phát triển Thủ đô với quy hoạch phát triển của vùng và cả nước; nâng cao chất lượng xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; xây dựng nhanh, đồng bộ các quy hoạch trực tiếp phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng CNH, HĐH với cơ cấu: Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp

2. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, mở rộng thị trường trong và ngoài nước

Nhà nước cần ban hành các cơ chế, chính sách cho phép và hướng dẫn hoạt động của tất cả các loại thị trường; có cơ chế hỗ trợ đối với những thị trường mới vận hành.

Quan tâm mở rộng thị trường thương mại & dịch vụ cả trong và ngoài nước. Đối với thị trường hàng hóa cần tập trung xây dựng hệ thống kênh phân phối hàng hoá hợp lý, hiệu quả, đa dạng, ổn định, vững chắc. Hà Nội cần tập trung phát huy tốt thế mạnh là đầu mối giao lưu hàng hoá, dịch vụ và đầu mối phát luồng hàng hoá (bán buôn và bán lẻ) lớn nhất khu vực phía Bắc. Xây dựng và phát triển hành lang Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để hình thành trục kinh tế - thương mại có vai trò động lực và dẫn dắt thị trường đối với khu vực phía Bắc và cả nước phát triển.

3. Tập trung xây dựng và tiếp tục hoàn thiện nhanh các cơ chế, chính sách phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đã định, phù hợp với các định chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong cơ chế thị trường định hướng XHCN, việc xác định chính xác và ban hành các cơ chế, chính sách tạo động lực cho các thành phần kinh tế là một trong những giải pháp cơ bản để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng. Các cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố phải chuyển mạnh sang xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn doanh nghiệp và giúp đỡ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, kiểm tra việc thực hiện luật pháp trên địa bàn Thành phố.

4. Tạo chuyển biến rõ nét về thu hút và sử dụng hiệu quả đầu tư trong và ngoài nước; điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô

- Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách:
- Cải thiện môi trường đầu tư, tạo chuyển biến rõ nét về thu hút đầu tư trong và ngoài nước;
- Đẩy mạnh huy động vốn đầu tư xã hội, mở rộng xã hội hóa đối với những lĩnh vực trước đây do ngân sách đầu tư. Thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ưu tiên đào tạo công nhân kỹ thuật cao

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh hơn nữa và thực sự đi đầu trong việc cải cách và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở Thủ đô nhằm phát triển nhanh hơn nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiếp tục xây dựng và triển khai cơ chế phát huy sức mạnh của đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trên địa bàn; sử dụng có hiệu quả tiềm năng chất xám hàng đầu cả nước vào phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô, thúc đẩy nhanh hơn tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

6. Đẩy mạnh các hoạt động khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tập trung hiện đại hoá trang thiết bị và công nghệ trong các ngành kinh tế, các doanh nghiệp ở Thủ đô

Tăng cường các hoạt động KH-CN hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh. Tập trung phát triển mạnh công nghệ thông tin và tự động hóa trong quản lý, sản xuất, trong sản phẩm công nghiệp và trong các lĩnh vực dịch vụ. Nhanh chóng xây dựng, phát triển thương mại điện tử; thực hiện hỗ trợ về hạ tầng viễn thông đối với các doanh nghiệp phần mềm vừa và nhỏ. Quan tâm các biện pháp đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bản quyền, chống sao chép bất hợp pháp để thúc đẩy phát triển công nghiệp phần mềm.

7. Chuyển mạnh đầu tư ra ven nội và ngoại thành; điều chỉnh cơ cấu dân cư để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các khu vực ngoại thành

Thực hiện nhất quán chủ trương chuyển mạnh đầu tư ra ven nội và ngoại thành. Xây dựng nhanh các cầu qua sông Hồng, khu đô thị Bắc sông Hồng; đẩy nhanh việc nghiên cứu chỉnh trị sông Hồng và khai thác quỹ đất hai bên sông. Ưu tiên đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng (giao thông, điện, nước, trường học, trung tâm thương mại, viễn thông, bệnh viện...) các khu đô thị ở ven nội và ngoại thành.

Đồng thời cần triển khai chuyên dân một số bệnh viện, một số trường đại học, cao đẳng và dạy nghề, xây dựng các khu ký túc xá cho sinh viên thuê ra ngoại thành để giảm mật độ dân cư sống ở nội thành hoặc vào nội thành. Đây là biện pháp khả thi nhất cho phép giảm nhanh số người sống ở nội thành mà không gắn với nhu cầu phải tạo việc làm mới; đồng thời là biện pháp hiệu quả đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho nhân dân ngoại thành (trên cơ sở phát triển các dịch vụ phục vụ người bệnh và sinh viên).

8. Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước; tiếp tục củng cố kinh tế tập thể; mở rộng quy mô, chất

lượng phát triển kinh tế dân doanh; phát triển nhanh hơn kinh tế đầu tư nước ngoài; đồng thời tăng cường mối liên kết, hợp tác sản xuất các doanh nghiệp giữa các thành phần kinh tế

Trong năm 2006, hoàn thành lộ trình đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các DNNN, trước hết là DNNN địa phương theo phương án đã được phê duyệt. Nghiên cứu tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các DNNN theo những yêu cầu và tiêu chí mới; đẩy mạnh cổ phần hoá DNNN theo hướng thu hẹp số DNNN giữ cổ phần chi phối, thực hiện bán cổ phần của tất cả các DNNN khi cổ phần hoá qua Trung tâm giao dịch chứng khoán; thí điểm và mở rộng hình thức bán doanh nghiệp đối với những DNNN không cần giữ cổ phần; tiếp tục thành lập một số tổng công ty mạnh...

Thực hiện nghiêm túc Luật Doanh nghiệp, Luật về đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện về mặt bằng, vay vốn... nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân và thu hút vốn đầu tư nước ngoài; đồng thời nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực này.

9. Thực hiện tích cực, đồng bộ các mặt cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư và phát triển kinh tế

Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các mặt: cải cách thể chế hành chính, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức và cải cách tài chính công nhằm tạo môi trường thông thoáng, tạo chuyên biến mạnh về thu hút hiệu quả mọi nguồn lực (nội lực và ngoại lực), tạo thuận lợi trong điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo định hướng đã được xác định.

Cải cách hành chính là công tác lâu dài, phải thực hiện đồng bộ, phải gắn tiến trình này với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Thành phố.

10. Chủ động, tăng cường phối hợp với Trung ương; đẩy mạnh hợp tác phát triển với các địa phương, trọng tâm là hợp tác kinh tế

Khẩn trương thực hiện chủ trương *sớm xoá bỏ cơ chế cơ quan nhà nước chủ quản đối với các doanh nghiệp, tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh*; tiến tới thực hiện các doanh nghiệp hoạt động theo Luật và được quản lý theo lãnh thổ, không phân biệt doanh nghiệp trung ương và doanh nghiệp địa phương, chỉ có doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn.

11. Các giải pháp khác

Chỉ đạo kiên quyết hiện đại hóa trong tất cả các ngành, lĩnh vực: công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp (nhất là hiện đại hóa sản xuất công nghiệp và một số ngành dịch vụ sản xuất) để nhanh chóng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

Xúc tiến đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp tập trung; giải quyết dứt điểm tồn tại đối với khu công nghiệp tập trung Đài Tư, khu công nghiệp Sài Đồng A. Triển khai nhanh hơn một số khu, cụm công nghiệp quy mô lớn bằng vốn trong nước (kết hợp vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn huy động...) để tạo mặt bằng và điều kiện thu hút đầu tư và di chuyển một số doanh nghiệp ra xa các khu dân cư. Hỗ trợ phát triển nhanh các ngành công nghiệp nguồn, công nghiệp hỗ trợ để tăng tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm sản xuất trong nước và thu hút đầu tư phát triển các ngành liên quan. Hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư các cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực như: công nghiệp phần mềm, điện tử (tivi, máy tính, truyền hình kỹ thuật số), chế tạo khuôn mẫu, động cơ điện, dây cáp điện, sản phẩm xe máy và phụ tùng xe máy, sản phẩm xe đạp và phụ tùng xe đạp, dệt may xuất khẩu,...

Hình thành một số vùng sản xuất rau an toàn gắn với bảo quản, tiêu thụ có quy mô lớn tại các huyện ngoại thành. Hỗ trợ đầu tư phát triển vùng hoa tập trung tại Từ Liêm, Đông Anh; chuyển một số khu vực ruộng trũng thành vùng nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích tập trung ruộng đất, tăng quy mô sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả của các trung tâm nông nghiệp công nghệ cao.

Quá trình đô thị hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ngoại thành diễn ra khá mạnh đang tạo ra những biến động lớn về kinh tế - xã hội. Cùng với những yếu tố tích cực, Thành phố cần hết sức quan tâm giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyển đổi cơ cấu lao động, thất nghiệp, thiếu việc làm, giải quyết mâu thuẫn xã hội (liên quan đến đất đai, bồi thường...) và các vấn đề bức xúc khác; trọng tâm là ổn định cuộc sống, tạo thu nhập chính đáng, lâu dài cho người dân.

II. XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HÀ NỘI

A. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ ĐẾN NĂM 2020

Theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2020, về định hướng chung, các khu vực thuộc Hà Nội hiện nay sẽ phát triển như sau:

1. Hướng phát triển về phía Nam sông Hồng:

Hoàn thiện đồng bộ theo dự án đã được phê duyệt và khớp nối các dự án.

Khu vực Nam Thăng Long và 5 phường quận Tây Hồ, đến năm 2020 diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3280 ha để tạo điều kiện liên kết với Tỉnh Hà Tây. Các dự án trong khu vực gồm có: khu công nghiệp Nam Thăng Long; Ciputra - Tây Hồ Tây; các khu xây dựng tập trung; khu trung tâm mới Xuân La.

Khu vực quận Cầu Giấy và khu phát triển mới tới sông Nhuệ, đến năm 2020 nhu cầu xây dựng đô thị khoảng 2586 ha. Các dự án trong khu vực gồm có: công viên Mễ Trì; Trung tâm thể dục thể thao Mỹ Đình; khu đô thị mới Trung Yên, Yên Hòa và Saparof.

Khu vực quận Thanh Xuân và khu phát triển mới, đến năm 2020 diện tích đất đô thị khoảng 1663 ha. Các dự án trong khu vực là: khu công nghiệp Pháp Vân - Cầu Bươu; Trung tâm dịch vụ Linh Đàm.

Khu vực phía Nam đường Minh Khai, nhu cầu xây dựng đất đô thị khoảng 1.990 ha. Các dự án trong khu vực là: khu công nghiệp Minh Khai - Vĩnh Tuy - Thanh Trì; công viên Yên Sở; khu dân cư Mai Động.

2. Hướng phát triển về phía Bắc sông Hồng:

Tạo điều kiện cho việc mở rộng phát triển và liên kết với các tỉnh Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Cụ thể các dự án:

Khu vực phía Bắc cầu Thăng Long: đến năm 2020 nhu cầu đất xây dựng đô thị khoảng 3850 ha. Đây sẽ là khu đô thị mới phát triển tổng hợp nhiều chức năng: khu công nghiệp tập trung - khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh - khu thể dục thể thao - khu dân cư, đặc biệt là Trung tâm giao dịch tài chính quốc tế Phương Trạch. Các dự án trong khu vực là: sân gôn Deaha, khu công nghiệp Sumitomo, khu đô thị mới NorthBridge.

Chỉ tiêu nhà ở bình quân đợt đầu 12 m²/người, dài hạn 18 - 20 m²/người.

Trong khu phát triển mới, bảo tồn, nâng cấp các làng xóm hiện có. Xây dựng mới theo hướng tiên tiến, đồng bộ, hoàn chỉnh và đậm đà bản sắc dân tộc. Chính trang 5 cửa ô tạo bộ mặt đô thị mới.

3. Trong khu nội thành

Gìn giữ di sản văn hoá, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và công trình kiến trúc có giá trị. Xây dựng lại một số trường học đã xuống cấp, các công trình phúc lợi công cộng. Hạn chế chiều cao các công trình xây dựng mới trong khu phố cũ, chỉ bố trí những công trình cao tầng ở vị trí thích hợp.

4. Phát triển công nghiệp

Các khu công nghiệp được khai thác theo 2 hướng để tạo khả năng phát triển kinh tế, liên kết với các khu vực lân cận. Cải tạo lại các khu công nghiệp hiện có, sắp xếp cho phù hợp với quy hoạch Thành phố đồng thời xây dựng mới 1 số khu công nghiệp tập trung như: Khu công nghiệp Sài Đồng A và B; Nam và Bắc Thăng Long; Đông Anh; Sóc Sơn đồng thời cải tạo các khu Đức Giang, Cầu Bươu, Pháp Vân, Cầu Diễn. Dự kiến đất dành cho công nghiệp năm 2020 là 3000 ha (năm 2005 là 1950 ha)

5. Hệ thống trung tâm công cộng

Bao gồm các trung tâm hiện có như: Trung tâm Chính trị Ba Đình, Trung tâm hành chính - chính trị của Thành phố tại khu vực Hồ Hoàn Kiếm. Phát triển các trung tâm mới như: Trung tâm thương mại - tài chính Tây Hồ, Tây Nam Thăng Long, Phương Trạch, Vân Trì, Gia Lâm, Tây Nam Cổ Loa và Xuân Trạch.

6. Hệ thống giao thông đường bộ

Hoàn thành tuyến đường vành đai 3 từ ga Bắc Hồng qua cầu Thăng Long, qua Thanh Xuân, qua cầu Thanh Trì, qua sông Đuống tại Trạm bơm Bốt Vàng sang cầu Phù Đổng nối với Yên Viên lên đường 18 (dự kiến). Trong tương lai khi đường vành đai 3 trở thành đường đô thị sẽ phải mở thêm đường vành đai 4 qua cầu Thượng Cát theo đường 70, qua ga Việt Hưng và nhập vào đường vành đai 3.

Xây dựng trục Bắc sông Hồng, ngã ba cầu Chui - cầu Đông Trù - Cổ Loa - Bắc Thăng Long. Ngoài 3 cầu hiện có là: Chương Dương, Thăng Long và Long Biên, để giao lưu giữa đô thị 2 bên bờ sông Hồng, lần lượt xây dựng thêm 5 cầu mới: cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, cầu Nhật Tân, cầu Tứ Liên, cầu Thượng Cát.

7. Giao thông đường sắt quốc gia

Hiện tại tuyến đường sắt phía tây đã hoàn thành từ ga Bắc Hồng qua cầu Thăng Long, qua ga Phú Diễn xuống Văn La về ga Việt Hưng. Đoạn đường sắt qua Thành phố chuyển thành đường sắt đô thị. Tiếp tục xây dựng tuyến đường sắt phía đông qua cầu Thanh Trì đi thẳng qua sông Đuống vào vị trí trạm bơm Bốt Vàng tới ga Yên Viên lên ga Đông Anh mới tránh cắt qua khu di tích Cổ Loa.

Hệ thống giao thông đường sắt đô thị:

Tới năm 2020 Hà Nội sẽ là thành phố có trên 5 triệu dân, theo kinh nghiệm của các nước đã phát triển trên thế giới, những thành phố có trên 1 triệu dân cần phát triển hệ thống vận tải hành khách có năng lực vận tải lớn như đường sắt đô thị do đó quy hoạch điều chỉnh đã xác định, cần phải: "*xây dựng hệ thống đường sắt đô thị với loại hình linh hoạt (ngầm và nổi) cho Hà Nội*"; trước mắt 5 năm tới, phân đấu xây dựng đoạn đường sắt thí điểm từ Nhỏ đến ga Hà Nội.

8. Giao thông thủy

Khai thác hợp lý giao thông thủy gồm vận tải hàng hóa, vận tải hành khách nhất là phục vụ du lịch.

9. Giao thông hàng không:

Khai thác có hiệu quả sân bay Nội Bài đồng thời với việc phát triển nhà ga T2, mở rộng qui mô 2 đường băng song song để đảm bảo khả năng phục vụ 50 triệu hành khách/năm. Tổ chức lại sân bay để nâng thị phần hàng không cho sân bay Nội Bài.

B. XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Căn cứ vào các định hướng chung, lâu dài, từ nay đến 2010, Thành phố tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trên lĩnh vực xây dựng, quản lý, phát triển đô thị:

- Hoàn chỉnh đồng bộ quy hoạch phát triển Thủ đô
- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quản lý đô thị
- Quản lý và điều chỉnh phân bố dân cư trên địa bàn

III. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ; XÂY DỰNG NGƯỜI HÀ NỘI THANH LỊCH, VĂN MINH

A. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ

Sau khi trình bày những thuận lợi và thách thức đối với sự nghiệp phát triển văn hoá Thủ đô Hà Nội; vai trò và xu hướng phát triển toàn diện văn hoá Thủ đô Hà Nội đến năm 2010; đề tài đã đề xuất quan điểm phát triển văn hoá - thông tin giai đoạn 2006-2010:

Phát triển văn hoá gắn liền với phát triển kinh tế và xây dựng thể chế chính trị; làm cho văn hoá thấm sâu vào đời sống mỗi người, mỗi gia đình, mỗi đơn vị và cộng đồng; tạo nên sức mạnh và độ bền vững của quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Chú trọng bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc song song với sáng tạo những giá trị văn hoá mới; phát triển, bổ sung cho phong phú hơn những giá trị văn hoá, văn hiến ngàn năm.

Huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển văn hoá, kết hợp sự đầu tư, hỗ trợ của Thành phố với mở rộng xã hội hoá các hoạt động, dịch vụ văn hoá.

Đề cao vai trò chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của nhân dân; phát huy tài năng sáng tạo của giới văn nghệ sỹ, báo chí; nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, quản lý của các tổ chức đảng, chính quyền và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Quy hoạch và phát triển mạng lưới văn hoá - thông tin cơ sở, tiêu biểu là hệ thống thư viện, bảo tàng, các công trình văn hoá, công viên vui chơi giải trí, các tượng đài...

Hoàn thiện tổ chức quản lý ngành văn hoá - thông tin Thủ đô; sắp xếp lại các đơn vị hoạt động văn hoá nghệ thuật trên địa bàn Thủ đô cho phù hợp với quá trình phát triển kinh tế thị trường. Thực hiện các chương trình mục tiêu của Bộ Văn hoá - Thông tin trong giai đoạn 2006 - 2010.

- Bảo tồn, phát huy, khai thác hợp lý và có hiệu quả các di sản văn hoá tiêu biểu cả nước và Thủ đô; phục hồi, tổ chức tốt các lễ hội truyền thống, khắc phục những mặt tiêu cực và các hoạt động mê tín dị đoan. Xây dựng và triển khai các chiến lược và dự án bảo tồn, phát huy di sản văn hoá ở Thủ đô Hà Nội.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy tài năng các văn nghệ sỹ tiêu biểu của Thủ đô; đầu tư chăm sóc các mầm non, tài năng nghệ thuật trẻ. Phát triển Quỹ văn hoá Hà Nội và Quỹ sáng tác của các hội văn học nghệ thuật.

- Xây dựng các công trình văn hoá mới, hiện đại, như cửa ô phía Nam, cung văn hoá Thăng Long, công viên văn hoá, vui chơi, giải trí hiện đại cho trẻ em (như công viên thế giới tuổi thơ). Nghiên cứu quy hoạch xây dựng ở mỗi quận, huyện có một quảng trường, công viên,...

- Đẩy mạnh xã hội hoá và tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá nghệ thuật trên địa bàn Thủ đô; quản lý thị trường văn hoá phẩm, thị trường băng nhạc, băng hình, internet và các dịch vụ văn hoá khác.

Đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội; chống sự suy thoái lối sống, đạo đức xã hội; chống sự xâm nhập các sản phẩm phản văn hoá đồi trụy và âm mưu diễn biến hoà bình về tư tưởng văn hoá ở Thủ đô.

- Hiện đại hoá cơ sở vật chất hệ thống thiết chế văn hoá, thông tin từ thành phố đến cơ sở; hệ thống phát thanh truyền hình, điện ảnh, báo chí, xuất bản của Thủ đô.

- Tiêu chuẩn hoá cán bộ quản lý văn hoá - thông tin. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ văn hoá - thông tin, đội ngũ phóng viên, biên tập viên; quan tâm xây dựng đội ngũ tổng biên tập, phóng viên, biên tập viên giỏi.

Đến 2010 xây dựng hệ thống mạng vi tính quản lý văn hoá - thông tin, đảm bảo cập nhật thường xuyên các số liệu về văn hoá - thông tin, giúp cho việc đánh giá tình hình, điều hành và ra quyết định về các hoạt động văn hoá - thông tin của Thủ đô được chính xác. Phấn đấu đến năm 2010, tất cả các quận huyện của Hà Nội đều được nối mạng internet và 100% cán bộ làm công tác tuyên truyền, triển lãm tại các quận, huyện đều sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh giao lưu và hợp tác về văn hoá - thông tin với Thủ đô các nước trong khu vực và trên thế giới; đẩy mạnh việc tuyên truyền, giới thiệu các thành tựu văn hoá nghệ thuật của Thủ đô với bạn bè quốc tế; chủ động tiếp nhận những tinh hoa văn hoá thế giới để phát triển văn hoá - thông tin Thủ đô.

B. XÂY DỰNG NGƯỜI HÀ NỘI THANH LỊCH, VĂN MINH

Quan điểm xây dựng người Hà Nội là xây dựng con người thanh lịch, văn minh, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và phong cách lao động sáng tạo của người Việt Nam; thực hiện sáng tạo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến 2010 và hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Mục tiêu của Thành phố đặt ra đến 2010 là xây dựng và bồi đắp cho người Hà Nội những phẩm chất cơ bản: yêu nước, trách nhiệm, tâm huyết với Thủ đô; trung thực, tự trọng, nghĩa tình; có lối sống và nếp sống thanh lịch, văn minh; có tri thức, năng động, sáng tạo, thích nghi với yêu cầu của cơ chế thị trường, tiêu biểu cho phong cách lao động mới; có thể chất tốt và luôn có ý thức vươn lên trong cuộc sống.

Tiếp tục cụ thể hoá các đặc trưng về người Hà Nội thanh lịch, văn minh trong hệ thống chính trị, trong mọi cơ quan, đơn vị, trong mỗi gia đình và mọi tầng lớp nhân dân. Xây dựng văn hoá ứng xử của người Hà Nội bắt đầu từ: "lời nói hay, việc làm tốt, phong cách đẹp". Tuyên truyền, khen thưởng những tấm gương "người tốt việc tốt"; đồng thời có chế tài để ngăn chặn, xử lý các hành vi thiếu văn hoá, không phù hợp với truyền thống thanh lịch của người Hà Nội. Khơi dậy phong trào xã hội sâu rộng, với sự quan tâm đặc biệt, tinh thần trách nhiệm cao của các bậc ông, bà, cha, mẹ, anh, chị và những người lớn tuổi nói chung đối với việc giáo dục, đào tạo, vun đắp tương lai cho thế hệ trẻ Thủ đô.

IV. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

A. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Đề KHCN thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, đóng vai trò động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, các cấp, các ngành phải ý thức sâu sắc quan điểm coi KHCN là quốc sách hàng đầu, từ đó ưu tiên đầu tư phát triển KHCN, đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, vận dụng sáng tạo Luật khoa học công nghệ và Pháp lệnh Thủ đô.

1. Mục tiêu phát triển

Đi đầu trong nghiên cứu sáng tạo, đổi mới và phát triển KHCN và ứng dụng, phát triển CNTT, gắn với nội dung phát triển CNH-HĐH Thủ đô. Tập trung phát triển *công nghệ trọng điểm* như *công nghệ cơ khí, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hoá, công nghệ vật liệu mới*.

Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động KHCN, đưa nhanh tiến bộ KHCN vào sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm hội nhập kinh tế toàn cầu; tích cực phục vụ chuyển dịch kinh tế Thủ đô theo hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp*.

Đi đầu trong đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút, phát huy tài năng các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước, phấn đấu xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đào tạo, dạy nghề hiện đại, có uy tín của đất nước và khu vực.

*** Từ mục tiêu trên, đề tài đã phân tích các nội dung và giải pháp chủ yếu phát triển KH&CN đến 2010**

B. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2006-2010

1. Quan điểm phát triển

Xây dựng và phát triển nền giáo dục đào tạo Thủ đô theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì Thủ đô và vì cả nước trên nền tảng những tinh hoa giá trị văn hoá của dân tộc ta, của nhân loại và những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại của thế giới, để chủ động hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức.

Xây dựng và phát triển giáo dục đào tạo Thủ đô gắn liền với phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, CNH-HĐH Thủ đô và đất nước, đi đầu trong đào tạo nhân tài và chăm lo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển nền giáo dục đào tạo Thủ đô nhằm tạo điều kiện cho mọi người được học tập và học tập suốt đời, xây dựng Thủ đô thành xã hội học tập.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ

Cùng với cả nước, nền giáo dục đào tạo của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2006-2010, một mặt phải đáp ứng nhu cầu học tập của mọi tầng lớp dân cư để phát triển và hoàn thiện nhân cách, nâng cao chất lượng cuộc sống; mặt khác phải đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô và đất nước.

Để thực hiện tốt sứ mệnh đó, mục tiêu chung của GDĐT nước ta và Thủ đô Hà Nội là xây dựng một nền giáo dục có quy mô phù hợp, chất lượng và hiệu quả cao, *đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực, dân trí và nhân tài*, phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước và nhu cầu học tập của nhân dân, phát huy cao độ nội lực, sử dụng có hiệu quả sự hợp tác quốc tế để phát triển; hình thành một nền giáo dục của Thủ đô có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Nhiệm vụ của giáo dục đào tạo của Thủ đô thời kỳ 2000-2010 đã được xác định trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010 là "*Ưu tiên đầu tư phát triển GDĐT; chăm lo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao*. Phát triển các loại hình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ khoa học, công nghệ, các nhà quản lý kinh doanh, quản lý xã hội, công nhân kỹ thuật. Triển khai có kết quả chiến lược đào tạo nghề phục vụ CNH-HĐH và xuất khẩu lao động; từng bước sắp xếp, chấn chỉnh hệ thống các trường học trên địa bàn; cơ cấu lại một cách hợp lý lực lượng lao động có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, thợ lành nghề. *Hà Nội phải đi đầu trong đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước; phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo có uy tín ở khu vực*".

Đề tài đã phân tích các mục tiêu cụ thể và nội dung phát triển GD&ĐT Hà Nội đến 2010 cho từng cấp học: giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, xây dựng hệ thống trung học kỹ thuật nghiệp vụ và dạy nghề, hệ thống đại học, hệ thống giáo dục không chính quy. Đồng thời, đề xuất các biện pháp phát triển GD&ĐT Thủ đô nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

V. GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ

A. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ - GIA ĐÌNH VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM

1. Mục tiêu

Hà Nội kiên trì ổn định dân số để phát triển bền vững. Thực hiện gia

đình 1-2 con, khỏe mạnh, ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc là mục tiêu phấn đấu của mọi gia đình người Hà Nội.

Mọi trẻ em ở Thủ đô đều được chăm sóc, được bảo vệ, được vui chơi giải trí, được học tập để phát triển.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Về dân số và nâng cao chất lượng dân số

Đẩy mạnh quản lý, vận động, giáo dục kiên trì không để tái diễn tình trạng cán bộ, đảng viên, nhân dân sinh con thứ 3, thực hiện tốt chiến lược dân số-kế hoạch hoá gia đình. Tuyên truyền sức khoẻ sinh sản; quy định tiêu chuẩn sức khoẻ và gien di truyền khi kết hôn và sinh con.

Chương trình hành động Vì trẻ em đến 2010:

Thực hiện Chương trình hành động Vì trẻ em Hà Nội 2006-2010. Đặc biệt chú trọng chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng cho trẻ em. Phấn đấu đạt mục tiêu về giáo dục, về văn hoá vui chơi lành mạnh cho trẻ em. Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt.

Về gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc:

Về bình đẳng giới: Tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm nam giới, bình đẳng nam nữ trong gia đình, trong hành vi tình dục và sinh sản. Giáo dục bình đẳng giới ở nhà trường, gia đình, xã hội; giáo dục trẻ em nam về bình đẳng, trách nhiệm trước khi bước vào lứa tuổi tình dục.

Về xã hội hoá công tác chăm sóc người cao tuổi: Nâng cao nhận thức xã hội về chính sách an sinh người cao tuổi. Nêu cao trách nhiệm gia đình và xã hội chăm sóc người cao tuổi; vận động người cao tuổi đóng góp kỹ năng, kiến thức cho xã hội.

Về sức khoẻ và tình dục: Phát triển các hệ thống chăm sóc sức khoẻ. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, đảm bảo sự bình đẳng xã hội. Có chính sách hỗ trợ bệnh nhân nghèo trong khám và chữa bệnh. Cung cấp tư vấn về tình dục có trách nhiệm. Ngăn chặn các bệnh lây lan qua đường tình dục: viêm nhiễm, HIV/AIDS.

B. PHÁT TRIỂN Y TẾ

1. Quan điểm phát triển

Con người là nguồn tài nguyên quý báu nhất quyết định sự phát triển của đất nước, sức khoẻ là vốn quý nhất của mỗi người. Đầu tư cho chăm sóc sức khoẻ, nâng cao chất lượng sức khoẻ mọi người dân Thủ đô là đầu tư cho sự phát triển bền vững

Xây dựng nền y tế Thủ đô theo định hướng xã hội chủ nghĩa: công bằng chăm sóc sức khoẻ cho mọi người, phù hợp với khả năng kinh tế của Nhà nước, xã hội; có chính sách khám chữa bệnh miễn phí và giảm phí đối với người có

công với nước, người nghèo; phân đầu thu hẹp khoảng cách chăm sóc sức khoẻ giữa nội thành và ngoại thành.

Dự phòng tích cực và chủ động phòng chống các tác nhân có hại cho sức khoẻ. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, kinh nghiệm, phương thức chữa trị truyền thống, đi nhanh vào hiện đại, phấn đấu đạt trình độ quốc tế.

Đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ của nhân dân; huy động các nguồn lực, động viên toàn xã hội tham gia công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức chăm sóc sức khoẻ, trong đó y tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhằm đáp ứng chăm sóc sức khoẻ ngày càng cao của nhân dân Thủ đô.

2. Mục tiêu

Thành phố phấn đấu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khoẻ, đặc biệt là sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.

Phát triển mạnh y học dự phòng, thực hiện tiêm chủng mở rộng cho 100% số trẻ trong độ tuổi; thanh toán xong bệnh phong, bệnh bại liệt và uốn ván cho trẻ em, ký sinh trùng; không chế, tiến tới thanh toán bệnh lao.

Xây dựng các cơ sở y tế chất lượng cao, áp dụng các phương pháp chữa bệnh hiện đại, phục vụ nhanh chóng, thuận tiện cho người dân.

Đến năm 2010 các bác sỹ ở y tế cơ sở có trình độ chuyên khoa 1 trở lên.

Tỷ lệ chết mẹ từ 13/100.000 trường hợp đẻ con ra sống năm 2005; giảm xuống còn 10/100.000 trường hợp vào năm 2010.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Đề tài đã đề xuất hệ thống 8 giải pháp: phát triển hệ thống dịch vụ y tế; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới khám chữa bệnh; Phát triển lĩnh vực dược và trang thiết bị y tế; phát triển y tế dự phòng, nâng cao sức khoẻ; phát triển nhân lực y tế; phát triển y tế ngoài công lập; tập trung đầu tư phát triển một số ngành mũi nhọn.

C. PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO

Quan điểm phát triển

Phát triển toàn diện sự nghiệp TDTT tương xứng với sự phát triển kinh tế-văn hoá-xã hội của Thủ đô, xứng đáng với vị thế là trung tâm TDTT hàng đầu của đất nước; phát triển TDTT Hà Nội là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và mọi người dân.

Phát triển đồng bộ thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao, thể thao mũi nhọn của Hà Nội; chú trọng tính khoa học và truyền thống dân tộc thượng võ của nhân dân Thủ đô, lấy thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên làm đối tượng của thể thao thành tích cao.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao, từng bước nâng cao thể thao chuyên nghiệp, thể thao mũi nhọn, kết hợp với xã hội hoá TDTT ở Thủ đô; tăng cường hội nhập đồng thời với đi tắt đón đầu trong TDTT và chú ý hỗ trợ các tỉnh thành bạn phát triển thể thao.

Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động TDTT ở Hà Nội, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để chăm lo các vấn đề luyện tập TDTT của nhân dân Thủ đô.

* Đề tài đã xây dựng các mục tiêu về phát triển các hoạt động thể thao quần chúng; tăng cường xã hội hoá thể dục thể thao; đẩy mạnh đào tạo tài năng thể thao thành tích cao; mở rộng giao lưu, thi đấu quốc tế TDTT. Đồng thời đưa ra hệ thống 6 giải pháp phát triển TDTT Hà Nội đến 2010.

D. PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

Quan điểm phát triển

Phát triển lao động, việc làm trên cơ sở giữ vững mục tiêu và định hướng XHCN; phát triển đồng bộ và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô; đảm bảo công bằng xã hội. Phát triển nền kinh tế đa thành phần để tạo việc làm cho người lao động.

Nâng cao chất lượng và khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, thu hút nhân tài; tăng nhanh nguồn nhân lực có chất lượng cao để phát triển việc làm của Thủ đô Hà Nội đến 2010 và giảm tối đa lao động giản đơn, kỹ năng thấp; thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch giữa nội thành, ngoại thành và giữa các tầng lớp dân cư.

Đẩy mạnh xã hội hoá, phát triển các trung tâm dịch vụ giải quyết việc làm, đào tạo nghề, đào tạo lại; xoá đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội; huy động nhân dân, các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nước tham gia giải quyết việc làm và công tác xã hội.

Mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế và khu vực trong lĩnh vực công tác xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; tìm kiếm thị trường nhằm mở rộng xuất khẩu lao động và chuyên gia; chuẩn hoá đội ngũ lao động có tay nghề, ngoại ngữ, sức khoẻ để tạo điều kiện cho lực lượng lao động trẻ đi làm việc ở nước ngoài.

* Đề tài đã xây dựng hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển lao động - việc làm ở Thủ đô đến 2010 về tạo việc làm cho người lao động; phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; mở rộng xuất khẩu lao động và chuyên gia; tăng cường hoạt động hỗ trợ tìm việc làm; quản lý Nhà nước về lao động, việc làm; khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ để tạo việc làm.

* Đồng thời đề ra hệ thống 5 nhóm giải pháp thực hiện gồm: phát triển kinh tế để tạo việc làm cho người lao động; chú trọng đào tạo và đào tạo lại, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động; sắp xếp lại,

nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ việc làm phù hợp với thị trường lao động Thành phố; tăng cường hợp tác quốc tế; phân bố hợp lý nguồn nhân lực giữa nội thành và ngoại thành; kiểm soát, quản lý lao động thất nghiệp.

E. ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Quan điểm

Phòng chống tệ nạn xã hội phải được tiến hành bằng các giải pháp đồng bộ, toàn diện về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, tâm lý, luật pháp, chính sách lao động, việc làm, xoá đói giảm nghèo, xoá mù chữ, nâng cao dân trí cho người lao động; kết hợp ngăn ngừa, điều trị, quản lý sau điều trị...

Phòng chống tệ nạn xã hội phải đi sâu từng đối tượng, từng địa bàn; huy động lực lượng của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, đề cao vai trò, trách nhiệm giáo dục, quản lý của gia đình.

Kết hợp hiệu quả giữa phòng ngừa và đấu tranh, giữa xây và chống, lấy phòng ngừa là cơ bản, đấu tranh là cần thiết.

* Đề tài đã đề xuất các mục tiêu, chỉ tiêu và 5 giải pháp phòng chống tệ nạn xã hội ở Thủ đô đến 2010.

VI. MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, HỢP TÁC PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO VỊ THẾ THỦ ĐÔ

A. MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

1. Định hướng phát triển

- Tiếp tục duy trì và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại của Thành phố trên cơ sở củng cố, nâng cao hiệu quả các mối quan hệ đối ngoại đã có

- Tập trung chỉ đạo xây dựng Hà Nội thành trung tâm giao lưu quốc tế ngày càng có uy tín trong khu vực và trên thế giới, nâng cao vị thế Thủ đô Hà Nội trên trường quốc tế

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

Hoàn thiện nội dung chiến lược đối ngoại của Thủ đô trong tình hình mới; chỉ đạo thực hiện lộ trình, kế hoạch chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là khâu quan trọng để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô. Thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa, kết hợp chặt chẽ các loại hình đối ngoại, thực hiện tốt phương châm: đối ngoại kinh tế là trọng tâm; đối ngoại Nhà nước đóng vai trò chủ đạo; tăng cường, mở rộng đối ngoại nhân dân.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đối ngoại; tổ chức tốt các hoạt động ngoại giao, hợp tác quốc tế của Thủ đô; mở rộng hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về Thủ

đô với bạn bè quốc tế. Thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ với đại sứ quán và thương vụ Việt Nam tại các nước. Đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại.

B. CHỦ ĐỘNG HỢP TÁC, PHỐI HỢP VỚI CÁC BỘ, BAN, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Phối hợp xây dựng và triển khai cơ chế đặc thù cho Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Pháp lệnh Thủ đô. Chủ động phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách, lập quy hoạch và triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn Thủ đô.

Tăng cường hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong cả nước, trọng tâm là hợp tác về kinh tế, trước hết là các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng theo tinh thần cùng có lợi, thiết thực, hiệu quả. Thực hiện tốt các dự án hỗ trợ, hợp tác theo thỏa thuận đã ký kết với các địa phương.

Chủ động phối hợp xây dựng và thực hiện quy hoạch vùng Thủ đô; đảm bảo tính đồng bộ trong quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

VII. TĂNG CƯỜNG AN NINH - QUỐC PHÒNG, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

A. VỀ AN NINH

Mục tiêu bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Mục tiêu cơ bản:

Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô trong mọi tình huống, tạo môi trường thuận lợi phục vụ thắng lợi sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ đô. Huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong đó công an nhân dân và quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt, xung kích.

Mục tiêu cụ thể:

Về an ninh chính trị: bảo vệ tốt vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung, trước hết và cụ thể là của Đảng bộ Thành phố Hà Nội; bảo vệ quan điểm, đường lối và tổ chức của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố; không để xảy ra các hoạt động khủng bố, phá hoại; không có tổ chức chính trị đối lập; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và của cả hệ thống chính trị xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc, kết hợp với thế trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn Thủ đô.

Về trật tự an toàn xã hội: không để xảy ra các vụ tham nhũng lớn, các vụ án kinh tế gây thiệt hại lớn về tài sản ở các cấp, các ngành thuộc phạm vi quản lý của thành phố; kiểm chế tội phạm và tệ nạn xã hội, không để hình thành tội phạm có tổ chức, băng nhóm tội phạm quốc tế đứng chân hoạt động trên địa

bàn; giảm các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông tiếp tục có tiến bộ mới, giảm ùn tắc giao thông ở diện rộng và kéo dài, giảm tai nạn và số người chết, bị thương vì tai nạn giao thông; giảm các vụ cháy lớn.

Đề tài đã đề xuất những giải pháp đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô Hà Nội đến năm 2010, bao gồm 7 nhóm giải pháp chung; 6 nhóm giải pháp cụ thể bảo đảm an ninh chính trị (Nắm tình hình, chủ động phòng ngừa không để nảy sinh phức tạp về an ninh chính trị; giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh chống địch phá hoại tư tưởng; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá, an ninh xã hội, an ninh thông tin; quản lý nhà nước về an ninh; phát hiện và đấu tranh với hoạt động của các cơ quan đặc biệt nước ngoài, các đối tượng phản động trong nước), 5 nhóm giải pháp cụ thể bảo đảm trật tự an toàn xã hội (tổ chức tốt công tác phòng ngừa; quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội; phát hiện, đấu tranh trấn áp, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật; bảo đảm TTĐT, TTATGT, PCCC và giải quyết các tệ nạn xã hội; tổ chức quản lý và các điều kiện bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội).

B. VỀ QUỐC PHÒNG

1 Mục tiêu

Xây dựng nền quốc phòng - an ninh của Thủ đô Hà Nội theo hướng toàn dân, toàn diện, đủ sức ngăn chặn, đẩy lùi mọi âm mưu, hành động chống đối, phá hoại của các thế lực thù địch trong mọi hoàn cảnh. Sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược do lực lượng vũ trang của địch từ bên ngoài vào dưới mọi quy mô, hình thức, bảo vệ vững chắc Thủ đô, góp phần quan trọng vào bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Quan điểm

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy giữ vững môi trường hoà bình ổn định để phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước làm lợi ích cao nhất của cộng đồng dân tộc.

- Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng cần được xây dựng trên cơ sở của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, sự quản lý điều hành thống nhất của chính quyền các cấp, các lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Phát huy nội lực, độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đồng thời tranh thủ tối đa, khai thác mọi thuận lợi từ các quan hệ đối ngoại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, thêm bạn bớt thù, không chủ động đối đầu với bất cứ đối tượng nào khi xét thấy không cần thiết.

- Quán triệt tinh thần cách mạng tiến công, chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu các nhân tố bất trắc, không để Thủ đô bị bất ngờ trước mọi tình huống.

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam XHCN. Lấy sức mạnh bên trong là nhân tố quyết định; nắm chắc nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt. Kết hợp chặt chẽ các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh với nhiệm vụ kinh tế - xã hội và đối ngoại.

3. Tư tưởng chỉ đạo

Xây dựng sức mạnh tổng hợp của Hà Nội với cả nước về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, an ninh, đối ngoại... Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị; dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, quản lý điều hành tập trung thống nhất của chính quyền các cấp; các lực lượng vũ trang Thủ đô làm nòng cốt. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh; không ngừng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân phù hợp với điều kiện của Thủ đô Hà Nội.

Đề tài đã phân tích 4 nhiệm vụ chung (xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần; xây dựng tiềm lực kinh tế; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ; xây dựng tiềm lực quân sự) và 4 nhiệm vụ cụ thể (làm tốt công tác giáo dục quốc phòng; xây dựng lực lượng tổng hợp rộng khắp và vững mạnh tương xứng với thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; tích cực, chủ động, đấu tranh quốc phòng để giữ ổn định chính trị, trật tự kỷ cương phép nước).

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên; đề tài đã đề xuất hệ thống gồm 4 nhóm giải pháp chủ yếu (*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố đối với việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; thực hiện các biện pháp hành chính để thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở các cấp của Thủ đô Hà Nội; tăng cường công tác kiểm tra theo phương án; sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của thành phố; ban hành và thực hiện tốt hệ thống chính sách đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới*).

VIII. NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH QUYỀN GẮN VỚI PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

A. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Tiếp tục tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị các cấp từ thành phố tới cơ sở, trọng tâm là: xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái thi đua xây dựng Thủ đô văn minh, thanh lịch, hiện đại, thiết thực kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc và hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội.

B. NHIỆM VỤ CƠ BẢN

1. Kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp

Đẩy mạnh cải cách hành chính:

Chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, tạo chuyển biến mới về chất công tác cải cách hành chính, trong đó tập trung 2 vấn đề: cải cách thể chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức⁴.

Chuẩn hoá, tối ưu hoá, công khai hoá các quy trình giải quyết thủ tục trong các cơ quan hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, cấp đăng ký kinh doanh, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, cấp chứng chỉ quy hoạch, giới thiệu địa điểm và cấp phép xây dựng... Cải tiến phương thức soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chuẩn hoá quy trình ra quyết định hành chính. Rà soát, đánh giá các văn bản đã ban hành để bổ sung, điều chỉnh hoặc thay thế.

Mở rộng việc phân cấp quản lý hành chính gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo thực hiện cơ chế “một cửa” một cách thực chất, thống nhất và đồng bộ đối với toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cơ quan hành chính từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai mọi thủ tục hành chính để nhân dân, các tổ chức, đơn vị biết và kiểm tra; triển khai công tác thanh tra công vụ. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức sai phạm. Đổi mới quản lý tài chính công đảm bảo thiết thực, công khai, minh bạch, hiệu quả.

Rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn của đội ngũ cán bộ, công chức làm cơ sở cho việc tuyển chọn, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng cán bộ công chức. Đổi mới quy trình tuyển dụng, quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm công chức theo hướng khuyến khích công chức mẫn cán, có phẩm chất đạo đức, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện kỹ năng thực thi công vụ. Phân định rõ công chức hành chính với viên chức sự nghiệp. Tập trung xây dựng đội ngũ công chức theo hướng chuyên nghiệp, chính quy, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp.

Củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp:

Đẩy mạnh việc sắp xếp tổ chức, thu gọn đầu mối bộ máy hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Rà soát, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị hành chính các cấp. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn. Hiện đại hoá bộ máy hành chính, đổi mới công nghệ quản lý, tin học hoá quản lý nhà nước, đến năm 2007 đủ điều kiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng thông tin điện tử.

⁴ Nội dung cải cách hành chính gồm 4 vấn đề: thể chế, bộ máy, đội ngũ cán bộ và tài chính công.

Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp thực sự của dân, do dân, vì dân và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức: trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND trong việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Kiện toàn tổ chức, bộ máy HĐND theo hướng tăng chất lượng, số lượng đại biểu chuyên trách; đảm bảo các điều kiện cần thiết để HĐND thực hiện đầy đủ, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Xây dựng HĐND theo phương châm “Đổi mới - Dân chủ - Trách nhiệm - Hiệu quả - Vì dân”.

Phát huy dân chủ, phối hợp chặt chẽ hoạt động của HĐND với UBND, MTTQ, đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội và các đoàn thể, hiệp hội nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh - quốc phòng ở Thủ đô.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; đổi mới tổ chức, hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân:

Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân gắn với phát huy dân chủ của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng ở tất cả các cấp, các ngành. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia trực tiếp nhiều hơn trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, phản biện và giám sát xã hội thông qua MTTQ và các đoàn thể nhân dân.

Đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân theo hướng “tinh gọn, đa dạng, thiết thực, gần dân”, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức. Từng bước chuẩn hoá cán bộ đoàn thể các cấp, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, xây dựng lực lượng nòng cốt. Mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng theo nghề nghiệp, theo nhu cầu đời sống và sinh hoạt văn hoá vào các hoạt động xã hội thiết thực do đoàn thể chính trị làm nòng cốt, chú trọng tới các huyện ngoại thành, vùng đồng bào có đạo, các loại hình doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ở thôn, xóm, tổ dân phố. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở Thủ đô.

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Một là, tiếp tục tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ thành phố tới cơ sở:

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là: cải cách thủ tục hành chính; cải cách thể chế hành chính; cải cách tổ chức bộ máy và cán bộ.

Ba là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân.

Cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp phải thật sự coi trọng công tác vận động quần chúng và lãnh đạo các đoàn thể nhân dân; phân công Thường vụ hoặc cấp uỷ viên phụ trách công tác đoàn thể nhân dân, nêu cao trách nhiệm của các cấp uỷ và chính quyền đối với công tác quần chúng; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể để phát huy chức năng của đoàn thể tham gia quản lý xã hội.

IX. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ

A. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Thứ nhất, phải nhận thức sâu sắc công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt liên quan đến vận mệnh của sự nghiệp đổi mới, đến chế độ, đến sự thành bại của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Công tác xây dựng Đảng của Hà Nội phải đặt trong mối quan hệ với phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng, phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Thứ hai, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ thành phố quyết định việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô. Trước hết, công tác xây dựng Đảng phải phòng ngừa nguy cơ lệch hướng chính trị trong lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng, dân chủ, văn minh, tiên bộ xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đẩy mạnh phát triển kinh tế phải kết hợp với việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Thứ ba, công tác xây dựng Đảng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; chống bệnh cơ hội, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thoái hoá, biến chất trong cán bộ, đảng viên. Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng; xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền và đoàn thể các cấp; xây dựng tổ chức bộ máy Đảng; xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức; xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đủ năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

Thứ tư, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Thành phố chú trọng đổi mới về nhận thức, phương pháp tư duy, phương pháp lãnh đạo và tác phong công tác, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Thủ đô XHCN ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các biện pháp để tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

Thường xuyên chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân; cổ vũ tinh thần hăng hái lao động sản xuất, công tác và học tập, cống hiến cho sự phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội thực dụng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng kịp thời các chương trình, đề án thực hiện các nghị quyết của Đảng. Tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân về đường lối đổi mới, về chủ trương, chính sách, về ý chí và quyết tâm thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN. Chủ động nắm bắt, xử lý, định hướng dư luận xã hội; nhạy bén đấu tranh với những quan điểm sai trái và âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp tục quán triệt sâu rộng và đưa việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn công tác của từng ngành, địa phương và cơ sở, đặc biệt là trong sinh hoạt đảng và tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền, báo chí xuất bản, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân Thủ đô.

Chăm lo xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, trang bị cơ sở vật chất cho công tác tư tưởng, tuyên giáo từ thành phố tới cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư tưởng văn hoá ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường công tác kiểm tra của Đảng:

Chỉ đạo kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hiện tiết kiệm một cách quyết liệt và có hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4, khoá IX.

Kiện toàn mô hình, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo TW 6 (2) của Thành uỷ, phân công rõ trách nhiệm, có lộ trình và tiến độ thực hiện cụ thể, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, ngăn chặn hiệu quả nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Đưa việc tự phê bình và phê bình thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ trong sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt đảng để kịp thời phát huy ưu điểm, ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng, việc làm lệch lạc, sai trái, giải quyết những vấn đề vướng mắc trong nội bộ. Tự phê bình và phê bình phải tiến hành nghiêm túc, có hiệu quả, không qua loa, chiếu lệ, hình thức. Chú trọng vận động quần chúng nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Tăng cường công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thi hành Điều lệ Đảng, kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chương trình và đề án công tác lớn của Thành uỷ; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra thi hành kỷ luật đảng. Chỉ đạo tập trung xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc nổi cộm, bức xúc, phức tạp kéo dài. Công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên phải có trọng tâm, trọng điểm và phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của chính quyền, thanh tra nhân dân để có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn, nhất là đối với những vụ việc cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp vi phạm pháp luật.

Củng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ trình độ, năng lực, công tâm, trong sạch.

3. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ và tiếp tục đổi mới công tác cán bộ:

Cấp uỷ thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Các quyết định về cán bộ phải do tập thể cấp uỷ có thẩm quyền quyết định theo đa số.

Nắm vững và thực hiện tốt các nguyên tắc và quy trình về công tác cán bộ như: chăm lo tạo nguồn cán bộ; thực hiện đúng quy chế tuyển chọn cán bộ; tiêu chuẩn hoá chức danh cán bộ, công chức; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cán bộ; đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ; thực hiện điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ..v..v., trọng tâm là:

Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài; làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ cho cả trước mắt và lâu dài; thực hiện có nền nếp, đúng quy trình công tác đánh giá và sử dụng cán bộ; đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý trên cơ sở kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển;

Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch. Khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín, cản trở việc thực hiện luân chuyển cán bộ;

Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tăng cường công tác quản lý cán bộ; phát hiện và ngăn chặn kịp thời âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ;

Thực hiện tốt chính sách cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lão thành cách mạng, người có công, cán bộ hưu trí, cựu chiến binh; từng bước cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bổ sung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, nhất là đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm. Coi

trọng những yếu tố cần thiết của người lãnh đạo, quản lý trong giai đoạn hiện nay là: Kiên định mục tiêu xây dựng đất nước, tôn trọng nhân dân, quần chúng; biết phát huy dân chủ; quyết đoán, lạc quan, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không sợ khó khăn, gian khổ.

Đổi mới, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, bố trí những cán bộ có đủ năng lực, trình độ, công tâm, gương mẫu để tham mưu đề xuất về công tác cán bộ. Cơ quan tổ chức phải chấp hành nghiêm quy chế, quy trình tham mưu cho cấp uỷ về công tác cán bộ.

4. Tăng cường xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức đảng các cấp; nâng cao chất lượng đảng viên.

Cấp uỷ các cấp cần tập trung chỉ đạo củng cố các tổ chức đảng, đặc biệt các đảng bộ cơ sở và chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những cơ sở có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ, phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu; giữ gìn mối liên hệ mật thiết với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Nêu gương sáng của đảng viên và gia đình đảng viên trước nhân dân.

Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, phương pháp đánh giá phải bảo đảm quy trình chặt chẽ, khách quan, công tâm, phản ánh đúng thực chất; khắc phục tình trạng nề nang, dễ dãi, xuôi chiều, chạy theo thành tích. Phần đầu, hàng năm có trên 75% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; trên 70% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kiến toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan chính quyền và các đoàn thể chính trị- xã hội của Thành phố.

Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động các ban tham mưu của Thành uỷ, cơ quan Đảng, đoàn thể ở các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII).

Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên, trọng tâm là: Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng cho đảng viên những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, về giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thoái hoá biến chất và các biểu hiện tiêu cực khác. Các cấp uỷ và chi bộ tăng cường công tác quản lý, giáo dục rèn luyện và phân công công tác cho đảng viên; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình gắn với đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên; kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đặc biệt là ở các cơ sở xã, phường, thị trấn và nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Phân đấu bình quân mỗi năm kết nạp được 6.000-6.500 đảng viên.

5. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể:

Công tác dân vận trong thời kỳ mới chú trọng mục tiêu: cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ, thực hiện công bằng xã hội. Cải tiến, nâng cao trình độ lãnh đạo công tác quần chúng, công tác tôn giáo; chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân vận các cấp; có chính sách hợp lý, tạo điều kiện về cơ sở vật chất đối với hoạt động của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống dân vận, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ thành phố tới cơ sở theo tinh thần Hướng dẫn số 01 của liên Ban Tổ chức-Dân vận Trung ương, các nghị quyết và đề án của Thành uỷ, trọng tâm là: xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, thực hiện tốt qui chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; làm tốt chức năng “phản biện” của Mặt trận, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân.

6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị của Thành phố. Làm rõ cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp. Phát huy tính chủ động và chất lượng tham mưu của các ban đảng, trách nhiệm và vai trò của các cấp uỷ viên.

Thực hiện phong cách: nói đi đôi với làm; chỉ đạo quyết liệt, cụ thể, tăng cường kiểm tra, sâu sát cơ sở, sát dân, nắm chắc thực tiễn, tiếp thu cái mới; quyết đoán, dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp chung.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng từ thành phố đến cơ sở, kiên quyết chống bệnh quan liêu giầy tờ, giảm bớt hội họp, thực hành tiết kiệm, chống phô trương hình thức, lãng phí.

Đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, chỉ đạo của Đảng bộ Thành phố; thí điểm tổ chức hội nghị, trao đổi nội dung chuyên đề công tác, tư vấn, góp ý, trưng cầu ý kiến nhân dân... qua mạng thông tin điện tử.

KẾT LUẬN

Công cuộc đổi mới đã tạo cho Thủ đô thế mới, lực mới, diện mạo mới. Những thành quả đạt được của Hà Nội đã góp phần tích cực vào thành tựu chung trong công cuộc đổi mới đất nước. Những năm tới là chặng đường đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội - chặng đường phấn đấu quyết liệt để thiết thực tiến tới kỷ niệm một cách xứng đáng nhất sự kiện thiêng liêng của cả dân tộc: Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Cán bộ, đảng viên, nhân dân Hà Nội có quyền tự hào chính đáng về những thành quả đổi mới của Thủ đô - thành quả đổi bằng sự lao động, sáng tạo, phấn đấu, hy sinh của hàng triệu đồng bào, chiến sĩ. Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới, từ những thành quả và cả thiếu sót, khuyết điểm, từ những bài học kinh nghiệm đúc kết trong thực tiễn phát triển, ... có cơ sở để hiểu sâu hơn về Hà Nội, yêu mến, tự hào hơn về Hà Nội và có trách nhiệm hơn với Hà Nội.

Chặng đường đã qua dù vẻ vang cũng mới chỉ là giai đoạn khởi đầu. Chặng đường sắp tới là giai đoạn đi vào phát triển toàn diện. Rất nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới, khó khăn, phức tạp đang đặt ra đòi hỏi cách nghĩ mới, cách làm mới, đặc biệt là, đòi hỏi quyết tâm mới, khí thế lao động, sáng tạo mới của toàn Đảng bộ, nhân dân Thủ đô trên cơ sở thống nhất một hướng đi, một mục tiêu và sự đồng thuận, sự vào cuộc để triển khai các công việc phải làm.

Đề tài này được hoàn thành với mong muốn đóng góp thiết thực vào đại cuộc vẻ vang đó./.